

Mục sư Trần Thái Sơn
msthaison@yahoo.com

CÙNG HỌC CÁC SÁCH LỊCH SỬ
(Quyển Hạ)

I Các Vua đến Ê-xơ-tê

Những Ngày Dịch Bệnh 2021

LỜI NÓI ĐẦU,

Cảm ơn Chúa tôi cùng Anh Chị Em vượt một hành trình dài 17 sách Cựu Ước, từ sách sáng thế ký đến sách Ê-xơ-tê.

Cảm ơn Anh Chị Em trong Ban Phát Thanh Tin Lành tại Virginia đã dành cho tôi cơ hội cùng học xuyên suốt Kinh thánh với mọi người yêu mến Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Nếu tính thời gian, mỗi tuần phát thanh một bài của một sách, thì chúng ta đã đi qua chặng thời gian hơn 170 tuần không ngơi nghỉ, chưa kể tạm dừng vì các kỳ Đại Lễ trong Hội thánh.

Chúa đã cho tôi thực hiện thành sách hai lần những bài học xuyên suốt Kinh thánh này: Lần thứ I với những bài học 5 Sách Đầu Kinh thánh, với tựa đề: CÙNG HỌC CÁC SÁCH NGŨ KINH; lần thứ II với tựa đề: CÙNG HỌC CÁC SÁCH LỊCH SỬ (quyển thượng) từ sách Giô-suê đến sách II Sa-mu-ên. Đây là lần thứ III tiếp tục với tựa đề: CÙNG HỌC CÁC SÁCH LỊCH SỬ (quyển hạ) từ sách I Các Vua đến sách Ê-xơ-tê.

Cảm ơn Chúa cho tôi trong tuổi già còn được Chúa dùng. Mong Anh Chị Em Cùng Học Lời Chúa.

Mục sư Trần Thái Sơn

Những Ngày Dịch Bệnh 2021

VIỆT NAM

I CÁC VUA

SÁCH I CÁC VUA 1

MỞ ĐẦU SÁCH I CÁC VUA.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng học sách I Các Vua. Trước khi cùng học, tôi có lời kêu gọi Quý vị nhờ ơn Chúa đọc một lần vài chương đầu của sách I Các Vua này, để nhận ra Kinh thánh không phải là kinh kệ để tụng niệm mà Kinh thánh chứa nhiều nét hấp dẫn dành cho người đọc.

Sách I Các Vua mở đầu với hình ảnh một vị vua già bảy mươi tuổi, vua Đa-vít lên ngôi lúc 30 tuổi, ngồi trên chiếc ngai vàng 40 năm, bây giờ sau bao nhiêu năm hoạn nạn trốn trong rừng núi tránh sự truy đuổi của vua Sau-lơ, có lúc đói quá phải vào đền thờ xin bánh ăn (I Sa-mu-ên 21:1-6); có lúc khát thèm giọt nước uống quê hương (I Sử 11:16-17). Rồi vua Đa-vít phải tranh chiến với các quốc gia thù nghịch (II Sa-mu-ên 8:1-18); phải trốn chạy vì cuộc đảo chánh của chính con trai mình là Áp-sa-lôm. Ấy là chưa kể những khổ tâm từ trong gia đình do các con giết nhau (II Sa-mu-ên 13). Giờ đây, Kinh thánh đã ghi lại tình hình sức khỏe của vua Đa-vít ở tuổi 70: “Vua Đa-vít đã già, tuổi cao; và mặc dầu người ta đắp áo cho người, cũng không thể ấm được”. Các chuyên gia sức khỏe của vua đã đề nghị tìm một người gái trẻ và lịch sự gốc Su-nem tên A-bi-sác để chăm sóc cho vua Đa-vít. Nếu tham khảo với I Các Vua 2:13-18, khi vua Đa-vít vừa băng hà, thì hoàng tử A-đô-ni-gia liền đến xin cưới nàng A-bi-sác. Tại sao? Câu hỏi đặt ra: có phải A-bi-sác được đưa vào bên cạnh vua Đa-vít để làm nội ứng cho phe của A-đô-ni-gia? Một âm mưu ngăn chặn và nghe ngóng tin tức từ vua Đa-vít đối với hoàng tử A-đô-ni-gia.

LỰC LƯỢNG CỦA HAI PHE.

Sách I Các Vua 1:5-10 ghi rõ sức mạnh của hai phe tranh chiếc ngai vàng.

Phe dự định cướp ngai vàng:

I Các Vua 1:5-7, phe này do chính hoàng tử A-đô-ni-gia đứng đầu. Nếu tính theo bảng phổ hệ gia tộc của vua Đa-vít được ghi trong sách I Sử ký 3:1-8, thì thứ tự các hoàng tử kế thừa ngai vị sau khi hoàng tử Áp-sa-lôm chết, đó là hoàng tử A-đô-ni-gia, người con trai thứ tư của vua Đa-vít (I Sử 3:2). Và đó là lý do trong lúc vua cha Đa-vít sắp qua đời, thì “A-đô-ni-gia, con trai Ha-ghít, tự tôn mà rằng: Ta sẽ làm vua. Người sắm xe và quân kị, cùng năm mươi người chạy trước mặt mình... Vả lại, A-đô-ni-gia rất đẹp, sanh ra kế sau Áp-sa-lôm. Người bàn tính với Giô-áp, con trai Xê-ru-gia và với thầy tế lễ A-bia-tha; hai người theo phe A-đô-ni-gia và giúp đỡ người”.

Như vậy, kể về luật lệ thì hoàng tử A-đô-ni-gia hợp pháp kế vị, có lẽ vì vậy, Tướng tổng binh Giô-áp và thầy tế lễ thượng phẩm A-bia-tha ủng hộ.

Phe không ủng hộ A-đô-ni-gia.

I Các Vua 1:8 và 12 cho biết cũng có một số người không ủng hộ A-đô-ni-gia kế vị, đó là thầy tế lễ Xa-đốc và Tướng Bê-na-gia, con trai của Giê-hô-gia-đa, tiên tri Na-than,

CUỘC BINH BIẾN.

Cuộc binh biến bắt đầu bằng một tập hợp với động tác giả là A-đô-ni-gia dâng tế lễ chiên, bò, và bò con mập bên hòn đá Xô-hê-lết, ở cạnh giếng Ê-Rô-ghên, A-đô-ni-gia mời đông người tham dự gồm các con trai của vua, và hết thảy những người Giu-đa phục sự vua.

Trước tình thế nguy cấp, “Bấy giờ, [tiên tri] Na-than nói với Bát-sê-ba, mẹ của Sa-lô-môn, mà rằng: Bà há chẳng hay rằng A-đô-ni-gia, con trai Ha-ghít, đã làm vua, mà Đa-vít, chúa ta, chẳng hay biết sao? Thế thì, bây giờ, hãy nghe; tôi sẽ cho bà một kế để bà cứu mạng sống mình và mạng sống của Sa-lô-môn. Hãy đi ra mắt vua Đa-vít, và tâu rằng: Ôi vua, chúa tôi! chúa há chẳng có thể cùng con đòi của chúa rằng: Con trai ngươi là Sa-lô-môn ắt sẽ trị vì kế ta, và nó sẽ ngồi trên ngôi ta, hay sao? Vậy, cứ sao A-đô-ni-gia trị vì? Trong lúc bà tâu với vua như vậy, thì chính tôi cũng sẽ đi vào sau, làm cho quả quyết các lời của bà.

“Vậy, Bát-sê-ba đi đến cùng vua, tại trong phòng. Vua đã già lắm có A-bi-sác, người Su-nem, hầu hạ người. Bát-sê-ba cúi mình xuống và lạy trước mặt vua. Vua hỏi rằng: Ngươi muốn chi? Bà tâu rằng: Chúa tôi ôi! chúa đã nhơn danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúa thề cùng con đòi của chúa rằng: Sa-lô-môn con trai ngươi sẽ trị vì kế ta, và nó sẽ ngồi trên ngôi ta. Ôi vua chúa tôi! nhưng bây giờ, A-đô-ni-gia làm vua, mà chúa chẳng biết chi đến. Người lại có giết bò đực, bò tơ mập, và chiên rất nhiều, cũng có mời hết thảy các vương tử với A-bia-tha, thầy tế lễ, và Giô-áp, quan tổng binh; nhưng người không mời Sa-lô-môn, kẻ tôi tớ vua. Ôi vua chúa tôi! cả Y-sơ-ra-ên đều xây mắt về vua, đợi vua cho họ biết ai là người kế vua phải ngồi trên ngai của vua, là chúa tôi. Chẳng vậy, khi vua chúa tôi an giấc với các tổ phụ, thì tôi và con trai tôi là Sa-lô-môn sẽ bị xử như kẻ có tội.

“Bà đương còn tâu với vua thì tiên tri Na-than đến. Người ta đến thưa cùng vua rằng: Này có tiên tri Na-than. Na-than ra mắt vua, sấp mình xuống trước mặt người mà lạy, và nói rằng: Ôi vua chúa tôi! có phải vua đã phán rằng: A-đô-ni-gia sẽ trị vì kế ta và ngồi trên ngai ta chẳng? Thật vậy, ngày nay, người đã đi xuống giết bò, bò tơ mập, và chiên rất nhiều, cùng mời các vương tử, quan tướng, và thầy tế lễ A-bia-tha; kìa, họ ăn uống tại trước mặt người, và la lên rằng: A-đô-ni-gia vạn tuế! Còn tôi là kẻ tôi tớ vua, thầy tế lễ Xa-đốc, Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa, và Sa-lô-môn, tôi tớ vua, thì người chẳng có mời. Việc này há phải bởi vua chúa tôi mà ra? Và lại vua không cho các tôi tớ vua biết ai là người kế vua, phải ngồi trên ngai của vua chúa tôi”.

Tôi muốn ngừng câu chuyện một chút, dù đang lúc tình thế cực kỳ căng thẳng, để nói đến Bát-sê-ba, người phụ nữ một lần làm cho vua Đa-vít chao đảo và ngã gục trong mê muội, đến nỗi quên hết mọi người, quên cả Đức Chúa Trời của vua, để chiếm cho bằng được người phụ nữ đã có chồng này, kể cả lập mưu giết chồng của Bát-sê-ba. Tôi muốn nói điều này để người học Kinh thánh nhận thấy tài của người viết Kinh thánh, không đơn điệu, không khô khan, mà người viết Kinh thánh dốc cả tinh thần vào ngòi bút của mình.

Để tả nét đẹp của Bát-sê-ba, Kinh thánh cho Bát-sê-ba xuất hiện vào những thời điểm như sau:

Sau khi cho những thiếu nữ với những tiêu chuẩn đẹp không thể chối bỏ được, như: địa vị công chúa, công chúa Mê-ráp, con gái đầu của vua Sau-lơ, một vị vua đẹp trai, cao lớn, chắc chắn công chúa Mê-ráp mang cái ‘gen’ đẹp của vua cha. Dù vậy, dường như Đa-vít không quan tâm trước lời hứa gả công chúa Mê-ráp cho Đa-vít (I Sa-mu-ên 18:17-18), và khi công chúa Mê-ráp được đem gả cho người khác, thì Đa-vít cũng không quan tâm.

Người thiếu nữ kế đó xuất hiện liên quan đến Đa-vít lại là công chúa út của vua Sau-lơ, công chúa Mi-can, Kinh thánh xác nhận nàng công chúa này yêu Đa-vít – mối tình đầu đời của nàng công chúa với

một thanh niên dạng hotboy như Đa-vít, mặt người hồng hồng, con mắt xinh lịch, và hình dung tốt đẹp (I Sa-mu-ên 16:12), lại có tài đàn hát, có sự dũng cảm một mình đối địch giết lực sĩ Gô-li-át người Phi-li-tin mà cả Sau-lơ với đạo quân Y-sơ-ra-ên nghe tiếng phải bỏ chạy. Đa-vít có quan tâm và nộ sinh lễ cưới Mi-canh chính thức, nhưng rồi Đa-vít cũng xem là chuyện bình thường, đến nỗi khi chạy trốn Sau-lơ, Mi-canh bị vua cha đem gả cho người khác, Đa-vít cũng không phản ứng gì (I Sa-mu-ên 25:44). Câu nói của Đa-vít với Mi-canh sau lễ rước Hòm giao ước cho thấy Đa-vít không yêu thương Mi-canh (II Sa-mu-ên 6:20-23).

Tiếp đến Kinh thánh cho Đa-vít gặp A-bi-ga-in, được giới thiệu là người phụ nữ thông minh tốt đẹp (I Sa-mu-ên 25:3). Vừa gặp A-bi-ga-in trên đường dự định trả thù Na-banh, Đa-vít đã nói với người phụ nữ khôn ngoan này: “VẬY, Đa-vít nhận lễ vật do nơi tay nàng đem đến cho người, và nói rằng: Hãy trở lên nhà người bình an. Hãy xem, ta đã nghe theo tiếng người, và tiếp người tử tế” – một lời tỏ tình khéo léo của Đa-vít. Sau đó, Na-banh đột ngột tử vong vì sợ hãi (25:27), lập tức Đa-vít sai người đến cầu hôn A-bi-ga-in và được đáp lại tức thì. Lần này, Kinh thánh đã cho thấy người phụ nữ chiếm được trái tim của Đa-vít là người vừa đẹp vừa thông minh, dù lúc bấy giờ Đa-vít chỉ là dạng ‘tướng cướp rừng xanh’.

Và đến II Sa-mu-ên 11, cả nước hòa bình ổn định, vua Đa-vít có thể nghỉ ngơi hưởng nhàn trong thủ đô Giê-ru-sa-lem của vua, thì “một buổi chiều kia, Đa-vít chỗi dậy khỏi giường mình, đi dạo chơi trên nóc đền vua, bèn thấy một người nữ đương tắm; người nữ ấy rất là lịch sự”. Người học Kinh thánh phải thấy tài văn chương của người viết sách Sa-mu-ên, đặc biệt trong cách tả người đẹp Bát-sê-ba qua từng bước lót đường để người đẹp này xuất hiện:

Khởi đầu với những người nữ của các thành Y-sơ-ra-ên được tuyển chọn đi ra đón Sau-lơ và Đa-vít với những điệu múa hát. Không thể nghi ngờ những cô gái ấy là những cô gái phải đẹp trên trung bình mới được chọn đón đoàn quân chiến thắng. Dù thế, người ta không thấy Đa-vít có phản ứng gì trước những người đẹp đó.

Kế đó, người ta thấy xuất hiện các nàng công chúa con của vua Sau-lơ. Theo tính ước lệ của văn chương thì công chúa luôn là người đẹp, nhất là các công chúa này là con của vị vua đẹp trai. Nhưng Đa-vít hầu như không quan tâm, dạng có cũng được mà không có cũng được.

Rồi một thiếu phụ đúng tiêu chuẩn hoa hậu ngày nay ngoài sắc đẹp còn phải có sự thông minh, nàng A-bi-ga-in, vợ của điền chủ Na-banh.

Bây giờ, người viết sách II Sa-mu-ên đoạn 11 đã cho người đẹp Bát-sê-ba xuất hiện trong bối cảnh chiều tà, ánh sáng mập mờ, người đẹp đang tắm nơi chắc chắn là một vườn hoa, sắc đẹp nửa kín nửa hở ngay tức thì làm mê đắm lòng vị vua Đa-vít, làm Đa-vít quên hết những người đẹp chung quanh, Đa-vít quên luật pháp, quên cả Giê-hô-va Đức Chúa Trời là Đấng không kể kể có tội là vô tội, dù kẻ đó là người vốn được Chúa yêu, là vị vua cao quý.

Và trong giờ phút cuối cuộc đời, Đa-vít già yếu lắm, bên cạnh có nàng gái trẻ A-bi-sác dịu dàng vốn có của người nữ Su-nem, người đẹp Bát-sê-ba lại xuất hiện quỳ bên vua, những giọt nước mắt nhắc lại lời hứa ngày xưa đã làm vua Đa-vít không thể từ chối chấp thuận cho con trai của người đẹp là Sa-lô-môn kế vị ngai vàng.

Tuyệt vời! Thật tuyệt vời ngòi bút tài hoa của người viết sách Sa-mu-ên khi ghi lại người đẹp Bát-sê-ba năm xưa xuất hiện khi cuộc binh biến được lên đến cao trào vẫn còn đầy uy lực. Ngòi bút tuyệt vời

không cần nói Bát-sê-ba đẹp thế nào, nhưng từng bước từng bước đưa người đẹp Bát-sê-ba vượt trên những người đẹp kể cả nàng A-bi-sác son trẻ của làng Su-nem nổi tiếng dịu dàng bên cạnh vua.

Lần cuối cùng Bát-sê-ba xuất hiện trong Kinh thánh khi vua Sa-lô-môn từ chối lời Bát-sê-ba cầu xin A-bi-sác cho A-đô-ni-gia. Kinh thánh xác nhận đã đến lúc người đẹp Bát-sê-ba lui vào hậu cung. Một ngàn năm sau, Ma-thi-ơ nói: Đa-vít bởi vợ U-ri sanh Sa-lô-môn, Kinh thánh không nói gì người đẹp Bát-sê-ba.

Cuộc binh biến kết thúc với việc “Sa-lô-môn đã ngồi trên ngôi nước”.

Xin Chúa cho Quý vị tìm được những vui thích khi học Kinh thánh, để hòa mình với tác giả Thi thiên 119:14-16, Tôi vui mừng về đường chứng cứ Chúa, như thể vui mừng về của cải hiếm hoi”.

SÁCH I CÁC VUA 2

NGUỒN GỐC CỦA SÁCH.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Lời Đức Chúa Trời, xin Chúa ban cho Quý vị được may mắn trong con đường mình và được phước, theo như lời của Chúa hứa trong sách Giô-suê 1:8. Hôm nay với sách I Các Vua, chúng ta cùng học về: NGUỒN GỐC SÁCH I CÁC VUA.

Như chúng ta đã đề cập trong bài học sách I Samuên thì sách I Sa-mu-ên và II Sa-mu-ên, I và II Các Vua, I và II Sử ký, trong nguyên văn Hi-bá-lai chỉ là một sách. Nhưng như Lịch sử thế giới ghi lại, năm 336, vua A-lịch-sơn đã lên ngôi lúc 20 tuổi, dẫn quân Hi Lạp tiến qua phía Đông đánh hạ Đế quốc Mê-di Ba-tur. Đặc điểm của A-lịch-sơn Đại đế là truyền bá văn hóa Hi Lạp, ngôn ngữ Hi Lạp, bởi đó ngôn ngữ Hi Lạp trở thành ngôn ngữ chính trong toàn lãnh thổ Đế quốc Hi Lạp đương thời Chúa Jêsus trên đất, dù lúc bấy giờ Đế quốc La Mã đang cai trị thay Hi Lạp.

Vào thế kỷ thứ III TC., vua Ptolemee của Ai Cập, một trong bốn tướng của A-lịch-sơn Đại đế được chia một phần tư lãnh địa Đế quốc Hi Lạp rộng lớn sau cái chết đột ngột của A-lịch-sơn Đại Đế, muốn ghi nhớ vị Đại đế oai hùng của Đế quốc Hi Lạp, nên vua Ptolemee xây dựng một thư viện tại thành phố mang tên Đại đế là thành phố duyên hải Alexandria, thư viện này có 200.000 đầu sách hoàn toàn bằng tiếng Hi Lạp, vì Đại đế A-lịch-sơn vốn là học trò của Triết gia Aristotle nên rất thích đọc sách và luôn khuyến khích truyền bá văn hóa Hi Lạp những vùng đất mà A-lịch-sơn chiếm được.

Với ý kiến của các Cố Vấn, vua Ptolemee được biết quyển Kinh Cựu Ước của người Y-sơ-ra-ên là quyển sách không thể thiếu trong Thư viện, nhưng rất tiếc Kinh Cựu Ước lại viết bằng tiếng Hi-bá-lai. Để hoàn thành ý nguyện một Thư viện tiếng Hi Lạp không thể thiếu quyển Kinh Cựu Ước, vua đã mời 72 học giả người Y-sơ-ra-ên từ Giê-ru-sa-lem đến Alexandria để dịch Kinh Cựu Ước tiếng Hi-bá-lai sang tiếng Hi Lạp, và các học giả Y-sơ-ra-ên này đã dịch xong trong 70 ngày. Đây là Bản Dịch tiếng Hi Lạp đầu tiên của Kinh thánh, dịch trong 70 ngày bởi 72 học giả người Y-sơ-ra-ên nên Bản Dịch có tên là Bản Bảy Mươi được thịnh hành từ đó đến ngày thời Chúa Jêsus trên đất và cho đến ngày nay.

Một vấn đề xảy ra là khi dịch từ tiếng Hi-bá-lai loại ngôn ngữ không có nguyên âm sang tiếng Hi Lạp là ngôn ngữ có nguyên âm và dấu, nên độ dài Bản Hi Lạp dài hơn 1/3 bản tiếng Hi-bá-lai, trong khi nguyên liệu để viết sách thời đó là bằng cây chỉ thảo (Papyrus) hoặc bằng da, đều có chiều dài giới hạn nhất

định. Để giải quyết vấn đề, các dịch giả Bản 70 đã chia các sách dài ra làm hai, bởi đó có sách I Sa-mu-ên và II Sa-mu-ên, sách I Các Vua và II Các Vua, và sách I Sử ký và II Sử ký.

Cảm ơn Chúa, đó là lý do chúng ta có sách I Các Vua để cùng học hôm nay.

Sách I và II Các Vua là một trong những sách lịch sử quan trọng trong thế giới, ghi lại thời trị vì của các vua Y-sơ-ra-ên, chủ yếu là vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc; đồng thời cũng ghi các vua vương quốc Giu-đa phía Nam.

THỜI GIAN GHI TRONG SÁCH I CÁC VUA:

Cách thứ 1 để tính thời gian ghi trong sách:

Thời gian khởi sự sách I Các Vua là với việc vua Salômôn lên ngôi và kết thúc với việc vua Nê-bu-cát-nết-sa của Đế quốc Ba-by-lôn chiếm Giê-ru-sa-lem và nước Giu-đa, bắt dân Y-sơ-ra-ên lưu đày sang Ba-by-lôn.

Hoặc tính từ lúc vua Sa-lô-môn xây dựng Đền thờ đến khi Đền thờ bị phá hủy bởi đạo quân Ba-by-lôn, khi đạo quân này tiến chiếm Giê-ru-sa-lem và bắt lưu đày dân Y-sơ-ra-ên qua Ba-by-lôn.

Hoặc tính từ khi vị vua đầu tiên kế vị vua Đa-vít là Sa-lô-môn lên ngôi lập một triều đại huy hoàng chưa từng có trong lịch sử, cho đến khi vị vua kế vị cuối cùng là vua Sê-đê-kia bị người Ba-by-lôn bắt lưu đày qua Ba-by-lôn.

Như vậy thời gian ghi trong sách Các Vua I và II kéo dài tổng cộng độ 400 năm, tức từ năm 970 TC. đến năm 586 TC.

Chúng ta lại bắt gặp chu kỳ 400 năm lần thứ ba liên quan tiến trình lịch sử dân Y-sơ-ra-ên:

Sáng. 15:13-16, lần đầu tiên chính Đức Chúa Trời đã ấn định chu kỳ 400 năm trong chuyển động của dòng dõi Áp-ra-ham, Kinh thánh ghi lại: "Đức Giê-hô-va phán cùng Áp-ram rằng: Phải biết rằng, dòng dõi ngươi sẽ ngụ trong một xứ chẳng thuộc về chúng nó, làm tôi mọi cho dân xứ đó và bị họ hà hiếp bốn trăm năm", lời này được Chấp sự Ê-tiên nhắc lại trong sách Công vụ 7:6 và sứ đồ Phao-lô nhắc đến trong thư Ga-la-ti 3:17. Chu kỳ này đã ứng nghiệm khi dòng dõi thứ tư của Áp-ra-ham là đời các con của Gia-cốp theo lời mời của Giô-sép lúc bấy giờ đang làm Thủ Tướng nước Ai Cập, tất cả dời xuống Ai Cập. Kinh thánh ghi thuật sự kiện này trong sách Sáng thế ký đoạn 46.

"Vả, thì kiêu ngạo của dân Y-sơ-ra-ên tại xứ Ê-díp-tô được bốn trăm ba mươi năm. Khi mãn bốn trăm ba mươi năm rồi, thì cũng trong ngày đó, các quân đội của Đức Giê-hô-va ra khỏi xứ Ê-díp-tô" (Xuất. 12:40-41). Chấp sự Ê-tiên đã cho chúng ta biết dấu hiệu kết thúc chu kỳ 400 năm đầu tiên như sau: "Nhưng gần đến kỳ phải ứng nghiệm lời hứa Đức Chúa Trời đã thề với Áp-ra-ham, dân cứ sanh sản và thêm nhiều lên trong xứ Ê-díp-tô, cho đến khi trong xứ đó có một vua khác dấy lên, chẳng nhìn biết Giô-sép. Vua này dùng mưu hại dòng giống và hà hiếp tổ phụ chúng ta, ép phải bỏ con mới sanh, hầu cho sống chẳng được" (Công vụ 7:17-19).

Chu kỳ 400 năm lần thứ hai là thời gian từ khi Giô-suê cho đến khi Sam-sôn qua đời. Sách I Vua 6:1, ghi rõ: "Xảy ra năm bốn trăm tám mươi, sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô là năm thứ tư của Sa-lô-môn trị vì trên Y-sơ-ra-ên, nhằm tháng Xíp, nghĩa là tháng thứ hai, thì người cất đền của Đức Giê-hô-va". Thời gian 480 năm này gồm các sự kiện như sau:

40 năm lưu lạc trong đồng vắng

thời gian chiếm xứ Ca-na-an do Giô-suê chỉ huy.

thời gian sau khi Giô-suê qua đời - Quan. 2:10

thời gian Hê-li làm Quan xét - I Sam. 4:18.

thời gian Sa-mu-ên làm Quan xét - I Sam. 7:15

thời gian Sau-lơ làm vua 40 năm - Công vụ 13:2

thời gian Đa-vít làm vua 40 năm - I Vua 2:11

và 4 năm đầu đời vua Sa-lô-môn

Theo sách Các Quan Xét 11:26 ghi lại lời Quan Xét Giép-thê nói với vua Am-môn, “Đương lúc ba trăm năm mà Y-sơ-ra-ên ở tại Hết-bôn và các thành địa hạt nó, A-rô-e và các thành ở dọc theo Ạt-nôn, sao người không lấy nó lại trong khi đó?...”, như vậy thời gian từ khi Giô-suê đến đời Giép-thê là 300 năm – có thể không chính xác tròn 300 năm. Cộng tất cả các năm ghi trong sách Các Quan Xét thì khoảng 410 năm gồm những năm của A-bi-mê-léc và những năm dân Y-sơ-ra-ên bị ức hiếp.

Chu kỳ 400 năm lần thứ hai này kết thúc bằng việc dân Y-sơ-ra-ên đòi tiên tri Sa-mu-ên cho họ chuyển qua chế độ Vương quyền, với sự lên ngôi của Sau-lơ làm vua đầu tiên nước Y-sơ-ra-ên.

Chu kỳ 400 năm thứ ba là thời gian dân Y-sơ-ra-ên theo chế độ vương quyền, nghĩa là từ lúc vua Sau-lơ lên ngôi đến vị vua cuối cùng của nước Giu-đa là Sê-đê-ki-a bị vua Nê-bu-cát-nết-sa bắt đày qua Ba-by-lôn, cùng là thời gian được ghi thuật trong sách Các Vua, mà chúng ta đang có cơ hội cùng học.

Chu kỳ 400 năm thứ tư là thời gian dân Y-sơ-ra-ên từ lưu đày Ba-by-lôn hồi hương xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem, cùng xây lại Đền thờ trên nền đền thờ cũ đời vua Sa-lô-môn đã bị vua Ba-by-lôn tàn phá. Kinh thánh Cựu Ước ghi nhận chu kỳ này khởi sự với các Tiên tri Hậu Lưu Đày gồm tiên tri A-ghê, tiên tri Xa-cha-ri và tiên tri Ma-la-chi.

Thật ngạc nhiên là từ Ma-la-chi, Đức Chúa Trời đã yên lặng không hề phán với dân Chúa nữa, các nhà sử học Kinh thánh gọi đây là Thời Kỳ Chúa Yên Lặng, giống như thời kỳ quá độ mà sách Các Quan Xét ghi thuật lại: “Sa-mu-ên thơ ấu phục sự Đức Giê-hô-va và tại trước mặt Hê-li. Trong lúc đó, lời của Đức Giê-hô-va lấy làm hiếm hoi, và những sự hiện thấy chẳng năng có” (I Sa-mu-ên 3:1).

Nếu căn cứ vào thời Các Quan Xét đầy tội lỗi khiến Đức Chúa Trời không phán dạy dân Chúa, trừ vài lần hiếm hoi, dân Chúa hạ mình ăn năn kêu cầu Chúa giải cứu, thì chúng ta cũng có thể nhìn thấy lý do như vậy xảy ra trong chu kỳ 400 năm thứ tư hay chu kỳ 400 năm yên lặng sau đời các tiên tri Hậu Lưu Đày.

Dù Kinh thánh không nói đến nhưng qua sử gia Do-thái là Josephus cho chúng ta biết hai trong số các tướng lãnh của A-lich-sơn Đại Đế, đã thiết lập triều đại Ptolemy tại Ai Cập và triều đại Seleucid tại Sy-ri và vùng Mê-sô-bô-ta-mi, cả hai tranh nhau kiểm soát xứ Palestine hơn một thế kỷ.

Luật lệ của triều vua Ptolemy thì tôn trọng những vấn đề tôn giáo nhạy cảm của người Do-thái. Nhưng đến năm 198 TC. vua dòng Seleucid chiếm Palestine và mở ra một trong những thời kỳ anh hùng nhất trong lịch sử Do-thái.

Vua Antiochus IV Epiphanes cai trị từ năm 175 đến 164 TC., đã áp đặt cai trị cứng rắn tàn bạo trên Do-thái giáo, cấm một số những nghi lễ Do thái giáo, phá hủy các ấn bản kinh Tô-ra ghi luật lệ trong Ngũ Kinh, vua này đòi dâng tế cho thần Zeus của người Hi Lạp, nhất là dâng một con heo trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Sự chống đối nổi lên dưới sự lãnh đạo của thầy tế lễ với 5 con trai. Cuộc chiến kéo dài 24 năm (từ 166 đến 142 TC.), người Do-thái giành được độc lập cho nước Giu-đa cho đến khi Đế quốc La Mã chiếm Palestine năm 63 TC.

Trong 400 năm này tính từ đời Nê-hê-mi đến Chúa Jêsus Christ giáng sanh, tức là từ năm 432 TC đến năm thứ 5 TC., gọi là 400 năm yên lặng vì Chúa không phán gì cả, nhưng 400 năm này đã hình thành các sự kiện, văn chương, xã hội thời Tân Ước.

Tôi nêu ra 'chu kỳ 400 năm' mà Đức Chúa Trời đặt cho dân Y-sơ-ra-ên, ước mong có ai đó cho lời giải thích hợp lý thêm đức tin người học Kinh thánh. Mong lắm thay!

SÁCH I CÁC VUA 3

THỜI GIAN TRONG SÁCH I CÁC VUA.

THỜI KỲ HIỆP NHẤT

ĐOẠN 1 ĐẾN 11

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng nhau học qua hai bài 1 và 2 của sách I Các Vua, với hai bài đầu tiên đó, chắc chắn đã tạo sự hấp dẫn thu hút người đọc, học Kinh thánh. Hôm nay, nhờ ơn Chúa, chúng ta đi sâu vào sách I Các Vua từ đoạn 1 đến đoạn 11, qua chủ đề: THỜI KỲ HIỆP NHẤT.

Sách I và II Các Vua là sách lịch sử quan trọng trong thế giới loài người nói chung, cũng quan trọng đối với lịch sử tuyển dân Y-sơ-ra-ên và đương nhiên liên quan lịch sử Hội thánh – nói riêng.

Tên của Sách đã nói lên nội dung của sách là bảng ghi chép đời trị vì của các vua từ thời kỳ vương quyền thống nhất dưới triều đại huy hoàng của vua Sa-lô-môn; tiếp theo sau cái chết của vua Sa-lô-môn, 10 chi phái của dân Y-sơ-ra-ên phía Bắc tách khỏi hai chi phái Giu-đa và Bên-gia-min phía Nam, lập thành một vương quốc riêng với tên gọi là Nước Y-sơ-ra-ên; trong khi hai chi phái phía Nam trung thành với dòng dõi vua Đa-vít, chủ yếu là chi phái Giu-đa, với tên gọi là Nước Giu-đa. Phần lớn nội dung sách ghi các hoạt động của các vua Y-sơ-ra-ên phía Bắc; đồng thời cũng ghi sơ lược các vua Giu-đa phía Nam.

ĐOẠN 1 đến đoạn 11 là Thời kỳ hiệp nhất do vua Salômôn cai trị trong 40 năm, “Sa-lô-môn ở Giê-ru-sa-lem cai trị trên cả Y-sơ-ra-ên trong bốn mươi năm. Đoạn, Sa-lô-môn an giấc cùng các tổ phụ người, và được chôn trong thành Đa-vít, cha người” (11:42).

Sách I Các Vua đã ghi chi tiết cai trị của vua Sa-lô-môn như sau:

ĐOẠN 1 và đoạn 2 là ký thuật việc vua Sa-lô-môn lên ngôi.

Như chúng ta đã học qua đoạn 1 và đoạn 2, đã bắt đầu với việc Sa-lô-môn được lên ngôi kế vị vua cha Đa-vít phải trải qua một cuộc binh biến tranh giành ngôi báu của Hoàng tử A-đô-ni-gia có sự ủng hộ mặt quân đội của Tướng Tổng Binh Giô-áp và mặt Giáo quyền của thầy tế lễ A-bia-tha. Trước sức mạnh của phe A-đô-ni-gia, vừa hợp luật kế vị theo luật thừa kế, vừa hợp lòng quân đội và Giáo hội; đối lại, chúng ta không thấy Sa-lô-môn xuất hiện, dù lúc bấy giờ đã 40 tuổi, người đọc chỉ thấy Sa-lô-môn có được sự ủng hộ của tiên tri Na-than là cố vấn thân cận của vua Đa-vít, sự ủng hộ của Phó Tướng Bê-na-gia, và thầy tế lễ Xa-đốc. Cuối cùng cộng với nước mắt cầu xin của người đẹp năm xưa là Bát-sê-ba đã có được sự chấp thuận của vị vua già Đa-vít, Sa-lô-môn đã lên ngôi làm vua kế vị vua Đa-vít.

Sau đó là cuộc thanh trừng những phe đảng của A-đô-ni-gia, cùng những kẻ từng xúc phạm tiên vương Đa-vít, do tân vương Sa-lô-môn chủ trương: Hoàng tử tiếm ngôi bị giết, Tướng Giô-áp bị giết, thầy tế lễ A-bia-tha bị mất chức vụ và bị đuổi về quê. Tân vương Sa-lô-môn đã giải quyết không cho Bát-sê-ba can thiệp vào chính sự qua việc bà xin vua Sa-lô-môn ban nàng A-bi-sác cho A-đô-ni-gia. Tất cả những kẻ xúc phạm tiên vương Đa-vít đều đã được giải quyết đúng như lời trối của vua Đa-vít như Si-mê-i.

ĐOẠN 3 đến đoạn 10 ghi lại Công việc của Sa-lô-môn.

Sách ghi lại những điều tốt mà vua Sa-lô-môn đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, nhưng cũng ghi lại những điều vua Sa-lô-môn đã làm cho Đức Chúa Trời nổi giận.

Vua Sa-lô-môn được Đức Chúa Trời ban sự khôn ngoan - 3: - 4:

Kinh thánh làm chứng rằng vua Sa-lô-môn đã bước lên ngai vàng với sự khiêm nhường, hãy nghe vua Sa-lô-môn cầu nguyện với Đức Chúa Trời trong thời mới đăng quang: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi ôi! Bây giờ Chúa đã khiến kẻ tôi tớ Chúa trị vì kẻ Đa-vít, là cha tôi; nhưng tôi chỉ là một đứa trẻ nhỏ chẳng biết phải ra vào làm sao. Kẻ tôi tớ Chúa ở giữa dân của Chúa chọn, là một dân đông vô số, không thể đếm được. Vậy, xin ban cho kẻ tôi tớ Chúa tấm lòng khôn sáng, để đoán xét dân sự Ngài và phân biệt điều lành điều dữ; vì ai có thể đoán xét dân rất lớn này của Chúa?”. Và Kinh thánh xác nhận: “Lời của Sa-lô-môn đẹp lòng Chúa, vì người đã cầu xin sự đó. Đức Chúa Trời phán với người rằng: Bởi vì người đã cầu xin điều này, mà không xin sự sống lâu, không xin sự giàu có, cũng không xin mạng của những kẻ thù nghịch người, nhưng xin sự thông minh để biết xét đoán, này, ta sẽ làm theo lời cầu xin của người, ban cho người tấm lòng khôn ngoan thông sáng, đến đổi trước người chẳng có ai bằng, và sau người cũng sẽ chẳng có ai ngang. Vả lại, ta cũng đã ban cho người những điều người không xin, tức là sự giàu có và sự vinh hiển, đến đổi trọn đời người, trong vòng các vua, sẽ chẳng có ai giống như người. Lại nếu người đi trong đường lối ta, gìn giữ luật pháp và điều răn ta, như Đa-vít, cha người, đã đi, thì ta sẽ khiến cho người được sống lâu ngày thêm” (3:4-15).

Kinh thánh đã mô tả sự khôn ngoan và sự giàu có trong triều đại của vua Sa-lô-môn:

như việc vua Sa-lô-môn xét xử hai phụ nữ kiện nhau vì mất con chung, Sa-lô-môn căn cứ vào tình mẫu tử – 3:16-28

sắp-đặt phân công các quan phụ trách – 4:1-19

Kinh thánh mô tả cảnh dân chúng thịnh vượng thời vua Sa-lô-môn: “dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên đông như cát bờ biển, ăn uống và vui chơi” – 4:20

quốc gia vừa mở rộng lãnh thổ vừa được các nước láng giềng đầu phục triều cống, “Sa-lô-môn cai trị trên các nước, từ sông cái [tức là sông Ơ-phơ-rát] cho đến xứ Phi-li-tin, cho đến ranh Ê-díp-tô. Các nước ấy đều tiến cống và phục Sa-lô-môn trọn đời người” (4:20-21).

Xây dựng Đền thờ và cung điện - 5: - 8:

Công tác nổi tiếng nhất của vua Sa-lô-môn là việc xây dựng đền thờ cho Đức Giê-hô-va. Chúng ta biết là sau 400 năm dân Y-sơ-ra-ên sống làm nô lệ tại Ai Cập, họ đã được Đức Chúa Trời cứu và đưa họ về Đất Hứa. Một năm sau khi ra khỏi Ai Cập, Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho Mô-i-se dựng một Đền Tạm để làm trung tâm Trại quân, để dân sự dâng tế lễ cho Chúa, cũng tiêu biểu cho sự hiện diện Chí Thánh của Chúa. Đền Tạm này được gọi là ‘tạm’ có 2 ý:

Gọi là Đền Tạm vì cấu trúc bằng những nguyên vật liệu có thể tháo ráp được khi di chuyển hoặc khi dừng lại.

Thứ hai, gọi là ‘Tạm’ hàm ý là sẽ được thay thế bằng một khối kiến trúc chắc chắn khi đến thời kỳ thuận tiện. Khi dân Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa, thì Đền Tạm được tạm để tại Si-lô (Giô-suê 18:1), một địa điểm cách Bê-tên 10 dặm về hướng đông bắc, chệch một chút trên đường chính từ Bê-tên đến Si-chem. Theo lời vua Đa-vít nói khi vua muốn xây dựng một Đền thờ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời, thì Đền Tạm tiêu

biểu là Hòm Giao ước ở dưới màn trướng, tức là một cái trại (II Sa-mu-ên 7:2). Mỗi đến năm thứ tư đời vua Sa-lô-môn, thì vua Sa-lô-môn quyết định khởi công xây dựng một Đền thờ chính thức cho Giê-hô-va Đấng Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem, công tác xây dựng Đền thờ mất bảy năm. Kinh thánh ghi thuật: Năm thứ tư, nhằm tháng Xíp – nghĩa là tháng thứ hai, cái nền của đền thờ Đấng Giê-hô-va đã đặt; năm thứ mười một, nhằm tháng Bu-lơ, nghĩa là tháng tám, đền thờ hoàn thành trong mọi phần nó, theo kiểu đã ra. Sa-lô-môn cất đền hết bảy năm” (I Vua 6:1, 37). Theo đoạn 8:2, vua Sa-lô-môn cung hiến Đền thờ nhằm tháng Ê-tha-ninh, là tháng thứ 7. Tham khảo Lê-vi ký 23:33-36 thì tháng thứ 7 là tháng của Lễ Lều Tạm, một trong những tháng quan trọng trong các lễ hội mà Chúa qui định cho người Y-sơ-ra-ên. Tóm lại, vua Sa-lô-môn hoàn tất việc xây dựng Đền thờ rồi tổ chức Lễ Cung hiến Đền thờ cho Chúa vào tháng 7, và tháng 8 hoàn tất mọi việc về Đền thờ.

Danh tiếng của Sa-lô-môn - 9: - 10:

Ngay sau khi được Đấng Giê-hô-va ban cho sự khôn ngoan, thử nghiệm đầu tiên cho vua Sa-lô-môn là việc xử hai bà mẹ tệt nạn xã hội với phân chia đứa con chung. Qua việc xét xử đầy khôn ngoan này, “cả Y-sơ-ra-ên đều nghe sự đoán xét mà vua đã làm, thì bất kính sợ vua, vì thấy trong lòng người có sự khôn ngoan của Đấng Chúa Trời đặng xử đoán công bình” (3:26).

Sự khôn ngoan và giàu có, quyền thế của vua Sa-lô-môn lan ra khắp nơi:

4:25, “Trọn đời vua Sa-lô-môn trị vì, dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên ăn ở yên ổn vô sự từ Đan cho đến Bê-e-Sê-ba, ai nấy đều ở dưới cây nho và cây vả mình”.

4:34, “Có kẻ từ các dân tộc đến nghe sự khôn ngoan của Sa-lô-môn, và các vua ở thế gian mà đã nghe nói về khôn ngoan của người, đều sai sứ đến.

10:4-10, chính Nữ hoàng Sê-ba trực tiếp đến gặp vua Sa-lô-môn “bèn hỏi thử Sa-lô-môn nhiều câu đố... Sa-lô-môn đáp các câu hỏi của bà, chẳng câu nào ẩn bí quá cho vua, mà vua không giải nghĩa nổi cho bà... Và Nữ hoàng Sê-ba đã phải nhìn nhận: “Điều tôi nghe nói trong xứ tôi về lời nói và sự khôn ngoan của vua, thì thật lắm. Song trước khi tôi chưa đến đây, và chưa thấy tận mắt những điều này, thì tôi chẳng tin; và kìa, người ta chẳng nói đến được phân nửa! Sự khôn ngoan và oai nghi của vua trội hơn tiếng đồn tôi đã nghe”.

ĐOẠN 11, Tội lỗi của Sa-lô-môn.

Với sự khôn ngoan của Chúa ban, Sa-lô-môn có hiểu biết tốt về ngành xây dựng áp dụng trong việc xây Đền thờ cho Chúa mất bảy năm, xây cung điện cho vua và các người nữ chung quanh vua mất thêm 13 năm (6:37; 7:1), sự khôn ngoan của Sa-lô-môn trội hơn sự khôn ngoan của mọi người phương đông... Người nói ba ngàn câu châm ngôn, và làm một ngàn năm bài thơ. Người luận về cây cối, từ cây bá hương của Li-ban cho đến chùm kinh giới mọc ra nơi vách; người cũng có luận về loài vật, chim, loài côn trùng, và cá” (4:30-33).

Nhưng đến đoạn 11:4, Kinh thánh ghi những lời lấy làm đau buồn về vua Sa-lô-môn: “Trong buổi già yếu, các hoàng hậu của Sa-lô-môn dụ lòng người đi theo các thần khác; đối cùng Giê-hô-va Đấng Chúa Trời mình, lòng người chẳng trọn lành như thể lòng của Đa-vít, là cha người”. Vì vậy, “Đấng Giê-hô-va nổi giận cùng Sa-lô-môn, bởi vì lòng người trở bỏ Giê-hô-va Đấng Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là Đấng đã hai lần hiện đến cùng người... Đấng Giê-hô-va phán với Sa-lô-môn rằng: Bởi vì ngươi đã làm điều này, không giữ giao ước và luật pháp ta truyền cho ngươi, nên ta chắc sẽ đoạt lấy nước khỏi ngươi, cho kẻ tôi tớ ngươi”.

Bài học từ vua Sau-lơ là không vâng lời, kiêu ngạo đi trước sự sa ngã, nên đã bị Chúa từ bỏ (Châm ngôn 16:18). Bài học của vua Đa-vít dù phạm tội đến bảy mươi lần bảy, nhưng biết ăn năn thì Chúa vẫn tha thứ nhưng Đức Chúa Trời không chịu khinh để đâu, vì ai gieo giống chi, lại gặt giống ấy (Math. 18:21-22; Gal. 6:7). Còn bài học của vua Sa-lô-môn như Phao-lô cảnh cáo: “Vậy thì, ai tưởng mình đứng, hãy giữ kẻo ngã”, và Phao-lô cũng đã nhắc: “Ấy không phải tôi đã giựt giải rồi, hay là đã đến nơi trọn lành rồi đâu, nhưng tôi đương chạy hầu cho giựt được...: (Phi-líp 3:12).

Mỗi nhân vật là một bài học quý báu biết bao dành cho người tin kính Chúa! Như vậy, chúng ta đã đi qua 80 năm đầu của thời kỳ hiệp nhất, sách I Các Vua bắt đầu với sự kết thúc 40 năm giai đoạn 1 thời kỳ hiệp nhất đánh dấu bằng cái chết của vua Đa-vít; kế tiếp đến đoạn 11 là kết thúc giai đoạn thứ hai thời kỳ hiệp nhất với cái chết của vua Sa-lô-môn.

SÁCH I CÁC VUA 4

THỜI KỲ CHIA RẼ

12: - 22:

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là lời của Đức Chúa Trời, biết được thời kỳ vàng son của nước Y-sơ-ra-ên dưới thời cai trị 40 năm của vua Sa-lô-môn trong sách I Các Vua từ đoạn 1 đến đoạn 11. Điều đáng buồn là với một vị vua khởi đầu kính sợ Chúa, được Chúa ban sự khôn ngoan đến nỗi trước và sau Sa-lô-môn không ai có được sự khôn ngoan như Sa-lô-môn. Chẳng những như thế, Chúa lại cũng ban cho vua Sa-lô-môn giàu có, thịnh vượng, toàn dân no ấm, các lân bang thuận phục, hòa hảo, thế mà cuối đời vì nữ sắc vua Sa-lô-môn đã tể tách con đường kính sợ Chúa, quay lại thờ hình tượng các tà thần, Y-sơ-ra-ên trở thành mảnh đất từ tốt trở thành một quốc gia chia rẽ tệ hại, cuối cùng bị mất tất cả.

Hôm nay chúng ta sẽ học từ đoạn 12 đến đoạn 22 là THỜI KỲ CHIA RẼ:

Sự chia rẽ nước Y-sơ-ra-ên khởi mào từ khi vua Sa-lô-môn còn sống, trong các thù nghịch, nhân vật nổi nhất là Giê-rô-bô-am. Kinh thánh ghi lại Giê-rô-bô-am như sau: “Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát, người Ép-ra-im, ở đất Xê-rê-đa, là tôi tớ của Sa-lô-môn, cũng dấy nghịch với người... Và, Giê-rô-bô-am là một người mạnh dạn và tài năng; Sa-lô-môn thấy người tuổi trẻ có tài nghề, bèn đặt người làm đầu khâu cho cả nhà Giô-sép. Xảy trong lúc đó, Giê-rô-bô-am ở Giê-ru-sa-lem đi ra, gặp tiên tri A-hi-gia ở Si-lô tại giữa đường, mặc cái áo tơ mới. Chỉ có hai người ở ngoài đồng mà thôi. A-hi-gia bèn nắm áo mới người mặc trong mình mà xé ra làm mười hai miếng. Đoạn, người nói với Giê-rô-bô-am rằng: Hãy lấy mười miếng về phần ngươi, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời có phán như vậy: Kìa, ta sẽ đoạt lấy nước khỏi tay Sa-lô-môn và trao cho ngươi mười chi phái của nước ấy. Nhưng vì có Đa-vít, kẻ tôi tớ ta, và vì có Giê-ru-sa-lem, thành ta đã chọn giữa các chi phái Y-sơ-ra-ên, nên sẽ có một chi phái cứ ở trung tín cùng ngươi” (11:26-32).

Tin tức về Giê-rô-bô-am khiến vua “Sa-lô-môn tìm thế giết Giê-rô-bô-am; nhưng Giê-rô-bô-am chạy trốn qua Ê-díp-tô, đến cùng Si-sắc, vua Ê-díp-tô; rồi người ở tại Ê-díp-tô cho đến chùng Sa-lô-môn băng hà” (11:40).

Sự chia rẽ bùng phát bởi hai nguyên nhân:

Nguyên nhân xa:

12:3-4 ghi lại nguyên nhân xa khiến sự phân rẽ bùng phát: “... Giê-rô-bô-am cùng cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đều đến tâu với Giê-rô-bô-am rằng: Thân phụ vua đã làm cho ách chúng tôi nặng quá; nhưng bây giờ vua hãy giảm nhẹ sự phục dịch khó nhọc và cái ách nặng mà thân phụ vua đã gán cho chúng thì chúng tôi sẽ phục dịch vua”.

Rõ ràng việc vua Sa-lô-môn dùng 7 năm xây Đền thờ, rồi lại dùng 13 năm xây cung điện, với 20 năm xây dựng đã tạo gánh quá nặng về thuế khóa cho dân sự đóng góp, nên như tân vương đăng quang, cả dân Y-sơ-ra-ên kêu nài được giảm thuế.

Nguyên nhân gần:

Cái cớ gây bạo loạn đưa đến chia rẽ là câu trả lời cách cứng rắn của vua Rô-bô-am theo đề nghị của những cố vấn trẻ: “Vua đáp lời với dân sự cách xẵng xóm, không kể các lời bàn luận của các trưởng lão, và theo mưu các kẻ trai trẻ mà đáp lại cùng chúng rằng: Cha ta đã khiến cho ách các người nặng nề; ta sẽ làm ách các người càng nặng nề hơn nữa. Cha ta có sửa phạt các người bằng roi da, ta sẽ sửa phạt các người bằng roi bọ-cạp” (12:13-14). Lời đáp của tân vương Rô-bô-am là giọt nước tràn ly, làm cớ cho dân Y-sơ-ra-ên nổi lên chống vua Rô-bô-am tách ra 10 chi phái phía Bắc lập vương quốc Y-sơ-ra-ên, còn chi phái Giu-đa và chi phái Bên-gia-min bên cạnh phía Nam theo dòng vua Đa-vít lập vương quốc Giu-đa (12:20, 23).

Sự chia rẽ của dân Chúa chia hai với 10 chi phái phía Bắc lập thành vương quốc Y-sơ-ra-ên do Giê-rô-bô-am cai trị đầu tiên; còn 2 chi phái phía Nam lập thành vương quốc Giu-đa do dòng dõi Đa-vít thay nhau cai trị, khiến dân càng ngày càng suy yếu.

Cũng bắt đầu từ sau khi chia rẽ thành hai nước, Kinh thánh luôn dùng hai từ ngữ thiện và ác kèm theo khi ghi một triều vua mới của hai nước. Người học Kinh thánh phải hiểu người được Kinh thánh kể là ‘thiện’ là người kính sợ Đức Chúa Trời; còn người không kính sợ Đức Chúa Trời thì Kinh thánh gọi là ác. Có thể về mặt cai trị những vua ác đạt được vài thành công nào đó, tuy nhiên sự thành công đó không bền và rồi cũng lụi tàn, trong khi những vua thiện thì được Đức Chúa Trời ban cho thành công và bền vững.

Với tình trạng cả sách như vậy, nên chủ đề của sách là: SỰ CHIA RẼ, câu gốc cho sách I Các Vua được chọn là đoạn 11:11, “Đức Giê-hô-va phán với Sa-lô-môn rằng: Bởi vì người đã làm điều này, không giữ giao ước và luật pháp ta truyền cho người, nên ta chắc sẽ đoạt lấy nước khỏi người”. Và suốt phần còn lại của sách I Các Vua từ đoạn 12 đến đoạn 22, ghi lại 80 năm đầu của hai vương quốc với điệp khúc dành cho nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc luôn luôn là: ‘làm ác, thờ hình tượng và giết nhau giành giật làm vua’.

Chúng ta hãy đọc những lời Kinh thánh ghi nhận về các vua của nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc để biết lý do Đức Giê-hô-va hình phạt các vua này và dân Y-sơ-ra-ên:

Vua Giê-rô-bô-am. Lời Chúa phán: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Ta đã cất người lên từ giữa dân sự, lập người làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên ta. Ta đã đoạt lấy nước khỏi nhà Đa-vít mà trao cho người; nhưng người không bắt chước Đa-vít, kẻ tôi tớ ta, là người gìn giữ các điều răn ta, hết lòng theo ta, chỉ làm điều thiện tại trước mặt ta. Người đã làm điều ác hơn các kẻ tiên bối người, đi lập cho mình những thần khác và hình tượng đúcặng chọc giận ta, và đã chối bỏ ta. Bởi cớ đó, ta sẽ giáng tai họa trên nhà Giê-rô-bô-am, các nam đinh của nó, bất luận kẻ nô lệ hay là người tự do, ta sẽ diệt hết khỏi trong Y-sơ-ra-ên, và quét sạch nhà nó, như người ta quét phân, cho đến chẳng còn sót chi hết. Phàm người của nhà Giê-rô-bô-am chết tại trong thành, đều sẽ bị chó ăn nuốt, còn người nào chết ngoài đồng, thì sẽ bị chim trời cắn rĩa ăn đi; vì Đức Giê-hô-va đã phán vậy...” (14:7-20).

Kế tiếp: người kế vị Giê-rô-bô-am là Na-đáp, con trai người, Kinh thánh ghi: “Năm thứ hai đời A-sa, vua Giu-đa, Na-đáp, con trai Giê-rô-bô-am, lên ngôi làm vua Y-sơ-ra-ên, và trị vì trên Y-sơ-ra-ên hai năm. Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, đi theo đường tổ phụ mình, phạm tội mà Giê-rô-bô-am đã phạm và khiến cho Y-sơ-ra-ên can phạm nữa”. Hậu quả là Ba-ê-sa làm phản giết và trị vì thế cho người, đáng sợ hơn nữa là “Ấy là nhằm năm thứ ba đời A-sa, vua Giu-đa, mà Ba-ê-sa giết Na-đáp và trị vì thế cho người. Vừa khi người lên ngôi làm vua, thì giết hết thầy người thuộc về nhà Giê-rô-bô-am, không để

sốt một ai, đến đổi đã diệt hết trong nhà Giê-rô-bô-am, theo như lời Đức Giê-hô-va đã cậy miệng A-hi-gia, kẻ tôi tớ Ngài ở Si-lô, mà phán ra” (15:25-30).

Kế tiếp Ba-ê-sa là kẻ giết vua chiếm ngôi, Kinh thánh ghi: “Năm thứ ba đời A-sa, vua Giu-đa, thì Ba-ê-sa, con trai A-hi-gia, lên làm vua cả Y-sơ-ra-ên; người ở tại Tiệt-sa, và cai trị hai mươi bốn năm. Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, và tội lỗi mà Giê-rô-bô-am đã phạm làm cho Y-sơ-ra-ên cũng phạm tội... Và Chúa phán: Ta đã cất người lên khỏi bụi đất và đặt người làm vua chúa dân Y-sơ-ra-ên ta; song người đã đi theo đường của Giê-rô-bô-am, xui cho dân Y-sơ-ra-ên ta phạm tội, và vì tội chúng nó, chọc giận ta. Nhân vì cơ ấy, ta sẽ quét sạch Ba-ê-sa và nhà nó, làm cho nhà nó giống như nhà Giê-rô-bô-am...” (16:1-4).

Lời tiên tri về hậu quả nhà Ba-ê-sa ứng nghiệm vào đời con trai của Ba-ê-sa là Ê-la làm vua được hai năm thì bị tướng Xim-ri ám sát lúc Ê-la say rượu, Kinh thánh ghi: “Xảy khi Xim-ri vừa lên ngôi làm vua, thì người giết hết thầy nhà Ba-ê-sa, chẳng để lại một nam đĩnh nào hết, hoặc bà con hay là bằng hữu người cũng vậy” (16:8-13).

Rồi Xim-ri lên ngôi chỉ được bảy ngày, Kinh thánh ghi: “Bấy giờ, quân lính Y-sơ-ra-ên đương vây Ghi-bê-thôn, là thành vốn thuộc về dân Phi-li-tin. Khi đạo binh hay tin rằng: Xim-ri đã phản nghịch và giết vua, thì cũng một ngày đó, trong dinh, cả Y-sơ-ra-ên đều lập Ôm-ri, là quan tổng binh, làm vua trên Y-sơ-ra-ên. Ôm-ri và cả Y-sơ-ra-ên bèn từ Ghi-bê-thôn đi lên vây Tiệt-sa. Xảy khi Xim-ri thấy thành đã bị hãm, thì đi vào đồn lũy của cung vua mà đốt chính mình luôn với cung vua, rồi chết vì những tội lỗi người đã phạm, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, bắt chước theo đường của Giê-rô-bô-am...” (16:15-19).

Ôm-ri cai trị Y-sơ-ra-ên mười hai năm. Ôm-ri làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, ăn ở tệ hơn các người tiên bối người. Kế tiếp A-háp, con trai người, kế vị người. Kinh thánh ghi: “A-háp, con trai Ôm-ri, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va hơn hết thầy các người tiên bối mình. Và, người lấy sự bắt chước theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, là nhỏ mọn, nên người đi lấy Giê-sa-bên, con gái Ết-ba-anh, vua dân Si-đôn, mà làm vợ; người cũng đi hầu việc Ba-anh và thờ lạy nó... Vậy, A-háp làm nhiều điều ác, chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hơn các vua Y-sơ-ra-ên trước mình” (16:28-33).

Thật là kỳ diệu biết bao, sách I Các Vua đến đây được Thánh Linh Đức Chúa Trời cho dừng lại để cho phép một tiên tri mà thánh Gia-cơ đã nói đến như sau: “Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta” (Gia-cơ 5:17). Tôi nói là kỳ diệu, vì Đức Chúa Trời không sai một thiên thần hoặc một siêu nhân xuất hiện trong thời kỳ đầy tội lỗi của A-háp, nhưng Đức Chúa Trời sai Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta”. Tôi nhớ đến Đức Chúa Trời đã sai một người “tên A-na-nia kia” (Công vụ 22:12) đến gặp Sau-lơ để cầu nguyện và dạy Sau-lơ lời Chúa.

Ê-li là ai? Kinh thánh không nói gì về quá khứ của Ê-li, chỉ thấy:

khi Ê-li xuất hiện thì hào hùng tuyên bố đóng cửa trời không mưa trong 3½ năm – (17:1)

Ê-li nghèo phải nhờ Chúa cho chim quạ nuôi hằng ngày – 17:3-4.

Ê-li phải nhờ bà góa nghèo ở Sa-rép-ta nuôi trong thời hạn hán, nhưng cũng nhờ Ê-li mà Đức Chúa Trời cứu bà góa nghèo không chết đói và con trai của bà được cứu sống (17:16-24).

Rồi sau 3½ năm hạn hán, Ê-li mạnh dạn tái xuất hiện gặp vua A-háp để một mình chống lại 450 tiên tri Ba-anh, thẳng giết tất cả chúng.

Ê-li lại cầu nguyện xin Đức Chúa Trời ban mưa và mưa xuống khiến đất sanh sản hoa màu – (18:45).

Sau những chứng tích oai hùng, Ê-li như một thiên thần gãy cánh, bỏ chạy mong giữ được mạng sống khi nghe Hoàng hậu Giê-sa-bên ngăm dọa – (19:1-4).

Dù vậy, Đức Chúa Trời thật yêu thương người đầy tớ yếu đuối Ê-li, Chúa đã bồi dưỡng cho và tái tục dùng Ê-li, nhất là chuẩn bị người kế thừa chức vụ cho Ê-li.

Chẳng những Đức Chúa Trời cho tiên tri Ê-li đến cảnh tỉnh vua A-háp, mà Đức Chúa Trời còn giải cứu thành Sa-ma-ri, thủ đô của nước Y-sơ-ra-ên thời A-háp, để tỉnh thức A-háp (20). Rất tiếc, đến cuối cùng, vua A-háp cứ nghe lời Hoàng hậu Giê-sa-bên xúi giục giết Na-bốt để cướp đất của Na-bốt (21), đến nỗi Chúa cho A-háp bị giết dù đã giả dạng người khác (22). Cái chết của A-háp, khép lại sách I Các Vua, và nước Y-sơ-ra-ên cứ đi vào sự lụi tàn. Lời Chúa phán: “Vậy, hãy ăn năn đi, bằng chẳng, ta sẽ đến cùng ngươi, lấy thanh gươm ở miệng ta mà giao chiến cùng chúng nó” (Luca 13:3; Khải. 2:16). Mong lắm thay!

SÁCH I CÁC VUA 5

NGƯỜI VIẾT SÁCH CÁC VUA.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về Người Viết Sách I Các Vua hoặc nói chung là cả hai sách Các Vua I và II.

Có 3 ý kiến về Người Viết Sách Các Vua:

Không biết ai là tác giả.

Như sứ đồ Phi-e-rơ nói trong sách Công vụ các Sứ đồ 1:16, “Hỡi anh em ta, lời Đức Thánh Linh đã nhờ miệng vua Đa-vít mà nói tiên tri trong Kinh thánh về tên Giu-đa, là đấng đã dẫn đường cho chúng bắt Đức Chúa Jêsus, thì phải được ứng nghiệm”. Qua lời của vị sứ đồ này, chúng ta biết được những tiêu chuẩn về việc Kinh thánh được viết ra:

Đức Thánh Linh không trực tiếp viết Kinh thánh, chỉ có hai lần ghi lại chính Đức Chúa Trời trực tiếp viết Kinh thánh,

Lần thứ nhất: sách Xuất Ê-díp-tô ký 32:15-16 xác nhận: “Đoạn Môi-se ở trên núi trở xuống, tay cầm hai bảng chứng; hai bảng chứng có viết hai bên, mặt này và mặt kia. Hai bảng đó là việc của Đức Chúa Trời làm ra; chữ cũng là chữ của Đức Chúa Trời khắc trên bảng” (Xuất. 31:18).

Dù vậy, hai bảng đá ghi 10 Điều răn này đã bị Môi-se đập bể vì Môi-se giận dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội đúc tượng con bò con bằng vàng và thờ lạy nó như thờ lạy Đức Chúa Trời (Xuất. 32:19). Sau khi Đức Chúa Trời đã phạt dân Y-sơ-ra-ên do tội thờ lạy con bò con bằng vàng, Đức Chúa Trời lại ra lệnh cho Môi-se đục ra một bảng đá khác để Chúa viết lên 10 Điều răn ban cho dân Y-sơ-ra-ên lần thứ hai: “Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy đục hai bảng đá như hai bảng trước; rồi ta sẽ viết trên hai bảng này các lời đã ở nơi hai bảng kia, mà ngươi đã làm bể” (Xuất. 34:1). Hai bảng đá này sau đó được để trong Hòm Giao ước của Đức Chúa Trời (Dân. 17:10; Hê-bơ-rơ 9:4)

Lần thứ hai, chính tay của Đức Chúa Trời viết trên bức tường cung điện của vua Bên-xát-sa nước Ba-by-lôn, trong bữa tiệc mà vua Bên-xát-sa tổ chức cho một ngàn đại thần mình với mục đích khoe khoang kiêu ngạo, dám đem những khí mạnh của Đền thờ Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem mà ông nội của vua là vua Nê-bu-cát-nết-sa đánh cướp về ra để khoe và dùng uống rượu.

Kinh thánh ghi thuật: “Chính giờ đó – giờ mà vua Bên-xát-sa dùng khí mạnh của Đền Đức Chúa Trời uống rượu ngợi khen các thần – có những ngón tay của bàn tay người hiện ra, viết trên vôi tường cung vua, đối ngay chỗ để chôn đèn; và vua trông thấy phần bàn tay đó đương viết” (Đa. 5:1-5). Và tiên tri Đa-ni-ên đã giải thích cho vua Bên-xát-sa: “Hỡi vua Bên-xát-sa, con của người [theo ngôn ngữ vùng Mê-sô-bô-ta-mi không có từ ‘cháu’, ở đây nói về ‘cháu của Nê-bu-cát-nết-sa, giống như Ma-thi-ơ 1:1, con Đa-vít và con của Áp-ra-ham], vua cũng vậy, dầu vua đã biết hết các việc ấy, mà lòng vua cũng không chịu nhún nhường chút nào; nhưng vua đã lên mình nghịch cùng Chúa trên trời... vua không thờ phượng Đức Chúa Trời là Đấng cầm trong tay Ngài hơi thở và hết thảy các đường lối của vua. Vậy nên từ nơi Ngài đã sai phần bàn tay này đến, và chữ đó đã vạch ra... Đây là nghĩa những chữ đó: Mê-nê là: Đức Chúa Trời đã đếm nước vua và khiến nó đến cuối cùng. Tô-ken là: Vua đã bị cân trên cái cân, và thấy là kém thiếu.

Phê-rết là Nước vua bị chia ra, được ban cho người Mê-đi và người Phe-rơ-sơ... Ngay đêm đó, vua người Canh dê là Bên-xát-sa bị giết. Rồi Đa-ri-út là người Mê-đi được nước..." (Đan. 5:22-31).

Chỉ hai phần Kinh thánh đã nêu là phần Đức Chúa Trời trực tiếp viết ra theo cách con người, tất cả phần còn lại của Kinh thánh là việc Thánh Linh Đức Chúa Trời đã nhờ những người tin kính Chúa, bất kể thành phần giai cấp nào, có người là vua như vua Đa-vít, hoặc quan như Nê-hê-mi, Đa-ni-ên, có người học thức như Môi-se, E-xơ-ra, Ma-thi-ơ, Luca, hoặc bình dân như A-mốt, Phi-e-rơ, Giăng. Tuy nhiên, trong toàn bộ Kinh thánh cũng có những sách không biết rõ hoặc không xác định người được Thánh Linh nhờ viết là ai, trong đó có sách Các Vua.

Tiêu chuẩn thứ 2 để xác định lời Thánh Linh Đức Chúa Trời nhờ người nào viết ra thì điều tối quan trọng là lời của những người được Thánh Linh nhờ viết ra ý chỉ của Đức Chúa Trời đều được ứng nghiệm chính xác từng chấm, từng nét.

Tiêu chuẩn thứ 3 là những lời đó liên quan đến chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời qua Chúa Jê-sus Christ.

Tiêu chuẩn thứ 4 là những lời người nào đó được Thánh Linh nhờ viết ra được Hội thánh chung công nhận là có Thần quyền, cảm động lòng người đọc đến.

Theo truyền thuyết của Do thái giáo thì có lẽ do Giê-rê-mi viết.

Như vậy, sách được viết ra vào khoảng năm 589 TC., vì người Y-sơ-ra-ên nhìn nhận lòng ái quốc của Giê-rê-mi (Math. 16:14), một tiên tri của Đức Chúa Trời sống trong thời kỳ thành Giê-ru-sa-lem và dân Y-sơ-ra-ên đang bị đạo quân Ba-by-lôn bao vây tấn công, Giê-rê-mi được Chúa mặc khải dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị lưu đày vì tội không vâng lời Chúa, nên ông khuyên dân Y-sơ-ra-ên chịu phục ý Chúa đầu hàng quân Ba-by-lôn thay vì tìm cách chống đối, hoặc nhờ vào quân Ai Cập. Do đó, chắc chắn tiên tri Giê-rê-mi rất quan tâm những diễn biến trong giờ phút căng thẳng mất còn này của dân tộc để ghi lại, giống như đa phần nội dung trong sách Giê-rê-mi của ông đã ghi liên quan chi tiết cách chống Ba-by-lôn của các vua Giu-đa.

Có thể do E-xơ-ra viết. Nếu vậy thì sách được viết vào khoảng năm 445 TC.

Kinh thánh làm chứng rằng sau 70 năm bị lưu đày tại Ba-by-lôn, một người rất quan tâm đến sự giữ gìn bản sắc dân tộc Y-sơ-ra-ên, là E-xơ-ra, một thầy tế lễ cũng là một Văn sĩ dạy luật pháp của Đức Chúa Trời cho dân Chúa. E-xơ-ra đã nhìn thấy trong 70 năm lưu đày nơi xứ người, bản chất người Y-sơ-ra-ên luôn luôn là nhớ đến địa vị tuyển dân mà tổ phụ Áp-ra-ham được Chúa nhận.

Vì tánh chất đặc thù của tuyển dân, nên nỗi buồn vong quốc đeo đuổi họ, như:

Thi thiên 42:3-4 diễn tả,

"Đương khi người ta hỏi tôi: Đức Chúa Trời ngươi đâu – câu hỏi nếu có Đức Chúa Trời thì sao dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày (?) – thì nước mắt làm đồ ăn tôi ngày và đêm. Xưa tôi đi cùng đoàn chúng, dẫn họ đến nhà của Đức Chúa Trời, có tiếng reo mừng và khen ngợi... Một đoàn đông giữ lễ; - Rày tôi nhớ lại điều ấy, và lòng buồn thảm".

Thi thiên 137:1-6 đã diễn tả:

“Chúng tôi đang ngồi, trên mé sông Ba-by-lôn, bèn nhớ lại Si-ôn và khóc. Chúng tôi treo đờn cầm chúng tôi trên cây dương liễu của sông ấy, vì ở đó có những kẻ bắt chúng tôi làm phu tù, có biểu chúng tôi hát xướng; kẻ cướp giật chúng tôi có đòi chúng tôi hát mừng, mà rằng: Hãy hát cho chúng ta một bài ca của Si-ôn. Trên đất ngoại bang, chúng tôi làm sao hát được bài ca của Đức Giê-hô-va? Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu ta quên người, nguyện tay hữu ta quên tài năng nó đi! Nếu ta không nhớ đến người, chẳng thích Giê-ru-sa-lem hơn sự vui vẻ nhất của ta, nguyện lưỡi ta dính nơi ổ gà!”

Tôi đã viết mấy dòng như sau để tỏ lòng tôn quý những người Y-sơ-ra-ên yêu mến quê hương:

Ba-by-lôn, một kiếp lưu đày,

Đất khách quê người nổi đắng cay.

Chiều lên vọng hướng về quê cũ,

Buồn thương muốn khóc, có ai hay?!

Ba-by-lôn, bên dòng sông lạnh,

Thành quách đèn đài in bóng xanh.

Chiều lên gọi nhớ lòng lữ khách.

Làm sao quên được bóng Giô-đanh.

Ba-by-lôn, những ngày nhạc hội,

Vui cười, nhảy múa, đầy tội lỗi

Chiều lên hàng liễu buồn rủ tóc,

Đàn treo tắt lịm tiếng lòng tôi.

Giê-ru-sa-lem, ta nhớ lắm,

Những buổi chiều lên màu đỏ thắm,

Đàn chiêng ơi gọi nhau về.

Ta nhớ quá! Một Giê-ru-sa-lem đêm thắm!

Giê-hô-va, nghe lời sám hối,

Tự đáy lòng tan vỡ sục sôi,

Cho Si-ôn vang bài ca thánh,

Cho chiều về nổi lại tiếng đàn tôi.

Đối với một người như E-xơ-ra nặng lòng về quê hương, dân tộc, ông đã thấy nhu cầu khẩn cấp như Kinh thánh đã ghi: “E-xơ-ra này từ Ba-by-lôn đi lên. Người là một văn sĩ thạo luật pháp của Môi-se, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã truyền cho... Vì E-xơ-ra đã định chí tra xét luật pháp của Đức Giê-hô-va, giữ làm theo, và dạy cho dân Y-sơ-ra-ên biết những luật pháp và giới mạng”. (E-xơ-ra 7:6-10).

E-xơ-ra phải giữ gìn Lời Chúa phán dạy và làm theo, vì E-xơ-ra học Lời Chúa có được lúc bấy giờ biết được dân Y-sơ-ra-ên bị Chúa phạt lưu đầy 70 năm vì họ không làm theo lời Chúa, họ thờ hình tượng và không giữ năm Sa-bát (II Sử 36:21).

Lúc bấy giờ trước khi bị lưu đầy, dân Y-sơ-ra-ên chỉ có Bộ Ngũ Kinh của Môi-se, còn các sách khác rải rác, bây giờ cần được sưu tập lại.

Điều khẩn cấp nữa là tình trạng lưu đầy khiến E-xơ-ra nhận ra nhu cầu gom nhóm người Y-sơ-ra-ên tập hợp lại để thờ phượng Chúa, học Lời Chúa, bởi đó Nhà Hội được thành lập, người Y-sơ-ra-ên có thể nhóm thờ phượng và học Lời Đức Chúa Trời bất cứ nơi nào. Ảnh hưởng Nhà Hội còn đến thời Tân Ước.

Dù tác giả là ai, người đó chắc chắn phải sống đồng thời với Giê-rê-mi hoặc sau đó không lâu, vì những lý do:

II Vua 25:29-30, chúng ta phải nhớ hai sách Các Vua I và II là một quyển, cuối sách đã ghi “Người [tức là vua Ba-by-lôn vừa mới lên ngôi] nói với Giê-hô-gia-kin (tức vua Giê-hô-gia-kin đã bị lưu đầy 37 năm tại Ba-by-lôn) lời hòa nhã, và đặt ngôi người cao hơn các vua đồng với người tại Ba-by-lôn. Người biểu lộ áo tù của Giê-hô-gia-kin, và cho người ăn đồng bàn với mình trọn đời người”. Chữ ‘trọn đời’ cho thấy sách được viết ra sau khi Giê-hô-gia-kin đã qua đời (phải nhớ Giê-hô-gia-kin và Tiên tri Ê-xê-chi-ên bị đầy qua Ba-by-lôn một lượt (II Vua 24:14 - 597 TC), vua được tha sau 37 năm bị tù (II Vua 25:27 - 561 TC.), và chết khoảng 550 TC).

Hai sách Các Vua I và II do một người viết ra vì cách dùng từ của hai sách giống nhau và mục đích viết sách cũng giống nhau. Mục đích chỉ ghi phần sử liên hệ đến tinh thần yêu mến Đức Chúa Trời.

Đời sống Salômôn dài 11 đoạn trong khi Ma-na-se làm vua 55 năm, lâu hơn Salômôn chỉ ghi 18 câu (II Vua 21:1). Nghĩa là người nào không yêu mến Đức Chúa Trời thì sách ghi ngắn, hoặc chỉ ghi gia phổ (I Vua 15:7, 23, 31; 16:5, 14, 27...).

Tuy nhiên người này chỉ san định lại những tài liệu có sẵn như:

I Vua 11:41, sách hành trạng của Salômôn.

I Vua 14:19, Sử ký vua Y-sơ-ra-ên.

Vì sưu tập tài liệu, nên sách có vài chỗ không đồng nhất về sự kiện, như I Các Vua 12:21-24, “Rô-bô-am... toan tranh chiến cùng nhà Y-sơ-ra-ên đặng bắt nước phục lại Rô-bô-am, con trai Sa-lô-môn” so với I Các Vua 14:30; “Vả, Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am đánh giặc nhau luôn luôn”, và 15:6 “Vả, Rô-bô-am đánh giặc nhau trọn đời mình”.

SÁCH I CÁC VUA 6

SA-LÔ-MÔN

Kinh thánh: I Vua 3:10-15

Câu gốc: I Vua 3:12

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng được học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời. Hôm nay, trong khi học sách I Các Vua, nhân vật nổi tiếng đến nỗi người chưa biết Chúa trên thế giới cũng biết, đó là vua Sa-lô-môn, một vị vua khôn ngoan đến nỗi Chúa xác nhận trước hay sau Sa-lô-môn không có ai khôn ngoan bằng. Chúng ta hãy tìm học về Sa-lô-môn nhé.

I/. SỰ THÀNH CÔNG CỦA SA-LÔ-MÔN – I Vua 3:10-15.

Nói đến Sa-lô-môn là mọi người đều nghĩ đến sự thành công của Sa-lô-môn, nhất là thành công về sự khôn ngoan và sự giàu có của Sa-lô-môn. Chúng ta sẽ học qua về sự thành công này.

Bí quyết thành công của Sa-lô-môn:

I Vua 3:10, những lời ngắn gọn của câu 10 đã nói lên bí quyết thành công của Sa-lô-môn. Bí quyết thành công đó là gì? Ấy là 'Lời của Sa-lô-môn đẹp lòng Chúa, vì người đã cầu xin sự đó'. Sa-lô-môn đã cầu xin điều gì mà Chúa vui lòng và Ngài sẵn sàng để ban thưởng cho Sa-lô-môn? Chúng ta phải đọc lại 3:4-9, để biết lời cầu xin của Sa-lô-môn:

3:4, Trước khi chánh thức cai trị với chức vụ là vua của Y-sơ-ra-ên, điều Sa-lô-môn làm là ông đã tìm một nơi cầu nguyện với Chúa, “Vua đi đến Ga-ba-ôn dâng dâng của lễ tại đó, vì nơi cao ấy là trọng nhứt; trên bàn thờ đó Sa-lô-môn dâng một ngàn con sinh làm của lễ thiêu”.

3:5-9 ghi nội dung lời cầu nguyện của Sa-lô-môn gồm: Sa-lô-môn nhìn nhận sự yếu kém của mình như một đứa trẻ trước một số dân đông không đếm được, chưa biết phải quản lý làm sao.

Dĩ nhiên, chúng ta tin rằng với địa vị là một Hoàng tử suốt 40 năm được cưng chiều, được yêu thương, chắc chắn Sa-lô-môn đã được tiếp thu một nền giáo dục cao, chắc chắn Sa-lô-môn cũng được dạy về môn quản trị cần có cho một vị vua. Thế tại sao Sa-lô-môn lại nói với Chúa: “tôi chỉ là một đứa trẻ nhỏ chẳng biết phải ra vào làm sao?”

Đây có phải là một sự khiêm nhường không cần thiết chẳng, hoặc nói cách khác: Một sự khiêm nhường giả dối, lịch sự mà chúng ta thường gặp trong những lời cầu nguyện ngày nay không? KHÔNG, tôi quả quyết rằng KHÔNG. Vì Sa-lô-môn biết ông đang nói với ai? Đặc biệt rõ ràng là Chúa đang trực tiếp phán với Sa-lô-môn (3:5), làm sao ông dám giả dối hay lịch sự xã giao với Chúa. Tôi dám quả quyết như vậy, vì quan niệm của Sa-lô-môn và những người thời đó đối với Chúa rất cung kính, không phải như ý thức hiện diện của Chúa mà chúng ta có ngày nay. Đó là lý do ngày nay, lời cầu nguyện của chúng ta lịch sự hơn là khiêm nhường, mang tính chất xã giao với Chúa hơn là thành thật thân hữu.

3:9, và Sa-lô-môn đã cầu xin: “Vậy, xin ban cho tôi tớ Chúa tấm lòng khôn sáng”.

Trong câu 5, Chúa cho phép Sa-lô-môn xin một điều: Hãy xin điều gì người muốn ta ban cho người. Chỉ xin một điều!

Trong Mác 10:51, Chúa Jêsus cũng đã cho người mù Ba-ti-mê xin một điều: “Người muốn ta làm chi cho người?”

Thật sự không phải dễ để chọn lựa một lời xin duy nhất. Có một câu chuyện về một người tin Chúa Jêsus ngược mắt lên hỏi Chúa:

Chúa ơi, đối với Chúa một triệu năm là khoảng thời gian bao nhiêu?

Chúa trả lời: 'Đối với ta, đó chỉ là một phút'. Người tin Chúa Jêsus đó hỏi tiếp: 'Chúa ơi, còn đối với một triệu đô-la là bao nhiêu?' Chúa trả lời: 'Chỉ là một xu'; lập tức người ấy xin Chúa: 'Chúa ơi, Chúa cho con một xu đó đi'.

Anh chị em biết Chúa trả lời thế nào không? Chúa có cho không? Chúa trả lời: 'Được, người hãy chờ một phút.'

Anh chị em có biết tại sao chúng ta ít khi thành công không? Có lẽ tại chúng ta không có lời xin Chúa như Sa-lô-môn, mà chỉ có lời xin Chúa giống người trong câu chuyện vừa kể, chỉ muốn xin Chúa một xu mà không xin Chúa một tấm lòng khôn sáng.

Nếu ngay bây giờ Chúa cho mỗi chúng ta xin một điều, anh chị em xin Chúa điều gì? Hãy nhớ đó là lời cầu xin duy nhất! Tôi rất muốn phát mỗi người một tờ giấy để mỗi người ghi ngay vào giấy đó điều mình muốn xin Chúa ngay bây giờ.

Những điều Sa-lô-môn thành công – I Vua 3:11-13.

Trong lời hứa ban ơn cho Sa-lô-môn, Chúa đã công bố hai điều ban cho Sa-lô-môn

Chúa ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan: I Vua 3:11-12,

Chúa hứa ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan như người cầu xin, chẳng những thế, Chúa lại ban cho sự khôn ngoan mà trước và sau Sa-lô-môn không ai có được. Sự khôn ngoan tuyệt vời này được chứng minh rõ ràng. Sách I Vua 4:29-34, đã mô tả sự khôn ngoan tuyệt vời mà Chúa đã ban cho Sa-lô-môn.

Chúa ban thêm cho Sa-lô-môn sự giàu có – I Vua 3:13

Chúa Jêsus có phán một lời trong Ma-thi-ơ 6:33, “Nhưng trước hết hãy tìm kiếm Nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa”. Và Đức Chúa Trời thật đã cho thêm Sa-lô-môn mọi điều ấy nữa.

Kinh thánh không nói rằng Đức Chúa Trời luôn ban cho người mà Ngài yêu mến một đời sống thịnh vượng, vì chính Chúa Jêsus Christ khi Ngài đến thế gian, Chúa cũng đã tự làm nên nên nghèo (II Cô. 8:9). Nhưng Chúa cũng không để cho kẻ yêu mến Chúa phải đi ăn mày. Duy có điều giữa hai sự chọn lựa như Sa-lô-môn phải chọn lựa: sự Khôn ngoan hoặc chọn sự Giàu có, thì chúng ta sẽ chọn điều nào? Có nhiều người nghĩ rằng mình sẽ xin sự giàu có, vì khi giàu rồi sẽ mua được sự khôn ngoan. Đó là một sự chọn lựa dại dột khủng khiếp nhất, như Chúa Jêsus Christ đã phán với người suốt đời chỉ tìm giàu có, “... Đức Chúa Trời phán cùng người rằng: Hỡi kẻ dại! Chính đêm nay linh hồn người sẽ bị đòi lại; vậy những của cải người đã sắm sẵn sẽ thuộc về ai?” (Luca 12:20).

Chúng ta không thể nói có tiền mua tiên cũng được, vì có nhiều thứ mà tiền bạc không mua được, trong số đó có SỰ KHÔN NGOAN. Kinh thánh sách Châm ngôn 9:10 làm chứng rằng sự khôn ngoan có được

nơi người kính sợ Đức Giê-hô-va. Thế giới có rất nhiều người giàu mà chẳng khôn ngoan gì cả, trong khi đó không có ai trên thế giới này khôn ngoan mà nghèo khổ cả. (Thi. 34:10; 37:25).

II/. SỰ THẤT BẠI CỦA SA-LÔ-MÔN – I Vua 11.

I Vua 11:1-8 cho chúng ta biết nguyên nhân thất bại của Sa-lô-môn. Căn cứ vào lời Chúa dạy trong sách Phục truyền 17:16-17, Chúa đã răn cấm những người làm vua trong Y-sơ-ra-ên ba điều:

câu 16, vua chớ nên lo cho có nhiều ngựa. Kỹ thuật tác chiến thời Sa-lô-môn, ngựa là phương tiện di chuyển nhanh nhất. Với các đội kỵ binh và chiến xa kéo bằng ngựa, sẽ làm cho sức mạnh của quân đội đạt mức tối đa. Lịch sử thế giới cho chúng ta biết mãi đến thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, ngựa vẫn còn là phương tiện tác chiến hiệu quả. Thế giới không thể nào quên được những đội kỵ binh của Đế quốc La Mã, của Mông cổ, của Hồi giáo đã trải dài từ Á sang Âu.

Nhưng lúc bấy giờ, Ai Cập là nước cung cấp ngựa chiến rất tốt, vì vậy nó sẽ là một sự cám dỗ khiến tuyến dân dễ bị thỏa hiệp với nếp sống tội lỗi của Ai Cập. Đây là tinh thần chủ chiến, mà Chúa chúng ta là Chúa của sự hòa bình, không phải Chúa của sự loạn lạc (I Cô. 14:33).

câu 17a, vua cũng không được kén nhiều phi tần, e lòng người trở xấu xa. Đây là tội ham mê tình dục, sắc dục. Lịch sử thế giới đã cho chúng ta nhiều bài học các vua mất nước vì mê nữ sắc. Sa-lô-môn có đến 700 hoàng hậu và 300 cung nữ hay phi tần, nguy hiểm hơn nữa là những người nữ đó lại thuộc về các dân ngoại bang mà Sa-lô-môn cưới về cho kế hoạch hôn nhân ngoại giao, hầu được đất và bình an với các lân bang. Ông không biết rằng ‘dưỡng hổ di họa’.

câu 17b, vua cũng không được thâu góp nhiều vàng bạc. Kinh thánh dạy: “Sự tham tiền bạc là cội rễ mọi điều ác, có kẻ vì đeo đuổi nó mà bội đạo, chuốc lấy nhiều điều đau đớn” (I Tim. 6:10).

Tại hại thay, Sa-lô-môn vi phạm hết cả ba điều Chúa răn cấm một vị vua không được làm. Câu hỏi được đặt ra là một người khôn ngoan như Sa-lô-môn há chẳng biết những nguy hiểm của những điều đó sao? Sa-lô-môn há chẳng biết Lời Chúa răn cấm sao?

I Vua 11:4, có một nhóm từ đáng phải chú ý, vì đó là câu trả lời cho những thắc mắc trên: “Trong buổi già yếu, các hoàng hậu dụ lòng người đi theo các thần khác”. Chúng ta không thể phủ nhận Sa-lô-môn biết Lời Chúa dạy, vì đối với người Y-sơ-ra-ên, bộ Luật của Môi-se là căn bản, không thể thiếu trong đời sống cá nhân và cả nước. Nhưng những chữ: “Trong buổi già yếu” có thể trước đó những người nữ chung quanh Sa-lô-môn đã nhiều lần quyến dụ Sa-lô-môn, nhưng Sa-lô-môn đã đứng vững. Rủi thay Sa-lô-môn quá chủ quan, vì ‘sông có khúc, người có lúc’, lúc mạnh lúc yếu, đời sống thuộc linh cũng như đời sống thuộc thể khi mạnh khi yếu. Rốt lại đến lúc Sa-lô-môn không còn đứng vững được nữa, và ông đã thua mưu chước của kẻ dữ, đã đứng trong đường tội nhân, và Sa-lô-môn đã ngồi vào chỗ của kẻ nhạo báng (Thi.1:1; I Cô-rinh-tô 10:12).

III/. HẬU QUẢ CỦA VIỆC SA-LÔ-MÔN THẤT BẠI –

I Vua 11:9-13 là những lời tuyên án thật khủng khiếp của Chúa đối với Sa-lô-môn. Tại sao Chúa phạt Sa-lô-môn nặng nề như vậy?

11:9-10, Chúa cho Sa-lô-môn biết đã hai lần Chúa đã hiện ra nhắc nhở ông không được thờ lạy các thần khác. Anh chị em phải nhớ là Chúa ĐÃ HAI LẦN hiện ra nhắc Sa-lô-môn, không phải không nhắc nhở hoặc chỉ nhắc một lần.

11:11a, vì Sa-lô-môn đã không giữ giao ước và luật pháp của Chúa đã truyền dạy.

Hình phạt Chúa dành cho Sa-lô-môn là gì? 11:11b, (1) những kẻ thù nghịch nổi lên khắp nơi (11:14-25); (2) Chúa đoạt lấy nước của Sa-lô-môn mà cho kẻ tội tở của Sa-lô-môn - kẻ tội tở đó là Giê-rô-bô-am (11:26), chỉ để lại một chi phái cho con trai của Sa-lô-môn, như Chúa đã phán trước trong I Vua 3:14.

Bài học mà chúng ta có thể học được qua sự thành công và thất bại của Sa-lô-môn:

Chúng ta dễ thất bại trong lúc thành công. Giống như Đa-vít, đang lúc thành công bách chiến bách thắng trên chiến trường, thì Đa-vít thất bại trong tình trường (II Sam. 11:1-2); Sa-lô-môn cũng đã thất bại ngay trong chiến lược hôn nhân ngoại giao, chiến lược này đã đem đến cho Sa-lô-môn dịp mở rộng đất đai, hòa bình bốn phía, nhưng cũng chính chiến lược này đã phá hoại sự thanh bình của đất nước và làm cho Sa-lô-môn mất đất đồng thời cũng mất dân.

Để có được một đất nước thống nhất, bình an, nghĩa là thành công, Sa-lô-môn phải nhờ từ kinh nghiệm của Đa-vít, đến bao nhiêu chất xám của cá nhân mình; nhưng giữ được sự thành công lâu dài - đến cuối đời thì càng khó hơn. Anh chị em có nhớ lời của Chúa Jêsus Christ phán trong Ma-thi-ơ 7:22-23 không? Chắc chắn những người trong phần Kinh thánh này đã có một thời gian thành công: đã từng nói tiên tri, đã từng trừ quỷ, đã từng làm nhiều phép lạ... nhưng rõ ràng họ đã không giữ được sự thành công đó lúc Chúa đến. Hậu quả là thành tích quá khứ đã không có giá trị đối với hiện tại, và Chúa Jêsus đã phán: "Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta".

Đó là điều Phao-lô dạy chúng ta trong linh trình theo Chúa qua thư I Cô. 9:24, "... Vậy, anh em hãy chạy cách nào cho được thưởng".

SÁCH I CÁC VUA 7

SA-LÔ-MÔN – NGƯỜI CHẠY KHÔNG ĐẾN MỨC.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Học Kinh thánh để tìm hiểu những việc Đức Chúa Trời đã cho ghi vào Kinh thánh, đồng thời cũng để áp dụng vào đời sống thuộc thể lẫn thuộc linh của mình, hầu cho đời sống chúng ta đẹp lòng Đức Chúa Trời và sẵn sàng làm mọi việc lành. Hôm nay, qua đời sống của vua Sa-lô-môn cũng để lại cho chúng ta một bài học cực kỳ quý báu, mà Phao-lô đã nói đến trong thư gửi cho người tại thành Phi-líp: “Ấy không phải tôi đã giựt giải rồi, hay là đã đến nơi trọn lành rồi đâu, nhưng tôi đương chạy hầu cho giựt được, vì chính tôi đã được Đức Chúa Jê-sus Christ giựt lấy rồi. Hỡi anh em, về phần tôi, tôi không tưởng rằng đã đạt đến mục đích, nhưng tôi cứ làm một điều: quên lửng sự ở đằng sau, mà bươn theo sự ở đằng trước, tôi cứ nhắm mục đích mà chạy, để giựt giải về sự kêu gọi trên trời của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jê-sus Christ” (Phi-líp 3:12-14). Đây là sự dạy dỗ mà nhiều người bỏ qua, giống như những người đã thưa với Chúa Jê-sus Christ trong ngày cuối cùng, như Chúa Jê-sus Christ đã phán: “Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhờn danh Chúa mà nói tiên tri sao? Nhờn danh Chúa mà trừ quỷ sao? Và lại nhờn danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta” (Math. 7:22-23). Có lẽ những người này đã khởi sự chạy đua rất tốt, nhưng chạy gần đến mức thì họ bỏ cuộc. Vua Sa-lô-môn là người chạy đua gần đến mức thì bỏ cuộc.

I/. SA-LÔ-MÔN BỎ CUỘC TRONG CỦA CÁI. I Vua 6:37 và 7:1

Nói đến vua Sa-lô-môn thì người học Kinh thánh sẽ nhớ ngay đến công trình xây dựng Đền thờ đầu tiên và duy nhất cho Đức Giê-hô-va. Công cuộc xây dựng Đền thờ dù chưa phải là kỳ quan thế giới, nhưng cũng tiêu tốn ước không dưới 5 triệu đô-la Mỹ, và Kinh thánh ghi thời gian mà vua Sa-lô-môn xây dựng Đền thờ của Đức Giê-hô-va: “Sa-lô-môn cất đền hết bảy năm” (I Vua 6:37).

Tiếp theo đó, đoạn 7:1, Kinh thánh ghi: “Sa-lô-môn cũng xây cất cung điện mình, xong mọi việc trong mười ba năm”.

Như vậy, vua Sa-lô-môn xây đền thờ cho Chúa mất bảy năm, nhưng dùng đến mười ba năm xây cung điện cho mình. Đáng lẽ tiêu xài cho mình ít hơn để dâng cho Chúa nhiều hơn, thì Sa-lô-môn đã làm ngược lại, Sa-lô-môn đã tiêu xài cho mình nhiều hơn, dâng cho Chúa ít hơn một phần hai.

Tác giả Thi thiên 116 đã nói khi cảm cái ơn của Chúa đối với cá nhân mình, cứu mình khỏi chết: “Tôi sẽ lấy gì báo đáp Đức Giê-hô-va về các ơn lành mà Ngài đã làm cho tôi?” (Thi. 116:12). Sứ đồ Phao-lô cũng nói: “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ, mà tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi; nay tôi còn sống trong xác thịt, ấy là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu tôi, và đã phó chính mình Ngài vì tôi”. Bởi đó, Phao-lô đã khuyên giục người tin Chúa Jê-sus ở Rô-ma: “Vậy, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình”. Không chỉ nói, chỉ khuyên, chính Phao-lô cũng làm như vậy trước bao ơn lành Chúa đã làm cho ông, ông nói: “Tôi cũng coi hết thấy mọi sự như là sự lố, vì sự nhận biết Đức Chúa Jê-sus Christ là quý hơn hết, Ngài là Chúa tôi, và tôi vì Ngài mà liêu bỏ mọi sự đó. Thật, tôi xem những điều đó như rơm rác, hầu cho được Đấng Christ” (Rô. 12:1; Phi-líp 3:8).

Xin Chúa cho chúng ta học gương của Phao-lô tập tiêu xài cho mình ít hơn để dâng cho Chúa nhiều hơn (Phi-líp 4:11). Một bài học cho người tin Chúa Jê-sus sử dụng của cải (I Tim. 6:17-19).

II/. SA-LÔ-MÔN BỎ CUỘC TRONG GIA ĐÌNH.

Nói đến Sa-lô-môn thì phải nói đến vua cha Đa-vít. Cảm ơn Chúa cho vua Sa-lô-môn có một người cha tuyệt vời, dù Sa-lô-môn được sanh ra qua tội lỗi của vua cha Đa-vít với Bát-sê-ba, sứ đồ Ma-thi-ơ ghi rõ: “Đa-vít bởi vợ của U-ri sanh Sa-lô-môn” (Math. 1:6b), mà không ghi Đa-vít ‘bởi vợ mình’ sanh Sa-lô-môn. Vết thương từ tội lỗi này đã gây cho Đa-vít đau khổ nên từ đó về sau, Đa-vít không hề dám có thêm một người nữ nào trong đời sống, dù lúc bấy giờ Đa-vít mới ba mươi tuổi và là một hoàng đế danh tiếng, Đa-vít đã dồn tình yêu thương cho đứa con cuối của mình tên Sa-lô-môn.

Tình yêu thương của vua cha Đa-vít dành cho Sa-lô-môn thể hiện qua việc truyền ngôi vua cho Sa-lô-môn, trong khi ngai vị này theo thứ tự phải là của Hoàng tử A-đô-ni-gia (I Vua 1). Nhất là đọc qua lời Đa-vít trăng trối, đủ thấy Sa-lô-môn đã được Đa-vít chú tâm dạy dỗ 40 năm:

Đa-vít nhắc những điều ông đã dạy con về Chúa: “Hãy giữ điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời muốn con giữ, để đi trong đường lối Ngài, gìn giữ những luật pháp, điều răn, mạng lệnh, và sự dạy dỗ của Ngài, y như đã chép trong luật pháp của Môi-se, hầu cho con làm điều chi hay là đi nơi nào cũng đều được thành công” (2:2-3).

Các nhà giải kinh cho rằng Đa-vít đã giao cho tiên tri Na-than làm người dạy về Chúa cho Sa-lô-môn từ thơ ấu và chính tiên tri Na-than đặt tên riêng cho Sa-lô-môn là Giê-đi-đia, nghĩa là ‘Đức Giê-hô-va yêu thương’, giống như tên của Đa-vít (II Sam. 12:25).

Dù trực tiếp hoặc gián tiếp qua tiên tri Na-than, chắc chắn Đa-vít đã dạy và muốn con trai mình là Sa-lô-môn đi trong sự tin kính Đức Chúa Trời. Chính những dạy dỗ về Chúa này đã khiến Sa-lô-môn đã nài xin Đức Giê-hô-va ban cho mình sự khôn ngoan (3:9).

Vua cha Đa-vít cũng đã sống làm gương cho con trai Sa-lô-môn của ông, dù Đa-vít đã có một quá khứ phóng túng phung phí đời sống tình cảm, nhưng từ khi có Sa-lô-môn, Đa-vít nói với con trai Sa-lô-môn: “Đức Giê-hô-va đã làm ứng nghiệm lời Ngài phán về ta, rằng: Nhược bằng các con trai người cẩn thận về đường lối mình, hết lòng, hết ý theo lẽ thật mà đi ở trước mặt ta, thì người sẽ chẳng hề thiếu người ngồi trên ngôi Y-sơ-ra-ên” (2:4).

Chắc chắn từ khi sanh Sa-lô-môn, Đa-vít đã cố gắng giữ mình trong lời Chúa dạy để làm gương cho con trai Sa-lô-môn, Đa-vít đã nhắc lại lời Chúa hứa cho hậu tự của Đa-vít để con trai Sa-lô-môn nhớ mà làm theo.

Tuy nhiên, đến sách I Các Vua đoạn 12, Sa-lô-môn đã để lại một đứa con trai nối ngôi không được dạy dỗ gì về Chúa. Kinh thánh ghi nhận những lời nói, tánh tình của Rô-bô-am, con trai của Sa-lô-môn khi người này lên ngôi:

Khi dân sự trình những yêu cầu giảm thuế cho họ, vì suốt triều đại của vua Sa-lô-môn đã thu thuế dân chúng quá nặng. Dân chúng nói: “Thân phụ vua đã làm cho ách chúng tôi nặng quá; nhưng bây giờ vua hãy giảm nhẹ sự phục dịch khó nhọc và cái ách nặng mà thân phụ vua đã gán cho chúng tôi, thì chúng tôi sẽ phục dịch vua” (12:4).

Đáng buồn thay, Rô-bô-am đã không có lời nói êm dịu, con trai của Sa-lô-môn đã đáp lại lời thỉnh cầu của dân chúng: “Vua đáp lời với dân sự cách xằng xớm, không kể các lời bàn luận của các trưởng lão, và theo mưu các kẻ trai trẻ mà đáp lại cùng chúng rằng: Cha ta đã khiến cho ách các người nặng nề; ta sẽ làm ách các người càng nặng nề hơn nữa. Cha ta có sửa phạt các người bằng roi da, ta sẽ sửa phạt các người bằng roi bọ cạp” (12:13-14) .

Về tánh tình, mới lên ngôi, Rô-bô-am, con trai của Sa-lô-môn có hai hạng cố vấn: Hạng cố vấn trưởng lão và hạng cố vấn trẻ.

Với số tuổi là 41 tuổi khi lên ngôi (14:21), so với số tuổi 40 của vua cha Sa-lô-môn, so với tuổi 30 của ông nội là Đa-vít, rõ ràng Rô-bô-am vững vàng hơn. Tiếc thay, tuổi trẻ háu thắng, Kinh thánh nói về tánh tình của Rô-bô-am: “Nhưng Rô-bô-am không theo mưu của các trưởng lão đã bàn cho mình; bàn nghị cùng các trai trẻ đồng lớn lên với mình, và hầu hạ mình... Các gã trai trẻ đồng lớn lên với người đáp rằng:... vua phải đáp lại cùng chúng như vậy: Ngón tay út ta còn lớn hơn lưng của cha ta...” (12:6-11).

Vua Sa-lô-môn có một người cha dạy con tuyệt vời về Chúa; vua Sa-lô-môn được Chúa ban sự khôn ngoan tuyệt vời, nhưng đối với con mình, Sa-lô-môn đã nói rất khôn ngoan trong sách Châm ngôn rằng: “Nó sẽ chết vì thiếu lời khuyên dạy, và bị làm lạc vì ngu dại quá...” thế mà Sa-lô-môn không dạy con mình “con đường nó phải theo, đầu khi nó trở về già, cũng không hề lia khỏi đó” (Châm. 5:23; 22:6).

Một bài học cho các bậc cha mẹ đối với con cái!

III/. SA-LÔ-MÔN BỎ CUỘC TRONG ĐỨC TIN NƠI CHÚA.

Câu Kinh thánh có thể xem là lời tóm tắt đời sống của vua Sa-lô-môn chính là 11:4, lời Chúa phán: “Trong buổi già yếu, các hoàng hậu của Sa-lô-môn dụ lòng người đi theo các thần khác: Đối cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, lòng người chẳng trọn lành như thể lòng của Đa-vít, là cha người”.

Kinh thánh đã ghi lại Sa-lô-môn đã khởi đầu đức tin rất tốt với những bằng cứ thể hiện đức tin như sau:

2:1-4, Sa-lô-môn nghe những lời trăng trối của vua cha Đa-vít khuyên dạy sống đời sống kính sợ Chúa, và Sa-lô-môn không có lời phản đối nào.

3:3, vừa lên ngôi vua, Sa-lô-môn được Kinh thánh ghi nhận: “Sa-lô-môn kính mến Đức Giê-hô-va, và đi theo các luật lệ của Đa-vít, cha mình...Vua đi đến Ga-ba-ôn dâng dâng của lễ tại đó, vì nơi cao ấy là trọng nhứt; trên bàn thờ đó Sa-lô-môn dâng một ngàn con sinh làm của lễ thiêu”.

Sa-lô-môn đã dùng bảy năm xây dựng một đền thờ nguy nga cho Đức Giê-hô-va, ngôi đền thờ đầu tiên của dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Chúa từ khi được họ được cứu khỏi kiếp nô lệ tại Ai Cập trở thành một vương quốc độc lập, cũng là ngôi đền thờ duy nhất của dân Y-sơ-ra-ên, dù trải thăng trầm lịch sử vẫn được tái thiết chính trên địa điểm này.

Sau bảy năm xây dựng, Sa-lô-môn đã tổ chức một lễ cung hiến đền thờ cho Đức Giê-hô-va cách trọng thể, khiến Chúa đẹp lòng bày tỏ vinh hiển của Chúa, Kinh thánh ghi: “Xảy khi những thầy tế lễ đã ra khỏi nơi thánh, bèn có mây đầy dẫy nhà của Đức Giê-hô-va, đến nỗi những thầy tế lễ vì có mây ấy không thể đứng đó mà hầu việc được, vì sự vinh quang của Đức Giê-hô-va đầy dẫy đền của Đức Giê-hô-va” (8:10-11).

Nhưng lời Chúa phán: “Trong buổi già yếu, các hoàng hậu của Sa-lô-môn dụ lòng người đi theo các thần khác: Đối cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, lòng người chẳng trọn lành như thể lòng của Đa-vít, là cha người”.

Và Kinh thánh đã ghi một vua Sa-lô-môn quên Đức Giê-hô-va: “Vì Sa-lô-môn cúng thờ Át-tạt-tê, nữ thần của dân Si-đôn, và thần Minh-côm, là thần đáng gớm ghiếc của dân Am-môn. Như vậy, Sa-lô-môn làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, chẳng vâng theo Đức Giê-hô-va cách trọn lành như Đa-vít, cha người, đã làm. Bấy giờ, Sa-lô-môn lại xây cất tại trên núi đối ngang Giê-ru-sa-lem, một nơi cao cho Kê-móc, vật đáng gớm ghiếc của dân Mô-áp, và cho Mo-lóc, vật đáng gớm ghiếc của dân Am-môn. Vua cũng làm như vậy cho hết thảy các hoàng hậu ngoại của mình, xông hương và tế lễ cho thần của chúng nó” (11:4-8) – Kinh thánh cho biết là Sa-lô-môn có 700 hoàng hậu và 300 cung nữ (11:3), thì tưởng tượng đất Y-sơ-ra-ên có bao nhiêu bàn thờ (?).

Và “Đức Giê-hô-va nổi giận cùng Sa-lô-môn, bởi vì lòng người trở bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là Đấng đã hai lần hiện đến cùng người” (11:9). Đó là lý do sứ đồ Phao-lô đầy run rẩy sợ hãi trước ân điển của Chúa mà viết ra lời tự chứng kèm theo lời khuyên: “Ấy không phải tôi đã giựt giải rồi, hay là đã đến nơi trọn lành rồi đâu, nhưng tôi đương chạy hầu cho giựt được, vì chính tôi đã được Đức Chúa Jêsus Christ giựt lấy rồi... Vậy, hễ những người trọn vẹn trong chúng ta, phải có ý tưởng đó” (Phi-líp 3:12-15).

SÁCH I CÁC VUA 8

ĐỀN THỜ

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta đã được cùng nhau học những bài học quý báu từ đời sống của vua Sa-lô-môn, có những bài học từ gương tốt của Sa-lô-môn, nhưng cũng học những gương xấu của Sa-lô-môn để cảnh tỉnh chính đời sống của chúng ta, như bài học dạy con, bài học theo Chúa là một cuộc đua không phải chạy trước hoặc chạy sau, chạy nhanh hoặc chạy chậm, vấn đề quan trọng là chạy cho đến mức, như Chúa đã đòi nơi người tin Chúa Jêsus trong Hội thánh tại Si-miéc-nơ: “Khá giữ trung tín CHO ĐẾN CHẾT...” (Khải 2:10b).

Và như chúng ta đã nói, nhắc đến Sa-lô-môn là phải nói đến Đền thờ mà Sa-lô-môn đã xây dựng cho Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.

ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỀN THỜ DO SA-LÔ-MÔN XÂY.

Đặc điểm thứ 1 của Đền thờ do Sa-lô-môn xây:

Chúng ta đã đọc và học sách Xuất Ê-díp-tô ký đều biết khi Đức Chúa Trời giải cứu dân Y-sơ-ra-ên, sau khi đem họ ra khỏi Ai Cập, trên hành trình dừng lại ở bán đảo Si-nai, ngoài việc ban cho dân Y-sơ-ra-ên đã được cứu khỏi đời nô lệ tại Ai Cập, và để dân Chúa thành một dân tộc độc lập, Đức Chúa Trời đã ban luật pháp với căn bản là 10 Điều răn, giống như Bản Hiến Pháp của bất cứ quốc gia nào xưa nay trên đất.

Sau khi ban luật pháp với 10 Điều răn kèm theo các lời giải thích chi tiết áp dụng vào đời sống theo Chúa cùng làm người trên đất đối với nhau, Đức Chúa Trời còn ra lệnh và chỉ dạy từng chi tiết cho Môi-se bản kế hoạch xây dựng một Đền thờ cho Đức Chúa Trời. Vì dân Chúa phải di chuyển luôn trong 40 năm lang thang trong đồng vắng, Đức Chúa Trời dạy Môi-se dựng một Đền thờ cho Chúa bằng vật liệu tháo ráp được, nên Kinh thánh gọi là Đền Tạm.

Danh từ Đền Tạm ám chỉ tạm thời trong thời gian 40 năm lang thang giữa đồng vắng thoi, chắc chắn sẽ được thay bằng một Đền thờ cố định. Đó là Đền thờ mà vua Sa-lô-môn đã xây dựng cho Chúa.

Đặc điểm thứ 2 của Đền thờ do Sa-lô-môn xây:

Đối với người Y-sơ-ra-ên, qua Kinh thánh và lịch sử chứng minh, dân Y-sơ-ra-ên chỉ xây dựng một Đền thờ duy nhất cho Đức Chúa Trời, từ Đền tạm được sử dụng trong thời gian lang thang nơi đồng vắng 40 năm, khi vào Đất Hứa, đang lúc chưa có Đền thờ chính thức, người Y-sơ-ra-ên cũng chỉ có nơi duy nhất để Đền tạm là tại Si-lô (Giô-suê 18:1). Biểu tượng chính sự hiện diện của Đức Chúa Trời tại nơi này là Hòm Giao ước. Sau đó, có lẽ vì sự đánh phá của người Phi-li-tin nên người Y-sơ-ra-ên đã di dời Đền tạm về Nóp phía đông bắc của Giê-ru-sa-lem, thuộc địa phận chi phái Bên-gia-min và là thành của thầy tế lễ (I Sa-mu-ên 4:1; 21:1; Nê-hê-mi 11:31-32; Giê. 7:12; I Sa-mu-ên 22:19).

Cuối cùng Chúa đã cho vua Sa-lô-môn chính thức xây dựng một Đền thờ cho Chúa tại kinh đô Giê-ru-sa-lem. Từ đó, người Y-sơ-ra-ên không bao giờ xây một Đền thờ thứ hai, khác với quan điểm của các tôn giáo, đạo giáo, họ thường xây nhiều nơi thờ tự. Khi quân Ba-by-lôn tấn công Giê-ru-sa-lem vào năm 587 TC., họ phá hủy Đền thờ do vua Sa-lô-môn xây, đày dân Giu-đa qua Ba-by-lôn 70 năm, thì người Y-sơ-ra-ên tìm cơ hội họp lại những nơi được gọi là Nhà Hội là một ngôi nhà bình thường để học Kinh thánh Cựu Ước, hát Thi thiên và cầu nguyện với Đức Chúa Trời, họ cũng dùng Nhà Hội để mở trường dạy Kinh

thánh Cựu Ước bằng tiếng Hi-bá-lai, duy trì văn hóa bản sắc dân tộc Y-sơ-ra-ên, trong đó có Do-thái giáo, mãi đến thời Tân Ước.

KẾ HOẠCH XÂY ĐỀN THỜ:

Sau khi thống nhất Y-sơ-ra-ên, vua Đa-vít luôn nghĩ đến việc xây một Đền thờ cho Chúa. II Samuên 7:1-2, ghi lại lời Đa-vít chia sẻ với tiên tri Na-than: “Khi vua đã ngự trong cung mình, và Đức Giê-hô-va đã giải cứu người khỏi các kẻ thù nghịch chung quanh mình, khiến cho người được bình an, thì vua nói cùng tiên tri Na-than rằng: Hãy xem, ta ngự trong cái cung bằng bá hương, còn hòm của Đức Chúa Trời lại ở dưới màn trướng”. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã ngăn cản không cho Đa-vít xây Đền thờ cho Chúa, Sách I Các Vua thì ghi khái lược lời Chúa dùng tiên tri Na-than ngăn vua Đa-vít xây Đền thờ: “Nhưng trong lúc ban đêm, có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Na-than rằng: Hãy đi nói cùng Đa-vít, tôi tớ ta rằng:... Khi các ngày người đã mãn, và người ngủ với các tổ phụ người, thì ta sẽ lập dòng giống người sanh ra, và ta sẽ khiến cho nước nó bền vững. Nó sẽ xây một đền thờ cho danh ta...” (I Vua 7:4-13), còn chính vua Đa-vít đã thuật lại đầy đủ lý do Chúa không cho Đa-vít trực tiếp xây đền thờ: “Bấy giờ, Đa-vít gọi Sa-lô-môn, con trai mình, truyền dặn người cất một cái đền cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Đa-vít nói với Sa-lô-môn rằng: Hỡi con, ta có ý muốn xây cất một cái đền cho danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời ta; nhưng có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: người đã đổ huyết ra nhiều, đánh những giặc lớn lao; vậy vì người đã đổ huyết ra nhiều trên đất tại trước mặt ta, nên người sẽ chẳng cất đền cho danh ta. Kìa, con trai mà người sanh ra, nó sẽ là người thái bình... vì tên nó sẽ là Sa-lô-môn.... Nó sẽ cất một cái đền cho danh ta...” (I Sử 22:6-10).

Cảm ơn Chúa, dù không được Chúa cho phép xây, Đa-vít cũng đã dự trữ từ kiểu mẫu Đền thờ, vật liệu, để lại góp phần với Sa-lô-môn (I Sử 28:2-12, 19; 29:2).

VẬT LIỆU XÂY ĐỀN THỜ:

Đền thờ được xây dựng bằng bốn loại vật liệu chính:

ĐÁ:

Cái nền của Đền thờ là tại trên núi Mô-ri-a, nơi Áp-ra-ham đã dâng con trai một yêu dấu cho Đức Chúa Trời (Sáng. 22:2) và là sân đập lúa của Ọt-nan, nơi vua Đa-vít đã mua lại của A-rau-na còn có tên khác là Ọt-nan, người Giê-bu-sít (II Samuên 24:24-25; II Sử 3:1), rộng độ 200 ha (Xem Thánh Kinh Tự Điển của W. Cadman).

Chỉ một tảng đá ở đó dài 12 mét và là đá quý (I Vua 5:17). Đá này được đẽo sẵn nơi hầm nên tại Đền thờ người ta không nghe tiếng đẽo đá (I Vua 6:7).

Hiện nay cái nền Đền thờ này và một vách Đền thờ vẫn còn. Người Do thái thường đến đây để cầu nguyện trong tiếng khóc, nên được gọi là Bức Tường Than Khóc.

GỖ:

Gỗ được dùng xây dựng Đền thờ là gỗ hương bách hay hương nam (Thi thiên 29:5; Êxêchiên 31:3, 5). Cây hương nam là loại cây rắn chắc, mùa đông không rụng lá, rất thơm (Nhã ca 4:11; Ôsê 14:6). Gỗ này thường được dùng làm nhà (Giê. 22:14).

Ngoài ra còn có gỗ tùng (I Vua 6:15) dùng làm nền và gỗ Ôlive (I Vua 6:23, 31).

VÀNG:

Sa-lô-môn dùng vàng để bọc phần trong Đền thờ và những khí dụng của Đền thờ (I Vua 6:20-22, 28, 30, 32-33; 7:48-50).

ĐỒNG:

Sách I Vua 7:15-47 cho thấy những vật dụng bên ngoài Đền thờ đều bằng đồng. Salômôn có một người thợ đặc biệt phụ trách về các vật dụng bằng đồng, “Vua Sa-lô-môn sai người đòi Hi-ram ở Ty-rơ đến. Người là con trai của một người đờn bà góa về chi phái Nép-ta-li, còn cha là người Ty-rơ, làm thợ đồng. Hi-ram đầy sự khôn ngoan, thông hiểu, có tài làm các thứ công việc bằng đồng. Người đến vua Sa-lô-môn, và làm mọi công việc người” (7:13-14).

Trọng lượng của ĐỒNG không thể cân, “Các khí dụng này mà Hi-ram làm cho Sa-lô-môn trong đền Đức Giê-hô-va, đều bằng đồng đánh bóng. Vua biểu đúc các vật đó tại đồng bằng Giô-đanh, trong một nơi đất sét, giữa Su-cốt và Xát-than. Vua Sa-lô-môn không cân một món nào trong các khí dụng ấy, bởi vì nhiều quá; người không xét sự nặng của đồng (7:45-47).

Người ta tính phỏng trị giá vật liệu xây dựng Đền thờ từ 2 đến 5 tỉ Mỹ kim (thời giá thập niên 50 thế kỷ 20).

CÔNG TÁC XÂY DỰNG:

Sách I Các Vua đoạn 5 tường thuật rõ ràng từng chi tiết công tác vua Sa-lô-môn xây dựng Đền thờ cho Chúa:

5:1-14, “Vua Sa-lô-môn chiêu mộ trong cả Y-sơ-ra-ên những người làm xâu, số là ba vạn người, sai họ đi đến Li-ban và thay phiên mỗi tháng mười ngàn người; họ ở một tháng tại Li-ban và hai tháng nơi nhà mình; A-đô-ni-ram quản xuất người làm xâu”.

5:15, “Sa-lô-môn còn có bảy vạn [70.000] người khiêng gánh và tám vạn [80.000] người đẽo đá trong núi”.

5:16, “không kể những đốc công, số là ba ngàn ba trăm người [3.300] mà Sa-lô-môn đã đặt coi sóc công việc và sai khiến dân làm việc”.

Thời gian xây Đền thờ là 7 năm (I Vua 6:37). Với thời gian và công trình xây dựng khá đồ sộ như vậy, nhưng chúng ta hãy nghe những lời của vua Sa-lô-môn nói về Đền thờ mà vua đã xây cho Chúa, vua Sa-lô-môn đã nói những lời này với Chúa trong ngày vua cung hiến Đền thờ cho Chúa:

“Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên! Hoặc trên trời cao kia, hoặc dưới đất thấp này, chẳng có thần nào giống như Chúa... Nhưng quả thật rằng Đức Chúa Trời ngự trên đất này chẳng? Kia, trời, dầu đến đổi trời của các tầng trời chẳng có thể chứa Ngài được thay, phương chi cái đền này tôi đã cất... Nguyện mắt của Chúa ngày và đêm đoái xem nhà này, là chỗ mà Chúa đã phán rằng: Danh ta sẽ ngự tại đó, - đừng nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Chúa hướng nơi này mà cầu. Phàm điều gì tôi tớ Chúa và dân Y-sơ-ra-ên của Chúa sẽ hướng về nơi này mà khẩn cầu, xin Chúa hãy đủ nghe; phải, ở nơi ngự của Chúa, tại trên các tầng trời, xin Chúa đủ nghe, nhậm lời, và tha thứ cho...” (8:23-30).

Và Chúa cũng đã trả lời cho vua Sa-lô-môn về Đền thờ mà vua đã xây cho Chúa: “Đức Giê-hô-va phán với người rằng: Ta đã nhậm lời cầu nguyện nài xin của người thưa trước mặt ta; ta đã biệt riêng ra thánh cái

đền này mà người đã cất, để cho danh ta ngự tại đó đời đời; mắt và lòng ta sẽ thường ở đó mãi mãi... Nhưng nếu người và con cháu các người xây bỏ ta, không giữ các điều răn và luật lệ ta đã truyền cho các người, đi hầu việc những thần khác và thờ lạy chúng nó, thì ta sẽ truất Y-sơ-ra-ên khỏi đất ta đã ban cho chúng nó, trừ bỏ khỏi trước mặt ta cái đền này mà ta đã vì danh ta biệt riêng ra thánh. Và Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên lời tục ngữ và trò cười giữa muôn dân. Còn cái đền này, đầu cao đường nào, ai đi ngang qua gần nó cũng lấy làm lạ lùng, chê bai, mà rằng: Cớ sao Đức Giê-hô-va làm cho xứ này và đền này như vậy? Người ta sẽ đáp rằng: Ấy vì chúng nó đã lìa bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng nó, là Đấng đem tổ phụ họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô; họ theo các thần khác, thờ lạy các thần ấy, và hầu việc chúng nó; vì cớ đó, Đức Giê-hô-va đã giáng trên họ các tai họa này” (9:1-9).

Và giao ước của Chúa với Sa-lô-môn đã ứng nghiệm, sau khi vua Sa-lô-môn qua đời năm năm thì Đền thờ bị vua Ai Cập cướp phá do tội Sa-lô-môn thờ hình tượng và con của Sa-lô-môn không đi theo lời Chúa (14:25-26), Đến II Vua 25:8-9, thì Đền thờ bị người Ba-by-lôn cướp phá rồi thiêu đốt.

Tác giả Thi thiên đã nói với Chúa khi Đền thờ không còn: “Đương khi người ta hằng hỏi tôi: Đức Chúa Trời người đâu? Thì nước mắt làm đồ ăn tôi ngày và đêm. Xưa tôi đi cùng đoàn chúng, dẫn họ đến nhà Đức Chúa Trời, có tiếng reo mừng và khen ngợi... Một đoàn đồng giữ lễ; - Rày tôi nhớ lại điều ấy, và lòng buồn thảm... Trong khi những cừu địch tôi hằng ngày hỏi rằng: Đức Chúa Trời người đâu? Thì chúng nó sỉ nhục tôi khác nào làm gãy các xương cốt tôi...” (Thi. 42:3-4; 10). Chúa yêu thích dân Chúa xây Đền thờ cho Danh Ngài, xin Chúa cho dân Chúa có Đền thờ cho Chúa sẽ làm theo Lời Chúa để không làm Danh Chúa, Nhà Chúa, bị sỉ nhục.

SÁCH I CÁC VUA 9

ẤY LÀ MẸ NÓ

Sách I Vua 3:16-28

Câu gốc: I Vua 3:27

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta đã học về đời sống của vua Sa-lô-môn, điều nổi bật nhất của vua Sa-lô-môn là sự khôn ngoan do Chúa ban cho theo lời cầu xin của vua Sa-lô-môn. Bởi lời cầu xin được khôn ngoan của Sa-lô-môn, nên Đức Chúa Trời đã ban cho vua Sa-lô-môn sự khôn ngoan, Chúa cũng ban cho vua Sa-lô-môn sự giàu có, sang trọng. Ngay sau khi vua Sa-lô-môn được Chúa nhậm lời ban cho khôn ngoan, Kinh thánh cũng ghi một bằng cứ chứng minh vua Sa-lô-môn là vị vua khôn ngoan với cuộc xử án hai người mẹ giành con.

I/. NHU CẦN XÁC NHẬN ẤY LÀ MẸ NÓ:

I Vua 3:16-22 ghi lại đây là một trong những câu chuyện chứng minh sự khôn ngoan của vua Sa-lô-môn. Câu chuyện bắt đầu từ hai 'con bọm', một từ ngữ gọi những phụ nữ thuộc loại tệ nạn xã hội. Mỗi người có một đứa con còn nhỏ dại, sanh cách nhau 3 ngày. Họ ở chung một nhà.

Trong một đêm, một trong hai người phụ nữ đó nằm ngủ đã đè chết đứa con của mình, và có sự tráo đổi giữa đứa chết này với đứa sống kia. Sáng sớm hôm sau thức dậy, một cuộc tranh cãi đã xảy ra, cả hai phụ nữ này đều giành đứa bé còn sống là con của mình, đứa chết là con của người kia.

Sự tranh cãi cuối cùng đã đem đến cho vua Sa-lô-môn xét xử. Vấn đề thật là khó giải quyết vì cả hai đều giành đứa sống, không ai làm chứng, cũng không có vật chứng nào được đưa ra để chứng minh con của ai.

Điều chúng ta phải suy nghĩ là từ khi Chúa ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan tuyệt vời cho đến ngày Sa-lô-môn qua đời, chắc chắn có rất nhiều vụ án được đem đến cho vua Sa-lô-môn xét xử, nhưng lạ lùng thay, Kinh Thánh không ghi lại vụ án nào cả, mà chỉ ghi lại vụ án liên quan đến tình mẫu tử này, mà ghi thật đầy đủ chi tiết, từ thân thể của hai bà mẹ đến những lời tranh cãi.

Một điều khác mà chúng ta phải suy nghĩ đến là vụ án này không phải được xử bởi những quan chức bình thường. Vì với địa vị thấp hèn trong xã hội của hai phụ nữ này là hai con bọm, thì vua Sa-lô-môn không cần quan tâm xử, hoặc không cần một quan cao cấp xử. Thế mà kỳ diệu thay, Kinh Thánh cho chúng ta biết là vụ án này do chính Sa-lô-môn xét xử.

Điều gì đã làm bận tâm vua Sa-lô-môn? Điều gì đã làm cho Đức Chúa Trời cho phép dành một phân đoạn Kinh Thánh dài để ghi chép lại vụ án của 'con bọm' này? Có phải vì hai con bọm này giàu có? Nếu chỉ vì muốn cho thấy sự khôn ngoan tuyệt vời của Chúa cho Sa-lô-môn, thì tại sao Kinh Thánh không ghi lại những vụ án rắc rối hơn, phức tạp hơn?

Tôi tin rằng VÌ VỤ ÁN NÀY LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH MẪU TỬ, tình Mẹ Con, một loại tình yêu thương làm tổn biết bao nhiêu giấy mực của thế giới, ngoài tình yêu thương nam nữ.

Có một ông đề nghị với tôi như dịp Lễ Mẫu Thân, nên làm một tập san nói về Tình Mẫu Tử. Tôi hỏi: Tại sao ông không đề nghị làm Tập san nói về Tình Phụ Tử? Ông ấy trả lời: Tôi cũng thương ba tôi, nhưng

người Mẹ có nhiều thân thương hơn. Đó là lý do chúng ta ít thấy những bài văn, bài thơ, bản nhạc nói về tình phụ tử, mà lại thường thấy nói về Tình Mẫu Tử.

Tôi nghĩ rằng hầu hết người Việt Nam lớn tuổi đều biết:

Bản nhạc LÒNG MẸ của nhạc sĩ Y-vân với những lời thật cảm động: Lòng mẹ bao la như biển Thái-Bình dạt dào. Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào. Lời mẹ ru êm như làn gió chiều rì rào.

Có một câu nói rất hay về tình Mẫu Tử: Vì Thượng Đế không thể ở khắp mọi nơi, nên đã dựng nên người Mẹ. Tôi muốn được sửa lại cho đúng với Kinh Thánh dạy về Đức Chúa Trời: Vì Thượng Đế muốn chứng minh Ngài ở khắp mọi nơi, nên đã dựng nên người mẹ.

Thật ra trong gia đình không phải người cha không thương con, nhưng người cha thường có vẻ nghiêm khắc hơn, nặng về lý trí hơn; trong khi đó người mẹ thường gần gũi con cái hơn và nặng về tình cảm.

Trong những câu chuyện Vượt Biển tìm tự do của người Việt Nam trong những năm tháng trước đây, cũng đã có biết bao câu chuyện về sự hi sinh của người mẹ lo cho con mình đến được bến bờ tự do.

Và hôm nay, chúng ta thấy tình Mẫu Tử đã đánh động vua Sa-lô-môn, khiến ông phải đích thân xác nhận Ấy Là Mẹ Nó! Hơn thế nữa tình Mẫu Tử đã khiến Đức Chúa Trời cho phép Kinh Thánh ghi lại câu chuyện xác nhận Ấy Là Mẹ Nó!

Tình Mẫu Tử thật tuyệt vời!

II/. CÁCH XÁC NHẬN ẤY LÀ MẸ NÓ. I Vua 3:22b – 27.

Nếu vụ án này xảy ra ngày nay, thì chúng ta sẽ thấy phương pháp xác minh đưa trẻ con ai rất dễ dàng. Một số anh chị em còn nhớ trước năm 1975, một vụ tìm kiếm con gái của Tổng thống xứ Trung Phi. Ông này trước đây là một trong những lính lê dương của Pháp tại Việt Nam, bất ngờ từ một anh Trung sĩ đã lên làm Tổng thống, rồi lại cho tìm tung tích đưa con gái của mình tại Việt Nam. Báo chí Việt Nam thời đó đã dành rất nhiều thì giờ, bút mực để truy tìm, và cũng có nhiều cô gái gánh nước mượn cho rằng họ là con gái của Tổng thống Trung Phi này. Dù vậy, với hình ảnh và thư từ, phương tiện phỏng vấn, cuối cùng người ta cũng tìm được.

Như chúng ta đã nghe tin tức trên các phương tiện truyền thông, sau cơn sóng thần cuối năm 2004 vừa qua tại 11 quốc gia từ Indonesia đến Somalia (Đông Phi), con số người chết lên rất cao, đồng thời cũng xảy ra một vấn đề về những đứa trẻ mồ côi do cha mẹ của các em bị mất tích hoặc chết trong thảm họa. Trong đó có một em bé có tới 8 cặp cha mẹ nhận là con của mình. Cuộc tranh chấp phải đưa ra Tòa Án xét xử.

Để xác nhận đứa bé là con của cặp vợ chồng nào trong số 8 cặp cha mẹ đó, Tòa Án đã cho phép xét nghiệm theo Phương pháp thử DNA. Kết quả là một cặp vợ chồng thật sự đã tìm lại được con của mình.

Nhưng thời Sa-lô-môn làm gì có báo chí, làm gì có hình chụp chứng từ, và làm gì có Phương pháp thử DNA. Trong khi đó hai phụ nữ này không có người làm chứng, không có vật gì làm chứng, họ chỉ có lời tranh cãi ‘mày với tao, tao với mày’.

Cảm ơn Chúa, với sự khôn ngoan của Chúa cho, một sự khôn ngoan tuyệt vời như Chúa đã phán khi nhận lời cầu xin của Sa-lô-môn: Đức Chúa Trời phán với Sa-lô-môn rằng: “Bởi vì ngươi đã cầu xin điều này – tức là xin sự khôn ngoan, mà không xin sự sống lâu, không xin sự giàu có, cũng không xin mạng của

những kẻ thù nghịch người, nhưng xin sự thông mình để biết xét đoán, này, ta đã làm theo lời cầu xin của người, ban cho người tấm lòng khôn ngoan thông sáng, ĐẾN NỖI TRƯỚC NGƯỜI CHẴNG CÓ AI BẰNG, VÀ SAU NGƯỜI SẼ CHẴNG CÓ AI NGANG”.

Sa-lô-môn đã dùng tình cảm để xác nhận Ấy là Mẹ Nó bằng cách tuyên bố dùng gươm chia đứa bé làm hai cho mỗi người ‘mẹ’ một nửa.

Hãy để ý cách vua Sa-lô-môn chuẩn bị chém đôi đứa bé mà Kinh Thánh ghi thuật lại rất căng thẳng, gây tác động tâm lý của tình Mẫu Tử rất hay:

3:22b, vua Sa-lô-môn cho phép hai phụ nữ này cãi nhau đến cùng trước mặt vua.

3:23, vua Sa-lô-môn dành thì giờ nhắc lại nguyên nhân tranh cãi của hai phụ nữ này.

3:24, vua bảo đem đến cho vua một thanh gươm.

Rồi vua công bố ý định chặt đứa bé làm hai cho hai người mẹ.

Tôi thấy vua Sa-lô-môn đã dùng tâm lý tình cảm từng bước từng bước làm căng thẳng vấn đề để đánh mạnh vào tình Mẫu Tử của người mẹ thật. Kết quả là tấm lòng người mẹ tan vỡ để sẵn sàng nhường con mình cho người khác, miễn là đứa con giữ được mạng sống.

Tôi nghĩ rằng người Mỹ khi đọc câu chuyện này, họ sẽ nhìn vào sự khôn ngoan của Sa-lô-môn và tập trung giải thích sự khôn ngoan của Sa-lô-môn. Ngược lại, tôi nghĩ rằng những người mẹ Việt Nam còn hát được những bài hát ‘Lòng Mẹ’, hay bài ‘Ngày Trở Về’ của Phạm Duy, với những lời đầy tình mẹ: ‘Mẹ lần mò ra trước ao, nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ, tiếc rằng ta đôi mắt đã lòa vì quá đợi chờ’. Hoặc bài hát ‘Cảm Ơn’ với giọng ca của ca sĩ Duy Khánh đầy chất trữ tình với lời: ‘Này là bánh chưng mẹ già tự tay gói gởi cho con’, chắc chắn phải nhìn vào tình yêu thương của người mẹ thật của đứa bé để nghe những lời thống thiết của bà nói trong I Vua 3:26: “Nhưng mẹ của đứa trẻ sống, không phải mẹ của đứa trẻ chết, vì gan ruột (của mình) cảm động thương yêu con mình - nó là gan ruột của mình, là con mình. Tình cảm người mẹ cho bà biết rõ đó là con mình, và bà xin vua cho bà nhường con mình cho người mẹ giả kia”.

Tôi không biết ngày nay những người mẹ Việt Nam có còn yêu thương con mình như những bài ca nói về tình mẹ của các nhạc sĩ chúng ta đã biết không? Tôi không biết ngày nay các bà mẹ Việt Nam đọc những lời thống thiết trong câu 26 này có thấy lòng mình rung động không? Tôi không biết có bao nhiêu người trẻ Việt Nam thế hệ F2, F3 trên đất Mỹ này có cùng cảm xúc với chúng tôi khi nghe những lời của những bài ca đó, khi nghe đọc câu chuyện Ấy Là Mẹ Nó trong Kinh Thánh hôm nay?

Có lẽ tại ngày nay có những bà mẹ không dám cho con bú sữa mẹ vì sợ mất nét đẹp của mình; có lẽ vì những người trẻ ngày nay chỉ bú được sữa bò, sữa hóa học, nên các bạn trẻ chỉ yêu con bò là sự nghiệp, chỉ thích khoa học hơn là tình mẹ.

Có lẽ tại ngày nay các bà mẹ không dám ăn những thức ăn thừa của con mình không ăn hết; tại các bạn trẻ đã có những loại thức ăn xay nhuyễn sẵn bằng máy xay thức ăn, không được ăn thức ăn nghiền bằng nước miếng của mẹ mình, nên tình Mẹ trở nên một thứ xa xỉ phẩm, đến nỗi một năm một lần mới nhắc đến, đến nỗi các bạn trẻ sẵn sàng bỏ cha bỏ mẹ đi tìm cuộc sống riêng.

Hãy đọc lại câu chuyện hôm nay trong Kinh Thánh. Dù người phụ nữ này là một ‘con bọm’, một người phụ nữ xấu trong xã hội, nhưng tình mẹ vẫn là thiêng liêng. Dù vua Sa-lô-môn với trăm ngàn công việc

hệ trọng của một vị vua, vẫn dành thì giờ để chứng minh tình mẹ, để xác nhận giữa đất nước ông, trước cả thế giới qua hàng ngàn năm: Ấy Là Mẹ Nó! Và chính Sa-lô-môn dù là vua, ông vẫn biết rung động trước tình yêu thương của một người Mẹ.

Tình Mẹ thật tuyệt vời!

III/. KẾT QUẢ XÁC NHẬN ẤY LÀ MẸ NÓ. I Vua 3:28

Câu hỏi đầu tiên được nêu ra là: Kết quả của lời xác nhận Ấy Là Mẹ Nó của Sa-lô-môn ảnh hưởng rộng đến đâu? Kinh thánh ghi: “Đến cả Y-sơ-ra-ên đều nghe”. Và chúng ta có quyền để nói rằng cả thế giới đều biết, kể cả những người không tin Chúa.

Kết quả lớn lao hơn là Danh Đức Chúa Trời được vinh hiển, mọi người biết rằng sự khôn ngoan giúp vua Sa-lô-môn xác nhận cho người mẹ nhận lại đứa con là từ nơi Đức Chúa Trời không phải khôn ngoan riêng của Sa-lô-môn.

Tôi muốn nhắc lại câu danh ngôn về tình mẹ mà tôi đã chĩnh lại theo giáo lý Kinh thánh dạy: ‘Vì Thượng Đế muốn chứng minh Ngài ở khắp mọi nơi, nên đã dựng nên người mẹ’.

Xin Chúa cho qua Tình yêu thương của những bà mẹ tin Chúa Jê-sus trong Hội Thánh, mọi người nhìn vào biết rõ có một Đức Chúa Trời yêu thương thế gian như mẹ thương con, còn hơn người mẹ thương con.

Tôi biết có những người con tin nhận Chúa Jê-sus Christ làm Đấng Cứu Thế của họ, nhờ những bà mẹ yêu thương con, kiên trì cầu nguyện cho con mình được cứu. Tôi cũng biết có những người con đã kiên trì cầu nguyện cho mẹ mình, lòng yêu thương đó đã cảm động Đức Chúa Trời cứu mẹ mình.

Tôi xin Đức Chúa Trời cũng dùng Tình Mẹ Con của con cái Chúa để khiến cho nhiều người nhớ ơn mẹ mình sẽ nhớ ơn Chúa; nhớ ơn mẹ mình cũng biết ơn Đức Chúa Trời đã dựng nên người mẹ.

SÁCH I CÁC VUA 10

TIÊN TRI Ê-LI

Kinh thánh: I Vua 17: - 22:

Câu gốc: I Vua 17:1

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta có cơ hội cùng học Lời Đức Chúa Trời là Kinh thánh. Việc học Kinh thánh không phải chỉ học những điều tốt, nhưng Chúa cũng cho học biết những điều không đẹp lòng Chúa để người tin Chúa Jê-sus nhờ ơn Chúa mà tránh. Học Kinh thánh cũng để thấy Đức Chúa Trời yêu thương không đòi hỏi người tin Ngài làm những siêu nhân, tài giỏi, như Tiên tri Ê-li, Kinh thánh xác nhận: “Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta” (Gia-cơ 5:17), tôi cũng thường xin được nói là Ê-li vốn là người yếu đuối HƠN chúng ta ngày nay”. Học để làm gì? Học để chúng ta mạnh dạn dâng mình phục vụ Chúa thay vì mặc cảm nhút nhát; hoặc ngược lại, học để không kiêu ngạo mà đầy khiêm nhường lúc nào cũng nói như Phao-lô: “Chúa đã lấy ân điển gọi tôi”.

Con người của Ê-li: 17:1

Ngay khi Ê-li xuất hiện trong đoạn 17:1, Tiên tri Ê-li được Kinh thánh giới thiệu rất đặc biệt:

Ý nghĩa tên Ê-li của ông là: Giê-hô-va là Đức Chúa Trời.

Đó là lý do mà những người đứng chung quanh thập tự giá của Chúa Jê-sus Christ khi Ngài bị đóng đinh và Chúa Jê-sus đã kêu lên: “Ê-li, Ê-li, lam-ma-sa-bách-ta-ni?”, họ cho rằng Chúa Jê-sus đang cầu cứu với tiên tri Ê-li, thật ra là Chúa Jê-sus Christ đang kêu cầu với Đức Chúa Trời: “Đức Chúa Trời ơi! Đức Chúa Trời ơi! Sao Ngài lia bỏ tôi?”

Ý nghĩa tên của Ê-li nói lên trọng tâm sứ mạng mà Chúa đã giao cho Ê-li, ấy là dắt đưa tuyển dân Y-sơ-ra-ên từ bỏ tà thần Ba-anh, trở về với Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ (I Vua 18:21, 37, 39)

Kinh thánh cho biết lý lịch trích ngang của tiên tri Ê-li, ông là một kiều dân gốc Thi-sê-be, ngụ tại Ga-la-át, tức phía Đông Giô-đanh. Sự xuất hiện thành linh của Ê-li trong Kinh thánh giống như sự xuất hiện của vua Mên-chi-xê-đéc trong sách Sáng. 14:18-20. Rõ ràng Đức Chúa Trời muốn chúng ta tập trung sự chú ý vào sứ mạng quan trọng của Ê-li thay vì chú ý gia thế của ông.

Nói cách khác, có thể xuất thân của Ê-li không có gì quan trọng, nhưng chức vụ của ông là quan trọng, và thật sự qua sách I Vua này và một phần sách II Vua, Ê-li đã làm những việc vô cùng quan trọng: Một mình chống lại một tôn giáo của tà thần Ba-anh đang được Hoàng hậu Giê-sa-bên bảo trợ đưa lên làm quốc giáo.

Chúng ta có thể nói như Phao-lô đã nói trong I Cô. 1:27-28, “Nhưng Đức Chúa Trời đã chọn những sự dại ở thế gian để làm hổ thẹn những kẻ khôn; Đức Chúa Trời đã chọn những sự yếu ở thế gian để làm hổ thẹn những sự mạnh; Đức Chúa Trời đã chọn những sự hèn hạ và khinh bỉ ở thế gian, cùng những sự không có, hầu cho làm những sự có ra không có”. Trái với tinh thần của thế gian thường quan tâm đến lý lịch, xuất thân của chúng ta, còn Đức Chúa Trời không quan tâm lý lịch của chúng ta, Chúa quan tâm đến tinh thần thi hành chức vụ Chúa giao cho chúng ta.

Tánh tình của Ê-li:

17:1b, Lời Chúa phán về Ê-li nói với A-háp: 'Ta đứng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hằng sống mà thề rằng...".

Cách giảng dạy của Ê-li, cho thấy ông là một người có tánh tình cương trực, can đảm, không sợ quyền uy ngay cả với vua A-háp. Tánh tình cương trực can đảm của tiên tri Ê-li thể hiện qua cách giảng dạy thẳng thắn của ông, ông không hề dài dòng, kể lể.

17:1b, ông nói thẳng với vua A-háp rằng: "Trời sẽ không mưa...".

17:10-11, Ê-li nói thẳng với người đàn bà góa ở Sa-rép-ta rằng: Hãy cho ông uống và ăn, mà không hề hổ thẹn việc xin giúp đỡ nơi một người đàn bà góa nghèo.

18:17-18, Ê-li thẳng thắn tố cáo vua A-háp là nguyên nhân gây rối loạn trong dân Y-sơ-ra-ên mà không kiêng nể gì cả.

Tuy nhiên, anh chị em cũng biết thường thường những người tánh tình cương trực, thẳng thắn, cũng là người mang tâm trạng dễ xúc động, sống tình cảm lắm. Như Phi-e-rơ là một người cương trực, thẳng thắn, bộc trực, nói là làm, nhưng Phi-e-rơ cũng là người dễ xúc động, dễ khóc khi nhận ra lỗi lầm của mình (Math. 26:75).

Tiên tri Ê-li cũng vậy, ông thật hào hùng biết bao trước vua A-háp, trước các tiên tri của Ba-anh, nhưng ông cũng yếu đuối biết bao trước lời ngăm dọa của Hoàng hậu Giê-sa-bên (I Vua 19:2-4),

Ê-li thật 'nhõng nhẽo' với Chúa như một đứa trẻ hồn dỗi với cha mẹ mình, khi ông nằm dưới cây giếng giếng đòi chết (I Vua 19:4), rồi hồn dỗi trách móc khi tâm sự với Chúa là: chỉ còn một mình con yêu mến Chúa và phục sự Chúa mà người ta cũng đòi giết con (I Vua 19:10, 14).

Ê-li đã sống thật với Chúa. Đây là đặc điểm của các thánh đồ được Kinh thánh ghi lại, tất cả đều sống rất thật đối với Chúa: giận là giận, trách Chúa là trách Chúa, không muốn làm công việc Chúa thì nói không muốn làm; không bao giờ họ lịch sự cách giả dối với Chúa cả. Đức Chúa Trời không dùng những người lịch sự giả dối, Đức Chúa Trời dùng những người yếu đuối nhưng thành thật nhìn nhận mình yếu đuối.

NGUỒN SỨC MẠNH CỦA Ê-LI:

17:2, ghi một đặc điểm của Ê-li: "Đoạn có lời của Đức Giê-hô-va phán dạy người rằng".

Theo lời của Thánh Gia-cơ thì "Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta" (Gia-cơ 5:17). Thế thì làm sao Ê-li có một sức mạnh thuộc linh lẫn thuộc thể đến nỗi làm được những công việc kỳ diệu cho Đức Chúa Trời, chịu được những hoàn cảnh gian nan nghèo khó, đối diện với một vua A-háp độc ác, đối diện với một đám đông 450 tiên tri của tà thần Ba-anh?

Cảm ơn Chúa, khi đọc những đoạn Kinh thánh trong sách I Vua liên quan đến tiên tri Ê-li, chúng ta thấy Kinh thánh giới thiệu nguồn sức mạnh của Ê-li, ấy là Ê-li CÓ LỜI CỦA ĐỨC GIÊ-HÔ-VA PHÁN DẠY.

Mỗi lần Ê-li sắp làm điều gì, thì có Lời Đức Giê-hô-va phán dạy ông và ông cứ theo đó thi hành, Chúa đã cho Ê-li thành công. Ngược lại khi không có lời Đức Giê-hô-va cho ông thì Ê-li thật yếu đuối.

17:2, Kinh thánh ghi: có Lời Đức Giê-hô-va phán dạy, nên Ê-li vâng theo và đến khe Kê-rít và Đức Chúa Trời đã dùng chim quạ nuôi Ê-li, dù lời Chúa dạy dường như có vẻ thần thoại khi nói rằng dùng chim quạ nuôi, trong khi chim quạ là một loài chim háu ăn làm sao có thể chừa bánh và thịt để nuôi Ê-li? Vậy mà đã có thật

17:8, Có lời Đức Giê-hô-va phán dạy, Ê-li vâng lời đến tìm người đàn bà góa ở Sa-rép-ta để nhờ bà ấy nuôi. Lời Chúa dạy dường như vô lý: Mẹ góa nghèo, nghèo đến nỗi chỉ ăn một lần rồi chết, làm sao để nuôi Ê-li? Cảm ơn Chúa, Ê-li vâng lời Chúa sai và người đàn bà ấy đã nuôi được Ê-li, chẳng những vậy, bà góa ấy không bị đói khát nữa suốt thời kỳ cả nước hạn hán, lại còn được Chúa cứu sống con trai của bà.

18:1, Có lời Đức Giê-hô-va phán dạy, Ê-li can đảm đi gặp vua A-háp thẳng thắn tố cáo tội lỗi của A-háp, không sợ gì và Ê-li đã chinh phục được vua A-háp (I Vua 18:17-18).

19:1-2, đến đây chúng ta thấy sau một chiến thắng oai hùng trên núi Cạt-mên, một mình giết hết thầy 450 tiên tri của tà thần Ba-anh, cầu nguyện xin một cơn mưa lớn đổ xuống trên nước Y-sơ-ra-ên sau ba năm rưỡi hạn hán, đem lại sự vui mừng cho dân sự, Ê-li đã để thì giờ lắng nghe tiếng của con người, Ê-li lắng nghe lời khen của vua A-háp; Ê-li lắng nghe lời ngăm dọa của Hoàng hậu Giê-sa-bên.

Vì không có lời của Đức Giê-hô-va phán dạy, chỉ có Lời của con người khen chê, Ê-li đã đầy sợ hãi, mệt mỏi, chán chường, đến nỗi xin Chúa cho chết.

Anh chị em có thấy sự thiếu thốn sức mạnh của mình như Ê-li, suốt tuần lễ, chúng ta nghe quá nhiều lời của con người từ những người chung quanh, nghe những người cùng trong gia đình, nghe những người trong xã hội, những lời nói của con người chắc chắn sẽ làm anh chị em mệt mỏi, yếu đuối.

Hãy bắt chước Ê-li quay lại với Lời Đức Giê-hô-va phán dạy, hãy để Lời Chúa phán dạy chúng ta về cách sống thuộc thể, hãy để Lời Chúa dạy chúng ta về cách sống thuộc linh một lần trong đời sống cá nhân, thử xem anh chị em có nhận được sức mạnh như Ê-li không?

19:9, cảm ơn Chúa, sau 40 ngày không có Lời Chúa phán dạy khiến đời sống đầy mệt mỏi, Ê-li đã tìm lại được nguồn sức mạnh cho ông khác nào như Sam-sôn tìm lại được mái tóc dài biểu tượng Đức Chúa Trời vẫn còn yêu thương Sam-sôn; và sức mạnh đã trở lại với Ê-li và Ê-li lại tiếp tục làm công việc cho Đức Chúa Trời (I Vua 21:17, 28-29).

SỨC MẠNG CỦA Ê-LI – I Vua 18:37

Câu Kinh thánh trong sách I Các Vua 18:37 này đã bày tỏ Sức mạng trọng đại của Ê-li mà Chúa đã giao cho ông, ấy là HẬU CHO DÂN SỰ NÀY NHÌN BIẾT RẰNG GIÊ-HÔ-VA LÀ ĐỨC CHÚA TRỜI, VÀ NGÀI KHIẾN LÒNG HỌ TRỞ LẠI, tức là khiến dân Y-sơ-ra-ên ăn năn quay lại với Đức Chúa Trời.

Tại sao Đức Chúa Trời muốn Ê-li rao giảng sức mạng này cho dân Y-sơ-ra-ên?

Anh chị em thấy từ đoạn 12 của sách I Vua, nước Y-sơ-ra-ên sau cái chết của Sa-lô-môn đã bị chia rẽ làm hai, 10 chi phái phía Bắc đã tách khỏi sự cai trị của dòng dõi Đa-vít, lập riêng cho họ một vương quốc lấy tên là Y-sơ-ra-ên, còn phía Nam lấy tên chi phái lớn của dòng Đa-vít là vương quốc Giu-đa.

Từ đó, nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc càng ngày càng suy sụp, lún sâu vào tội lỗi đối với Đức Chúa Trời. Đến đời vua A-háp, A-háp đã cưới Giê-sa-bên làm Hoàng hậu. Kinh thánh nói về A-háp như sau:

I Vua 16:30, “A-háp, con trai Ôm-ri, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va hơn hết thầy các người tiền bối mình”.

I Vua 16:31, “người [tức là vua A-háp] lấy sự bắt chước theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, làm nhỏ mọn, nên người đi lấy Giê-sa-bên, con gái Ết-ba-anh, vua Si-đôn... người cũng đi hầu việc Ba-anh, và thờ lạy nó”.

Tội lỗi của vua A-háp và Giê-sa-bên là dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi vào con đường thờ lạy hình tượng, mặc dù dân Y-sơ-ra-ên vẫn còn nhớ đến Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ. Ê-li mô tả tình trạng thuộc linh của dân Y-sơ-ra-ên bằng một hình ảnh rất rõ ràng: ĐI GIỆO (IVua 18:21). 'Đi giẹo' là đi hàng hai. Anh chị em hãy nhìn vào cách đi của vua hề Charlot là biết đi giẹo. Y-sơ-ra-ên vẫn thờ phượng Đức Chúa Trời đồng thời cũng thờ lạy tà thần Ba-anh và Át-tạt-tê.

Trong một bối cảnh như vậy, Ê-li được Đức Chúa Trời kêu gọi nhận lãnh một sứ mạng chứng minh cho dân Y-sơ-ra-ên biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời còn tà thần Ba-anh chỉ là vô ích, thần giả dối.

Sứ mạng mà Ê-li thi hành dễ hay khó? Không dễ chút nào, vì Hoàng hậu Giê-sa-bên là nhà bảo trợ cho tôn giáo thờ tà thần Ba-anh, mà Hoàng hậu Giê-sa-bên là người có ảnh hưởng lớn trên vua A-háp, nếu không muốn nói là vua A-háp chỉ là con rối trong tay Giê-sa-bên. Giê-sa-bên là một Võ-Tắc-Thiên của Nhà Đường, một Từ-Hi của Nhà Thanh bên Trung quốc.

Cảm ơn Chúa, dù Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta, nhưng ông vẫn nhận lãnh sứ mạng Chúa giao, sẵn sàng đối diện với hoàn cảnh để rao một sứ điệp mạnh mẽ kèm theo những phép lạ, để kêu gọi lòng dân Y-sơ-ra-ên quay về với Đức Chúa Trời, và Ê-li đã thành công, thành công ngay trong bản chất yếu đuối của ông.

SÁCH I CÁC VUA 11

Đề mục: BỒI DƯỠNG

Kinh Thánh: I Vua 19:1-21

Câu gốc: I Vua 19:7 (8)

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học lời Chúa là Kinh thánh qua sách I Các Vua. Trong sách I Các Vua này có một trong các nhân vật rất nổi bật là tiên tri Ê-li. Bài học quý báu là qua tiên tri Ê-li, chúng ta nhìn biết Đức Chúa Trời là Đấng toàn năng trong vũ trụ, Chúa cho Ê-li đóng mở cửa trời để không cho mưa hoặc cho mưa; chúng ta cũng nhìn thấy Đức Chúa Trời là Chân Thần duy nhất đáng tôn thờ, và như Chúa đã phán: Trước mặt ta, người chớ có các thần khác, không được thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mà còn thờ tà thần hình tượng, nói như tiên tri Ê-li là không được đi gieo hai bên. Hôm nay, Lời Chúa trong sách I Các Vua đoạn 19, chúng ta được gặp một Đức Chúa Trời yêu thương, sẵn tha thứ cho, Chúa không bắt tội luôn luôn, cũng chẳng giữ lòng giận đến đời đời, lại yêu thương kẻ kính sợ Ngài như Cha thương con. Bằng có Giê-hô-va Đức Chúa Trời là Đấng yêu thương một tiên tri Ê-li yếu đuối, sợ hãi, thế mà trong giờ phút có cần, Chúa đã yêu thương bồi dưỡng, an ủi, khích lệ Ê-li. Đoạn 19 ghi lại ba cách Đức Chúa Trời bồi dưỡng cho Ê-li.

I/. ĐỨC CHÚA TRỜI BỒI DƯỠNG Ê-LI BẰNG VẬT CHẤT. I Vua 19:1-8

Qua sách I Các Vua đoạn 17 và đoạn 18, chúng ta có được hình ảnh của một Ê-li hào hùng, mạnh mẽ, đầy đức tin, giống như một Thiên thần:

17:1, Ê-li mạnh dạn quở trách tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên bằng lời tuyên bố đóng cửa trời.

17:6-7, Ê-li không sợ khó khăn, không sợ thiếu thốn. Anh chị em thử ngồi chờ chim quạ mang thức ăn đến nuôi như Ê-li chờ, sẽ phải thán phục đức tin của Ê-li.

Ê-li từng chế nhạo tà thần, từng cầu nguyện xin Chúa ban lửa từ trời và được Chúa nhậm.

Nhưng qua đến 19:1-4, tôi phải gọi Ê-li là 'Thiên thần gãy cánh'. Hãy nghe Kinh Thánh diễn tả Ê-li trong đoạn 19 này:

19:3, Ê-li sợ hãi, bỏ cả đầy tớ của mình để chạy cứu lấy sự sống.

19:4, Ê-li xin Chúa cho chết.

19:5, Ê-li nằm ngủ dưới cây giếng giêng, chưa bao giờ Ê-li ngủ nhiều như vậy, lý do là Ê-li bị quá căng thẳng do sợ hãi, vì bối rối, nên mệt mỏi, chán nản.

Cảm ơn Chúa, Đức Chúa Trời đã không hề phiến trách Ê-li, dù Ê-li thật đáng trách. Trái lại Chúa đầy cảm thông với đầy tớ của Chúa, Ngài đã cho Ê-li ĂN - 19:5 và 7, Chúa cho Ê-li ăn bánh vật chất rõ ràng, không phải thức ăn thuộc linh gì cả.

Thực tế một trong những lý do gây mệt mỏi là vì thiếu thốn vật chất. Tại ai đó trong anh chị em chưa từng chịu cảnh thiếu thốn vật chất, thiếu ăn, nên sẽ cho rằng Ê-li là tiên tri mà yếu đuối quá, xác thịt quá.

Nhưng thật cảm động, Đức Chúa Trời không trách: “Ê-li ơi, sao ngươi xác thịt quá, yếu đuối quá”; Đức Chúa Trời cũng không để Ê-li thiếu thốn, chết đói.

Phải chú ý là trong lúc Ê-li đang rất đói sau một ngày không được ăn gì cả thì Đức Chúa Trời cho Ê-li ăn một cái bánh nhỏ, uống một bình nước - một bản dịch khác xác nhận là bình nước nhỏ. Chúa không cho Ê-li ăn thỏa thích, vì Chúa biết trong giờ phút quá mệt mỏi này, nếu Ê-li được đầy đủ, e rằng Ê-li sẽ cứ ngồi mãi dưới cây giếng giếng rồi la lên như Hội Thánh tại Lao-đi-xê: Ta giàu, ta nên giàu có rồi, ta không cần chi nữa (Khải huyền 3:17).

Đức Chúa Trời không muốn Ê-li dừng ở đây, dù Ê-li nghĩ rằng bao nhiêu công việc ông đã làm cho Chúa từ đoạn 17 đến đoạn 18 là quá đủ, quá nhiều, không ai có thể làm hơn ông. Đức Chúa Trời không phủ nhận công khó của Ê-li, nhưng Chúa phán: “Đường còn xa quá cho ngươi”, công việc của ngươi còn nhiều, nhất là Chúa không muốn Ê-li chết dưới cây giếng giếng, Chúa muốn Ê-li được Chúa tiếp lên trời bằng xe và ngựa lửa. Đức Chúa Trời không muốn Ê-li chết trong sự mệt mỏi, chán chường, nhưng Đức Chúa Trời muốn Ê-li nghỉ ngơi trong vinh quang, trong bài ca đắc thắng.

Nếu anh chị em muốn nằm xuống trong lúc này, bỏ cuộc trong lúc này, chết trong lúc này, nghĩ rằng khỏe nhất, thì chắc chắn Đa-vít sẽ phải hát lại bài Ai Ca trong II Samuên 1:19-21, “Cớ sao người anh hùng ngã gục...?”

Lịch sử nước Pháp ghi về Thống chế Pétain là một vị anh hùng của nước Pháp trong Đệ nhất thế chiến. Nhưng tiếc thay ông đã chết trong những ngày ông đầu hàng nước Đức trong Thế chiến thứ II, ông chết khi đang lãnh đạo một chính phủ bù nhìn của nước Pháp dưới chế độ Đức Quốc Xã. Toàn dân nước Pháp tôn quý ông trong Thế chiến thứ I bao nhiêu thì họ thất vọng về ông trong Thế chiến thứ II bấy nhiêu.

Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời không bao giờ để anh chị em là người tin Chúa chết đói, có thể anh chị em không có những ký thịt bò, những món ăn cao lương mỹ vị, nhưng anh chị em vẫn có những cái bánh nhỏ, bình nước nhỏ còn lớn hơn của Ê-li (Châm ngôn 24:10-12; Giê. 12:5)

II/. ĐỨC CHÚA TRỜI BỒI DƯỠNG Ê-LI BẰNG LỜI CHÚA. I Vua 19:9-18.

I Vua 19:9-18 khởi sự với hai chữ: “Đến nơi”. Nơi đó là nơi nào?

Trong 19:4, trong lúc sợ hãi, mệt mỏi, Ê-li đã tìm đến đồng vắng, ở dưới cây giếng giếng, giống như mấy câu thơ:

Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,

Người khôn, người đến chốn lao xao.

Vào đồng vắng, vì Ê-li không còn muốn nhớ đến công việc nữa, không muốn bị quấy rầy nữa. Đó là cách mà chúng ta thường áp dụng khi gặp phải những trở ngại, bị chống đối, bị mệt mỏi.

Ê-li còn chút thiêng liêng khi ông không tìm đến cung điện của vua A-háp để nhờ cậy, hoặc không dám vào cung điện vì sợ Hoàng hậu Giê-sa-bên. Ê-li cũng không dám tìm sự an ủi nơi bạn bè ở cái thế giới mà ông từng quả trách.

Cảm ơn Chúa, đồng vắng không phải là nơi mà Đức Chúa Trời muốn Ê-li ở. Chỗ mà Đức Chúa Trời muốn Ê-li tìm đến để được an ủi là Núi của Đức Chúa Trời, là Nhà của Đức Chúa Trời, nơi Đức Chúa Trời ngự (19:8). Thay vì đồng vắng nghỉ ngơi, Đức Chúa Trời muốn Ê-li luôn sống trong sự hiện diện của Ngài.

Và cảm ơn Chúa hơn nữa, tại Núi của Đức Chúa Trời, trong Nhà của Đức Chúa Trời, Chúa đã bồi dưỡng cho Ê-li bằng “Lời của Đức Chúa Trời”.

Nếu anh chị em đọc từ đoạn 17, từ lúc Ê-li xuất hiện thi hành chức vụ Chúa ban, lúc nào Ê-li cũng có Lời Chúa (17:2, 8; 18:1).

Nhưng trong 40 ngày qua, Ê-li mệt mỏi vì ông không có Lời Đức Chúa Trời mà chỉ có lời khen của vua A-háp, lời hăm dọa của Hoàng hậu Giê-sa-bên. Những lời của con người khen hay chê đều làm cho Ê-li mệt mỏi.

Ê-li mệt mỏi trong chức vụ vì Ê-li không có Lời Đức Chúa Trời, ông chỉ có lời của người ta. Tôi không nói anh chị em không có Kinh Thánh, hay không đọc Kinh Thánh, không nghiên cứu Kinh Thánh. Nhưng anh chị em đã không có Lời Đức Chúa Trời cho chính mình! Chỉ có Lời Chúa cho người khác.

19:9-10, anh chị em xem, khi Ê-li quay lại với Lời Chúa, đối diện với Lời Chúa, tấm lòng của Ê-li được trút đổ, Ê-li trút hết sự bực tức, trút hết nỗi cô đơn.

Cảm ơn Chúa không có ai nghe những lời chán nản của Ê-li nói trong giờ này. Tôi tin chắc, nếu trong giờ phút này, có một người Y-sơ-ra-ên nào đó nghe những lời của Ê-li than trách với Chúa, một người từng dạy họ, dẫn dắt họ, chắc chắn họ sẽ dựng lại tượng thần Ba-anh để thờ.

Cảm ơn Chúa Ê-li không nói với con người những mệt mỏi, yếu đuối của mình, Ê-li chỉ nói với Chúa, chỉ than thở với Chúa, chỉ trách là trách Chúa thôi.

Chúa đã nhẫn nại, yêu thương lắng nghe, không phải một lần, mà nghe đến hai lần những lời Ê-li than thở. Sau khi nghe xong, Chúa không hề trách: “Ê-li ơi sao ngươi yếu đuối quá”. Chúa lắng nghe và Chúa giải quyết bằng cách giao công việc cho Ê-li:

19:9b và câu 13, hai lần Chúa khích lệ Ê-li nói và nói.

19:15-17, Chúa ban sứ mạng mới cho Ê-li.

19:18, và Chúa đã giới thiệu cho Ê-li một người bạn mới.

Kỳ diệu thay, sau khi được Chúa bồi dưỡng bằng Lời của Đức Chúa Trời, Ê-li đã tiếp tục làm những việc lớn hơn cho Chúa: xúc dầu cho những người được làm vua, xúc dầu cho người làm tiên tri.

III/. ĐỨC CHÚA TRỜI BỒI DƯỠNG Ê-LI BẰNG MỘT NGƯỜI: 19:19-21.

Trong câu 21b của đoạn 19 có nhóm từ rất đặc biệt mà tôi rất thích: “người [tức là Ê-li-sê] đi theo Ê-li và hầu việc người”.

Trong lúc Ê-li mệt mỏi không còn muốn tiếp tục hầu việc Chúa, Đức Chúa Trời đã bồi dưỡng cho Ê-li bằng cách đặt bên cạnh Ê-li một người hầu việc Ê-li: Đó là Ê-li-sê.

Ê-li-sê là ai?

19:19, lời Chúa cho biết Ê-li-sê là một người giàu có, có đến 12 đôi bò đang cày, chưa kể bò nuôi thường lệ. Theo cách tính thời giá thì một đôi bò kéo cày được cũng có giá trị rất lớn rồi, huống chi Ê-li-sê có 12 đôi bò. Cũng có người giải thích 12 đôi bò là hàm ý Ê-li-sê có 12 mẫu ruộng. Xứ Palestine là một xứ đá

sỏi, đồi núi, giống như Miền Trung Việt Nam chúng ta, đất để trồng rất hiếm hoi, thế mà Ê-li-sê có 12 mẫu ruộng, chắc chắn Ê-li-sê là người rất giàu.

19:20, Ê-li-sê là người rất hiếu thảo đối với cha mẹ.

19:21, Ê-li-sê lại là người có nhiều tội tởm hầu việc ông.

Thế mà Ê-li-sê lại bằng lòng hầu việc Ê-li là một con người yếu đuối, nghèo, đói. Điều đáng nói là tinh thần của Ê-li-sê hầu việc Ê-li rất tích cực, hết lòng: Ê-li-sê giết bò, chẻ cày, bỏ hết mọi sự, hết lòng hầu việc Ê-li.

Đôi khi lý do khiến chúng ta mệt mỏi là do chúng ta nhớ luôn cái quá khứ của chúng ta, quá khứ thành công hoặc thất bại. Ê-li đã sống trong quá khứ của tổ phụ (19:4), sống trong quá khứ oai hùng của cá nhân mình (19:10, 14). Cái quá khứ đó đã kéo Ê-li lại, khiến ông cảm thấy đủ rồi và mệt mỏi không muốn đi tới.

Cảm ơn Chúa, để khích lệ Ê-li tiếp tục hầu việc Chúa, Đức Chúa Trời đã đặt một Ê-li-sê bên cạnh Ê-li. Để làm gì? Để mỗi lần Ê-li yếu đuối, ông nhìn thấy Ê-li-sê và nghe Chúa phán: Ê-li ơi, một người yếu đuối, nghèo khổ, dở như ngươi, vậy mà Ê-li-sê hết lòng hầu việc, đến nỗi giết bò, chẻ cày; còn ngươi hầu việc một Đức Chúa Trời quyền năng, trên cả các thần, là Chân Thần, vậy mà ngươi lại thua Ê-li-sê sao?

Cảm ơn Chúa từ ngày có Ê-li-sê bên cạnh, chúng ta không còn thấy Ê-li yếu đuối nữa. Cầu xin Chúa dùng Lời của Chúa hôm nay để bồi dưỡng anh chị em.

SÁCH I CÁC VUA 12

I Vua 21:1-29

NA-BỐT – MỘT THƯỜNG DÂN LẬT ĐỔ MỘT VỊ VUA.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Chúa đã cho chúng ta đi qua chặng đường dài với 11 bài học qua sách I Các Vua, tôi định kết thúc loạt bài học về sách I Các Vua này, nhưng lòng cứ suy nghĩ về một người tên Na-bốt, một thường dân có liên quan cái chết của vua A-háp, nên phải mượn những gì mà Mục sư Ivor Powell viết về cái chết này với tựa đề: NA-BỐT – MỘT THƯỜNG DÂN LẬT ĐỔ MỘT VỊ VUA do ông Đoàn Phan Danh dịch, mà ghi ra để ai nấy thấy được cho mình bài học có cần. Nhất là có cần trong thời kỳ bất động sản đang gây sốt trong xã hội.

Mục sư Ivor Powell viết về Na-bốt:

“Na-bốt, người Gít-rê-ên, có một vườn nho tại trong đồng bằng Gít-rê-ên, giáp đền của A-háp, vua Sa-ma-ri”, và nơi vùng đất ấy đã cung cấp một trong những vấn đề sinh động nhất trong lịch sử Y-sơ-ra-ên. Chủ nhân của vườn nho trên khu đất này luôn chuyên cần chăm sóc vườn nho của mình, vì mảnh vườn nho này tiêu biểu những gì tốt đẹp nhất của gia đình ông ta. Các tổ phụ của ông đã sở hữu mảnh vườn này và canh tác nó, bây giờ họ giao mảnh vườn nho này cho Na-bốt, một tài sản thiêng liêng, một cơ nghiệp tổ phụ để lại không được mua bán theo luật của Chúa là không thể đoan mãi, không thể bán đi (Lê-vi ký 25:25; Dân. 36:7).

MỘT ĐỀ NGHỊ BỊ XEM KHINH.

“A-háp nói cùng Na-bốt rằng: Hãy nhường vườn nho của ngươi cho ta, để ta dùng làm vườn rau; vì nó ở gần bên đền ta. Ta sẽ đổi cho ngươi một vườn nho tốt hơn; hay là, nếu ngươi thích, ta sẽ cho ngươi bằng bạc.”. Khi Na-bốt nghe những lời nơi người chủ vương giả của mình, Na-bốt biết rằng bàn tay thịnh vượng đang gõ nơi cửa lòng mình. Vua A-háp bị cuốn hút sâu đậm đối với vườn nho được chủ vườn Na-bốt chăm sóc tốt, A-háp dành nhiều điều kiện vinh dự cao trọng cho việc trao đổi nó. Sự trao đổi sẽ tạo ra nhiều cơ hội làm giàu cho cá nhân Na-bốt, và dường như đây là một sự mặc cả rất cao giá. Cho đến lúc bấy giờ, vườn nho này là phần cơ nghiệp của tổ phụ để lại cho Na-bốt. Rồi Na-bốt nhớ lại rằng Kinh thánh cấm mua bán những sản nghiệp được chia cho làm cơ nghiệp, Na-bốt biết rằng không một thứ vật chất có thể bù đắp được. Na-bốt thưa với vua A-háp rằng: “Nguyện Đức Giê-hô-va giữ lấy tôi, chớ để tôi nhường cho vua cơ nghiệp của tổ phụ tôi!” (21:3).

Câu chuyện xa xưa này có một phần ứng dụng thật tươi mới. Phần cơ nghiệp của tổ phụ chúng ta phải khác hơn mảnh vườn nho đó. Nếu chúng ta có mặt để hỏi những bậc tổ phụ chúng ta là nguồn vui mừng thật của các tổ phụ đặt ở nơi nào? Câu trả lời chắc chắn sẽ là một câu trả lời sáng chói nhất: Hội thánh, Ngày của Đức Giê-hô-va, Lời của Đức Chúa Trời, và tình yêu cao trọng mà họ dành cho những thực tại đời đời, dường như là những đặc điểm quan trọng của phần cơ nghiệp đem truyền lại cho chúng ta.

Hình ảnh A-háp nhắc cho chúng ta nhớ đến vua chúa của thế gian mờ tối này, luôn luôn tìm cách dụ dỗ chúng ta ra khỏi nơi yên nghỉ và bình an mà Chúa ban cho chúng ta.

MỘT THÁNH ĐỒ BỊ NÉM ĐÁ.

Kinh thánh ghi: “A-háp vào đền mình, buồn và giận, bởi có lời Na-bốt, người Gít-rê-ên đã nói; vì người đã nói rằng: Tôi không nhường cho vua cơ nghiệp của tổ tiên tôi. A-háp nằm trên giường, xây mặt đi, không chịu ăn” (I Vua 21:4).

Hoàng hậu Giê-sa-bên tìm kiếm một lời giải thích từ vua A-háp về căn bệnh bất thường của vua, rồi bà ta nghe được những lời Na-bốt đã ngoan cố không chịu chiều theo vua, nên đã tìm cách phá vỡ sự chống đối của Na-bốt.

Hoàng hậu Giê-sa-bên được những người lãnh đạo tôn giáo tà thần Ba-anh góp ý, bà ta vạch kế hoạch chống lại Na-bốt. Kinh thánh đã ghi lại âm mưu giết Na-bốt của Giê-sa-bên: “Hoàng hậu Giê-sa-bên bèn nói rằng: Có phải ông hành quyền vua trên Y-sơ-ra-ên chẳng? Tôi sẽ ban cho ông vườn nho của Na-bốt, người Gít-rê-ên. Giê-sa-bên viết thư nhơn danh A-háp, đóng ấn vua, gửi cho các trưởng lão và kẻ cả ở trong thành Na-bốt và ở cùng người. Trong thư nói như vậy: Hãy truyền rao lễ kiêng ăn, rồi đặt Na-bốt ở đầu dân sự; đoạn, hãy để trước mặt người hai kẻ gian phạm làm chứng cho người, mà rằng: Người có rửa sả Đức Chúa Trời và vua. Kế, hãy dẫn người ra khỏi thành ném đá cho chết đi. Những người của thành Na-bốt, tức những trưởng lão, và kẻ cả ở đó, đều làm theo lời Giê-sa-bên truyền dặn trong thư mà người đã gửi cho. Họ rao truyền lễ kiêng ăn và đặt Na-bốt ở đầu dân sự. Bấy giờ, hai tên gian phạm đến ngồi trước mặt Na-bốt, và cáo gian tại trước mặt dân sự, mà rằng: Na-bốt có rửa sả Đức Chúa Trời và vua. Đoạn họ dẫn người ra khỏi thành, ném đá người chết”.

Chúng ta không nghe Na-bốt nói gì, cũng không thấy thái độ Na-bốt ân hận vì vâng theo Lời Chúa dạy giữ lấy cơ nghiệp tổ phụ truyền lại, chắc chắn Na-bốt biết sẽ có nhiều tai họa tẽ hại xảy đến hơn cả sự chết đời này. Nếu Na-bốt sống không đúng như Lời Chúa dạy, thì những gánh nặng của Na-bốt sẽ càng nặng thêm, mà chính Na-bốt phải gánh lấy. Khi những hòn đá ném vào Na-bốt như cơn mưa bão, Na-bốt tìm được niềm an ủi trong lòng là ít nhất Na-bốt còn có một tấm lòng trong sáng kính sợ Chúa hơn sợ người ta. Na-bốt đã nhận thiệt thòi cho mạng sống mình nhưng Na-bốt tìm lại được vinh hiển đời đời bởi trung tín với Chúa. Chắc chắn Na-bốt hoàn toàn thỏa mãn, lòng Na-bốt thật trong sáng, Na-bốt đã được yên nghỉ đời đời với tổ phụ mình trong Đức Giê-hô-va là Đấng mà Na-bốt tin và vâng lời Ngài.

Đọc đến đây, tôi [Mục sư SƠN] nhớ đến những lời các Sứ đồ trả lời trước Tòa Công Luận. Sách Công vụ ghi lại như sau: “Họ bèn đòi hai người vào, rồi cấm tiệt, chẳng cho nhơn danh Đức Chúa Jê-sus mà nói hay là dạy. Nhưng Phi-e-rô và Giăng trả lời rằng: Chính các ông hãy suy xét, trước mặt Đức Chúa Trời có nên vâng lời các ông hơn là vâng lời Đức Chúa Trời chẳng? Vì, về phần chúng tôi, không thể chẳng nói về những điều mình đã thấy và nghe... Phi-e-rô và các sứ đồ trả lời rằng: Thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn vâng lời người ta” (4:13-20; 5:29).

Giá phải trả cho quyết tâm vâng lời Chúa là các sứ đồ phải chịu một trận đòn, “Chúng nghe theo lời Ga-ma-li-ên; thì đòi các sứ đồ trở vào, sai đánh đòn, rồi cấm không được lấy danh Đức Chúa Jê-sus mà giảng dạy; đoạn tha ra” Điều vô cùng ngạc nhiên là phản ứng của các sứ đồ sau khi trả giá vì quyết vâng lời Chúa: “Vậy, các sứ đồ từ tòa công luận ra, đều hơn hở về mình đã được kể là xứng đáng chịu nhục vì danh Đức Chúa Jê-sus. Ngày nào cũng vậy, tại trong đền thờ hoặc từng nhà, sứ đồ cứ dạy dỗ rao truyền mãi về Tin Lành của Đức Chúa Jê-sus, tức là Đấng Christ” (5:40-42).

Giống Na-bốt không? Giống lắm!

NGƯỜI ÂM MƯU PHẢI HỐT HOẢNG.

Kinh thánh ghi: “Khi Giê-sa-bên hay rằng Na-bốt đã bị ném đá và chết rồi, bèn nói cùng A-háp rằng: Hãy chối dậy, nhận lấy vườn nho mà Na-bốt, người Gít-rê-ên, đã từ chối không chịu nhường cho ông để lấy bạc; vì Na-bốt không còn sống nữa; đã chết rồi”. Bà ta mỉm cười nói thầm: ‘Vậy là vua có vườn nho đó mà không tốn kém gì’. Nhưng bà ta đã lầm. Đây mới là cuộc mua bán đất giá nhất của A-háp, vua A-háp sẽ phải trả bằng mạng sống của vua và dòng dõi. Vua A-háp vội vã đến lấy tài sản mới của mình, và phải mặt đối mặt với tiên tri Ê-li. Hốt hoảng và khiếp đảm, A-háp kêu lên: “Ớ kẻ thù nghịch, ngươi có gặp ta à? Ê-li đáp: Phải, tôi có gặp vua, bởi vì vua đã bán mình đặng làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. Vậy thì ta sẽ giáng họa trên ngươi. Ta sẽ quét sạch ngươi, trừ diệt các nam đinh của nhà A-háp, bất kỳ kẻ nô lệ hay là người tự do trong Y-sơ-ra-ên; vì ngươi chọc giận ta, xui cho Y-sơ-ra-ên phạm tội, nên ta sẽ làm cho nhà ngươi giống như nhà của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, và giống như nhà Ba-ê-sa, con trai A-higia. Đức Giê-hô-va cũng phán về Giê-sa-bên, mà rằng: Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên tại thành lũy Gít-rê-ên. Phàm người thuộc về nhà A-háp, kẻ nào chết tại trong thành sẽ bị chó ăn; còn kẻ nào chết trong đồng sẽ bị chim trời rỉa thịt...” (21:20-24).

Khi cướp tài sản của một người trung tín với Luật pháp của Đức Chúa Trời, vua A-háp đã bán mình vào vòng nô lệ tội lỗi đời đời. Giê-sa-bên đã viết ra bản án hình phạt đời đời cho A-háp, những kế hoạch của Giê-sa-bên hoạch định cho vua A-háp đã biến thành gậy ông đập lưng ông, đã trở thành mối đe dọa cho những giấc mơ đẹp nhất của vua A-háp.

Sự ăn năn của A-háp, “A-háp nghe lời của Ê-li nói, bèn xé quần áo mình; lấy bao mặc cho mình và nhịn đói; nằm vắn bao và ở khiêm nhường” (21:27), sự ăn năn này trì hoãn một thời gian sự đoán phạt của Chúa, việc kết thúc cơ nghiệp của vua A-háp cũng phải đến, không có gì phải nghi ngờ. A-háp đoạt lấy vườn nho của Na-bốt là A-háp đã đánh mất linh hồn mình. Trong khi đó, Na-bốt chịu mất vườn nho theo luật của Đức Chúa Trời, song Na-bốt đã giữ được danh tiếng tốt, như lời Chúa phán: “Danh tiếng tốt còn hơn tiền của nhiều; và ơn nghĩa quý hơn bạc và vàng” (Châm ngôn 22:1) Na-bốt là một thương gia đầy khôn ngoan.

Đến đây là hết phần của Mục sư Ivor Powell, nhưng sách I Các Vua chưa kết thúc, lời tuyên án của Đức Chúa Trời qua tiên tri Ê-li phải ứng nghiệm, và sự ứng nghiệm án lệnh của Đức Chúa Trời trên kẻ ác A-háp và Giê-sa-bên đã được ghi rõ trong sách II Các Vua đoạn 9.

Kinh thánh ghi: “Vừa khi Giô-ram thấy Giê-hu – [Giô-ram là con trai thứ hai của A-háp lên ngôi vua Y-sơ-ra-ên, vì vua A-cha-xia cai trị hai năm chết mà không có con trai, nên em trai kế vị là Giô-ram] thì nói rằng: Hỡi Giê-hu, bình yên chẳng? Nhưng Giê-hu đáp rằng: Chi! Hễ sự gian dâm, sự tà thuật của Giê-sa-bên mẹ vua, còn nhiều dường ấy, thì bình yên sao đặng? Giô-ram bèn trở tay mình, chạy trốn... Giê-hu nắm lấy cung mình bắn, tên trúng nhằm Giô-ram giữa hai vai, thấu ngang trái tim, và người ngã xuống trong xe mình. Đoạn Giê-hu nói với Bích-ca, quan tướng mình rằng: Hãy đem liệng hắn trong đồng ruộng của Na-bốt, người Gít-rê-ên; vì khá nhớ lại một lần kia ta và người đồng cỡi ngựa theo sau A-háp, cha hắn, - thì Đức Giê-hô-va có phán về người lời lý đoán này: Quả thật, hôm qua ta đã thấy huyết của Na-bốt và của các con trai người; ta cũng sẽ báo người lại tại chánh nơi đồng ruộng này. Bởi có đó, hãy đem liệng hắn trong đồng ruộng này, y như lời của Đức Giê-hô-va đã phán...”

“Giê-hu liền đến tại Gít-rê-ên, Giê-sa-bên hay, bèn giồi phẫn mặt mình, trang điểm đầu và đứng trông nơi cửa sổ. Khi Giê-hu đi qua cửa thành, nàng nói rằng: Hỡi Xim-ri, kẻ giết chúa mình! Bình yên chẳng? Giê-hu ngược mắt lên về hướng cửa sổ, nói rằng: Trên cao kia, ai thuộc về ta? Ai? Hai ba hoạn quan ngó ra về hướng người. Người kêu chúng rằng: Vậy, hãy ném nàng xuống đất! Chúng bèn ném nàng xuống đất, và huyết vọt lại trên tường và trên ngựa, rồi ngựa giày đạp nàng dưới chơn. Giê-hu vào, ăn và uống

xong, đoạn nói rằng: Vậy, hãy đi xem đờn bà khốn nạn và lo chôn nó, vì nó là con gái của vua. Vậy, các tôi tớ đi đặt chôn nàng; nhưng chúng chỉ còn thấy cái sọ, hai chơn, và lòng bàn tay nàng mà thôi. Chúng trở về cho chủ mình hay điều đó. Giê-hu bèn nói: Ấy là lời của Đức Giê-hô-va đã cậy miệng Ê-li, người Thi-sê-be, tôi tớ Ngài, mà phán rằng: Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên tại trong đồng ruộng Gít-rê-ên; và thầy nàng sẽ như phân trên mặt đất, trong ruộng Gít-rê-ên, đến nỗi người ta không thể nói rằng: Đây là Giê-sa-bên” (II Vua 9:22-26, 30-37).

Chúa chưa phạt, không phải là Chúa không phạt, mà là sẽ phạt, và phạt nặng! Do thế, đến Tân Ước, Lời Chúa đã nhắc lại Giê-sa-bên khi Chúa gửi thư cho Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ: “Nhưng điều ta trách ngươi, ấy là ngươi còn dung cho Giê-sa-bên, người nữ ấy xưng mình là tiên tri, dạy dỗ và phỉnh phờ tôi tớ ta, đặt rủ chúng nó phạm tà dâm, và ăn thịt cúng thần tượng” (Khải 3:20).

II CÁC VUA

SÁCH II CÁC VUA 1

BỐI CẢNH SÁCH II CÁC VUA

CÁC NƯỚC CÓ LIÊN QUAN.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng tiếp tục học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời. Chúa đã cho chúng ta học qua sách I Các Vua với những bài học quý báu từ những sự kiện, những nhân vật, để từ đó có thể rút ra những bài học cho đời sống của chúng ta ngày nay đối với Đức Chúa Trời và đối với mọi người. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhờ ơn Chúa học sách II Các Vua.

Học sách II Các Vua chúng ta phải am tường những quốc gia làm bối cảnh cho sách lịch sử này.

Nước Sy-ri:

Lần đầu tiên xuất hiện tên nước Sy-ri trong II Samuên 8:5-6, “Dân Sy-ri ở Đa-mách đến tiếp trợ Ha-đa-đê-xe, vua Xô-ba; Đa-vít bèn giết chúng nó hai mươi hai ngàn người. Kế đó, người [hay vua Đa-vít] lập đồn trong Đa-mách xứ Sy-ri; dân Sy-ri phục dịch Đa-vít, và nộp thuế”.

Nhưng trong sách II Các Vua, sau khi nước Y-sơ-ra-ên bị suy yếu vì chia rẽ, thì nước Sy-ri có liên hệ nhiều. Sy-ri là một nước ở phía Bắc Y-sơ-ra-ên, thủ đô là Đa-mách, là một vùng đất cao. Tiếng Hi-bá-lai gọi Sy-ri là A-ram. Sau khi bị lưu đày tại Ba-by-lôn trở về, vì thời gian 70 năm bị lưu đày khá dài, người Y-sơ-ra-ên bị ảnh hưởng tiếng Sy-ri, nên đến đời Tân Ước khi Chúa Jê-sus sống trên đất, tiếng A-ram được sử dụng trong giao dịch hằng ngày. Kinh Thánh ghi lại vài chỗ Chúa Jê-sus đã nói tiếng A-ram hoặc tiếng theo ngôn ngữ Sy-ri, nhất là trong sách Mác, như:

Mác 5:41, Chúa Jê-sus phán với con gái của Giai-ru là quan cai nhà hội, khi Chúa Jê-sus chữa lành cho con gái này: “Ngài nắm tay nó mà phán rằng: Ta-li-tha Cu-mi; nghĩa là: Hỡi con gái nhỏ, ta truyền cho mày, hãy chớ dậy”.

Mác 7:34, “Đoạn, Ngài ngửa mặt lên trời, thở ra mà phán cùng người rằng: Ép-ra-ta! nghĩa là: Hãy mở ra!

Mác 15:34, “Đến giờ thứ chín, Đức Chúa Jê-sus kêu lớn tiếng rằng: Ê-lô-i, Ê-lô-i, lam-ma-sa-bách-ta ni? Nghĩa là: Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lìa bỏ tôi?

Riêng trong sách II Các Vua đoạn 5 ghi câu chuyện Quan Tổng binh của Sy-ri là Na-a-man đến nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc xin Tiên tri Ê-li-sê chữa lành bệnh phong, một câu chuyện rất hay như sau: “Na-a-man, quan tổng binh của vua Sy-ri, là một người có quyền trước mặt chủ mình, được tôn trọng lắm, bởi vì Đức Giê-hô-va dùng người giải cứu dân Sy-ri; người này vốn mạnh mẽ và bạo dạn, song bị bệnh phong. Và, có một vài toán dân Sy-ri đi ra bắt một đứa gái nhỏ của xứ Y-sơ-ra-ên làm phu tù, để hầu hạ vợ Na-a-man. Một ngày kia, nó nói với bà chủ mình rằng: Ôi! Chớ chi chúa tôi đi đến cùng ông tiên tri ở Sa-ma-ri! Người sẽ giải cứu chúa tôi khỏi bệnh phong. Na-a-man đem các lời này thưa lại cho chúa mình, mà rằng: Đứa gái nhỏ ở xứ Y-sơ-ra-ên có nói thể này thể này. Vua Sy-ri đáp: Hãy đi, ta sẽ gửi thơ cho vua Y-sơ-ra-ên. Vậy, Na-a-man đi đem theo mình mười ta lạng bạc, sáu ngàn đồng vàng, và mười bộ áo. Người đem bức thơ dâng cho vua Y-sơ-ra-ên; thơ rằng: Khi thơ này đạt đến vua, kìa ta đã sai Na-a-man, đầy tớ ta đến cùng vua; vua tiếp được bức thơ này, ấy để vua giải cứu bệnh phong cho người. Khi vua Y-sơ-ra-ên đọc thơ rồi, liền xé quần áo mình, và nói rằng: Ông ấy sai người đến cùng ta để ta chữa khỏi bệnh phong

cho họ, ta há phải là Đức Chúa Trời, có quyền làm sống làm chết sao? Khá nên biết và xem thấy rằng người tìm dịp để nghịch cùng ta”.

“Khi Ê-li-sê, người của Đức Chúa Trời, hay rằng vua Y-sơ-ra-ên có xé quần áo mình, thì sai nói với người rằng: Cớ sao vua xé quần áo mình? Na-a-man hãy đến tôi, ắt người sẽ biết rằng trong Y-sơ-ra-ên có tiên tri”.

“Vậy, Na-a-man đến với ngựa và xe, dừng tại cửa nhà Ê-li-sê. Ê-li-sê sai một sứ giả nói với người rằng: Hãy đi tắm mình bảy lần dưới sông Giô-đanh, thịt người tất sẽ trở nên lành, và người sẽ được sạch. Nhưng Na-a-man nổi giận, vừa đi vừa nói rằng: Ta nghĩ rằng chính mình người sẽ đi ra đón ta, đứng gần đó mà cầu khẩn danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người, lấy tay đưa qua đưa lại trên chỗ bình và chữa lành kẻ phung. A-ba-na và Bạt-ba, hai sông ở Đa-mách, há chẳng tốt hơn các nước trong Y-sơ-ra-ên sao? Ta há chẳng tắm đó cho được sạch hay sao? Vậy người trở đi và giận dữ”.

“Những tôi tớ đến gần người, mà thưa rằng: Cha ơi, nếu tiên tri có truyền cho cha một việc khó, cha há chẳng làm sao? Phương chi rày người bảo cha rằng: Hãy tắm, thì được sạch. Người bèn xuống sông Giô-đanh, và tắm mình bảy lần, theo như lời truyền của người Đức Chúa Trời. Người liền được sạch, và thịt người trở nên như trước, giống như thịt của một đứa con nít nhỏ” (5:1-13). Thật tuyệt vời! Tuyệt vời quyền năng của Đức Chúa Trời; tuyệt vời cách thuật truyện của tác giả sách II Các Vua.

Tiếp đó, sách II Các Vua đoạn 6 và đoạn 7, Kinh thánh ghi thuật cuộc giải cứu thành Sa-ma-ri khỏi quân Sy-ri, cũng kỳ diệu không kém. Ngoài ra, sách II Các Vua cũng ghi lại nhiều lần vua nước Sy-ri đánh phá nước Y-sơ-ra-ên, như:

8:7-15, sách đã thuật lại một cuộc giết vua cướp ngôi của người tên Ha-xa-ên sau khi nghe tiên tri Ê-li-sê cho biết người ấy sẽ làm vua Sy-ri. Kinh thánh ghi: “Ngày mai, Ha-xa-ên lấy cái mền nhúng nước, đắp trên mặt Bên-Ha-đát, thì người chết. Rồi Ha-xa-ên làm vua thế cho người”.

12:17-18, chính Ha-xa-ên này đúng như lời tiên tri Ê-li-sê báo trước, đã xâm phạm đất Gát, dự định xâm phạm Giê-ru-sa-lem của Giu-đa, khiến vua Giu-đa là Giô-ách phải lấy những vật thánh được các tiên vương biệt ra thánh cho Chúa, luôn với các vật thánh của mình, và hết thảy vàng ở trong kho tàng của đền thờ Đức Giê-hô-va và ở cung vua, gửi dâng cho Ha-xa-ên, vua Sy-ri; vì cớ ấy, Ha-xa-ên đi khỏi Giê-ru-sa-lem.

13:3-5, trọn đời Giô-a-cha, cùng con trai là vua Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên, đánh giặc cùng vua nước Sy-ri, Chúa có thương xót ban cho vua Giô-a-cha thắng hơn Sy-ri. Rất tiếc vua Giô-a-cha và dân Y-sơ-ra-ên không ăn năn (22-25).

16:5-18, tai hại là liên minh giữa vua Rô-xin của Sy-ri với vua Phê-ca của nước Y-sơ-ra-ên cùng tiến đánh Giê-ru-sa-lem của vua A-cha nước Giu-đa, thì vua A-cha lại lấy bạc và vàng có ở trong đền thờ Đức Giê-hô-va và ở trong đền vua, gửi làm của lễ cho vua A-si-ri, nhờ đó vua A-si-ri đánh diệt Đa-mách. Nhưng cũng chính việc này khiến vua A-cha đem tượng thần A-si-ri vào đền thờ thay Chúa.

Nước A-si-ri:

Đây là một Đế quốc rộng lớn từ thế kỷ thứ 7 TC., cũng có tên là A-su-rơ (Dân. 24), và A-su (Dân. 24:24). Ngày nay là nước Iraq với thủ đô là Ni-ni-ve, ngày nay là Baghdad.

Sách Sáng-thể ký trong Kinh thánh, đoạn 10:8-12, cho chúng ta biết nguồn gốc Đế quốc A-si-ri là do Nim-rốt thành lập. Bản tánh Nim-rốt là người làm anh hùng trên đất, một tay thợ săn can đảm, nên di truyền dòng dõi dân A-si-ri sau này hung dữ, thường cướp phá nhiều nơi. Lịch sử thế giới cổ cho biết quân A-si-ri đem chiến công bằng cách đem đầu quân địch bỏ vào cái giỏ treo nơi đầu ngựa của họ. Chánh sách của A-si-ri là xóa bỏ ranh giới các nước bằng cách đày các dân mà họ chinh phục tan lạc giữa các nước. Đó là lý do có tài liệu cho rằng người nước Anh là dòng dõi 10 chi phái Y-sơ-ra-ên bị đày đã tràn sang phía Tây hình thành.

Sách Các Vua 16:7-9 ghi sự xuất hiện của vua A-si-ri để từ đó Đế quốc A-si-ri dòm ngó và chiếm nước Y-sơ-ra-ên. Đoạn 17:6 ghi lại sự kiện A-si-ri chiếm Sa-ma-ri, thủ đô của Y-sơ-ra-ên (17:24), đem dân Y-sơ-ra-ên đày đi các xứ khác, và đem các dân khác đến Sa-ma-ri. Bởi đó, về sau tạo ra một giống người Y-sơ-ra-ên lai, nên bị người Y-sơ-ra-ên thuần gốc khinh ghét được gọi là dân Sa-ma-ri (Giăng 4:9).

Sách II Các Vua 19:19, đế quốc A-si-ri tấn công Giê-ru-sa-lem. Đây là một trận quyết định, kết quả lời cầu nguyện của vua Ê-xê-chia được Chúa nhậm, đạo quân A-si-ri bị tiêu diệt trong một đêm (19:35). Kinh thánh ghi: “Trong đêm đó, có một thiên sứ của Đức Giê-hô-va đi đến trong dinh A-si-ri, và giết một trăm tám mươi lăm ngàn người tại đó. Sáng ngày mai, người ta thức dậy, bèn thấy quân ấy, kìa, chỉ là thây đó thôi. San-chê-ríp, vua A-si-ri, bèn trở về, ở tại Ni-ni-ve. Một ngày kia. Người thờ lạy trong chùa Nit-róc, thần của mình, thì A-tra-mê-léc và Sa-rét-se giết người bằng gươm; đoạn chúng nó trốn trong xứ A-ra-rát. Ê-sạt-ha-đôn, con trai người, kế vị người” (19:35-36).

Nước A-si-ri có liên hệ nhiều đến Kinh Thánh, các sách Tiên tri thường đề cập, đặc biệt là sách Giô-na, Na-hum, Sô-phô-ni.

Đế quốc A-si-ri sụp đổ bởi liên minh giữa Ba-by-lôn, Medes, và Scythes, bộ tộc phía nam biển Caspians vào năm 612 TC.

Nước Ba-by-lôn:

Có lẽ đây là dòng dõi của Cúc được ghi trong sách Sáng thế ký 10:6-10, chung một gốc với người A-si-ri. Khởi lập quốc vào năm 3.750 TC.

Ba-by-lôn có liên hệ rất nhiều với Kinh Thánh và lịch sử của Y-sơ-ra-ên.

Năm 538 TC. Đế quốc Ba-by-lôn bị liên minh Mê-đi và Ba-tư tiêu diệt. Nhưng trong tương lai trước ngày Chúa Jê-sus Christ tái lâm, có một thế lực được dấy lên mà Kinh Thánh mô tả là nước Ba-by-lôn Lớn (Khải. 17 - 19).

Nhận xét:

Từ đoạn 14 đến cuối sách là đoạn 22 sách I Vua,, tức là từ lúc vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc được thành lập đến đời vua A-cha-xia, tất cả độ 86 năm.

Trong vòng 86 năm, vương quốc Y-sơ-ra-ên gồm 10 chi phái phía Bắc có 8 vị vua, tất cả đều làm ác, tức là thờ lạy hình tượng, không kính sợ Chúa, không làm theo Lời Chúa dạy.

Nếu kể luôn đến sách II Các Vua đoạn 17, nghĩa là đến khi vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc bị Đế quốc A-si-ri tiêu diệt, bắt dân Y-sơ-ra-ên lưu đày tan lạc khắp Đế quốc, thì những vua cai trị Y-sơ-ra-ên là những người giết vua tiền nhiệm giành giật ngai vị làm vua. Điển hình là sách I Các Vua ghi có những vua cai trị chỉ hai năm, thậm chí có vua cai trị chỉ có bảy ngày, không một vua nào vì Chúa, vì nước, vì dân.

Chúa phán: “Những người ác chẳng hưởng sự bình an bao giờ, Đức Giê-hô-va phán vậy... Đức Chúa Trời ta đã phán: Những kẻ gian ác chẳng hưởng sự bình an” (Ê-sai 48:22; 57:21). Lời Chúa cũng phán với kẻ ác: “Kẻ ác khá bỏ đường mình, người bất nghĩa khá bỏ các ý tưởng; hãy trở lại cùng Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ thương xót cho, hãy đến cùng Đức Chúa Trời chúng ta, vì Ngài tha thứ dồi dào” (Ê-sai 55:7), đó là lý do Đức Chúa Trời đã sai nhiều tiên tri đến rao giảng sự ăn năn cho dân Chúa cả hai miền Nam Bắc, rất tiếc, cả hai đều không hạ mình ăn năn, dẫn đến án phạt của Đức Chúa Trời trên dân Chúa phải thi hành, như Chúa phán: “Đức Giê-hô-va lại phán cùng ta rằng: Sự cuối cùng đã đến trên dân Y-sơ-ra-ên ta; ta sẽ không vượt qua nó nữa” (A-mốt 8:1-2).

SÁCH II CÁC VUA 2

ĐẶC ĐIỂM CỦA SÁCH.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Lời Chúa là Kinh thánh với sách II Các Vua, một sách ghi lại giai đoạn chấm dứt thời kỳ vương quyền của nước Y-sơ-ra-ên. Bài trước, chúng ta đã lược qua những đế quốc liên hệ với dân Y-sơ-ra-ên, như Sy-ri, A-si-ri, Ai Cập và Ba-by-lôn. Dĩ nhiên, thế giới từ cổ xưa đến nay có nhiều quốc gia, có nhiều Đế quốc, nhưng mục đích của Kinh thánh được Đức Chúa Trời mặc khải ban cho loài người là để bày tỏ Chương Trình Cứu Rỗi của Đức Chúa Trời ban cho con người, nên Kinh thánh chỉ nói đến dân tộc nào, quốc gia nào, Đế quốc nào có liên quan đến tuyển dân Y-sơ-ra-ên và chương trình cứu rỗi của Chúa mà thôi.

Ví dụ: Kinh thánh ghi tên 3 con trai của A-đam nhưng chỉ quan tâm đến Sét; Kinh thánh cho biết Nô-ê cũng có 3 con trai, nhưng Kinh thánh chỉ chú ý vào dòng dõi của Sem; Kinh thánh ghi Gia-cốp có 12 con trai, dù có người nổi trội như Giô-sép, nhưng Đức Chúa Trời chỉ quan tâm đến dòng dõi của Giu-đa.

Hôm nay, chúng ta học sách II Các Vua để biết về những đặc điểm của sách, chính những đặc điểm của các sách giúp người đọc hoặc học Kinh thánh không bị nhầm chán, trái lại sẽ tìm được những niềm vui thích học Lời Chúa là Kinh thánh.

Đặc điểm thứ nhất:

Sách II Các vua bắt đầu với vua nước Y-sơ-ra-ên là A-cha-xia bị “té ngang qua song lầu mình tại Sa-ma-ri, và vì cơ ấy mang bệnh”. Điều sách nhấn mạnh là:

C.1, “Sau khi A-háp băng hà, dân Mô-áp phản nghịch cùng Y-sơ-ra-ên”. Lời này nhắc chúng ta nhớ tội lỗi của A-háp, dù vua đã băng hà nhưng hoàng hậu Giê-sa-bên, nhân vật khiến A-háp phạm tội thờ hình tượng vẫn còn đó!

Dù Đức Chúa Trời đã dùng tiên tri Ê-li phạt nước Y-sơ-ra-ên hạn hán 3½ năm, Ê-li đã giết 450 tiên tri tà thần Ba-anh, nhưng A-háp vẫn không ăn năn. Tội lỗi còn đó!

Mô-áp phản nghịch chống lại Y-sơ-ra-ên còn đó!

C.2, con trai của A-háp mang cái gien thờ hình tượng của cha mẹ là A-cha-xia, Kinh thánh ghi: “... A-cha-xia, con trai A-háp, lên ngôi làm vua Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri, và cai trị hai năm. Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, đi theo con đường của cha mẹ mình, cùng theo con đường của Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát, là người xui cho Y-sơ-ra-ên phạm tội. Người hầu việc Ba-anh và thờ lạy nó, chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, cứ theo mọi sự cha người đã làm” (I Các Vua 22:52-54). Đời sống tội lỗi của A-cha-xia chuyển tiếp qua sách II Các Vua đã dự báo tội lỗi tiếp tục lan truyền, dù kẻ phạm tội đã chết, không hưởng bình an, và bây giờ kẻ phạm tội mới té bại liệt không đi được.

Tội lỗi với bản chất lây lan đã kéo dài suốt lịch sử dân Y-sơ-ra-ên qua 20 đời vua từ khi Giê-rô-bô-am bắt đầu li khai khỏi dòng vua Đa-vít đến hết sách I Các Vua là đời vua A-háp có 7 đời; từ vua A-cha-xia đến khi bị Đế quốc A-si-ri chiếm Sa-ma-ri và đày dân 10 chi phái phía Bắc đến ở giữa các dân khác tổng cộng ghi trong sách II Các Vua có 13 đời. Kết thúc vào năm 721 TC

Kinh thánh ghi lại chi tiết việc A-si-ri lưu đày dân Y-sơ-ra-ên như sau: “Dân Y-sơ-ra-ên đều đi trong hết thầy tội lỗi của Giê-rô-bô-am đã phạm, chẳng từ bỏ chút nào, cho đến ngày Đức Giê-hô-va đày đuổi họ khỏi trước mặt Ngài, y như Ngài đã phán bởi miệng của các tiên tri, tôi tớ Ngài. Vậy, Y-sơ-ra-ên bị cắt khỏi xứ mình, lưu đày qua A-si-ri cho đến ngày nay.

“Vua A-si-ri đem người ở Ba-by-lôn, Cu-tha, A-va, Ha-mát và Sê-phat-va-im, đặt ở trong các thành của Sa-ma-ri, thế cho dân Y-sơ-ra-ên. Chúng chiếm lấy nước Sa-ma-ri, và ở trong các thành đó” (17:22-24). Chính sách cai trị của người A-si-ri là xóa bỏ biên giới các nước bị chiếm, trộn lẫn các dân với nhau, khiến không còn tổ quốc riêng cho các dân nữa.

Như chúng ta đã nói, bản chất nguy hiểm của tội lỗi là sanh sản, lây lan, bằng cơ là tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên phía Bắc đã lây lan xuống dân Giu-đa thuộc chi phái Giu-đa và chi phái Bên-gia-min. Chúa phán về tánh chất lây lan của tội lỗi như sau: “Dầu ta đã bỏ Y-sơ-ra-ên bội nghịch và đã cho nó tở để, vì cơ nó ngoại tình, ta cũng còn thấy em gái quý quyết nó, là Giu-đa, chẳng sợ sệt chi; nhưng nó cũng cứ đi hành dâm. Vì nó khinh sự dâm loạn mình, thì làm ô uế đất này, hành dâm với đá và gỗ. Dầu vậy, em gái quý quyết nó là Giu-đa, cũng chẳng trở về cùng ta cách hết lòng, chẳng qua là giả dối, Đức Giê-hô-va phán vậy. Đức Giê-hô-va cũng có phán cùng tôi rằng; Y-sơ-ra-ên bội nghịch so với Giu-đa quý quyết, còn tỏ ra công bình hơn” (Giê. 3:8-11). Tội lỗi đưa đến sự hủy diệt một dân tộc là dân Giu-đa, dù là tuyển dân, là dân thánh, với một vị vua bị móc mắt, bị xô xiềng đày qua Ba-by-lôn, cái kết của Giu-đa thật thê thảm: “Năm thứ chín đời Sê-đê-kia, ngày mồng một tháng mười, Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, cùng cả đạo

quân người, đến hãm đánh Giê-ru-sa-lem. Người hạ trại trước thành, và đắp lũy vây chung quanh thành. Sự vây thành lâu dài cho đến năm thứ mười một đời Sê-đê-ki-a.

“Ngày mồng chín tháng tư, có sự đói kém lớn trong thành, dân sự không có bánh. Bấy giờ quân Canh-đê làm lũng một lỗ nơi vách tường thành; đoạn hết thầy quân lính đương ban đêm đều chạy trốn bởi cửa ở giữa hai vách thành gần vườn vua. Đương khi quân Canh-đê vây thành, thì vua chạy trốn theo đường đồng bằng. Đạo quân Canh-đê bèn đuổi theo vua, và theo kịp người tại trong đồng bằng Giê-ri-cô; cả cơ binh người đều tản lạc và bỏ người. Quân Canh-đê bắt vua, dẫn đến vua Ba-by-lôn ở Ríp-la; tại đó, chúng nó xét đoán người. Chúng nó giết các con trai Sê-đê-ki-a trước mặt người; đoạn, chúng nó móc mắt Sê-đê-ki-a, xiềng người bằng xích đồng, rồi dẫn người đến Ba-by-lôn.

“Ngày mồng bảy tháng năm, năm thứ mười chín đời Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, quan thị vệ Nê-bu-xa-ra-đan, tới tở vua Ba-by-lôn, đến Giê-ru-sa-lem. Người thiêu đốt đền thờ Đức Giê-hô-va, cung của vua, và mọi nhà trong thành Giê-ru-sa-lem; thiêu đốt luôn các nhà của người sang trọng. Đoạn, đạo quân Canh-đê, vâng lệnh quan thị vệ, phá đổ vách thành chung quanh Giê-ru-sa-lem. Quan thị vệ Nê-bu-xa-ra-đan bắt dân cư còn sót lại trong thành, luôn với những kẻ hàng đầu vua Ba-by-lôn và đám dân còn lại khác, mà dẫn đi làm phu tù. Quan thị vệ chỉ chừa lại trong xứ những người nghèo khổ hơn hết, đặt trông nom và làm ruộng.

“Quân Canh-đê đập bể những trụ đồng, táng đồng, và cái biển bằng đồng ở trong đền thờ của Đức Giê-hô-va, rồi đem đồng ấy về Ba-by-lôn. Chúng nó cũng đem đi những nồi đồng, vá, dao, chén, và hết thầy những khí dụng bằng đồng dùng vào việc thờ phượng. Lại quan thị vệ ấy đem đi những lư hương, chậu, và các vật bằng vàng, bạc”. (II Các Vua 25:1-15).

Thật là bi thảm, các con của vua Sê-đê-ki-a bị giết trước mắt vua, cá nhân vua bị móc mắt, bị xô xiềng lưu đày, thành Giê-ru-sa-lem bị phá, đền thờ của Chúa bị đốt, các vật bằng quý kim bị tháo gỡ đem đi, dân chúng bị đày qua Ba-by-lôn làm phu tù.

Đặc điểm thứ hai:

Sách II Các Vua mở đầu bằng sự kiện tiên tri Ê-li được Chúa cất lên trời bằng xe và ngựa lửa. Thật kỳ diệu, sách Các Vua I và II cho chúng ta nhìn thấy chức vụ của tiên tri Ê-li thường liên kết với Lửa, như:

Sách I Các Vua đoạn 17:1-2, Ê-li đã bước vào chức vụ với lời tuyên bố công khai trước vua A-háp: “Ta đứng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hằng sống mà thề rằng: Mấy năm về sau đây, nếu ta chẳng nói, chắc sẽ không có sương, cũng không có mưa”. Và quả thật nước Y-sơ-ra-ên đã gặp lửa hạn hán trải 3½ năm.

Sách I Các Vua đoạn 18 ghi lại việc Ê-li cầu nguyện xin lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt của lễ thiêu để chứng minh cho dân Y-sơ-ra-ên biết chỉ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời. Và Chúa đã đáp lời xin của Ê-li: “Lửa của Đức Giê-hô-va bèn giáng xuống thiêu đốt của lễ thiêu, củi, đá, bụi, và rút nước trong mương” (18:38).

Bây giờ đến sách II Các Vua đoạn 1 khởi đầu có hai ngọn lửa lại xảy ra trong chức vụ của tiên tri Ê-li:

Đoạn 1, Ê-li đã sai lửa từ trời thiêu đốt những người lính được vua A-cha-xia sai đến gặp Ê-li: lần thứ nhất, lửa từ trên trời liền giáng xuống thiêu đốt quan cai và năm mươi lính của người” (1:10); lần thứ hai: “Lửa của Đức Chúa Trời liền từ trời giáng xuống thiêu đốt quan cai với năm mươi lính của người” (1:12).

Đoạn 2, kết thúc chức vụ của Ê-li với ngọn lửa thật vinh quang, “Khi Đức Giê-hô-va muốn đem Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc, Ê-li và Ê-li-sê ở Ghinh-ganh đi ra... Hai người cứ vừa đi vừa nói với nhau, kìa, có một cái xe lửa và ngựa lửa phân rẽ hai người; Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc. Ê-li-sê nhìn thấy, bèn la lên rằng: Cha tôi ôi! cha tôi ôi! là xe và lính kỵ của Y-sơ-ra-ên!” (2:1, 11-13).

Sách đã khởi sự với một tiên tri trung tín được tiếp lên trời, và kết thúc bằng cuộc lưu đày thảm khốc qua Ba-by-lôn của một vua Sê-đê-kia không vâng lời Chúa (24:8-12).

Đặc điểm thứ ba:

Sách II Các Vua ghi cả hai cuộc lưu đày của nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc và cuộc lưu đày của nước Giu-đa phía Nam. Trong đoạn 17 ghi sự kiện 10 chi phái phía Bắc bị đế quốc A-si-ri tiêu diệt và đày qua A-si-ri, đồng thời Đế quốc A-si-ri đem người ở những xứ khác vào cư trú tại Sa-ma-ri. Nếu không có đoạn 17 này, người học Kinh thánh sẽ không hiểu tại sao có sự kỳ thị giữa người Y-sơ-ra-ên với người Sa-ma-ri, như trong sách Tin Lành Luca 10 về người Sa-ma-ri hơn lành; sách Tin Lành Giăng đoạn 4 với cuộc đối thoại của Chúa Jê-sus với người đàn bà Sa-ma-ri. Nhất là người tin Chúa Jê-sus mới hiểu được chiến lược truyền Tin Lành của Chúa Jê-sus Christ trong sách Công vụ 1:8, tại sao Sa-ma-ri ở hàng thứ ba trong chiến lược truyền Tin Lành.

Với đoạn 25, sách II Các Vua đã ghi cảnh trạng nước Giu-đa bị quân Ba-by-lôn đánh chiếm lần cuối, và cuộc tàn sát đẫm máu của Ba-by-lôn đối với dân và vua Giu-đa.

Đặc điểm thứ tư: So sánh sách II Các Vua với các sách khác:

I Sa-mu-ên ghi lại thời kỳ trung gian giữa chế độ thần quyền và quân chủ với 3 nhân vật: Sa-mu-ên, Saulơ, Đa-vít.

II Sa-mu-ên ghi lại triều đại của vua Đa-vít trong thời gian khổ, rồi được lên ngôi vua và những thất bại của Đa-vít.

I Các Vua là sách ghi 40 năm cai trị của Sa-lô-môn, và của sự phân rẽ sau cái chết của vua Sa-lô-môn để lại hậu quả, cộng thêm 80 năm đầu của hai nước Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bị suy sụp sau khi chia rẽ.

II Các Vua là sách của sự lưu đày: Y-sơ-ra-ên bị đày qua A-si-ri (đoạn 17) và Giu-đa bị đày qua Ba-by-lôn (đoạn 25).

Đọc sách II Các Vua, chúng ta nhớ đến lời của Sứ đồ Phao-lô trong thư Rô-ma 6:23, “Tiền công của tội lỗi là sự chết”, tội lỗi của hai nước Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều được tiền công là bị lưu đày. Và bài học cho Hội thánh ngày nay cũng phải nhớ đến những lời cảnh cáo của Chúa gửi cho các Hội thánh, với Hội thánh tại Ê-phê-sô, Chúa phán: “Nếu người không ăn năn thì ta sẽ cất chơn đèn của người khỏi chỗ nó” (Khải. 2:5, 16; 3:3).

SÁCH II CÁC VUA 3

BỐ CỤC CỦA SÁCH

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Lời Đức Chúa Trời là Kinh thánh. Chúng ta đã cùng học qua Các Quốc Gia Có Liên Quan Đến Dân Chúa được nói đến trong sách II Các Vua. Bài thứ hai, chúng ta đã cùng nhau học về Những Đặc Điểm Được Nói Đến trong sách II Các Vua. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau học phần Bố Cục của sách II Các Vua để nắm bắt được nội dung của sách.

Đề mục được chọn cho sách II Các Vua là: TỘI LỖI, căn cứ vào câu gốc: 17:20, “Thế thì, Đức Giê-hô-va từ bỏ cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên, làm khốn khổ họ, và phó họ vào tay các kẻ cướp giết, cho đến phải lưu đày cách xa mặt Ngài”.

Sở dĩ câu Kinh thánh đoạn 17 câu 20 của sách được chọn làm câu gốc cho cả sách, vì câu Kinh thánh lột tả đầy đủ đại ý của toàn bộ sách. Chúng ta phân tích:

Thế thì:

Hai từ “Thế thì” cho biết lý do gây ra tội lỗi mà sách nói đến, tức là nhắc đến những gì xảy ra trong nước Y-sơ-ra-ên từ khi vua Sa-lô-môn lên ngôi. Với 40 năm cai trị, từ lúc 40 tuổi đến khi già yếu hơn 70 tuổi đến 80 tuổi, Kinh thánh ghi rõ: “Trong buổi già yếu, các hoàng hậu của Sa-lô-môn dụ lòng người đi theo các thần khác: Đối cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, lòng người chẳng trọn lành như thể lòng của Đa-vít, là cha người. Vì Sa-lô-môn cúng thờ Át-tạt-tê, nữ thần của dân Si-đôn, và thần Minh-côm, là thần đáng gớm ghiếc của dân Am-môn. Như vậy, Sa-lô-môn làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, chẳng vâng theo Đức Giê-hô-va cách trọn lành như Đa-vít, cha người, đã làm. Bấy giờ, Sa-lô-môn lại xây cất tại trên núi đối ngang Giê-ru-sa-lem, một nơi cao cho Kê-móc, vật đáng gớm ghiếc của dân Mô-áp, và cho Mo-lóc, vật đáng gớm ghiếc của dân Am-môn. Vua cũng làm như vậy cho hết thầy các hoàng hậu ngoại của mình, xông hương và tế lễ cho thần của chúng nó” (I Các Vua 11:4-8).

Lời Chúa giải thích tội lỗi đối với Chúa không phải chỉ là giết người, cướp giết, nhưng là việc thờ hình tượng, không giữ theo lời Chúa dạy. Đáng lẽ Sa-lô-môn là người của Chúa, đang cai trị dân Chúa, phải làm gương cho các dân chung quanh, buồn thay, Sa-lô-môn lại bắt chước làm theo sự thờ lạy các thần hư không của các dân đó. Kinh thánh đã định nghĩa tội lỗi là “Còn ai phạm tội tức là trái luật pháp; và sự tội lỗi tức là sự trái luật pháp” mà luật pháp của Đức Chúa Trời là 10 Điều răn (Xuất. 20:1-12; I Giăng 3:4). Từ cuối đời Sa-lô-môn, các vua nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc đã đi theo con đường trái luật pháp của Chúa, khởi đầu tội lỗi của Y-sơ-ra-ên là từ lúc Giê-rô-bô-am muốn ngăn chặn dân Y-sơ-ra-ên đến đền thờ Giê-ru-sa-lem thờ phượng Chúa, nên đã dựng lên một con bò vàng tại Đan phía cực bắc, một con bò vàng tại Bê-e-sê-ba ở cực nam giáp ranh nước Giu-đa, với lời gian ác: “Các người đi lên Giê-ru-sa-lem thật khó thay! Hỡi Y-sơ-ra-ên! Đây là các thần người, đã đem người ra khỏi xứ Ê-díp-tô” (I Các Vua 12:26-32).

Vì vậy, Thế thì là lời Chúa nói đến vì tội lỗi quá lớn của dân Y-sơ-ra-ên.

Người phạm tội:

Câu Kinh thánh xác nhận “cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên”. Sách Sáng thế ký 32:28, danh xưng “Y-sơ-ra-ên” là tên được Đức Chúa Trời đặt cho tuyến dân, nhưng dân thánh không còn thánh nữa, họ đầy hình tượng, làm ác trước mặt Đức Chúa Trời, nghĩa là phạm tội công khai. Đức Chúa Trời đã diệt các dân Ca-na-an vì tội lỗi của họ, lấy đất Ca-na-an ban cho dân của Chúa, thế mà bây giờ dân Chúa làm như các dân Chúa đã diệt!

Và Chúa đã phạt dân Y-sơ-ra-ên với bước thứ nhất: “Đức Giê-hô-va từ bỏ cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên”; giai đoạn thứ hai: “làm khốn khổ họ”; giai đoạn thứ ba: “phó họ vào tay các kẻ cướp giựt, cho đến phải lưu đày cách xa mặt Ngài”.

Tuy nhiên, trước khi Chúa phạt, sách II Các Vua ghi lại những việc Chúa đã làm, vì Đức Chúa Trời là Đấng giàu lòng thương xót, chậm nóng giận, nên trong thời kỳ này, Chúa đã dấy lên hai Tiên tri lớn, làm rất nhiều phép lạ, giảng dạy mạnh mẽ để cảnh tỉnh dân Chúa. Đây là một thời kỳ có nhiều phép lạ được Đức Chúa Trời thi hành.

I/. LỜI CẢNH CÁO CỦA TIÊN TRI Ê-LI - 1:1 - 2:12

Sách I Các Vua đoạn 17 cho chúng ta biết nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc đang được cai trị bởi vua A-háp, tính từ khi vua Sa-lô-môn chết đến đời A-háp khoảng 100 năm (930-874 TC.), tội lỗi đã thấm sâu vào lòng dân Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời thánh đã sai Ê-li cảnh cáo cả nước bằng hình phạt hạn hán 3½ năm, “Ê-li ở Thi-sê-be, là một người trong bọn đã sang ngụ Ga-la-át, nói với A-háp rằng: Ta đứng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hằng sống mà thề rằng: Mấy năm về sau đây, nếu ta chẳng nói, chắc sẽ không có sương, cũng không có mưa”. Sau 3½ năm, Đức Chúa Trời lại cho Ê-li cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên trên núi Cạt-mên: “Đoạn Ê-li đến trước mặt dân sự mà nói rằng: Các ngươi đi gieo hai bên cho đến chừng nào? Nếu Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, khá theo Ngài; nếu Ba-anh là Đức Chúa Trời, hãy theo hấn” (I Các Vua 18:21).

Rất tiếc với những lời cảnh cáo kèm theo bao nhiêu phép lạ, cuối cùng bắt đầu sách II Các Vua là lời cảnh cáo của Ê-li đối với vua A-cha-xia, đại diện cho cả nước Y-sơ-ra-ên: “Người nói với vua rằng: Bởi vì ngươi có sai sứ giả đến cầu Ba-anh-Xê-bụt, thần của Éc-rôn, há trong Y-sơ-ra-ên chẳng có Đức Chúa Trời để cầu vấn sao?, nên ngươi sẽ không xuống khỏi giường ngươi đã lên; vì ngươi chắc sẽ chết” (II Các Vua 1:16).

II/. LỜI CẢNH CÁO CỦA TIÊN TRI Ê-LI-SÊ. 2:13 đến đoạn 13

Sau khi tiên tri Ê-li được Đức Chúa Trời đem lên trời bằng xe và ngựa lửa, Đức Chúa Trời dùng tiên tri Ê-li-sê tiếp nối chức vụ cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên.

Từ 2:13 đến đoạn 13, sách II Các Vua đã ký thuật chức vụ của Ê-li-sê kèm theo những phép lạ mà Đức Chúa Trời cho Ê-li-sê thi hành để khuyên dỗ dân Y-sơ-ra-ên quay về với Giê-hô-va Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của họ.

Qua chức vụ của tiên tri Ê-li-sê, ngoài những phép lạ giúp đỡ người tin cậy Đức Chúa Trời như:

khiến dầu chảy đầy nhiều bình để giúp gia đình học trò tiên tri mưu sinh – 4:1-7.

phép lạ ban cho gia đình người nữ tại Su-nem có được một con trai và cứu sống đứa trẻ khi nó bị bệnh qua đời – 4:8-37.

chữa lành nồi canh độc, hóa bánh nuôi một trăm người – 4:38-44.

tìm lại lưới rìu đã chìm dưới nước – 6:1-7

Còn có những phép lạ lớn như:

Ê-li-sê rẽ nước sông Giô-đanh – 2:13-14

giải cứu đạo quân liên minh của ba vua Y-sơ-ra-ên, Giu-đa và Ê-đôm khỏi nạn không có nước và thắng được quân Mô-áp – 3:1-27.

rời chữa cho Tổng binh quân Sy-ri là Na-a-man khỏi bệnh phong – 5:1-14.

phạt đạo quân Sy-ri bị mù mắt 6:8-23.

Ê-li-sê cũng cứu thành Sa-ma-ri khỏi cuộc bao vây của quân Sy-ri, như đó cũng cứu dân thành thoát khỏi nạn đói khủng khiếp 6:24-7:20.

Đồng thời chức vụ của tiên tri Ê-li-sê cũng rất nghiêm khắc, sẵn sàng phạt nặng những kẻ vô tín:

Phạt 42 đứa trẻ bị hai con gấu xé xác vì nhạo báng Ê-li-sê – 2:23-24.

Phạt người đầy tớ tên Ghê-ha-xi bị bệnh phong vì tham tiền lừa gạt Na-a-man – 5:19b-27.

Trong thời gian hành chức của Ê-li-sê, thì lời tiên tri cái chết của hoàng hậu Giê-sa-bên do tiên tri Ê-li công bố trước đây được ứng nghiệm từng chi tiết: “chúng ném nàng xuống đất, và huyết vọt lại trên tường và trên ngựa, rồi ngựa giầy đạp nàng dưới chơn... Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên tại trong đồng ruộng Gít-rê-ên; và thầy nàng sẽ như phân trên mặt đất, trong ruộng Gít-rê-ên, đến nỗi người ta không thể nói rằng: Đây là Giê-sa-bên” (I Các Vua 21:17-26; II Các Vua 9:30-37).

III/. HẬU QUẢ CỦA TỘI LỖI – từ đoạn 18 đến đoạn 25

Từ tốt qua xấu. 18 - 23

Kinh thánh cho biết tánh chất của tội lỗi là lan truyền mau lẹ như một dịch bệnh. Sách Sáng thế ký ghi lại tội lỗi bắt đầu từ vườn Ê-đên với việc không vâng theo lời của Đức Chúa Trời, rồi anh em giết nhau, rồi lan truyền khắp thế gian đến nỗi cả thế gian đều bại hoại. Kết quả là Đức Chúa Trời phải dùng nước lụt đời Nô-ê để rửa sạch dơ bẩn tội lỗi của thế gian, chỉ còn lại 8 người trong gia đình Nô-ê. Thế mà sau đó tội lỗi lại tiếp tục lây lan mau lẹ kéo đến tháp Ba-bên, Đức Chúa Trời phải làm loài người bị loạn ngôn ngữ tan lạc khắp nơi.

Người Việt Nam có câu: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, nhưng phải nói rõ hơn là gần mực thì dễ bị đen hơn là gần đèn thì sáng.

Tội lỗi của nước Y-sơ-ra-ên phía bắc đã lan xuống nước Giu-đa phía nam, khiến Giu-đa từ một Ê-xê-chia tốt lành đến Manase, Am-môn gian ác. Từ Giô-sia tốt đến Giô-a-cha, Giê-hô-gia-kim làm ác.

Đến sách II Các Vua thì tình trạng nguy hiểm là có một sự thỏa hiệp giữa nước Giu-đa với nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc, các vua phía Nam cưới vợ là người thuộc hoàng tộc phía bắc, có lẽ với mục đích dùng hôn nhân vào chính trị, vua của nước dễ hòa hiệp nhau, như:

Vua Sa-lô-môn làm gương xấu kết hôn với con gái vua Ai Cập (I Các Vua 3:1; 11:1-2)

A-háp của Y-sơ-ra-ên cưới con gái của vua Si-đôn làm vợ (I Các Vua 16:31).

Các vua thỏa hiệp với nhau, Ấy vậy, vua Y-sơ-ra-ên, vua Giu-đa và vua Ê-đôm đồng kéo ra... (II Các Vua 3:9).

Ấy là chưa kể các vua Giu-đa cậy lấy vàng bạc, đồng trong đền thờ của Đức Giê-hô-va để mua chuộc sự bảo trợ của các dân ngoại.

Mất sự thánh khiết - 24 - 25

Cuối cùng tội lỗi đã khiến cho Dân thánh bị lưu đày, Đền thánh bị đốt, Thành thánh bị mất.

Đối với dân Y-sơ-ra-ên phía Bắc, “Đoạn, vua A-si-ri đi lên xâm chiếm cả xứ, đến vây Sa-ma-ri trong ba năm. Năm thứ chín đời Ô-sê, vua A-si-ri hãm lấy Sa-ma-ri, đem dân Y-sơ-ra-ên sang qua A-si-ri, lập họ ở tại Cha-la và trên bờ Cha-bo, sông của Gô-xan, cùng trong các thành nước Mê-đi”.

Còn dân Giu-đa phía Nam, Đức Chúa Trời đã cho phép người Ba-by-lôn đánh phá Giê-ru-sa-lem ba lần, nhưng dân Chúa không hề ăn năn. Lần thứ nhất vào đời vua Giê-hô-gia kim trị vì (II Các Vua 24:1-2); lần thứ hai vào đời vua Giê-hô-gia-kin, vua đầu hàng người Ba-by-lôn và bị lưu đày; lần thứ ba quân Ba-by-lôn chiếm xứ Giu-đa và phá hủy thành Giê-ru-sa-lem, đốt đền thờ, đày hết thảy dân Giu-đa từ vua đến dân qua Ba-by-lôn 70 năm.

Sách II Các Vua ghi lại việc Đức Chúa Trời phạt rất nặng đối với tội lỗi, không phải vì Ngài thiếu nhân từ, trái lại, Chúa rất nhân từ dấy lên nhiều tiên tri nhất trong các thời kỳ để cảnh cáo dân Chúa, như nước Y-sơ-ra-ên Chúa đã sai các tiên tri rao giảng kêu gọi họ ăn năn như: Giô-na, A-mốt, Ô-sê; còn đối với nước Giu-đa phía Nam, Chúa đã sai các tiên tri như: Áp-đia, Giô-ên, Ê-sai, Mi-chê, Na-hum, Ha-ba-cúc, Giê-rê-mi.

Lời Chúa phán: “Cho nên, như Đức Thánh Linh phán rằng: Ngày nay nếu các ngươi nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng...” (Hê-bơ-rơ 3:7, 15). Xin Chúa ban cho chúng ta có tai nghe được tiếng Chúa và lòng mềm mại luôn ăn năn như vua Đa-vít.

SÁCH II CÁC VUA 4

NHÂN VẬT ĐÁNG NHỚ: Ê-LI

Đoạn 1 đến 2:12

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay, chúng ta tiếp tục học sách II Các Vua với chủ đề là CÁC NHÂN VẬT ĐÁNG NHỚ, bắt đầu từ đoạn 1 đến đoạn 2:12 với nhân vật đáng nhớ là Tiên Tri Ê-li. Chúng ta đã nói nhiều về tiên tri Ê-li trong những bài học qua sách I Các Vua, nhưng để chứng minh hai sách Các Vua thứ I và thứ II là một sách, thì Thánh Linh Đức Chúa Trời đã cho phép sách II Các Vua khởi sự với những việc liên quan tiên tri Ê-li. Đó là lý do trước khi khép lại đời sống của Ê-li, mở đầu một trang sử mới với một tiên tri mới, chúng ta dành thì giờ ôn lại những gì Đức Chúa Trời đã làm cho Ê-li.

I/. ĐỨC CHÚA TRỜI NUÔI Ê-LI.

Sách I Các Vua đoạn 17 ghi lại lần đầu tiên tiên tri Ê-li xuất hiện trong lịch sử nước Y-sơ-ra-ên thời kỳ đầy tội lỗi dưới sự cai trị của vua A-háp. Quê hương của Ê-li là thành Thi-sê-be thuộc chi phái Gát, vùng đất chỉ hợp cho việc chăn nuôi vì là đồng hoang cỏ cháy. Kinh thánh không ghi về gia thế của Ê-li, nhưng với cách sống kham khổ từ việc mặc áo lông lạc đà và thắt dây da, là cách sống nghèo, như Giăng Báp-tít thời Tân Ước (II Vua 1:8; Math. 3:4).

Người thế gian nói: ‘Nghèo không phải là cái tội, không chịu nổi cái nghèo mới là tội’. Cảm ơn Chúa, Ê-li xuất thân gia đình nghèo nhưng ông đã dâng mình phục vụ Chúa. Hoàn cảnh của Ê-li nhắc tôi nhớ đến một tiên tri có gia cảnh nghèo nhưng trung tín phục vụ Chúa là tiên tri A-mốt. Trong sách tiên tri A-mốt đoạn 7, chính A-mốt đã ghi lại cảnh ngộ mà ông gặp phải khi hầu việc Chúa do xuất thân nghèo: “A-mốt trả lời cho A-ma-xia rằng: Ta không phải là đấng tiên tri, cũng không phải là con đấng tiên tri; nhưng ta là một kẻ chăn, sửa soạn những cây vả rừng. Đức Giê-hô-va đã bắt lấy ta từ sau bầy, và Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hãy đi nói tiên tri cho dân Y-sơ-ra-ên ta” (7:14-15).

Qua cuộc đối đáp của A-mốt với thầy tế lễ của nhà vua là A-ma-xia nói lên một tiên tri xuất thân gia thế nghèo đã bị khinh khi. Chắc chắn tiên tri Ê-li cũng không ngoại lệ, cho nên sau khi mạnh mẽ tuyên bố đóng cửa trời trước vua A-háp, Đức Giê-hô-va đã chỉ dẫn cho Ê-li một chỗ trốn an toàn vừa có lương thực để sống, “Đoạn có lời của Đức Giê-hô-va phán dạy người rằng: Hãy đi khỏi đây, qua phía đông và ẩn người bên khe Kê-rít, đối ngang sông Giô-đanh”. Vua A-háp ra lệnh truy nã Ê-li gay gắt như quan gia tế Áp-đi-a đã nói: “Tôi chỉ Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống của ông mà thờ, chẳng dân nào nước nào mà chủ tôi không sai đến tìm ông; và khi người ta đáp rằng: Ê-li không có đây, thì người bắt nước bắt dân ấy thờ rằng không ai gặp ông” (18:10).

Đức Chúa Trời nuôi Ê-li bằng loại lương thực gì? Chúa phán: “Người sẽ uống nước của khe, và ta đã truyền cho chim quạ nuôi người tại đó”. Và “buổi mai và buổi chiều chim quạ đem bánh và thịt cho người; và người uống nước khe”. Bữa ăn thật đậm bạc! Có người sẽ nói: ‘Giữa cảnh hạn hán, hoạn nạn có ăn như vậy là tốt sang như ăn hamburger hoặc hotdog rồi. Và có bao nhiêu câu hỏi đặt ra: Tại sao Chúa lại sai chim quạ là loài chim háu ăn và ăn tạp, nó khó nhịn khi mổ chim gấp miếng thịt? Ăn bánh – dĩ nhiên là bánh mì nướng của gia đình người Y-sơ-ra-ên, với thịt, không biết có gia vị, chút rau nào

không? Vậy mà Ê-li ăn nhiều ngày như vậy. Hãy nhớ dân Y-sơ-ra-ên ăn ma-na rồi làm bầm, để mà thương Ê-li. Cảm ơn Chúa, cái gia cảnh nghèo đã giúp Ê-li thích ứng với chu cấp của Chúa.

Hiểu như vậy, chúng ta mới thấy chúng ta phạm tội nhiều biết bao khi lãng phí thức ăn, hoặc phàn nàn lúc ăn ngon hơn Ê-li, dù trước khi ăn chúng ta đã nói lời tạ ơn Chúa mà lòng không tạ ơn.

Khi khe Kê-rít hết nước vì hạn hán, Chúa lại nuôi Ê-li, đầy tớ của Chúa bằng cách đưa Ê-li đến nhà của bà góa nghèo – nghèo đến nỗi bà nói: “Tôi chỉ mạng sống của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông mà thôi, tôi không có bánh, chỉ có một nắm bột trong vò và một chút dầu trong bình; này tôi lượm hai khúc củi, đoạn về nấu dọn cho tôi và con trai tôi; khi ăn rồi, chúng tôi sẽ chết”. Câu hỏi lại được đặt ra: Tại sao Đức Chúa Trời không đưa Ê-li đến nhà của một người giàu có? Cảm ơn Chúa, đầy tớ của Chúa đã im lặng nhận lãnh điều Chúa ban cho. Có người hỏi tôi: Ngày nay Đức Chúa Trời có thể nuôi chúng ta như nuôi Ê-li không? Tôi quả quyết là CÓ, nhưng rất tiếc Đức Chúa Trời lại không có những người như Ê-li, có đức tin chờ đúng 12 giờ và Chúa cho có gì ăn nấy, không hề phàn nàn. Xin Chúa tha thứ vì ngày nay Đức Chúa Trời không tìm được Ê-li!

Lần thứ ba, Kinh thánh ghi lại Chúa nuôi Ê-li: “Đoạn, người nằm ngủ dưới cây giếng giếng. Có một thiên sứ đặng đến người và nói rằng: Hãy chỗi dậy và ăn. Người nhìn thấy nơi đầu mình một cái bánh nhỏ nướng trên than, và một bình nước [nhỏ]. Dĩ nhiên, đói rồi một ngày, chưa kể chạy suốt trong đồng vắng với tâm trạng hoảng loạn trước lời dọa của Giê-sê-bên, thì cái bánh nướng nhỏ và bình nước nhỏ, không đủ cho Ê-li. Đức Chúa Trời cũng biết và “Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đến lần thứ nhì, đặng người và nói rằng: Hãy chỗi dậy và ăn, vì đường còn xa quá cho người”.

Cảm ơn Chúa, Kinh thánh ghi rõ: “Vậy, người chỗi dậy, ăn và uống, rồi nhờ sức của lương thực ấy, người đi bốn mươi ngày và bốn mươi đêm cho đến Hô-rếp, là núi của Đức Chúa Trời” (I Các Vua 18:5-8). Đức Chúa Trời nuôi Ê-li phục vụ Chúa không phải để làm giàu hoặc lười biếng.

II/. ĐỨC CHÚA TRỜI NGHE Ê-LI THAN PHIỀN.

Có một truyện cổ tích kể rằng: ‘Một ông vua có lỗi tai lừa nhưng nhờ vua đội mào nên không ai biết ông vua có lỗi tai lừa. Mỗi lần đến kỳ phải hót tóc, người ta để ý những người thợ hót tóc sau khi hót tóc cho vua rồi đều bị mất tích. Đến một hôm, có người thợ hót tóc được kêu đến hót cho vua, vừa khi vua dỡ chiếc mào ra, đôi lỗ tai giống tai lừa dựng lên, người thợ lập tức hiểu lý do những người hót tóc cho vua bị mất tích. Sau khi hót xong, vua hỏi: Người có thấy gì khác thường không? Người thợ hót tóc trả lời: Tôi vua, không có gì khác thường. Nghe câu trả lời đó, vua không giết người thợ hót tóc được. Được từ cõi chết trở về, người thợ hót tóc lúc nào cũng cảm thấy bức rức muốn nói cho người khác biết ông vua có lỗi tai lừa, nhưng nói ra thì sẽ chết. Vì không nói ra được, khiến uất khí tràn xuống làm cho cái bụng của người thợ hót tóc ngày càng to ra. Người thợ hót tóc không biết làm sao, nên đến hỏi cụ già trong làng: Thưa cụ, con có chuyện không nói ra được, nói ra thì con bị giết; nhưng không nói ra thì cụ xem cái bụng của con ngày càng phình ra, con cũng chết. Bây giờ con làm sao? Cụ già khuyên người thợ hót tóc về nhà, ra sau vườn, đào một cái hố sâu rồi thọc đầu vào đó nói ra điều con muốn nói. Người thợ hót tóc vâng lời làm theo, ra sau vườn đào hố sâu, thọc đầu xuống và hét lên: Ông vua có lỗi tai lừa; ông vua có lỗi tai lừa...! Kết quả là cái bụng của người thợ xẹp xuống.

Cảm ơn Chúa, Chúa biết Ê-li có điều muốn nói mà không dám nói với ai suốt 40 ngày 40 đêm, nên đến núi Hô-rếp, Ê-li nghe Chúa hỏi: “Hỡi Ê-li, người ở đây làm chi?” (19:9). Lập tức Ê-li tuôn đổ điều muốn nói với Chúa. “Người thưa rằng: Tôi đã rất nóng nảy sốt sắng vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân; vì dân Y-

sơ-ra-ên đã bội giao ước Ngài, phá hủy các bàn thờ Ngài, dùng gươm giết những tiên tri Ngài; chỉ một mình tôi còn lại, và họ cũng kiếm thế cất mạng sống tôi”. Chúng ta không nghe Chúa phán gì về những điều Ê-li nói, Chúa chỉ cho Ê-li nghe, thấy những biến động khác thường: núi bị xé ra, đá vỡ tan, rồi động đất, lửa cháy. “Sau đám lửa, có một tiếng êm dịu nhỏ nhẹ: Hỡi Ê-li, người ở đây làm chi?”. Ê-li lại có dịp tuôn đổ lòng mình với Chúa y như vậy lần thứ hai.

Chúa biết nói một lần chưa đủ, Chúa tạo cơ hội cho Ê-li nói lần nữa, cũng chừng ấy lời, và Chúa đã lắng nghe đầy tớ của Chúa than phiền, trách Chúa cách nhẫn nại. Chúa không trách Ê-li yếu đuối, không trách đầy tớ của Chúa không có đức tin. Đức Chúa Trời lắng nghe những than phiền của đầy tớ Chúa.

Tôi cũng nhớ đến Đức Chúa Trời đã lắng nghe đầy tớ của Chúa than phiền trách Chúa là tiên tri Giô-na, khi Chúa không phạt dân thành Ni-ni-ve như Chúa muốn Giô-na giảng.

Đức Chúa Trời kỳ diệu quá! Đức Chúa Trời yêu thương quá! Đức Chúa Trời lắng nghe và cảm thông.

III/. ĐỨC CHÚA TRỜI ĐEM Ê-LI LÊN TRỜI.

Sách II Các Vua 2:1 ghi: “Khi Đức Giê-hô-va muốn đem Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc...”. Học những gì về Ê-li, từ cái nghèo đến cái yếu đuối thuộc thể sợ chết, đến cái yếu đuối thuộc linh khi than phiền với Chúa: “Còn người vào đồng vắng, đến ngồi dưới cây giếng giếng, xin chết mà rằng: Ôi Đức Giê-hô-va! đã đủ rồi. Hãy cất lấy mạng sống tôi, vì tôi không hơn gì các tổ phụ tôi”, rồi lại nghe than phiền: “... Tôi đã rất nóng nảy sốt sắng... vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân, vì dân Y-sơ-ra-ên bội giao ước Ngài... chỉ một mình tôi còn lại, và họ cũng kiếm thế cất mạng sống tôi” (I Vua 19:4, 10, 14).

Một người như vậy có xứng đáng được Chúa đem lên trời không? Tôi tin chắc không ai dám trả lời, nhưng Chúa đã trả lời: Đức Giê-hô-va muốn đem Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc! Chẳng những Chúa muốn đem Ê-li về trời, mà còn muốn rước đầy tớ yếu đuối của Chúa lên trời bằng xe lửa và ngựa lửa.

Những người chung quanh cũng biết tin tức Ê-li lên trời, “Các môn đồ của những tiên tri ở tại Bê-tên đến nói với Ê-li-sê rằng: Anh có biết rằng ngày nay Đức Giê-hô-va sẽ cất thầy của anh lên khỏi anh chăng? Người đáp: Phải, ta biết” (II Vua 2:3).

Và Kinh thánh đã ghi lại giờ phút vinh quang của Chúa dành cho một người đầy tớ yếu đuối: “Hai người cứ vừa đi vừa nói với nhau, kìa, có một cái xe lửa và ngựa lửa phân rẽ hai người; Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc. Ê-li-sê nhìn thấy, bèn la lên rằng: Cha tôi ôi! cha tôi ôi! là xe và lính kỵ của Y-sơ-ra-ên! (II Vua 2:11-12).

Kinh thánh cũng ghi lại rằng Chúa nổi giận phạt Môi-se không cho Môi-se vào Đất Hứa. Thế nhưng khi Môi-se chết, Chúa đã sai thiên sứ trưởng Mi-chen giành xác Môi-se, bảo vệ xác Môi-se không cho ma quỷ lợi dụng (Giu-đe 9).

Khi chấp sự Ê-tiên chết vì bị ném đá, Chúa Jêsus Christ đang ngự trên Thiên đàng phải đứng lên để tiếp đón đầy tớ của Ngài (Công vụ 7:55).

Khi Phao-lô sắp chết, dù Phao-lô là một người yếu đuối (II Cô-rinh-tô 11:20), Phao-lô đã nhìn thấy Chúa là Quan án công bình ban miễn công bình cho ông (II Tim. 4:8).

Khi sứ đồ Giăng già yếu gặp Chúa Jêsus Christ thì ông ngã xuống chân người như chết, Giăng đã nghe Chúa phán: “Đừng sợ chi, ta là Đấng trước hết và là Đấng sau cùng, là Đấng Sống, ta đã chết, kìa nay ta

sống đời đời, cầm chìa khóa của sự chết và Âm phủ... và trong cái yếu đuối tuổi già, Giăng nghe tiếng Chúa phán: Kẻ nào thắng! không phải một lần mà nghe đến bảy lần: Kẻ nào thắng!

Xin Chúa cho mỗi chúng ta cùng hát Thánh ca: Rồi đây, Chúa lại đến đem tôi về trời, làm sao nói được hết niềm vui. Tôi đứng bên các thánh đồ...

SÁCH II CÁC VUA 5

NHÂN VẬT ĐÁNG NHỚ TRONG SÁCH II VUA

TIÊN TRI Ê-LI-SÊ – II Vua 2:1-24

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta đã cùng nhau học rất nhiều bài học về tiên tri Ê-li từ sách I Các Vua, và chức vụ của Ê-li đã còn được nhắc đến trong hai đoạn đầu của sách II Các Vua với hình ảnh vinh hiển của Ê-li được Chúa rước về trời bằng xe lửa và ngựa lửa. Điều đáng nói là chức vụ của Ê-li vẫn tiếp tục trên đất, trên nước Y-sơ-ra-ên đầy tội lỗi, do người kế thừa chức vụ của Ê-li là Ê-li-sê. Đó là lý do chúng ta dành bài học hôm nay học về tiên tri Ê-li-sê.

I/. Ê-LI-SÊ ĐƯỢC KÊU GỌI:

Nếu trong sách I Vua, vị Tiên tri nổi bật đáng nhớ là Tiên tri Ê-li, thì trong sách II Vua, vị Tiên tri nổi bật đáng nhớ là Ê-li-sê.

Trong sách I Vua 19:19-21 đã cho chúng ta biết Đức Chúa Trời đã kêu gọi Ê-li-sê như thế nào:

I Vua 19:19, Đức Chúa Trời đã dùng tiên tri Ê-li kêu gọi Ê-li-sê vào chức vụ bằng biểu tượng ném áo của Ê-li lên mình Ê-li-sê.

I Vua 19:20, Ê-li-sê nhìn biết sự kêu gọi của Chúa đối với ông và Ê-li-sê bằng lòng dâng mình cho chức vụ thánh.

I Vua 19:21, Ê-li-sê lên đường phục vụ Chúa với tinh thần giết bò chẻ cày, dứt khoát với quá khứ, quyết cầm cày không ngoái lại phía sau, chính hành động dứt khoát theo phục vụ Chúa này đã được Chúa Jêsus Christ nhắc lại: “Có kẻ khác nữa thưa rằng: Lạy Chúa, tôi sẽ theo Chúa, song xin cho phép tôi trước về từ giã người trong nhà tôi. Đức Chúa Jêsus phán rằng: “Ai đã tra tay cầm cày, còn ngoái lại đằng sau, thì không xứng đáng với nước Đức Chúa Trời” (Luca 9:61-62).

Nói đến đây, tôi nhớ đến lời của Cố Mục sư Trần Xuân Hỷ nói với một người bạn của tôi là thanh niên trong Hội thánh tại Thủ Đức đang băn khoăn không biết xử lý cái nhà của cha mẹ để lại như thế nào, trước khi anh ấy lên đường vào Thánh Kinh Thần Học Viện. Mục sư Hỷ đã nói: ‘Tôi khuyên Thầy về đốt cái nhà đó của Thầy rồi đi hầu việc Chúa. Thầy còn để cái nhà đó là Thầy sẽ trở lại ngôi nhà đó’. Buồn thay, Thầy ấy đã không còn hầu việc Chúa và đã trở lại ngôi nhà đó.

Tinh thần của Ê-li-sê là tinh thần của các sứ đồ Anh-rê, Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ, Kinh thánh phán: “Khi Ngài đang đi dọc theo mé biển Ga-li-lê, thấy hai anh em kia, là Si-môn, cũng gọi là Phi-e-rơ, với em là Anh-rê, đương thả lưới dưới biển, vì hai anh em vốn là người đánh cá. Ngài phán cùng hai người rằng: Các ngươi hãy theo ta, ta sẽ cho các ngươi nên tay đánh lưới người. Hai anh em liền bỏ lưới mà theo Ngài. Từ đó đi một đỗi xa xa nữa, Ngài thấy hai anh em khác, là Gia-cơ, con của Xê-bê-đê, với em là Giăng đang cùng cha mình là Xê-bê-đê vá lưới trong thuyền; Ngài bèn gọi hai người. Tức thì hai người đó bỏ thuyền và cha mình mà theo Ngài” (Math. 4:18-22)..

Và chúng ta không thể quên Ma-thi-ơ, “Đức Chúa Jêsus đã đi khỏi nơi đó rồi, thấy một người tên là Ma-thi-ơ đương ngồi tại sở thu thuế, bèn phán cùng người rằng: Hãy theo ta. Người liền đứng dậy, mà theo Ngài” (Math. 9:9).

I Vua 19:21 ghi rõ: “Đoạn, người [tức là Ê-li-sê] đứng dậy, đi theo Ê-li và [Ê-li-sê] hầu việc người [Ê-li].

Chúng ta hãy làm một sự so sánh cách hầu việc Chúa giữa Ê-li với Ê-li-sê:

Ê-li là một người nghèo, vì luôn phải nhờ sự tiếp trợ của Chúa qua chim quạ, qua người đàn bà góa ở Sà-rép-ta; còn Ê-li-sê là một người giàu, có mười hai đôi bò, với một xứ như Palestine đồi núi, Ê-li-sê quả là một phú ông.

Ê-li chỉ một thân một mình, còn Ê-li-sê có nhiều đầy tớ phục vụ ông, đến nỗi phải giết bò chẻ cày để đãi tiệc từ giã họ.

Thế mà Ê-li-sê lại bằng lòng giết bò chẻ cày, bỏ hết mọi sự để hầu việc người - hầu việc một con người yếu đuối như Ê-li. Trong khi đó, một người như Ê-li hầu việc Chúa lại ngã lòng, than van. Đức Chúa Trời đã đặt một người như Ê-li-sê bên cạnh Ê-li và cảm ơn Chúa, từ đó Ê-li không còn dám yếu đuối nữa.

Ngày nay chúng ta phải thú thật rằng tinh thần giết bò chẻ cày, cày không ngó lại khi theo Chúa, dường như đã mất rồi giữa người tin Chúa Jê-sus. Hầu việc Chúa chỉ còn là một thú vui, một công việc ngoài giờ, là bán thời gian hay trọn thời gian.

Cả nhân loại trong đó có người tin Chúa Jê-sus, đang quan tâm về tình hình thế giới như các vua thời sách Các Vua. Trong khi đó tôi tin rằng Đức Chúa Trời đang quan tâm tìm kiếm những người như Ê-li-sê, trong hoàn cảnh đó, tận trung tận hiến cho Chúa. Hãy nhìn vào những người chưa tin Chúa đối với các tôn giáo của họ, đối với các thần của họ, đối với những nơi thờ tự của họ; nhìn vào những người Hồi giáo đối với đạo Hồi của họ, ngay cả đối với một con người như Saddam Hussein, rồi nhìn lại chính mình đối với công việc của Đức Chúa Trời của Hội Thánh, chúng ta phải lấy làm hổ thẹn. Nguyện Đức Chúa Trời dấy lên những người như Ê-li-sê đặt bên cạnh những người hầu việc Chúa như đã đặt bên cạnh Ê-li để không ai trong chúng ta còn dám yếu đuối ngã lòng, than thở.

II/. NHỮNG PHÉP LẠ CỦA Ê-LI-SÊ:

Phải công nhận rằng tiên tri Ê-li-sê là vị tiên tri làm nhiều phép lạ nhất trong các tiên tri được Kinh thánh nói đến. Ít nhất Kinh thánh đã ghi lại 11 phép lạ mà tiên tri Ê-li-sê đã làm. Một đặc điểm nữa trong công tác hầu việc Chúa của Ê-li-sê là những phép lạ ông làm hầu như giống với những phép lạ mà Chúa Jê-sus Christ làm sau này:

2:13-14, Ê-li-sê đã khởi sự thi hành chức vụ tại sông Giô-đanh

qua việc làm phép lạ rẽ nước sông Giô-đanh, “Ê-li-sê bèn lấy cái áo tơ đã ở nơi mình Ê-li rơi xuống, trở về, đứng tại trên mé sông Giô-đanh. Người lấy cái áo tơ đã ở trên mình Ê-li rơi xuống, đập nước và nói rằng: Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu? Khi người đã đập nước rồi, nước bèn rẽ ra hai bên, và Ê-li-sê đi ngang qua”.

Chúa Jê-sus Christ đã bắt đầu bày tỏ chức vụ công khai của Ngài tại sông Giô-đanh qua việc Ngài chịu Giăng Báp-tít làm báp-têm, Kinh thánh ghi thuật: “Khi ấy, Đức Chúa Jê-sus từ xứ Ga-li-lê đến cùng Giăng tại sông Giô-đanh, đặng chịu người làm phép báp-têm... Vừa khi chịu phép báp-têm rồi, Đức Chúa Jê-sus ra khỏi nước; bỗng chúc các tầng trời mở ra, Ngài thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài. Tức thì có tiếng từ trên trời phán rằng: Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng” (Math. 3:13-17).

Ê-li-sê đã làm phép lạ chữa lành nước độc “Dân cư của Giê-

ri-cô nói cùng Ê-li-sê rằng: Chỗ xây cất thành này tốt lắm, y như chúa tôi thấy; nhưng nước thì độc và đất thì chai. Người đáp: Hãy đem cho ta một cái bình mới, và đựng muối ở trong. Chúng đem bình đến cho người. Người bèn đi đến nguồn nước, đổ muối xuống nước, mà nói rằng: Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ta đã chữa lành cho nước này, tự nó sẽ chẳng còn gây ra sự chết, hoặc sự nân nữa. Vậy theo lời của Ê-li-sê phán ra, nước được chữa lành còn đến ngày nay” (II Vua 2:19-22).

Chúa Jêsus Christ đã làm phép lạ hóa nước thành rượu. Kinh thánh ghi thuật: “Đức Chúa Jêsus biểu họ rằng: Hãy đổ nước đầy những ché này; thì họ đổ đầy tới miệng, Ngài bèn phán rằng: Bây giờ hãy múc đi, đem cho kẻ coi sóc tiệc. Họ bèn đem cho. Lúc kẻ coi sóc nếm nước đã biến thành rượu (và, người không biết rượu này đến bởi đâu, còn những kẻ hầu bàn có múc nước thì biết rõ), bèn gọi chàng rể, mà nói rằng: Mọi người đều đãi rượu ngon trước, sau khi người ta uống nhiều rồi, thì sẽ đến rượu vừa vừa. Còn người, người lại giữ rượu ngon đến bây giờ” (Giăng 2:7-10).

4:8-37, Ê-li-sê cứu con trai người nữ Su-nem sống lại.

Chúa Jêsus Christ đã kêu người chết sống lại, như con gái của Giai-ru; như chàng trai trẻ thành Na-in, và như La-xa-rô. “Khi Đức Chúa Jêsus đến nhà người cai nhà hội, thấy bọn thối sáo, và chúng làm om sòm, thì phán rằng: Các người hãy lui ra; con gái nhỏ này chẳng phải chết đâu, nhưng nó ngủ. Chúng nghe thì chê cười Ngài. Bọn đó đã bị đuổi ra rồi, Ngài bèn vào, cầm lấy tay đứa gái, thì nó liền chờ dậy” (Math. 9:23-25).

4:42-44, Ê-li-sê hóa bánh nuôi 100 người ăn còn dư lại, “Có

một người ở Ba-anh-Sa-li-sa đến, đem cho người của Đức Chúa Trời hai mươi ổ bánh lúa mạch, và lúa còn gié để trong bị mình, làm của lễ đầu mùa gặt. Ê-li-sê biểu kẻ tới tớ mình rằng: Hãy đem phát cho các người ăn. Kẻ tới tớ người thưa rằng: Chi! Tôi phải phát đồ này cho một trăm người sao? Nhưng Ê-li-sê đáp: Hãy phát cho họ các bánh đó, hầu cho họ ăn đi; vì Đức Giê-hô-va có phán như vậy” Người ta sẽ ăn và còn dư lại. Ấy vậy, người đặt các bánh đó trước mặt họ: họ ăn, và còn thừa lại, y như lời của Đức Giê-hô-va phán”.

Chúa Jêsus Christ đã hai lần hóa bánh nuôi hàng ngàn người ăn no nê, cũng còn dư lại, “Đức Chúa Jêsus biết điều đó, thì phán rằng:... Các người chưa hiểu, cũng không nhớ năm cái bánh cho năm ngàn người, và các người lượm được mấy giỏ đầy bánh thừa sao? Lại há không nhớ bảy cái bánh cho bốn ngàn người, và các người lượm được bao nhiêu giỏ đầy bánh sao? (Math. 16:8-10).

Đoạn 5, Ê-li-sê chữa lành bệnh phung cho Na-a-man, “Ê-li-sê

sai một sứ giả nói với người rằng: Hãy đi tắm mình bảy lần dưới sông Giô-đanh, thịt người tất sẽ trở nên lành, và người sẽ được sạch... Người bèn xuống sông Giô-đanh, và tắm mình bảy lần, theo như lời truyền của người Đức Chúa Trời. Người liền được sạch, và thịt người trở nên như trước, giống như thịt của một đứa con nít nhỏ” (5:9-14).

Chúa Jêsus Christ đã nhiều lần chữa bệnh phung. “Này có một người phung đến gần, lạy Ngài, mà thưa rằng: Lạy Chúa, nếu Chúa khứng, chắc có thể làm cho tôi sạch được. Đức Chúa Jêsus đưa tay sờ người, mà phán rằng: Ta khứng, hãy sạch đi. Tức thì người phung được sạch” (Math. 8:2-3).

6:1-7, Ê-li-sê làm phép lạ giúp môn đồ tìm lại được lưỡi rìu.

Giống như Chúa Jêsus Christ thuật ba thí dụ tưởng mắt mà còn trong Luca đoạn 15: con chiên lạc mắt, đồng bạc mất, và đứa con trai lạc mất.

13:20-21, Mộ phần của Ê-li-sê cứu người đã chết.

Về nghĩa đen, khi Chúa Jêsus Christ chịu chết đã khiến cho nhiều thánh đồ sống lại (Math. 27:52-53), về nghĩa bóng sự chết của Chúa Jêsus Christ cứu những kẻ hư mất.

Ê-li-sê đã có một đời sống GIỐNG CHÚA, đó chính là đòi hỏi của Đức Chúa Trời đối với người tin Chúa Jêsus chúng ta:

Gal. 4:19, Lời Chúa phán: “Hỡi các con, vì các con mà ta lại chịu đau đớn của sự sanh nở, cho đến chừng nào Đấng Christ thành hình trong các con”.

Êph. 4:22-24, mặc lấy người mới, tức là người được dựng nên giống như Đức Chúa Trời, trong sự công bình và sự thánh sạch của lẽ thật.

Kinh thánh cho chúng ta biết Ê-li là người đến trước để dọn đường cho Chúa Jêsus Christ đến thế gian chịu chết cứu loài người; như vậy, Ê-li-sê làm hình bóng về Chúa Jêsus Christ trên đất thi hành những phép lạ của một Đức Chúa Trời. Một thánh đồ đã viết bài ca:

Nguyên tôi được đổi mới, nguồn phước cho muôn người,

qua nếp sống tôi, Jêsus vinh quang!

Xin Chúa cho đó cũng là bài ca của chúng ta.

SÁCH II CÁC VUA 6

NHÂN VẬT NỮ ĐÁNG NHỚ:

GIÊ-SA-BÊN VÀ A-THA-LI

II Các Vua đoạn 9 và đoạn 10

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Trong khi học những bài học về các nhân vật trong sách II Các Vua, tôi thấy có hai nhân vật ẩn tàng những hiểm họa lớn trong lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên, cũng là những tai họa ẩn tàng cho người tin Chúa Jêsus ngày nay, đến nỗi một trong hai nhân vật này được Tân Ước nhắc đến như một cảnh báo trong bức thư Chúa gửi cho Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ, ghi trong sách Khải huyền 2:18-29.

Hai nhân vật này đều là phụ nữ có vương quyền, một người thì gây nguy hại cho dân Y-sơ-ra-ên phía Bắc, một người gây nguy hại cho nước Giu-đa phía Nam.

Nhân vật thứ nhất: GIÊ-SA-BÊN – NHÂN VẬT NGUY HẠI NƯỚC Y-SƠ-RA-ÊN PHÍA BẮC.

Trước hết, chúng ta cần xem xét lý lịch của Giê-sa-bên. Sách I Các Vua 16:29-31, Kinh thánh ghi lý lịch của Giê-sa-bên: “Năm thứ ba mươi tám đời A-sa, vua Giu-đa, thì A-háp, con trai Ôm-ri, lên ngôi làm vua Y-sơ-ra-ên; người ở Sa-ma-ri, cai trị trên Y-sơ-ra-ên hai mươi hai năm. A-háp, con trai Ôm-ri, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va hơn hết thầy các người tiên bối mình. Và, người lấy sự bắt chước theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, làm nhỏ mọn, nên người đi lấy Giê-sa-bên, con gái Ết-ba-anh, vua dân Si-đôn, mà làm vợ; người cũng đi hầu việc Ba-anh và thờ lạy nó”.

Tên ‘Giê-sa-bên’ có nghĩa là Gái đồng trinh, một ý nghĩa mang tính châm biếm, giống như tên của Xa-chê trong Luca 19:2, “Tại đó, có một người tên là Xa-chê, làm đầu bọn thu thuế, và giàu có”. Tên ‘Xa-chê’ có nghĩa là trong sạch, nhưng Xa-chê làm cái nghề không trong sạch là ngành thu thuế, lại đứng đầu bọn không trong sạch, nhất là giàu có là bằng cứ chứng minh sự không trong sạch của người tên Xa-chê trong sạch này.

‘Giê-sa-bên’ lại là con của người tên Ết-ba-anh. Theo Giô-suê 22:34, thì ‘Ết’ là bàn thờ chứng cứ, xác nhận Giê-sa-bên được sanh ra trong gia đình thờ hình tượng Ba-anh, thuộc dân Si-đôn là người ngoại bang không kính sợ Chúa. Đó là lý do Kinh thánh cho biết vua A-háp muốn chứng tỏ thích làm tội lỗi nhiều hơn tổ phụ của A-háp. Chúng ta sẽ không ngạc nhiên, với người chồng như vua A-háp không kính Chúa, thì người vợ Giê-sa-bên có xuất thân không tin Chúa dễ dàng đem hình tượng vào xứ thánh, cám dỗ dân Chúa thờ hình tượng.

Với những ghi nhận của Kinh thánh:

I Các Vua 16:31b-33, sau khi cưới Giê-sa-bên, vua A-háp “người cũng đi hầu việc Ba-anh và thờ lạy nó. Người lập một bàn thờ cho Ba-anh tại trong miếu Ba-anh mà người đã cất tại Sa-ma-ri. A-háp cũng dựng lên một hình tượng Át-tạt-tê. Vậy, A-háp làm nhiều điều ác, chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hơn các vua Y-sơ-ra-ên trước mình”.

I Các Vua 18:19, “Vậy bây giờ vua hãy sai người đi nhóm cả Y-sơ-ra-ên, với bốn trăm năm mươi tiên tri Ba-anh, và bốn trăm tiên tri của Át-tạt-tê, ăn tại bàn Giê-sa-bên,,,”, Kinh thánh cho biết số lượng những người phục vụ hình tượng quá nhiều, được ưu đãi ăn tại bàn của Hoàng hậu Giê-sa-bên nữa. Lời này xác nhận Hoàng hậu Giê-sa-bên là người bảo trợ việc thờ hình tượng.

I Các Vua 19:1-2, sau đó vua A-háp thuật lại tiên tri Ê-li dùng gươm giết hết thầy tiên tri Ba-anh làm sao, “Giê-sa-bên sai một sứ giả đến Ê-li mà nói rằng: Nếu ngày mai trong giờ này, ta không xử mạng sống người như mạng sống của một người trong chúng nó, nguyện các thần đấng ta cách nặng nề. Vì vậy Ê-li sợ hãi, đứng dậy chạy đi đặng cứu mạng sống mình”. Giê-sa-bên có một uy quyền rất lớn, đến nỗi ngay cả vua A-háp cũng không dám che chở cho Ê-li.

Khải huyền 2:20, trong thư của Chúa gửi cho Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ, Chúa đã nhắc đến việc của Giê-sa-bên đã làm: “Nhưng điều ta trách người, ấy là người còn dung cho Giê-sa-bên, người nữ ấy xưng mình là tiên tri, dạy dỗ và phỉnh phờ tôi tớ ta, đặng rủ chúng nó phạm tội tà dâm, và ăn thịt cúng thần tượng”. Lời Chúa xác nhận việc của Giê-sa-bên làm là phỉnh phờ, lừa gạt dân Chúa, cám dỗ dân Chúa phạm tội tà dâm và ăn thịt cúng thần tượng. Điều quan trọng là Giê-sa-bên không cấm thờ phượng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nhưng là cám dỗ người ta vừa tin Chúa vừa thờ thần tượng.

Hành động gian ác của Giê-sa-bên được tiên tri Ê-li gọi là khiến dân Chúa đi gieo hai bên, giống như Tòa Công Luận không cấm người ta tin Chúa Jê-sus, nhưng cấm người tin Chúa Jê-sus rao truyền Tin Lành cứu rỗi của Chúa Jê-sus Christ (Công vụ 4:17-18). Dân Y-sơ-ra-ên đã quên luật pháp của Đức Chúa Trời là: “Trước mặt ta người chớ có các thần khác” (Xuất. 20:3-4); ma quỷ cám dỗ người tin Chúa Jê-sus tin ở trong lòng thôi, không cần nói ra, quên rằng: “Nhưng nói làm sao? Đạo ở gần người. Ấy là đạo đức tin mà chúng ta giảng dạy. Vậy nếu miệng người xưng Đức Chúa Jê-sus ra và lòng người tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, thì người sẽ được cứu; vì tin bởi trong lòng mà được sự công bình, còn bởi miệng làm chứng mà được sự cứu rỗi... Vả, Kinh thánh nói rằng: Kẻ nào tin Ngài sẽ chẳng bị hổ thẹn” (Rô-ma 10:8-11).

Kinh thánh đã ghi lại cái chết khủng khiếp của Giê-sa-bên chắc chắn để cảnh báo cho người tin Chúa Jê-sus mà còn đi gieo hai bên: “Giê-hu liền đến Gít-rê-ên, Giê-sa-bên hay, bèn giồi phẩn mặt mình, trang điểm đầu, và đứng trông nơi cửa sổ. Khi Giê-hu đi qua cửa thành, nàng nói rằng: Hỡi Xim-ri, kẻ giết chúa mình! Bình yên chăng? Giê-hu ngược mắt lên về hướng cửa sổ, nói rằng: Trên cao kia, ai thuộc về ta? Ai? Hai ba quan hoạn bèn ngó ra về hướng người. Người kêu chúng rằng: Vậy, hãy ném nó xuống đất! Chúng ném nàng xuống đất, và huyết vọt lại trên tường và trên ngựa, rồi ngựa giầy đạp nàng dưới chơn. Giê-hu vào, ăn và uống xong, đoạn nói rằng: Vậy, hãy đi xem đờn bà khốn nạn và lo chôn nó, vì nó là con gái của vua. Vậy, các tôi tớ đi đặt chôn nàng; nhưng chúng chỉ còn thấy cái sọ, hai chơn, và lòng bàn tay nàng mà thôi. Chúng trở về cho chủ mình hay điều đó. Giê-hu bèn nói: Ấy là lời của Đức Giê-hô-va đã cậy miệng Ê-li, người Thi-sê-be, tôi tớ Ngài, mà phán rằng: Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên tại trong đồng ruộng Gít-rê-ên; và thân nàng sẽ như phân trên mặt đất, trong ruộng Gít-rê-ên, đến đổi người ta không thể nói rằng: Đây là Giê-sa-bên” (II Vua 9:30-37).

Nhân vật thứ hai: A-THA-LI – NHÂN VẬT NGUY HẠI CỦA NƯỚC GIU-ĐA PHÍA NAM.

Sách II Các Vua 8:26, cho biết lý lịch của bà A-tha-li: “A-cha-xia được hai mươi hai tuổi khi người lên làm vua, và cai trị một năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ người tên là A-tha-li, cháu gái của Ôm-ri, vua Y-sơ-ra-ên”. Sách I Các Vua 16:23-28 ghi về Ôm-ri: “Năm thứ ba mươi mốt đời A-sa, vua Giu-đa, thì Ôm-ri lên ngôi làm vua Y-sơ-ra-ên, và cai trị mười hai năm... Ôm-ri làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, ăn ở tệ hơn các người tiên bối người. Trong mọi sự, người bắt chước theo đường Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát, phạm tội mà Giê-rô-bô-am đã phạm, tức tội gây cho dân Y-sơ-ra-ên can phạm, và lấy những sự hư không mình mà chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên”.

Như vậy, A-tha-li là người Y-sơ-ra-ên phía Bắc, có ông nội là vua làm điều ác, và chồng của bà là vua Giô-sa-phát của Giu-đa, “Người đi theo con đường của các vua Y-sơ-ra-ên, y như nhà A-háp đã làm; vì con gái của A-háp là vợ người” (II Các Vua 8:16-17). Chắc chắn, sau khi Giô-sa-phát qua đời, bà A-tha-li lên ngôi thái hậu đã tác động khiến con của bà là vua A-cha-xia cũng làm ác, “Người đi theo con đường nhà A-háp, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, y như nhà ấy đã làm. Vì người là rể của nhà A-háp” (8-26-27).

“Khi A-tha-li, mẹ của A-cha-xia, thấy con trai mình đã chết rồi, bèn chối dậy giết hết thầy dòng vua”, dòng vua nước Giu-đa phía Nam là dòng vua Đa-vít, “Nhưng Giô-sê-ba, con gái của vua Giô-ram, và là chị A-cha-xia, bắt trộm Giô-ách, con trai của A-cha-xia khỏi vòng các vương tử mà A-tha-li toan giết, rồi để người trong phòng ngủ với vú nuôi người, và giấu người khỏi mắt A-tha-li; vì vậy người không bị giết. Người ở với Giô-sê-ba, ẩn tại nơi đền thờ của Đức Giê-hô-va trong sáu năm, còn A-tha-li cai trị trên xứ”.

Năm thứ bảy do A-tha-li cai trị, thì thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa đã lên kế hoạch giết bà A-tha-li, tái lập dòng dõi vua Đa-vít là Giô-ách trở lại ngai vị.

Đó là hai người đàn bà gốc ở vương quốc Y-sơ-ra-ên thờ hình tượng phía Bắc, đã làm rung chuyển nước Y-sơ-ra-ên cũng như rung chuyển nước Giu-đa phía Nam, cả hai đều một kết cuộc giống nhau là bị giết chết. Một người là Hoàng hậu Giê-sa-bên bị ném qua cửa sổ, rồi bị chó ăn thịt liếm máu; còn thái hậu A-tha-li “đã bị giết bằng gươm tại trong cung điện vua”, bị giết ngay chỗ bà xây dựng vương quyền cho mình (11:20).

Cảm ơn Chúa, bên cạnh hai người nữ gian ác đem sự thờ lạy hình tượng vào tuyến dân của Đức Chúa Trời, sách II Các Vua cũng ghi lại hai người phụ nữ yêu mến Chúa và góp phần công việc Chúa, được ban thưởng và được ghi tên vào sử sách của dân Chúa.

Người nữ thứ nhất được ghi trong II Các Vua 4:8-10, “Một ngày kia, Ê-li-sê đi ngang qua đất Su-nem. Ở đó, có một đờn bà giàu, chăm người ở lại ăn bữa. Từ ấy, mỗi khi người đi ngang qua đó, thì vào nhà người đờn bà này mà dùng bữa. Người nói với chồng mình rằng: Tôi biết rằng người năng đến nhà chúng ta đây, là một người thánh của Đức Chúa Trời. Xin chúng ta hãy xây cất cho người một cái phòng cao, rồi đặt tại đó một cái giường, một cái bàn, một cái ghế, và một cây đèn. Vậy, khi người đến nhà ta, thì sẽ ở lại đó”.

Với tấm lòng yêu Chúa tỏ ra việc tiếp đón đầy tở của Chúa, người đờn bà tại Su-nem đã được Đức Chúa Trời ban thưởng, bà được Chúa ban một đứa con trai, dù chồng người đã già. Khi đứa con này lớn lên bị bệnh mà chết, đầy tở của Chúa là Ê-li-sê đã nhơn danh Chúa cứu sống đứa con này của bà. Đó là lý do Lời Chúa dạy: “Ai rước các người, tức là rước ta; ai rước ta, tức là rước Đấng đã sai ta. Ai rước một đấng tiên tri vì là tiên tri, thì sẽ lãnh phần thưởng của đấng tiên tri; ai rước một người công chính vì là công chính, thì sẽ lãnh phần thưởng của người công chính. Ai sẽ cho một người trong bọn nhỏ này chỉ uống một chén nước lạnh, vì người nhỏ đó là môn đồ ta, quả thật, ta nói cùng các người, kẻ ấy sẽ chẳng mất phần thưởng của mình đâu” (Math. 10:40-42).

Người phụ nữ thứ hai tên Quận chúa Giô-sê-ba. Kinh thánh không ghi Quận chúa Giô-sê-ba được ban thưởng điều gì, nhưng với con người yêu Chúa như vua Giô-ách, chắc chắn không quên công khó của Giô-sê-ba.

Với hai người nữ không có Đức Chúa Trời, chỉ dựa vào hình tượng, làm việc gian ác, cố gắng chiếm đoạt uy quyền, cả hai đều nhận cái kết đắng cay, chết cách khủng khiếp. Cũng có hai người nữ, một người Kinh thánh không ghi tên, một người Kinh thánh không ghi thưởng, nhưng cả hai đều đã được Đức Chúa Trời ban thưởng, vì công khó của hai người trong Chúa không vô ích đâu (I Cô-rinh-tô 15:58). Đáng tình thức lắm thay!

SÁCH II CÁC VUA 7

NHÂN VẬT ĐÁNG NHỚ:

VUA Ê-XÊ-CHIA.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được học sách II Các Vua. Trong sách có một nhân vật đáng nhớ vì tấm lòng kính sợ Chúa, ngay cả tiên tri Ê-sai cũng đã nhắc đến trong sách tiên tri của Ê-sai, đó là vua Ê-xê-chia. Đời sống của vua Ê-xê-chia có nhiều điều gương mẫu cho người tin Chúa Jê-sus ngày nay, Tôi tin rằng khi học qua đời sống của vua Ê-xê-chia, Quý vị sẽ đồng ý với tôi cảm tạ Chúa vì lòng yêu thương quá lớn của Chúa trước khi Chúa vung ngọn roi sửa phạt giáng xuống dân Chúa.

1/. Ê-XÊ-CHIA LÀ NGƯỜI YÊU MẾN CHÚA:

II Vua 18:3-6 đã nêu ra những đặc điểm yêu mến Chúa của Ê-xê-chia. Kinh thánh ghi nhận những điểm son của vua Ê-xê-chia như sau:

18:1-2, Ê-xê-chia lên ngôi lúc 25 tuổi, cai trị nước Giu-đa phía Nam được 29 năm, trong lúc nước Y-sơ-ra-ên anh em phía Bắc đã đến hồi bị diệt bởi vua A-si-ri sáu năm sau đó.

Sách II Các Vua đoạn 17 là đoạn ghi lại những năm cuối của vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc. Người học Kinh thánh cần học biết đoạn 17 này để nhìn thấy hậu quả của những con người không có Đức Chúa Trời; hậu quả của một dân tộc không có Đức Chúa Trời chỉ biết thờ lạy hình tượng tà thần, và cũng để biết nguyên nhân sự chia rẽ của người Y-sơ-ra-ên thời Tân Ước.

Nhơn đây, chúng ta cũng cần học biết qua thảm sử này của nước Y-sơ-ra-ên. Theo sách II Các Vua đoạn 17:1-3, thì vua Ô-sê lên ngôi cai trị nước Y-sơ-ra-ên với 3 năm đầu làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, và thần phục cống nộp thuế cho vua A-si-ri.

Đoạn 17:4-6, Kinh thánh cho biết: “vua A-si-ri thấy vua Ô-sê toan mưu phản; vì Ô-sê có sai sứ giả đến Sô, vua Ê-díp-tô, và không nộp thuế cho vua A-si-ri như người hằng năm đã làm; vua A-si-ri bèn bắt người xiềng lại, và hạ ngục. Đoạn vua A-si-ri đi lên xâm chiếm cả xứ, đến vây Sa-ma-ri trong ba năm. Năm thứ chín đời Ô-sê, vua A-si-ri hãm lấy Sa-ma-ri, đem dân Y-sơ-ra-ên sang qua A-si-ri, lập họ ở tại Cha-la và trên bờ Cha-bo, sông của Gô-xan, cùng trong các thành nước Mê-đi”.

Trong tình hình nước Y-sơ-ra-ên anh em phía Bắc nguy cấp, gian ác, lực lượng Đế quốc A-si-ri lại ngấm dọa các nước khu vực, Ê-xê-chia lên ngôi cai trị nước Giu-đa, chắc chắn không phải việc đáng vui mừng.

18:3, Kinh thánh ghi: “Người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va y như Đa-vít, tổ phụ người đã làm. Kinh thánh đã sẵn sàng ghi điểm son cho vua Ê-xê-chia khi so sánh vua với tổ phụ Đa-vít, hàm ý là từ đời Đa-vít đến đời Ê-xê-chia mới có một vua yêu mến Chúa như vậy.

18:4, Ê-xê-chia phá hủy các nơi cao, đập bể những trụ thờ, đánh hạ các A-sê-ra, và bẻ gãy con rắn đồng mà Môi-se đã làm; bởi vì cho đến khi ấy dân Y-sơ-ra-ên xông hương cho nó. Người ta gọi hình rắn ấy là Nê-hu-tan, nghĩa là một miếng đồng. Ê-xê-chia đã phá hủy tội thờ con rắn đồng từ đời Môi-se còn lại đến đời Ê-xê-chia.

Hành động của vua Ê-xê-chia đã xây dựng lại nước Giu-đa, trong sạch hóa cả nước mà vua cha là A-cha đã vì sợ A-si-ri nên đem những hình tượng của A-si-ri về Giê-ru-sa-lem thờ lạy, “A-cha liền đi đến Đa-

mách đặng đón Tiếc-lác-Phi-lê-se, vua A-si-ri. A-cha thấy một cái bàn thờ ở tại Đa-mách, bèn gởi kiểu mẫu và hình bàn thờ ấy tùy theo cách chế tạo nó, cho thầy tế lễ U-ri... Khi vua từ Đa-mách trở về, thấy bàn thờ bèn lại gần và dâng của lễ trên nó... còn bàn thờ bằng đồng ở trước mặt Đức Giê-hô-va, thì người cất khỏi chỗ nó tại trước đền thờ, giữa bàn thờ mới và đền của Đức Giê-hô-va, rồi để nó bên bàn thờ của người, về phía bắc”. (16:10-14).

Cảm ơn Chúa cho Ê-xê-chia không đi theo con đường thờ hình tượng vua cha A-cha, Ê-xê-chia đã dọn dẹp mọi hình tượng, nhất là tượng con rắn đồng được lưu giữ làm vấp phạm dân Chúa thờ lạy nó từ đời Môi-se năm 1450 TC. đến đời Ê-xê-chia chính thức lên ngôi là năm 715 TC.

18:5-6, Ê-xê-chia nhờ cậy nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên; nên trong các vua sau người, hoặc trong các vua trước người, chẳng có một ai giống như người. Người trứ mến Đức Giê-hô-va, không xây bỏ Ngài, song gìn giữ các điều răn mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se.

Vua Ê-xê-chia không yêu mến Chúa bằng lời nói, hình thức nghi lễ, nhưng người thật yêu mến Chúa bằng việc làm và lễ thật. Trong 18:4, Ê-xê-chia chẳng những phá hủy những hình tượng tà thần, vua còn phá hủy Con Rắn Đồng đã được Môi-se làm trong đồng vắng (Dân. 21:4-9), một thứ hình tượng biểu tượng về quyền năng của Đức Chúa Trời, cũng cần phải phá hủy. Chúa thật không muốn chúng ta dựng lên một thứ hình tượng nào dù nó được khoác chiếc áo thiêng liêng về quyền năng của Chúa.

Cảm ơn Chúa, 18:7, Đức Chúa Trời đã đẹp lòng về đời sống của Ê-xê-chia, nên “Đức Giê-hô-va ở cùng người; hễ người đi làm sự gì, đều được thành tựu”.

II/. Ê-XÊ-CHIA LÀ NGƯỜI CẦU NGUYỆN:

Thật ngạc nhiên khi Kinh thánh đã ba lần ghi lại hai lời cầu nguyện của vua Ê-xê-chia:

Lần đầu ghi lại trong sách II Các Vua này.

Lần thứ hai ghi trong sách Sử ký thứ II

Và lần thứ ba ghi trong sách Tiên tri Ê-sai.

Sách II Vua 19:9b-19, khi vua Ê-xê-chia nhận được thư thách chiến của quân A-si-ri với những lời phạm thượng với Chúa, Ê-xê-chia đã cầm thư đó lên Đền thờ và trải thư ra trình cho Chúa và cầu nguyện. Kinh thánh ghi thuật: “Bởi cớ đó, San-chê-ríp lại sai sứ giả đến Ê-xê-chia, và dặn rằng: Các ngươi hãy nói như vậy với Ê-xê-chia, vua Giu-đa, mà rằng: Chớ để cho Đức Chúa Trời, là Đấng ngươi nhờ cậy, phỉnh gạt ngươi, mà nói rằng: Giê-ru-sa-lem sẽ chẳng bị sa vào tay vua A-si-ri...”

“Ê-xê-chia tiếp đặng thư ở nơi tay các sứ giả, bèn đọc. Đoạn, người đi lên đền thờ của Đức Giê-hô-va, và mở thư ra trước mặt Đức Giê-hô-va. Ê-xê-chia cầu nguyện Đức Giê-hô-va rằng: Ôi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên!... Hỡi Đức Giê-hô-va! hãy nghiêng tai Ngài và nghe. Hỡi Đức Giê-hô-va! hãy mở mắt Ngài ra và xem. Cầu Chúa hãy nghe các lời mà San-chê-ríp sai nói, đặng phỉ báng Đức Chúa Trời hằng sống. Đức Giê-hô-va ôi! quả thật các vua A-si-ri đã diệt các dân tộc, và phá hoang địa phận chúng nó, ném các thần chúng nó vào lửa; nhưng chẳng phải là thần, chẳng qua là công việc của tay người ta làm ra bằng gỗ và bằng đá; nên chúng hủy diệt các thần ấy. Vậy bây giờ, hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi ôi! hãy giải cứu chúng tôi khỏi tay San-chê-ríp, hầu cho muôn nước trên đất biết rằng chỉ một mình Giê-hô-va là Đức Chúa Trời”.

Kỳ diệu thay, Chúa đã nhậm lời và đã thay cho vua Ê-xê-chia đánh bại đạo quân hùng mạnh A-si-ri, Kinh thánh chép: “Ê-sai, con trai A-mốt, sai nói với Ê-xê-chia rằng: Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Ta có nghe lời người cầu nguyện cùng ta về việc San-chê-ríp, vua A-si-ri... Trong đêm đó – không phải đêm sau – có một thiên sứ của Đức Giê-hô-va đi đến trong dinh A-si-ri, và giết một trăm tám mươi ngàn người tại đó. Sáng ngày mai, người ta thức dậy, bèn thấy quân ấy, kìa, chỉ là thây đó thối. San-chê-ríp, vua A-si-ri, bèn trở về, ở tại Ni-ni-ve. Một ngày kia, người thờ lạy tại trong chùa Nít-róc, thần của mình, thì A-tra-mê-léc và Sa-rét-se giết người bằng gươm...” (19:35-36).

Một kinh nghiệm cầu nguyện nữa của vua Ê-xê-chia được ghi trong sách II Vua 20:1-6. Vua Ê-xê-chia bị bệnh và được tiên tri Ê-sai cho biết là vua sẽ chết. Ê-xê-chia đã nằm quay mặt vào vách cầu nguyện xin được chữa lành, Kinh thánh chép: “Ê-xê-chia bèn xây mặt mình vào phía vách, và cầu nguyện Đức Giê-hô-va rằng: Ôi, Đức Giê-hô-va! xin hãy nhớ lại rằng tôi đã lấy sự thành thật và lòng trọn lành, đi trước mặt Chúa, và làm theo điều tốt lành tại trước mặt Ngài. Đoạn Ê-xê-chia khóc rất thảm thiết”. Cảm ơn Chúa, Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện của Ê-xê-chia chữa lành cho vua và cho vua sống thêm 15 năm. Chúa phán: “Ta có nghe lời cầu nguyện người, thấy nước mắt của người; này ta sẽ chữa lành cho người; đến ngày thứ ba người sẽ đi lên đền của Đức Giê-hô-va. Ta sẽ thêm tuổi người mười lăm năm, ta sẽ giải cứu người và thành này khỏi tay vua A-si-ri. Vì cố ta và Đa-vít, kẻ tôi tớ ta, ta sẽ bình vực thành này” (20:5-6).

Anh chị em có để ý cách cầu nguyện và nội dung lời cầu nguyện của Ê-xê-chia không? Dù ông là vua, địa vị của ông là địa vị người khác cầu xin ông, nhưng đối với Chúa, vua Ê-xê-chia khiêm nhường biết bao, vua quỳ trước mặt Chúa mà cầu xin Chúa.

Có lẽ Ê-xê-chia bệnh nặng không thể ngồi dậy được để cầu nguyện, nhưng vua Ê-xê-chia là thánh đồ duy nhất NĂM mà cầu nguyện với Chúa, người quay mặt vào vách khóc mà cầu nguyện với Chúa. Ê-xê-chia với Chúa như một đứa con cứng đối với cha mình.

Ông không dùng lời hoa mỹ, văn chương, nhưng ông trung thực trình bày điều cần nói với Chúa. Những lời rất thật lòng, có sao thưa vậy với Chúa. Tôi tin rằng Chúa bao giờ cũng muốn người tin Chúa Jê-sus có đời sống cầu nguyện thân mật, thành thật với Chúa (Giăng 15:15).

Kinh thánh có ghi lại những lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời của các thánh đồ cách rất chân thật:

Chúng ta không thể nào quên cách cầu nguyện của Áp-ra-ham như một người mặc cả mua một món hàng, trả giá từng 5 người với Chúa, từ 50 người giảm dần xuống đến 10 người (Sáng. 18:27-28).

Chúng ta không thể quên lời cầu nguyện của tiên tri Giô-na thành thật đến nỗi có vẻ như hỗn hào với Chúa, nhưng Chúa thật nhân từ không giận trách Giô-na. Kinh thánh ghi: “Đức Chúa Trời bèn phán cùng Giô-na rằng: Người nổi giận vì có dây dưa này có nên không? Người thưa rằng: Tôi giận cho đến chết cũng phải lắm” (Giô-na 4:9).

Tôi tin rằng Chúa cho phép ghi lại cách một ông vua còn biết cầu nguyện với Đức Chúa Trời thân mật, chân thật, như vậy, Chúa đã cho phép ghi lại ba lần, chắc chắn để người tin Chúa Jê-sus chúng ta ngày nay học lấy và làm theo, để sửa lại cách cầu nguyện và lời cầu nguyện của mình cho xứng đáng.

Tôi cũng nhìn thấy các thánh đồ đối với công việc của Chúa giao thì rất sốt sắng, tích cực, nhưng khi đối diện với Chúa thì họ đầy yếu đuối, nói theo tiếng Việt Nam thì họ giống như một con trẻ nhõng nhẽo, muốn được Chúa vỗ về. Như khi bị bệnh, vua Ê-xê-chia nghe Chúa dùng tiên tri Ê-sai báo tin vua sẽ chết,

thì vua quay mặt vào vách khóc mà nài nỉ với Chúa xin được chữa lành. Như sứ đồ Giăng, tuổi già 90 rồi còn bị lưu đày khổ sai ra đảo Bát-mô, khi gặp Chúa Jêsus Christ hiện ra thì Giăng nói không mắc cỡ: “Vừa thấy người, tôi ngã xuống chơn người như chết”. Cảm ơn Chúa, Đức Chúa Trời thật nhân từ, đầy thương xót, sẵn sàng an ủi và khích lệ đứa con cứng của Chúa, như kinh nghiệm của tác giả Thi thiên 131, “Tôi đã làm cho linh hồn tôi êm dịu an tịnh, như con trẻ dứt sữa bên mẹ mình; linh hồn ở trong mình tôi cũng như con trẻ dứt sữa vậy” (Thi. 131:2). Kỳ diệu quá!

SÁCH II CÁC VUA 8

NHÂN VẬT ĐÁNG NHỚ:

VUA GIÔ-SI-A

II Vua 22: - 23:

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay chúng ta cùng học về một nhân vật yêu mến Đức Chúa Trời cuối cùng trong nước Giu-đa, là vua Giô-si-a, như ngọn đèn bùng lên trước khi lụi tàn, một đóm lửa phục hưng được Chúa cho đổ xuống, rất tiếc không được những thế hệ kế thừa nắm bắt để tiếp lửa, khiến cho đóm lửa phục hưng này từ vua Giô-si-a, tàn lụi. Giô-si-a là vị vua tốt cuối cùng trong nước Giu-đa phía Nam, sau đó là bốn vua ác để rồi nước Giu-đa kết thúc dưới tay vua Nê-bu-cát-nết-sa của Ba-by-lôn.

1/. VUA GIÔ-SI-A ĐỐI VỚI CHÚA:

Vua Giô-si-a mặc dù có một ông nội độc ác là vua Ma-na-se, một người cha cũng làm ác trước mặt Chúa, là vua A-môn, nhưng cảm ơn Chúa là Giô-si-a lại là một vua tốt, làm điều thiện trước mặt Đức Chúa Trời.

Sách II Các Vua đoạn 21 đã ghi lại đời sống của ông nội của Giô-si-a là vua Ma-na-se:

21:1-16, “Ma-na-se được mười hai tuổi khi người lên làm vua; người cai trị năm mươi lăm năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ người tên là Hép-si-ba. Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và theo sự thờ phượng gớm ghiếc của các dân tộc mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên. Người sửa xây lại các nơi cao mà Ê-xê-chia, cha người, đã phá hủy, lập bàn thờ cho Ba-anh, dựng hình tượng A-sê-ra giống như của A-háp, vua Y-sơ-ra-ên đã làm, cúng thờ toàn cơ binh trên trời và hầu việc nó, Người cũng lập bàn thờ trong đền của Đức Giê-hô-va, mà Đức Giê-hô-va có phán về đền thờ rằng: Ấy tại nơi Giê-ru-sa-lem ta để danh ta ngự. Người xây những bàn thờ cho toàn cơ binh trên trời, tại nơi hai hành lang về đền thờ của Đức Giê-hô-va. Người đưa con trai mình qua lửa, tập tành phép thiên văn và việc bói đìềm; lập lên những đồng cốt và thầy bói. Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va quá chừng, chọc giận Ngài hoài... Ma-na-se cũng đổ nhiều huyết vô tội ra, đến nỗi Giê-ru-sa-lem bị ngập từ đầu này đến đầu kia. Lại phụ thêm những tội lỗi người phạm, gây cho Giu-đa phạm tội nữa, và làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va”.

Đó là về ông nội của Giô-si-a, kế tiếp là về cha của Giô-si-a:

“Khi A-môn lên làm vua, tuổi được hai mươi hai; người cai trị hai năm tại Giê-ru-sa-lem... Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, y như Ma-na-se, cha người, đã làm” (21:17-23).

Cảm ơn Chúa, Giô-si-a đã lên ngôi kế vị sau khi vua cha A-môn bị mưu sát trong đền vua. Kinh thánh ghi lại tỉ mỉ từng thời điểm tấm lòng của Giô-si-a bày tỏ yêu mến Chúa:

II Vua 22:1, Giô-si-a lên ngôi lúc 8 tuổi, người cai trị ba mươi mốt năm tại Giê-ru-sa-lem... Người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, đi theo trọn con đường của Đa-vít, tổ phụ mình, không tẻ tách hoặc về bên hữu, hoặc về bên tả.

Tham khảo với sách II Sử 34:3, lúc 16 tuổi, Giô-si-a đã khởi sự tìm kiếm Chúa, đến lúc 20 tuổi, Giô-si-a đã biết dẹp bỏ những hình tượng do ông nội và cha để lại.

II Vua 22:3, “Năm thứ mười tám”, tức là lúc Giô-si-a được 26 tuổi, đã lo trùng tu lại Đền thờ hơn 50 năm bị bỏ quên từ ông nội Ma-na-se.

Kinh thánh không cho chúng ta biết làm sao Giô-si-a lại có được một đời sống tin kính Chúa đặc biệt như vậy. Nhưng với số tuổi còn rất trẻ, 8 tuổi, 16 tuổi, 26 tuổi, mà Giô-si-a đã biết tìm kiếm Chúa, chắc chắn vua đã được ai đó dạy dỗ theo đường lối của Chúa.

Chúa Jêsus Christ đã từng phán: “Hãy giữ mình, đừng khinh để một đứa nào trong những đứa trẻ này...” (Math. 18:10). Chính Chúa đã từng dùng các thiếu nhi, thiếu niên làm ích lợi cho công việc Chúa:

I Sa-mu-ên đoạn 17, thiếu niên Đa-vít được Chúa dùng đánh bại lực sĩ Gô-li-át, giải cứu dân Chúa khỏi người Phi-li-tin.

II Vua đoạn 5, Chúa dùng một em gái nhỏ vô danh để đem Tin Lành cho quan Tổng Binh Na-a-man và nước Sy-ri.

Bây giờ Chúa dùng một thiếu nhi tám tuổi, thiếu niên mười sáu tuổi, một thanh niên 26 tuổi là Giô-si-a đem lại sự phục hưng cho nước Giu-đa. Nguyên Chúa dùng gương của Giô-si-a cảm động lòng anh chị em quan tâm đến việc dạy dỗ con cái mình trong gia đình, dạy dỗ các thiếu nhi, thiếu niên trong Hội Thánh. Tôi tin rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng các em đem lại phước hạnh cho công việc Chúa.

II/. VUA GIÔ-SI-A ĐỐI VỚI KINH THÁNH – 22:10-11

Nhơn việc sửa sang lại Đền thờ, Giô-si-a đã tìm lại được Quyển Sách Luật Pháp - tức là Bộ Ngũ Kinh của Môi-se (22:8). Kinh thánh ghi lại niềm vui tìm được Lời Chúa là Bộ Ngũ Kinh Môi-se này như sau: “Thầy tế lễ thượng phẩm Hinh-kia nói với thơ ký Sa-phan rằng: Tôi đã tìm được quyển Luật pháp trong đền thờ Đức Giê-hô-va, Hinh-kia trao quyển sách đó cho Sa-phan, và người đọc nó. Đoạn thơ ký Sa-phan đến tìm vua, thuật lại điều này mà rằng: Các tôi tớ vua đã đóng bạc tìmặng trong đền thờ, và đã giao nơi tay các người lo coi sóc công việc đền thờ của Đức Giê-hô-va. Thơ ký Sa-phan lại nói rằng: Thầy tế lễ thượng phẩm Hinh-kia có trao cho tôi một quyển sách; đoạn, Sa-phan đọc sách đó trước mặt vua” (22:8-10).

Anh chị em hãy nghe thái độ của vua Giô-si-a khi nghe Lời Chúa:

22:11, “Vua [Giô-si-a] vừa nghe các lời của sách luật pháp, liền xé quần áo mình”, vua Giô-si-a bày tỏ một hành động ăn năn tội lỗi theo Lời Chúa dạy.

22:12-13, “Đoạn, vua truyền lệnh... mà rằng: Hãy đi cầu vấn Đức Giê-hô-va cho ta, cho dân sự, và cho cả Giu-đa, về các lời của sách mới tìm được, Vì cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng chúng ta thật là lớn lao, tại tổ phụ chúng ta không có nghe theo các lời của sách này, và không làm theo điều đã truyền phán cho chúng ta”. Giô-si-a vâng theo Lời Chúa dạy, tìm kiếm ý chỉ của Chúa đối với đời sống mình.

23:1-3, vua Giô-si-a vâng theo Lời Chúa dạy, hiệp cùng dân sự lập ước cùng với Chúa, dọn dẹp hình tượng, tổ chức một Lễ Vượt qua trọng thể để nhắc lại công ơn cứu chuộc của Đức Chúa Trời đối với dân Chúa.

Trước tấm lòng của Giô-si-a và sự vâng theo Lời Chúa đặt làm theo, Chúa đã ban cho vua những lời hứa quý báu qua nữ tiên tri Hun-đa, vợ của Sa-lum, “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ dẫn tai họa trên chỗ này và trên dân cư nó, làm hoàn thành mọi lời của sách mà vua Giu-đa đã đọc. Bởi vì dân Giu-đa đã lia bỏ ta, đốt hương cho các thần khác, chọc ta giận vì các công việc của tay chúng nó, nên cơn giận ta sẽ nổi lên cùng chỗ này, không hề nguôi. Còn về vua Giu-đa đã sai các người cầu vấn Đức Giê-hô-va, thì hãy nói với người rằng: Về các lời người đã nghe Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Khi người nghe lời ta phán nghịch cùng chỗ này, và nghịch cùng dân cư nó rằng, chỗ này sẽ bị phá hoang, dân cư trở thành rửa sả, thì người có lòng mềm mại, hạ mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va, xé quần áo mình, và khóc lóc trước mặt ta; bởi vậy cho nên ta cũng có nghe người. Kia, ta sẽ thấu người về cùng tổ phụ người; và người sẽ được thấu vào nơi mồ mả người cách bình an, và mắt người sẽ chẳng thấy điều tai họa mà ta toan giáng xuống trên chỗ này” (22:18-20).

III/. GIÔ-SI-A TỔ CHỨC LỄ VƯỢT QUA.

Người học Kinh thánh đều biết Lễ Vượt Qua quan trọng đối với người Y-sơ-ra-ên, ngay cả trong thế kỷ 21, vì đó là mạng lệnh của Đức Chúa Trời truyền cho dân Y-sơ-ra-ên để nhắc họ nhớ công ơn cứu chuộc của Đức Chúa Trời đã đem họ ra khỏi kiếp nô lệ 430 năm tại Ai Cập. Đức Chúa Trời phán với dân Y-sơ-ra-ên: “Các người hãy ghi ngày đó làm kỷ niệm; trải các đời này giữ làm một lễ cho Đức Giê-hô-va, tức là một lễ lập ra đời đời... Hãy giữ lễ này như một lệ lập ra đời đời cho các người và con cháu các người. Khi nào các người vào xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho, như lời Ngài đã phán, thì hãy giữ lễ này. Khi con cháu các người hỏi rằng: Lễ này là nghĩa chi? Hãy đáp rằng: Ấy là của tế Lễ Vượt qua của Đức Giê-hô-va, vì khi Ngài hành hại xứ Ê-díp-tô thì Ngài đi vượt qua các nhà dân Y-sơ-ra-ên, và cứu nhà chúng ta đó... Trong ngày đó hãy giải nghĩa cho con trai người rằng: Ấy vì việc Đức Giê-hô-va làm cho ta, khi ta ra khỏi xứ Ê-díp-tô. Điều đó sẽ làm một dấu hiệu nơi tay người, làm một kỷ niệm ghi nơi trán ở giữa cặp mắt người, hầu cho luật pháp của Đức Giê-hô-va ở nơi miệng người, vì Đức Giê-hô-va đã dùng tay quyền năng rút người ra khỏi xứ Ê-díp-tô. Hằng năm, đến kỳ, người phải giữ lễ này” (Xuất. 12:14, 24-27; 13:8-10).

Tuy nhiên, vì các vua Y-sơ-ra-ên cũng như vua Giu-đa mãi lo tìm kiếm những giải pháp bình an từ việc lấy lòng các vua ngoại đạo, nên đã tìm cách thờ lạy những hình tượng tà thần của các nước đó, đem sự thờ lạy hình tượng vào xứ thánh, đến nỗi dựng những bàn thờ tà thần trong khuôn viên đền thờ của Đức Chúa Trời. Các vua Y-sơ-ra-ên và vua Giu-đa đã bỏ qua mạng lệnh của Đức Chúa Trời dạy cử hành Lễ Vượt Qua hằng năm, do đó, cả hai nước Y-sơ-ra-ên và Giu-đa không còn nhớ chính Đức Giê-hô-va là Đấng quyền năng giải cứu họ ra khỏi nhà nô lệ Ai Cập hùng mạnh thời đó.

Mãi đến đời vua Giô-si-a, với tấm lòng ăn năn tình thức tội lỗi từ tổ phụ, đến tội lỗi hiện tại của cả nước Giu-đa, vua Giô-si-a đã dọn dẹp đền thờ, bởi đó tìm lại được Lời Chúa là Luật pháp của Chúa truyền qua Bộ Ngũ Kinh Môi-se, mà mọi người trong dân Chúa bỏ quên trong đền thờ. Cảm ơn Chúa, khi lời của Đức

Chúa Trời được tuyên đọc, vua Giô-si-a đã hạ mình ăn năn, kêu gọi dân Chúa ăn năn, lập giao ước với Đức Chúa Trời, phá hủy hình tượng, trừ diệt những vết tích tà thần. Đặc biệt là vua Giô-si-a đã cử hành một Lễ Vượt Qua lịch sử. Kinh thánh ghi thuật: “Vua bèn truyền lệnh cho cả dân sự rằng: Hãy giữ Lễ Vượt qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi, tùy theo các lời đã chép trong sách giao ước. Trong lúc các quan xét đã xét đoán Y-sơ-ra-ên, hoặc trong đời các vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, thật chẳng hề có giữ một lễ Vượt qua nào giống như Lễ Vượt qua giữ cho Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem, nhằm năm thứ mười tám đời vua Giô-si-a” (23:21-23).

Kinh thánh làm chứng: “Trước Giô-si-a, chẳng có một vua nào hết lòng, hết ý, hết sức mình, mà trứu mến Đức Giê-hô-va, làm theo trọn vẹn luật pháp của Môi-se; và sau người cũng chẳng có thấy ai giống như người nữa” (23:25).

Với bài học hôm nay, chúng ta có gương của ba nhân vật nổi bật trong sách Các Vua thứ II, ít nhất chúng ta có thể học được ba bài học thiết thực cho đời sống người tin Chúa Jê-sus chúng ta ngày nay:

Một quyết định theo Chúa dứt khoát như Ê-li-sê.

Một cách cầu nguyện chân thật đúng như chữ NGUYỄN qua đời sống của vua Ê-xê-chia.

Một thái độ đối với Lời Chúa, sẵn sàng lắng nghe, áp dụng cho chính mình đặt làm theo như gương của vua Giô-si-a.

SÁCH II CÁC VUA 9

SỰ KIỆN ĐÁNG NHỚ.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta có cơ hội cùng học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời. Kinh thánh không phải là quyển sách chỉ ghi những điều tốt, nhưng Chúa cũng cho ghi trong Kinh thánh những tội lỗi mà Chúa không thể tha thứ vì tội nhân không chịu ăn năn, Đức Chúa Trời là Đấng Thánh và Công Bình, không kể kể có tội là vô tội, dù tội nhân đó là một cá nhân, hoặc một gia đình, hoặc một dân tộc, mà ngay cả là tuyển dân của Chúa.

Hôm nay, qua hai sự kiện đáng nhớ được ghi trong sách II Các Vua, chúng ta sẽ thật sự nhìn thấy cơn giận của Đức Chúa Trời trên dân Chúa là dân Y-sơ-ra-ên, sau bao nhiêu lần Chúa đã rao báo lời cảnh cáo, sai nhiều tiên tri đến kêu gọi họ ăn năn, nhưng sự cứng lòng của dân Chúa – dù họ là dân Chúa – Đức Chúa Trời vẫn phạt họ lưu đày, bị tan lạc khắp thế gian. Xin Chúa cho qua bài học này, ai nấy trong chúng ta kính sợ Đức Chúa Trời, mau lẹ ăn năn trước khi hình phạt đổ xuống.

I/. Sự kiện thứ 1: DÂN Y-SƠ-RA-ÊN BỊ LƯU ĐÀY – SA-MA-RI SỤP ĐỔ:

Sách I Các Vua kết thúc với 8 vị vua cai trị vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc là những vị vua ‘làm ác trước mặt Đức Giê-hô-va’. Bây giờ, với II Các Vua, tiếp tục với nước Y-sơ-ra-ên có 11 vua, điệp khúc người ‘làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va’ luôn được lặp lại trong mỗi triều vua Y-sơ-ra-ên (3:2-3; 10:31-32; 13:2-3, 11; 14:24; 15:9, 18, 24, 28; 17:2).

Nhóm từ ‘làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va’ không chỉ có nghĩa là giết người, tham lam, cướp giựt của người khác, nhưng ý nghĩa theo Kinh thánh là “làm những điều Chúa không cho phép”, căn cứ vào luật pháp của Đức Chúa Trời bày tỏ qua 10 Điều răn.

Sách Xuất Ê-díp-tô ký ghi rõ 10 Điều răn của Đức Chúa Trời đã ban cho dân Chúa, nói riêng, và ban cho loài người, nói chung. Mười Điều răn của Đức Chúa Trời gồm hai phần: 4 điều đầu là bốn phận con người đối với Đức Chúa Trời Tạo hóa; 6 điều sau là bốn phận của con người đối với con người.

Nội dung 4 điều đầu tiên dạy bốn phận con người đối với Đức Chúa Trời là:

Trước mặt ta, người chớ có các thần khác.

Người chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất. Người chớ quì lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tức là Đức Chúa Trời kỳ tà, hễ ai ghét ta, ta sẽ hơn tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời, và sẽ làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta và giữ các điều răn ta.

Người chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà làm chơi, vì Đức Giê-hô-va chẳng cầm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài làm chơi.

Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh...

Thực tế, loài người chúng ta chỉ quan tâm đến 6 điều sau là những điều Đức Chúa Trời truyền dạy giữa con người đối với con người, như:

Hãy hiểu kính cha mẹ người.

Người chớ giết người.

Người chớ phạm tội tà dâm.

Người chớ trộm cướp.

Người chớ nói chứng dối cho kẻ lân cận mình.

Người chớ tham nhà kẻ lân cận người, cũng đừng tham vợ người, hoặc tôi trai tớ gái, bò, lừa, hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận người.

Loài người chúng ta quên rằng nếu một người không kính sợ Đức Chúa Trời thì không thể yêu người, và lời Chúa phán: “Vì người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều răn, thì cũng đáng tội như đã phạm hết thảy” (Gia-cơ 2:10).

Cho nên khi sách Các Vua ghi các vua Y-sơ-ra-ên và một phần các vua Giu-đa làm điều ác có nghĩa là các vua đó không kính sợ Đức Chúa Trời, không tuân theo Điều răn của Chúa, đã thờ lạy hình tượng, và điều đặc biệt là hơn 400 năm họ không làm theo lời Chúa dạy, chẳng những thờ hình tượng mà còn không giữ sự nghỉ ngơi ngày Sa-bát cho Chúa.

Chúng ta đã học biết tội lỗi có tánh chất di truyền, từ đời vua này di truyền sang đời vua kia, lây lan qua nước Giu-đa phía Nam nữa.

Đến đời vua Phê-ca của nước Y-sơ-ra-ên, “Trong đời Phê-ca, vua Y-sơ-ra-ên, Tiếc-la-Phi-lê-se vua A-si-ri, loán đến... miền Ga-la-át, miền Ga-li-lê, và cả địa phận Nép-ta-li” (15:29). Theo I Sử ký 5:25-26, vua A-si-ri đã bắt 2½ chi phái phía Đông sông Giô-đanh và chi phái Nép-ta-li (II Vua 15:29) đày qua A-si-ri.

Độ 13 năm sau lần lưu đày của 2½ chi phái này, đến năm 721 TC., Tiếc-lác Phi-lê-se đã chết, và Shal Manaser IV lên thay (17:3-6) đã vây Sa-ma-ri 3 năm và đày hết thảy dân Y-sơ-ra-ên phía Bắc qua A-si-ri.

Trong thời lưu đày, người A-si-ri đã ghi chép về việc mua bán dân Y-sơ-ra-ên làm nô lệ như sau, độ 14 năm sau khi Y-sơ-ra-ên bị lưu đày: 'hai người nam Y-sơ-ra-ên và một phụ nữ Y-sơ-ra-ên bị một người Phoenician bán cho người Ai Cập giá 3 minas bạc (27 Anh kim)'.

Đoạn 17 ghi chi tiết cảnh vong quốc lưu đày của dân Y-sơ-ra-ên:

C.6, Năm thứ chín đời Ô-sê, vua A-si-ri hãm lấy Sa-ma-ri, đem dân Y-sơ-ra-ên sang qua A-si-ri, lập họ ở tại Cha-la và trên bờ Cha-bo, sông của Gô-xan, cùng trong các thành nước Mê-đi.

C.24, 41, vua A-si-ri đem người ở Ba-by-lôn, Cu-tha, Ha-mát, Sê-phạt-va-im, đặt ở trong các thành của Sa-ma-ri, thế cho dân Y-sơ-ra-ên. Chúng chiếm lấy nước Sa-ma-ri, và ở trong các thành nó...

II/. Sự kiện thứ 2: DÂN GIU-ĐA BỊ LƯU ĐÀY - GIÊ-RU-SA-LEM SỤP ĐỔ:

Đến đoạn 17, mười chi phái phía Bắc không còn nữa, lịch sử vương quốc Y-sơ-ra-ên đóng lại vĩnh viễn. 8 đoạn sau cùng, từ đoạn 18 đến đoạn 25 của sách II Các Vua nói đến sự sụp đổ của nước Giu-đa phía Nam. Bắt đầu từ khi Sa-ma-ri sụp đổ vào năm 721 TC. đến khi Giê-ru-sa-lem bị sụp đổ vào năm 586 TC., một thời kỳ khoảng 130 năm.

Năm Giô-si-a chết (II Vua 23:29) cũng là lúc đế quốc A-si-ri bị tiêu diệt bởi người Ba-by-lôn. Sứ điệp của Tiên tri Ê-sai trước đó 100 năm, “Trong lúc đó, Bê-rô-đác-Ba-la-đan, con trai của Ba-la-đan, vua Ba-by-lôn, gởi thơ và lễ vật cho Ê-xê-chia; vì người đã hay rằng Ê-xê-chia đau. Ê-xê-chia nghe lời các sứ giả tâu, thì vui mừng, bèn dẫn chúng viếng đền, là nơi chứa các vật quý, bạc, vàng, thuốc thơm, dầu quý, lại cho xem trại cơ khí, và mọi vật trong kho tàng mình. Chẳng có chi trong đền hoặc trong nước mà Ê-xê-chia không cho chúng xem thấy. Tiên tri Ê-sai bèn đi đến vua Ê-xê-chia, và hỏi người rằng: Các người đó nói chi và ở xứ nào đến? Ê-xê-chia đáp: Chúng đến từ xứ xa, từ Ba-by-lôn. Ê-sai tiếp: Vua cho chúng xem chi trong đền của vua? Ê-xê-chia đáp: Chúng có thấy mọi vật trong đền ta. Chẳng gì trong các kho tàng ta mà ta chẳng chỉ cho chúng xem. Ê-sai bèn nói với Ê-xê-chia rằng: Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va: Thì giờ sẽ đến khi mọi vật ở trong đền vua, mọi vật mà các tổ phụ vua đã chất chứa trong kho tàng cho đến ngày nay, đều sẽ bị đem qua Ba-by-lôn. Đức Giê-hô-va phán: Sẽ chẳng còn chi lại hết. Lại những đứa con trai của vua, do nơi vua sanh ra, sẽ bị bắt dẫn đi làm hoạn quan trong đền vua Ba-by-lôn” (II Vua 20:15-19; Ê-sai 39).

Sự sụp đổ của Giu-đa qua 3 giai đoạn:

Lần 1:

Trong năm thứ ba, “trong đời Giê-hô-gia-kim trị vì, Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, xâm lấn xứ. Giê-hô-gia-kim thần phục người trong ba năm, rồi người đổi ý và phản nghịch với người. Đức Giê-hô-va khiến những quân Canh-đê, quân Sy-ri, quân Mô-áp, và quân của dân Am-môn đến đấu địch cùng Giu-đa, để hủy hại Giu-đa, tùy theo lời Đức Giê-hô-va đã cậy miệng các tiên tri, là tôi tớ Ngài, mà phán ra” (II Vua 24:1-2; Đa-ni-ên 1:1-4; II Sử 36:5-7). Trong lần đánh Giê-ru-sa-lem này, vua Nê-bu-cát-nết-sa của Ba-by-lôn bắt đi những thanh niên trẻ, trong đó có Đa-ni-ên và 3 bạn của ông.

Lần 2:

Sách II Các Vua 24:8-17, Nhằm đời vua Giê-hô-gia-kin lên ngôi được 3 tháng, độ 8 năm sau lần lưu đày thứ I, khi Giê-hô-gia-kim chết. “Giê-hô-gia-kin được mười tám tuổi lên làm vua... Giê-hô-gia-kin làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và theo các gương của cha mình. Trong lúc đó, các quân lính Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, đi lên vây thành Giê-ru-sa-lem... Giê-hô-gia-kin, vua Giu-đa, bèn cùng mẹ mình, các tôi tớ mình, các quan tướng, và các hoạn quan mình, đi ra đầu hàng vua Ba-by-lôn. Vua Ba-by-lôn bắt người nhằm năm thứ tám triều mình. Y như lời Đức Giê-hô-va đã phán, người lấy hết thầy những bửu vật của đền Đức Giê-hô-va và những bửu vật của cung vua, đập bể các khí dụng bằng vàng mà Sa-lô-môn, vua Y-sơ-ra-ên, đã làm cho đền thờ của Đức Giê-hô-va”. Lần lưu đày này vua Ba-by-lôn bắt đem đi: Những bửu vật trong Đền thờ (câu 13), trong cung vua Giu-đa, cùng với 10.000 người mạnh khỏe, giỏi, trong số này có các thầy tế lễ như Ê-xê-chi-ên. Chính Tiên tri Ê-xê-chi-ên đã nói về việc Giê-ru-sa-lem bị hủy phá, trong khi ông đang ở tại Ba-by-lôn (Ê-xê-chi-ên 40:1).

Lần 3:

Sách II Các Vua 25:1-4, “Năm thứ chín đời Sê-đê-kia, ngày mồng một tháng mười, Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, cùng cả đạo quân người, đến hãm đánh Giê-ru-sa-lem. Người hạ trại trước thành, và đắp lũy vây chung quanh thành. Sự vây thành lâu dài cho đến năm thứ mười một đời Sê-đê-kia. Ngày mồng chín tháng tư, có sự đói kém lớn trong thành, dân sự không có bánh. Bấy giờ, quân Canh-đê làm lũng một lỗ nơi vách tường thành; đoạn hết thầy quân lính đương ban đêm đều chạy trốn bởi cửa ở giữa hai vách thành gần vườn vua. Đương khi quân Canh-đê vây thành, thì vua chạy trốn theo đường đồng bằng. Đạo

quân Canh-đê bèn đuổi theo vua, và theo kịp người tại trong đồng bằng Giê-ri-cô; cả cơ binh người đều tản lạc và bỏ người. Quân Canh-đê bắt vua, dẫn đến vua Ba-by-lôn ở Ríp-la; tại đó, chúng nó xét đoán người. Chúng nó giết các con trai Sê-đê-kia trước mặt người; đoạn, chúng nó móc mắt Sê-đê-kia, xiềng người bằng xích đồng, rồi dẫn người đến Ba-by-lôn... Người [quan thị vệ của Nê-bu-cát-nết-sa] thiêu đốt đền thờ Đức Giê-hô-va, cung của vua, và mọi nhà trong thành Giê-ru-sa-lem, thiêu đốt luôn các nhà của người sang trọng... phá đổ vách thành chung quanh Giê-ru-sa-lem... bắt dân cư còn sót lại trong thành, luôn với những kẻ hàng đầu vua Ba-by-lôn và đám dân còn lại khác, mà dẫn đi làm phu tù... chỉ chừa lại trong xứ những người nghèo khổ hơn hết, đặng trồng nho và làm ruộng”. Thảm cảnh của dân Giu-đa trong lúc Giê-ru-sa-lem bị vây đã được Giê-rê-mi diễn tả trong sách Ca-thương (2:20; 4:3-10; Ê-xê-chi-ên 5:12; II Vua 25:11-12). Có một số người còn sót lại chạy qua Ai Cập (II Vua 25:22; Giê. 40-43).

Tội lỗi hại thay! Chúa phán: “nhưng nếu các ngươi chẳng ăn năn, thì hết thầy cũng sẽ bị hư mất như vậy” (Luca 13:3, 5). Xin Chúa cho chúng ta nghe tiếng Chúa và hết thầy ăn năn với Chúa.

SÁCH II CÁC VUA 10

Đề mục: TỘI LỖI

Kinh thánh: Sách II Vua 1: - 25: (Đọc 17:7-23)

Câu gốc: II Vua 17:20

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa đã cho chúng ta cùng học sách I Các Vua với phần Bổ cục qua Đề tài TỘI LỖI. Hôm nay, qua sách II Các Vua, nhờ ơn Chúa một lần nữa chúng ta học lại Đề tài ‘Tội lỗi’. Hi vọng bài học này là tiếng kèn báo thức cho mọi người trong kỳ cuối cùng trước ngày Chúa Jê-sus Christ tái lâm: Thời kỳ mà Chúa Jê-sus đã phán: “tội ác thêm nhiều, lòng yêu mến Chúa của nhiều người nguội lần!” (Math. 24:12).

I/. II Vua 1: - 8: CẢNH CÁO TỘI LỖI:

Sách Các Vua thứ II là lịch sử tiếp nối của sách Các Vua thứ I, điều đó có nghĩa Sách Các Vua II là một bảng ghi chép sự tiếp nối những tội lỗi của các vua hai vương quốc.

Nhóm từ ‘người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va’ xuất hiện xuyên suốt từ đầu đến cuối của sách lịch sử này. Điều ác đó là gì? Điều ác đó là việc các vua của Y-sơ-ra-ên hoặc của Giu-đa đã thờ lạy, cầu hỏi các tà thần của các dân ngoại bang, thay vì thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời là Chân Thần của họ.

Tuy nhiên, lạ lùng thay, như Pha-ô-lô đã nói trong thư Rô-ma 5:20b, “nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật hơn”. Bằng chứng là trong suốt thời kỳ này, Đức Chúa Trời đã dấy lên rất nhiều tiên tri, nhiều nhất trong các thời kỳ, rao giảng và làm rất nhiều phép lạ để cảnh cáo về tội lỗi của tuyến dân.

Các Tiên Tri làm phép lạ.

Sách II Vua 1: - 8: đã giới thiệu cho chúng ta hai vị tiên tri xuất hiện trong thời kỳ TỘI LỖI này, cả hai đã thi hành nhiều phép lạ để xác quyết Giê-hô-va là Đức Chúa Trời duy nhất có quyền năng, còn các tà thần chỉ là giả dối, đồng thời Chúa dùng các phép lạ để cứu giúp tuyển dân trong những lúc nguy nan có cần.

Đoạn 1 của sách Các Vua thứ II đã giới thiệu Tiên tri Ê-li, một người đã xuất hiện từ I Vua đoạn 17, với những phép lạ và với lòng can đảm hào hùng. Trong đoạn 1 này ghi:

1:2-3, tiên tri Ê-li đã xuất hiện với lời quở trách nghiêm khắc về tội lỗi của vua A-cha-xia nước Y-sơ-ra-ên, vì vua đã không tìm kiếm Chúa, mà lại đi tìm sự chữa lành nơi tà thần, kèm theo bản án cho tội lỗi của vua A-cha-xia (1:4).

Qua hình ảnh của một tiên tri Ê-li nghiêm khắc, chúng ta nhìn thấy một sự nghiêm khắc của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi, không kể kể có tội là vô tội.

Kế tiếp, từ đoạn 2 đến đoạn 8, Kinh thánh lại giới thiệu cho chúng ta một tiên tri kế thừa Ê-li, là tiên tri Ê-li-sê, cũng với nhiều phép lạ, đặc biệt là Ê-li-sê đã mấy lần can thiệp giải cứu thành Sa-ma-ri khỏi tay quân Sy-ri.

Chúng ta có thể nhìn thấy qua hai Tiên tri Ê-li và Ê-li-sê một hình ảnh Giê-hô-va là Đấng Chặn giữ tôi như tác giả Thi thiên 23 đã nói, trong tay của Chúa vừa cầm cây trượng vừa cầm cây gậy, vừa sửa dạy vừa an ủi. Mục đích của Đức Chúa Trời dùng Ê-li và Ê-li-sê đều là để cảnh cáo tuyển dân về tội lỗi của họ.

Các Tiên tri không làm phép lạ:

Dù trong sách II Vua không đề cập đến, nhưng qua tham khảo với nội dung các sách tiên tri, chúng ta khám phá một điều lạ lùng là trong thời kỳ đầy dẫy việc ác trước mặt Đức Giê-hô-va này, đã có rất đông các tiên tri được Đức Chúa Trời dấy lên để cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên phía Bắc cũng như dân Giu-đa phía Nam để họ ăn năn, quay về với Chúa để được tha thứ, để cứu xứ khỏi tai họa hầu đến.

Tại vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc, ngoài Ê-li và Ê-li-sê, Đức Chúa Trời còn dùng các tiên tri như Giô-na, A-mốt, Ô-sê.

Đối với vương quốc Giu-đa phía Nam, Đức Chúa Trời đã dùng ít nhất là 8 vị Tiên tri, như Ê-sai, Áp-đi-a, Giô-ên, Mi-chê, Na-hum, Sô-phô-ni, Ha-ba-cúc, Giê-rê-mi.

Tất cả các Tiên tri đã liên tục giảng dạy, quở trách, kêu gọi. Chỉ tiếc là lòng người cứng cõi như Tiên tri Giê-rê-mi đã nói: “Người Ê-thi-ô-bi có thể đổi được da mình, hay là con beo đổi được vắn nó chăng? Nếu được thì các ngươi là kẻ làm dữ quen rồi, sẽ làm lành được” (Giê. 13:23), và Giê-rê-mi kết luận: “Lòng người ta là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa: ai có thể biết được” (Giê. 17:9). Tiên tri không còn một chút hi vọng gì tuyển dân thay đổi.

II/. HẬU QUẢ CỦA TỘI LỖI - II Vua 9: - 17:

Trong các đoạn này, nghĩa là sau một thời gian dài dân Y-sơ-ra-ên vừa nghe lời cảnh cáo, quở trách, lẫn nhìn thấy bao nhiêu phép lạ mà Chúa đã cậy các tiên tri Ngài làm để chứng minh Giê-hô-va là Đức Chúa Trời Chân Thần, nhưng dân Y-sơ-ra-ên đã không ăn năn, quay lại thờ phượng Chúa, có ăn năn chăng cũng chỉ một giai đoạn ngắn ở vương quốc Giu-đa phía Nam. Cuối cùng Đức Chúa Trời đã hạ cây roi của Ngài xuống, tiền công của tội lỗi đã được báo trả (Rô. 6:23).

Nội bộ rối loạn:

Qua II Các Vua đoạn 9 đến đoạn 16; chúng ta thấy hậu quả của tội lỗi đã làm cho nội bộ Nam, Bắc triều đều rối loạn. Những người phía Bắc đã giết hại nhau để tranh giành ngôi vua, với những cái chết thật thảm khốc, những cuộc tranh giành ngôi vua, đến nỗi có vua chỉ cai trị được hai năm, nửa năm, thậm chí một tháng.

Trong khi đó ở phía Nam, sách II Các Vua cũng ghi lại một cuộc tàn sát Hoàng tộc Đa-vít bởi Thái hậu A-tha-li suýt chút nữa đã tiêu diệt dòng dõi Đa-vít (II Vua 11:1).

Thật như Lời Chúa đã phán: “Những người ác chẳng hưởng sự bình an bao giờ” (Êsai 48:22). Thật như vậy, tội lỗi đã đem đến sự rủa sả trong Vườn Ê-đen; tội lỗi của A-can đã làm dân Y-sơ-ra-ên thua trận trước thành A-hi.

Sa-ma-ri sụp đổ:

Sách II Các Vua 17, cho thấy hậu quả của tội lỗi chẳng phải chỉ đem đến sự rủa sả, hoặc sinh ra bệnh tật, tội lỗi còn đem đến sự hủy diệt đất nước.

17:5-6, hậu quả cuối cùng của tội lỗi đối với nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc là năm 721 TC., đế quốc A-si-ri đã đem quân đến bao vây Sa-ma-ri ba năm, chiếm lấy thành, và bắt dân Y-sơ-ra-ên lưu đầy tan lạc khắp nơi, đồng thời còn đem các dân ngoại vào cư ngụ trong xứ, khiến dân Y-sơ-ra-ên phía Bắc trở thành một dân Y-sơ-ra-ên lai, để lại sự rủa sả trải qua các thời đại (Giăng 4:9).

Sách II Các Vua chỉ cần 9 đoạn ngắn để ghi chép lại lịch sử hơn 180 năm của vương quốc phía Bắc, trong tổng số hơn 250 năm với 19 vị vua.

Điều đáng lưu ý là mỗi khi nói đến tội lỗi, là chúng ta thường nghĩ đến những người chưa tin Chúa, họ là những tội nhân. Nhưng bài học trong sách II Các Vua này rõ ràng là đang nói đến tội lỗi của tuyến dân, tội lỗi của những người đã biết Chúa, đã từng thuộc về Chúa, đã từng được nhiều và thậm chí rất nhiều người của Đức Chúa Trời là các Tiên tri giảng dạy, thi hành phép lạ. Rất tiếc là họ không có tấm lòng mềm mại, hạ mình ăn năn quay lại sống chân thật như Lời Chúa dạy, như ý Chúa muốn. Vì vậy, tội lỗi của họ đã đưa họ vào con đường sự chết, hủy diệt.

Xin Chúa cho chúng ta nghe được lời cảnh cáo của Chúa được ghi trong thư Rôma 11:20-22, mà lòng run sợ để tự xét mình ăn năn với Chúa.

III/. ẢNH HƯỞNG CỦA TỘI LỖI:

Đến II Vua 18: - 25: thì vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc đã kết thúc (721 TC.), chỉ còn lại vương quốc Giu-đa phía Nam. Lý do Chúa còn để lại vương quốc Giu-đa là vì các vua của Giu-đa còn có một số vua làm điều thiện trước mặt Chúa, trong khi Y-sơ-ra-ên phía Bắc không có một vua nào làm thiện.

Dù vậy, như chúng ta đã nói nhiều lần, đặc tánh của tội lỗi là sinh sản, lan tràn, lây nhiễm. Tiên tri Giê-rê-mi nhận định về nước Giu-đa sau khi nước Y-sơ-ra-ên bị Chúa phạt trong Giê. 3:7b-11, “Em gái quý quyết nó là Giu-đa đã thấy. Dầu ta đã bỏ Y-sơ-ra-ên bội nghịch và đã cho nó tởm, vì có nó ngoại tình, ta cũng còn thấy em gái quý quyết nó, là Giu-đa, chẳng sợ sệt chi; nhưng nó cũng cứ đi hành dâm... Dầu vậy, em gái quý quyết nó là Giu-đa, cũng chẳng trở về cùng ta cách hết lòng, chẳng qua là giả dối, Đức Giê-hô-va phán vậy. Đức Giê-hô-va cũng có phán cùng tôi rằng: Y-sơ-ra-ên bội nghịch so với Giu-đa quý quyết, còn tỏ ra công bình hơn”.

Và ảnh hưởng tội lỗi của Y-sơ-ra-ên đã xâm nhập vào Giu-đa gây nên hai tác hại như sau:

Giu-đa từ tốt qua xấu:

II Vua 18: - 23, các đoạn này là bản ghi chép về hành động của riêng các vua Giu-đa, sau ngày vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc bị tiêu diệt.

Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên đã lôi cuốn Giu-đa, khiến cho từ một vua Ê-xê-chia làm điều thiện, một vua tốt xuống dốc đến một Ma-na-se, Am-môn làm ác với bao nhiêu tội lỗi trước mặt Chúa;

Một vua Giô-si-a tốt xuống dốc đến một Giô-a-cha, Giê-hô-gia-kim làm ác trước mặt Chúa.

Nhìn vào Hội Thánh Chúa cũng vậy. Bài học từ thế kỷ thứ 7 SC, năm 600, Hội Thánh tại khu vực vùng Cận Đông Lưỡng Hà đã một thời là Trung tâm của Cơ-Đốc Giáo, đã rơi vào tội lỗi, tranh chấp, tự mãn, và Chúa đã cho lực lượng Hồi giáo nổi lên ngay tại đó quét sạch Cơ-Đốc Giáo ra khỏi nơi mà ngày nay cả thế giới đang chăm chú theo dõi. Đáng lẽ Hội Thánh ngày nay tỉnh thức khi thấy và nghe chiến cuộc tại Vùng Vịnh này, hầu cho khỏi phải nếm cái roi của Chúa một lần nữa,

Mất sự thánh khiết:

Sách II Các Vua đoạn 24 và 25 là một cảnh buồn nhất trong lịch sử tuyền dân. Hậu quả của tội lỗi đã như một dòng nước lũ cuốn trôi đi hết, như một dòng nham thạch nung chảy hết mọi vật trên đường nó đi qua, tội lỗi đã hủy hoại tuyền dân Giu-đa khiến cho:

25:9, Đền thờ thánh bị đốt

25:10, Thành thánh bị tàn phá

25:11, dân thánh bị lưu đày,

xứ thánh bị bỏ hoang.

Ấy là chưa kể vua Sê-đê-kia bị buộc chứng kiến các con mình bị giết (25:7), rồi Sê-đê-kia bị móc mắt, bị dẫn tù qua Ba-by-lôn, những thầy tế lễ cũng bị giết (25:18, 21). Kết thúc thời gian 400 năm với 20 vị vua thiện có ác có.

Trước tình cảnh tuyền dân như vậy, chính Tiên tri Ha-ba-cúc cũng đã thắc mắc mà hỏi Chúa: “Mắt Chúa thánh sạch chẳng nhìn xem sự dữ, chẳng có thể nhìn được sự trái ngược. Sao Ngài nhìn xem kẻ làm sự đối trá, khi kẻ dữ nuốt người công bình hơn nó, sao Ngài nín lặng đi...” (Hab. 1:13). Và Chúa đã dùng cả đoạn 2 của sách Ha-ba-cúc để trả lời cho việc này qua việc phơi bày tội lỗi trong tuyền dân.

Qua đó, những thất bại ngày nay trong Hội Thánh, những tranh giành, xâu xé trong Hội Thánh, những sự run rẩy trước tiếng rống của sư tử, há không phải là vì tội lỗi đang diễn ra trong Hội Thánh chung và trong đời sống cá nhân người tin Chúa Jê-sus sao? Chúa Jê-sus Christ phán: Nếu các ngươi không ăn năn, thì hết thầy sẽ bị hư mất như vậy (Luca 13:3).

SÁCH II CÁC VUA 11

Kinh thánh: II Vua 7:1-20

Câu gốc: II Vua 7:9

Đề mục: NGÀY CÓ TIN LÀNH

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta đã cùng nhau học được những bài học quý báu qua sách II Các Vua. Cảm ơn Chúa, đang khi Kinh thánh cho chúng ta biết đến những nhân vật nổi tiếng về đời sống yêu mến Chúa; thì Kinh thánh cũng cho chúng ta học những đời sống nổi tiếng về tội lỗi phạm với Đức Chúa Trời và với con người.

Hôm nay, nhờ ơn Chúa, chúng ta sẽ học về những người – đúng hơn là Bốn Người, bốn người này là những người bị loại khỏi sinh hoạt xã hội, vì họ là những người bị bịnh phung. Điều ngạc nhiên vô cùng là trong một sách từ vua cho đến chí dân, người người làm ác, đến nỗi Đức Chúa Trời chí thánh phải đoán phạt họ nhà tan cửa nát, mất nước, lưu đày cả dân tộc, thì nổi lên những người bị con người loại ra lại là những người đem cho dân tộc mình một Ngày Có Tin Lành.

I/. 7:1-7 – NHU CẦN NGÀY CÓ TIN LÀNH.

Phân đoạn Kinh thánh này mô tả tình cảnh nguy cấp của thành Sa-ma-ri đang bị quân Sy-ri bao vây nhiều ngày rồi. Trong 6:24-30 tả lại cảnh trạng thành Sa-ma-ri bị bao vây thật khủng khiếp: “Sau các điều đó, Bên-Ha-đát, vua Sy-ri, nhóm cả đạo binh mình, đi lên vây thành Sa-ma-ri. Trong Sa-ma-ri có sự đói kém lớn lắm, thành bị vây hãm lâu ngày, đến nỗi một cái đầu lừa bán tám mươi siếc lơ bạc, và một góc tư ô phân bò bán năm siếc lơ bạc. Cảnh đói trong thành Sa-ma-ri đến nỗi dân thành ăn thịt con mình, Kinh thánh chép: “Khi vua Y-sơ-ra-ên đi ngang qua trên tường thành, có một người đàn bà kêu người rằng: Ôi vua chúa tôi, xin cứu tôi! Vua nói: Nếu Đức Giê-hô-va không cứu ngươi, thì ta lấy đâu để cứu ngươi? Bởi sân đập lúa hay là bởi nơi ép rượu sao? Vua lại rằng: Ngươi có chi? Nàng thưa rằng: Đàn bà này nói với tôi rằng: Hãy cho con trai chi, hầu ngày nay chúng ta ăn thịt nó; ngày mai chúng ta sẽ ăn thịt con trai ta. Vậy chúng tôi có nấu thịt con trai tôi và ăn. Ngày mai tôi có nói với người rằng: Hãy cho con trai chi, hầu chúng ta ăn nó. Nhưng người có giấu con trai mình. Khi vua nghe lời của người đàn bà này, thì xé quần áo mình. Bấy giờ, người đang đi ngang qua trên tường thành, dân sự xem thấy người phía trong mặc cái bao sắt vào thịt mình”.

Còn ngoài thành thì quân Sy-ri bao vây, nói như 4 người phung, “Tại cửa thành có bốn người phung nói với nhau rằng: Chúng ta ngồi đây đến chừng chết mà làm chi? Nếu chúng ta nhứt định vào thành, thì ở đó có đói kém, và chúng ta sẽ chết đói; bằng chúng ta cứ ngồi đây, thì chúng ta cũng sẽ chết” (7:3-4).

Thành Sa-ma-ri cần được giải cứu!

Cảm ơn Chúa, Kinh thánh cho biết lúc bấy giờ có bốn người phung (cùi) liều chết đến trại quân Sy-ri tìm miếng ăn vì chính họ, ngoài tình trạng bị ghét bỏ, họ cũng đói sắp chết, và bốn người phung đã tìm được Tin Lành, Kinh thánh ghi: “Vậy, lúc chạng vạng, các người phung chỗi dậy đi đến trại quân của dân Sy-ri; khi tới đầu trại quân, họ chẳng thấy ai ở đó hết. Vì Chúa đã khiến trại quân Sy-ri nghe tiếng xe, ngựa và tiếng đạo binh lớn, nên nỗi dân Sy-ri nói với nhau rằng: Kia, vua Y-sơ-ra-ên đã mượn vua dân Hê-tít và vua Ê-díp-tô để đánh chúng ta. Chúng liền chỗi dậy, chạy trốn lúc chạng vạng, bỏ các

trại, ngựa và lừa mình, để trại quân mình như cũ; chúng trốn đăng cứu mạng sống mình. Khi các người phung kia đến đầu trại quân, bèn vào trong một trại, ăn và uống, đoạ họ lấy bạc, vàng, và quần áo đem đi giấu. Chúng trở lại, vào trong một trại khác, ở đó, cũng lấy những của cải mà đem đi giấu luôn”

Hãy nghe bốn người phung này nói với nhau: “Bấy giờ, họ bèn nói với nhau rằng: Chúng ta làm chẳng phải; ngày nay là ngày có Tin Lành, và chúng ta nín lặng sao! Nếu chúng ta đợi đến rạng đông, thì sự hình phạt chắc sẽ lâm vào chúng ta. Vậy, ta hãy đi báo tin này...” (7:8-9.)

Họ chỉ là những người phung vốn là những người bị xã hội thời đó ruồng bỏ, nhưng khi tìm được Tin Lành, được hưởng những phước lành kỳ diệu của Tin Lành, họ không thể nào nín lặng để hưởng phước một mình. Tại sao? Vì họ biết cả thành đang đi vào sự chết, nếu họ không báo tin tức tốt lành mà họ đang có thì mọi người đều chết.

Một trận động đất xảy ra tại Indonesia, kèm theo sóng thần, trên 2 ngàn người đã chết, trong khi còn nhiều nạn nhân chưa tìm được. Tại sao chết nhiều như vậy? Lý do là vì hệ thống báo động không hoạt động, do người ta không quan tâm nên không hoạt động, khi động đất xảy ra, rồi sóng thần phủ đến, người ta vẫn bình thường đứng xem, xe vẫn chạy dọc bờ biển vui chơi, những chiếc smartphone vẫn quay cảnh sóng thần ập đến mà không hề biết sự chết tràn đến.

Một lần nữa, cách đây 2018 năm, cả thế giới đang chìm trong bóng tối tội lỗi, vô phương tự cứu, như Kinh thánh phán: “không có một người công bình, dẫu một người cũng không,... mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời... Đang lúc chúng ta còn là người có tội... thì Chúa Jêsus Christ vì chúng ta chịu chết” (Rô. 3:10, 23; 5:8).

Lịch sử tôn giáo cho chúng ta thấy trước khi Chúa Jêsus giáng sanh, loài người đã có nhiều danh nhân giáo chủ, triết gia nhận biết mọi người đều phạm tội, họ tìm kiếm một con đường giải thoát, giống như một người chết đuối có nhiều người đứng chung quanh, mỗi người chỉ một cách bơi để người đó tự cứu. Kết quả không ai được cứu!

Cảm ơn Chúa, Chúa Jêsus không đến thế giới này để dạy cách tự cứu, nhưng Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời đã hạ mình làm người chịu hi sinh chết thay kẻ có tội. Kinh thánh làm chứng:

I Tim. 1:15, “Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trong thế gian để cứu vớt kẻ có tội, ấy là lời chắc chắn, đáng đem lòng tin trọn vẹn mà nhận lấy”.

Hê. 10:19-20, “Hỡi anh em, vì chúng ta nhờ huyết Đức Chúa Jêsus Christ được dọn dĩa vào nơi rất thánh, bởi đường mới và sống mà Ngài đã mở ngang qua xác Ngài”.

Vì vậy, khi Chúa Jêsus giáng sanh, thiên sứ báo tin cho những kẻ chần chừ ngoài đồng: “Thiên sứ bèn phán rằng: Đừng sợ chi; vì này, ta báo cho các ngươi một tin lành (Luca 2:10-12)

Đoàn thiên sứ trên trời vui mừng hát: - Luca 2:14-15. Loài người đã có một phương pháp được cứu khỏi sự tối tăm mà qua sáng láng, được cứu khỏi quyền lực quỷ Sa-tan mà đến với Đức Chúa Trời, được tha tội, được hưởng gia tài của Đức Chúa Trời. Kỳ diệu thay, chỉ bằng đức tin mà không phải làm gì cả, không cần bàn thờ, không cần của lễ, chỉ bởi tấm lòng và sự thành thật.

Anh chị em chúng ta giống như 4 người phung kia, đã từ trong bóng sự chết, vô phương tự cứu, bây giờ đã và đang nắm bao nhiêu phước hạnh Chúa ban, hãy nói như 4 người phung đã nói: “Chúng ta làm chẳng phải; ngày nay là ngày có Tin Lành, và chúng ta nín lặng sao!”

Mỗi Mùa Kỷ Niệm Chúa Jêsus giáng sanh là mỗi mùa nhắc chúng ta Lời Chúa phán: “Hãy giải cứu kẻ bị đọa đến sự chết...” (Châm. 24:11-12).

II/. THÁI ĐỘ NGÀY CÓ TIN LÀNH. 7:8-9

Tôi không biết bốn người phung này có trình độ nào, từng có địa vị gì. Tuy nhiên, theo luật lệ thời đó hoặc thời nay thì những người phung cũng là những người bị cách ly, phải ở ngoài thành không được đến gần cộng đồng dân cư, đi đâu phải la lên “ô ố” để người khác tránh xa. Nói chung họ là những người bị ghét bỏ.

Cảm ơn Chúa, dù hèn hạ nhưng khi biết và có được Tin Lành thì họ nói:

Chúng ta làm chẳng phải; ngày nay là ngày có Tin Lành, và chúng ta nín lặng sao!

Nếu chúng ta đợi đến rạng đông, thì sự hình phạt chắc sẽ lâm vào chúng ta.

Bốn người phung đã nhận ra im lặng là đồng lõa cách hèn nhát, là hành động không đúng, người không báo Tin Lành chắc chắn sẽ bị phạt.

Nhiều lần Kinh thánh đã nói đến hình phạt cho người tin Chúa Jêsus rồi, biết Tin Lành rồi mà cứ im lặng, không chia sẻ cho mọi người:

Châm. 24:11-12, lời Chúa phán: “Hãy giải cứu kẻ bị đọa đến sự chết, và chớ chối rỗi cho người đi xiêu tó tới chốn hình khổ. Nếu con nói: chúng tôi chẳng biết gì đến; thì Đấng cân nhắc lòng người ta, há chẳng xem xét điều ấy sao? Và Đấng gìn giữ linh hồn con, há không biết đến ư? Chớ thì Ngài sẽ chẳng báo mỗi người tùy theo công việc họ làm sao?”

Êx. 33:1-6, lời Chúa phán: “Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hỡi con người, hãy nói cùng con cái dân ngươi mà rằng: Khi ta sai gươm đến trên một đất nào, và dân đất ấy chọn một người trong chúng nó để đặt kẻ canh giữ, nếu người này thấy gươm đến trong đất, thì thổi kèn để rao báo dân sự. Bấy giờ, hễ ai nghe tiếng kèn mà không chịu răn bảo, và nếu gươm đến bắt lấy nó, thì máu của người ấy sẽ đổ lại trên đầu nó; vì nó có nghe tiếng kèn mà không chịu răn bảo, vậy máu nó sẽ đổ lại trên nó; nhưng nếu chịu răn bảo thì cứu được mạng sống mình. Nhưng nếu kẻ canh giữ thấy gươm đến mà không thổi kèn, đến nỗi dân sự chẳng được răn bảo, và gươm đến mà cất sự sống của người này hoặc người kia đi, thì người đó sẽ chết trong sự gian ác mình; song ta sẽ đòi lại máu nó nơi người canh giữ”

Math. 10:32-33, Chúa Jêsus Christ phán: “Bởi đó ai xưng ta ra trước mặt thiên hạ, thì ta cũng sẽ xưng họ trước mặt Cha ta ở trên trời”.

Xin lời của Chúa chạm đến lòng mỗi chúng ta, xin Thánh Linh cáo trách nếu chúng ta nín lặng, khiến chúng ta là những người có nhiều điều kiện rao báo Tin Lành hơn 4 người phung sẽ không im lặng nữa, sẵn sàng như bọn chăn chiên khi nghe thiên sứ báo tin lành Chúa Jêsus giáng sanh cứu con người, thì họ vội vàng đi đến đó... đã thấy vậy, họ bèn thuật lại... (Luca 2:10-20).

III/. VIỆC CẦN LÀM TRONG NGÀY CÓ TIN LÀNH. 7:10-11

Hai câu Kinh thánh là một tấm huy chương mà Đức Chúa Trời đã ban cho 4 người phung, dù trước mặt con người thì 4 người phung không đáng giá, nhưng trước mặt Đức Chúa Trời thì Đức Chúa Trời đã cho phép ghi vào Kinh thánh công khó của 4 người phung đã làm:

c.10, Chúng liền đi, gọi quân canh cửa thành, thuật cho họ rằng: Chúng tôi có đi đến trại quân Sy-ri, thấy chẳng có ai hết, cũng không nghe tiếng người nào; chỉ thấy những ngựa và lừa đương cột, và những trại bỏ lại như cũ”.

c.11, “Quân canh cửa bèn gọi người đi báo tin ấy vào trong đền vua”.

Những lời này có nhắc anh chị em nhớ đến ai trong ngày có Tin Lành khi Chúa Jêsus giáng sanh không?

Luca 2:10, thiên sứ báo Tin Lành cho bọn chăn chiên.

Luca 2:15-16, bọn chăn chiên vội vàng đi tìm Chúa Jêsus.

Luca 2:17, 20, Bọn chăn chiên bèn thuật lại những gì họ đã nghe thiên sứ phán và những gì họ đã nghe, thấy, họ làm sáng danh Đức Chúa Trời.

Làm việc đó bằng cách nào? Hãy bắt chước bốn người phụng:

c.9, ĐI BÁO TIN – nghĩa là có sao nói vậy, thấy sao nói vậy, nghe sao nói vậy. Không báo TIN VỊT.

c.10, LIỀN ĐI, không chậm trễ, vì họ biết chậm trễ thì hình phạt chắc sẽ lâm vào chính chúng ta.

Hãy xem những người có trách nhiệm báo tin động đất, sóng thần tại Indonesia chậm trễ thì hơn 2.000 người đã chết. Lịch sử hàng hải năm 1912 với tàu Titanic, số người không quan tâm tin báo băng sơn trôi khiến hơn 1.000 người chết.

Những người đó chết chỉ về phần xác, nhưng nếu chúng ta không báo Tin Lành thì đồng bào chúng ta sẽ chết đời đời nơi Hồ lửa và hình phạt chắc sẽ lâm vào chúng ta.

Này ta kíp báo Tin Lành! là ơn Chúa cứu chúng sinh,

Jesus đổ huyết thay dân mình.

Này, ta kíp báo Tin Lành!

Hãy cầu nguyện xin Chúa cho con mời được nhiều người đến nghe truyện tích Chúa Jêsus.

SÁCH II CÁC VUA 12

NHỮNG NGƯỜI BỊ BỎ QUÊN

II Vua 1:9-13.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng được học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời. Trong bài học Kinh thánh hôm nay, tôi xin trích hai bài từ tài liệu NHỮNG VIÊN ĐÁ của Mục sư Ivor Powell do ông Đoàn Phan Danh dịch, nói đến Những Nhân Vật Bị Bỏ Quên trong sách II Các Vua, là nói về Ba Viên Quan Cai, và Người Đền Bà Su-nem.

Đây là bài thứ nhất: Ba Viên Quan Cai trong sách II Các Vua đoạn 1 với đại ý: “Họ trèo lên một ngọn núi để chết [II Vua 1:9-13]

Cả nước đều nói đến sự kiện quan trọng đó. Vua A-cha-xia đã té ngang qua song lầu mình, và bị thương rất trầm trọng. Tin tức truyền đi thật nhanh chóng, có nhiều người sợ rằng hậu quả sẽ trầm trọng thêm. Nhà vua nằm trên giường mình trần trụi với những nỗi sợ hãi, và tâm thần của vua mỗi ngày càng tệ hại thêm. Không thể nằm chờ đợi hoài được, vua A-cha-xia sai sứ giả đi đến các thầy tế lễ của các tà thần ở Éc-rôn, để tìm kiếm sự chỉ dẫn liên quan đến hậu quả tai nạn.

Không lâu sau, những người được sai đi đã trở về với những tin tức nói rằng một vị tiên tri vừa gặp họ và loan báo những lời lẽ chỉ ra số phận sắp xảy đến. Kinh thánh ghi: “Nhưng thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán với Ê-li, người Thi-sê-be, rằng: Hãy chỗi dậy, đi lên đón các sứ giả của vua Sa-ma-ri, và nói với họ rằng: Trong Y-sơ-ra-ên há không có Đức Chúa Trời sao, nên người đi cầu vấn Ba-anh-Xê-bụt, thần của Éc-rôn? Bởi cớ đó, Đức Giê-hô-va phán như vậy: Người sẽ không xuống khỏi giường mà người đã lên, nhưng hắn sẽ chết”. (II Vua 1:1-4).

Vua A-cha-xia bèn hỏi họ rằng: “Người đi lên đón các người và nói những ấy ra sao? Chúng thưa: Người đó mặc áo lông, và thắt lưng bằng dây da. Vua nói rằng: Ấy là Ê-li, người Thi-sê-be” (1:7-8). Ngay lập tức vua A-cha-xia ra lệnh bắt người đầy tớ trung thành của Đức Giê-hô-va. Trong lúc ấy, tiên tri Ê-li ngồi bình tĩnh trên một ngọn núi cao chờ đợi hành động trả đũa của vị vua đang giận dữ.

VIÊN QUAN CAI DỨNG DỪNG.

Kinh thánh ghi: “Vua bèn sai một quan cai năm mươi lính đi với năm mươi lính mình lên cùng Ê-li... nói với Ê-li rằng: Hỡi người của Đức Chúa Trời, vua đòi ông xuống”. Bối cảnh trên sườn núi trở thành một tấm thảm kịch, chính quan nghiệp của viên quan cai này sắp chấm dứt rồi. Viên quan cai này nghĩ rằng mạng lệnh của vua là tối thượng; còn vị tiên tri không phải làm gì khác hơn là phải tuân theo. Đối với viên quan cai đây chỉ là việc bình thường mà thôi, nhất thiết phải hoàn thành mau chóng, điều tốt nhất là: ‘Hỡi người của Đức Chúa Trời, hãy mau xuống’. Thái độ của viên quan cai đã phản ánh thời kỳ của quốc gia. Sự kính sợ Đức Chúa Trời là một việc của quá khứ, sự tôn trọng các đầy tớ của Đức Chúa Trời không còn nữa. Các khuynh hướng này phải được ngăn chặn trước khi thảm kịch sau cùng ập đến trên quốc gia. Bối cảnh ở trên núi giống như một màn kịch của quốc gia vậy. Đôi mắt của khán giả vùng thôn dã đang quan sát phần thảm kịch sắp bày ra. “Nhưng Ê-li đáp cùng quan cai năm mươi lính rằng: Nếu ta là người của Đức Chúa Trời, nguyện lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt người, luôn với năm mươi lính của người đi! Lửa từ trên trời liền giáng xuống thiêu đốt quan cai và năm mươi lính của người” (1:10). Và Ê-li nhất quyết ngồi đợi những người kẻ đó sẽ đến.

VIÊN QUAN CAI THIỀU HIỂU BIẾT.

Kinh thánh ghi: “A-cha-xia lại sai đến Ê-li một quan cai năm mươi lính khác đi với năm mươi lính người. Quan này nói với Ê-li rằng: Hỡi người của Đức Chúa Trời, vua phán như vậy: Hãy mau mau xuống” (1:11).

Những lời lẽ kèm theo hành động ra lệnh giống như một khung cửa sổ qua đó chúng ta có thể nhìn thấy viên quan cai này kiêu căng và tự phụ. Viên quan cai này biết rõ phải làm gì và dự định làm theo điều đó. Ông ấy không phải là một người xấu: “Hãy mau mau xuống”. Ông ta rất khác biệt với viên quan cai kia, và không một ai có thể tố cáo ông ta về sự dửng dưng. Ông ta làm việc rất có hiệu quả. Ông ta không sợ Đức Chúa Trời và không sợ người của Đức Chúa Trời. Lệnh của ông ta phải được tuân theo ngay tức khắc, hoặc sẽ có rắc rối lớn cho người của Đức Chúa Trời bất tuân lệnh của ông ta. Dường như ông ta không hiểu biết gì về oai quyền của Đức Chúa Trời, không hiểu biết gì về quyền năng và luật pháp của Đức Chúa Trời. Ông ta quả thật không biết gì về năng lực thuộc của Ê-li. Than ôi, ông ta và người của ông ta đều bị hư mất.

VIÊN QUAN CAI KHÔN NGOAN.

Khi tin tức về thảm họa thứ hai truyền đến toàn quân và toàn dân, sự sợ hãi đã tra tay trên mọi tấm lòng. Khi vua A-cha-xia quyết định sai một toán quân thứ ba đi tìm bắt vị tiên tri của Đức Chúa Trời, viên quan cai thứ ba được chỉ định nhận nhiệm vụ biết rằng đã đến lúc cuộc khủng hoảng lớn lao nhất trong cuộc đời.

Quan cai này lên đến, quỳ gối xuống trước mặt tiên tri Ê-li, cầu xin người của Đức Chúa Trời rằng: “Hỡi người của Đức Chúa Trời, xin ông xem quý trọng mạng sống của tôi và mạng sống của năm mươi người này, là kẻ tôi tớ ông. Kia, lửa đã giáng từ trời, thiêu nuốt hai quan cai năm mươi lính trước, và năm mươi lính của họ; nhưng bây giờ, xin xem mạng sống tôi là quý trọng trước mặt ông” (II Vua 1:13-14). Thái độ của viên quan cai này cho thấy ông kính sợ Đức Chúa Trời, và tôn kính tiên tri của Đức Chúa Trời. Vị quan cai này nói với Ê-li: “Năm mươi người này, là kẻ tôi tớ ông”, cho thấy ông ta công nhận Ê-li là người của Đức Chúa Trời, người thực sự là chủ tình thế. Mạng lệnh Ê-li, người của Đức Chúa Trời có uy quyền lớn hơn mạng lệnh của vua A-cha-xia, vì vậy, viên quan cai khôn ngoan mau lẹ vâng theo lời của Ê-li thay vì theo lệnh của vua. Lời nài xin của viên quan cai khôn ngoan đã cứu mạng sống ông với năm mươi lính hiện diện lúc đó.

Chúng ta thấy Chúa luôn đoái đến người có tấm lòng khiêm nhường. Lời Đức Chúa Trời qua sách II Các Vua vẽ lên bức tranh xa xưa này, bởi ân điển đã cung cấp một ý nghĩa tương đương trong Tân Ước. Một người Pha-ri-si và một người thu thuế cùng lên đền thờ cầu nguyện. Người Pha-ri-si tự xưng là công bình tiến đến gần bàn thờ, rồi trình ra những phần đạo hạnh của mình; còn người thu thuế đứng xa xa, ông ta vào tận tấm lòng của Đức Chúa Trời. Viên quan cai khôn ngoan và người thu thuế giống như hai người song sinh. Gương của hai người đáng cho bất kỳ người nào tìm kiếm bạn đồng hành phải noi theo.

Bài thứ hai trong Tài liệu “Những Viên Đá” nói đến nhân vật: NGƯỜI ĐÀN BÀ Ở SU-NEM, được ghi trong sách II Các vua 4:8-37.

Hôm nay, nhờ ơn Chúa, chúng ta sẽ cùng học về gương của một người phụ nữ vô danh nhưng đã được Chúa ghi lại những việc bà đã làm từ lòng yêu mến Chúa thể hiện qua cách đón tiếp người của Đức Chúa Trời là Ê-li-sê, cũng để xác chứng lời của Chúa Jesus Christ đã phán: “Bấy giờ, vua sẽ phán cùng những kẻ ở bên hữu rằng: Hỡi các người được Cha ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy nước thiên đàng đã sẵn sẵn cho các người từ khi dựng nên trời đất... Vua sẽ trả lời rằng: Quả thật, ta nói cùng các người,

hễ các người đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy” (Math. 25:34-40).

Kinh thánh ghi: “Một ngày kia, Ê-li-sê đi ngang qua đất Su-nem. Ở đó có một người đờn bà giàu”. Các quốc gia Đông phương thường nhìn phụ nữ với một sự xem thường, cho nên phải nói là thú vị khi thấy người đờn bà Su-nem được Chúa ghi công khó của bà trong thời kỳ đầy tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên.

NGƯỜI ĐỜN BÀ GIÀU MÀ TỬ TẾ.

Chúng ta có thể nhìn thấy con đường dài đầy bụi cùng một nông trại ở phía sau cánh đồng. Ánh mặt trời chiếu rọi từ bầu trời không gợn một chút mây trong lúc người đờn bà mơ màng nhìn qua vùng thôn dã. Đột nhiên bà ta nhìn thấy hai lữ khách có vẻ mệt mỏi lảo đảo đi dọc theo con đường, và đã kinh ngạc khi thấy tại sao họ không chịu dừng lại nghỉ ngơi. Người đờn bà sắp xếp một cuộc tiếp đón Ê-li-sê và đầy tớ của ông, cả hai thật biết ơn khi bước vào căn nhà tử tế. Đức Chúa Trời giàu ơn đã ban thưởng cho sự tử tế của người đờn bà Su-nem, Chúa đáp ứng thành mọi ước ao trong linh hồn bà, Chúa đã ban cho bà một đứa con trai, thế rồi sự chết lại phủ bóng trên đứa trẻ, bà ta kêu cầu cùng đầy tớ của Đức Chúa Trời và đứa trẻ được trả lại sự sống. Câu chuyện nói đến biến cố quan trọng này được ghi lại ảnh hưởng sâu đậm về sau.

NGƯỜI ĐỜN BÀ GIÀU VÂNG LỜI CHÚA.

“Ê-li-sê bèn nói với người đờn bà, là mẹ của đứa trai mà người đã khiến sống lại, rằng: Hãy chỗi dậy, đi với người nhà ngươi, ở ngụ nơi nào ngươi ở được, vì Đức Giê-hô-va đã định dẫn cơn đói đến; kia nó sẽ đến trong xứ bảy năm. Vậy, người đờn bà ấy đứng dậy, vâng theo lời của người Đức Chúa Trời” (8:1-2).

Người đờn bà không dễ gì rời bỏ sản nghiệp của bà, vì bà không có một sự đảm bảo nào bà có thể thấy lại chúng, rồi người ta sẽ đến ở trong nhà của bà, và đất đai của bà sẽ có người đến canh tác. Song, bà đã vâng lời của người Đức Chúa Trời. “Bà cùng gia đình đi kiều ngụ bảy năm trong xứ Phi-li-tin. Chúng ta rất muốn hỏi có khi nào bà lo lắng về những thứ bà bỏ lại không? Hoặc có phải bà đã yên nghỉ trong đức tin khi tin chắc Đức Chúa Trời là Đấng đã khởi làm một việc tốt lành cũng có quyền làm trọn việc ấy không?”

NGƯỜI ĐỜN BÀ NHẬN PHẦN THƯỞNG ĐỨC TÍN.

Trường hợp của người đờn bà Su-nem dường như vô vọng sau bảy năm trở về quê hương, bà kêu nài với vua về đất đai của mình. Kinh thánh ghi: đột nhiên nhà vua lại quan tâm đến công khó của vị tiên tri, nhà vua ao ước được nghe những phép lạ, nên miễn cưỡng cho đòi đầy tớ của Ê-li-sê là Ghê-ha-xi đến gặp vua, dù Ghê-ha-xi đã bị đuổi khỏi cộng đồng do bị Ê-li-sê phạt bịnh phung.

Có rất nhiều chuyện lạ mà Ê-li-sê đã làm, song Ghê-ha-xi lại nói về sự sống lại của con trai người đờn bà Su-nem. Ngay lúc ấy, Đức Chúa Trời đã đưa người đờn bà Su-nem này từ xứ Phi-li-tin xa đến đúng lúc nhà vua nghe kể con trai bà được Ê-li-sê khiến sống lại. Tất cả khớp với nhau, và Ghê-ha-xi liền tâu: “Ôi, vua chúa tôi! Kia là người đờn bà ấy, và này là con trai nàng mà Ê-li-sê đã làm cho sống lại. Vua bèn hỏi nàng, thì nàng thuật công việc cho người. Đoạn, vua cắt một quan hoạn theo nàng, mà rằng: Hãy bắt trả lại cho nàng mọi món nào thuộc về nàng, và hết thảy huê lợi của đồng ruộng nàng từ ngày nàng lìa khỏi xứ cho đến ngày nay” (II Vua 8:5-6).

Đức Chúa Trời của bà biết rõ Ngài sẽ làm gì, và người đờn bà được an ninh trong sự chăm sóc của Chúa. Người đờn bà đã tìm kiếm Đức Chúa Trời và sự công bình của Chúa trước hết, thế là mọi điều khác Đức Chúa Trời lại cho bà thêm.

Tôi tin nên tôi muốn chia sẻ cùng Quý vị.

I SŮ KÝ

SÁCH I SỬ KÝ 1

TÊN SÁCH

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau có cơ hội học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời. Ngoài mục đích chúng ta nghiên cứu Kinh thánh, chính Chúa Jêsus Christ đã phán: “Vậy, kẻ nào nghe và làm theo lời ta phán đây, thì giống như một người khôn ngoan cất nhà mình trên hòn đá. Có mưa sa, nước chảy, gió lay, xô động nhà ấy; song không sập, vì đã cất trên đá” (Math. 7:24-25).

Đời người chúng ta chắc chắn sẽ khó tránh khỏi những lúc gặp mưa sa, nước chảy, gió lay, xô động, với sức con người thường là thua cuộc, trong hoàn cảnh đó, người có Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời để làm theo chắc chắn sẽ vững vàng. Tôi đã đọc quyển DÂN DO THÁI – 2.000 NĂM, hiện đang đọc quyển: Y-sơ-ra-ên – MIỀN ĐẤT HỨA CỦA TÔI (My Promised Land), tôi nhận ra dân Y-sơ-ra-ên đã trải qua bao nhiêu là mưa sa, nước chảy, gió lay, xô động, nhưng mỗi khi họ quay về Kinh thánh là lời Đức Chúa Trời, ngay cả hiện tại thế kỷ 21 này, thì họ đã vượt qua những tình cảnh bi đát, không phải là phép màu biến hóa kiểu ngồi chờ sung rụng, mà là họ làm theo những lời Đức Chúa Trời đã chỉ dạy họ, từ cách ăn nết ở, đến kinh tế, quân sự, v.v..., họ được Đức Chúa Trời ban sức mạnh tuyệt vời. Thế giới nhìn vào quốc gia nhỏ bé Y-sơ-ra-ên hiện nay sẽ thấy Kinh thánh cần cho con người biết bao.

Và chúng ta đã học qua sách Sa-mu-ên, sách Các Vua, chắc chắn là những bài học quý mà Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời ghi lại để dạy loài người chúng ta cách sống cá nhân, cách sống gia đình, và ước mong rằng cả dân tộc chúng ta cũng được phước như vậy. Hôm nay, Chúa cho chúng ta tiếp tục học sách I Sử ký để thấy rõ một người, một gia đình, một dân tộc được Chúa chọn làm tuyển dân của Đức Chúa Trời có những phước gì.

Theo thường lệ, chúng ta sẽ bắt đầu học sách I Sử ký với bài học về: TÊN SÁCH.

Theo Nguyên ngữ Hi-bá-lai:

Chúng ta đã nói nhiều lần, Kinh thánh là lời Đức Chúa Trời gồm hai phần: Cựu Ước và Tân Ước. Phần Cựu Ước hầu hết được viết bằng tiếng Hi-bá-lai, tức là cổ ngữ Y-sơ-ra-ên. Hi-bá-lai văn hay tiếng Do thái cổ thuộc nhóm ngôn ngữ Sémitique, dòng dõi Sem (Sáng. 10:21-31), được các dân tộc ở vùng Địa Trung Hải, xứ Ca-na-an tức xứ Palestine, và vùng Bán đảo Arabia sử dụng.

Loại ngôn ngữ này gồm 22 chữ cái, cách viết là từ bên mặt qua trái, liền nhau. Lúc đầu tiếng Hi-bá-lai không có nguyên âm, nên để đọc nhầm lẫn, nhất là dùng chữ thay số càng dễ đọc nhầm.

Thí dụ: Sáng. 47:31, chữ HMTTH có thể đọc là HamiTtâh nghĩa là 'Cái Giường'; cũng có thể đọc là HamaTteh có nghĩa là 'Cây Gậy'

Đến năm 500 SC., để giúp cho việc đọc dễ hơn, một số Học giả Kinh thánh người Do thái, gọi là Nhóm Massorah, tại Trung Tâm Ti-bê-ri-át, đã đặt thêm nguyên âm cho Kinh thánh tiếng Hi-bá-lai với các nguyên tắc:

Không thêm phụ âm nào

Nguyên âm chỉ là những dấu thêm ở dưới phụ âm

Những gì cần sửa thì ghi ngoài lề

Những ghi chú của các nhà thông thái từ trước cũng được ghi lại phía dưới hay đầu trang.

Đến nay văn tự Hi-bá-lai cũng không thay đổi so với sự thay đổi của một số ngôn ngữ của các dân tộc khác.

Giống như I & II Samuên, và I & II Các Vua, hai sách Sử ký trong nguyên bản Hi-bá-lai cũng là một quyển với tên sách là: “Những sự kiện diễn ra hằng ngày” (Dibrê Hayyyâmim – Events of the days).

Hi Lạp:

Lịch sử thế giới cho chúng ta biết trong 10 năm từ 333 đến 323 TC., khi dẫn quân chinh phục thế giới thời đó, A-Lịch-Sơn Đại Đế đã theo đuổi chính sách bành trướng văn hóa Hi Lạp, nên đi đến đâu, vua cũng đều gieo rắc văn hóa Hi Lạp qua Hi Văn.

Với tinh thần đó, vào thế kỷ thứ III TC. một Tướng của A Lịch Sơn khi làm vua vùng Ai Cập, là Ptolemy, đã lập một thư viện Hi văn tại thành phố Alexandria (Bắc Phi) với các sách đều bằng tiếng Hi Lạp. Như vậy, Ptolemy đã ra lệnh dịch Kinh Cựu Ước từ tiếng Hi-bá-lai sang tiếng Hi Lạp, đó là Bản Bảy Mươi nổi tiếng.

Vì vậy, các trước giả Tân Ước dù sống trong chế độ cai trị của người La Mã, nhưng vẫn chịu ảnh hưởng chung văn hóa Hi Lạp như dân chúng toàn Đế quốc La Mã, họ đã viết các sách Tân Ước bằng tiếng Hi Lạp phổ thông, không phải Hi Văn Triết học như các Triết gia Plato hay của Xenophon nổi tiếng lúc bấy giờ.

Trong khi chuyển dịch sang tiếng Hi Lạp (Bản 70 - Septuagint Version, thế kỷ thứ III TC.), sách Sử ký được chia 2 phần và đặt tên là “Những điều bị bỏ quên”. Sự phân chia thành hai sách như chúng ta đã biết là vì giới hạn chiều dài của vật liệu làm sách thời đó. Nhưng tên sách là “Những điều bị bỏ quên” có lẽ các dịch giả 70 cho rằng sách này ghi lại những điều mà hai sách I & II Samuên, I & II Các Vua đã bỏ quên không đề cập đến.

Bản La-tinh:

Tên sách là Sử ký (Chronicle) được gọi vào thời thánh Jerôme, người đã dịch Kinh Thánh từ tiếng Hi-bá-lai sang tiếng La-tinh (385-405 SC). Bản dịch này là Bản “Latin Vulgate”, được nổi tiếng từ thời Giáo Hoàng Gregory I (540-604), được Công Đồng Trent công nhận (1.562) là bản dịch chính thức và cho lưu hành.

Trong Bản Latin Vulgate, sách có tựa đề là “Sách ghi chép chuyện xảy ra” (Book of Chronicle).

Bản Việt ngữ:

Bản Việt ngữ cũng lấy tên là Sử Ký. Theo định nghĩa thì:

SỬ = việc đã qua của một nước hay của thế giới được ghi chép lại.

KÝ = sách ghi nhớ, ghi chép.

Vì nội dung của sách Sử ký là ghi chép những chuyện đã qua của nước Y-sơ-ra-ên, nói chung cả hai vương quốc, nên sách Sử Ký trong Kinh Thánh là sách ghi chép những việc đã qua của nước Y-sơ-ra-ên, với những điều có liên quan chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời qua tuyển dân.

Có một người hỏi một vị mục sư: 'Theo Mục sư thì Kinh thánh ghi chép đủ mọi việc phải không?'. Vị mục sư xác nhận đúng. Người ấy hỏi tiếp: 'Thế thì Kinh thánh có ghi việc Chúa Jêsus đi tiêu không?' Vị mục sư trả lời: 'Ông ơi, nếu việc đó có liên quan đến sự cứu rỗi cho ông, thì Đức Chúa Trời đã cho ghi vào Kinh thánh rồi'.

II/. NGUỒN TÀI LIỆU VIẾT SÁCH:

Có độ 15 tài liệu được tham khảo để viết sách Sử ký:

1. I Sử ký 29:29, sách của Samuên
2. I Sử ký 29:29, sách của Nathan
3. I Sử ký 29:29, sách của Gát
4. II Sử ký 9:29, sách của Nathan
5. II Sử ký 9:29, sách của Ahigia
6. II Sử ký 9:29, sách dị tượng của Giê-đô (Iddo)
7. II Sử 12:15, sách truyện của Sêmagia
8. II Sử 12:15, sách truyện của Y-đô
9. II Sử ký 13:22, sách truyện của Y-đô
10. II Sử ký 20:34, sách truyện của Giê-hu
11. II Sử ký 24:27, sách truyện của các vua
12. II Sử ký 26:22, sách do Ê-sai chép về công việc của Ô-xia
13. II Sử ký 27:7, sách của các vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa
14. II Sử ký 32:32, sách dị tượng của Ê-sai
15. II Sử ký 33:19, sách của Hô-xai

CHÚ Ý:

Ba lần dùng sách của các vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa (II Sử 27:7; 35:27; 36:8).

Bốn lần dùng sách của các vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên (II Sử 16:11; 25:26; 28:26; 32:32).

Hai sách này dường như là một. Nhưng chắc chắn không phải là sách Các Vua hay Sử ký mà chúng ta hiện có trong Kinh Thánh.

Điều này chứng minh Kinh thánh không phải là sản phẩm tư tưởng của một người, cũng không phải là sách dạng triết lý cao xa, nhưng là một sách được viết ra từ ba yếu tố:

Từ một con người bằng xương bằng thịt, chỉ có một điều khiến người này khác với nhiều người là người này là người tin kính Đức Chúa Trời, dù đời sống có những yếu đuối với bản chất con người, nhưng lòng luôn vâng theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Những người này có những vị trí xã hội khác nhau, trình độ khác nhau, sinh sống trên những vị trí địa lý khác nhau, sống trong những thời gian khác nhau. Nói chung, là

khác nhau nhiều phương diện, nhưng một điều duy nhất tất cả giống nhau là tất cả đều kính sợ Đức Chúa Trời.

Theo như Thánh Luca đã nói trong sách Luca 1:1-4, thì sách mà ông viết ra gồm sách Công vụ các sứ đồ và sách Tin Lành theo thánh Luca, thì như Luca đã nói với độc giả của ông: “Hỡi Thê-ô-phi-lơ quý nhơn, vì có nhiều kẻ dốc lòng chép sử về những sự đã làm nên trong chúng ta, - theo như các người chứng kiến từ lúc ban đầu và trở nên người giảng đạo đã truyền lại cho chúng ta, - vậy, sau khi đã xét kỹ càng từ đầu mọi sự ấy, tôi cũng tưởng nên theo thứ tự viết mà tỏ ra cho ông, để ông biết những điều mình đã học là chắc chắn”. Rõ ràng những người viết sách trong Kinh thánh như Luca, họ có tham khảo tài liệu từ những người từng chứng kiến, có thể là những văn bản kinh nghiệm, có thể là những văn bản truyền khẩu, có thể từ những tài liệu thuộc dạng lịch sử. Nói chung, Kinh thánh cũng là dạng sử được lưu truyền bởi những người có giá trị hiểu biết, sứ đồ Phi-e-rơ xác nhận: “... cũng như Phao-lô, anh rất yêu dấu của chúng ta, đã đem sự khôn ngoan được ban cho mình mà viết thư cho anh em vậy” (II Phi. 3:15).

Điều quan trọng tuyệt đối để xác định các sách được liệt kê vào Kinh thánh là những sách có thần quyền, thuộc kinh điển, ấy là điều sứ đồ Phi-e-rơ đã viết: “Trước hết, phải biết rõ rằng chẳng có lời tiên tri nào trong Kinh thánh lấy ý riêng mà giải nghĩa được. Vì chẳng có lời tiên tri nào là bởi ý một người nào mà ra, nhưng ấy là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời” (II Phi. 1:20-21).

Cảm ơn Chúa, sách I Sử ký cũng như sách II Sử ký là sách lịch sử của một dân tộc, mà dân tộc đó là tuyển dân của Đức Chúa Trời, Chúa đã cho ghi chép lại lịch sử của dân tộc đó không phải chỉ vì tánh chất oai hùng, hoặc có tánh chất huyền thoại, nhưng Kinh thánh khẳng định: “Nhưng các việc này đã chép, để cho các người tin rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin, thì nhờ danh Ngài mà được sự sống” (Giăng 20:21). Và như sứ đồ Phao-lô đã nói với Ti-mô-thê, “từ khi con còn thơ ấu đã biết Kinh thánh vốn có thể khiến con khôn ngoan để được cứu bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ” (II Tim. 3:15).

Xin Chúa cho qua sách Sử ký trong Kinh thánh này, mỗi chúng ta tìm học được hiểu biết cách nào một dân tộc được phước của Đức Chúa Trời, cũng tìm được sự cứu rỗi lạ lùng trong Chúa Jêsus Christ đã được dự bị từ hàng ngàn năm trước khi Chúa Jêsus Christ giáng sanh cứu con người.

SÁCH I SỬ KÝ 2

NGƯỜI VIẾT SÁCH SỬ KÝ.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Chúa đã cho chúng ta học bài thứ nhất về sách I Sử ký, xác định những lợi ích quý báu khi học Lời Chúa. Về mặt thuộc linh, chúng ta có được những phước hạnh mà Đức Chúa Trời đã hứa: người học Kinh thánh và làm theo sẽ được may mắn trong con đường mình và được phước; đồng thời người học Kinh thánh cũng mở rộng tầm hiểu biết về thế giới chung quanh chúng ta, một hiểu biết chẳng những đem chúng ta đến sự khôn ngoan mà còn đem chúng ta đến sự cứu rỗi vô giá mà Đức Chúa Trời dành cho người tin Ngài trong Chúa Jêsus Christ (I Tim. 3:14-15). Chúng ta có thể kể ra những người nhờ Kinh thánh mà được khôn ngoan và được cứu, như:

Giô-suê là người nhờ Kinh thánh là Lời Chúa dạy, ông đã lãnh đạo đoàn dân đông gần 4 triệu người Y-sơ-ra-ên không có phương tiện tàu thuyền vượt sông Giô-đanh mùa nước nổi tiến vào Đất Hứa Ca-na-an. Sau đó, cũng nhờ Kinh thánh, dù chỉ là Bộ Ngũ Kinh với Năm Sách của Môi-se đã bởi Đức Chúa Trời cho phép viết ra, Giô-suê đã chỉ huy một dân tộc còn sơ khai chiếm được xứ đơm sữa và mật, ổn định cuộc sống, sau hơn 400 năm làm nô lệ tại Ai Cập. Chẳng những thế, Giô-suê còn nhờ lời Chúa dạy có một gia đình gương mẫu với câu nói nổi tiếng của ông khi từ giã dân sự hồi hưu: “Ta và nhà ta sẽ phục sự Đức Giê-hô-va” (Giô-suê 24:14).

Cũng nhờ Kinh thánh là lời Đức Chúa Trời, chúng ta nhìn thấy được tình trạng đen tối của một dân tộc không có Đức Chúa Trời và không có lời Đức Chúa Trời phán dạy, như thời kỳ Các Quan Xét. Về thuộc thể thì: “Trong đời Các Quan Xét, một cơn đói kém xảy đến trong xứ” Ru-tơ 1:1); về thuộc linh thì: “Trong lúc đó, lời của Đức Giê-hô-va lấy làm hiếm hoi, và những sự hiện thấy chẳng năng có”. Điều kinh khủng là thời kỳ đen tối của dân tộc không có Đức Chúa Trời, không có Kinh thánh là lời Đức Chúa Trời kéo dài đến 400 năm.

Tuy nhiên, ngoài những vấn đề quá lớn như lịch sử của một dân tộc, Kinh thánh là lời Đức Chúa Trời cũng dạy con người những vấn đề riêng tư, như: khuyến khích người trẻ không sống mặc cảm như Ghê-đê-ôn, nhưng phải biết nhờ ơn Chúa, nhờ sức Chúa sử dụng những ân tứ Chúa cho mình có để vươn lên. Kinh thánh ghi thuật lời Ghê-đê-ôn nói với thiên sứ: “Than ôi! hỡi Chúa, tôi sẽ lấy chi giải cứu Y-sơ-ra-ên? Kìa, trong chi phái Ma-na-se, họ tôi vốn nghèo hơn hết; còn tôi là nhỏ hơn hết trong nhà cha tôi”. Cảm ơn Chúa đã phán với Ghê-đê-ôn: “Ta sẽ ở cùng ngươi, và ngươi sẽ đánh bại dân Ma-đi-an như đánh một người” (Các Quan Xét 6:15-16). Lời Chúa là Kinh thánh cũng dạy người trẻ cẩn thận trong chuyện tình yêu nam nữ, tránh những cảm xúc theo mắt mình ưa thích, như Sam-sôn, một người đáng lẽ có được những vinh quang mà Đức Chúa Trời dự bị cho Sam-sôn, “Sam-sôn đi xuống Thim-na, thấy một người nữ trong vòng các con gái Phi-li-tin. Người đã trở lên, thuật điều đó cho cha mẹ mình, mà rằng: Con có thấy tại Thim-na một người nữ trong vòng các con gái Phi-li-tin... Xin cha hãy cưới nàng đó cho con, vì nó đẹp mắt con”. Rồi một lần nữa Sam-sôn quên lời Đức Chúa Trời dạy về tình yêu và quên địa vị Na-xi-rê của mình, nên “sau đó, người yêu mến một người nữ ở trong trũng Sô-réc, tên là Đa-li-la” (Các Quan Xét 14:1-3). Tiếc thay Sam-sôn đã đùa giỡn trong tình yêu mà trở thành tù khổ sai nô lệ cho dân Phi-li-tin, bị móc mắt, cuối cùng Sam-sôn ăn năn vùng lên trước khi chết chung với kẻ không có Đức Chúa Trời (Các Quan Xét 16:28-29).

Tiếp theo, chúng ta có những bài học cho gia đình. Như tôi thường nói nàng Ru-tơ đã biết yêu thương người khó thương nhất trên thế giới, đó là bà mẹ chồng Na-ô-mi. Khi đọc những lời của Ru-tơ nói với mẹ chồng, thì chúng ta sẽ nhận ra lý do nàng dâu thương mẹ chồng và ngược lại mẹ chồng thương nàng dâu, “Ru-tơ thưa rằng: Xin chớ nài tôi phân rẽ mẹ; vì mẹ đi đâu, tôi sẽ đi đó; mẹ ở nơi nào, tôi sẽ ở nơi đó. Dân sự của mẹ, tức là dân sự của tôi. Đức Chúa Trời của mẹ, tức là Đức Chúa Trời của tôi”. Một

người mẹ, dù là mẹ chồng, nhưng có đời sống kính Chúa yêu người như Na-ô-mi, trong cảnh khổ cùng cực, đã cảm hóa nàng dâu liễu chết theo bà. Tôi tin rằng người Việt Nam nào đọc đến những lời của Ru-tơ, chắc chắn cảm động trước Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời.

Rồi với bà An-ne để lại cho các bậc cha mẹ cách dạy con tuyệt vời: dạy con từ lúc con chưa thành hình trong lòng mẹ, An-ne dạy con biết Chúa bằng cách dắt con đến đền thờ; và An-ne dạy con bằng cách theo từng tuổi của con lớn lên mỗi năm (I Sa-mu-ên 1:10-11, 24-28; 2:18-19). Dù ở trong thế kỷ 21, phương pháp dạy con này vẫn là tiêu chuẩn cho cha mẹ.

Với sách Sa-mu-ên, người học Kinh thánh là lời Đức Chúa Trời có được những hình mẫu người không kính Chúa thì không thể yêu người, dù đối với người cha già Hê-li trên chín mươi tuổi, hoặc vua Sau-lơ không vâng lời Chúa bị Chúa bỏ. Ngược lại, người kính Chúa thì yêu người và được Chúa ban may mắn và được phước, như Đa-vít.

Hôm nay, chúng ta sẽ học sách Sử ký, bài học này có mục đích để biết về người viết sách Sử ký, trong đó có sách I Sử ký, đáng tin không, bởi đó, chúng ta mới xác quyết lời hứa của Đức Chúa Trời ban may mắn và phước lành cho người học Kinh thánh và làm theo.

Như bài trước, chúng ta đã biết có ít nhất 15 nguồn tài liệu để người viết sách Sử ký tham khảo viết sách I & II Sử ký, điều đó chứng tỏ những điều:

Thứ 1: Người viết sách Sử ký là người có sự hiểu biết rất rộng, nhất là phải có một địa vị cao để nhờ đó có thể tiếp cận những tài liệu sử một quốc gia.

Chúng ta đều biết Văn Khố của quốc gia thuộc hàng quốc cấm, chỉ những quan chức cao cấp mới được tiếp cận những tài liệu trong Văn Khố, vì vậy, người viết sách Sử ký phải là người có thẩm quyền trong triều đình mới có thể tiếp cận những tài liệu lịch sử quan trọng và nhiều điều để sắp soạn thành sách Sử ký.

Thứ 2, Người viết sách Sử ký có một trình độ hiểu biết cao và đã dùng sự hiểu biết của mình để đọc, rồi so sánh, chọn lọc, sưu tập lại những tài liệu những người khác đã viết ra trước đó.

Những tài liệu được viết trước đó như đã ghi nhận trong bài 1 là của những người có trình độ và địa vị cao trọng, như tiên tri kiêm Quan Xét Sa-mu-ên, tiên tri Na-than, tiên tri Gát, là những tiên tri có địa vị thân cận vua Đa-vít và vua Sa-lô-môn; như tiên tri Ê-sai bên cạnh vua Ô-xia, vua Ê-xê-chia. Chắc chắn những tài liệu từ những nhân vật quan trọng có giá trị đáng tin.

Thứ 3, trong 6:15 và 9:1-2 ghi rõ mình chứng sách được viết ra sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã bị lưu đày ở Ba-by-lôn về. Bảng gia phổ 3:16-24 ghi chép dòng dõi Giê-chô-nia sau khi bị lưu đày.

Như vậy, người viết sách Sử ký phải biết đầy đủ danh sách những người bị bắt phu tù, cũng như biết rõ danh sách những người từ phu tù Ba-by-lôn trở về. Theo phương pháp loại suy giữa những nhân vật Kinh thánh nói đến trong điều kiện đã nêu, thì có Xô-rô-ba-bên, Nê-hê-mi, và E-xơ-ra, nhưng chính xác thì Xô-rô-ba-bên không viết sách nào, còn Nê-hê-mi không phải thầy tế lễ, duy một mình E-xơ-ra thỏa mãn các điều kiện biết rõ lịch sử tiền lưu đày, lưu đày và hậu lưu đày. E-xơ-ra lại vừa là Văn sĩ, nghĩa là giỏi văn chương, vừa là thầy tế lễ nên thạo việc liên quan đền thờ, quan tâm Kinh thánh.

Thứ 4, đoạn 3:17-24 nói đến gia phổ của Xô-rô-ba-bên, tham khảo với Ma-thi-ơ 1, sách được viết ra trong thời của E-xơ-ra hay Nê-hê-mi, là những người đồng thời hậu lưu đày

Thứ 5, chủ đề của sách Sử ký là Đền thờ, nên người viết phải là thầy tế lễ hay người Lê-vi là những người có chức vụ liên quan đến đền thờ. Sau 70 năm bị lưu đày trở về, người Y-sơ-ra-ên không quan tâm tái thiết đền thờ đã bị tiên tri A-ghê đã nhơn danh Chúa quả trách dân Y-sơ-ra-ên với những lời rất mạnh trong sách A-ghê 1:2-8.

Với ba người đưa dân Y-sơ-ra-ên hồi hương từ Ba-by-lôn về, là Xô-rô-ba-bên, Nê-hê-mi và E-xơ-ra, thì chỉ có E-xơ-ra là người quan tâm tái thiết đền thờ, vì ông là thầy tế lễ, đã đứng lên tổ chức việc xây lại đền thờ hậu lưu đày. Chắc chắn để hỗ trợ công cuộc tái thiết đền thờ, thầy tế lễ E-xơ-ra đã dùng những tài liệu để viết sách Sử ký với chủ điểm là “Đền Thờ”.

Các học giả Kinh Thánh người Hê-bơ-rơ đa số đều đồng ý cách hành văn của sách Sử ký là văn thời hậu lưu đày vì có pha lẫn tiếng A-ram, là ngôn ngữ người Hê-bơ-rơ học được lúc bị lưu đày tại Ba-by-lôn. Căn cứ vào điều đó, đa số đồng ý với truyền thuyết của người Y-sơ-ra-ên như Bản Talmud cho rằng E-xơ-ra là người viết sách Sử ký.

Xét về tấm lòng yêu Chúa và yêu dân tộc Y-sơ-ra-ên của mình, kinh nghiệm cho E-xơ-ra thấy 70 năm lưu đày tạo ra một nhu cầu rất khẩn cấp là dân Chúa không có Lời Chúa, cần có một nơi để dân Chúa học Lời Chúa, do đó, Kinh thánh đã ghi lại việc E-xơ-ra quyết định thực hiện ý định mà E-xơ-ra đã nuôi dưỡng khi dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên hồi hương từ Ba-by-lôn về tới Giê-ru-sa-lem: “Và, ngày mồng một tháng giêng, người ở Ba-by-lôn khởi hành; rồi ra nhờ tay nhân lành của Đức Chúa Trời phù trợ, người đến Giê-ru-sa-lem ngày mồng một tháng thứ năm. Vì E-xơ-ra đã định chí tra xét luật pháp của Đức Giê-hô-va, giữ làm theo, và dạy cho dân Y-sơ-ra-ên biết những luật pháp và giới mạng” (E-xơ-ra 7:10). Với khả năng, cộng với tấm lòng, E-xơ-ra được các học giả Y-sơ-ra-ên và các Công đồng Hội thánh chung công nhận E-xơ-ra là người đã sưu tập các sách Cựu Ước sau khi bị lưu đày được tha về.

Chúng ta chưa có một bằng chứng nào mạnh mẽ đủ để chống lại ý kiến cho E-xơ-ra là tác giả. Không một người nào mà chúng ta từng biết có đủ những điều kiện đã nêu trên.

Cảm ơn Chúa, với trình độ đáng tin cậy của E-xơ-ra, người đọc sách Sử ký sẽ tìm được những tư liệu chính xác trong dòng lịch sử người Y-sơ-ra-ên cũng là tiến trình lịch sử Chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời ban cho nhân loại qua Chúa Jê-sus Christ.

Với tấm lòng yêu Chúa yêu người của E-xơ-ra, người đọc sách Sử ký chắc chắn tìm được cho mình những gương mẫu yêu Chúa yêu người dù trải qua những thăng trầm lịch sử, cuối cùng của sách Sử ký khiến chúng ta tìm được Đức Chúa Trời yêu thương không bẻ cây sậy gần gãy, chẳng tắt ngọn đèn gần tàn, Chúa có đánh cho bị thương, nhưng Chúa cũng đã chữa lành cho. Xin Chúa cho không ai trong chúng ta bỏ qua việc đọc và học sách Sử ký này.

SÁCH I SỬ KÝ 3

CHỦ ĐỀ CỦA SÁCH I SỬ KÝ.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta có cơ hội được cùng nhau học Kinh thánh là lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay, chúng ta tiếp tục học sách I Sử ký với đề tài là: “Chủ Đề của sách”. Chủ đề của sách I Sử ký được đa số người học chọn là Đền Thờ.

Như trong bài 1, chúng ta đã được chứng minh người viết sách Sử ký phải là thầy tế lễ hay người Lê-vi, tức người có liên quan đến đền thờ, bằng chứng đó giúp củng cố Chủ đề của sách là Đền thờ, và người đáp ứng đủ điều kiện viết sách Sử ký chính là thầy tế lễ học giả E-xơ-ra sau ngày hồi hương từ Ba-by-lôn.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHỦ ĐỀ ĐỀN THỜ:

Lịch sử loài người đã nêu ra nhiều bằng cứ chứng minh loài người khác hơn muôn vật, từ dáng đi thẳng mặt ngược nhìn lên, đến những cách bày tỏ tình yêu của con người với nhau, đến ngôn ngữ, v.v... và một trong những bằng cứ phân biệt con người với các loài là Nhu Cần Thờ Phụng Đấng Tạo Hóa. Nhu cần thờ phụng đó thể hiện qua các tôn giáo, mà tôn giáo nào cũng dựng lên một chỗ thờ phụng là Đền thờ.

Người Y-sơ-ra-ên cũng không ngoại lệ, Kinh thánh ghi lại tổ phụ loài người sau những ngày nghe lời ma quỷ đi theo đường riêng do ma quỷ dựng lên để cám dỗ, loài người bị Đức Chúa Trời đuổi khỏi vườn Ê-đen, đời sống để hận thù ganh ghét khiến người anh là Ca-in đã giết em mình (I Giăng 3:12), thì tổ phụ loài người đã nhận ra nhu cần quay lại với Đức Chúa Trời tạo hóa, Kinh thánh ghi: “A-đam còn ăn ở với vợ mình; người sanh được một con trai đặt tên là Sết; vì vợ rằng: Đức Chúa Trời đã cho tôi một con trai khác thế cho A-bên mà đã bị Ca-in giết rồi. Sết cũng sanh được một con trai, đặt tên là Ê-nót. Từ đây, người bắt đầu cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va” (Sáng. 4:25-26).

Từ đó, loài người dù có tin thờ Đức Chúa Trời hay không cũng tìm một chỗ để thờ phụng Đấng Tạo hóa. Đối với dân Y-sơ-ra-ên ngay khi còn ở trong kiếp nô lệ tại Ai Cập, từ đáy lòng của họ cũng nhìn biết Đức Chúa Trời Hằng sống của tổ phụ Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, chắc chắn nhiều lần trong cảnh khổ, người Y-sơ-ra-ên đã kêu cầu với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phán với Môi-se: “Đức Giê-hô-va phán rằng: Ta đã thấy rõ ràng sự cực khổ của dân ta tại xứ Ê-díp-tô, và có NGHE THẤU TIẾNG KÊU RÊU vì có người đốc công của họ...” (Xuất. 3:7-10).

Có thể trong những tiếng kêu rêu đó phát từ vô thức của một số người nhìn nhận Đức Chúa Trời nhưng không biết rõ Đức Chúa Trời, như người Việt Nam buột miệng kêu “Trời ơi”. Kinh thánh khẳng định: “Vi điều chi có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi” (Rô. 1:19).

Chính từ ý thức Đức Chúa Trời thực hữu, nên khi giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, Đức Chúa Trời đã dạy Môi-se dựng một Đền Tạm giữa dân sự, một Đền Thờ Tạm đang khi lưu lạc trong đồng vắng 40 năm. Vị trí của Đền Tạm được Chúa ra lệnh đặt ở trung tâm Trại quân, còn các chi phái dựng lều trú ngụ của họ chung quanh Đền Tạm. (Xuất. 25:8).

Đức Chúa Trời bày tỏ Ngài đẹp lòng việc dựng Đền Tạm, nên khi khánh thành Đền Tạm, Đức Chúa Trời đã ngự xuống, “Áng mây bao phủ hội mạc và sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy đầy đền tạm, cho đến

nổi Môi-se vào chẳng đặng, vì áng mây bao phủ ở trên và sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy dẫy đền tạm” (Xuất. 40:34-35).

Bây giờ, đến sách Sử ký, chủ đề của sách Sử ký hay vấn đề được nhấn mạnh của hai sách Sử ký được những nhà nghiên cứu Kinh Thánh công nhận là ĐỀN THỜ. Nếu đọc lướt qua các sách Sa-mu-ên, sách Các Vua, người đọc dễ hiểu lầm sách Sử ký là sự lặp lại những sự kiện trong các sách kia, cũng Đa-vít, cũng Sa-lô-môn, cũng sự chia rẽ hai vương quốc Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, cũng bị lưu đày. Tuy nhiên, xét cho kỹ, người đọc và học sách Sử ký sẽ nhận ra sách Sử ký được viết theo một góc cạnh khác trong dòng lịch sử của Y-sơ-ra-ên, và thay cho cuối sách là cuộc lưu đày tuyệt vọng như sách Các Vua, thì cuối sách Sử ký lại là hi vọng hồi phục kỳ diệu, và đó cũng là cái móc liên kết với các sách kế tiếp qua những lời cuối sách được dùng làm khởi đầu cho sách E-xơ-ra.

Chủ đề Đền thờ được chọn cho sách Sử ký có những bằng cứ như sau:

Sách Sử ký đã dành 10 đoạn đầu ghi chép gia phả các chi phái, bắt đầu đoạn 11, tiếp nối thêm 19 đoạn của sách Sử ký, ghi chép lại những sự kiện liên quan đến triều đại của vua Đa-vít, tất cả những sự kiện này đều nhắc đến Đền thờ.

Trong khi đó sách Sử ký không nhắc đến việc dân Y-sơ-ra-ên đòi có một vua như các dân tộc chung quanh, để rồi Sau-lơ được chọn làm vua đầu tiên, mở ra chế độ vương quyền thay cho chế độ Thần quyền do Chúa trực tiếp cai trị.

Với đoạn 10 rất ngắn ghi giờ phút kết thúc triều đại của vua Sau-lơ do tội lỗi mà Sau-lơ đã phạm với Đức Chúa Trời: “Ấy vậy, vua Sau-lơ chết, vì tội lỗi mình đã phạm cùng Đức Giê-hô-va, và vì chẳng có vâng theo mạng lệnh của Ngài; lại vì đã cầu hỏi bà bóng, chẳng có cầu khẩn Đức Giê-hô-va; vậy, vì có ấy Ngài đã giết người, dời nước người cho về Đa-vít, con trai Y-sai” (10:13-14).

Đoạn 10 này được ví như sách dạy làm vua, như người đời gọi là Vương Đạo – Đạo Làm Vua, trong đó chứng minh như người đời nói: ‘nước có thể chở thuyền, nhưng nước cũng có thể lật thuyền’; Sau-lơ được Chúa chọn, nhưng Sau-lơ cũng bị Đức Chúa Trời từ bỏ, vấn đề không phải là làm việc gì, mà người làm những việc lớn hoặc nhỏ cho Chúa đã làm trong sự vâng lời Chúa hay để tỏ mình là vua. Chúa Jê-sus phán: “Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhờn danh Chúa mà nói tiên tri sao? Nhờn danh Chúa mà trừ quỷ sao? Và lại nhờn danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta”. Chúa Jê-sus Christ đã chọn Giu-đa Ích-ca-ri-ốt làm sứ đồ, lại giao làm thủ quỹ Đoàn Truyền giáo của Chúa Jê-sus Christ, nhưng Chúa đã từ bỏ Giu-đa và Giu-đa đã đi thất cổ chết. Vấn đề không phải là làm bao nhiêu việc, làm việc nhỏ hoặc to, mà làm vì vâng lời Chúa. Một bài học làm việc cho Chúa trước khi Đa-vít được chọn thay Sau-lơ.

Sách Sử ký không nhắc đến quãng thời gian niên thiếu của Đa-vít, cũng không nói đến chiến tích oai hùng của Đa-vít thắng lực sĩ Gô-li-át, không nói đến việc Đa-vít được tiên tri Sa-mu-ên xức dầu làm vua, không nói gì về ân tứ âm nhạc của Đa-vít.

Sách Sử ký không nhắc đến tình cảnh Đa-vít chạy trốn sự truy giết của vua Sau-lơ, không nhắc đến 7 năm trị vì của Đa-vít tại Hép-rôn trước khi Sau-lơ chết.

Sách Sử ký không nhắc tội tà dâm mà vua Đa-vít phạm với Bát-sê-ba và lập mưu giết U-ri, không nhắc đến tội lỗi của các con của Đa-vít phạm như Hoàng tử Am-nôn làm sỉ nhục em gái một cha khác mẹ Ta-

ma, hậu quả gây ra cuộc huynh đệ tương tàn giữa anh của Ta-ma là Áp-sa-lôm lập mưu giết Am-nôn báo thù cho em gái mình.

Sách Sử ký không nhắc cuộc phản loạn của Áp-sa-lôm, khiến vua Đa-vít phải bỏ cung điện chạy vào rừng vắng lánh nạn đến khi Áp-sa-lôm bị giết.

Nhưng sách Sử ký lại ghi những điều không có ghi trong sách Samuên và Các Vua:

Đoạn 22, Đa-vít chuẩn bị vật liệu xây Đền thờ.

Sách Sa-mu-ên có ghi ý định của vua Đa-vít xây một đền thờ cho Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Chúa Trời đã không cho phép Đa-vít thực hiện mà muốn Đa-vít để dành cho người kế vị Đa-vít xây. Dù vậy, sách Sử ký đặc biệt ghi lại tấm lòng của vua Đa-vít, dù vua không được phép xây đền thờ cho Chúa, nhưng vua Đa-vít vẫn dự trữ những của dâng cho người kế vị xây

Đoạn 23-24, Đa-vít xếp đặt công việc, các ban thứ cho người Lê-vi và thầy tế lễ.

Cảm ơn Chúa, chẳng những vua Đa-vít quan tâm việc cất cái đền cho Đức Giê-hô-va bằng việc dự bị những loại vật liệu xây dựng, vua Đa-vít cũng quan tâm đến việc bảo trì đền thờ bằng cách sắp xếp những ban thứ phụ trách mọi việc liên quan đến đền thờ lẫn bảo vệ đền thờ.

Đoạn 25-26, Đa-vít thành lập ban nhạc và bảo vệ Đền thờ

Chẳng những Đa-vít sắp xếp ban thứ lo việc chuẩn bị trong đền thờ, lo việc quét dọn sạch sẽ trong đền thờ, vua Đa-vít còn cử người phụ trách âm nhạc trong đền thờ, người chỉ huy âm nhạc đền thờ là A-sáp (25:1).

Tất cả những việc được người viết sách Sử ký ghi lại cách chi tiết đều liên hệ Đền thờ, đặc biệt là kéo dài từ đoạn 11 đến đoạn 25, nghĩa là từ lúc Đa-vít lên ngôi 30 tuổi đến lúc Đa-vít già yếu 70 tuổi.

Sách II Sử ký ghi lại triều đại của Salômôn với 9 đoạn, ngắn hơn sách I Các Vua ghi 11 đoạn. Điều đáng chú ý là trong 9 đoạn đã có 6 đoạn liên hệ Đền thờ như đoạn 2 đến đoạn 7.

Từ đoạn 10 đến đoạn 36, ghi lại sự việc phân rẽ hai nước Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, nhưng không chú ý vào chính trị, quân sự hay cá nhân một nhân vật nào, chỉ lưu tâm đến việc thờ phượng Đức Chúa Trời mà tiêu biểu là Đền thờ.

Những triều vua A-sa, Giô-sa-phát, Giô-ách, Ê-xê-chia, Giô-si-a, được sách nói đến nhiều vì những cải cách tôn giáo và việc tu bổ Đền thờ.

Sách Các Vua chỉ dùng 3 câu trong đoạn 18:4-6 nói về sự cải cách của vua Ê-xê-chia; trong khi II Sử ký dùng 3 đoạn, từ đoạn 29 đến đoạn 31.

Ngay cả trong 9 đoạn đầu cũng cho thấy nhu cầu của cuộc hồi hương sau ngày lưu đày là phục vụ Đền thờ (9:2-34).

Tại sao chủ đề Đền thờ được quan tâm như vậy? Vì

Đền thờ tiêu biểu cho sự hiệp nhất của tuyến dân Y-sơ-ra-ên.

Đền thờ nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên nhớ địa vị cao quý của họ mà Chúa ban cho.

Đền thờ là dấu hiệu Đức Giê-hô-va ở cùng dân Chúa.

Hỡi những người tin Chúa Jê-sus có nhận ra Hội thánh ngày nay quý trọng đối với người tin Chúa như thế nào không? Hội thánh theo nghĩa thuộc linh là một số người được biệt riêng cho Đức Chúa Trời họp lại thờ phượng phục vụ Chúa; nhưng Hội thánh cũng là khối vật chất có sự nhóm lại thờ phượng Đức Chúa Trời, cho nên Hội thánh tiêu biểu sự hiệp nhất của dân Chúa, nhắc người tin Chúa Jê-sus nhớ địa vị cao quý mà Chúa ban cho họ không phải bởi bạc hay là vàng, mà bởi huyết Chúa Jê-sus, và Hội thánh là dấu hiệu Đức Chúa Trời ở cùng người tin Chúa Jê-sus. Xin Chúa cho Hội thánh làm trọn sứ mạng cao quý đó. A-men!

SÁCH I SỬ KÝ 4

SỰ LIÊN HỆ CỦA SÁCH I SỬ KÝ

VỚI CÁC SÁCH KHÁC TRONG KINH THÁNH.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học lời Đức Chúa Trời là Kinh thánh. Bài học trong sách I Sử ký phần thứ 4 hôm nay, chúng ta sẽ cùng học về sự liên hệ của sách I Sử ký với các sách khác trong Kinh thánh.

I/. LIÊN HỆ VỚI CÁC SÁCH TRƯỚC:

Mặc dù sách Sử ký cũng ghi lại một số sự kiện gần giống như sách Samuên, sách Các Vua, nhưng lại được viết ra sau và từ một quan điểm khác:

Sách Sa-mu-ên và sách Các Vua: Ghi chép có tánh cách tiểu sử, thuật rõ chi tiết từng nhân vật, đặc biệt với chủ đề hai sách đều nhấn mạnh đến tội lỗi và sự thất bại, nên những sự kiện hai sách ghi lại, cũng như các nhân vật hai sách nói đến đều dính líu đến tội lỗi mà họ đã phạm, đồng thời cũng cho người đọc thấy hậu quả tội lỗi mà các nhân vật này phải gánh chịu đối với Đức Giê-hô-va.

Cụ thể như:

Vì sách I Sa-mu-ên là phần cuối của thời 400 năm Các Quan Xét, dấu tích của thời kỳ này được bày tỏ qua những gia đình rất ngoan đạo nhưng không sống theo lời Chúa dạy, như:

Gia đình Ên-ca-na, “Ên-ca-na có hai vợ, người này tên là An-ne, và người kia tên là Phê-ni-na. Phê-ni-na có con, còn An-ne không có. Mỗi năm, Ên-ca-na ở thành mình đi lên Si-lô dâng thờ phượng Đức Giê-hô-va vạn quân, và dâng của tế lễ cho Ngài”. Hậu quả là gia đình Ên-ca-na không hạnh phúc dù “Đến ngày Ên-ca-na dâng tế lễ, thì chia của lễ ra từng phần ban cho Phê-ni-na, vợ mình, và cho các con trai và con gái mình. Nhưng người lại ban cho An-ne một phần bằng hai vì người thương nàng, dấu rằng Đức Giê-hô-va khiến nàng son sẻ. Kể phân bì nàng khôn xiết trêu ghẹo nàng, để giục nàng lắm bầm vì Đức Giê-hô-va đã khiến nàng son sẻ. Từ năm này đến năm kia, mỗi khi nàng đi lên đền Đức Giê-hô-va, chồng đãi nàng như vậy, còn Phê-ni-na cứ trêu ghẹo nàng; An-ne khóc và không ăn” (I Sa-mu-ên 1:1-7).

Bên cạnh đó, gia đình của Thầy tế lễ Hê-li có hai con trai phạm tội nặng, “tội lỗi của hai người trai trẻ này lấy làm rất lớn trước mặt Đức Giê-hô-va; vì họ gây cho người ta khinh bỉ các của lễ dâng cho Đức Giê-hô-va” (2:17).

Đau đớn là trong khi Sa-mu-ên là người làm Quan Xét trung tín với Chúa và trung tín với công việc giữa dân sự. Kinh thánh ghi nhận công khó của Sa-mu-ên: “Sa-mu-ên làm quan xét cho Y-sơ-ra-ên trọn đời mình. Mỗi năm người tuần hành khắp Bê-tên, Ghinh ganh, và Mích ba, mà đoán xét dân sự trong các thành ấy” (7:15-16). Tuy nhiên, “khi Sa-mu-ên đã già, thì lập các con trai mình làm Quan Xét cho Y-sơ-ra-ên... nhưng hai con trai người chẳng noi theo gương người, xiêu lòng tham của, nhậm lấy hối lộ, và trái lệch sự công bình” (8:1-3).

Sách Sa-mu-ên và sách Các Vua chú ý về nhân vật, từ quan điểm của Tiên tri, ghi lịch sử cả hai nước Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, nhấn mạnh ngôi vua, lời kết án hai nước vì tội lỗi của họ, các cuộc phục hưng dưới triều các vua tốt như một cố gắng tìm kiếm phục hưng. Trung thực ghi hết mọi điều xảy ra cả tốt lẫn xấu, thành công và thất bại của vua Đa-vít và Salômôn.

Cụ thể như:

Sách I Sa-mu-ên ghi tội lỗi của vua Sau-lơ sau khi lên ngôi, Chúa cho vua Sau-lơ thắng được vài trận với quân thù nghịch, lòng kiêu ngạo khiến vua Sau-lơ cho rằng Đức Chúa Trời thích của lễ, thay vào đó Sau-lơ đã không vâng lời Đức Chúa Trời, khiến Chúa từ bỏ Sau-lơ, Kinh thánh ghi rõ tội lỗi mà vua Sau-lơ đã phạm: “Sa-mu-ên nói: Đức Giê-hô-va há đẹp lòng của lễ thiêu và của lễ thù ân bằng sự vâng theo lời phán của Ngài ư? Vả, sự vâng lời tốt hơn của tế lễ; sự nghe theo tốt hơn mỡ chiên đực; sự bội nghịch cũng đáng tội bằng sự tà thuật; sự cố chấp giống như tội trọng cúng lạy hình tượng. Bởi người đã từ bỏ lời của Đức Giê-hô-va, nên Ngài cũng từ bỏ người không cho người làm vua”. (15:22-23). Hậu quả tội lỗi của vua Sau-lơ vô cùng thâm trọng kéo theo cái chết của các con trai người.

Sách I Sa-mu-ên cũng không thiên vị khi chép về vua Đa-vít, phần lớn sách I Sa-mu-ên ghi những hoạn nạn Đa-vít đã chịu trong đó có cuộc truy sát của vua Sau-lơ vì lòng ganh tị, nói như lời Chúa phán với Hội

thánh tại Phi-la-đen-phi trong Khải huyền 3:9, “Này, ta ban cho ngươi mấy kẻ trong những kẻ thuộc về hội quỷ Sa-tan... này, ta sẽ khiến chúng nó đến sắp mình xuống dưới chơn ngươi, và sẽ cho chúng nó biết rằng ta đã yêu ngươi”. Đa-vít được Chúa cho những chiến công oai hùng, Kinh thánh ghi: “Như vậy, Đức Giê-hô-va khiến cho Đa-vít được thắng khắp nơi nào người đi đến” (II Sa-mu-ên 8:14). Nhưng Chúa cũng cho ghi lại những tội lỗi mà Đa-vít đã phạm với Chúa và với người, như tội cướp vợ của U-ri là bà Bát-sê-ba, còn lập mưu giết chồng bà; tội kiêu ngạo kê sớ dân Chúa. Cảm ơn Chúa, điều khác nhau giữa vua Sau-lơ và vua Đa-vít là Sau-lơ biết tội nhưng không ăn năn, “Sau-lơ đáp rằng: Tôi có tội; song xin hãy tôn trọng tôi trước mặt các trưởng lão của dân sự tôi, thì tôi sẽ thờ lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông” (15:24-30). Còn Đa-vít khi bị tiên tri Na-than quở trách, “... Đa-vít bèn nói cùng Na-than rằng: Ta đã phạm tội cùng Đức Giê-hô-va”. Một lần khác, khi Đa-vít kiêu ngạo muốn kê sớ dân, “Sau khi tu bộ dân sự rồi, Đa-vít bị lương tâm cắn rứt, bèn cầu Đức Giê-hô-va rằng: Tôi làm như vậy, thật là đã phạm tội rất nặng. Vậy, bây giờ Đức Giê-hô-va ôi! xin hãy cất tội lỗi của kẻ tôi tớ Ngài đã phạm; vì tôi có làm cách ngu dại quá” II Sa-mu-ên 24:10).

Chúa có phạt Đa-vít cách nghiêm trang nhưng không phó Đa-vít vào sự chết. Bài học của Đa-vít làm chuẩn mực cho các vua Y-sơ-ra-ên về sau, cũng như làm gương cho loài người chung như đã được ghi trong gia phả của Chúa Jêsus Christ (Math. 1:6b). Vấn đề không phải là có tội nặng hoặc nhẹ, tội đáng chết hay không đáng chết, vì ‘nhân vô thập toàn’, quan trọng là tội nhân có hạ mình ăn năn tội mình với Chúa không. Rất tiếc là bài học ăn năn đã ít người chịu học.

Sách II Sa-mu-ên tiếp tục với người kế vị Đa-vít là Sa-lô-môn, người khởi đầu rất tốt và cũng thật được Chúa ban cho bao nhiêu là phước lành thuộc linh lẫn thuộc thể. Tiếc thay, đến tuổi già, Kinh thánh ghi: “Trong buổi già yếu, các hoàng hậu của Sa-lô-môn dụ lòng người đi theo các thần khác; đối cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, lòng người chẳng trọn lành như thể lòng của Đa-vít, là cha người” (I Vua 11:4). Tội lỗi vua Sa-lô-môn đã phạm khiến Sa-lô-môn bị Chúa phạt: “Đức Giê-hô-va nổi giận cùng Sa-lô-môn, vì lòng người trở bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên... Đức Giê-hô-va phán với Sa-lô-môn rằng: Bởi vì ngươi đã làm điều này, không giữ giao ước và luật pháp ta truyền cho ngươi, nên ta chắc sẽ đoạt lấy nước khỏi ngươi, cho kẻ tôi tớ ngươi” (I Vua 11:9-11).

Sa-lô-môn là người được Chúa yêu thương, lên ngôi lúc 40 tuổi, đời sống phục vụ Chúa rất tốt, nổi bật nhất là Sa-lô-môn đã xây một đền thờ cho Chúa tại Giê-ru-sa-lem rất cao trọng, đẹp lòng Chúa. Nhưng như sứ đồ Phao-lô nói: “Anh em há chẳng biết rằng trong cuộc chạy thi nơi trường đua, hết thầy đều chạy, nhưng chỉ một người được thưởng sao? Vậy, anh em hãy chạy cách nào cho được thưởng. Hết thầy những người đua tranh, tự mình chịu lấy mọi sự kiêng kỵ, họ chịu vậy để được mảo triều thiên hay hư nát, nhưng chúng ta chịu vậy để được mảo triều thiên không hay hư nát” (I Cô-rinh-tô 9:24-27). Sa-lô-môn đã chạy thi 80 năm, nhưng tiếc thay gần đến mức thi bị dụ lòng bỏ cuộc đua!

Và người đọc sách Sa-mu-ên và sách Các Vua nhìn thấy nhóm từ “làm ác, thờ hình tượng” được lập đi lập lại trong các vua Y-sơ-ra-ên phía Bắc, cũng xảy ra trong đa số các vua Giu-đa phía Nam, dù Đức Chúa Trời đã dấy lên rất nhiều tiên tri với nhiều phép lạ cặp theo, kêu gọi dân Chúa quay về với Chúa. Buồn thay, các vua cả hai vương quốc càng xa rời Chúa, gần với hình tượng tà thần, Hậu quả là kết thúc của hai sách này là cả hai bị lưu đày (I Vua 17 và 25).

Trong khi đó sách Sử ký chú ý về chức vụ từ quan điểm của Thầy tế lễ, chỉ ghi lịch sử của Giu-đa, nhấn mạnh Đền thờ, là lời kêu gọi quay lại thờ phượng Chúa, sách Sử ký chọn những sự kiện đáp ứng chủ đề, mục đích của người viết sách, ghi từ Sáng thế ký với gia phả tính từ thời A-đam, để chuyển sang dòng dõi Áp-ra-ham với con dòng chánh là Y-sác, trong đó dòng dõi chi phái Giu-đa là trọng tâm với vua Đa-vít

là nhân vật chính của sách. Điểm nổi bật của sách Sử ký là toàn bộ có thứ tự ghi chép có tánh cách thống kê: thống kê gia phổ, thống kê nhân vật trong triều vua Đa-vít, thống kê Đền thờ về vật liệu, sinh hoạt, thống kê việc làm tốt của các vua Giu-đa.

Và sau cùng dù nội dung sách Các Vua và sách Sử ký gần như giống nhau, nhưng sách Các Vua với chủ đề tội lỗi kết thúc như Rô-ma 6:23a, “Vì tiền công của tội lỗi là sự chết với cảnh dân Giu-đa bị lưu đày không có ngày về; còn sách Sử ký với chủ đề Đền thờ kết thúc với cảnh dân Giu-đa được hồi hương bằng chiếu chỉ của vua Si-ru, chính là lời Chúa phán trong Rô-ma 6:23b, “nhưng sự ban cho của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời trong Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta”.

Thật là kỳ diệu, cùng là tội nhân, nhưng người không ăn năn thì nhận tiền công là sự chết, sự chết đời đời; còn người hạ mình ăn năn với lòng luôn hướng về Nơi Chúa Ngự, là tin Chúa Jêsus Christ thì được tha thứ, được sự sống đời đời. Quý vị có nhận ra ý nghĩa thiêng liêng mà hai quyển sách lịch sử Các Vua và Sử ký được Thánh Linh chuyển tải qua Rô-ma 6:23 không?

II/. LIÊN HỆ VỚI CÁC SÁCH SAU:

Trong nguyên ngữ Hi-bá-lai, sách Sử ký, E-xơ-ra và Nê-hê-mi giống nhau:

Giống nhau về cách viết (Style),

giống nhau về ngôn ngữ, loại ngôn ngữ của nền văn chương Hi-bá-lai hậu lưu đày.

giống nhau về sự tôn trọng luật pháp

giống về sự chú ý gia phổ

giống về tánh cách thống kê

giống về việc ghi nghi lễ tôn giáo và những ngày lễ hội

giống nhau về sự chú ý đến âm nhạc Đền thờ

giống nhau về những vấn đề liên hệ sự thờ phượng.

Ngày trước khi người Y-sơ-ra-ên lập bảng liệt kê các tác phẩm thánh, họ để sách Sử ký vị trí cuối cùng của Cựu Ước, do bảng gia phổ liên hệ đến sách Mathiơ. Nhưng rõ ràng SÁCH SỬ KÝ KHÔNG THỂ TÁCH RỜI KHỎI SÁCH E-XƠ-RA VÀ NÊ-HÊ-MI vì cuối sách Sử ký với những câu không phải kết thúc sách, nhưng là những câu mở đầu sách E-xơ-ra kế tiếp. Vị trí của sách Sử ký là chính chỗ hiện có trong Kinh Thánh ngày nay. Ngày nay, sách Sử ký là một sách lịch sử, làm một gạch nối giữa thời kỳ Tiền-Lưu Đày với Hậu-Lưu Đày.

Chúng ta có thể chia 4 sách Hậu-Lưu Đày: Sử ký, E-xơ-ra, Nê-hê-mi, và Ê-xơ-tê theo 4 chủ đề:

Sách Sử ký là lời Chúa nhắc lại quá khứ tội lỗi của dân.

Sách E-xơ-ra là lời Chúa ban cho dân Chúa được khôi phục hồi hương và xây lại Đền thờ cho Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem

Sách Nê-hê-mi là lời Chúa được ứng nghiệm chẳng những có Đền thờ mà đời sống được tái thiết, nghĩa là chẳng những thờ phượng Chúa mà còn được sống an bình trong Chúa.

Sách Ê-xơ-tê là lời Chúa xác nhận Sự Bảo Vệ của Đức Giê-hô-va trên dân Chúa, Chúa dọn bàn cho tôi trước mặt kẻ thù nghịch tôi.

Đọc xong sách Sử ký, Xin Chúa cho Quý vị cùng tôi tuyên bố: Kinh thánh quả thật là Lời Đức Chúa Trời qua từng sách, qua từng chi tiết!

SÁCH I SỬ KÝ 5

BỐ CỤC SÁCH I SỬ KÝ

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta có cơ hội cùng học lời Đức Chúa Trời là Kinh thánh. Qua 4 bài học về sách I Sử ký, cá nhân tôi ngạc nhiên vì khám phá được những sự lạ lùng trong lời Chúa, từ tên sách, người viết sách, đến chủ đề của sách, sự liên hệ của sách Sử ký với các sách trước và sau. Hôm nay, chúng ta cùng nhau học Bố cục của sách, tức là học lược qua toàn bộ 29 đoạn của sách I Sử ký. Nói đến việc học Bố cục của một sách là nói đến cái sườn của sách để từ đó chúng ta có thể nắm được đại ý cả sách.

Câu gốc được chọn cho cả sách là đoạn 14:2, “Đa-vít nhìn biết rằng Đức Giê-hô-va đã vững lập mình làm vua trên Y-sơ-ra-ên; vì cơ dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, nước người được hưng vượng thêm”.

Đề tài được chọn cho sách Sử ký là: CHÁNH ĐẠO. Đức Chúa Trời bày tỏ rõ ràng con đường chánh đáng qua một người và qua một dân tộc. Qua những bài học trong sách Sử ký, từ nguồn gốc các dân tộc, đến vị vua đầu tiên của nước Y-sơ-ra-ên là Sau-lơ, người đọc nhận được bài học cảnh cáo như lời Chúa đã phán với tiên tri Sa-mu-ên: “Nhưng Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-mu-ên rằng: Chớ xem về bộ dạng và hình vóc cao lớn của nó, vì ta đã bỏ nó. Đức Giê-hô-va chẳng xem điều gì loài người xem; loài người xem bề ngoài, nhưng Đức Giê-hô-va nhìn thấy trong lòng” (I Sa-mu-ên 16:7). Và Chúa Jê-sus Christ phán: “... vì cửa rộng và đường khoảng khoát dẫn đến sự hư mất, kẻ vào đó cũng nhiều” (Math. 7:13).

Với câu gốc và với đề tài của sách đã nêu ba điều:

I/. MỘT GIA PHỒ CHÁNH ĐẠO - I Sử ký đoạn 1 đến đoạn 9

Ngày 1:1 chúng ta đã nhận ra Đức Chúa Trời đã dự bị chọn người theo Chánh Đạo của Ngài.

Theo sách Sáng thế ký 4:1-2 thì A-đam có con trai đầu lòng là Ca-in, rồi con trai kế là A-bên, còn Sết là con trai thứ ba được A-đam và Ê-va sanh lúc A-đam được 130 tuổi (Sáng. 5:3). Tuy nhiên hai con trai đầu không phải là con người Chánh Đạo mà Chúa tìm, chính Sết mới là người của Chánh Đạo, vì như Ê-va nói: “Đức Chúa Trời đã cho tôi một con trai khác thế cho A-bên mà đã bị Ca-in giết rồi... Từ đây, người ta bắt đầu cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va” (Sáng. 4:25-26).

Sết được cha mẹ nhìn nhận thế cho A-bên là người có đức tin (Hê-bơ-rơ 11:4). Và Luca 3:38 xác nhận A-đam là con Đức Chúa Trời, như vậy Sết cũng là con Đức Chúa Trời, nhưng không phải con nào của A-đam cũng là dòng Chánh Đạo, chỉ có dòng nào thuộc Sết mới là Chánh Đạo.

Từ 1:2 đến 1:27, xác nhận không phải dòng dõi nào từ Sết cũng là Chánh Đạo, khi gia phả ghi đến Nô-ê với ba con trai là Sem, Cham và Gia-phết. Trong ba người con trai của Nô-ê, chỉ có dòng dõi Sem mới là dòng dõi Chánh Đạo, để từ đó ra đời Áp-ra-ham.

Từ 1:28 đến 1:53, ghi Y-sác có hai con trai là Ê-sau và Y-sơ-ra-ên, mặc dù Ê-sau là con trưởng nhưng dòng người em là Y-sơ-ra-ên mới là Chánh Đạo.

Từ 2:1 đến đoạn 3, Y-sơ-ra-ên có 12 con trai (2:1-2), nhưng dòng dõi của Giu-đa là người con thứ tư là dòng Chánh Đạo, Giu-đa có 5 người con trai (2:4), nhiều họ tộc trong đó có họ tộc nổi tiếng như họ tộc Ca-lép (2:18), nhưng dòng Chánh Đạo là dòng Y-sai sanh Đa-vít.

Từ đoạn 3 đến đoạn 7, người viết sách I Sử ký tập trung ghi chép dòng dõi của vua Đa-vít trước lưu đày đến Sê-đê-kia (3:16), và đến sau lưu đày. Chúng ta thấy sự nổi trội của chi phái Giu-đa khi được đặt đứng đầu các chi phái trước lưu đày (1: - 2:), và sau lưu đày (4: - 7:).

Xem thế, người viết sách I Sử ký đã theo mục đích ghi nhận dòng dõi Chánh Đạo theo chương trình của Đức Chúa Trời đã hứa trong Sáng-thể ký 3:15, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán: Ta sẽ làm cho mầy cùng người nữ, dòng dõi mầy cùng dòng dõi người nữ nghịch thù nhau. Người sẽ giày đạp đầu mầy, còn mầy sẽ cắn gót chơn người”. Người viết sách I Sử ký đã xâu kết dòng dõi người nữ xuyên qua loài người trên đất, từ A-đam đến Đa-vít và sau lưu đày. Nếu không có kỳ công này của người viết sách I Sử ký, người đọc Kinh thánh và người tin Chúa Jêsus không thể biết lời Đức Chúa Trời phán sau khi tổ phụ loài người bị Chúa phạt được ứng nghiệm cách kỳ diệu như thế nào. Cảm ơn Chúa, giữa thế giới bao la, triệu triệu, tỉ tỉ người, một dòng dõi Chánh Đạo đã không mất!

II/. MỘT DÒNG VUA CHÁNH. ĐOẠN 8 ĐẾN ĐOẠN 29.

Sau-lơ là anh hùng để ngưỡng mộ. Đoạn 8 đến đoạn 10.

Từ đoạn 8 đến đoạn 10, sách I Sử ký ghi một bảng gia phả rất đầy đủ của chi phái Bên-gia-min. Tại sao? Vì như câu 33 ghi đến tên một nhân vật quan trọng là Sau-lơ, một người được dân Y-sơ-ra-ên chọn làm vua, xem qua dường như là vua Chánh Đạo, dù có nhiều chiến công đánh nhau với người Phi-li-tin. Đến đoạn 10 ghi lại giờ phút cuối cùng oanh liệt của vua Sau-lơ với các con trai cùng những cận vệ. Cái chết của Sau-lơ theo tình cảm và ngưỡng mộ, người đọc dễ bị thu hút nghĩ là vua Chánh Đạo. Cảm ơn Chúa, sách I Sử ký 10:11-14, dạy rõ ngưỡng mộ nhưng không phải là Chánh Đạo; ngưỡng mộ một anh hùng, nhưng không tôn thờ như một Chúa.

Ngưỡng mộ: “Khi dân cư Gia-be ở Ga-la-át nghe những điều dân Phi-li-tin đã làm cho Sau-lơ, thì những người mạnh dạn đều chỗi dậy đi lên cướp lấy xác vua Sau-lơ và các con trai người, đem về Gia-be, chôn hài cốt của họ dưới cây thông tại Gia-be, đoạn kiêng ăn bảy ngày” (10:11-12).

Không phải Chánh Đạo: “Ấy vậy, vua Sau-lơ chết, vì tội lỗi mình đã phạm cùng Đức Giê-hô-va, và vì chẳng có vâng theo mạng lệnh của Ngài; lại vì đã cầu hỏi bà bóng, chẳng có cầu hỏi Đức Giê-hô-va; vậy, vì cố ấy Ngài giết người, dời nước người cho về Đa-vít, con trai Y-sai” (10:13-14).

Chúng ta ngưỡng mộ những anh hùng đức tin Áp-ra-ham, Môi-se, Đa-vít, Giô-sép, Ma-ri, Phi-e-rơ, Phao-lô, Giăng, tất cả được Đức Chúa Trời dùng nối kết Chánh Đạo của Đức Chúa Trời để Chúa Jêsus Christ vào đời cứu kẻ có tội. Phi-e-rơ khẳng định: “... vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (Công vụ 4:12); như Phao-lô đã nói, “cũng vì đó nên Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao, và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh, hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thảy đều quì xuống, và mọi lưỡi thảy đều xưng Jêsus Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha... Vì chỉ có một Đức Chúa Trời, và chỉ có một Đấng trung bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người, tức là Đức Chúa Jêsus Christ, là người” (Phi-líp 2:9-11; I Tim. 2:5).

Chúa Jêsus Christ đến thế gian không phải để cho loài người ngưỡng mộ Ngài, vì Chúa Jêsus Christ không cần ngưỡng mộ, Kinh thánh khẳng định: “Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trong thế gian để cứu vớt kẻ có tội” (I Tim. 1:15). Trước khi Chúa Jêsus giáng sanh, thiên sứ đã phán với Giô-sép: “Người [tức là bà Ma-ri] sẽ sanh một trai, người khá đặt tên là JÊSUS, vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội” (Math. 1:21). Rồi khi Chúa Jêsus giáng sanh, thiên sứ cũng phán với những người chăn chiên: “Đừng sợ chi; vì này, ta báo cho các ngươi một tin lành, sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân; ấy là hôm nay tại thành Đa-vít đã sanh cho các ngươi một Đấng Cứu thế, là Christ, là Chúa” (Luca 2:10-11). Chính Chúa

Jésus Christ phán: “Vì ta đến đây không phải để kêu kẻ công bình, song kêu kẻ có tội... Bởi Con người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất” (Math. 9:13; Luca 19:10).

Nói cách rõ ràng, những nhân vật thánh mà Kinh thánh đã giới thiệu là những người dọn đường Chánh Đạo – Con Đường Chính – để Chúa Jésus Christ đến thế gian; nói như Giảng Báp-tít đã xác nhận: “Ta là tiếng của người kêu trong đồng vắng rằng: Hãy ban đường của Chúa cho bằng... Ấy không phải ta là Đấng Christ, nhưng ta đã được sai đến trước Ngài” (Giăng 1:23; 4:28).

Đa-vít – Một dòng vua Chánh Đạo. Đoạn 11 đến đoạn 29.

Bắt đầu từ đoạn 11, người viết sách I Sử ký tập trung vào chủ đề của sách, ấy là trình bày dòng vua Chánh Đạo theo chương trình của Đức Chúa Trời.

Đa-vít xuất hiện với ba yếu tố: thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

Yếu tố nhân hòa:

Đoạn 7:1-3 nêu ra yếu tố nhân hòa dành cho dòng vua Chánh Đạo Đa-vít, ấy là “cả Y-sơ-ra-ên đều nhóm đến cùng Đa-vít... Ấy vậy, các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến cùng vua ở Hép-rôn”.

Điều đặc biệt là người viết sách I Sử ký không giới thiệu Đa-vít như một siêu nhân, nhưng giới thiệu Đa-vít cũng là người bình thường như mọi người, nếu không muốn nói là dưới chuẩn bình thường, so với tiêu chuẩn mà Sau-lơ thuộc chi phái Bên-gia-min có được.

Đoạn 2:1, cho thấy Giu-đa chỉ đứng hàng thứ 4 trong các con trai của Y-sơ-ra-ên, sau Ru-bên, Si-mê-ôn, Lê-vi. Đoạn 5 còn ghi dòng dõi Giô-sép đã được xem là trưởng tử kế thừa sự nghiệp của cha, sau khi con trưởng Ru-bên bị loại vì phạm tội với tì thiếp của cha; rồi hai con trai kế là Si-mê-ôn và Lê-vi bị loại vì giết dân thành Si-chem (5:1), còn Giô-sép lại có công cứu cả gia tộc khỏi nạn đói. Dù vậy, dòng Chánh Đạo vẫn là thuộc Giu-đa, người đọc gia phổ thấy được ân điển hiện ra trong sự lựa chọn này, Giu-đa được đặt vào vị trí được Chúa chọn không phải vì tranh giành.

Thật là kỳ diệu, theo lời chúc phước tiên tri của Y-sơ-ra-ên cho Giô-sép, thì Y-sơ-ra-ên chỉ nói đến những phước lành đời thường, nhưng khi chúc phước cho Giu-đa, thì Y-sơ-ra-ên nói: “Hỡi Giu-đa! Các anh em sẽ khen ngợi con... Giu-đa là một sư tử tơ... cây phủ việt chẳng dòi khỏi Giu-đa, kẻ lập pháp không dứt khỏi giữa chơn nó, cho đến chừng Đấng Si-lô hiện tới, và các dân vâng phục Đấng đó...” (Sáng. 49:8-12, so với 49:22-24).

Và Đa-vít đã ra đời từ chi phái Giu-đa, dù 10 chi phái khác phân rẽ sau thời vua Sa-lô-môn qua đời lập nước Y-sơ-ra-ên phía bắc, thì dòng Chánh Đạo vẫn thuộc dòng vua Đa-vít. Dù chi phái Bên-gia-min vẫn theo Đa-vít và dòng vua của Đa-vít, nhưng Chánh Đạo vẫn là dòng Đa-vít, cứ thế cho đến khi Chúa Jésus vào đời thuộc dòng vua Đa-vít. Khi Chúa Jésus Christ tái lâm thì Ngài cầm chìa khóa của Đa-vít.

Yếu tố địa lợi.

Đoạn 11:4-9, nói đến yếu tố thứ hai dành cho Đa-vít là Đa-vít cùng dân Chúa chiếm được thành Giê-ru-sa-lem. Đối với Đức Chúa Trời thì Giê-ru-sa-lem – một thành có Giê-ru là cái nền; Sa-lem là bình an, cái nền của bình an, hòa bình, mới là thành của Chúa. Đến cuối các thời đại, sách Khải huyền xác nhận Giê-ru-sa-lem là thành thánh của Chúa, không phải là Hép-rôn.

Yếu tố thiên thời.

Đến 11:9 là yếu tố quyết định Đa-vít là dòng vua Chánh Đạo, “Đa-vít càng ngày càng cường thịnh; vì Đức Giê-hô-va vạn quân ở cùng người”. Vấn đề không là Đa-vít cường thịnh, cũng không phải chỉ là Đức Giê-hô-va, mà Đức Giê-hô-va vạn quân, Chúa của chiến trận ở cùng Đa-vít.

Đa-vít hết lòng phục sự Chúa, quan tâm đến Nhà Chúa, công việc của Đa-vít - vua chánh thống – đoạn 18 đến đoạn 20, việc vua Đa-vít Chánh Đạo đối với dân sự. Từ đoạn 21 đến đoạn 29, vua Đa-vít Chánh Đạo đối với Chúa. Đa-vít đã làm những việc gì đối với Chúa? Lòng Đa-vít luôn ao ước xây một Đền thờ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời, dù Chúa không cho Đa-vít xây dựng, dù cuối sách I Sử ký là lúc Đa-vít băng hà, nhưng sách II Sử ký sẽ nối tiếp ghi lại dòng dõi Chánh Đạo Đa-vít. Và Chúa đẹp lòng (đoạn 17) lập ước với Đa-vít cho dòng dõi của ông, Chúa phán: “Xảy khi các ngày người đã mãn và người phải về cùng tổ phụ người, ắt ta sẽ lập dòng dõi người lên là con trai của người, đặt kế vị người; ta sẽ làm cho nước người vững chắc. Người ấy sẽ cất cho ta một cái đền, và ta sẽ làm cho ngôi nước người vững bền đến đời đời” (17:11-12).

SÁCH I SỬ KÝ 6

BẢNG GIA PHỔ TRONG SÁCH I SỬ KÝ

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta có cơ hội cùng học Lời Chúa là Kinh thánh. Hôm nay, chúng ta đã học được 5 bài theo sách I Sử ký, Quý vị cùng tôi nhận ra một đặc điểm quan trọng của sách I Sử ký là sách có 9 đoạn đầu ghi chép Gia phổ của dân Y-sơ-ra-ên.

Nói đến “Gia Phổ” thì người Việt Nam ở miền Bắc và miền Trung dễ quan tâm hơn, vì đa số các gia đình thường có Bảng Gia Phổ, nhất là những vị trưởng tộc là người nắm giữ Bảng Gia Phổ của gia tộc, ít nữa cũng đến 5 đời: từ các ông Cao – Tăng – Tổ - Khảo – Hiển; có gia tộc ghi đến 11 đời gia tộc.

Trong quyển “Hồi ký 46 năm chức vụ” của Cố Mục sư Lê văn Thái ghi lại nguyên nhân Cụ tin Chúa Jê-sus. Năm 1917, anh thanh niên Lê văn Thái vốn người gốc Huế làm ngành hỏa xa, như trên đường đi làm về nhà tại Đà-nẵng, tình cờ thấy trước nhà thờ Tin Lành tại Đà-nẵng có treo một tấm bảng ghi: Ai không tin Chúa Jê-sus là người bỏ ông bỏ bà, bỏ cha mẹ. Những lời đó khiến anh thanh niên Thái tức giận vào nhà thờ Tin Lành tìm ông Truyền đạo chủ tọa để chất vấn, do xưa rày nghe người tin theo Tin Lành là người bỏ ông bà, cha mẹ. Để trả lời cho người thanh niên tên Thái đang nổi giận, ông Truyền đạo Tin Lành hỏi: ‘Trong nhà của anh thờ ông bà mấy đời?’ Anh Thái đáp cách hằn học: ‘Năm đời: Cao – Tăng – Tổ - Khảo – Hiển’. Ông Truyền đạo hỏi tiếp: ‘Vậy thì ông thứ 6 của gia đình ở đâu?’ Câu hỏi làm anh thanh niên tên Thái bị nghẹn, vì mỗi khi gia đình có người qua đời, gia đình sẽ phải bỏ bớt một vị trên bàn thờ để có đủ chỗ cho 5 đời.

Về nhà, anh Thái liền hỏi cha: ‘Thưa cha, gia đình mình thờ tổ tiên mấy đời?’ Cha của anh Thái là người Huế đáp: ‘11 đời!’ Anh Thái vui mừng quay lại tìm ông Truyền đạo cho biết gia đình của anh thờ 11 đời. Bất ngờ, ông Truyền đạo lại hỏi: ‘Thế thì ông thứ 12 ở đâu?’ Câu hỏi của ông Truyền đạo làm cho người thanh niên tên Thái suy nghĩ và cuối cùng tin Chúa Jê-sus để thờ phượng Vị Tối cao là Đức Chúa Trời Tạo Hóa.

Hiểu Bảng Gia Phổ quan trọng dường ấy đối với người Việt Nam, thì qua Kinh thánh, chúng ta cũng thấy được Bảng Gia Phổ đối với người Y-sơ-ra-ên quan trọng càng hơn, do đó, từ Cựu Ước đến Tân Ước, Kinh thánh đã ghi lại BA Bảng Gia Phổ chính:

Sách Sáng thế ký đoạn 5, Kinh thánh ghi lại Bảng Gia phổ liên quan dòng dõi người nữ từ tổ phụ A-đam.

Sách I Sử ký đoạn 1 đến đoạn 9, Kinh thánh ghi lại Bảng Gia phổ sau 70 năm lưu đày trở về.

Sách Tin Lành Ma-thi-ơ đoạn 1:1-17, Kinh thánh Tân Ước ghi lại Bảng Gia phổ của Chúa Jê-sus Christ khi Ngài đến thế gian làm người thuộc dòng vua Chánh thống Đa-vít.

Theo thông thường, người đọc và học Kinh thánh ít chú ý đến những bảng gia phổ, thái độ đó bày tỏ qua việc bỏ qua hoặc lướt sơ. Tuy nhiên, chúng ta nhờ ơn Chúa tìm học về BA Bảng Gia phổ này có liên quan gì với loài người và cũng có liên quan với cá nhân chúng ta – nói riêng.

BẢNG GIA PHỔ THỨ NHẤT TRONG SÁCH SÁNG THỂ KÝ ĐOẠN 5.

Bảng Gia phổ đầu tiên trong dòng chảy của loài người xuất hiện trong sách Sáng thể ký đoạn 5. Cảm ơn Chúa, nếu không có Bảng Gia phổ này, các thế hệ loài người đời sau sẽ không biết gì về tổ phụ loài người, tất cả sẽ là những lý thuyết đoán mò, đôi khi đượm màu thần thoại, hoặc mang cái áo khoa học.

Bảng Gia phổ khởi đầu với những lời rõ ràng rất người, rất thực tế: “Đây là sách chép dòng dõi của A-đam. Ngày mà Đức Chúa Trời dựng nên loài người giống như Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ, ban phước cho họ và trong ngày đã dựng nên, đặt tên là người. Và, A-đam được một trăm ba mươi tuổi, sanh một con trai giống như hình tượng mình, đặt tên là Sết” (5:1-3).

Bảng Gia phổ này bỏ qua hai người con đầu của A-đam là Ca-in và A-bên, vì Đức Chúa Trời chỉ có mục đích tìm cho Ngài một dòng dõi người nữ để diệt con rắn (3:15), không phải kể chuyện loài người, dù sau đó A-đam còn sanh con trai con gái, hưởng thọ được chín trăm ba mươi tuổi, rồi qua đời.

Trong Bảng Gia phổ này, có vài nét đặc biệt mà chúng ta không tìm thấy trong những Bảng Gia phổ về sau:

Loài người đa số sống trường thọ, người sống lâu nhất là Mê-tu-sê-la sống đến 969 tuổi.

Bảng Gia phổ chỉ ghi tên những người thuộc dòng chính liên quan đến dòng dõi người nữ diệt con rắn, còn lại đã bỏ qua con trai con gái khác.

Bảng Gia phổ này ghi đến đời Nô-ê và ba con trai của Nô-ê.

Lý do bảng Gia phổ chỉ ghi đến đời Nô-ê và ba con trai của Nô-ê là Kinh thánh dừng lại vì đến đời Nô-ê, loài người khởi thêm nhiều trên mặt đất... nhưng đạo đức loài người xuống cấp thấp, đến nỗi Kinh thánh ghi:

Đoạn 6:3, Đức Chúa Trời thấy loài người không còn giữ tâm linh tương thông với Chúa, hướng sống của con người theo xác thịt, một xác thịt mà tổ phụ con người là A-đam và Ê-va đã bán cho ma quỷ (Sáng. đoạn 3). Thư Rô-ma 1:21 giải thích: “vì họ dẫu biết Đức Chúa Trời, mà không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời, và không tạ ơn Ngài nữa; song cứ lầm lạc trong lý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy những sự tối tăm”. Chính Chúa Jêsus Christ phán về đời Nô-ê: “Vì trong ngày trước nước lụt, người ta ăn, uống, cưới, gả như thường cho đến ngày Nô-ê vào tàu, - và người ta không ngờ chi hết cho đến khi nước lụt tới mà đùa đem đi hết cả” (Math. 24:38-39).

Hạn tuổi của loài người bị Đức Chúa Trời giảm xuống tối đa: đời người sẽ là một trăm hai mươi năm mà thôi (Sáng. 6:3).

Tình trạng đạo đức xuống cấp thâm, Kinh thánh mô tả: “Đức Giê-hô-va thấy sự gian ác của loài người trên mặt đất rất nhiều, và các ý tưởng của lòng họ chỉ là xấu luôn”, và Đức Chúa Trời quyết định: “Ta sẽ hủy diệt khỏi mặt đất loài người mà ta đã dựng nên, từ loài người cho đến loài súc vật, loài côn trùng, loài chim trời...” (Sáng. 6:5-7). Đỉnh điểm của tội lỗi loài người đến đời Nô-ê: “Thế gian bấy giờ đều bại hoại trước mặt Đức Chúa Trời và đầy dẫy sự hung ác. Nay, Đức Chúa Trời nhìn xem thế gian, thấy đều bại hoại, vì hết cả xác thịt làm cho đường mình bại hoại. Đức Chúa Trời bèn phán cùng Nô-ê

rằng: Kỳ cuối cùng của mọi xác thịt đã đưa đến trước mặt ta; vì có loài người mà đất phải đầy dẫy sự hung hăng; vậy, ta sẽ diệt trừ họ cùng đất” (Sáng. 6:5-7, 11-13).

BẢNG GIA PHỔ THỨ 2 TRONG SÁCH I SỬ KÝ ĐOẠN 1 ĐẾN 9.

Ít nhất hai lần cho biết Bảng Gia phổ này được lập sau thời bị lưu đày trở về:

Đoạn 3:17, “Con trai của Giê-chô-nia, tức người bị lưu đày, là Sa-la-thi-ên”.

Đoạn 9:2, “Sau khi từ Ba-by-lôn trở về, các người ở đầu tiên trong địa nghiệp...”.

Do ngày nay, ở thế kỷ 21, loài người không còn chế độ lưu đày, nên khó cảm thông về tầm quan trọng của Bảng Gia phổ này. Người học Kinh thánh phải nhớ rằng dân Y-sơ-ra-ên đã bị lưu đày 70 năm tại nước Ba-by-lôn, họ bị lưu đày, không phải họ di dân hoặc đi du lịch.

Sách Đa-ni-ên 1:3-7 ghi lại tình cảnh nguy hiểm của người Y-sơ-ra-ên khi bị lưu đày sang Ba-by-lôn. Người Ba-by-lôn đã chọn những người trẻ Y-sơ-ra-ên, trong vòng vua, và trong hàng quan sang, mà đem đến mấy kẻ trai trẻ không có tật nguyền, mặt mày xinh tốt, tập mọi sự khôn ngoan, biết cách trí, đủ sự thông hiểu khoa học...”. Người Ba-by-lôn muốn ‘Ba-by-lôn hóa’ các thế hệ sau của người Y-sơ-ra-ên, họ cho những người trẻ Y-sơ-ra-ên học văn hóa Ba-by-lôn, ăn thức ăn của người Ba-by-lôn, ngay cả đổi tên theo tên người Ba-by-lôn trong ý nghĩa thuộc các thần của người Ba-by-lôn.

Với áp lực như vậy, qua 70 năm lưu đày, người Y-sơ-ra-ên thế hệ F1, F2, khó hay không có điều kiện bảo tồn bản sắc Y-sơ-ra-ên, trong đó là Gia-phổ. Sau 70 năm lưu đày, dân Y-sơ-ra-ên có thể mất đi nguồn gốc thuần chủng, sự liên hệ các đời đã bị phá vỡ, nhiều người không còn biết gốc gác của dòng họ mình như E-xơ-ra 2:59, “Đây là những người ở Tên-Mê-la, Tên-Hạt-sa, Kê-rúp-A-đan, và Y-mê trở lên, không thể nói rõ gia tộc và phổ hệ mình đang chỉ rằng mình thuộc về dòng dõi Y-sơ-ra-ên hay không”. Do đó rất cần có Bảng Gia Phổ này để tái xác nhận sự liên hệ chủng tộc trải qua gần 3.500 năm - một việc làm không dân tộc nào sánh được.

Tâm lý người đọc và học Kinh thánh thường không chú ý những phần gia phổ, nhưng thật sự Bảng Gia Phổ trong sách I Sử ký này rất quan trọng. Bảng gia phổ 9:2-34 là sau thời lưu đày, câu 1 là câu cuối cùng của đoạn trước. Giữa hai câu 1 và câu 2 cho thấy sách Sử ký là gạch nối giữa thời kỳ Tiền và Hậu lưu đày.

Bảng gia phổ đã được giới thiệu như một Cây Dân tộc của Đức Chúa Trời.

ĐOẠN 1: Gốc của Cây là A-đam phát ra 3 nhánh: Sem, Cham và Gia phết. Tên của Sem được đặt trước vì là người được chọn. Nhưng kể tên trong BẢNG GIA PHỔ thì người nhỏ để sau, trong đó người được Chúa chọn người trẻ nhất là Sem. Nhánh Áp-ra-ham thì Y-sác được chọn. Nhánh Y-sác thì Gia-cốp được chọn, Ê-sau bị loại. Chấm dứt đoạn 1 là sự tuyển chọn để chọn ra một dân tộc.

ĐOẠN 2, Bảng Gia phổ ghi dòng dõi được Đức Chúa Trời chọn liên hệ đến sự cứu chuộc, sự chọn lựa từ Gia-cốp đến Giu-đa (2:5), đến Đa-vít (2:15). Gia-phổ Ca-lép (2:10-24) là một vị anh hùng đức tin, cũng thuộc chi phái Giu-đa nhưng không phải dòng được chọn. Cuối cùng sau khi đã ghi chép đầy đủ một gia phổ được chọn lựa từ A-đam đến Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, Giu-đa, Đa-vít, sách Sử ký đã ghi lại gia phổ các chi phái (4; - 8:). Điểm đáng chú ý là tác giả đã ghi rất rõ và đầy đủ chi phái Lê-vi (6:) và A-rôn, điều đó chứng tỏ người viết sách I Sử ký có liên hệ mật thiết với chi phái Lê-vi. Chi phái Đan và chi phái Sa-bu-lôn không có tên trong các bảng gia phổ Hậu Lưu Đày, phải đến Khải huyền 7:5-8 thì chi phái Sa-bu-lôn được khôi phục.

BẢNG GIA PHỔ THỨ BA TRONG SÁCH MA-THI-Ơ.

Người học Kinh thánh chắc chắn phải biết Bảng Gia phổ thứ ba bắt đầu Tân Ước này. Nếu không có Bảng Gia phổ này, loài người không biết Đấng Cứu thế Jêsus đến từ đâu. Nhờ Bảng Gia phổ này, loài người – nói chung, và người học Kinh thánh – nói riêng, biết Nguồn Gốc Đấng Cứu thế Jêsus Christ:

Math. 1:1 ghi: Gia phổ Đức Chúa Jêsus Christ, con cháu Đa-vít và con cháu Áp-ra-ham, nghĩa là Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời gác lại địa vị của một Đức Chúa Trời Tạo hóa đến thế gian (Phi-líp 2:6-8) theo dòng dõi vua Chánh thống Đa-vít được làm vua chánh thống từ dòng dõi của Áp-ra-ham được chọn, như lời Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham: “các chi tộc nơi thế gian sẽ nhờ ngươi mà được phước” (Sáng. 12:3)

Bảng Gia phổ ghi trong sách Tin Lành Ma-thi-ơ đoạn này quan trọng nữa là Chúa Jêsus Christ giáng sanh thuộc dòng dõi vua Đa-vít nhưng không phải được Giô-sép sanh ra, lại được sanh ra bởi Ma-ri, cũng là người thuộc dòng vua Đa-vít (Luca 3:23-38), đúng như lời Đức Chúa Trời hứa ngay khi tổ phụ loài người phạm tội, Đấng Cứu Thế đến giày đạp đầu quỉ Sa-tan sẽ thuộc dòng dõi người nữ (Sáng. 3:15). Kỳ diệu thay, Thánh Linh Đức Chúa Trời đã truyền dạy ông Ma-thi-ơ viết từ đầu gia phổ là cha sanh con, nhưng đến câu 16, Gia-cốp sanh Giô-sép LÀ CHỒNG MA-RI; MA-RI LÀ NGƯỜI SANH ĐỨC CHÚA JÊSUS CHRIST!, không phải do Giô-sép sanh ra. Thật kỳ diệu thay!

SÁCH I SỬ KÝ 7

Đề mục: ĐƯỢC CHỌN

Kinh thánh: Sách I Sử ký

Câu gốc: I Sử 17:21-22

Mục đích: Học tiếp Kinh thánh trong chương trình học xuyên suốt qua Kinh thánh. Nhắc nhở con cái Chúa biết quý trọng địa vị được Chúa chọn.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta có cơ hội cùng học Kinh thánh, cá nhân tôi rất được an ủi và khích lệ. Xin Chúa ban ơn lành trên Quý vị là những người yêu mến lời Chúa. Hôm nay, tôi muốn nhờ ơn Chúa cùng học với Quý vị qua toàn bộ sách I Sử ký với câu Kinh thánh chìa khóa trong đoạn 17 câu 21 và 22, “Chớ thì trên thế gian có dân nào giống như dân Y-sơ-ra-ên của Chúa, một dân tộc mà Đức Chúa Trời đi chuộc lại làm dân riêng của Ngài sao?... Vì dân Y-sơ-ra-ên, Chúa đã khiến thành dân riêng của Ngài đến đời đời; còn Đức Giê-hô-va ôi, Ngài trở nên Đức Chúa Trời của họ”. Từ câu Kinh thánh chìa khóa đó, tôi chọn đề tài cùng học cho sách I Sử ký là ĐƯỢC CHỌN!

I/. I Sử 1: - 9: - MỘT DÂN TỘC ĐƯỢC CHỌN

Như chúng ta đã nói đến, giống như các sách I và II Sa-mu-ên, cùng sách I Các Vua và II Các Vua, hai sách Sử ký I và Sử ký II trong nguyên bản tiếng Hi-bá-lai sách Sử ký được chia làm hai do các Dịch giả bản 70, khi dịch Kinh thánh Cựu Ước ra tiếng Hi Lạp, do độ dài cố định của một quyển sách thời đó nên phải tách làm hai quyển, và các Dịch giả này đặt tên sách là Những Điều bị Bỏ Quên, bởi họ cho rằng sách Sử ký ghi lại những điều mà các sách Sa-mu-ên và Các Vua đã bỏ quên.

Mãi đến thế kỷ thứ IV sau Chúa, thánh Jêrome đã đặt tên cho sách là sách Sử ký, khi ông dịch Kinh thánh ra tiếng La-tinh, có nghĩa là Sách Ghi Chép Truyện Đã Xảy Ra. Sách Sử ký thứ I là một sách rất đặc biệt, vì tác giả đã dùng 9 đoạn đầu tiên của sách để ghi chép một loạt gia phả của tuyến dân.

Tâm lý thông thường của chúng ta là không chú ý đến phần gia phả, do đó thường ít người đọc các gia phả, nếu không vì bắt buộc. Thái độ này cũng được thấy đối với sách Ma-thi-ơ đoạn 1.

Tuy nhiên những bảng gia phả này rất quan trọng. Vì sau khi bị lưu đày 70 năm qua Ba-by-lôn, tuyến dân Y-sơ-ra-ên hầu như mất đi nguồn gốc, ít người còn nhớ đến mình thuộc dòng dõi nào, chi phái nào như trong Exơra 2:59 đã xác nhận.

Rõ ràng đây là ý chỉ của Đức Chúa Trời đối với tuyến dân, một dân tộc được Chúa chọn như I Sử ký 17:21-22 đã nói: “Chớ thì trên thế gian có dân tộc nào giống như Y-sơ-ra-ên của Chúa, một dân tộc mà Đức Chúa Trời đi chuộc lại làm dân riêng của Ngài sao?... Vì dân Y-sơ-ra-ên, Chúa đã khiến thành dân riêng của Ngài đến đời đời”.

Đoạn 1, ngay câu 1 với những lời khởi đầu đã cho chúng ta biết ý chỉ của Đức Chúa Trời khi cho phép ghi bảng Gia phả này. Sách Sáng thế ký đoạn 4, A-đam có ba người con trai: Người con trai lớn là Ca-in, là con trưởng nắm giữ quyền thừa kế, nhưng Ca-in đã bị loại vì đã giết em mình bởi lòng ganh tị. Người con trai thứ hai là A-bên, đã bị anh mình là Ca-in giết, nên không thể kế thừa. Đến Sết là con trai thứ ba,

theo Sáng. 4:25-26 ghi lại, Sết được sanh ra thế cho A-bên, và từ đây người ta bắt đầu cầu khẩn Đức Giê-hô-va.

Vì vậy, Bảng gia phổ bắt đầu với câu: A-đam sanh Sết... và được giới thiệu như một cây dân tộc, dân của Đức Chúa Trời - mà gốc của cây là A-đam lần lần phát ra ba nhánh là Sem - Cham và Gia-phết, nhưng hai nhánh Gia-phết và Cham bị loại, Chúa chọn nhánh Sem.

1:28, trong nhánh của Sem sanh ra Áp-ra-ham. Từ Áp-ra-ham sanh ra những người con trai khác, nhưng tất cả bị loại, chỉ Y-sác được chọn (1:34). Rồi từ Y-sác sanh hai con trai là Ê-sau và Y-sơ-ra-ên. Đặc biệt là người viết sách Sử ký không gọi tên 'Gia-cốp', nhưng gọi tên Y-sơ-ra-ên là tên mà Đức Chúa Trời đã đặt cho Gia-cốp tại rạch Gia-bốc, đánh dấu Chúa đã chọn Y-sơ-ra-ên làm một dân tộc thánh cho Chúa. Ê-sau bị loại, và Y-sơ-ra-ên được chọn.

2:1-2, Y-sơ-ra-ên có 12 con trai, nhưng đến câu 2, Đức Chúa Trời đã chọn người con trai thứ tư của Y-sơ-ra-ên là Giu-đa lập nên chi phái Giu-đa, từ chi phái Giu-đa, Đức Chúa Trời chọn gia đình của Y-sai. Y sai có 7 người con trai, và người con trai thứ bảy là con út tên Đa-vít được chọn.

Đến 3:1-8, Kinh thánh cho chúng ta biết Đa-vít có sáu con trai sanh tại Hép-rôn (3:4), có bốn người con trai sanh tại Giê-ru-sa-lem với Bát-sua (3:5), lại có thêm chín con trai khác nữa (3:8). Như vậy, tổng cộng Đa-vít có ít nhất 19 người con trai chánh thức, chưa kể những đứa con với các cung phi (3:9). Thế nhưng, đến 3:10, ngay lập tức bảng gia phổ ghi lại dòng dõi Đa-vít thuộc hệ của Sa-lô-môn, một dòng dõi đã kế thừa ngôi vua của Đa-vít.

Tiếp theo, từ đoạn 4 đến đoạn 8, bảng gia phổ ghi chép về các chi phái khác. Đến đoạn 9:1-2, bảng gia phổ chuyển sang danh sách những người từ lưu đày trở về. Một lần nữa, kỳ diệu thay, bảng gia phổ đã ghi dòng dõi thuộc chi phái Giu-đa đứng đầu trong tuyển dân Y-sơ-ra-ên được chọn.

Câu hỏi được đặt ra cho chúng ta là: 'Tại sao Đức Chúa Trời lại chọn dân Do Thái? Tại sao Đức Chúa Trời lại chú trọng đến dòng dõi Y-sơ-ra-ên dường ấy?' Thắc mắc này đã trở thành một bài thơ với những lời rất ngắn:

Đức Chúa Trời kỳ quái

Lại chọn dân Do Thái!

Có người đã hỏi tôi: 'Tại sao Đức Chúa Trời không chọn dân Việt Nam chúng ta? Thật ra chúng ta không hiểu hết ý chỉ tốt lành của Đức Chúa Trời. Nhưng chúng ta phải nhìn nhận rằng Đức Chúa Trời có lý do của Ngài để chọn dân Y-sơ-ra-ên, vì họ có một tổ phụ Áp-ra-ham được gọi là ÔNG TỔ ĐỨC TIN, còn tổ phụ của người Việt Nam chúng ta thường được cho là Con Rồng Cháu Tiên. Những Danh từ: CON RỒNG CHÁU TIÊN đã nói lên xuất phát dân tộc Việt Nam là từ những mê tín dị đoan, thờ lạy sai lạc, vì không biết Đức Chúa Trời.

Dù vậy, cảm ơn Chúa, bởi ân điển, Đức Chúa Trời đã cho phép dân tộc Việt Nam chúng ta có cơ hội được nghe Tin Lành, dù muộn nhưng cũng đã trải qua hơn 100 năm, từ 1911 đến nay. Dù ít, nhưng cũng đã có độ HAI TRIỆU người Việt Nam được chọn làm con của Ngài. Một phương diện, chúng ta cảm ơn Chúa vì Ngài không quên dân tộc Việt Nam chúng ta, Chúa đã cho HAI TRIỆU người Việt Nam tin nhận Chúa Jê-sus Christ và làm con của Chúa. Tuy nhiên, một phương diện khác, còn quá nhiều người Việt Nam chúng ta chưa được chọn, chưa được cứu. Nếu người Việt Nam đã tin Chúa Jê-sus không rao giảng Tin

Lành thì họ sẽ bị loại, trong bảng gia phổ những người bị loại, rũi thay lại có vô số những người bà con, thân tộc của chúng ta.

Hơn 50 năm trước, một Đầy tớ của Chúa là Mục sư Lê Đình Tư đã viết lời cho một bài Thánh ca thật cảm động, trong Thánh ca số 361, “Đồng bào thiếu số ở nơi non xanh, cùng một huyết tánh khác chi tôi anh, sống dưới bóng tối, tương lai u minh... Mình được Chúa cứu ở yên sao đang đốt đuốc linh đi khắp nơi lâm san, bao quản đường sá gian nan. Bằng mình nấn ná trễ nải hôm nay, đồng bào sắp chết đấm trôi loi nhoi, sắp chết giữa biển thăm sâu vô nhai; ta phải chịu máu oan ai? Nửa sống nửa chết khổ đau hằng ngày, ta nữ ngòi đó khoan tay?!

Nguyện Chúa cảm động mỗi chúng ta không thể ngòi khoan tay an hưởng, mà nổ lực ra đi, để trong gia phổ những người được chọn có dân tộc Việt Nam chúng ta, có tên những người bà con thân tộc của chúng ta.

II/. I Sử ký đoạn 10 đến 29 - MỘT NGƯỜI ĐƯỢC CHỌN:

I Sử ký đoạn 10, chúng ta thấy Đức Chúa Trời có kế hoạch cứu rỗi của Ngài qua việc tuyển chọn một dân tộc, rồi từ dân tộc đó, Đấng Cứu Thế sẽ đến thế gian.

I Sử ký đoạn 10 thuật lại cái chết bi thảm của vua Sau-lơ với lý do Đức Chúa Trời dời nước từ Sau-lơ sang Đa-vít: (1) Sau-lơ phạm tội cùng Đức Giê-hô-va vì chẳng có vâng theo mạng lệnh của Ngài; và Sau-lơ lại cầu hỏi bà bóng mà không cầu hỏi Đức Giê-hô-va (I Sử 10:13).

Trong khi sách Sử ký thứ I chỉ dùng một đoạn 10 ngắn để nói về lý do Sau-lơ bị từ bỏ, sách lại dùng từ đoạn 11 đến đoạn 29 để thuật lại sự lên ngôi và cai trị của Đa-vít đến khi Đa-vít băng hà.

Đặc biệt đáng khi thuật lại quãng đời làm vua của Đa-vít, người viết sách Sử ký thứ I không ghi những sự kiện mà sách Sa-mu-ên thứ I và thứ II đã ghi:

Sách I Sử ký không ghi lại quãng đời thơ ấu của Đa-vít, ngay cả việc không ghi lại trận chiến thắng oai hùng của Đa-vít trước lực sĩ Gô-li-át.

Trong khi sách Sa-mu-ên thuật lại rất chi tiết quãng thời gian Đa-vít chạy trốn nạn Sau-lơ, thì sách I Sử ký chỉ ghi lại bằng một câu: “Trong khi Đa-vít tránh khỏi mặt Sau-lơ, con trai của Kích” (I Sử 12:1). Lời thuật này cũng không chú ý nói về hoạn nạn của Đa-vít, mà chỉ có mục đích giới thiệu những người theo Đa-vít.

Sách I Sử không ghi lại những lỗi lầm của Đa-vít như tội tà dâm đối với Bát-sê-ba, giết U-ri, hầu như chỉ ghi những mặt tốt của Đa-vít, nhất là tấm lòng của Đa-vít đối với Chúa bày tỏ qua việc khao khát xây dựng một Đền thờ cho Chúa cùng với việc tổ chức nghi lễ trong Đền thờ.

Đa-vít thật xứng đáng với sự chọn lựa của Chúa và những đặc ân Chúa dành cho ông, vì 3 điều ông đã làm đối với Chúa:

Đa-vít rất quan tâm đến sự hiện diện của Chúa, sự hiện diện của Chúa được bày tỏ qua Hòm Giao ước, Đa-vít đã rước Hòm Giao ước về Giê-ru-sa-lem (đoạn 13-16).

Đa-vít biết hạ mình khiêm nhường trước mặt Chúa. 15:27 mô tả sự khiêm nhường của Đa-vít trước mặt Chúa qua hành động hòa mình với dân sự trong lúc rước hòm giao ước.

17:16, lúc nào Đa-vít cũng lòng dạn lòng nhận biết ông được Chúa chọn là bởi ân điển, không bởi tài năng cá nhân.

21:8, Đa-vít có lòng mềm mại biết ăn năn khi phạm tội với Chúa.

Đa-vít là người dâng hiến nhiều nhất cho Chúa. Dù Đa-vít không được Chúa cho phép trực tiếp xây dựng Đền thờ cho Chúa, nhưng rõ ràng phần lớn vật liệu xây dựng Đền thờ của Sa-lô-môn là do Đa-vít dâng hiến.

Có người nói nếu tôi là vua Đa-vít, tôi cũng sẽ dâng như Đa-vít đã dâng. Thật sự chúng ta phải nghi ngờ lời nói này, vì Chúa phán: Ai trung tín trong việc nhỏ, cũng sẽ trung tín trong việc lớn. Ngay từ lúc còn nghèo, số dâng còn rất ít mà chưa dâng được, thì lấy gì đảm bảo sẽ dâng nhiều khi Chúa cho giàu có. Có phải chăng vì Chúa biết chúng ta khi giàu sẽ khó dâng hiến, nên Ngài chưa cho chúng ta giàu? Và lại trong sự dâng hiến, Chúa không đánh giá qua số lượng mà Chúa đánh giá từ tấm lòng của chúng ta với Chúa. Luca 21:4, người đàn bà này dâng hiến với những đồng tiền giá trị thật là nhỏ, hai đồng mới ăn được một phần tư xu, nhưng Chúa đã phán: “Bà ấy DÂNG NHIỀU HƠN HẾT THẢY những người đã bỏ tiền vào trước đó”.

Đến đây, qua đời sống của Đa-vít, chúng ta có một bài học quý báu về dấu hiệu của một người được Chúa chọn. Người được Chúa chọn là người có đời sống giống như Đa-vít. Giống như thế nào?

Lúc nào cũng muốn sống trong sự hiện diện của Chúa.

Là một người khiêm nhường hòa mình với anh em trong công việc Chúa.

Là người có lòng dâng hiến rộng rãi cho công việc Chúa.

Xin Chúa tìm thấy được nhiều Đa-vít trong đời này!

SÁCH I SỬ KÝ 8

Đề mục: ĐA-VÍT - NGƯỜI ĐƯỢC CHỌN

Kinh thánh: I Sử ký 29:26-30

Câu gốc: I Sử 29:28

Mục đích: Tìm hiểu dù trong những thành bại, nhưng Đa-vít là người được Chúa chọn lúc nào cũng vươn lên, để áp dụng vào đời sống cá nhân người tin Chúa Jêsus ngày nay.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học lời Đức Chúa Trời là Kinh thánh. Từ sách I Sa-mu-ên, trải qua bốn sách I, II Sa-mu-ên, I và II Các Vua và bây giờ là sách I Sử ký, nhân vật được nhắc đến nhiều nhất là Đa-vít, với những hình ảnh Đa-vít lúc thiếu niên trong gia đình, đến khi bị hoạn nạn, rồi lên ngôi làm vua nước Y-sơ-ra-ên. Hôm nay, chúng ta sẽ ôn lại đời sống của Đa-vít, bài học mà chúng ta học được là Đức Chúa Trời chọn người mà Ngài yêu mến không phải là những dạng lý tưởng, hoặc dạng hiền nhân triết gia, hoặc dạng siêu nhân, mà một người hoàn toàn bình thường như mọi người, chỉ có điều kiện là như con biết vâng lời cha, đúng như câu người Việt Nam thường nói: Yêu cho roi cho vọt, và chính vua Sa-lô-môn là con của Đa-vít đã kinh nghiệm nơi cha mình: “Hỡi con, chớ khinh điều sửa phạt của Đức Giê-hô-va, chớ hiềm lòng khi Ngài quở trách; vì Đức Giê-hô-va yêu thương ai thì trách phạt nấy, như một người cha đối cùng con trai yêu dấu mình” (Châm. 3:11-12)

I/. I Sử ký 29:26-27 – ĐỊA VỊ NGƯỜI ĐƯỢC CHỌN:

Phân đoạn Kinh thánh này là những lời tóm tắt toàn bộ chức vụ làm vua của Đa-vít đến khi qua đời, tất cả là 40 năm, gồm:

7 năm làm vua cai trị tại Hép-rôn, tức là phần phía Nam thuộc chi phái Giu-đa, chi phái của dòng dõi Đa-vít, trong lúc con cháu của Sau-lơ còn cai trị phía Bắc.

33 năm làm vua cai trị một Y-sơ-ra-ên thống nhất với thủ đô là Giê-ru-sa-lem.

Nhưng để có 40 năm thi hành chức vụ cai trị trên Y-sơ-ra-ên như vậy, Đa-vít đã trải qua biết bao nhọc nhằn trước khi ngồi vào chức vụ cai trị và ngay cả đang khi cai trị, con đường chức vụ của Đa-vít là một con đường đầy dẫy chông gai.

Để biết được con đường chức vụ chông gai này của Đa-vít, chúng ta phải đọc lại sách Sa-mu-ên thứ nhất và thứ hai.

I Sa-mu-ên 16:11, ngay khi được giới thiệu, Đa-vít đã bị một sự khinh dể và chèn ép. Trong lúc cả gia đình rộn rịp đón tiếp tiên tri Sa-mu-ên với mục đích tìm một người kế vị Sau-lơ, 6 người anh của Đa-vít đều có mặt với tư thế sẵn sàng được xúc dầu, thì Đa-vít phải ở ngoài đồng chăn chiên, không được dự.

I Sa-mu-ên 17:28, giữa lúc chiến trường đang cần người đối địch với lực sĩ Gô-li-át, người ta vẫn nhìn Đa-vít như một người không cần thiết, không làm được gì ngoài việc chăn chiên và ham vui.

I Sa-mu-ên 18:6-9, chiến công đặc biệt của Đa-vít được dân chúng yêu mến bao nhiêu thì đã làm cho người lãnh đạo là vua Sau-lơ giận bấy nhiêu, Đa-vít trở nên một cái gai phải nhổ bỏ.

Tiếp theo đó là những ngày chạy trốn, lặn lội rày đây mai đó, dưới sự truy giết của Sau-lơ, dù Đa-vít đã hết sức hạ mình tôn người lãnh đạo của mình là vua Sau-lơ làm 'cha', tự nhận mình chỉ là con chó chết, một con bọ chết (I Sa-mu-ên 24:9-16).

Đến sách II Sa-mu-ên, Kinh thánh đã ghi lại những hoạn nạn của Đa-vít trong những năm tháng thi hành chức vụ cai trị trên Y-sơ-ra-ên:

II Sa-mu-ên 5:1-3, phải đợi đến 7 năm sau, Đa-vít mới được cả Y-sơ-ra-ên thừa nhận chức vụ của ông trên dân Chúa.

II Sa-mu-ên đoạn 13 đến đoạn 18, Đa-vít rơi vào những hoạn nạn lớn, những người con của Đa-vít đã làm khổ ông, gây nên cảnh tre khóc măng: các con trong gia đình hại nhau, giết nhau; rồi con của Đa-vít làm một cuộc soán ngôi, khiến Đa-vít phải bỏ kinh đô Giê-ru-sa-lem mà chạy trốn, để rồi lại phải khóc cho đứa con phản nghịch là Áp-sa-lôm bị giết chết.

Đến cuối cuộc đời, sách Các Vua thứ nhất, đoạn 1, Đa-vít già yếu, nhưng Đa-vít vẫn không được yên thân khi nhìn thấy các con tranh giành chiếc ngai vàng cách sống chết.

Từ khi Đa-vít bước chân vào chức vụ, có biết bao nhiêu là hoạn nạn. Nhưng cảm ơn Chúa, Đa-vít đã cậy ơn Chúa để làm xong chức vụ Chúa đã chọn ông làm cách vinh hiển. Dù hoạn nạn triền miên, nhưng Đa-vít đã chứng tỏ ông là người được Chúa chọn qua chức vụ mỗi ngày mỗi thăng tiến hơn cho đến khi xong việc Chúa giao.

Chính Chúa Jêsus Christ từ lúc Ngài giáng sanh còn bé bỏng, đã phải nếm trải hoạn nạn liên tục. Rồi trong 3½ năm thi hành chức vụ, thật không có lúc nào Cứu Chúa của chúng ta được thanh thoi, lúc nào cũng bị soi mói, gài bẫy, thậm chí đến lúc chết trên thập tự giá vẫn phải nghe những lời cay đắng, châm chích của một tên ăn cướp.

Sứ đồ Phao-lô cũng được Kinh thánh ghi lại đầy đủ những hoạn nạn trong chức vụ của ông ngay từ khi bắt đầu đến khi bị tử hình nơi pháp trường La Mã. Đến nỗi Phao-lô đã nói với các Chấp sự thuộc Hội Thánh tại Ê-phê-sô rằng: "Tôi hầu việc Chúa cách khiêm nhường, phải nhiều nước mắt, và ở giữa những sự thử thách mà người Giu-đa đã lập mưu hại tôi" (Công vụ 20:19).

Cảm ơn Chúa, cuối cùng Đa-vít, Chúa Jêsus Christ cũng như Phao-lô đã làm xong chức vụ Chúa giao. Anh chị em hãy nghe Phao-lô nói về chức vụ hoạn nạn của ông trong II Cô. 4:8-17. Tôi không biết anh chị em từ ngày tin Chúa, từ ngày góp phần hầu việc Chúa có gặp hoạn nạn gì không, nhưng về cá nhân tôi cũng bao phen ngã lòng lấm trước những Sau-lơ chớ không phải Gô-li-át, nhưng xin Chúa là Đức Chúa Trời của Đa-vít, của Cứu Chúa Jêsus Christ chúng ta, của Phao-lô, làm cho chức vụ chúng ta càng tăng tiến hơn trong hoạn nạn đó.

II/. I Sứ ký 29:28 – CON CÁI NGƯỜI ĐƯỢC CHỌN:

Câu 28 phần a, có 3 điều Đa-vít thỏa nguyện:

Đa-vít thỏa nguyện về đời mình, vì ông đã sống được 70 năm trên đất

Đa-vít thỏa nguyện về sự giàu có.

Đa-vít thỏa nguyện về vinh hiển, bởi các nước lân bang đều bị thần phục.

Nhưng có một điều Đa-vít không thỏa nguyện: ấy là các con của Đa-vít. Theo I Sử ký 3:1-9, ít nhất Đa-vít đã có 19 người con trai, không kể các con trai của cung phi và con gái. Tuy nhiên cuối cùng chỉ còn một mình Sa-lô-môn là nên người kế vị cho Đa-vít.

Chúng ta hãy thử xét qua đời sống các con trai của Đa-vít:

II Sa-mu-ên 13, người con trai thứ nhất của Đa-vít được Kinh thánh nói đến là Hoàng tử Am-nôn đã phạm tội với em gái một cha khác mẹ của mình, sau đó còn sỉ nhục người em gái ấy. Hậu quả của tội lỗi này là Am-nôn bị anh của Ta-ma là Áp-sa-lôm lập mưu đánh chết, còn Áp-sa-lôm phải trốn đi (II Sa-mu-ên 13:29).

II Sa-mu-ên đoạn 14 đến đoạn 18, người con trai thứ hai của Đa-vít được Kinh thánh nói đến là Áp-sa-lôm. Sau biến cố Am-nôn, Áp-sa-lôm với sự ủng hộ của quan Tổng binh Giô-áp, được Đa-vít tha thứ cho trở về. Buồn thay, Hoàng tử Áp-sa-lôm đã lập mưu chiếm được lòng dân và cướp ngôi của vua cha Đa-vít, khiến Đa-vít phải bỏ chạy khỏi Giê-ru-sa-lem. Cuối cùng của cuộc nổi loạn này là cái chết của Áp-sa-lôm. Lòng của Đa-vít một lần nữa tan vỡ khóc thương đứa con trai thứ hai với bài ca thống thiết: “Vua rất cảm thương, bèn lên lầu cửa thành và khóc. Người vừa đi vừa nói rằng: Ôi, Áp-sa-lôm, con trai ta! Áp-sa-lôm, con trai ta! con trai ta! Ước chi chính ta chết thế cho con! Ôi, Áp-sa-lôm! con trai ta! con trai ta!” (II Sa-mu-ên 18:33).

I Vua 1:5-10, người con trai thứ ba của Đa-vít được Kinh thánh nói đến là A-đô-ni-gia, em kế của Áp-sa-lôm. Trong lúc Đa-vít già yếu chờ chết, thì A-đô-ni-gia đã tổ chức một cuộc tranh giành ngai vàng không cần di chúc của vua cha. Kết quả của cuộc nổi loạn này là A-đô-ni-gia phải chết (I Vua 2:25).

Ít nhất có ba người con trai của Đa-vít bị giết chết, và chết một cách vô lý. Ít nhất hai lần Đa-vít phải nếm cảnh tre già khóc măng. Nói chung, các con trai của Đa-vít đã làm khổ ông rất nhiều. Nếu tính luôn Sa-lô-môn, một người cũng hư hỏng vào lúc cuối đời, thì Đa-vít mất hào con.

Người Việt Nam có câu: cha làm thầy, con đốt sách, đó là tình cảnh của Đa-vít. Đây là bài học cảnh tỉnh người tin Chúa Jê-sus. Con em chúng ta là tương lai gia đình, tương lai của Hội Thánh. Anh chị em có nhớ câu Kinh thánh đã được ghi như một lời cảnh cáo chúng ta trong sách Các Quan Xét 2:10-11 không? “Hết thầy người đời ấy cũng được tiếp về cùng tổ phụ mình; rồi một đời khác nổi lên, chẳng biết Đức Giê-hô-va, cũng chẳng biết các điều Ngài đã làm nhơn vì Y-sơ-ra-ên. Bấy giờ dân Y-sơ-ra-ên làm ác trước mặt Đức Giê-hô-va”.

Nguyện Chúa dùng bài học này của Đa-vít để cảnh tỉnh chúng ta nhớ đến con cái của mình trong gia đình và trong Hội Thánh.

III/. I Sử ký 29:29-30 – LỖI LẦM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CHỌN:

Trong câu 29, sách Sử ký nhắc đến những việc liên quan đến đời sống của Đa-vít đã được ghi trong sách Sa-mu-ên, mà sách Sử ký không ghi lại. Sách Sa-mu-ên ghi điều gì? Sách Sa-mu-ên đã ghi lại những lỗi lầm của Đa-vít:

II Sa-mu-ên 11:2-5 ghi lỗi lầm của Đa-vít rất lớn, ấy là Đa-vít đã bị cám dỗ cướp vợ của U-ri. Từ tội cướp vợ này, Đa-vít đã lập mưu để giết chết U-ri ngoài chiến trường.

II Sa-mu-ên 24:10 ghi lỗi lầm thứ hai của Đa-vít liên quan đến sự kiêu ngạo ra lệnh tu bộ dân sự.

Cả hai tội lỗi này xảy ra trong đời sống của Đa-vít vào những thời điểm thịnh vượng của triều đại Đa-vít. Nếu so sánh với những tội lỗi của các thánh đồ từng được Kinh thánh nói đến, như tội không vâng lời của Sau-lơ trước đó, thì rõ ràng tội lỗi của Đa-vít là lớn hơn hết thảy.

Tuy nhiên, qua những tội lỗi của Đa-vít, chúng ta học được điều gì?

Bài học thứ nhất, dù Đa-vít là người được chọn, là người được Chúa yêu thương, nhưng ông cũng là con người, mà con người thì không có một người nào công bình trên đất, dẫu một người cũng không (Rôma 3:10). Có đôi lúc Chúa cho phép những lỗi lầm xảy ra trong đời sống các thánh đồ, trong đời sống chúng ta, như một cái giằng xóc, như cái thắt để giữ chúng ta khỏi sự kiêu ngạo (II Cô. 12:7).

Bài học thứ hai mà chúng ta cần học về lỗi lầm của Đa-vít, dù Đa-vít là vua, nhưng hai lần phạm tội với Chúa, bị quở trách, Đa-vít đều nhận tội, không hề chối cãi, bào chữa:

II Sa-mu-ên 12:13, khi tiên tri Na-than quở trách tội lỗi của Đa-vít, Đa-vít đã lập tức nhìn nhận tội lỗi: “Ta đã phạm tội cùng Đức Giê-hô-va”; I Sứ ký 21:8, khi biết việc tu bộ dân sự là việc không đẹp lòng Đức Chúa Trời, Đa-vít đã lập tức ăn năn nhận tội với Chúa: “Tôi làm điều đó, thật là phạm tội lớn... vì tôi có làm cách ngu dại”.

Đó là lý do Chúa tha thứ và tiếp tục dùng Đa-vít trong công việc Chúa. Dù Chúa rất yêu thương Đa-vít, dù Đa-vít thật lòng ăn năn tội với Chúa, nhưng hậu quả của tội lỗi vẫn ghi những dấu theo trong đời sống Đa-vít. Ngay khi Đa-vít qua đời, Kinh thánh cũng đã nhắc lại về những lỗi lầm của ông: Các công việc của vua Đa-vít từ đầu đến cuối, đều chép trong sách của Sa-mu-ên. Một ngàn năm sau, đến đời Tân Ước, vết sẹo tội lỗi này cũng được Đức Thánh Linh nhắc lại trong sách Ma-thi-ơ 1:6b, Đa-vít bởi vợ của U-ri sanh Sa-lô-môn. Đức Chúa Trời không chịu khinh để đâu!

Qua đời sống của Đa-vít - Người được Chúa chọn, người được Chúa yêu thương, bày tỏ con đường theo Chúa và phục vụ Chúa phải trải qua nhiều nhọc nhằn, hoạn nạn, nhưng điều quan trọng là mỗi ngày phải lên chốn cao hơn trong chức vụ. Gia đình của Đa-vít là sự cảnh tỉnh người theo Chúa, phục vụ Chúa, e rằng đang lúc chúng ta thành công trong đời thường, đời thuộc linh, nhưng lại thua mất về gia đình, con cái. Phạm là con người thì phạm tội, dù đó là vua, là thánh nhân như Đa-vít. Điều quan trọng là biết ăn năn.

SÁCH I SỬ KÝ 9

TỔNG KẾT CÁC TIÊN TRI THỜI VƯƠNG QUỐC.

TIÊN TRI KHÔNG VIẾT SÁCH.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Chúa cho chúng ta đi qua một chặng dài lịch sử của nước Y-sơ-ra-ên, điều đáng chú ý, đây là thời kỳ xuất hiện nhiều tiên tri rao giảng Lời của Đức Chúa Trời nhất. Chúng ta có thể chia ra ba dạng tiên tri:

Dạng tiên tri không viết sách.

Dạng tiên tri nói tiên tri trong nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc.

Dạng tiên tri nói tri trong nước Giu-đa phía Nam.

Hôm nay, qua Kinh thánh, chúng ta sẽ nhờ ơn Chúa cùng học về Các Tiên Tri Không Viết Sách trong Kinh thánh.

TIÊN TRI NA-THAN VÀ GÁT

Mở đầu thời kỳ Vương quốc chính thức bởi vua Đa-vít, người đọc Kinh thánh sẽ gặp hai vị tiên tri có ảnh hưởng lớn với vua Đa-vít, là Tiên tri Na-than và Tiên tri Gát với địa vị là Cố vấn hoặc vai trò Quân sư bên cạnh vua Đa-vít.

Về tiên tri Na-than:

II Sa-mu-ên 7:2-17, cổ vấn cho vua Đa-vít việc xây Đền thờ.

Na-than quở trách vua Đa-vít về tội tà dâm và giết U-ri trong việc Bát-sê-ba ((Sam. 12:1-23).

Na-than can thiệp cho Sa-lô-môn làm vua (I Vua 1:8-45).

Còn Tiên tri Gát đã có mặt từ những ngày lưu lạc của Đa-vít trốn nạn vua Sau-lơ, đã không cho Đa-vít dẫn gia đình trốn trong xứ Mô-áp; đã tuyên án lệnh của Đức Chúa Trời phạt vua Đa-vít; đặc biệt là Gát có viết sách, nhưng chỉ được dùng tham khảo viết các sách khác trong Kinh thánh (I Sam. 22:5; II Sam. 24:11; I Sử. 29:29; II Sử 29:25). Tất cả hoạt động của hai Vị Tiên tri Na-than và Gát chỉ liên quan với vua Đa-vít.

TIÊN TRI A-HI-GIA – I Vua 11:29-39.

Tiên tri A-hi-gia xuất hiện để cho Giê-rô-bô-am biết Đức Chúa Trời sẽ phân chia mười chi phái phía Bắc cho Giê-rô-bô-am bởi tội lỗi của vua Sa-lô-môn. Lời tiên tri này ứng nghiệm sau khi Sa-lô-môn qua đời, rất tiếc, khi Giê-rô-bô-am làm vua nước Y-sơ-ra-ên đã không đi theo con đường kính sợ Chúa nên bị Chúa trừ bỏ.

TIÊN TRI Ê-LI.

Chúng ta đã nói với nhau rất nhiều về Tiên tri Ê-li, người đã xuất hiện trong sách I Các Vua đoạn 17, đoạn 18, và đoạn 19, trong thời kỳ vua A-háp, thời kỳ đã có hoạt động rất mạnh của các tiên tri tà thần Ba-anh với số lượng lên đến 450 người, dưới sự bảo trợ của Hoàng hậu Giê-sa-bên. Dân Y-sơ-ra-ên đã ‘đi giẹo’ - đi hàng hai, vừa thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời, vừa thờ lạy tà thần Ba-anh. Theo lời Tiên tri Ê-li nói với Chúa thì chỉ còn một mình Tiên tri Ê-li rao giảng Lời Chúa công khai, người thưa rằng: “Tôi đã rất nóng nảy sốt sắng vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân; vì dân Y-sơ-ra-ên đã bội giao ước Ngài, phá hủy các bàn thờ Ngài, dùng gươm giết những tiên tri Ngài; chỉ một mình tôi còn lại, và họ cũng kiếm thế cất mạng sống tôi” (I Vua 19:10), Theo đó, tình trạng bách hại các tiên tri của Chúa phải chịu thật tàn khốc, đoạn 18:4 ghi: “Xảy ra khi Giê-sa-bên diệt hết các đấng tiên tri của Đức Giê-hô-va, thì Áp-đi-a – quan gia tể của vua, rất kính sợ Đức Giê-hô-va (18:3) có đem một trăm đấng tiên tri đi giấu trong hai hang đá, mỗi hang năm mươi người, dùng bánh và nước mà nuôi họ. Còn trong đoạn 19:18, Chúa xác nhận:”Nhưng ta đã để dành lại cho ta trong Y-sơ-ra-ên bảy ngàn người không có quì gối xuống trước mặt Ba-anh, và môi họ chưa hôn nó”.

Và trong tình thế bất bớ nguy hiểm như vậy, cộng thêm khan hiếm lương thực do hạn hán 3½ năm, Ê-li được Đức Giê-hô-va dùng rất đặc biệt:

Ê-li xuất hiện thành linh, trước mặt vua A-háp, không sợ vương quyền của vua, Ê-li nhơn danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên tuyên bố đóng cửa trời, không cho mưa và không cho sương sa xuống (I Vua 17:1-2; Gia-cơ 5:17).

Ê-li được Chúa sai chim quạ đem thịt và bánh đến nuôi nơi khe Kê-rít cho đến khi khe nước bị cạn. Tôi nghĩ đến điều kỳ diệu này: Chúa sai chim quạ mang bánh và thịt đến nuôi Ê-li, chim quạ là loài chim háu ăn, nhất là trong nạn đói; Chúa sai chim quạ nuôi Ê-li, không phải tha bánh và thịt một lần, mà mỗi buổi mai và buổi chiều.

Rồi khi khe nước bị khô, hết nước do hạn hán, Giê-hô-va Đức Chúa Trời lại sai Ê-li đến Sa-rép-ta để bà góa nghèo ơi là nghèo, chỉ còn một nắm bột và một chút dầu làm cái bánh để ăn rồi chết. Thế là Ê-li có thêm một trải nghiệm quyền năng của Chúa tiếp trợ, chẳng những nuôi Ê-li mà nhờ đó Chúa nuôi mẹ con của bà góa. Mẹ con bà góa dám tin lời của một tiên tri nghèo trong cơn hạn hán để nuôi Ê-li. Kỳ diệu quá! “Vậy, nàng đi và làm theo điều Ê-li nói. Nàng và nhà nàng, luôn với Ê-li ăn trong lâu ngày. Bột chẳng hết trong vò, dầu không thiếu trong bình, y như lời Đức Giê-hô-va đã cậy miệng Ê-li mà phán ra” (I Vua 17:15-16).

Tiên tri Ê-li đã rất can đảm thách đấu với 450 tiên tri tà thần Ba-anh trên núi Cạt-mên, để chứng tỏ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời Chân Thần, kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên quay về với Đức Giê-hô-va. Ê-li đã dùng tay mình giết hết 450 tiên tri tà thần Ba-anh, rồi lại cầu mưa cứu xứ sở khỏi hạn hán, khiến đất sanh sản hoa màu (Gia-cơ 5:18). Kinh thánh lại ghi Ê-li chạy trước xe ngựa của vua A-háp. Tuy nhiên, lời hăm dọa của Hoàng hậu Giê-sa-bên khiến Ê-li mất hết can đảm (I Vua 19). Đức Chúa Trời đã can thiệp để bổ sức cho Ê-li và dạy Ê-li làm xong công việc Chúa giao để rồi đem Ê-li về trời bằng xe và ngựa lửa (II Vua 2:11).

TIÊN TRI GIÊ-HU.

Sách II Sử ký 19:1-3 nói đến Giê-hu là đấng tiên kiến, quở trách vua Giô-sa-phát vì vua đã giúp vua A-háp đánh giặc, “Vua há giúp đỡ kẻ hung ác, và thương mến kẻ ghen ghét Đức Giê-hô-va sao? Bởi cớ đó, có cơn giận của Đức Giê-hô-va đến trên vua”.

TIÊN TRI Ê-LI-SÊ

Nói Tiên tri Ê-li thì không thể không nói đến vị tiên tri kế thừa chức vụ Ê-li là Tiên tri Ê-li-sê. Sự xuất hiện của Ê-li-sê trái ngược với Ê-li:

Ê-li thành linh xuất hiện, còn Ê-li-sê thì được Đức Chúa Trời kêu gọi qua Tiên tri Ê-li.

Ê-li được Kinh thánh cho thấy có gia cảnh rất nghèo, phải sống trong sự tiếp trợ của Đức Chúa Trời hằng ngày hằng bữa; còn Ê-li-sê có gia cảnh giàu, có đầy tớ giúp việc, có 12 đôi bò, vậy mà Đức Chúa Trời đặt Ê-li-sê hầu việc Ê-li (I Vua 19:21), kể từ lúc Đức Chúa Trời đặt Ê-li-sê bên cạnh, Tiên tri Ê-li không còn dám than vãn đui với Chúa nữa.

Cảm ơn Chúa, Đức Chúa Trời đã ban cho Tiên tri Ê-li-sê làm nhiều phép lạ hơn Ê-li, ứng nghiệm lời xin của Ê-li-sê, “Khi đi qua rồi, Ê-li nói với Ê-li-sê rằng: Hãy xin điều ngươi muốn ta làm cho ngươi, trước khi ta được cất lên khỏi ngươi. Ê-li-sê thưa rằng: Nguyên xin thần của thầy cảm động tôi được bội phần. Ê-li nói với người rằng: Ngươi cầu xin một sự khó. Song nếu ngươi thấy ta lúc ta được cất lên khỏi ngươi, ắt sẽ được như lời; bằng chẳng, thì không được” (II Vua 2:9-20).

Quả thật, Tiên tri Ê-li-sê được Đức Chúa Trời dùng thay chức vụ của Ê-li gặp bội phần.

Người lấy cái áo tơ đã ở nơi mình Ê-li rơi xuống, đập nước, và nói rằng: Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu? Khi người đã đập nước rồi, nước bèn rẽ ra hai bên, và Ê-li-sê đi ngang qua (II Vua 2:13-14).

Dân cư ở Giê-ri-cô nói cùng Ê-li-sê rằng: Chỗ xây cất thành này tốt lắm, y như chúa tôi thấy; nhưng nước thì độc và đất thì chai. Người đáp: Hãy đem cho ta một cái bình mới, và đựng muối ở trong. Chúng đem bình đến cho người. Người bèn đi đến nguồn nước, đổ muối xuống nước, mà nói rằng: Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ta đã chữa lành cho nước này, tự nó sẽ chẳng còn gây ra sự chết, hoặc sự nân nữa. Vậy, theo lời của Ê-li-sê phán ra, nước được chữa lành còn đến ngày nay (II Vua 2:19-22).

Dầu của bà góa đầy tràn. Một môn đồ đã qua đời để lại vợ góa con cô bị siết nợ bắt con, được Ê-li-sê dạy: Hãy đi ra ngoài mượn những bình không của các kẻ láng giềng người, chớ mượn ít... Nàng liền đi khỏi người, vào nhà với các con trai mình, đóng cửa lại, các con trai nàng đem bình lại, và nàng đổ dầu vào. Khi các bình đã đầy, nàng nói với con trai mình rằng: Hãy đem cho ta một bình nữa. Nhưng nó thưa rằng: Hết trơn bình rồi. Dầu bèn ngừng lại” (II Vua 4:1-7).

Ban cho một con trai. Ê-li-sê nói với người đồn bà rằng: Năm tới, trong lúc này, người sẽ ẵm một đứa con trai... Người đồn bà ấy thọ thai, và một năm sau, cũng trong lúc đó, sanh một đứa con trai, y như lời Ê-li-sê đã nói trước cho nàng (II Vua 4:16-17).

Cứu sống đứa con trai. Khi Ê-li-sê vào nhà, thấy đứa trẻ đã chết, nằm rải trên giường. Ê-li-sê vào trong phòng, đóng cửa lại, có đứa trẻ và mình ở trong, rồi cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va... Rốt lại, nó nhảy mũi bảy lần, và mở mắt ra (II Vua 4:18-37).

Chữa lành nôi canh độc (II Vua 4:38-41).

Hóa bánh ra nhiều. Có một người... đem cho người của Đức Chúa Trời hai mươi ổ bánh lúa mạch, và lúa còn gié để trong bị mình, làm của lễ đầu mùa gặt. Ê-li-sê biểu kẻ tới mình rằng: Hãy đem phát cho các người ăn... Ấy vậy, người đặt các bánh đó trước mặt họ, họ ăn, và còn thừa lại, y như lời của Đức Giê-hô-va đã phán (II Vua 4:42-44).

Câu chuyện được nhiều người học Kinh thánh biết đến là Ê-li-sê chữa lành bệnh phung cho Tổng binh Na-a-man của Sy-ri, với phương pháp Tắm Bảy Lần Nơi sông Giô-đanh Thì Được Sạch (II Vua 5:1-14).

Điều quan trọng là những việc Tiên tri Ê-li-sê làm đều hoàn toàn vì Chúa, vì cứu giúp người có cần, thế mà đầy tớ của Ê-li-sê là Ghê-ha-xi lợi dụng để làm tiền người được cứu giúp như Na-a-man, nên bị Tiên tri Ê-li-sê phạt dính bệnh phung của Na-a-man (II Vua 5:15-27).

Ngoài ra, Ê-li-sê đã làm phép lạ khiến lưỡi rìu nổi trên mặt nước (II Vua 6:1-7); khiến quân Sy-ri bị mù (II Vua 6:9-23); giải cứu thành Sa-ma-ri khỏi cuộc bao vây của quân Sy-ri, cứu thành Sa-ma-ri khỏi đói kém khủng khiếp (II Vua 6:24 – 7:20).

Điều kỳ diệu đáng học là dù cứu giúp nhiều người, làm nhiều phép lạ, nhưng Ê-li-sê đã đau bệnh, tại bệnh ấy người phải chết (II Vua 13:14), Đức Chúa Trời không có một thiên thần Ê-li-sê nhưng Đức Chúa Trời có một con người Ê-li-sê, Đức Chúa Trời muốn có những con người phục vụ Chúa. Lời cuối cùng Kinh thánh ghi về Ê-li-sê: “Ê-li-sê qua đời, và người ta đem chôn người. Đầu năm sau có đoàn quân Mô-áp loạn vào xứ. Vả, xảy ra có kẻ chôn một người, thấy đoàn quân ấy đến, liền liệng thân vào mồ Ê-li-sê. Kẻ chết vừa đụng hài cốt Ê-li-sê, thì sống lại và đứng dậy” (II Vua 13:20-21). Người chết rồi vẫn còn nói (Hê-bơ-rơ 11:4).

TIÊN TRI MI-CHÊ

Sách I Các vua 22 đã ghi vị tiên tri lấy lòng ngay thẳng giảng lời của lễ thật đã nguy với 400 tiên tri giả dối. Trong khi 400 tiên tri chỉ muốn lấy lòng vua A-háp, còn Mi-chê cứ vâng theo lời Đức Giê-hô-va phán, nên đã bị vả miệng, bị giam cầm. Kết quả, vua A-háp chết như lời Chúa phán qua Tiên tri Mi-chê. Một lần nữa, người tin Chúa sống và làm theo ý Đức Chúa Trời hoặc theo số đông?

Xin Chúa nghe tiếng: Theo Ý Chúa! Đây là một trong những lý do người tin Chúa Jêsus cần chính mình trực tiếp học Lời Chúa là Kinh thánh!

SÁCH I SỬ KÝ 10.

CÁC TIÊN TRI VIẾT SÁCH

CHO NƯỚC Y-SƠ-RA-ÊN

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời, xin Chúa ban ơn lành để tìm thấy những bài học quý báu cho đời sống cá nhân chúng ta, cho Hội thánh chung của Chúa Jêsus Christ và cho bao người chưa biết Đức Chúa Trời. Với kinh nghiệm của một người thích đọc sách, đến giờ phút đời sống trước khi ra pháp trường chịu chết vì Chúa, sứ đồ Phao-lô đã viết cho con trai đức tin của mình: “Khi con sẽ đến, hãy đem... những sách vở nữa, nhứt là những sách bằng giấy da”, vì Phao-lô biết: “... Kinh thánh vốn có thể khiến con khôn ngoan để được cứu bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ. Cả Kinh thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn và sẵn sàng để làm mọi việc lành” (II Tim. 4:13-17).

Hôm nay, chúng ta sẽ cùng học về các tiên tri hoạt động trong nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc, đặc biệt là các tiên tri này có viết sách và sách của họ được liệt vào Kinh thánh.

Tuy nhiên, trước khi tìm học về các tiên tri, có một việc mà người học Kinh thánh cần biết đã xuất hiện trong thời kỳ lịch sử vương quyền của nước Y-sơ-ra-ên, đó là Trường Tiên Tri.

Nhiều người thường hiểu Tiên tri dạng như thầy bói, nhưng Kinh thánh nói đến chức vụ tiên tri của Đức Chúa Trời liên quan ba thời kỳ: quá khứ, hiện tại, và tương lai (Khải 1:19). Cho nên chức vụ tiên tri được xem như phát ngôn viên của Đức Chúa Trời,

Có khi tiên tri nói về những việc trong quá khứ, như Mô-i-se được gọi là tiên tri khi ông nói về công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời và những việc sau sáng tạo (Công. 3:22)

Có những tiên tri được Đức Chúa Trời dùng truyền phán về những việc liên quan hiện tại (Ô-sê 4:1-8).

Có những tiên tri được Đức Chúa Trời dùng truyền ra những việc sẽ xảy ra trong tương lai (Khải. 1:1).

Qua các sách lịch sử trong Kinh thánh, người học Kinh thánh thấy xuất hiện một dạng Trường Tiên Tri trong nước Y-sơ-ra-ên.

I Sa-mu-ên 10:5-12, có một đoàn tiên tri đón rước Sau-lơ, nghĩa là từ thời tiên tri Sa-mu-ên đã có một tập thể tiên tri.

Chúng ta có thể thấy Na-than và Gát là các tiên tri xuất thân từ Trường tiên tri, họ được dạy để biết Đức Chúa Trời và rao truyền lời Đức Chúa Trời, có thể họ được các vua Y-sơ-ra-ên trọng dụng như những cố vấn của vua, những quân sư mà Kinh thánh gọi họ là đấng tiên kiến.

I Các Vua 18:4 cho biết quan gia-tể Áp-điã đã giấu nuôi 100 tiên tri tránh nạn Giê-sa-bên. Đức Chúa Trời cũng cho tiên tri Ê-li biết còn 7.000 tiên tri được Chúa bảo vệ (19:18).

Sách II Các Vua ghi thuật nhiều việc của tiên tri Ê-li-sê liên quan đến Trường tiên tri, như giúp đỡ vợ con của một học viên Trường tiên tri đã qua đời (4:1), nuôi các học viên Trường tiên tri (4:38-44), xây dựng cơ sở Trường (6:1-7).

Cuối đời A-háp có 400 tiên tri nói tốt cho A-háp (22:5-6).

Do Trường tiên tri, nên có những tiên tri chính qui xuất thân từ Trường, có những tiên tri không chính qui vì không xuất thân từ Trường tiên tri này. Trường hợp của A-mốt là tiên tri không thuộc Trường chính qui, đã bị các tiên tri chính qui đui. Sách A-mốt ghi thuật: “A-ma-xia nói cùng A-mốt rằng: Hỡi kẻ tiên kiến, khá đi khỏi đây. Hãy trốn trong đất Giu-đa, tại đó ăn bánh và nói tiên tri... A-mốt trả lời cho A-ma-xia rằng: Ta không phải là đấng tiên tri, cũng không phải con đấng tiên tri; nhưng ta là một kẻ chăn, sửa soạn những cây vả rừng” (A-mốt 7:14). Trường hợp này giống như các sứ đồ bị Tòa Công Luận xem là những người dốt nát không học, vì các sứ đồ không xuất thân từ trường lớp chính qui (Công vụ 4:13).

Như chúng ta đã học qua sách I và II Các Vua, I và II Sử, đều nhìn nhận vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc từ khi lập quốc đến khi bị Đức Chúa Trời cho phép quân A-si-ri đầy khắp nơi xa quê hương, từ vua cho đến dân đều phạm tội thờ hình tượng, đi theo các tà thần.

Kinh thánh ghi từ ngày lập quốc của nước Y-sơ-ra-ên: “Bấy giờ, Giê-rô-bô-am nói thầm rằng: Hoặc nước sẽ trở về nhà Đa-vít chẳng. Nếu dân sự này đi lên Giê-ru-sa-lem dâng dâng tế lễ tại trong đền Đức Giê-hô-va... Vậy, vua [Giê-rô-bô-am] bàn định, rồi truyền làm hai con bò bằng vàng, và nói với dân sự rằng: Các ngươi đi lên Giê-ru-sa-lem thật khó thay! Hỡi Y-sơ-ra-ên! Đây là các thần ngươi, đã đem ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô. Ngươi đặt con này tại Bê-tên, và con kia tại Đan. Việc đó thành nên tội lỗi, vì dân chúng đi đến Đan dâng thờ lạy bò con ấy” (II Vua 12:26-30).

Và từ khi lập nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc (970 TC.) đến khi bị quân A-si-ri bắt lưu đầy (721 TC.), tổng cộng 20 vua thay nhau cai trị bằng kế thừa, bằng cách phản loạn giết nhau, không thuộc chi phái nào, tất cả đều làm điều ác trước mặt Đức Chúa Trời, không có một vua nào của nước Y-sơ-ra-ên làm điều thiện như Đức Chúa Trời dạy.

Dù vậy, đây là thời kỳ Đức Chúa Trời đã dấy lên nhiều tiên tri nhất để kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên ăn năn, trong đó có những tiên tri thi hành chức vụ qua ân tứ viết sách và có những sách đó được liệt vào Kinh thánh. Chúng ta sẽ phân biệt hai hạng tiên tri:

Hạng thứ nhất là các tiên tri có viết sách được ghi trong Kinh thánh, và được các sách lịch sử nói đến;

Hạng thứ hai là các tiên tri có viết sách được liệt vào Kinh thánh nhưng các sách lịch sử không ghi tên của họ trong dòng lịch sử.

CÁC TIÊN TRI CÓ VIẾT SÁCH VÀ CÓ TÊN TRONG CÁC SÁCH LỊCH SỬ.

GIÔ-NA. Sách II Các Vua 14:25, ghi lại sự có mặt của tiên tri Giô-na, con trai của A-mi-tai, như sách Giô-na 1:1 xác nhận. Các nhà sử học Kinh thánh tin rằng nhờ tiên tri Giô-na được Đức Chúa Trời sai đến giảng về sự đoán phạt, bởi đó dân thành Ni-ni-ve từ vua đến dân, những thú vật kiêng ăn xưng tội với Chúa, và Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi của Ni-ni-ve, như đó nước Y-sơ-ra-ên đời vua Giê-rô-bô-am đệ II được hòa bình trong 40 năm.

Ê-SAI. Trong Ê-sai đoạn 1 câu 1, Kinh thánh cho biết tiên tri Ê-sai đã thi hành chức vụ trải qua 4 đời vua: Ô-xia, Giô-tham, A-cha, và Ê-xê-chia.

II Sử ký 26:22 ghi: “Đấng tiên tri Ê-sai, con trai của A-mốt, đã biên chép các công sự khác của Ô-xia từ đầu đến cuối”.

II Các Vua 19:2-7, sau khi nghe những lời phạm thượng xúc phạm đến Chúa, vua Ê-xê-chia đã sai những quan chức trong triều đình cùng với các thầy tế lễ già hơn hết, mặc áo bao gai, đến cầu hỏi ý kiến của Ê-sai, thầy tiên tri, con trai A-mốt, xin cầu nguyện giúp cho những kẻ còn sống. Kinh thánh chép: “Các tôi tớ vua Ê-xê-chia đi đến Ê-sai. Người nói với chúng rằng: Các ngươi khá đáp với chủ mình thế này: Đức Giê-hô-va phán như vậy: Chớ sợ hãi những lời các ngươi đã nghe các tôi tớ của vua A-si-ri dùng mà phạm đến ta. Ta sẽ khiến một thần đến cùng nó, làm cho nó nghe tiếng đồn, và nó sẽ trở về xứ mình; tại đó ta sẽ dùng gươm giết nó”. Lời tiên tri của Ê-sai ứng nghiệm, “Trong đêm đó, có một thiên sứ của Đức Giê-hô-va đi đến trong dinh A-si-ri, và giết một trăm tám mươi lăm ngàn người tại đó... San-chê-ríp, vua A-si-ri, bèn trở về, ở tại Ni-ni-ve. Một ngày kia, người thờ lạy tại trong chùa Nít-róc, thần của mình, thì A-tra-mê-léc và Sa-rết-se giết người bằng gươm” (II Vua 19:35-36).

II Các Vua 20:1, “Trong lúc đó, Ê-xê-chia bị bệnh nặng gần chết. Tiên tri Ê-sai, con trai A-mốt, đến cùng người, và nói rằng: Đức Giê-hô-va phán như vậy: Hãy trở lại cho nhà ngươi, vì ngươi sẽ thác, chẳng sống được đâu”. Vua Ê-xê-chia đã khóc xin Chúa cho sống thêm, nên Chúa đã sai tiên tri Ê-sai trở lại và nói với vua Ê-xê-chia: “Ta có nghe lời cầu nguyện ngươi, thấy nước mắt của ngươi; này ta sẽ chữa lành cho ngươi... ta sẽ thêm tuổi ngươi mười lăm năm... Ê-sai bèn biểu: Hãy lấy một cái bánh trái vả. Người ta lấy nó đắp trên mụn ung, thì vua được lành. Ê-sai đã cho vua Ê-xê-chia một dấu chỉ bóng đã gọi trên bàn trắc ảnh A-cha lui lại mười độ, là mười độ đã xuống rồi”.

II Các Vua 20:14, sau khi vua Ê-xê-chia khoe của cải với các sứ giả Ba-by-lôn, tiên tri Ê-sai bèn đi đến và “Ê-sai nói với vua Ê-xê-chia rằng: Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va: Thì giờ sẽ đến khi mọi vật ở trong đền vua, mọi vật mà các tổ phụ vua đã chắt chứa trong kho tàng cho đến ngày nay, đều sẽ bị đem qua Ba-by-lôn. Đức Giê-hô-va phán: Sẽ chẳng còn chi lại hết. Lại, những đứa con trai của vua, do nơi vua sanh ra, sẽ bị bắt dẫn đi làm hoạn quan trong đền vua Ba-by-lôn”.

CÁC TIÊN TRI CÓ VIẾT SÁCH ĐƯỢC LIỆT VÀO KINH THÁNH NHƯNG KHÔNG CÓ TÊN TRONG CÁC SÁCH LỊCH SỬ.

Ô-sê, Giô-ên, A-mốt, Áp-đi-a, Na-hum, Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni, Mi-chê, Giê-rê-mi, nhóm tiên tri này được gọi là Nhóm Tiên Tri Tiền Lưu Đày, trong số các tiên tri này có hai trường hợp tôi muốn đề cập trong bài này.

Trường hợp Tiên tri Mi-chê.

Các sách lịch sử đã ghi hai người có tên là Mi-chê. Sách I Các Vua 22:12-27 nói đến một tiên tri Mi-chê không có viết sách, tiên tri này sống và thi hành chức vụ cuối đời vua A-háp, tức 865-853 TC., đã nói tiên tri trái với lời tiên tri của 400 tiên tri chính qui được vua A-háp trọng dụng. Cuối cùng lời tiên tri của Tiên tri Mi-chê ứng nghiệm, dù vua A-háp đã ngự trang là lính thường và bị giết chết nơi chiến trường. Còn Tiên tri Mi-chê viết sách tiên tri Mi-chê là người sống năm 742-687 TC.

Trường hợp Tiên tri Giê-rê-mi.

Tiên tri Giê-rê-mi sống năm 627-586 TC., là thời khắc nghiêm trọng của nước Giu-đa phía Nam đang đối diện cuộc tấn công của quân Ba-by-lôn bao vây thành Giê-ru-sa-lem lần sau cùng. Nếu đọc hai tác phẩm của ông là sách Giê-rê-mi và sách Ca-thương, người học Kinh thánh cảm thương tấm lòng của Tiên tri Giê-rê-mi đối với dân tộc mình, nhưng cũng bị hiểu lầm và gặp nhiều khổ nạn do lời kêu gọi dân Giu-đa đầu hàng quân Ba-by-lôn. Dù hai tác phẩm của Tiên tri Giê-rê-mi được liệt vào Kinh thánh, nhưng người viết sách lịch sử không nói gì về hoạt động của Giê-rê-mi trong thời gian tiền lưu đày này.

Chúng ta có thể tìm gặp trường hợp của Tiên tri Giê-rê-mi qua trường hợp của một số sứ đồ của Chúa Jêsus Christ, ngoại trừ trường hợp sứ đồ Gia-cơ bị vua Hê-rốt giết, sứ đồ Phi-e-rơ và Phao-lô được sách Công vụ nói đến, sứ đồ Giăng với sách Tin Lành Giăng cùng với các thư tín, nhất là sách Khải huyền, thì hầu hết không có viết sách hoặc được Kinh thánh nói đến.

Có người được nhớ, có người không, nhưng kỳ diệu thay, trên Thiên đàng có ghi tên 12 sứ đồ làm nền của Thiên đàng. Chúa phán: “Si-ôn từng nói rằng: Đức Giê-hô-va đã lìa bỏ ta; Chúa đã quên ta... Dầu đờn bà quên con mình, ta cũng chẳng quên ngươi. Nay, ta đã chạm ngươi trong lòng bàn tay ta... Công khó anh em trong Chúa chẳng phải là vô ích đâu” (Ê-sai 49:14-16; I Cô-rinh-tô 15:58).

II SỬ KÝ

SÁCH II SỬ KÝ 1

ĐỀ: CẦU THAY

Kinh thánh: II Sử 7:14

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta còn được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời, nhất là trong những ngày Mùa Dịch Bệnh nCovid 19 đang làm cả thế giới đầy lo lắng, bài học đầu tiên trong sách II Sử ký là đoạn 7 câu 14, với nhu cầu CẦU THAY.

I/. NHU CẦN CẦU THAY.

Chưa có lúc nào dân tộc Việt Nam chúng ta – nói riêng; và thế giới – nói chung, cần cầu thay như hơn một năm qua trong Đại Dịch nCovid 19. Hình ảnh chuyển tàu có Giô-na trên biển gặp bão thật rõ nét: “Nhưng Đức Giê-hô-va khiến gió lớn thổi trên biển; trên biển có cơn bão lớn, chiếc tàu hầu bị vỡ. Những thủy thủ đều sợ hãi, ai nấy kêu cầu thần của mình” (1:4-5).

Cả thế giới đã tập trung nhân lực, tài lực, để tìm cách chống dịch nCovid 19, cũng như cầu khẩn thần của mình. Mọi người đối diện Đại Dịch như thế, thì người tin Chúa Jêsus không thể đứng ngoài hoặc đứng đưng. Tại sao?

Vì qua II Sử 7:14, Chúa hứa nếu chúng ta cầu thay thì “ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ”. Chúa hứa 2 điều:

Chúa tha thứ tội chúng nó

Cứu xứ họ khỏi tai vạ.

Qua Kinh thánh, chúng ta biết tội lỗi sinh ra bệnh tật. Tội lỗi càng ngày càng gia tăng nên bệnh tật càng bùng phát mạnh, nhất là trong thời kỳ trước ngày Chúa Jêsus Christ tái lâm, chính Chúa Jêsus Christ đã phán: “Tội ác thêm nhiều, lòng yêu mến của phần nhiều người sẽ nguội lờn” (Math 24:12), có nghĩa là sự gia tăng tội lỗi sẽ khiến dịch bệnh sẽ càng thêm. Lời phán của Chúa Jêsus Christ được sách Khải huyền chứng minh, trong những ngày chuẩn bị Chúa Jêsus Christ tái lâm thì chiến tranh, đói kém, dịch bệnh gia tăng.

Thế thì người tin Chúa Jêsus phải làm gì? Không thể giống Giô-na chui dưới hầm tàu ngủ, như một bài Thánh ca đã viết lời: “tôi há cứ mãi vui cùng nệm giường chờ được rước lên thiên đường sao?”

Lời Chúa trong Ê-xê-chi-ên 33:7-9, trách nhiệm của người tin Chúa Jêsus là rao báo, việc để làm nhất để rao báo là Cầu thay! Lời Chúa phán: “Này, hỡi con người, ta đã lập ngươi đặt làm kẻ canh giữ cho nhà Y-sơ-ra-ên; nên hãy nghe lời từ miệng ta, và thay ta răn bảo trước cho chúng nó. Khi ta phán cùng kẻ dữ rằng: Hỡi kẻ dữ, mày chắc chết! nếu ngươi không răn bảo để cho kẻ dữ xây bỏ đường lối xấu của nó, thì kẻ dữ ấy sẽ chết trong sự gian ác mình; nhưng ta sẽ đòi máu nó nơi tay ngươi. Nếu, trái lại, ngươi đã răn bảo kẻ dữ đừng xây bỏ đường lối xấu của nó mà nó không xây bỏ, thì nó sẽ chết trong sự gian ác nó, còn ngươi đã giải cứu mạng sống mình”.

Trong lời hứa của Đức Chúa Trời có phán: Ta ở trên trời sẽ tha thứ tội chúng nó, rõ ràng là:

Chỉ có ĐCT tha tội cho loài người – Mác 2:7, người Pha-ri-si đại diện cho các tôn giáo đã thốt lên: “Ngoài một mình Đức Chúa Trời, còn có ai tha tội được chăng?” Không người nào, không có thần nào, có quyền tha tội cho con người. Người đời còn dạy: ‘Phạm tội với trời vô phương cầu đảo’. Sứ đồ Phi-e-rơ khẳng định: “Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (Công vụ 4:12).

Chỉ có ĐCT giải cứu con người khỏi mọi tai họa – Thi. 121:7-8 đã giải thích sự bảo vệ che chở của Chúa: “Đức Giê-hô-va sẽ gìn giữ người khỏi mọi tai họa; Ngài sẽ gìn giữ người. Đức Giê-hô-va sẽ gìn giữ người khi ra khi vào, từ nay cho đến đời đời”.

Bài học Xuất Ê-díp-tô ký 7:12-13, 22; 8:7, các thuật sĩ cũng làm được tai họa nhưng không ngăn được tai họa từ Đức Chúa Trời giáng xuống, và chỉ giới hạn vài tai họa (8:18-19).

Vì nhu cầu này, người tin Chúa Jê-sus làm sao im lặng mà không cầu thay – Ê-sai 59:15-16, Chúa phán: “Lẽ thật đã không còn, ai lánh điều dữ thì phải cướp bắt. Đức Giê-hô-va thấy không có sự công bình thì chẳng đẹp lòng, thấy không có người, chẳng ai cầu thay, thì lấy làm lạ lùng” . Nếu người tin Chúa Jê-sus không cầu thay cho dân tộc mình thì Chúa lấy làm lạ lùng, vì người tin Chúa Jê-sus là thầy tế lễ, chức vụ là cầu thay như sứ đồ Phi-e-rơ dạy: “Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời” (I Phi-e-rơ 2:9).

II/. NGƯỜI CẦU THAY.

Lời Chúa phán: “nhược bằng dân sự ta” – người phải cầu thay xin Chúa tha thứ tội để Chúa cứu đất nước mình, dân tộc mình khỏi tai vạ, kịp thì giờ ăn năn tội được cứu.

Thật cao quý biết bao khi Chúa phán: Dân sự ta, là dân gọi bằng Danh ta!

Chúng ta luôn hãnh diện địa vị là “con Đức Chúa Trời” qua lời cầu nguyện Lạy Cha, qua danh xưng Cơ-Đốc nhân – người thuộc Chúa Cơ-Đốc. Nếu chúng ta nhận cá nhân mình là dân của Chúa, thì Chúa thật muốn những người Việt Nam tin Chúa Jê-sus cầu thay cho dân tộc mình.

Nhiều người tin Chúa Jê-sus hỏi tôi:

Có phải ông Trump là dấu hiệu Chúa tái lâm không?

Có người hỏi dịch bệnh là dấu hiệu Chúa tái lâm không?

Tôi hỏi ngược lại: Nếu là dấu hiệu Chúa Jê-sus Christ tái lâm thì sao? Những người đó cứ nghĩ họ sẽ khỏe, không lo hoạn nạn nữa. Tôi tin Chúa muốn anh em cầu nguyện – cầu thay, để Chúa tha thứ tội chúng ta chậm trễ rao báo Tin Lành cứu đồng bào mình, hầu khi Chúa đến hỏi chúng ta: Con làm lợi bao nhiêu ta-lâng?

Bài học Áp-ra-ham trong sách Sáng-thế ký 18:16-32, khi Áp-ra-ham nghe Chúa cho biết: “Đức Giê-hô-va phán rằng: Tiếng kêu oan về Sô-đôm và Gô-mô-rơ thật là quá, tội lỗi các thành đó thật là trọng. Ta muốn ngự xuống để xem xét chúng nó ăn ở có thật như tiếng đã kêu thấu đến ta chăng; nếu chẳng thật, thì ta sẽ biết”. Thật cảm động, Áp-ra-ham đã cầu nguyện, cầu thay, xin Chúa giảm từng 5 người, từ 50 người xuống còn 10 người công bình mong Chúa tha thứ.

Tôi thường nói với các Hội thánh, năm 1994, theo báo cáo của Ban Tôn Giáo Chính phủ Việt Nam thời bấy giờ, thì miền Bắc có 30.000 người theo Tin Lành với độ 30 mục sư truyền đạo; còn miền Nam cho độ

300.000 người theo Tin Lành với độ 300 mục sư truyền đạo. Tổng cộng vào năm 1994, có trên 300.000 người theo Tin Lành. Hiện nay, tức là vào năm 2020 này có bao nhiêu người tin Việt Nam Chúa Jêsus, trong khi dân số Việt Nam đã là 97 triệu người?

Tôi vẫn nhắc Hội thánh nhớ món nợ 10 triệu người Việt Nam tin Chúa Jêsus trước ngày Chúa Jêsus Christ tái lâm mà Hội thánh chung đã cầu nguyện xin Chúa trong Chương Trình Truyền Đạo Sâu Rộng năm 1966, lúc mà dân số Việt Nam cả miền Nam và miền Bắc là 32 triệu. Nếu người Việt Nam tin Chúa Jêsus không trả món nợ 10 triệu này, thì ngày Chúa Jêsus Christ tái lâm còn xa quá!

III/. CÁCH CẦU THAY.

Cảm ơn Chúa, lời Chúa trong II Sử 7:14 dạy chúng ta cách cầu nguyện – cầu thay, nếu chúng ta thật sự muốn Chúa tha thứ và cứu xức chữa chúng ta khỏi tai vạ:

Hạ mình xuống – nghĩa là tự bỏ mình đi, thôi đừng nhìn cá nhân mình hơn người khác. Thi thiên thứ 51 là lời cầu nguyện hạ mình của Đa-vít, một vị Hoàng đế đến với Đức Chúa Trời hạ mình, không đánh để chúng ta học lấy và hạ mình theo sao? Vua Đa-vít đã cầu nguyện:

“Đức Chúa Trời ôi! Xin hãy thương xót tôi tùy lòng nhơn từ của Chúa;

Xin hãy xóa các sự vi phạm tôi theo sự từ bi rất lớn của Chúa.

Xin hãy rửa tôi cho sạch hết tội gian ác,

Và làm tôi được thanh khiết về tội lỗi tôi.

Vì tôi nhận biết các sự vi phạm tôi, tội lỗi tôi hằng ở trước mặt tôi.

Tôi đã phạm tội cùng Chúa, chùi cùng một mình Chúa thôi,

Và làm điều ác trước mặt Chúa; hầu cho Chúa được xưng công bình khi Chúa phán, và được thanh sạch khi Chúa xét đoán.

...

Xin hãy lấy chùi kính giới tẩy sạch tội lỗi tôi, thì tôi sẽ được tinh sạch; cầu Chúa hãy rửa tôi, thì tôi sẽ nên trắng hơn tuyết...

Xin Chúa ngảnh mặt khỏi các tội lỗi tôi, và xóa hết thảy sự gian ác tôi...

Của lễ đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là tâm thần đau thương:

Đức Chúa Trời ôi! lòng đau thương thống hối Chúa không khinh để đâu...”

Cầu nguyện với tấm lòng tìm kiếm mặt Chúa, không phải cầu nguyện theo nghi lễ nữa. Chúa hứa: “Các ngươi sẽ tìm ta, và gặp được, khi các ngươi tìm kiếm ta hết lòng” (Giê. 29:13).

Trở lại với Chúa bằng cách đừng sống theo con đường tà, bỏ con đường theo ý mình nghĩ lấy làm phải. Hãy sống theo Lời Chúa dạy theo Kinh thánh. Đừng cầu nguyện như người Y-sơ-ra-ên chỉ có nghi lễ bề ngoài mà không có bề trong khiến Chúa đã quở trách: “Hãy kêu to lên, đừng dứt; hãy cất tiếng lên như cái loa; rao bảo tội lỗi dân ta cho nó, và rao bảo sự gian ác nhà Gia-cốp cho nhà ấy! Ngày ngày họ tìm kiếm ta và muốn biết đường lối ta, như dân đã theo sự công bình và chưa từng bỏ luật pháp của Đức

Chúa Trời mình! Họ cầu hỏi ta sự đoán xét công bình, và vui lòng gần gũi Đức Chúa Trời, mà rằng: Sao chúng tôi kiêng ăn mà Chúa chẳng đoái xem? Sao chúng tôi chịu dần lòng mà Chúa chẳng biết đến? Này, trong ngày các người kiêng ăn, cũng cứ tìm sự đẹp ý mình, và làm khổ cho kẻ làm thuê. Thật các người kiêng ăn để tìm sự cãi cọ tranh cạnh, đến nỗi nắm ta đánh nhau cách cộc cằn; các người kiêng ăn trong ngày như vậy, thì tiếng các người chẳng được nghe thấu nơi cao. Đó há phải là sự kiêng ăn mà ta chọn lựa, há phải là ngày người ta dần lòng đâu? Cúi đầu như cây sậy, nằm trên bao gai và trên tro, đó há phải điều người gọi là kiêng ăn, là ngày đẹp lòng Đức Giê-hô-va sao? Sự kiêng ăn mà ta chọn lựa, há chẳng phải là bẻ những xiềng hung ác, mở những trói của ách, thả cho kẻ bị ức hiếp được tự do, bẻ gãy mọi ách, hay sao? Há chẳng phải là chia bánh cho kẻ đói, đem những kẻ nghèo khổ đã bị đuổi đi về nhà mình, khi thấy kẻ trần truồng thì mặc cho, và chớ hề trở trối những kẻ cốt nhục mình, hay sao? Bây giờ sự sáng người sẽ bừng lên như sự sáng ban mai, người sẽ được chữa lành lập tức... Bây giờ người cầu, Đức Giê-hô-va sẽ ứng; người kêu, Ngài sẽ phán rằng: Có ta đây!” (Ê-sai 58:1-11).

Và Chúa phán: “Vậy nên, khi các người giơ tay, thì ta che mắt khỏi các người. Khi các người cầu nguyện rườm rà, ta chẳng thềm nghe. Tay các người đầy những máu. Hãy rửa đi, hãy làm cho sạch! Hãy tránh những việc ác khỏi trước mắt ta. Đừng làm dữ nữa. Hãy học làm lành, tìm kiếm sự công bình; hãy đỡ đỡ kẻ bị hà hiếp, làm công bình cho kẻ mồ côi, bình vực lẽ của người góa bụa” (Ê-sai 1:15-17).

Thánh Gia-cơ đã trưng dẫn gương cầu nguyện của tiên tri Ê-li: “Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta. Người cầu nguyện, cố xin cho đừng mưa, thì không mưa xuống đất trong ba năm rưỡi. Đoạn người cầu nguyện lại, trời bèn mưa, và đất sanh sản hoa màu” (Gia-cơ 5:17-18).

Đó không phải là điều chúng ta là người tin Chúa Jê-sus ngày nay mong muốn khi cầu nguyện với Chúa sao? Nhất là trong những ngày hoạn nạn dịch bệnh sao? Và Chúa hứa: Ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ!

SÁCH II SỬ KÝ 2

Đề mục: DÂN THÁNH

Kinh thánh: Sách II Sử ký 1: - 36:

Câu gốc: II Sử ký 7:14

Mục đích: học tiếp trong chương trình học xuyên suốt Kinh thánh. Giúp con cái Chúa hiểu rõ địa vị được làm Dân Thánh của Đức Chúa Trời đúng nghĩa.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời Chúa. Hôm nay, chúng ta được cùng học sách II Sử ký bài thứ 2, với mục đích học xuyên suốt sách, tìm học lý do người viết sách II Sử ký đã viết sách này với mục đích nhắc lại dân Y-sơ-ra-ên sau khi bị lưu đày 70 năm trở về nhớ địa vị cao trọng của họ là Dân Thánh.

I/. II Sử ký đoạn 1 đến đoạn 9 - ĐỊA VỊ DÂN THÁNH:

Sách Sử ký thứ II dành 9 đoạn đầu để tường thuật lại đời sống và sự nghiệp cũng như những phước hạnh của Chúa ban Sa-lô-môn, một người được Chúa chọn để làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên.

Và qua 9 đoạn đầu này của sách II Sử ký, đặc biệt là qua đời sống của Sa-lô-môn, chúng ta có thể nhìn thấy giá trị của địa vị một Dân Thánh, tức là một Dân được Chúa chọn.

ĐOẠN 1: Đoạn 1 cho chúng ta biết địa vị Dân Thánh là địa vị được Đức Chúa Trời chọn, như Sa-lô-môn đã được Chúa chọn để lên ngôi làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên.

Sa-lô-môn là ai? Sách Tin Lành Ma-thi-ơ 1:6b ghi lại một câu: Đa-vít bởi vợ của U-ri sanh Sa-lô-môn, nghĩa là Kinh thánh nhắc lại Sa-lô-môn là đứa con từ trong tội lỗi của vua Đa-vít cướp vợ của người khác. Rồi sách Các Vua thứ I đoạn 1, ghi lại một cuộc tranh giành ngôi báu, đến giờ phút cuối cùng, chiếc ngai vàng mới thuộc về Sa-lô-môn.

Như vậy, xét về tư cách, Sa-lô-môn thật không đáng làm vua, nhưng bởi sự yêu thương của Đức Chúa Trời như ý nghĩa tên Giê-đi-đia mà Chúa đã sai tiên tri Na-than đặt cho Sa-lô-môn, có nghĩa là Đức Giê-hô-va yêu thương (II Sa-mu-ên 12:24-25), mà ông được chọn.

Kinh thánh đã nhiều lần cho chúng ta biết chúng ta giống như Sa-lô-môn trong sự yêu thương mà Đức Chúa Trời đã chọn chúng ta trong Đấng Christ:

Giăng 3:16, Vì Đức Chúa Trời YÊU THƯƠNG thế gian ...

Rôma 5:8, Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng YÊU THƯƠNG Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết.

Cảm ơn Chúa, chúng ta vốn là người có tội đáng chết và bị hư mất đời đời (Ê-phê-sô 2:1-3), nhưng Chúa đã yêu thương chọn chúng ta trong Đấng Christ để làm một dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời (I Phi. 2:9)

ĐOẠN 2: - 7:

Sáu đoạn này, sách II Sử ký tường thuật lại một công việc đặc biệt mà Đa-vít ước ao được làm nhưng không được làm: Đó là việc xây cất một Đền thờ cho Chúa, bây giờ Sa-lô-môn được làm. Tại sao?

Vì Đa-vít là tay chiến sĩ (I Sử. 28:2-3), một người dùng sức riêng mà chiếm lấy sản nghiệp. Còn Sa-lô-môn được sản nghiệp chỉ là nhờ ân điển yêu thương của Đức Chúa Trời, mọi sự đã có sẵn, từ chiếc ngai vàng đến vật liệu xây cất Đền thờ, Sa-lô-môn chỉ việc đưa tay nhận lấy mà hưởng. Hoàn toàn bởi ân điển và đức tin, không bởi việc làm, công sức gì của Sa-lô-môn (Ê-phê-sô 2:8-9).

Sách II Sử ký mô tả từng chi tiết công trình xây dựng Đền thờ với bao nhiêu là vật liệu quý giá. Rồi một Lễ Khánh thành cung hiến Đền thờ được cử hành với sự đầy dẫy vinh quang của Chúa: Khi Sa-lô-môn cầu nguyện xong, lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt của lễ thiêu, vinh quang của Đức Giê-hô-va đầy dẫy đền thờ (II Sử ký 7:1-3).

Đền thờ! Đền thờ bao giờ cũng là biểu tượng sự tương giao của người tin Chúa Jê-sus với Đức Chúa Trời, nơi Đền thờ người tin Chúa Jê-sus được đến gần Đức Chúa Trời là Cha để thờ phượng, để ngợi khen, để học Lời Chúa, để trình các sự cầu xin của mình cho Đức Chúa Trời.

Dân Y-sơ-ra-ên phải được cứu ra khỏi Ai Cập rồi, Chúa mới cho Môi-se dựng một Đền thờ Tạm để Dân Thánh của Chúa tương giao với Chúa. Chúa cũng phải đợi cho đến khi Dân Thánh của Chúa ổn định trong Đất Hứa, chiếm hữu Đất Hứa, thì Đền thờ mới được xây lên để Dân Thánh bước vào sự tương giao chính thức với Chúa.

Hãy nhớ, Đền thờ chỉ được xây dựng, hay nói về hình bóng, sự tương giao với Chúa chỉ có được khi chúng ta ĐÃ RA KHỎI AI CẬP, được tha thứ tội lỗi, được bước vào địa vị mới làm Dân Thánh của Chúa.

ĐOẠN 8 và Đoạn 9. Hai đoạn này, Kinh thánh ghi lại vinh quang mà Sa-lô-môn có được trong địa vị mà Chúa ban cho ông. Vinh quang của Sa-lô-môn là sự giàu có và sự nổi tiếng khôn ngoan khắp nơi.

Nói tóm lại, qua 9 đoạn đầu tiên của sách II Sử ký, với đời sống của Sa-lô-môn, Chúa cho chúng ta nhìn rõ địa vị của một người được làm Dân Thánh của Chúa, người đó là người ĐƯỢC CHỌN, ĐƯỢC TƯƠNG GIAO VỚI CHÚA, và ĐƯỢC VINH HIỂN.

II/. ĐOẠN 10 ĐẾN ĐOẠN 36:21 - SỰ SỬA PHẠT DÂN THÁNH:

Đây là điều khó hiểu cho Dân Thánh Y-sơ-ra-ên ngày xưa, mà cũng khó hiểu cho Dân Thánh thuộc linh ngày nay trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa cũng như nhiều người tin Chúa Jê-sus ngày nay, thường nghĩ rằng Chúa luôn che chở, bảo vệ Dân Thánh, Hội Thánh. Họ không hiểu rằng Đức Chúa Trời yêu thương nhưng cũng là Đấng công bình, chẳng kể kẻ có tội là vô tội; Đức Chúa Trời là Cha yêu thương nhưng cũng là người Cha nghiêm khắc sẵn sàng sửa phạt con cái của Ngài (Ê-sai. 12:4-6).

Lý do Dân Thánh bị sửa phạt:

Nhưng Kinh thánh qua sách II Sử ký từ đoạn 10 đến đoạn 12, ghi lại cho chúng ta biết lý do Chúa phải sửa phạt Dân Thánh:

Đoạn 10, lý do thứ nhất Chúa phải sửa phạt Dân Thánh được bày tỏ trong những lời đầy kiêu ngạo của vua Rô-bô-am, con trai của Sa-lô-môn đã nói: vua Rô-bô-am đáp với dân sự cách xằng xớm: “Cha ta khiến cho ách các ngươi nặng nề; ta sẽ làm cho ách các ngươi thêm nặng hơn; cha ta sửa phạt các ngươi bằng roi, ta sẽ sửa phạt các ngươi bằng roi bò cạp” (II Sử. 10:13-14).

Đoạn 11, lý do thứ hai mà Chúa sửa phạt Dân thánh là sự chia rẽ trong Dân Thánh. Sau lời tuyên bố đầy kiêu ngạo của Rô-bô-am, nước Y-sơ-ra-ên chia rẽ thành hai nước, 10 chi phái phía Bắc tôn Giê-rô-bô-am làm vua; 2 chi phái Giu-đa và Bên-gia-min phía Nam ủng hộ dòng dõi Đa-vít.

Kinh thánh từng cảnh cáo chúng ta rằng: “Sự kiêu ngạo đi trước, sự bại hoại theo sau; tánh tự cao đi trước sự sa ngã” (Châm. 16:18). Chúa thì luôn muốn Dân Thánh của Ngài hiệp một, nên Chúa đã sửa phạt khi Dân Thánh từ kiêu ngạo đến chia rẽ.

Đoạn 12 cho chúng ta biết lý do thứ 3 khiến Chúa sửa phạt Dân Thánh: “Xảy khi nước của Rô-bô-am vừa được lập vững bền, và người được cường thịnh, thì người và cả Y-sơ-ra-ên LIỀN BỎ LUẬT PHÁP của Đức Giê-hô-va” (12:1).

Thật buồn thay, Dân Thánh mà lại bỏ Luật Thánh tức là Luật pháp của Đức Giê-hô-va. Nói như vậy hàm ý rằng Dân Thánh chắc chắn đã theo luật của xác thịt, luật của tội lỗi rồi. Câu hỏi đặt ra là họ đáng bị phạt không? Và câu trả lời chắc chắn không còn lý do gì để bào chữa nữa: Đáng bị phạt!

Cách Dân thánh bị sửa phạt:

Suốt từ đoạn 13 đến đoạn 36:21 này, chúng ta thấy Chúa thật đầy lòng nhơn từ, Ngài không sửa phạt tức thì, hoặc tiêu diệt họ ngay, nhưng rõ ràng từ sau khi Sa-lô-môn chết, Rô-bô-am lên ngôi đến khi Sê-đê-kia bị quân Ba-by-lôn bắt lưu đầy, Chúa phải nhịn nhục một thời gian 400 năm, tức là từ năm 970 TC đến 577 TC.

Suốt 400 năm đó, Chúa không im lặng phó mặc họ, bỏ rơi họ, nhưng:

nhều lần nhiều lúc Chúa đã cảnh cáo họ bằng những cái roi của các nước lân bang, nhất là với đạo quân của người A-si-ri tiêu diệt vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc như một lời cảnh cáo mạnh, rồi chính Dân Thánh Giu-đa cũng bị đạo quân A-si-ri bao vây Giê-ru-sa-lem, nếu Chúa không thương xót thì họ cũng đã bị nhấn chìm dưới gót chân xâm lược của A-si-ri rồi.

Nhiều lần Chúa cũng đẩy lên những vị vua tốt để đem lại sự phục hưng cho Dân Thánh Giu-đa, nhưng rồi đâu lại hoàn đấy, mèo vẫn hoàn mèo.

Cuối cùng, trong đoạn 36, Đức Chúa Trời đã sửa phạt Dân Thánh cách nghiêm trang với những lần bị quân ngoại bang chiếm đoạt và cướp phá. Và lần thứ ba cũng là lần cuối này, quân Ba-by-lôn đã giết người, cướp của, đốt Đền thờ, bắt vua đến dân lưu đầy qua Ba-by-lôn.

Câu hỏi một lần nữa được nêu lên: Như vậy, Dân Thánh có đáng phạt không? Câu trả lời chắc chắn sẽ là **ĐÁNG PHẠT!** Dù họ là Dân Thánh, Chúa cũng đã phạt và phạt rất nặng.

Đây là bài học mà tác giả thư Hêb. 12:15 đã nói đến với thành ngữ: Trật phần ân điển! Hãy nhờ ơn Chúa ăn năn. Có tội lỗi nào mà Chúa đã nhiều lần cảnh báo trước, mà anh chị em chưa chịu ăn năn không? Hãy nhớ dù là Dân Thánh, Chúa cũng sửa phạt. Vậy hãy tỉnh thức và ăn năn.

III/. II SỬ KÝ 36:22-23 - KHÔI PHỤC DÂN THÁNH:

Suốt từ đoạn 10 đến đoạn 36:21, nhất là đoạn 36, chúng ta thấy Chúa đã cho phép cái roi sửa phạt đánh liên tục trên Dân Thánh, đến nỗi hầu như tan nát hết cả. Nhưng Chúa thật yêu thương, không nỡ tắt ngọn đèn gần tàn, không bẻ cây sậy gần gãy, Chúa đã cho phép sách II Sử ký có thêm hai câu cuối 22 và 23, rao báo rằng Chúa sẵn sàng khôi phục lại Dân Thánh.

Trong sự khôi phục Dân Thánh này, chúng ta thấy hai câu nêu ra hai yếu tố cần và đủ để Dân Thánh được khôi phục.

Phương diện của Chúa - II Sử ký 36:22a.

Trong câu 22a có một nhóm từ: “Đức Giê-hô-va muốn làm cho ứng nghiệm lời Ngài đã cậy miệng Giê-rê-mi mà phán ra” nhấn mạnh sự khôi phục Dân Thánh phát xuất từ ý chỉ của Đức Chúa Trời - Chúa muốn. Tất cả mọi việc xảy ra đều phát xuất từ ý muốn của Đức Chúa Trời đối với muôn vật, hướng chỉ là đối với Dân Thánh của Ngài.

Ý chỉ của Chúa khôi phục Dân Thánh không bị giấu kín, nhưng đã được bày tỏ trong Lời Chúa, ít nhất đã được ghi lại trong sách của Tiên tri Giê-rê-mi.

Phương diện con người - II Sử ký 36:23.

Anh chị em có thấy điều kỳ diệu này không: Chúa là Toàn năng, nhưng Ngài vẫn cần đến con người cho công việc Ngài.

Để khôi phục Dân Thánh, để đưa họ trở về với Vùng Đất phước hạnh mà Chúa ban cho họ, để Dân Thánh của Chúa có thể xây dựng một Đền thờ, một Hội Thánh cho Chúa, Chúa cần một con người, như vua Si-ru, người nhận biết ơn Chúa dành cho ông.

Chúng ta đọc những II Sử 36:23b như đọc một lời hiệu triệu của Chúa đang kêu gọi chúng ta để Ngài sử dụng: “Trong các ngươi, phàm ai thuộc về dân sự Ngài, hãy trở lên Giê-ru-sa-lem; nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người ấy ở cùng người!”

SÁCH II SỬ KÝ 3

Đề mục: PHỤC HƯNG

Kinh thánh: Sách II Sử ký 1: - 36: (Đọc II Sử. 7:12-14)

Câu gốc: II Sử ký 7:14

Mục đích: Học sách Sử ký thứ II, gây ý thức cho Hội Thánh khao khát sự Phục hưng, nhất là trong giai đoạn Hội Thánh hiện nay.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Câu Kinh thánh trong sách II Sử ký được nhiều người trong Hội thánh chung biết đến là đoạn 7 câu 14, Lời Chúa phán: “Và nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt ta, và trở lại, bỏ con đường tà, thì ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ”. Hôm nay, với đoạn 7:14, chúng ta nhờ ơn Chúa sẽ cùng học với đề tài là Phục Hưng.

I/. II Sử ký 7:12 - CẢNH TRẠNG PHỤC HƯNG:

Rất nhiều người mơ ước phục hưng và một số người hiểu lầm phục hưng là những dấu kỳ phép lạ xảy ra, bệnh tật được chữa lành... Thật ra trong phục hưng, quyền năng của Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ mạnh mẽ, cũng có những dấu kỳ phép lạ từ Chúa xảy ra, nhưng không phải phục hưng chỉ là những chuyện lạ. Qua câu Kinh thánh này cộng với II Sử đoạn 1 đến đoạn 9, Lời Đức Chúa Trời sẽ mô tả chi tiết cảnh trạng phục hưng rõ ràng.

Trong 7:12, nói đến hai nhân vật: Đức Giê-hô-va và Sa-lô-môn.

Nói đến Chúa là nói đến phương diện thuộc linh, Chúa đang làm gì?

Chúa đang hiện đến! Chúa hiện đến lúc nào? Chúa hiện đến vào lúc ban đêm. Ban đêm thường là giờ của sự tối tăm, của hoạn nạn, của những khó khăn, kể cả của tội lỗi. Trong hoàn cảnh ban đêm như vậy, Chúa đã hiện đến. Một sự an ủi vô cùng.

Trong Khải huyền 1:17, trong lúc sứ đồ Giăng già yếu đang chịu tù khổ sai nơi đảo Bát-mô, thì Chúa đã hiện đến với ông, vừa thấy Chúa, thì Giăng ngã xuống chơn người như chết. Niềm vui gặp Chúa trong cảnh hoạn nạn khiến cụ già Giăng như một em bé ngã vào lòng của người mẹ, người cha thân thương tìm sự an ủi.

Và Chúa cũng đã hiện đến với Sa-lô-môn. Chúa phán: “Ta có nghe lời cầu nguyện ngươi”. Những lời: Chúa hiện đến... Chúa phán, đầy gần gũi, thân mật giữa Chúa với Sa-lô-môn là một con người. Đó không phải là Phục Hưng sao? Sự Phục Hưng há không phải là Hội Thánh quay trở lại tinh thần tương giao thân mật gần gũi với Chúa sao? Phục hưng há không phải là những giờ phút cầu nguyện, học Kinh thánh ngọt ngào, những giờ phút chúng ta nói với Chúa bằng tất cả tấm lòng khát khao đốc đố với Chúa và những giờ phút đọc Kinh thánh những từ ngữ, những câu văn bao nhiêu ngày tháng trước đây khô khan, nặng nề, bây giờ trở nên ngọt ngào như Chúa trực tiếp phán với chính mình sao?

Sách II Sử ký từ đoạn 1 đến đoạn 9 mô tả cảnh trạng Phục Hưng từng chi tiết.

Đoạn 1:3, sự Phục hưng của Vương quốc Y-sơ-ra-ên thời Sa-lô-môn bắt đầu từ lời cầu nguyện của Sa-lô-môn và CẢ HỘI CHÚNG đến Ga-ba-ôn cầu nguyện với Chúa. Và Chúa đã nhậm lời.

1:12, Chúa phán: Ta đã BAN. Một nguồn phước vô tận được ban cho, được đổ xuống trên Sa-lô-môn và tuyển dân: khôn ngoan, giàu có, của cải, tôn vinh. Phục Hưng là phước hạnh thế đấy, các ân tứ được ban cho không xiết kể.

Đoạn 2 đến đoạn 7. Sáu đoạn này, thuật lại việc Sa-lô-môn xây dựng Đền thờ cho Chúa, tất cả đồng lòng hiệp ý lo công việc Chúa. Đền thờ là hình bóng về Hội Thánh của Đức Chúa Trời ngày nay. Phục Hưng là cảnh trạng toàn thể con cái Chúa đứng lên đồng tâm hiệp lực chung lo phát triển Hội Thánh, khiến cho qua Hội Thánh là Đền thờ của Đức Chúa Trời, vinh quang của Đức Chúa Trời được hiển lộ tỏ tường (5:13-14). Phục Hưng là thế đấy! Đức Chúa Trời sẽ được vinh danh qua Hội Thánh!

Đoạn 8 đến đoạn 9. Nổi bật trong hai đoạn này là việc Nữ hoàng Sê-ba đã nghe và tìm đến gặp Sa-lô-môn để xem việc Đức Chúa Trời đã làm cho dân Chúa. Bà phát biểu: Điều tôi nghe nói trong xứ tôi... thì thật lắm. Song trước khi đến đây và chưa thấy tận mắt những điều này, thì tôi chẳng tin lời họ; và kìa, người ta chẳng thuật cho tôi nghe đến phân nửa... Các quần thần của vua thật có phước thay!...

Phục Hưng là cảnh trạng có nhiều người chạy đến với Chúa, nhận biết quyền năng, phước hạnh của Chúa. Phục Hưng bao giờ cũng là sự bùng nổ giảng Tin Lành. Với cảnh trạng Phục hưng mà sách II Sử từ đoạn 1 đến đoạn 9 và với 7:12 mô tả, đọc qua lòng anh chị em có thấy nôn nao, có mơ ước cá nhân, gia đình và Hội Thánh được Phục Hưng như vậy không? Nguyện Lời Đức Chúa Trời khuấy động linh hồn, thân thể anh chị em khao khát sự Phục hưng mà Chúa muốn ban cho chúng ta.

II/. II Sử ký 7:13 - NHU CẦN PHỤC HƯNG:

Câu 13 này mô tả một cảnh khủng khiếp của một xứ sở, một Hội Thánh, một gia đình, một con người không được Phục hưng: “Chúa phán: Ta đóng các tầng trời lại”.

Một sự xa cách tương giao với Chúa, Chúa lia bỏ dân Chúa. Anh chị em hãy đọc lại những phân đoạn Kinh thánh nói về những thời điểm mà dân Chúa bị Chúa từ bỏ:

Hê. 3:17-19, Chúa giận dân Chúa 40 năm, từ bỏ họ và họ đã ngã chết trong đồng vắng, Chúa đã gánh mặt trước tai họa đến trên họ.

I Sa-mu-ên 3:1, Hơn 400 năm đời Quan xét, Lời Chúa hiếm hoi, sự tương giao với Chúa hiếm hoi. Kết quả là Dân Chúa sống trong thời kỳ đầy tối tăm, kinh khiếp.

Êxêchiên 11:24, vinh hiển của Đức Chúa Trời cất khỏi thành thánh, hình phạt đã đến trên dân Chúa, để rồi bị đày qua Ba-by-lôn.

Nếu không có Phục hưng thì làm sao? “Chúa phán: Chúa không cho mưa xuống”. Mưa thường chỉ bóng về những phước hạnh Chúa ban. Trong Thánh ca có nhiều bài nói về những cơn mưa phước lành rất hay:

Từ trời dội một cơn mưa phước lành

Lời vàng từ lòng yêu hứa ban.

Dồi dào nguồn phước mát mẻ hồn linh,

Do Jêsus tuôn tràn lai láng

Ấy mưa phước ơn dồi, chúng tôi đang mong chờ mưa ấy

Mới lác đác chung quanh vài giọt thôi.

Nguyện Ngài dội trận mưa lớn đây. (Thánh ca số 202)

Một bài Thánh ca khác (Thánh ca số 254): Tôi nghe nói hạnh phước như mưa dào từ nơi Chúa đổ tuôn đường bao...

Hãy nhìn xem những cơn hạn hán thuộc thể là tai họa khủng khiếp biết dường nào được mô tả trong I Vua đoạn 17 đến đoạn 18. Một Hội Thánh khô hạn ơn phước càng khủng khiếp hơn nữa, anh chị em sẽ cảm thấy một Hội Thánh như vậy là một dạng của địa ngục.

Nếu không có Phục hưng thì anh chị em sống làm sao trong khô hạn đó? Chúa phán: “khiến cào cào phá hại thổ sản, và giáng ôn dịch giữa dân sự ta. Gần một năm qua, thế giới đã nếm trải ôn dịch Covid 19 như thế nào rồi. Một sự khủng hoảng kinh tế và bệnh tật lây lan (dịch bệnh) còn khủng khiếp hơn chiến tranh bằng khí giới bom đạn, nó sẽ tạo ra nghèo đói và chết chóc.

Nếu không có Phục hưng thì Hội Thánh cũng vậy. Bạn đừng tưởng rằng Hội Thánh yếu đuối, khô hạn ơn phước, cũng không ảnh hưởng gì lớn lắm. Bạn đã sai lầm như những người làm y tế sai lầm tại Trung quốc khi không thông báo dịch bệnh Covid 19. Giá phải trả là cái chết bao trùm khắp thế giới.

Một lần nữa, anh chị em hãy trở lại II Sử ký từ đoạn 10 đến đoạn 33, để nghe Kinh thánh cảnh tỉnh chúng ta về nhu cầu Phục Hưng.

Đoạn 10 đến đoạn 12. Ba đoạn này trình bày sự chia rẽ trầm trọng trong tuyển dân. Họ đã chia thành hai nước. Chúa Jêsus Christ phán: Một nước mà chia xé nhau thì bị phá hoang; một thành hay một nhà mà chia xé nhau thì không còn được (Ma-thi-ơ 12:25).

Đoạn 13 đến đoạn 33. Đây là giai đoạn dân Chúa bị các lân bang hà hiếp, nội bộ xâu xé, Danh Chúa bị sỉ nhục (32:14-15)

Dân Chúa, Hội Thánh của Chúa, Danh Chúa bị sỉ nhục như vậy, nếu không có sự Phục hưng thì làm sao?

Hội Thánh ngày nay bị tà giáo, dị giáo đe dọa. Ngay cả trên những quốc gia tự nhận là quốc gia Cơ-Đốc, Hội Thánh đã bị thu hẹp, ảnh hưởng của Lời Chúa đã bị một thứ Tự Do Tôn giáo, bình đẳng Tôn giáo chặn đứng, nếu không muốn nói là đè bẹp. Cơ-Đốc giáo ngày nay đã không còn quyền năng hoặc bị mê tín đến nỗi hạ xuống ngang hàng với các Tôn giáo.

III/. II Sử ký 7:14 - PHƯƠNG PHÁP PHỤC HƯNG:

Câu Kinh thánh II Sử ký 7:14 rất quen thuộc đối với nhiều người tin Chúa Jêsus, nhưng thực tế cho thấy câu Kinh thánh này chỉ nằm trên kinh văn, trên lý thuyết. Lịch sử Hội Thánh trải qua gần 2.000 năm, thỉnh thoảng mới thấy Hội Thánh nơi nào đó áp dụng. Tuy nhiên, mỗi lần Hội Thánh nơi nào đó áp dụng thì câu Kinh thánh II Sử ký 7:14 lại tỏ ra linh nghiệm vô cùng, sự Phục hưng lập tức bộc phát lạ lùng.

Anh chị em hãy đọc lịch sử phục hưng của Hội Thánh trên thế giới xem. Gần gũi nhất với Hội Thánh là những cuộc Phục Hưng tại Trung quốc vào đầu thế kỷ 20, với những buổi nhóm trong đó “dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống, tức là ăn năn nhìn nhận tội lỗi của chính mình”, dân gọi bằng danh

ta cầu nguyện, tức là hết lòng trình bày với Chúa nhu cầu của mình, của gia đình mình, của Hội Thánh, nói rằng: Chúa ơi, nếu Chúa không Phục Hưng con, không Phục Hưng gia đình con, không Phục Hưng Hội Thánh con đang sinh hoạt, thì chắc chắn chúng con sẽ hư mất đời đời.

Dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta trở lại, bỏ con đường tà, tức là lìa bỏ con đường tội lỗi, yếu đuối, sống cho mình, phe đảng, chia rẽ ...

Anh chị em biết điều gì đã xảy ra không? II Sử 7:14 lập tức ứng nghiệm: Chúa ở trên trời đã nghe và cứu xứ họ khỏi tai họa, mắt Chúa đã đoái xem, lỗ tai Chúa đã lắng nghe, lời cầu nguyện của họ được nhậm.

Tại Việt Nam, những cơn Phục Hưng đã đến trên Đất Nước này qua các thời điểm 1939 bởi Bác sĩ Tống Thượng Tiết; 1942, bởi Mục sư Lê Văn Thái; 1972 bởi các sinh viên Thần học viện tại Nhatrang lan khắp các vùng Thượng hạt. Nhiều người đã được cứu, nhiều người được chữa lành, Hội Thánh phát triển mạnh mẽ. Làm sao để được Phục Hưng như vậy? Phương pháp đó là Lời Chúa dạy trong II Sử 7:14,

Hãy hạ mình (đừng kiêu ngạo nữa, hãy quì xuống);

Hãy cầu nguyện, đừng đọc kinh nữa mà là cầu nguyện

Hãy tìm kiếm Chúa, hãy mở Kinh thánh ra học và làm theo. Hãy nói với Chúa qua Lời Chúa: Lạy Ngài, Ngài muốn con làm chi?

Hãy bỏ con đường tà chia rẽ, kiêu ngạo, ganh ghét, tư lợi, trở về với nẻo yêu thương, thánh khiết, hiệp một.

Lạy Chúa xin hãy Phục Hưng Hội Thánh Ngài, khởi sự từ chính con! Nguyện đó là lời cầu nguyện của mỗi chúng ta hôm nay!

SÁCH II SỬ KÝ 4

Đề mục: NHỮNG LẦN ĐẮC THẮNG

Kinh thánh: II Sử ký 13:14-18

Câu gốc: II Sử ký 13:15

Mục đích: Học tiếp sách II Sử ký. Bày tỏ cho con cái Chúa biết đời sống đắc thắng đến từ Chúa.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Có câu nói rằng dân tộc nào không có đau khổ thì không có lịch sử, vì thế, có thể nói ngược lại, đọc và học sách Sử ký, nhất là sách II Sử ký, có rất nhiều trận chiến mà dân Giu-đa phải chiến đấu chống lại nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc, cũng như chống lại các quốc gia lân cận. Xét về vị trí địa lý, nước Giu-đa nằm ở vị trí chiến lược trên đường giao tranh của Đế quốc A-si-ri và Đế quốc Ba-by-lôn từ phía Đông thường kéo đến tranh giành ảnh hưởng với Đế quốc Ai Cập ở phía Tây Nam. Muốn đến tranh chấp nhau, thì quân đội các Đế quốc thời bấy giờ đều phải đi ngang qua những quốc gia nhỏ nằm trên đường hành quân từ Đông sang Tây hoặc từ Tây sang Đông, như Y-sơ-ra-ên phía Bắc và nước Giu-đa phía Nam.

Do đó, hai quốc gia nhỏ bé này nhưng thường xảy ra chiến tranh với nhau, chiến tranh với các Đế quốc, ấy là chưa kể các nước nhỏ chung quanh cũng kéo đến tranh chiến, kéo dài đến mãi 400 năm. Dĩ nhiên, chiến tranh thì có bại, có thắng, hôm nay chúng ta cùng học Những Lần Chiến Thắng để khích lệ nhau.

I/. II Sử ký 13:14-18 - A-BI-GIA THẮNG GIÊ-RÔ-BÔ-AM:

Rõ ràng đây là một cuộc nội chiến giữa vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc do Giê-rê-bô-am chỉ huy với vương quốc Giu-đa phía Nam do A-bi-gia, con trai của Rô-bô-am, cháu nội của vua Sa-lô-môn, chỉ huy.

Trong 13:3, Kinh thánh đã giới thiệu lực lượng của hai nước:

A-bi-gia ra trận với một đạo chiến sĩ, 40 vạn hay 400.000 người kén chọn;

Còn Giê-rô-bô-am dàn trận đối với người, có 80 vạn hay 800.000 người kén chọn, là lính chiến mạnh.

Lý do Giê-rô-bô-am có nhiều quân hơn Giu-đa là vì Giê-rê-bô-am nắm trong tay một vương quốc gồm 10 chi phái; còn Giu-đa chỉ có hai chi phái. Căn cứ vào sách II Sa-mu-ên 24:9, do tướng Giô-áp sau khi kiểm tra dân số đã báo cáo cho vua Đa-vít: “Giô-áp bèn trao cho vua cái sổ trọn sự tu bộ dân sự: trong Y-sơ-ra-ên có tám trăm ngàn người lính chiến, có tài cầm gươm được, và trong Giu-đa năm trăm ngàn người”; còn theo I Sử ký 21:5-6, “Giô-áp đem tâu cho vua tổng số dân; trong cả Y-sơ-ra-ên được một trăm mười vạn người cầm gươm; trong Giu-đa được bốn mươi bảy vạn người cầm gươm. Nhưng Giô-áp không có cai số người Lê-vi và người Bên-gia-min...”. Xét như thế, cuộc chiến này diễn ra với cả hai bên đều dốc toàn lực chiến đấu.

Tương quan lực lượng cho thấy ưu thế thuộc về Y-sơ-ra-ên phía Bắc với số quân áp đảo; còn A-bi-gia ngoài số quân 400.000 người, A-bi-gia còn có sức mạnh nào đặc biệt hỗ trợ không? Chúng ta hãy nghe chính A-bi-gia nói về sức mạnh của Giu-đa:

13:4, A-bi-gia đứng trên núi Xê-ra-ma-im trong miền núi Ép-ra-im, mà nói rằng: Hỡi Giê-rô-bô-am và cả Y-sơ-ra-ên, khá nghe! Bởi sự giao ước bằng muối, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã ban nước Y-sơ-ra-ên cho Đa-vít và cho các con trai người đến đời đời, các ngươi há chẳng biết sao?”

13:8, A-bi-gia cho dân Y-sơ-ra-ên phía Bắc biết là không phải họ chống lại Giu-đa mà là chống lại Đức Giê-hô-va, “VẬY, bây giờ, các ngươi tưởng rằng các ngươi sẽ chống cự nổi nước của Đức Giê-hô-va đã ban cho các con trai của Đa-vít...”

13:10, A-bi-gia công khai tuyên bố Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của Giu-đa, vẫn trung tín phục vụ Chúa, “Nhưng về phần chúng ta, Giê-hô-va vẫn là Đức Chúa Trời của chúng ta, chúng ta chẳng có lìa bỏ Ngài...”.

13:12, A-bi-gia tuyên bố Đức Chúa Trời là vị chỉ huy của Giu-đa, “Này, Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta, làm đầu chúng ta, và những thầy tế lễ của Ngài cầm những kèn tiếng vang đặt thối lên nghịch cùng các ngươi. Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên! Chớ tranh chiến cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, vì chẳng thắng được đâu!”

Nói tóm lại, A-bi-gia đã biết một công thức lãnh đạo đặc biệt mà những nhà lãnh đạo Cơ-Đốc đều biết: TÔI cộng với ĐỨC CHÚA TRỜI là ĐA SỐ. A-bi-gia dựa vào giao ước của Đức Chúa Trời để tin rằng Chúa luôn thành tín đối với những lời hứa của Ngài, và chính vua cũng như dân Giu-đa vẫn tin và nhờ cậy Chúa. Điều quan trọng hơn nữa là A-bi-gia biết trao quyền chỉ huy cho Đức Chúa Trời như vua đã nói: Này, Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta, làm đầu chúng ta (II Sử 13:12).

Kinh thánh xác nhận nguyên nhân thắng trận của A-bi-gia: “Nhưng Giê-rô-bô-am truyền binh phục đi đặt đến phía sau chúng; vậy quân Y-sơ-ra-ên ở đằng trước quân Giu-đa, còn binh phục ở đằng sau. Giu-đa xây ngó lại, kìa, giặc đã có phía trước và phía sau, bèn kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va, và những thầy tế lễ thối kèn. Bấy giờ người Giu-đa kêu la lên; xảy khi người Giu-đa kêu la, thì Đức Giê-hô-va đánh Giê-rô-bô-am và cả Y-sơ-ra-ên tại trước mặt A-bi-gia và dân Giu-đa. Dân Y-sơ-ra-ên chạy trốn trước mặt dân Giu-đa, và Đức Chúa Trời phó chúng nó vào tay dân Giu-đa. A-bi-gia và quân lính người làm cho chúng [tức là dân Y-sơ-ra-ên] bị thua trận cả thể, có năm mươi vạn tinh binh của Y-sơ-ra-ên bị thương ngã chết. Như vậy, trong lúc ấy, dân Y-sơ-ra-ên bị sỉ nhục, còn dân Giu-đa được thắng hơn, vì chúng nhờ cậy nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ” (13:17-18).

Cảm ơn Chúa, A-bi-gia đã khôn ngoan để Đức Chúa Trời LÀM ĐẦU đạo quân của ông, và ông đã thắng được đạo quân Y-sơ-ra-ên phía Bắc đông gấp đôi số quân của ông.

Câu Kinh thánh này nhắc tôi nhớ một câu chuyện về Đại Tướng Montgomery của Nước Anh sau khi họp với các Tướng lãnh bàn về việc phản công quân Đức tại Phi châu lúc bấy giờ do Tướng Rommel của Đức với biệt danh con cáo sa mạc chỉ huy đang có ưu thế đe dọa chiếm trọn Phi châu. Sau khi họp xong, Đại tướng Montgomery đã tuyên bố: ‘Dù sao, Chúa vẫn ở cùng chúng ta’. Thành linh có một sĩ quan trẻ đứng lên hỏi: ‘Thưa Đại tướng, Chúa ở cùng chúng ta để chỉ huy hay tiếp ứng? Thật là một câu hỏi đáng cho chúng ta suy nghĩ khi làm công việc Chúa và cầu nguyện xin Chúa ở cùng. Cảm ơn Chúa, A-bi-gia đã để Chúa làm Đầu!

Anh chị em hãy nhớ ơn Chúa nhớ lại những công việc mà chúng ta đã làm cho Chúa, làm cho mình, trong công việc làm ăn sinh sống, cũng như trong công trường thuộc linh, trong những ngày qua, đứng trước mỗi công việc, thật sự chúng ta có cầu nguyện xin Chúa ở cùng chúng ta, nhưng Chúa ở cùng để chỉ huy hay tiếp ứng? Với tất cả lòng thành thật, hạ mình với Chúa, chúng ta phải xin Chúa tha thứ vì chúng ta thường thường (nếu không muốn nói là LUÔN LUÔN) để Chúa ở hàng tiếp ứng. Trong mọi việc chúng ta

tranh giành nhau chỉ huy, đến khi nào đó sắp thất bại, hoặc đợi đến khi thất bại, chúng ta mới kêu cầu sự cứu giúp của Chúa.

Nguyện Chúa cáo trách mỗi chúng ta, nhắc chúng ta nhớ gương của A-bi-gia để nói được như A-bi-gia trong cuộc sống đời thường lẫn đời sống thuộc linh.

II/. II Sử ký 14:8-15 - A-SA THẮNG QUÂN Ê-THI-Ô-BI:

Nếu đọc tiêu đề ghi trên phân đoạn Kinh thánh này: A-sa thắng quân Ê-thi-ô-bi, trong bối cảnh thế giới hiện tại, nhất là sau cuộc chiến Iraq, với một nước Ê-thi-ô-bi hiện nay, thì thắng Ê-thi-ô-bi chắc chắn không có gì đáng quan tâm, vì nước Ê-thi-ô-bi ngày nay quả là nhỏ bé và yếu ớt.

Nhưng nếu chúng ta đọc lại lịch sử thế giới thời cổ, sẽ thấy Ê-thi-ô-bi là trong những nước hùng mạnh tại Phi châu. Ngay trong phần Kinh thánh này cũng đã nói lên sự hùng mạnh của họ: “Xê-rách, người Ê-thi-ô-bi kéo đạo binh:

một trăm vạn người, tức là một triệu quân.

và ba trăm cỗ xe (14:9).

Dĩ nhiên, trong chiến tranh, các bên tham chiến thường tuyên bố số lượng quân và vũ khí cao hơn mức họ có, để khùng bố địch quân. Dù chúng ta không tin rằng đạo quân Ê-thi-ô-bi đạt đến con số một triệu quân, nhưng chắc chắn cũng không phải là một đạo quân ít ỏi.

Trong khi đó vua A-sa của Giu-đa có một lực lượng rất mỏng, gồm (14:8):

30 vạn tức 300.000 người Giu-đa cầm khiên và giáo.

28 vạn tức 280.000 người Bên gia-min cầm thuẫn và giương cung

Rõ ràng vua A-sa của Giu-đa chỉ có bộ binh, mà không có kỵ binh, dù hết thảy đều là người mạnh dạn. Số lượng quân đã ít, mà phương tiện vũ khí cũng kém hơn. Bất lợi trong cuộc chiến rõ ràng ngã về phía vua A-sa của Giu-đa.

Cảm ơn Chúa, A-sa có hai điều cộng thêm của ông, nhờ đó ông có thể thắng trận.

14:10, điều thứ nhất mà A-sa có, bởi đó ông thắng trận là lòng can đảm, vững tin. Kinh thánh ghi lại về sự can đảm của A-sa sau khi giới thiệu tương quan lực lượng hai bên: “A-sa ra đón người (vua Ê-thi-ô-bi), dàn trận tại trong rừng Xê-pha-ta, gần Ma-sê-ra”. Chúng ta không hề thấy trong A-sa sự run rẩy sợ hãi nào dù biết quân mình kém hơn quân địch.

14:11, điều thứ hai mà A-sa có là SỰ CẦU NGUYỆN. Anh chị em hãy nghe lời cầu nguyện của A-sa: “A-sa cầu khẩn Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, mà rằng: Lạy Đức Giê-hô-va! Trừ ra Chúa chẳng có ai giúp đỡ người yếu thắng được người mạnh; Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi ôi! Xin hãy giúp đỡ chúng tôi, vì chúng tôi nương cậy nơi Chúa; ấy là nhơn danh Chúa mà chúng tôi đến đối địch cùng đoàn quân này. Đức Giê-hô-va ôi! Ngài là Đức Chúa Trời chúng tôi; chớ để loài người thắng hơn Chúa!”

Anh chị em thấy được điều gì trong lời cầu nguyện của A-sa?

A-sa biết chỉ có Chúa là Đấng giúp kẻ yếu thắng người mạnh, trái với thói thường là phù thịnh bất phù suy.

A-sa xin Chúa giúp đỡ ông và quân Giu-đa, tức là A-sa nhìn nhận ông và quân của ông là yếu, ông không giả bộ hoặc có chút dối trá nào, như Phao-lô đã nhìn nhận trong II Cô. 12:30-33, “Ví phải khoe mình, thì tôi cũng sẽ khoe mình về sự yếu đuối của tôi”.

A-sa đặt đức tin nương cậy nơi Chúa, vì chúng tôi nương cậy nơi Chúa. Biết mình yếu đuối, nhưng cũng chưa hẳn chịu nhờ cậy Chúa; ngược lại có những người nói rằng nhờ cậy Chúa, nhưng cũng cảm thấy mình cũng có khả năng. Cảm ơn Chúa, dù là vua, A-sa biết mình yếu và cũng có đức tin nhờ cậy Chúa.

Điểm nổi bật nhất là A-sa nói với Chúa, ông không đến để đối địch với quân thù, nhưng ông NHƠN DANH CHÚA MÀ ĐỐI ĐỊCH - ông như tổ phụ Đa-vít của ông một lần đã tuyên bố với lực sĩ Gô-li-át: “Người cầm gươm, giáo, lao mà đến cùng ta; còn ta, ta nhơn danh Đức Giê-hô-va vạn binh mà đến, tức là Đức Chúa Trời của đạo binh Y-sơ-ra-ên, mà người đã sỉ nhục” (I Sa-mu-ên 17:45).

Đây là điều Phao-lô dạy người tin Chúa Jê-sus ngày nay trong thư Ê-phê-sô 5:20, Hãy thường nhơn danh Đức Chúa Jê-sus Christ chúng ta, vì mọi sự tạ ơn Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta” (Côl. 3:17).

Phần cuối của lời cầu nguyện, A-sa đã biết giao gánh nặng vào tay Chúa, quân Ê-thi-ô-bi chiến đấu với Chúa, không phải chiến đấu với ông.

Cầu nguyện thì người tin Chúa Jê-sus nào cũng biết cầu nguyện, nhưng nói rõ từng nhu cầu trong lời cầu nguyện cách thành thật là điều chúng ta còn phải học nhiều lắm. Đó là lý do A-sa cầu nguyện vừa xong, Đức Giê-hô-va bèn đánh quân Ê-thi-ô-bi tại trước mặt dân Giu-đa và A-sa; quân Ê-thi-ô-bi chạy trốn (14:12). Chúa đã đáp lời tức thì, và đó có phải là lý do mà lời cầu nguyện của chúng ta chưa được Chúa trả lời?

SÁCH II SỬ KÝ 5

Đề mục: NHỮNG LẦN ĐẮC THẮNG (tiếp)

Kinh thánh: II Sử ký 13:14-18

Câu gốc: II Sử ký 13:15

Mục đích: Học tiếp sách II Sử ký. Bày tỏ cho con cái Chúa biết đời sống đắc thắng đến từ Chúa.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cơ hội cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Qua bài 4 của sách II Sử ký với chủ đề là Những Lần Đắc Thắng, chúng ta đã biết được hai lần người Giu-đa chiến đấu và thắng quân Y-sơ-ra-ên phía Bắc, dù quân số chỉ bằng một nửa; cuộc chiến thứ hai giữa người Giu-đa với quân Ê-thi-ô-bi, chẳng những quân số kẻ thù áp đảo lên đến cả triệu, mà quân thù còn có vũ khí tối tân thời đó. Dù vậy, cả hai cuộc chiến, vì người Giu-đa đều biết đặt Đức Giê-hô-va làm Đầu, biết nhờ cậy Chúa, nên Chúa đã đánh trận thay cho người Giu-đa, bởi đó, cả hai trận người Giu-đa đều thắng.

Hôm nay, chúng ta lại sẽ cùng nhau cùng học tiếp Những Lần Đắc Thắng của dân Chúa.

I/. II Sử ký 20:1-30 - GIÔ-SA-PHÁT THẮNG QUÂN MÔ-ÁP:

Trong đoạn 19, vua Giô-sa-phát vừa trải qua một cuộc chiến liên minh với vua A-háp của Y-sơ-ra-ên chống vua Sy-ri. Cuộc liên minh này khiến Giô-sa-phát xuyết mất mạng và bị đấng tiên kiến Giê-hu quở trách: “Vua há giúp đỡ kẻ hung ác và thương mến kẻ ghen ghét Đức Giê-hô-va sao? Bởi cơ đó, có cơn giận của Đức Giê-hô-va đến trên vua. Nhưng trong vua có điều lành, vì vua có trừ diệt khỏi xứ những thần A-sê-ra, và rắp lòng tìm cầu Đức Chúa Trời” (19:2-3).

Sau sai lầm liên minh A-háp bị thua trận và bị Chúa quở trách, vua Giô-sa-phát có lòng kính sợ Chúa, bằng cơ là vua Giô-sa-phát dạy các quan của vua: “Vậy bây giờ, phải kính sợ Đức Giê-hô-va, khá cẩn thận mà làm; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta, chẳng trái phép công bình, chẳng thiên vị người, chẳng nhận của hối lộ” (19:7). Và vua Giô-sa-phát đã cải cách nền cai trị cũng như chỉnh sửa niềm tin của toàn dân đối với Đức Giê-hô-va.

20:1-2, “Sau các việc này”, tức là sau khi bị Chúa quở trách, sau khi chỉnh đốn cách cai trị trên căn bản niềm tin nơi Chúa, quân Giu-đa dưới đời vua Giô-sa-phát cai trị đối địch với một liên minh của ba vua: Mô-áp, Am-môn và người Mao-nít, số quân của họ không còn đếm được, Kinh thánh chỉ ghi lại cho chúng ta biết là đạo quân liên minh rất đông từ bên bờ kia của biển, tức là từ hướng Biển Chết.

20:3-4, trong khi đó, Giô-sa-phát dường như không chuẩn bị gì về quân sự cả. Ngay những giờ phút nhận được tin tức báo về, Giô-sa-phát sợ hãi.

Cảm ơn Chúa, Kinh thánh không ngừng ở hai chữ SỢ HÃI của Giô-sa-phát, mà ngay lập tức Kinh thánh ghi tiếp: “Giô-sa-phát sợ hãi, rắp lòng tìm cầu Đức Giê-hô-va, và rao khắp xứ Giu-đa phải kiêng ăn một ngày”.

Thật sự, sợ thì ai cũng sợ, nhưng sợ rồi làm gì, mới là điều đáng nói. Giô-sa-phát sợ, dù ông là vua - vua cũng là người, nên cũng biết sợ như mọi người - nhưng ông biết giải quyết nỗi sợ của mình bằng sự cầu nguyện, và kêu gọi khắp xứ cùng vua cầu nguyện. Cảm ơn Chúa, khi nghe lời kêu gọi của vua Giô-sa-phát,

“Giu-đa nhóm lại đặng cầu Đức Giê-hô-va cứu giúp; người ta ở các thành Giu-đa đều đến đặng tìm cầu Đức Giê-hô-va” (20:4).

Đặc biệt hơn nữa, Giô-sa-phát còn biết sử dụng một thứ khí giới kỳ diệu ngoài sự cầu nguyện: ẤY LÀ SỰ NGỢI KHEN.

20:21, thay vì lập một đội quân, Giô-sa-phát đã lập một Ca-đoàn với áo lễ đi trước đạo quân. Dĩ nhiên, trước mắt người chưa tin Chúa, trong những giờ phút cực kỳ nguy hiểm, mà dân Chúa lại ca hát ngợi khen Chúa, thì là một việc dường như không bình thường, nếu không muốn nói là điên dại.

Điều gì đã xảy ra?

20:22, Kinh thánh làm chứng: “Đương lúc chúng khởi ca hát và ngợi khen, thì Đức Giê-hô-va đặt phục binh xông vào dân Am-môn, dân Mô-áp và những kẻ ở núi Sê-i-rơ đã đến hãm đánh Giu-đa; và các dân ấy đều bị bại”.

Anh chị em có tin nơi quyền năng của sự ngợi khen Chúa không? Anh chị em hãy đọc lại Lời Chúa để thấy nhiều lần ngợi khen Chúa có quyền năng lạ lùng:

II Sử ký 5:13-14, khi vua Sa-lô-môn cùng dân Chúa thỉnh hòm giao ước vào Đền thờ, Kinh thánh ghi: “Xảy khi kẻ thổi kèn và kẻ ca hát đồng thanh hòa nhau như một người, mà khen ngợi cảm tạ Đức Giê-hô-va... thì đền của Đức Giê-hô-va bị mây lấp đầy; đến nỗi những thầy tế lễ vì mây không thể đứng đó hầu việc được, vì sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy lấp đền của Đức Chúa Trời”.

Ê-sai 6:5, khi các Sê-ra-phin cùng hát ngợi khen sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, thì các nền gạch cửa rung động, lòng người cứng cõi như Ê-sai cũng rung động, tan vỡ.

Công vụ 16:25-26, Phao-lô và Si-la đang bị giam với thương tích đầy người, chưa biết sáng mai sống chết thế nào, “lối nửa đêm”, hai ông đã hát ngợi khen Chúa. Lạ lùng thay, sự ngợi khen Chúa của hai ông đã tạo nên một cơn động đất làm mở tung xiềng xích, mở tung cửa ngục, và mở tung lòng người đê lao với gia đình người đê lao tin Chúa.

Thật ra chẳng có gì là thần thoại cả. Thế giới cũng biết sức mạnh của âm nhạc. Người ta biết dùng âm nhạc trong việc chữa bệnh, dùng âm nhạc để chiến đấu, dùng âm nhạc để vắt sữa bò, để trồng hoa... Âm nhạc của con người còn có sức mạnh dường ấy, huống chi âm nhạc ngợi khen Đức Chúa Trời.

Anh chị em sẽ hỏi: Thế tại sao Hội Thánh hay cá nhân người tin Chúa Jê-sus ngày nay ca hát chẳng thấy quyền năng gì? Câu trả lời là do cách chúng ta ca hát ngợi khen Chúa, chúng ta ca hát để ngợi khen Chúa hay để tỏ ra giọng hát của mình? Chúng ta ca hát để ngợi khen Chúa hay để lấp qua thì giờ giống như nhạc chuyển mục?

Anh chị em ơi, tôi tin rằng vua Giô-sa-phát và đạo quân của vua cũng như của các thánh đồ, họ không hát hay hơn chúng ta, không hát để chuyển mục, không hát để biểu diễn, mà họ ca hát để ngợi khen Chúa với tinh thần biết rằng hoặc là họ ngợi khen hoặc là họ sẽ chết dưới tay kẻ thù nghịch. Sự ngợi khen của họ là sự sống chết của họ.

Cảm ơn Chúa, Giô-sa-phát thắng trận bằng sự ngợi khen Đức Chúa Trời! Một ngày nào đó đứng trước khó khăn hoạn nạn, anh chị em hãy đứng lên, ngược đầu lên với tất cả tấm lòng hát lên một bài ca ngợi khen Chúa, anh chị em sẽ kinh nghiệm sự đắc thắng.

II/. II Sử ký đoạn 32 – Ê-XÊ-CHIA THẮNG QUÂN A-SI-RI:

Điều lạ lùng là trận chiến này được nhắc đến ba lần trong Kinh thánh: sách II Vua đoạn 19, sách II Sử đoạn 32, và sách tiên tri Ê-sai đoạn 36 và đoạn 37.

Và lần này nước Giu-đa trong đời vua Ê-xê-chia phải chiến đấu với một Đế quốc bách chiến bách thắng của thế kỷ thứ 8 và thứ 9: Đó là Đế quốc A-si-ri!

Nếu chúng ta đọc lịch sử thế giới về Đế quốc A-si-ri, đó là một Đế quốc hùng mạnh vào thế kỷ thứ 9 trước Chúa giáng sinh, cũng sẽ thấy sức mạnh và sự tàn ác của Đế quốc này đối với các quốc gia bị họ xâm chiếm. Ngay cả Kinh thánh cũng đã ghi lại những sự độc ác của họ, đặc biệt là sách Na-hum và các sách tiên tri.

Riêng sách II Sử ký, cũng như hai sách II Vua 19, và sách tiên tri Ê-sai 36: - 37:, đều ghi lại những lời kêu căng ngạo mạn của San-chê-ríp, vua của quân A-si-ri đang bao vây Giê-ru-sa-lem thời vua Ê-xê-chia. Trong lời tuyên bố kêu căng này, San-chê-ríp liệt kê các thành tích mà quân A-si-ri đã đạt được:

32:13, San-chê-ríp nói với dân Giu-đa: “Các ngươi há chẳng biết điều ta và tổ phụ ta đã làm cho các dân thiên hạ sao? Các thần của những dân tộc thiên hạ, há giải cứu xứ chúng nó được khỏi tay ta ư?”

Nếu chúng ta đọc thêm Ê-sai 36:18-20; 37:11-13, anh chị em sẽ có một bảng liệt kê khá dài các nước bị hủy diệt bởi tay người A-si-ri.

Trong khi đó, Kinh thánh không ghi lại nước Giu-đa trong đời vua Ê-xê-chia có bao nhiêu quân, điều đó cũng hàm ý số quân của Ê-xê-chia nắm giữ là không đáng kể.

Cảm ơn Chúa, một lần nữa dân Giu-đa nói riêng, dân Chúa nói chung trong đó có Hội Thánh Đức Chúa Trời ngày nay lại học được một cuộc chiến tranh theo câu nói mà người thế gian thường nói: Bất chiến tự nhiên thành - không đánh mà vẫn thắng. Cuối cùng Ê-xê-chia vẫn thắng dù vua Ê-xê-chia không hề đánh, dân Chúa vẫn thắng Đế quốc A-si-ri hùng mạnh.

Bí quyết thắng trận của Ê-xê-chia là gì?

II Sử 32:1 ghi: “Sau các việc này và sự thành tín này”. Ê-xê-chia có một kinh nghiệm về sự yêu thương và thành tín của Chúa qua ý nghĩa của Lễ Vượt qua mà ông cùng toàn dân vừa dự xong (30:21-23)

32:2-3, Ê-xê-chia có các quan trưởng và những người mạnh dạn... giúp đỡ.

32:4-6, Ê-xê-chia có được lòng dân, nên dân chúng nhóm lại đông giúp đỡ Ê-xê-chia. Ê-xê-chia có được sự hiệp một của toàn dân.

Đó là sức mạnh từ lòng dân.

II Sử 32:20 còn cho chúng ta biết một bí quyết nữa của Ê-xê-chia có: “Vua Ê-xê-chia, và tiên tri Ê-sai, con trai A-mốt, cầu nguyện về việc này, và kêu la thấu đến trời”, nghĩa là Ê-xê-chia có lời Chúa qua tiên tri Ê-sai truyền dạy, và ông sẵn sàng nghe để làm theo.

Phải, Ê-xê-chia đã thắng trận nhờ sự cầu nguyện, nhưng sự cầu nguyện đó được sự hiệp một của toàn dân Chúa, của cả Hội Thánh, và như Lời Đức Chúa Trời bởi tiên tri của Ngài Ê-sai.

Chắc hẳn người đọc Kinh thánh đã thấy nhiều lần nhiều lúc Kinh thánh ghi lại dân Chúa đắc thắng qua sự hiệp một và qua Lời Chúa.

Hãy đọc sách Công vụ các Sứ đồ để thấy sự hiệp một của cả Hội Thánh khiến Đức Chúa Trời ban cho Hội Thánh sức mạnh và lòng dạn dĩ giảng đạo Đức Chúa Trời giữa Giê-ru-sa-lem là trung tâm thù nghịch của Hội Thánh.

Tóm lại dân Chúa hay Hội Thánh hãy học lấy những bí quyết đắc thắng qua những trận chiến này:

Hội Thánh chỉ đắc thắng khi biết đặt Chúa làm đầu.

Hội Thánh đắc thắng khi biết ngợi khen Chúa.

Hội Thánh đắc thắng khi biết cầu nguyện với Chúa

Nền tảng đắc thắng của Hội Thánh là khi Hội thánh có sự hiệp một và có Lời Chúa để làm theo:

“Xảy khi kẻ thổi kèn và kẻ ca hát đồng thanh hòa nhau như một người, mà khen ngợi cảm tạ Đức Giê-hô-va” (II Sứ. 5:13).

“Nhưng con mắt chúng tôi ngửa trông Chúa! Cả Giu-đa đều đứng tại trước mặt Đức Giê-hô-va với các đứa nhỏ, vợ, và con cái mình”

Khi Ê-xê-chia thấy San-chê-ríp đã đến... thì người hội nghị với các quan trưởng và những người mạnh dạn... họ bèn giúp đỡ người... Dân sự nhóm lại đông... nường cậy nơi lời của Ê-xê-chia, vua Giu-đa ” (II Sứ. 32:1-8).

Hiệp Một, và Hiệp Một!

SÁCH II SỬ KÝ 6

Đề mục: NHỮNG LẦN PHỤC HƯNG

Kinh thánh: II Sử ký 14: - 15: (đọc 14:2-5)

Câu gốc: II Sử 15:2

Mục đích: Học tiếp sách II Sử ký. Học về những cuộc phục hưng trong sách để con cái Chúa nhận thấy nhu cầu và cách để Hội Thánh được phục hưng.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng được học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã học biết những trận chiến của dân Chúa là người Giu-đa với các dân đông hơn, mạnh hơn họ, vậy mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ sự đắc thắng khải hoàn, tất cả đều bởi chính Đức Giê-hô-va chiến trận cho họ. Hôm nay, chúng ta lại chắt lọc ra những lần dân Giu-đa tinh thức tìm kiếm Đức Giê-hô-va và Chúa đã không thiếu ơn phước dành cho họ, từ cá nhân đến cả xứ, cả dân tộc, qua Những Lần Phục Hưng.

I/. II Sử ký 14:2-5 – PHỤC HƯNG ĐỜI VUA A-SA:

Sa-lô-môn qua đời để lại những hình tượng ngoại bang cùng với các tập tục thờ lạy hình tượng mà các hoàng hậu của Sa-lô-môn du nhập từ các nước của họ. Dù sách Sử ký không đề cập đến tội lỗi của vua Đa-vít, cũng như của vua Sa-lô-môn, nhưng sách I Vua 11:4-8 ghi lại chi tiết tội của vua Sa-lô-môn lúc cuối đời: “Ngoài con gái của Pha-ra-ôn, vua Sa-lô-môn lại còn thương mến nhiều người nữ của các dân ngoài... Chúng nó thuộc về các dân tộc mà Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên rằng: Các ngươi và chúng nó chớ đi lại giao thông với nhau; vì chúng nó hẳn sẽ quyến dụ lòng các ngươi hướng theo các thần chúng nó. Sa-lô-môn triu mến những người nữ ấy. Người có bảy trăm hoàng hậu, và ba trăm cung nữ; chúng nó bèn làm cho người trở lòng. Trong buổi già yếu, các hoàng hậu của Sa-lô-môn dụ lòng người đi theo các thần khác: Đối cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, lòng người chẳng trọn lành như thể lòng của Đa-vít, là cha người... Như vậy, Sa-lô-môn làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va...

Con trai của Sa-lô-môn tên Rô-bô-am đi theo con đường của cha mình lìa bỏ Chúa: “Xảy khi nước của Rô-bô-am vừa được lập vững bền, và người được cường thịnh, thì người (tức Rô-bô-am) và cả Y-sơ-ra-ên liền bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va” (II Sử 12:1). Rô-bô-am là con trai của Sa-lô-môn làm điều ác, vì không rắp lòng tìm cầu Đức Giê-hô-va (II Sử 12:14).

Rồi đến cháu nội của Sa-lô-môn là A-bi-gia lên ngôi, theo sách I Vua 15:3 thì A-bi-gia cũng là một vua đi trong các tội lỗi của cha người; và lòng người không trọn lành với Giê-hô-va Đức Chúa Trời người như thể lòng Đa-vít, tổ phụ người.

Nhưng qua sách II Sử ký đoạn 13 đã ghi lại một điểm son cho A-bi-gia khi ông đối diện với đoàn quân đông gấp bội của Giê-rô-bô-am, vua Y-sơ-ra-ên phía Bắc. Trong nguy biến, A-bi-gia đã bày tỏ niềm tin của ông nơi Chúa với một bài tuyên bố với quân của Giê-rô-bô-am

13:5, A-bi-gia đứng trên núi Xê-ma-ra-im trong miền núi Ép-ra-im, mà nói rằng: Hỡi Giê-rô-bô-am và cả Y-sơ-ra-ên, khá nghe! Bởi sự giao ước bằng muối, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã ban nước Y-sơ-ra-ên cho Đa-vít và cho các con trai người đến đời đời, các ngươi há chẳng biết sao? A-bi-gia vẫn nhớ giao ước Chúa đã hứa với tổ của ông là Đa-vít.

13:10, A-bi-gia vẫn tuyên bố: “Nhưng về phần chúng ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời vẫn là Đức Chúa Trời của chúng ta, A-bi-gia cùng dân Giu-đa và vẫn còn giữ các lễ nghi phục sự Chúa.

13:12, điều cao quý là A-bi-gia vẫn để Chúa làm đầu, “này, Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta, làm đầu chúng ta...”.

Kết quả là A-bi-gia đã thắng được Giê-rô-bô-am nhờ đức tin nơi Chúa. Có lẽ biến cố này là một dấu hiệu mạnh mẽ cho cuộc phục hưng đời A-sa sau đó, gây một ấn tượng tốt lành về Chúa trong lòng vị thái tử A-sa sau này lên ngôi kế vị.

Do đó vừa khi lên ngôi, A-sa đã bày tỏ lòng khao khát sự phục hưng bằng đời sống

14:2, A-sa làm điều thiện và ngay thẳng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người”.

14:3, A-sa cất bỏ các bàn thờ thần ngoại bang, và những nơi cao, đập bể các trụ thờ; và đánh đổ những tượng A-sê-ra”...

14:4, A-sa khuyên dân Giu-đa tìm cầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng, cùng làm theo luật pháp và điều răn của Ngài”.

14:5, A-sa cũng trừ bỏ các nơi cao và trụ thờ mặt trời.

Câu hỏi đặt ra là tại sao vừa lên ngôi, A-sa lại lập tức tìm kiếm sự phục hưng như vậy? Câu trả lời là:

Vì A-sa đã thấy gương của tổ phụ mình là Đa-vít và Sa-lô-môn. Đa-vít càng yêu mến Chúa, tìm cầu Chúa thì càng thịnh vượng, quốc gia càng hùng mạnh; còn Sa-lô-môn lúc yêu mến Chúa thì cả nước hưng vượng, lúc Sa-lô-môn lia bỏ Chúa thì cá nhân Sa-lô-môn cũng như cả nước bị suy sụp.

Vì A-sa thấy gương của ông nội mình là Rô-bô-am với đời sống lúc gian nguy thì nhớ Chúa, lúc bình an thì quên Chúa, nước Giu-đa phải chao đảo theo nhịp độ lên xuống thuộc linh của Rô-bô-am.

Vì A-sa thấy cha mình là vua A-bi-gia, đặc biệt là qua cuộc chiến chống lại Giê-rô-bô-am (II Sử 13). Tôi tin rằng A-sa đã có mặt trong cuộc chiến này và đã thấy rõ khi nào vua cha và toàn thể dân Giu-đa yêu mến Chúa thì sự hưng thịnh; ngược lại, khi vua cha và dân Chúa không sống như Chúa dạy thì họ bị kẻ thù tấn công.

Tôi tin rằng với những điều tai nghe mắt thấy về những lần các đời vua trước đối với Chúa, lòng A-sa đã khao khát một sự phục hưng từ Chúa cho mình và cho dân Giu-đa của mình.

Tôi không biết có bao giờ anh chị em một lúc nào đó chợt nghĩ đến tình trạng Hội Thánh chung và Hội Thánh riêng tại đây mà khao khát một cơn phục hưng cho Hội Thánh không? Thật lòng mà nói, hơn 20 năm qua, tôi không còn được nghe đến hai chữ PHỤC HƯNG trong Hội Thánh chung cũng như trong những Hội Thánh tại địa phương.

Tại sao? Phải chăng vì Hội Thánh đang tốt lắm rồi, không cần phục hưng? Phải chăng Hội Thánh chưa cần đến phục hưng, mà cần tổ chức lại? Hoặc Hội Thánh không còn có thể phục hưng? Hoặc không ai trong Hội Thánh biết gì về phục hưng, chỉ biết nhóm và nhóm lại mà thôi?

Tôi kêu gọi anh chị em tìm đọc những tài liệu phục hưng các thế hệ trước đây, ít nữa cũng hãy đọc lại lịch sử phục hưng đời A-sa này so với tình trạng trì trệ, nặng nề, suy sụp của các đời trước A-sa, để Chúa

ban cho anh chị em một tấm lòng khao khát phục hưng, hầu khởi sự tìm kiếm phục hưng ngay như A-sa vừa mới lên ngôi.

Cảm ơn Chúa, cuộc phục hưng đời A-sa đã đem lại

14:5b, Chúa cho nước Giu-đa sự bình an, hòa thuận vui vẻ.

14:12, thắng được kẻ thù Ê-thi-ô-bi

15:12-15, “Chúng toan ước nhau hết lòng hết ý tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ mình, và hễ ai không tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, thì sẽ bị xử tử, vô luận nhỏ hay lớn, nam hay nữ. Chúng cất tiếng lớn mà thề cùng Đức Giê-hô-va, reo mừng, thổi kèn, thổi còi. Cả Giu-đa đều vui mừng về lời thề ấy, vì chúng hết lòng mà phát thề, và hết ý tìm cầu Đức Giê-hô-va; rồi chúng tìm gặp Ngài đặng. Đức Giê-hô-va bèn ban cho chúng được bình an bốn phía”.

Anh chị em hãy đem kết quả sự phục hưng này áp dụng vào nhu cầu của Hội Thánh để thấy lòng mình khao khát.

II/. II Sử ký 24:1-14 – ƯỚM MẦM PHỤC HƯNG:

Cuộc phục hưng đời vua Giô-ách khởi sự từ tấm lòng yêu mến Chúa của vợ chồng Thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa. Lúc bấy giờ nước Giu-đa đang bị Thái hậu A-tha-li đàn áp, A-tha-li đã cướp ngôi vua và lên ngôi cai trị cách độc ác (II Sử 22:10). Anh chị em muốn biết Thái hậu A-tha-li cai trị thế nào, hãy đọc câu chuyện lịch sử Trung quốc ghi chép về sự cai trị của Lữ Hậu đời nhà Hán, Võ Hậu đời nhà Đường, Từ Hi Thái hậu đời nhà Thanh, cũng như quyền hành của Hoàng hậu Giê-sa-bên đời vua A-háp của nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc.

Trong lúc tình hình dân Chúa cực kỳ đen tối, cảm ơn Chúa, vợ chồng thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa vẫn giữ được tấm lòng yêu mến Chúa bằng các việc làm cho Chúa:

22:11, vợ của Thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa là Giô-sa-bát cùng với chồng cứu và giấu Giô-ách dòng dõi vua Đa-vít.

22:12, vợ chồng thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa nuôi dưỡng Giô-ách sáu năm trong Đền thờ.

Chúng ta có thể tìm được bài học quý báu cho sự phục hưng Hội Thánh ngày nay qua đời sống của vợ chồng thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa:

Vợ chồng Giê-hô-gia-đa dù biết mình cô đơn, dù biết kẻ thù là Thái hậu A-tha-li là nguy hiểm, họ vẫn giữ lòng yêu mến Chúa.

Vợ chồng Giê-hô-gia-đa đã biết nuôi dưỡng mầm phục hưng cho dân Chúa qua hành động nuôi dưỡng Giô-ách.

Chúng ta đang sống trong thời kỳ mọi người đều muốn sống theo đa số với khẩu hiệu: Ai cũng làm vậy, tôi cũng làm theo. Rất nhiều người đã bị cái đa số ai cũng làm vậy đó lôi cuốn, không còn dám sống như Chúa dạy. Đức Chúa Trời thật đang cần những người như vợ chồng Giê-hô-gia-đa dám sống yêu Chúa trong một thế giới tội ác thêm nhiều, một thế giới mà lòng yêu mến của phần nhiều người nguội lẩn.

Có người hỏi nhà hiền triết Trung quốc là Mặc Tử: Cả thế gian làm ác, tội gì ông đi làm lành? Mặc Tử trả lời: Nhà có 10 người con, chín đứa lười biếng, đứa còn lại không làm thì cả nhà chết đói sao? Người

không tin Chúa còn nói thế, người tin Chúa lại chẳng dám sống như Giê-hô-gia-đa sao? Chẳng những vợ chồng Giê-hô-gia-đa yêu mến Chúa, mà họ còn tìm cách nuôi dưỡng cái mầm phục hưng cho dân Chúa nữa.

Cảm ơn Chúa, công khó của vợ chồng Giê-hô-gia-đa đã không vô ích, khi Chúa nhậm lấy tấm lòng của họ, sự phục hưng đến với dân Chúa:

23:16-21, nước Giu-đa thoát khỏi những sự thờ lạy hình tượng, sự ngợi khen được dâng lên cho Chúa, Thái hậu A-tha-li bị giết chết.

24:4, Đền thờ của Đức Chúa Trời được tu sửa lại bởi tấm lòng dâng hiến rộng rãi của dân Chúa, đến nỗi còn dư ra nữa (24:13-14). Rõ ràng vấn đề không phải có tiền, mà vấn đề là có Chúa phục hưng hay không.

Tôi tin rằng đã nhiều lần anh chị em than phiền, than thở về Hội Thánh, than phiền những buổi nhóm buồn chán, than phiền Hội Thánh dường như không còn được Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trị nữa. Tôi tin rằng nhiều lần anh chị em đã nghe nơi này nơi khác, Hội Thánh này Hội Thánh khác được Đức Chúa Trời ban sự phục hưng vui vẻ, lòng anh chị em khao khát, mơ ước Hội Thánh Chúa tại đây và Hội Thánh chung lúc nào cũng có những buổi nhóm đầy ơn, những bài ca ngợi khen được dâng lên thay cho lời than phiền.

Mong ước đó chắc chắn sẽ xảy đến, chắc chắn Chúa sẽ ban cho nếu có những người như vợ chồng Giê-hô-gia-đa, giữ mình trong sự yêu mến Chúa và biết nuôi dưỡng tinh thần phục hưng cho chính mình và cho Hội Thánh như Chúa hứa: Các ngươi sẽ tìm ta và gặp được, khi các ngươi tìm kiếm ta hết lòng” (Giê. 29:13). Nếu anh chị em không nuôi dưỡng sự phục hưng, thì làm sao có thể đòi ăn trái phục hưng? Hãy khởi sự nuôi dưỡng phục hưng bằng tất cả khao khát đi. Dù muộn nhưng đừng để trễ. Thì giờ đã gần rồi.

SÁCH II SỬ KÝ 7.

Đề mục: NHỮNG LẦN PHỤC HƯNG (tiếp)

Kinh thánh: II Sử ký 14: - 32

Câu gốc: II Sử 15:2

Mục đích: Học tiếp sách II Sử ký. Học về những cuộc phục hưng trong sách để con cái Chúa nhận thấy nhu cầu và cách để Hội Thánh được phục hưng.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cơ hội cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Trong bài trước, chúng ta đã cùng học hai cuộc phục hưng mà Chúa đã ban cho dân Giu-đa, dưới triều vua A-bi-gia và sự ươm mầm phục hưng của vợ chồng thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa. Hôm nay, chúng ta nhờ ơn Chúa cùng tiếp tục học những cuộc phục hưng được ghi trong sách II Sử ký.

I/. II Sử ký 24:1-14 – PHỤC HƯNG BỊ LẠM DỤNG.

Cảm ơn Chúa cho sách II Sử ký ghi lại ít nhất là hai cuộc phục hưng bị lạm dụng nên đã lụi tàn, chắc chắn là bài học cho chúng ta để tỉnh thức.

Kinh thánh đã ghi lại vua Giô-ách lên ngôi lúc được bảy tuổi, có vợ chồng thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa nhiếp chính, một cuộc phục hưng đã dấy lên trong Giu-đa sau những ngày đen tối do Thái hậu A-tha-li cai trị:

23:16-17, dân Giu-đa và vua Giô-ách lập ước cùng Đức Giê-hô-va, dẹp bỏ hình tượng, giết thầy tế lễ của tà thần Ba-anh.

23:18-21, vua Giô-ách lập lại việc thờ phượng trong Đền thờ, chỉnh đốn triều vua, mọi người vui mừng.

24:4, Đền thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời được Giô-ách cho sửa sang lại với sự góp phần dâng hiến rộng rãi của mọi người.

Đến 24:17, “Sau khi Giê-hô-gia-đa đã qua đời, các quan trưởng Giu-đa đến chào vua. Vua bèn nghe theo lời của chúng, lia bỏ đền Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của tổ phụ mình, mà phục sự những thần A-sê-ra và các hình tượng; tại cơ tội lỗi ấy, bèn có cơn giận của Chúa nghịch cùng Giu-đa và Giê-ru-sa-lem”.

Đây là một hình thức phục hưng theo con người, vua Giô-ách và dân Giu-đa phục hưng theo thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa, khi Giê-hô-gia-đa chết thì cái gọi là phục hưng cũng chết theo.

Kinh thánh cũng ghi lại cuộc phục hưng nước Giu-đa dưới triều đại của vua Ô-xia. Kinh thánh nói về vua Ô-xia như sau: “Ô-xia được mười sáu tuổi, khi người lên ngôi làm vua... người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, y theo mọi điều A-ma-xia, cha người đã làm... Ô-xia rắp lòng tìm kiếm Đức Chúa Trời; và người tìm kiếm bao lâu, thì Đức Chúa Trời khiến cho người đặng may mắn bấy lâu... Đức Chúa Trời giúp đỡ người được thắng... Danh tiếng người đồn ra phương xa; bởi vì người được Chúa giúp đỡ cách lạ thường, cho đến trở nên cường thịnh” (26:1-15).

Và tiếp theo sau những thành công nhờ lòng kính sợ Chúa, “Song khi người được trở nên cường thịnh, lòng bèn kiêu ngạo, đến đổi làm điều ác, phạm tội cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người; vì người vào

trong đền thờ Đức Giê-hô-va, xông hương trên bàn thờ xông hương” (26:16), và Chúa đã phạt Ô-xia bị bịnh phung đến chết.

Con người được Chúa dùng đem phục hưng cho dân Chúa vì kiêu ngạo đã lui tàn trong bóng tối: “Ô-xia bị bịnh phung cho đến ngày băng hà; và vì bị phung phải ở riêng ra trong một nhà khác, chẳng còn được vào đền của Đức Giê-hô-va nữa” (26:21).

Có bài học nào đáng học cho những người muốn được Chúa dùng không? Đó là lý do Chúa Jêsus Christ đã phán: “Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhờn danh Chúa mà nói tiên tri sao? Nhờ danh Chúa mà trừ quỷ sao? Và lại nhờn danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta” (Math. 7:22-23).

Người đời có một câu đáng học: ‘Đừng thấy cái bóng to của mình trên vách mà tưởng mình vĩ đại’, còn Kinh thánh từ 200 năm trước khi vua Ô-xia lên ngôi đã có câu Châm ngôn được vua Sa-lô-môn – tổ phụ của vua Ô-xia sưu tầm: “Sự kiêu ngạo đi trước, sự bại hoại theo sau, và tánh tự cao đi trước sự sa ngã” (Châm. 16:18).

II/. II Sử ký đoạn 29 đến đoạn 32 – PHỤC HƯNG ĐỜI Ê-XÊ-CHIA:

Đọc qua sách II Sử ký từ đoạn 29 đến đoạn 32 này, lòng anh chị em có cảm nhận niềm vui từ dân Chúa trong những ngày vui mừng này không?

29:1-2, “Ê-xê-chia được hai mươi lăm tuổi khi người lên ngôi làm vua... Người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, y theo mọi điều Đa-vít, tổ phụ người, đã làm”.

29:3-16, “Tháng giêng năm đầu người trị vì, người mở các cửa đền của Đức Giê-hô-va ra, và sửa sang lại... Những thầy tế lễ đi vào trong đền của Đức Giê-hô-va, đặt dọn nó cho sạch; phàm điều gì dơ dáy thấy ở trong đền của Đức Giê-hô-va, họ lấy liệng ra ngoài ở nơi hành lang của đền; rồi người Lê-vi lấy rơm đem quăng ở ngoài tại trong khe Xết-rôn”.

29:20, “Vua Ê-xê-chia dậy sớm nhóm hiệp các quan trưởng trong thành, và lên đền của Đức Giê-hô-va”.

30:1, Ê-xê-chia sai sứ đến cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, cũng viết thư cho người Ép-ra-im và người Ma-na-se, đòi chúng tới đền Đức Giê-hô-va, tại Giê-ru-sa-lem, đặt giữ lễ Vượt qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên”. Người Ép-ra-im là chi phái thù nghịch chính vì Giê-rô-bô-am, người tách 10 chi phái lập vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc thuộc chi phái Ép-ra-im. Còn Ma-na-se là chi phái lớn ở xa về phía Đông. Lễ Vượt qua này không phân biệt thù hay xa.

30:20, “Đức Giê-hô-va đủ nghe lời cầu nguyện của Ê-xê-chia và chữa lành cho dân sự... Ấy vậy, ở Giê-ru-sa-lem có sự vui mừng cả thể; vì từ đời Sa-lô-môn, con trai Đa-vít, vua Y-sơ-ra-ên, tại thành Giê-ru-sa-lem chẳng có sự gì như vậy... tiếng của chúng được nhậm, lời cầu nguyện chúng thấu đến nơi ngự thánh của Đức Giê-hô-va trên các tầng trời”.

Rõ ràng mỗi câu Kinh thánh là một sự vui mừng. Tôi quả quyết với anh chị em là tất cả cuộc phục hưng trong lịch sử Hội Thánh bất kể ở nơi nào, lúc nào, đều có chung niềm vui như thế. Đó há không phải là mơ ước của chính chúng ta đối với Hội Thánh Chúa chung và với riêng Hội Thánh tại đây sao?

30:21a, những người Y-sơ-ra-ên giữ lễ cách vui vẻ.

30:21b, người Lê-vi và những thầy tế lễ ngày này sang ngày kia, dùng nhạc khí hát mừng ngợi khen Đức Giê-hô-va.

30:13, Ê-xê-chia an ủi (hay khích lệ) chúng dâng những của lễ thù ân, và cảm tạ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ mình.

30:23, chúng vui vẻ giữ thêm bảy ngày nữa.

30:25, thầy đều vui mừng.

30:26, Ấy vậy, ở Giê-ru-sa-lem có sự vui mừng cả thể.

30:27, thầy tế lễ và người Lê-vi đứng dậy chúc phước cho dân sự; tiếng của chúng được nhậm, lời cầu nguyện chúng thấu đến nơi ngự thánh của Đức Giê-hô-va trên các tầng trời.

Rõ ràng mỗi câu Kinh thánh là một sự vui mừng, 7 câu là 7 niềm vui được nhân lên.

Thế thì Ê-xê-chia đã làm gì khiến dân Chúa được niềm vui lớn lao như thế, đến nỗi dân Chúa có một sức mạnh hiệp một cả hai miền Nam Bắc từ lâu chia rẽ (30:4-5); đến nỗi chiến thắng được đạo quân hùng mạnh của Đế quốc A-si-ri? Anh chị em hãy nghe Kinh thánh nói về những việc mà vua Ê-xê-chia đã làm để đem lại sự phục hưng cho dân Chúa:

29:3, điều thứ nhất mà Ê-xê-chia đã làm để Chúa có thể ban sự phục hưng cho dân Chúa là vua Ê-xê-chia **MỞ CÁC CỬA ĐỀN CỦA ĐỨC GIÊ-HÔ-VA RA, VÀ SỬA SANG LẠI.**

Ê-xê-chia bắt đầu từ việc dọn dẹp và sửa sang lại Đền thờ của Đức Chúa Trời. Phao-lô nói: “Anh em há chẳng biết mình là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong anh em sao? Anh em há chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em sao?” (I Cô. 3:16; 6:19). Phải, chúng ta hãy bắt chước Ê-xê-chia khởi động sự phục hưng bằng cách sửa sang lại đền thờ lòng của chúng ta với Chúa. Hãy để cho sự phục hưng bắt đầu từ chính đời sống của riêng mỗi chúng ta. Hãy bắt chước bà Giáo sĩ Marie Monsen viết lên trước bàn làm việc của mình câu khẩu hiệu: Lạy Chúa, xin hãy phục hưng Hội thánh của Ngài, bắt đầu từ chính mình con (Trích: Cuộc Phục Hưng tại Trung Hoa của bà Giáo sĩ Marie Monsen).

29:20, “Ê-xê-chia dậy sớm... nhóm hiệp các quan trưởng trong thành, và lên đền của Đức Giê-hô-va”. Hành động của Ê-xê-chia làm tôi nhớ đến hành động của Ê-sai dậy sớm để được nghe lời Chúa dạy, “Chúa Giê-hô-va đã ban cho ta cái lưỡi của người được dạy dỗ, hầu cho ta biết dùng lời nói nâng đỡ kẻ mệt mỏi. Ngài đánh thức ta mỗi buổi sớm mai, đánh thức ta để nghe lời Ngài dạy. Thật, Chúa Giê-hô-va đã mở tai ta, ta không trái nghịch, cũng không giựt lùi” (Ê-sai 50:4-5); chính Chúa Jê-sus đã dậy sớm để cầu nguyện (Mác 1:35).

Hai chữ ‘dậy sớm’ của Ê-xê-chia đã nói cho chúng ta bí quyết khởi động sự phục hưng cho dân Chúa là đời sống tương giao của cá nhân và của hội chúng. Thật vậy, lịch sử phục hưng Hội Thánh đều làm chứng Chúa không đòi hỏi gì khác ngoài những hành động như của vua Ê-xê-chia: Ăn năn dọn lòng với Chúa, tìm kiếm Lời Chúa qua việc siêng năng học Kinh thánh, và cầu nguyện tìm kiếm Chúa.

Tuy nhiên, những cuộc phục hưng mà sách II Sử ký Chúa cho ghi lại có thể xem như những ánh lửa bùng lên trước khi tắt hẳn. Chúa đã phán với tiên tri Giê-rê-mi sau khi Chúa đã phạt nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc bị đế quốc A-si-ri chiếm và bắt lưu đày tan lạc khắp nơi vào năm 721 TC, đáng lẽ các vua nước Giu-đa phía Nam sẽ tỉnh thức, nhưng Giu-đa giống như vua Ê-xê-chia, được phục hưng, được thắng quân thù A-

si-ri, được chữa lành bệnh, để rồi sau đó trở nên kiêu ngạo khoe khoang của cải cho người Ba-by-lôn thấy. Tiên tri Ê-sai đã vâng lời Chúa tuyên án nước Giu-đa: “Ê-sai bèn tâu cùng vua Ê-xê-chia rằng: Xin hãy nghe lời Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Nay, ngày đến, là khi mọi vật trong cung ngươi, mọi vật mà tổ tiên ngươi đã chứa trong kho cho đến ngày nay, sẽ dời sang Ba-by-lôn, chẳng còn tí nào hết, Đức Giê-hô-va phán vậy. Các con trai ngươi, con cháu ra từ ngươi, sanh bởi ngươi, cũng có kẻ sẽ bị bắt để làm hoạn quan trong cung vua Ba-by-lôn” (Ê-sai 39:5-7).

Bản án được tuyên, nhưng các vua và dân Giu-đa sau cuộc phục hưng từ đời Ê-xê-chia không tỉnh thức, Lời Chúa phán: “Đương đời vua Giô-si-a, Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi rằng: Ngươi có thấy điều mà Y-sơ-ra-ên, là dân bội nghịch, đã làm chăng? Nó đã lên mỗi núi cao, đến dưới mỗi cây xanh, mà hành dâm tại đó. Ta từng nói rằng: Sau khi nó đã làm hết mọi sự ấy, sẽ trở về cùng ta. Nhưng nó không trở về. Em gái quý quyết nó là Giu-đa đã thấy. Dầu ta đã bỏ Y-sơ-ra-ên bội nghịch và đã cho nó tử để, vì có nó ngoại tình, ta cũng còn thấy em gái quý quyết nó, là Giu-đa, chẳng sợ sệt chi; nhưng nó cũng cứ đi hành dâm... Dầu vậy, em gái quý quyết nó, là Giu-đa, cũng chẳng trở về cùng ta cách hết lòng, chẳng qua là giả dối, Đức Giê-hô-va phán vậy. Đức Giê-hô-va cũng có phán cùng tôi rằng: Y-sơ-ra-ên bội nghịch so với Giu-đa quý quyết, còn tỏ ra công bình hơn” (Giê. 3:6-11).

Lời Chúa phán vang dội: “Vậy hãy nhớ lại ngươi đã sa sút từ đâu, hãy ăn năn và làm lại những việc ban đầu của mình; bằng chẳng vậy, ta sẽ đến cùng ngươi, nếu ngươi không ăn năn thì ta sẽ cất chơn đèn của ngươi khỏi chỗ nó” (Khải. 2:5).

SÁCH II SỬ KÝ 8

Đề mục: NHỮNG LẦN PHỤC HƯNG (tiếp)

Kinh thánh: II Sử ký 14: - 32

Câu gốc: II Sử 15:2

Mục đích: Học tiếp sách II Sử ký. Học về những cuộc phục hưng trong sách để con cái Chúa nhận thấy nhu cầu và cách để Hội Thánh được phục hưng.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta học được những bài quý báu về chủ đề Phục hưng, từ những lần phục hưng được ghi trong sách II Sử ký, học được những phước hạnh lớn lao khi dân Chúa được phục hưng, chẳng những các cá nhân được phước của Chúa, mà sự phục hưng cũng ảnh hưởng rất lớn trên cả nước, như Chúa đã hứa trong II Sử ký 7:14. Lời Chúa qua sách II Sử ký cũng chỉ ra bí quyết để có được sự phục hưng, đồng thời lời Chúa cũng ghi lại những hiểm họa to lớn khi có những người lạm dụng hoặc lợi dụng sự phục hưng để tìm vinh quang cho cá nhân mình.

Tôi xin nhắc lại những lời cuối của II Sử ký bài thứ 7 với khao khát xin Đức Chúa Trời phục hưng Hội thánh tại Việt Nam ít nhất một lần trước ngày Chúa Jêsus Christ tái lâm để Hội thánh của Chúa tại Việt

Nam trả được nợ yêu thương cho dân tộc Việt Nam mình, cũng để dân tộc Việt Nam chúng ta được nghe Tin Lành ít nhất một lần trước khi bước vào cõi đời đời.

29:20, “Ê-xê-chia dậy sớm... nhóm hiệp các quan trưởng trong thành, và lên đền của Đức Giê-hô-va”. Hành động của Ê-xê-chia làm tôi nhớ đến hành động của Ê-sai trong Ê-sai 50:4, Ê-sai dậy sớm để được nghe lời Chúa dạy; Chúa Jê-sus Christ đã dậy sớm để cầu nguyện (Mác 1:35).

Hai chữ ‘dậy sớm’ của Ê-xê-chia đã nói cho chúng ta bí quyết khởi động sự phục hưng cho dân Chúa là đời sống tương giao của cá nhân và của hội chúng. Thật vậy, lịch sử phục hưng Hội Thánh đều làm chứng Chúa không đòi hỏi gì khác ngoài những hành động như của vua Ê-xê-chia: Ăn năn dọn lòng với Chúa, tìm kiếm Lời Chúa qua việc siêng năng học Kinh thánh, và cầu nguyện tìm kiếm Chúa.

Những việc của Ê-xê-chia đã làm để khởi động sự phục hưng cho dân Chúa có gì mới lạ không? Chắc chắn là không. Chỉ duy có điều là chúng ta có làm nhưng không hết lòng mà làm, dọn thì có dọn, nhưng không chịu dọn; học Kinh thánh thì có học nhưng không giống như Ê-sai: như học trò chăm chỉ, mà chỉ một giáo sư nghiên cứu để dạy; cầu thì có cầu, nhưng không có nguyện.

Chúng ta hãy nhờ ơn Chúa để khởi động lại và khởi động đúng cách thử xem!

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học về cảnh trạng phục hưng dưới triều đại của vua Giô-si-a, cũng nêu ra hai câu hỏi quan trọng trong vấn đề phục hưng:

Tại sao nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc không có phục hưng, dù có các tiên tri được Đức Chúa Trời dấy lên nhiều hơn phía Nam?

Đức Chúa Trời dùng sự phục hưng để làm gì?

Tuy nhiên, điều trước nhất bây giờ là chúng ta cần học biết cuộc phục hưng đời vua Giô-si-a, một cuộc phục hưng quan trọng không thể bỏ qua.

I/. II Sử ký đoạn 34 đến đoạn 35 – CUỘC PHỤC HƯNG ĐỜI VUA GIÔ-SI-A.

Kinh thánh ghi lại đời sống của vua Giô-si-a từng thời điểm quan trọng:

34:1-2, “Giô-si-a được tám tuổi khi người lên ngôi làm vua, và cai trị ba mươi mốt năm tại Giê-ru-sa-lem. Người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, và đi theo con đường của Đa-vít, tổ phụ người, không xây về bên hữu hay là bên tả”.

34:3a, “Năm thứ tám đời người trị vì - tức là lúc vua Giô-si-a mới mười sáu tuổi, khi người hãy còn trẻ tuổi, thì người khởi tìm kiếm Đức Chúa Trời của Đa-vít, tổ phụ người”.

34:3b, “... năm thứ mười hai – lúc Giô-si-a được hai mươi tuổi, người khởi dọn sạch Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, trừ bỏ những nơi cao, thần A-sê-ra, tượng chạm và tượng đúc. Trước mặt vua, người ta phá dỡ các bàn thờ Ba-anh đánh đổ những trụ thờ mặt trời ở trên cao bàn thờ ấy; còn thần A-sê-ra, tượng chạm và tượng đúc, thì bẻ gãy, nghiền nát nó ra, rồi rải trên mồ mả của những kẻ đã cúng tế nó. Người cũng thiêu hài cốt của những thầy tế lễ trên bàn thờ các thần ấy, và dọn sạch Giu-đa và Giê-ru-sa-lem”.

34:8, “Năm thứ mười tám – lúc Giô-si-a được hai mươi sáu tuổi, đời người trị vì, sau khi đã dọn sạch xứ và đền thờ rồi, thì người... sửa sang đền của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người”.

Điều kỳ diệu là “Khi người ta đem bạc đã đem vào đền Đức Giê-hô-va ra, thì Hinh kia, thầy tế lễ, tìm được cuốn sách luật pháp của Đức Giê-hô-va truyền lại bởi Môi-se”, và những người có trách nhiệm sửa sang đền thờ đã đem quyển sách luật pháp của Đức Chúa Trời trình lên vua Giô-si-a. Kinh thánh ghi thái độ của vua Giô-si-a sau khi nghe Lời Chúa: “Xây khi vua nghe các lời luật pháp rồi, thì xé áo mình... Vua truyền lệnh... mà rằng: Hãy vì ta, vì các người Y-sơ-ra-ên và vì người Giu-đa còn sót lại, mà đi cầu vãn Đức Giê-hô-va...”.

Đến đây, Kinh thánh đã bày tỏ hai điều cần phục hưng quan trọng: (1) Lời Chúa đã bị bỏ quên trong đền thờ, không được giảng dạy, không được đọc giữa mọi người, họ chỉ giấu lời Chúa trong đền thờ, thay vì giấu trong lòng tôi, để tôi không phạm tội cùng Chúa, nên cả nước đã phạm tội cùng Chúa” (Thi. 119:11); Điều thứ (2) là “Hinh-kia và các kẻ vua sai đi đến Hun-đa, nữ tiên tri”. Đọc lời này, tôi thắc mắc các nam tiên tri ở đâu? Có phải tại thời kỳ tội lỗi nên Chúa phải đẩy lên những người nữ vì không còn người nam phục vụ Chúa.

34:31-33, “Vua đứng tại chỗ mình, lập giao ước trước mặt Đức Giê-hô-va, hứa đi theo Đức Giê-hô-va, hết lòng hết ý gìn giữ các điều răn, chứng cứ, và luật lệ của Ngài, đặt làm trọn lời giao ước đã chép trong sách ấy... Vậy, dân cư Giê-ru-sa-lem đều làm theo giao ước của Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của tổ phụ họ... Trọn đời Giô-si-a, chúng hằng theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, chẳng lìa bỏ Ngài”.

35:1, 18, “Giô-si-a giữ Lễ Vượt qua cho Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem... Từ đời tiên tri Sa-mu-ên, trong Y-sơ-ra-ên, người ta không có giữ lễ Vượt qua giống như vậy; cũng chẳng có vua nào trong các vua Y-sơ-ra-ên giữ lễ Vượt qua giống như lễ Vượt qua mà Giô-si-a ... đã giữ”.

Bây giờ câu hỏi được đặt ra: TẠI SAO NƯỚC Y-SƠ-RA-ÊN KHÔNG CÓ PHỤC HƯNG?

Phải nói ngay là trong thời kỳ vương quyền, nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc được Đức Chúa Trời đẩy lên nhiều tiên tri rao giảng sứ điệp kêu gọi từ vua đến toàn dân ăn năn như tiên tri Ê-li, Mi-chê đời A-háp, rồi Ê-li-sê, A-mốt, Ô-sê; trong đó có những tiên tri được Đức Chúa Trời dùng làm nhiều phép lạ các tiên tri trong nước Giu-đa phía Nam.

Tính từ khi Giê-rô-bô-am lãnh đạo 10 chi phái phía Bắc li khai khỏi vương quốc dòng họ Đa-vít sau cái chết của vua Sa-lô-môn, tức là từ năm 930 TC. thiết lập nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc, đến khi bị A-si-ri đánh hạ bắt lưu đày năm 722 TC., tổng cộng nước Y-sơ-ra-ên phía nam có 20 vua thay nhau lên ngôi thuộc nhiều chi phái.

Trong tất cả 20 vua của Y-sơ-ra-ên không có một vua nào kính sợ Chúa, trái lại tất cả đều làm ác trước mặt Chúa. Nhóm từ: “người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va” xuất hiện mỗi lần vua Y-sơ-ra-ên lên ngôi, ngay cả Giô-ách là vua biết quyền năng của Đức Chúa Trời qua tiên tri Ê-li-sê, biết thì biết vậy nhưng làm ác thì cứ làm ác. “Làm ác” là ngoài đời sống không đạo đức theo luật pháp Chúa dạy, các vua Y-sơ-ra-ên còn thờ nhiều hình tượng của các nước chung quanh. Điều quan trọng là các vua Y-sơ-ra-ên phía Bắc không hề ăn năn, dù vua trước đã bị Đức Chúa Trời đoán phạt.

Câu Kinh thánh trong sách II Sử ký 7:14 được hầu hết người học Kinh thánh ghi nhớ đã trả lời lý do nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc không được Chúa ban phục hưng. Câu Kinh thánh này là lẽ đạo hai chiều thập tự giá:

Chiều đứng, phần của con người: “Nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt ta, và trở lại, bỏ con đường tà”

Khi Đức Chúa Trời dựng nên con người, Chúa đã ban cho con người sự tự do, Chúa phán: “Người được tự do...”(Sáng. 2:16). Tự do là đặc điểm của con người, nói như Giáo sư Ngô Bảo Châu: Không có tự do thì loài người chỉ là một bầy đàn. Cho nên, con người có dùng tự do Chúa cho quyết định muốn phục hưng hay không? Chúa muốn mà con người không muốn thì Chúa không đụng đến tự do của con người. Tiếc thay, các vua Y-sơ-ra-ên không muốn phục hưng qua sự hạ mình, tìm kiếm Đức Chúa Trời, không chịu bỏ con đường tà, nên nước Y-sơ-ra-ên không có phục hưng, chỉ có tội ác.

Chiều ngang, chiều của Đức Chúa Trời: “thì ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ”. Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, nhưng vấn đề là hầu cho hễ ai tin.

Trở lại nước Giu-đa phía Nam. Một số vua đã hạ mình, ăn năn tội, bỏ con đường tà, và Đức Chúa Trời đã ban sự phục hưng cho họ, mỗi lần phục hưng, Chúa đã ban cho nước Giu-đa thịnh vượng và đắc thắng kẻ thù. Đáng buồn là không phải tất cả các vua Giu-đa đều hạ mình, dù mắt thấy tai nghe phước Chúa ban cho tổ phụ họ từ đời vua Đa-vít, nhất là mắt họ thấy Đức Chúa Trời phạt nước Y-sơ-ra-ên không chịu hạ mình tìm kiếm Chúa, không chịu hạ mình tìm kiếm phục hưng, nên Chúa đã cho người A-si-ri chiếm xứ và lưu đầy 10 chi phái trước mắt Giu-đa. Lòng yêu thương của Đức Chúa Trời phải thốt lên tiếng than: “Dầu ta đã bỏ Y-sơ-ra-ên bội nghịch và đã cho nó tởm, vì có nó ngoại tình, ta cũng con thấy em gái quỷ quyết nó, là Giu-đa, chẳng sợ sệt chi; nhưng nó cứ đi hành dâm... Dầu vậy, em gái quỷ quyết nó, là Giu-đa, cũng chẳng trở về cùng ta cách hết lòng, chẳng qua là giả dối, Đức Giê-hô-va phán vậy. Đức Giê-hô-va cũng có phán cùng tôi rằng: Y-sơ-ra-ên bội nghịch so với Giu-đa quỷ quyết, còn tỏ ra công bình hơn” (Giê. 3:8, 11). Cuối cùng, Đức Chúa Trời đã phạt nước Giu-đa cùng vua dòng dõi Đa-vít.

Qua nước Giu-đa bị Chúa phạt và Chúa phạt rất nặng, từ đó chúng ta có câu trả lời cho câu hỏi: Tại sao Đức Chúa Trời cho phục hưng? Nếu đọc lời Chúa phán trong Giê. 3:8-11, Chúa biết sự quỷ quyết của Giu-đa, nhưng Chúa yêu thương đã ngừng tay đoán phạt mỗi khi có người hạ mình ăn năn. Đến đời vua Giô-si-a, đọc từng lời được ghi trong thời kỳ này thì rõ ràng chỉ có một mình Giô-si-a hạ mình tìm kiếm Chúa, tất cả thần dân Giu-đa chỉ ‘ăn theo’ (34:24-28). Kết quả xảy ra sau đó cho thấy Chúa không nhịn nhục nữa (A-mốt 8:1-2).

Tuy nhiên, khi Đức Chúa Trời phạt nước Y-sơ-ra-ên không chịu hạ mình, thì Chúa phạt họ tan lạc khắp thế gian. Còn khi Chúa phạt nước Giu-đa thì Chúa đã giảm bớt án phạt, chỉ phạt họ 70 năm lưu đầy rồi đem họ về, vì trong gian truân họ nhớ đến Chúa từ những bài học kinh nghiệm phục hưng: “Ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ”.

Bài học cho Hội thánh qua các thời đại, trong đó có Hội thánh tại Trung quốc và Việt Nam. Đầu thế kỷ 20, cuộc phục hưng tràn ngập Trung quốc qua các Sứ giả phục hưng, những người Trung quốc tin Chúa Jêsus nhìn thấy quyền năng Đức Chúa Trời rõ ràng, nên sau 1949, dù Hội thánh không còn sinh hoạt, nhưng niềm tin của những người Trung quốc tin Chúa Jêsus vẫn vững vàng.

Tại Việt Nam, sứ giả Phục hưng Tổng Thượng Tiết đến Việt Nam năm 1938 đã khiến Hội thánh bừng lên tinh thần chứng đạo toàn quốc, nhờ đó Hội thánh vượt qua Thế chiến thứ 2. Rồi Chúa dùng Mục sư Lê Văn Thái đem phục hưng đến năm 1942 đã giúp Hội thánh dâng hiến tự lập khi mà các nguồn tài trợ nước ngoài không còn. Nhiều lắm, mỗi lần Chúa cho phục hưng là để Hội thánh thêm đức tin. Vì vậy, nếu ngày nay Hội thánh không phục hưng thì làm sao đứng vững?

SÁCH I CÁC VUA 9

SỰ PHỤC HƯNG.

II Sử ký 7:14

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời, đặc biệt những bài về Sự Phục Hưng qua một số đời vua nước Giu-đa. Tuy nhiên, tôi nghĩ cũng cần có một bài học về Sự Phục Hưng căn cứ vào sách II Sử ký 7:14, “Nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt ta, và trở lại, bỏ con đường tà, thì ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu họ khỏi tai vạ”, để tránh những cực đoan hoặc hiểu lầm Sự Phục Hưng, cũng nhờ ơn Chúa kêu gọi những người Việt Nam tin Chúa Jêsus ý thức Hội thánh của Chúa Jêsus Christ hiện nay cần Sự Phục Hưng trước ngày Chúa đến.

I/. PHỤC HƯNG LÀ GÌ?

Lời Chúa dạy: “Nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống”, cho chúng ta một định nghĩa phục hưng, phấn hưng. Phục hưng không phải là thay đổi địa vị, vì người cần phục hưng vẫn là dân sự của Chúa, là dân gọi bằng danh Chúa, nhưng là người tin Chúa Jêsus cần sửa lại, hoặc san bằng những vật cản đã và đang dâng cao trở ngại dòng nước sự sống tràn vào.

Lịch sử Hội thánh tại Việt Nam cho biết tình hình Hội thánh từ 1930 đến 1937, Hội thánh giảm sút, nên Chúa đã sai Bác sĩ Tổng Thượng Tiết đến phục hồi tinh thần chúng đạo như lời Chúa dạy trong Công vụ 2:4, “Hết thầy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, khỏi sự nói...”, không có người nào im lặng nữa, ai nấy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh giảng đạo Đức Chúa Trời cách dạn dĩ (Công. 4:31).

Năm 1941, thế giới đang vào cuộc thế chiến thứ II đến hồi cao điểm, các giáo sĩ người Mỹ bị người Nhật nghi là gián điệp cho Đồng minh nên bắt giam tập trung tại Mỹ tho, khiến nguồn tài chánh ủng hộ Hội thánh tại Miền Bắc Việt Nam không còn, hầu hết Hội thánh tại Miền Bắc bị đóng cửa. Ngày 20 tháng 2 năm 1942, Chúa dùng Mục sư Lê Văn Thái dấy lên sự phục hưng từ Nam chí Bắc, động viên tất cả người Việt Nam tin Chúa Jêsus dâng điều mình có, ngoài tiền bạc, có giày, nón, quần áo. v.v... để Hội thánh tại Miền Bắc tự túc phát triển, thay vì ngồi chờ tài trợ.

II/. MỤC ĐÍCH PHỤC HƯNG.

Căn cứ theo lời Chúa trong sách II Sử ký 7:14, phục hưng không phải là để đòi Đức Chúa Trời ban cho những ân tứ nào đó. Chắc chắn trong phục hưng Chúa sẽ cho thêm mọi điều khác nữa, trong phục hưng sẽ có những dấu kỳ phép lạ xảy ra. Tuy nhiên, khi thấy những dấu kỳ phép lạ xảy ra, chúng ta cần bình tĩnh để không bị ma quỷ dẫn dụ, nhất là đừng cố đòi hỏi Đức Chúa Trời ban ân tứ này hoặc ân tứ kia theo như ý mình muốn, phải là sự ban cho theo Thánh Linh muốn (I Cô-rinh-tô 12:11).

Lời của Chúa trong sách II Sử ký 7:14 công bố kết quả cũng là mục đích phục hưng là: “Chúa ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó”, được Chúa tha thứ trước đã. Thi thiên 32:1-2 mô tả sự tha thứ là một cái Phước: “Phước thay cho người nào được tha sự vi phạm mình, được khỏa lấp tội lỗi mình! Phước thay cho người nào Đức Giê-hô-va không kể gian ác cho, và trong lòng không có sự giả dối!”

Lịch sử phục hưng cho thấy khi sự phục hưng tràn đến thì tội lỗi được thú xưng rõ ràng. Ngày 19 tháng 9 năm 1973, khi Chúa ban phục hưng cho Hội thánh tại Túc Trưng, bao nhiêu tội lỗi được con cái Chúa công khai xưng ra không giấu chi cả, không cần ai tra hỏi. Rồi tất cả con cái Chúa đồng lòng hiệp một quyết định tổ chức những ngày giảng Tin Lành.

Lịch sử phục hưng ghi lại những biến cố kỳ diệu xảy ra trong Hội thánh tại Trung quốc, được ghi lại cho thế hệ chúng ta ngày nay học lấy mà tin cậy Chúa:

Quyển “Bởi Thần Ta” ghi lại công việc Chúa trong đầu thế kỷ 20, Chúa đã dùng Mục sư Jonathan Goforth là một Giáo sĩ truyền giáo tại Trung quốc. Giữa khói lửa chiến tranh lan tràn khắp Trung quốc, nhất là tánh mạng bị đe dọa bởi tình thần bài Tây phương gọi người Tây phương là Bạch quỷ, trong đó có loạn Quyền Phi, Đức Chúa Trời đã gìn giữ và dùng Mục sư Goforth, cho ông đi rất nhiều nơi trong Trung quốc giảng Lời Chúa, trong mỗi buổi giảng có rất nhiều người ăn năn tội lỗi của họ, làm hòa với nhau, yêu thương nhau.

Bác sĩ Tống Thượng Tiết là con của một vị mục sư người Trung quốc, mong ước con được học làm một Giáo sư dạy Hóa học tại Đại học Bắc Kinh danh tiếng. Dù đáng người bình dị, sống khắc khổ, được Hội Truyền giáo giúp du học tại Hoa Kỳ, sự cần cù của Bác sĩ Tiết đã được Chúa cho đoạt được 5 bằng Tiến sĩ tại Mỹ, trong đó có Tiến sĩ Hóa học như cha của ông, rồi Tiến sĩ Y khoa nên thường gọi ông là Bác sĩ, vì là Bác sĩ thật sự, đồng thời Đức Chúa Trời cũng kêu gọi Bác sĩ Tiết dâng mình học Thần học hầu việc Chúa. Năm 1938, Bác sĩ Tiết đem phục hưng đến cho Hội thánh Chúa tại Việt Nam, khiến Hội thánh đã được bùng cháy việc chứng đạo qua chức vụ của bác sĩ Tiết với bài đoán ca: Chúa sai tôi đi rao giảng khắp nơi, tôi tình nguyện đi, tôi sẵn lòng đi...”, đoán ca: Tôi xin gió Thánh Linh, gió Thánh Linh vô lòng...”, đoán ca: Đông hư không, Tây hư không, Nam hư không, Bắc hư không, thay thầy luống hư không, chỉ Linh Công còn hoài.

Chúa đã dùng Mục sư Nghê Thác Thanh, tên tiếng Anh của Mục sư là Watchman Nee. Mục sư Nghê Thác Thanh có một lối giải thích Kinh thánh rất Đông phương, có tình tiết làm cho người đọc, người nghe dễ hiểu. Hội thánh tại Việt Nam đã dịch quyển Nếp Sống Bình Thường của Cơ-Đốc nhân, tựa đề là bình thường, nhưng nội dung rất phi thường; cũng có dịch quyển giải nghĩa thư Ê-phê-sô với tựa đề rất gần người đọc: Ngồi – Đi – Đứng. Chúa ban cho Mục sư Nghê biết Hội thánh tại Trung quốc sẽ trải qua thời kỳ khó khăn không còn sinh hoạt chung, nên Mục sư Nghê hô hào chủ trương ‘Bây chiên nhỏ’ và Phi-hệ-phái, để không lệ thuộc hệ phái, không lệ thuộc tập hợp nhiều người, hai hoặc ba người khi ra công trường, nông trường, như những giờ nghỉ có thể ngồi cạnh nhau chia sẻ ngắn, cầu nguyện cho nhau. Cảm ơn Chúa, sự lo nghĩ của Mục sư Nghê đã được Chúa dùng để nuôi dưỡng Hội thánh của Chúa tại Trung quốc sau năm 1949.

Riêng tại Việt Nam, mùa Giáng sinh năm 1972, với quyển sách Cuộc Phục Hưng tại Indonesia của Mục sư Tiến sĩ Koch ghi lại cuộc phục hưng Chúa ban cho Hội thánh tại Indonesia sau biến cố 1965 tại Indonesia. Lớp Lịch sử Truyền giáo tổ chức buổi thuyết trình về quyển sách này, cảm ơn Chúa, lửa phục hưng bùng cháy trong vòng các sinh viên của Viện, nhất là các anh em thuộc Hội thánh người dân tộc. Sau đó, như dịp nghỉ Lễ Kỷ Niệm Chúa Jê-sus Giáng sinh, một số anh em người dân tộc mang lửa phục hưng về các Hội thánh thuộc Trung Thượng Hạp, Nam Thượng Hạp, và Mục sư Trương Văn Tốt là Mục sư Truyền giáo cho Hội thánh người dân tộc lâu năm đã viết thành quyển Việc của Đức Giê-hô-va với những hình ảnh rất cảm động kèm theo.

Mục đích thứ hai mà Hội thánh cần xin Chúa ban phục hưng, ấy là để Chúa thành tín lời Chúa hứa: Cứu xứ ấy khỏi tai vạ! Đọc các sách Các Quan Xét, Sa-mu-ên, nhất là những đoạn cuối của Sa-mu-ên, Các Vua, Sử ký, cảnh mê tín ngay cả vua Sau-lơ cũng vướng vào cầu bùa bóng để rồi cả nhà cùng dân Y-sơ-ra-ên chết thê thảm, đến nỗi Đa-vít phải viết bài ai ca; rồi cảnh đi đày của 10 chi phái phía Bắc; kế tiếp là cảnh quân Ba-by-lôn tàn sát vua Giu-đa cùng các con của vua, chúng phá thành Giê-ru-sa-lem, cướp phá đền thờ của Chúa, rồi đày toàn bộ dân Giu-đa qua Ba-by-lôn. Thảm cảnh như vậy há không đáng cho dân Chúa là dân gọi bằng danh Chúa, là Hội thánh của Chúa hạ mình tìm kiếm sự phục hưng để Chúa cứu xứ khỏi tai vạ sao? Cần lắm và cần gấp!

III/. ĐIỀU KIỆN PHỤC HƯNG.

Với lời Chúa trong II Sử ký 7:14, Chúa đã nêu ra hai yếu tố đem đến phục hưng không thể thiếu:

Yếu tố về con người:

Đối với Đức Chúa Trời, con người là đối tượng Chúa dựng nên để tương giao. Chúa yêu thương con người như Cha thương con; còn Chúa yêu thương muôn vật như người chủ yêu thương vật sở hữu của Ngài (Thi. 8:3-4; I Giăng 3:1). Cao hơn nữa, đối với người đã nản tội tin Chúa Jê-sus thì người đó trở nên con cái rất yêu dấu của Chúa (Ê-phê-sô 5:1).

Do đó, khi dân Chúa là dân gọi bằng danh Chúa yếu đuối, phạm tội với Chúa, thì Chúa kêu gọi: “Nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống”. Sự phục hưng phải bắt đầu từ cá nhân dân Chúa. Trong quyển Phục Hưng Tại Trung Hoa, bà Giáo sĩ Marie Monsen viết trên tường phòng của bà: “Lạy Chúa, xin hãy phục hưng Hội thánh của Ngài, bắt đầu từ chính mình con”.

Ê-sai 64:1-3 ghi lời cầu nguyện của tiên tri Ê-sai xin Chúa phục hưng dân Giu-đa của Chúa, “Ôi, ước gì Ngài xé rách các tầng trời, Ngài ngự xuống và làm rung động các núi trước mặt Ngài, như lửa đốt củi khô, như lửa làm sôi nước, hầu cho kẻ thù nghịch biết danh Ngài, các dân tộc run rẩy trước mặt Ngài. Khi Ngài đã làm những sự đáng sợ mà chúng tôi không trông mong, thì Ngài ngự xuống, và các núi đều rung động trước mặt Ngài”.

Vấn đề còn lại là ai chịu que củi khô cháy trước? Truyện ngụ ngôn kể rằng có một Hội đồng chuột họp bàn kế sách chống con mèo làm hại nhà chuột. Kế sách hay nhất được chấp thuận là nhà chuột sẽ đeo vào cổ con mèo một cái chuông để mèo đi đâu quả chuông lắc kêu báo động nhà chuột tránh xa. Vấn đề được đặt ra là: chuột nào tình nguyện đeo chuông cho mèo? Không ai chịu làm que củi cháy trước, không ai chịu hi sinh đeo chuông cho mèo.

Hãy vì dân tộc Việt Nam, hãy vì Hội thánh của Chúa tại Việt Nam cần được phục hưng, mà xin Chúa phục hưng Hội thánh của Chúa tại Việt Nam, khởi sự từ chính con. Hãy biến bài hát Tôi Ước Mơ là Viên Than Hồng của Vũ Đức Nghiêm thành hiện thực, đừng chỉ là bài ca cho nghi lễ!

Yếu tố Tinh thần qua hành động cụ thể.

Từng bước, từng bước: Hạ mình. Cái khó là bắt đầu bằng sự hạ mình. Cầu nguyện lòng hạ mình tự bỏ mình đi, với mục đích tìm kiếm Chúa, đừng tìm kiếm cho người ta thấy, cho người ta nghe, xin Chúa cho Hội thánh này, dân tộc này thôi mê tín bằng lòng trở lại bỏ con đường tà.

Không có con đường miễn trừ, tất cả bắt đầu từ sự hạ mình cầu nguyện. Từ Kinh thánh cũng như từ lịch sử phục hưng, không có cuộc phục hưng nào không bắt đầu bằng sự cầu nguyện. Tiên tri Giê-ên sống

trong thời kỳ vương quyền đã kêu gọi: “Đức Giê-hô-va phán: Bây giờ cũng hãy hết lòng trở về của ta, kiêng ăn, khóc lóc và buồn rầu. Hãy xé lòng các ngươi, và đừng xé áo các ngươi. Khá trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi; vì Ngài là nhơn từ và hay thương xót, chậm giận và giàu ơn, đổi ý về sự tai vạ. Ai biết được Ngài sẽ chẳng xây lòng đổi ý, chẳng để phước lành sau mình, tức là của lễ chay, lễ quán cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi sao?” (Giô-ên 2:12-14).

SÁCH II SỬ KÝ 10

Đề mục: ĐỀN THỜ

Kinh thánh: Công vụ 3:1-11

Câu gốc: Công vụ 3:1

Mục đích: Khuyến khích con cái Chúa sống xứng đáng với mục đích của Nhà Chúa.

Kính thưa Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta học được nhiều bài học quý báu qua sách II Sử Ký, từ những trận đánh với chiến thắng kỳ diệu, đến những cuộc phục hưng đời các vua nước Giu-đa, bởi đó Chúa cho nước Giu-đa kéo dài thêm 100 năm sau khi nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc không hạ mình tìm kiếm phục hưng bị diệt vào tay Đế quốc A-si-ri.

Tuy nhiên, học sách II Sử ký thì không thể bỏ qua Đền thờ mà vua Sa-lô-môn xây dựng cho cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Vấn đề là ngày nay Hội thánh là dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh cần xác định:

I/. CÓ CẦN XÂY ĐỀN THỜ CHO CHÚA KHÔNG?

Câu hỏi phải đặt ra rõ ràng trong chúng ta là: Có cần xây dựng một Đền thờ vật chất như thế này cho Chúa không?

Có một số người ngày nay chủ trương rằng họ bắt chước Hội Thánh đầu tiên (theo họ nghĩ) là chỉ nhóm ở nhà riêng. Họ lấy bằng cứ là những câu Kinh thánh trong Tân Ước chỉ nói đến Hội Thánh nhóm ở nhà riêng (Công vụ 12:12; Rôma 16:5), và cho rằng không cần Nhà thờ hay Nhà Nguyện.

Thật ra đây là một điều hiểu sai, lúc đầu, Hội Thánh đầu tiên có nhóm ở nhà riêng, vì chưa xây dựng Đền thờ, Nhà thờ, chớ không phải là Hội Thánh có chủ trương không xây. Với một số người đôi ba chục, hoặc 120, thì Nhà riêng cũng đã bất tiện, huống chi khi Hội Thánh lên đến độ 3.000 người, thì nhà riêng nào chứa được?

Phải nhớ Hội Thánh đầu tiên CHƯA XÂY, chớ không phải là KHÔNG XÂY.

Có người lại cho rằng Đi Nhà thờ là làm theo Luật pháp Cựu Ước, và họ lên án những người đi Nhà thờ thờ phượng Chúa.

Nếu chúng ta đọc Kinh thánh, ngay câu gốc hôm nay, cũng như Công vụ 2:46, các Cơ-Đốc nhân đầu tiên ngày nào cũng vậy, 'cứ chăm chỉ đến Đền thờ', và điều quan trọng là những người như Phierơ và Giăng, tất cả là những người tin Chúa Jê-sus đầy ơn của Chúa, cũng chăm chỉ đến Đền thờ..

Xét trong Kinh thánh, có những lần Chúa phán bảo dân Chúa xây dựng Đền thờ cho Chúa:

Xuất. 25:8-9, Họ sẽ làm cho ta một đền thánh và ta sẽ ở giữa họ...

I Sử ký 17:12, người ấy (tức là Sa-lô-môn) sẽ cất cho ta một cái đền...

E-xơ-ra 1:1-2, chính vua Si-ru của nước Phe-rơ-sơ ra chiếu chỉ xác nhận chính Chúa đã ra lệnh cho vua xây dựng một Đền thờ cho Chúa tại Giê-ru-sa-lem.

A-ghê 1:2-4, 7-8, khi dân Chúa lo xây nhà riêng mà không quan tâm xây dựng Nhà Chúa, Chúa đã quở trách họ, đến nỗi phạt họ sa sút kinh tế.

Và đặc biệt qua các sách Lịch sử như sách Các Vua, sách Sử ký, Kinh thánh đã nhiều lần ghi lại sự đánh giá lòng yêu mến Chúa của các vua trong Y-sơ-ra-ên qua thái độ của họ đối với Đền thờ của Chúa.

Dĩ nhiên chúng ta không dựa vào Đền thờ, vì ngoài Đền thờ vật chất, người tin Chúa Jêsus còn có Đền thờ thánh là tấm lòng của mỗi chúng ta, là thân thể chúng ta (I Côr. 3:16; 6:19). Nhưng Đền thờ vật chất là nơi tiêu biểu sự hiện diện của Đức Chúa Trời rõ ràng nhất.

Vì vậy, cảm ơn Chúa, dù trong hoàn cảnh đầy khó khăn, có rất nhiều mặt hạn chế, nhưng Chúa cũng đã cho anh chị em nhờ ơn Chúa xây dựng lên một Nhà Nguyện, nhà thờ cho Chúa. Dù đối với các tôn giáo khác, Nhà Nguyện, nhà thờ mà chúng ta có không phải là một công trình đồ sộ, nhưng bởi tấm lòng của con dân Chúa, nó thật quý biết dường nào!

Tôi xin được lấy Lời Chúa trong sách Tiên tri A-ghê 2:18-19 để làm lời chúc phước cho anh chị em sau những ngày vất vả lo xây dựng Nhà Chúa: bây giờ hãy suy nghĩ... NHƯNG TỪ NGÀY NÀY, TA SẼ BAN PHƯỚC CHO NGƯỜI. Nguyện từ ngày hôm nay, Chúa ban phước cho anh chị em.

II/. ĐỀN THỜ DÙNG ĐỂ LÀM GÌ?

Chúng ta phải nêu câu hỏi này để xác định mục đích của chúng ta xây dựng Nhà Chúa, kéo e chúng ta lại rơi vào những mục đích sai lạc của dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa:

Giăng 2:13-16, dân Y-sơ-ra-ên - theo như lời của họ nói - đã bỏ ra 46 năm (Giăng 2:20) để xây dựng một Đền thờ, để rồi họ dùng Đền thờ đó làm một cái chợ buôn bán bò, chiên, bò cừu, đổi bạc.

Mác 13:1, Theo Lịch sử cho chúng ta biết vì vua Hê-rốt Lớn là người Ê-đôm được người La Mã đưa lên làm vua trên nước Y-sơ-ra-ên. Để lấy lòng dân Y-sơ-ra-ên, vua Hê-rốt đã cho xây dựng Đền thờ rất đẹp tại Giê-ru-sa-lem. Vua Hê-rốt thì xây Đền thờ để lấy lòng người; còn dân Y-sơ-ra-ên - kể cả các môn đồ của Chúa Jêsus, họ dùng Đền thờ để khoe khoang, đến nỗi khoe với Chúa Jêsus rằng: Thưa thầy, hãy xem đá và các nhà này (đẹp) là dường nào !

Đó là những mục đích sai lầm qua việc xây dựng Đền thờ. Nhưng cảm ơn Chúa, đối với người tin Chúa Jêsus đầu tiên, đặc biệt là đối với Phi-e-rơ và Giăng, thì Hội Thánh đầu tiên đã biết dùng Đền thờ:

Công vụ 3:1, những người tin Chúa Jêsus đầu tiên đã dùng Đền thờ để làm nơi họp lại cầu nguyện. Dĩ nhiên cá nhân họ cũng cầu nguyện riêng, nhưng Hội Thánh cũng đã dành thì giờ để họp chung cầu nguyện - một sự chia sẻ gánh nặng công việc Chúa chung.

Công vụ 5:20-21, những người tin Chúa Jêsus đầu tiên hay Hội Thánh đầu tiên đã biết dùng Đền thờ là nơi giảng Lời Sự sống.

Cảm ơn Chúa, đây chính là mục đích của Chúa cho phép chúng ta xây dựng Nhà Chúa. Nhà Chúa chỉ được dùng để CẦU NGUYỆN CHO MUÔN DÂN. Tôi tin rằng từ những thì giờ riêng tương giao với Chúa, anh chị em đã có những thì giờ cầu nguyện cho công việc Chúa, đã cầu nguyện cho nhiều người biết Chúa Jêsus Christ hầu được cứu rỗi. Tôi tin rằng bởi những lời cầu nguyện đó, Chúa đã cho có thêm người tin nhận Chúa Jêsus Christ và sống trong ơn phước của Chúa hôm nay.

Tuy nhiên, Chúa biết sự cầu nguyện của chúng ta chưa đủ, cho nên Chúa đã cho chúng ta xây được một Nhà Nguyện, để từ Nhà này sẽ có thêm những lời cầu nguyện dâng lên Chúa.

Tôi phải làm chứng với anh chị em điều này, trong sách Công vụ các Sứ đồ cũng như qua lịch sử phấn hưng của Hội Thánh các nơi trên thế giới, các cuộc phục hưng của Chúa đã được Thánh Linh Đức Chúa Trời ban xuống qua các buổi nhóm cầu nguyện của Hội Thánh tại Nhà Chúa. Tại sao? Vì tại Nhà Chúa, những buổi cầu nguyện chung với nhau chắc chắn Chúa đã thấy được sự hiệp một, sự thuận nhau giữa con cái của Ngài, và sự phục hưng đã đến.

Nói cách khác, bây giờ Chúa đã cho anh chị em xây được một Nhà Nguyện, chắc chắn Chúa muốn ban cho Hội Thánh Chúa một cơn phấn hưng, miễn là chúng ta sử dụng đúng mục đích của Chúa đối với Nhà Chúa.

Dĩ nhiên ở đâu cũng giảng Lời Chúa được. Khi Chúa Jêsus Christ còn ở thế gian, Ngài đã giảng bất cứ nơi nào có người bằng lòng nghe: Bờ biển, trong Nhà, trên núi, trong Nhà Hội, tại Đền thờ. Nhưng rõ ràng Chúa Jêsus tìm đến Đền thờ, hoặc Nhà hội khi có cơ hội, vì Chúa Jêsus biết đó là nơi sẵn sàng cho việc giảng Lời sự sống như Ma-thi-ơ 9:35, Đức Chúa Jêsus đi khắp các thành, các làng, dạy dỗ trong các NHÀ HỘI.

Sứ đồ Phao-lô cũng vậy, ông đã làm chứng lại với các Chấp sự tại Ê-phê-sô rằng: “tôi đã dạy anh em hoặc giữa công chúng, hoặc từ nhà này sang nhà kia” (Công vụ 20:20), nhưng rõ ràng đi đến một nơi nào có Nhà Hội thì Phao-lô dành thì giờ đến Nhà Hội trước.

Đền thờ, Nhà Hội, Nhà Nguyện, là nơi lý tưởng để giảng Tin Lành. Vì nơi Nhà Chúa, lòng người yên tĩnh để nghe, có thể hiện diện đông người.

Mục đích trong lòng của anh chị em đối với việc xây Nhà Chúa phải khẳng định là chỉ muốn dùng Nhà Chúa này là nơi cầu nguyện cho muôn dân, để làm nơi giảng Tin Lành của Chúa Jêsus Christ. Nguyện Chúa nghe những lời A-men vang lên từ đáy lòng của anh chị em.

III/. THÁI ĐỘ LÊN ĐỀN THỜ:

Những từ ngữ trong câu: VỚI, CÙNG LÊN, nói lên thái độ có cần khi đến Đền thờ. Thái độ đó như thế nào? Để hiểu được thái độ này, chúng ta nên suy nghĩ một chút về cá tánh của Phi-e-rơ và Giăng.

Qua bốn sách Tin Lành, chúng ta được biết cá tánh của Phi-e-rơ là một người bộc trực, mau lẹ, làm việc không suy nghĩ, nghĩa là tánh tình nóng nảy. Còn Giăng thì ít lộ tánh. không thích nổi tiếng, làm việc gì cũng từ từ.

Giăng 20:3-8 là phân đoạn Kinh thánh cho chúng ta thấy cá tánh của Phi-e-rơ và Giăng: Giăng là người trẻ, chạy nhanh hơn Phi-e-rơ đến mồ trước, nhưng cẩn thận chỉ đứng nơi cửa mộ nhìn vào, Giăng không vào; còn Phi-e-rơ thì chạy sau, vì Phi-e-rơ luôn được nhìn như một người đã có tuổi, đến mộ thì chạy vào luôn, bất chấp điều gì có thể xảy đến.

Nói cách dễ hiểu, Phi-e-rơ như lửa, còn Giăng như nước. Dù vậy, cảm ơn Chúa, khi lên Đền thờ, hai người đã gác lại tất cả tị hiềm, gác lại sự trái ngược cá tánh, gác lại mọi bất đồng, hai người cùng nhau, cùng lên Đền thờ. Một sự hiệp một, yêu thương không thể diễn tả được. Và đó là lý do để Chúa Jêsus Christ có thể thi hành phép lạ chữa lành người què và cứu thêm người vào Hội Thánh.

Thật sự trong điều kiện hoàn ảnh hiện nay của Hội Thánh, việc xây dựng được Nhà Chúa như phải nhận là phép lạ của Chúa, và phép lạ đó xảy ra là bởi sự hiệp một, yêu thương nhau của anh chị em. Nhưng bây giờ anh chị em sẽ cùng sống dưới một mái nhà như đôi vợ chồng mới cưới, liệu có còn hiệp một, yêu thương nhau nữa không?

Tôi thấy có một điều kỳ lạ đã xảy ra trong Lịch sử Hội Thánh,

Như khi Hội Thánh đã chinh phục được Đế quốc La Mã, Hoàng đế Constantine tin nhận Chúa, Đạo của Chúa không còn bị bắt bớ, nhiều Nhà thờ được xây dựng lên. Anh chị em có biết điều gì xảy ra không? Hội Thánh bắt đầu chia rẽ, tranh cãi, đến nỗi đem quân đánh giết nhau, thay vì hiệp lại để nỗ lực truyền giảng Tin Lành. Cuối cùng Chúa cho phép Hồi giáo nổi lên quét sạch Hội Thánh ra khỏi Phi châu, Trung Cận Đông, Tiểu Á và một phần Âu châu.

Lịch sử Hội Thánh tại Việt Nam cũng vậy. Nhiều nơi khi còn nhóm lại dưới mái Nhà thờ cũ, dột nát, thiếu thốn mọi phương tiện, thì anh em trong Hội Thánh thật sốt sắng, thật yêu thương, hiệp một. Nhưng khi xây dựng xong hoặc có nơi đang khi xây dựng Nhà thờ mới, thì sanh ra chia rẽ, tranh chấp, tham nhũng, thừa kiện thậm chí kiện với người ngoài.

Cảm ơn Chúa, Hội Thánh đầu tiên, ngay cả những con người trái tính với nhau như Phi-e-rơ và Giăng, khi đến Đền thờ, khi lên Đền thờ, họ đã hiệp một, đã đi với nhau, đã cùng nhau. Và Chúa đã đẹp lòng để dùng họ thêm người vào Hội Thánh, nhiều dấu kỳ phép lạ xảy ra.

Cầu xin Chúa là Đấng đã ban cho anh chị em một Nhà thờ, nhà nguyện là để thờ phượng Chúa, cũng xin Chúa gìn giữ hết thảy anh chị em cứ hiệp một, cứ yêu thương, nhất là cứ hiệp lại trong Nhà Chúa cầu nguyện và rao giảng Tin Lành của Chúa Jêsus Christ.

E-XO-RA

SÁCH E-XƠ-RA 1

CUỘC LƯU ĐÀY

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời, qua đó đã học được 10 sách, từ Sáng thế ký đến II Sử ký. Bắt đầu từ hôm nay, nhờ ơn Chúa, chúng ta cùng nhau học sách E-xơ-ra, một trong 03 sách của thời hậu và cuối 70 năm lưu đày.

Dù vậy, trước khi học, nhờ ơn Chúa chúng ta cùng tìm xem những điều xảy ra trước và trong thời điểm 70 năm lưu đày, hầu có cái nhìn thấu suốt thời chuyển tiếp cuối sách II Sử ký và sách E-xơ-ra.

I/. LÝ DO LƯU ĐÀY

Kinh thánh ghi rõ lý do tạo nên hai cuộc lưu đày:

Lý do Y-sơ-ra-ên bị lưu đày.

II Các Vua đoạn 17 ghi cảnh nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc được Giê-rô-bô-am – thường được gọi là Giê-rô-bô-am Đệ I để phân biệt Giê-rô-bô-am Đệ II làm vua Y-sơ-ra-ên năm 793 TC (II Vua 14:23-29).

Giê-rô-bô-am Đệ I - một người Ép-ra-im, lãnh đạo 10 chi phái phía Bắc Y-sơ-ra-ên tách khỏi sự cai trị của nhà Đa-vít, sau cái chết của vua Sa-lô-môn vào năm 930 TC, đang do vua Rô-bô-am là con trai của Sa-lô-môn cai trị. Kể từ năm 930 TC này, Y-sơ-ra-ên chia thành hai: Nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc với 10 chi phái; nước Giu-đa phía Nam với hai chi phái là Giu-đa và Bên-gia-min.

Suốt thời gian hơn 200 năm, từ năm 930 đến 722 TC, sách II Các Vua đoạn 17 nói về tình trạng tội lỗi của nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc với Sa-ma-ri là thủ đô như sau: “Vả, dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ, là Đấng đã rút họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô, và khỏi tay hà hiếp của Pha-ra-ôn, vua Ê-díp-tô; chúng đã kính thờ các thần khác, theo thói tục của các dân tộc mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, và theo lệ mà các vua Y-sơ-ra-ên đã định” (17:7-18).

Theo đoạn 17:1-6, thì việc vua Y-sơ-ra-ên là Ô-sê bị vua A-si-ri bắt giam và nước Y-sơ-ra-ên bị quân A-si-ri chiếm, và dân Y-sơ-ra-ên là do vua Ô-sê của Y-sơ-ra-ên mưu phản Đế quốc A-si-ri, muốn dựa vào Ai Cập, nhưng nhìn từ phương diện của Đức Chúa Trời thì do dân Y-sơ-ra-ên phạm tội từ bỏ Chúa, thờ lạy hình tượng các tà thần. Nhất là Đức Giê-hô-va đã sai nhiều tiên tri phán dạy: “Song Đức Giê-hô-va cậy miệng các đấng tiên tri và những kẻ tiên kiến mà khuyên Y-sơ-ra-ên và Giu-đa rằng: Khá từ bỏ đường ác của các ngươi, hãy gìn giữ điều răn và luật lệ ta cậy những tiên tri, là tôi tớ ta, mà truyền cho tổ phụ các ngươi. Nhưng chúng không muốn nghe” (17:13-14).

10 chi phái Y-sơ-ra-ên đã bị đem qua A-si-ri, tức Iraq ngày nay, bên bờ sông Cha-bo, đồng thời theo chính sách cai trị của A-si-ri, họ đem các dân vào Sa-ma-ri pha trộn chủng tộc, xóa bỏ ranh giới quốc gia, tạo một chủng lai mới, khiến các dân không còn lệ thuộc một nước nào. Hiểu được điều này, người học sẽ hiểu được chuyện Chúa Jê-sus bên giếng Si-kha được ghi trong sách Tin Lành Giăng.

Lý do cuộc lưu đày thứ hai – Lý do nước Giu-đa bị lưu đày

Nước Y-sơ-ra-ên phía Bắc bị đày, bị chiếm, nhưng Chúa còn cho nước Giu-đa phía Nam kéo thêm 100 năm nữa, đến năm 586 TC, vì muốn người Giu-đa thấy gương Y-sơ-ra-ên mà ăn năn, rất tiếc, Chúa phán: “Dầu ta đã bỏ Y-sơ-ra-ên bội nghịch và đã cho nó tởn để, vì có nó ngoại tình, ta cũng còn thấy em gái quý

quyết nó là Giu-đa, chẳng sợ sệt chi; nhưng nó cũng cứ đi hành dâm... Dầu vậy, em gái quý quyết nó, là Giu-đa, cũng chẳng trở về cùng ta cách hết lòng, chẳng qua là giả dối, Đức Giê-hô-va phán vậy” (Giê-rê-mi 3:8, 10).

100 năm tồn tại bởi ân điển của Chúa dành cho nước Giu-đa với hình ảnh quốc gia anh em Y-sơ-ra-ên bị diệt và lưu đày, với vài cuộc phục hưng đời vua Ê-xê-chia và Giô-si-a, là những cố gắng bùng lên, với kết quả thắng được A-si-ri, sửa sang Đền thờ cho Chúa. Đáng tiếc, vua Giô-si-a cô độc trong cố gắng gây dựng niềm tin cho cả nước, cuối cùng lộ ra chỉ có một mình Giô-si-a tìm kiếm Chúa, còn cả nước chỉ phục hưng theo vua Giô-si-a. Cái gì phải đến thì đã đến, quân đội Ba-by-lôn đã đến đánh Giu-đa và bao vây Giê-ru-sa-lem.

Chúa đã dùng những tiên tri lớn như Ê-sai, với bao nỗ lực rao những sứ điệp kỳ diệu như đã được ghi trong sách tiên tri Ê-sai, truyền những phép lạ cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay A-si-ri, theo lệnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chữa cho vua Ê-xê-chia được lành, nhưng rồi bị vua Ma-na-se giết bằng cách cưa xẻ ông (Hê-bơ-rơ 11:37). Vào giờ phút cuối, tiên tri Giê-rê-mi với tất cả nhiệt huyết yêu quê hương, yêu đồng bào, với bao nước mắt: “Ôi! ước gì đầu tôi là suối nước, mắt tôi là nguồn lụy! hầu cho tôi vì những kẻ bị giết của con gái dân ta mà khóc suốt ngày đêm” (Giê. 9:1). Giê-rê-mi đã rao giảng sự ăn năn, kêu gọi vâng lời Chúa, nhưng Giê-rê-mi chỉ nhận cái kết đắng cho chức vụ qua lời than: “Người Ê-thi-ô-bi có thể đổi được da mình, hay là con beo đổi được vắn nó chăng? Nếu được thì các ngươi là kẻ làm dữ auen rồi, sẽ làm lành được” (Giê. 13:23).

II/. DIỄN TIẾN GIU-ĐA BỊ LƯU ĐÀY.

Một lần nữa người học Kinh thánh cần tham khảo sách II Các Vua đoạn 23 đến đoạn 25 và sách II Sử ký đoạn 36 để biết chi tiết diễn tiến cuộc lưu đày của dân Giu-đa, đồng thời cũng để biết sự nhân từ của Đức Chúa Trời đã chờ đợi Giu-đa ăn năn, nhưng Giu-đa đã phạm tội chối bỏ Chúa của vua và cả nước Giu-đa đến mức Đức Chúa Trời không còn nhịn nhục và hình phạt được Chúa thi hành (A-mốt 8:1-2).

Sau cố gắng đơn độc tạo phục hưng của vua Giô-si-a, khi Giô-si-a qua đời, con trai của người là Giô-a-cha lên ngôi, người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, theo trọn gương của các tổ phụ mình đã làm, người bị vua Ai Cập bắt giam tại Ríp-la, trong xứ Ha-mát, hầu cho người không cai trị tại Giê-ru-sa-lem, vua Ai Cập bắt người tiến cống một trăm ta lông bạc và một ta lông vàng.

Vua Nê-cô của Ai Cập truất ngôi bắt đày Giô-a-cha qua Ai Cập và người qua đời tại đó. Đoạn vua Ai Cập lập Ê-li-a-kim, em trai Giô-a-cha (sách II Các Vua ghi là con trai) làm vua, đổi tên Ê-li-a-kim thành Giê-hô-gia-kim.

Qua 11 năm cai trị, vua Giê-hô-gia-kim được Kinh thánh ghi như sau:

Vua Giê-hô-gia-kim làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va theo trọn gương các tổ phụ mình đã làm... lại cũng tại cơ huyết vô tội mà người đổ ra; vì người đã làm cho Giê-ru-sa-lem đầy huyết vô tội, thì Đức Giê-hô-va không khứng tha thứ người.

Vua Giê-hô-gia-kim thần phục Ba-by-lôn 3 năm thì phản lại, nên một liên quân Canh đê, Sy-ri, Mô-áp và quân Am-môn hủy hại Giu-đa, như lời Chúa truyền qua các tiên tri. Vua Ai Cập cũng không dám can thiệp vì sợ quân Ba-by-lôn.

Vua Giê-hô-gia-kim bị vua Ba-by-lôn đến đánh hạ, xiềng Giê-hô-gia kim đem qua Ba-by-lôn cùng với những khí dụng trong đền Đức Chúa Trời.

Con trai của Giê-hô-gia-kim là Giê-hô-gia-kin, mười tám tuổi, lên ngôi thay vua cha, tiếp tục làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, và diễn biến như sau:

Quân Ba-by-lôn bao vây Giê-ru-sa-lem, vua Giê-hô-gia-kin cùng hậu cung gồm mẹ mình, các tôi tớ mình, các quan tướng, và các hoạn quan mình đi ra đầu hàng vua Ba-by-lôn.

Nhằm năm thứ tám, vua Ba-by-lôn sai bắt Giê-hô-gia-kin đem qua Ba-by-lôn cùng với những vật tốt đẹp trong đền Đức Giê-hô-va, lấy hết thảy những bữu vật của đền Đức Giê-hô-va và những bữu vật của cung vua, đập bể các khí dụng bằng vàng mà Sa-lô-môn, vua Y-sơ-ra-ên đã làm cho đền thờ của Đức Giê-hô-va. Vua Ba-by-lôn dẫn đi cả dân Giê-ru-sa-lem, hết thảy những quan tướng và những lính chiến mạnh mẽ, số là một muôn người; lại cũng bắt hết thảy các thợ mộc và thợ rèn; chỉ còn lại những thường dân của xứ.

Vua Ba-by-lôn lập cậu của Giê-hô-gia-kin, sách II Sử ký gọi là em của người, làm vua thế cho người, đổi tên cho là Sê-đê-kia.

Sê-đê-kia được 21 tuổi lên ngôi, cũng làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, không hạ mình xuống trước mặt Giê-rê-mi, là đấng tiên tri vâng mạng Đức Giê-hô-va mà khuyên bảo người. Sê-đê-kia cũng dấy nghịch cùng vua Ba-by-lôn là vua đã buộc người chỉ Đức Chúa Trời mà thờ; song người lại cứng cổ rắn lòng không khứng trở về cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Những thầy tế lễ cả và dân sự đều theo những sự gớm ghiếc của các dân ngoại bang mà phạm tội lỗi nhiều quá đỗi; làm cho ô uế đền của Đức Giê-hô-va mà Ngài đã biệt riêng ra thánh tại Giê-ru-sa-lem. Kinh thánh ghi lại sự yêu thương của Chúa như sau: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng, vì có lòng thương xót dân sự và đền của Ngài, nên hằng sai sứ giả đến cùng chúng; nhưng chúng nhạo báng sứ giả của Đức Chúa Trời, khinh bỉ các lời phán Ngài, cười nhạo những tiên tri của Ngài, cho đến đỗi cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng dân sự Ngài, chẳng còn phương chữa được. Vì vậy, Đức Chúa Trời khiến vua dân Canh-đê lên hãm đánh chúng...”. Tiên tri Giê-rê-mi đã nói với Chúa về tội khinh bỉ lời Chúa của dân Giu-đa thời này: “Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài đã khuyên dỗ tôi, và tôi đã chịu khuyên dỗ; Ngài mạnh hơn tôi và đã được thắng. Trọn ngày tôi cứ làm trò cười, và ai cũng nhạo báng tôi. Mỗi lần tôi nói thì cất tiếng kêu la; tôi kêu rằng: Bạo ngược và hủy diệt! Vì lời của Đức Giê-hô-va làm cho tôi cả ngày bị sỉ nhục chê cười. Nếu tôi nói: Tôi sẽ chẳng nói đến Ngài nữa; tôi sẽ chẳng nhơn danh Ngài mà nói nữa...” (Giê. 20:7-9).

Ba đời vua từ Giê-hô-gia-kim, Giê-hô-gia-kin và Sê-đê-kia, với những hình phạt từ vua Ai Cập, rồi vua Nê-bu-cát-nết-sa của Ba-by-lôn, dù có những tiên tri được Đức Chúa Trời sai đến quở trách tội lỗi, kêu gọi ăn năn, tiếc thay vua và dân Giu-đa vẫn cứng lòng tiếp tục thờ lạy thần tượng, chối bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời, bịt tay không nghe lẽ thật. “Bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi lên, nên Ngài giáng trên Giê-ru-sa-lem và Giu-đa những tai họa này, cho đến đỗi Ngài trừ bỏ chúng nó khỏi trước mặt Ngài” (II Vua 24:20), chẳng còn phương cứu chữa được.

Tham khảo sách II Các Vua đoạn 25 với sách II Sử ký đoạn 36 mô tả chi tiết cuộc tấn công của quân Ba-by-lôn thật kinh khủng lắm. Sách II Các Vua đoạn 25 ghi lại chi tiết như sau:

Ba-by-lôn vây Giê-ru-sa-lem hai năm, từ năm thứ chín đời Sê-đê-kia đến năm thứ 11, làm cả thành bị đói kém. Quân Canh-đê bắt được vua Sê-đê-kia, giết các con của Sê-đê-kia trước mặt người, móc mắt người, xiềng người bằng xích đồng rồi đày qua Ba-by-lôn. Quân Ba-by-lôn thiêu đốt đền thờ, cung vua, và mọi nhà trong thành Giê-ru-sa-lem. Một số người Y-sơ-ra-ên nổi loạn, giết người đại diện Ba-by-lôn, rồi kéo trốn qua Ai Cập.

Sách II Sử ký 36:20-21, “Phàm ai thoát khỏi gươm, thì người – tức người Canh đê, bắt đem qua Ba-by-lôn; chúng làm tôi mọi cho người và cho con trai người cho đến đời nước Phe-rơ-sơ hưng khởi”.

Câu hỏi được đặt ra, tại sao Đức Chúa Trời đầy nhân từ lại phạt dân Chúa bằng những hình phạt ghê gớm như vậy, ấy là chưa nói đến nỗi khổ nhục lưu đày 70 năm. II Sử ký 36:21 trả lời: “để cho ứng nghiệm lời của Đức Giê-hô-va đã cậy miệng Giê-rê-mi phán ra, tức cho đến khi xứ được hưởng các năm sa-bát của nó; vì trọn lúc xứ bị bỏ hoang, thì dường như giữ sa-bát, cho đến mãn hạn bảy mươi năm”. Đọc những lời giải thích lý do này, cũng hãy đọc Thi thiên 130:3-4, “Hỡi Đức Giê-hô-va, nếu Ngài cố chấp sự gian ác, thì, Chúa ôi! ai sẽ còn sống? Nhưng Chúa có lòng tha thứ cho, để người ta kính sợ Chúa”, để nghĩ đến sự nhện nhục của Chúa đối với chính cá nhân mình qua bao nhiêu lần phạm tội với Chúa. Xin Chúa tỉnh thức!

SÁCH E-XƠ-RA 2

70 NĂM LƯU ĐÀY

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hai bài 1 và 2 vừa qua về sách E-xơ-ra, sự kiện được nói đến luôn là việc dân Giu-đa bị lưu đày. Chúng ta đang sống thế kỷ 21 thật khó cảm thông với tình cảnh dân Y-sơ-ra-ên nói chung và dân Giu-đa nói riêng, bị lưu đày.

Lưu đày không phải là sự kiện dân Y-sơ-ra-ên được Đức Chúa Trời cứu ra khỏi xứ Ai Cập, mà chúng ta gọi là Xuất Hành, dù hành trình có nhiều vất vả, kéo dài 40 năm, nhưng cuộc xuất hành này là niềm vui vì dân Y-sơ-ra-ên được Chúa đem ra khỏi nhà nô lệ, còn sách II Sử ký đoạn 36 ghi cuộc lưu đày là dân Y-sơ-ra-ên đi vào đời sống nô lệ.

Lưu đày cũng không phải là hành trình du lịch hoặc ra đi sống ở nước ngoài, nhưng là bị ép buộc đi đến một quốc gia khác để phục dịch dân xứ đó không công, cuộc di chuyển này sẽ chịu nhiều chết chóc và đòn roi.

Để hiểu được kiếp lưu đày là chương trình của Đức Chúa Trời dùng để phạt dân tộc thuộc Chúa mà không sống theo lời Ngài, chúng ta dành bài hôm nay để học biết cảnh dân Giu-đa bị đày 70 năm.

I/. BẮT ĐẦU THỜI KỲ 70 NĂM

Kinh Thánh ghi hạn kỳ lưu đày: “Cả đất này sẽ trở nên hoang vu gở lạ, các nước này sẽ phục vụ vua Ba-by-lôn trong bảy mươi năm” (Giê.25:11).

Bảy mươi năm được xem là tuổi thọ bình thường của một đời người, ngay cả đối với người xưa. Môi-se viết rằng trọn những ngày con người sống trên đất là khoảng bảy mươi, mạnh khỏe lắm mới đến tám mươi (Thi Thiên 90:10). Giê-rê-mi đã rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời rằng cả một thế hệ sẽ phải sống lưu đày tại Ba-by-lôn trong bảy mươi năm. Sau này ông còn lập lại lời tiên tri về bảy mươi năm trong một lá thư gửi cho những người lưu đày tại Ba-by-lôn (29:10).

Sau khi Đa-ni-ên đã ở Ba-by-lôn hơn sáu mươi lăm năm, ông suy gẫm lời tiên tri nói về bảy mươi năm này (Đa-ni-ên 9:2). Đa-ni-ên bắt đầu hiểu ra rằng Giê-rê-mi nói về bảy mươi năm theo nghĩa đen. Có lẽ Đa-ni-ên nghĩ rằng mình có thể còn sống để nhìn thấy kết thúc của cuộc lưu đày. Lời cầu nguyện của Đa-

ni-ên (Đa-ni-ên 9:3-19) và sự đáp lời của Chúa (Đa-ni-ên 9:20-27) đã thúc đẩy thời kỳ kết thúc của bảy mươi năm lưu đày này.

Bảy mươi năm được bắt đầu vào lúc nào? Có thể tính theo hai cách. Từ khi Đa-ni-ên và nhóm người đầu tiên bị bắt qua Ba-by-lôn (Đa-ni-ên 1:1) cho đến khi nhóm người lưu đày đầu tiên được trở về Giê-ru-sa-lem (Ê-xơ-ra 1:1-4) là thời gian bảy mươi năm. Cũng có thể được tính theo một cách khác là kể từ khi đền thờ bị phá hủy (Giê-rê-mi 52:12-13) cho đến khi nhóm người lưu đày được trở về để xây lại đền thờ (Ê-xơ-ra 6:15) là thời gian bảy mươi năm.

Bảy mươi năm này cũng là bảy mươi năm Sa-bát (II Sứ ký 36:21). Chúa đã nói với dân sự của Ngài rằng vì có tội lỗi của họ nên thời gian đi lưu đày cũng là thời gian đất được nghỉ ngơi (Lê-vi-ký 26:43). Vì Chúa đã truyền cho dân sự phải để cho đất nghỉ ngơi, không gieo trồng gì vào mỗi năm thứ bảy (Lê-vi-ký 23: 8-5). Vậy, kể từ thời Môi-se, số của những năm mà họ thất bại trong việc vâng giữ luật pháp Chúa để cho đất nghỉ ngơi cho đến khi họ đi lưu đày là bảy mươi năm.

Giu-đa không phải là dân tộc duy nhất bị bắt đi làm phu tù tại Ba-by-lôn. Nhiều dân tộc khác nữa cũng ở dưới sự cai trị của Ba-by-lôn. Sau này, trong một bài giảng của mình, Giê-rê-mi đã liệt kê tên của những dân tộc này (25:19-26). Họ cũng sẽ phục vụ vua Ba-by-lôn trong bảy mươi năm hoặc hơn nữa.

Bảy mươi năm là thời gian rất dài. Đức Chúa Trời đã phải mất bảy mươi năm để tẩy sạch dân Ngài dưới thời Ba-by-lôn, trước khi họ được sẵn sàng về mặt tâm linh để trở về và phục vụ Đức Chúa Trời trong chính đất nước của họ. Chúa cũng mất nhiều thời gian để tẩy sạch cuộc đời Bạn. Tiến trình đó đã bắt đầu. Hãy kiên nhẫn như Đa-ni-ên, phải chờ đợi trong bảy mươi năm.

II/. CHẶNG ĐƯỜNG LƯU ĐÀY:

Con đường lưu đày đi từ Giê-ru-sa-lem qua Ba-by-lôn ở về phía Đông. Con đường này vì không thể đi ngang qua sông Ơ-phơ-rát, nên phải đi ngược lên phía Bắc dọc theo sông, đến một địa điểm lòng sông cạn và hẹp, là Cạt-kê-mít, rồi đi vòng xuống phía Nam.

Ơ-phơ-rát là con sông lớn nhất ở tây nam A-si, dài độ 2.165 cây số, phát nguyên từ hai nguồn trên các đỉnh núi cao xứ Arménie, chảy xiết về mặt đông nam, đổ xuống đồng bằng lớn, rồi tới vịnh Ba-tư. Từ nơi cửa sông ngược lại độ 1.200 cây số, tức là chỗ Ơ-phơ-rát hợp lại với Khabour, tại làng Werai được gọi là Cạt-kê-mít, chiều rộng của sông tính trung bình là 360 thước.

Cùng lúc đó bên Ba-by-lôn, Ê-xê-chi-ên cũng giảng một sứ điệp tương tự cho số đồng bào cùng bị lưu đày với ông và cũng vô ích. Dân Y-sơ-ra-ên đang bị lưu đày lén lút may cờ sẵn để chờ đồng bào từ cố hương sang giải phóng cho họ. Đến năm 587, họ đã gặp đồng bào sang, nhưng không phải trong tư cách của những giải phóng quân, mà trong tư thế tả tơi, xích xiềng, mệt mỏi sau 2.500 km đường xa, theo sau là một ông vua đã bị chọc mù hai mắt với hình ảnh cuối cùng còn sót lại là thấy thần dân của mình bị thảm sát tơi bời.

Và trong một giới hạn nào đó, Y-sơ-ra-ên còn mất luôn Đức Chúa Trời của họ.

Không còn Đền thờ, các cửa lễ và lễ cất bì, người Y-sơ-ra-ên vẫn có thể tập họp vào ngày Sa-bát để thờ phượng Chúa và suy gẫm Lời Ngài. Không còn vua, nhưng vua thật và duy nhất của Y-sơ-ra-ên chính là Đức Giê-hô-va! Như thế, trong cảnh lưu đày xuất hiện cái mà người ta gọi là Do thái giáo (Judaisme) tức là một lối sống tôn giáo Do thái sẽ còn tiếp tục mãi tới thời Đức Chúa Jê-sus và cả thời chúng ta ngày nay.

Hoàn cảnh của những người Do thái bị lưu đày như thế nào? Thật không dễ trả lời. Dân đã bị một cú sốc khủng khiếp về tâm lý và luân lý, nỗi đau ấy còn hằn trên da thịt. Vào thời đó, chiến tranh và lưu đày nghĩa là có những phụ nữ bị hãm hiếp, trẻ con bị đập đầu vào đá, các chiến binh bị lột da, móc mắt, chặt đầu. Ta có thể đọc được Thi thiên 137 hiểu nỗi thống khổ ấy.

Chúng ta hãy nghe một trích đoạn diễn tả cảnh lưu đày của người Palestine, khi họ bị người Y-sơ-ra-ên đuổi khỏi một thành phố: ‘Các nhóm thường dân rời khỏi thị trấn, tập hợp thành một đám đông. Đám đông tập hợp thành một đoàn người dài lê thê, giống trong Kinh thánh, gồm hàng ngàn người. Và khi Thống đốc quân sự nhìn khuôn mặt của những người phải lưu vong, ông tự hỏi liệu có một Giê-rê-mi trong số họ than vãn về tai họa và nỗi hổ thẹn của họ hay không?... Đứng cạnh xe chỉ huy, ông quan sát người dân Lydda đi bộ, mang trên lưng những bao tải nặng... Dần dần, họ vứt bỏ những bao tải họ không thể mang đi xa hơn nữa. Trong nắng nóng khủng khiếp, khát cháy họng, người già và phụ nữ gục ngã. Giống như những người Do Thái cổ đại, người dân Lydda đang đi lưu đày’ (Trích: Miền Đất Hứa của Tôi – Ari Shavit. 2017, p.172-172).

Người Do thái còn ngỡ ngàng trước Ba-by-lôn, là một thành phố lớn, vuông vức, diện tích 13 km², có dòng sông Ơ-phơ-rát chảy ngang.

Tuy nhiên, tại Ba-by-lôn, người Do thái vẫn được hưởng một sự tự do tương đối trong kiếp nô dịch như:

Ê-xê-chi-ên được tự do đi thăm viếng đồng bào đang lo trồng trọt.

Vào cuối thời lưu đày, một số trong họ không muốn hồi hương, tạo thành một cộng đoàn quan trọng và khá sung túc. Các tư liệu còn lại của "Ngân hàng Murashu" ở Nippour (phía Nam thành Ba-by-lôn) cho biết một thế kỷ sau lưu đày, một số người Do thái đã có được những ngân khoản kếch sù.

III/. SINH HOẠT VĂN HÓA

Người Y-sơ-ra-ên đã mất tất cả, chỉ còn giữ lại những gì truyền thống. Do đó, họ đọc lại những truyền thống cách say mê.

Tiên tri Ê-xê-chi-ên rao giảng trong thời đầu lưu đày. Các thầy tế lễ thu thập những sưu tập luật đã được viết ở Giê-ru-sa-lem trước khi vương quốc sụp đổ.

Trên hết, nhằm nâng đỡ đức tin và niềm hi vọng của người dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày, các thầy tế lễ đưa họ về với nguồn gốc của mình, nhờ đó Bộ Ngũ Kinh đã có đủ, chỉ cần tập hợp lại thành một tác phẩm duy nhất, việc này sẽ được thực hiện khoảng năm 400.

Thảm họa mất nước, thống khổ lưu đày và cơ hội được tiếp xúc với tư tưởng Ba-by-lôn và Ba Tư. Những yếu tố ấy giúp các học giả Y-sơ-ra-ên đào sâu về thân phận con người, lời cầu nguyện của các tín hữu sẽ có một giọng mới như Thi thiên 42; 43; 44; 89; 137, được viết ra như một lời cầu nguyện dâng lên Đức Chúa Trời thành tín.

Chúng ta hãy nghe những lời than vãn của người Y-sơ-ra-ên lưu đày để hiểu phần nào tấm lòng của họ đối với Đức Giê-hô-va, đối với dân tộc và đối với đất nước:

“Đương khi người ta hằng hỏi tôi: Đức Chúa Trời ngươi đâu? Thì nước mắt làm đồ ăn tôi ngày và đêm. Xưa tôi đi cùng đoàn chúng, dẫn họ đến nhà Đức Chúa Trời, có tiếng reo mừng và khen ngợi... một đoàn đông giữ lễ; - Rày tôi nhớ lại điều ấy, và lòng buồn thảm. Hỡi linh hồn ta, vì sao ngươi sờn ngã và bôn chồn trong mình ta?” (Thi. 42:3-5).

“Hỡi Đức Chúa Trời, lỗi tai chúng tôi có nghe, tổ phụ chúng tôi đã thuật lại công việc Chúa đã làm trong đời họ, buổi ngày xưa... Song nay Chúa đã từ bỏ chúng tôi, làm cho chúng tôi bị nhuốc nhơ... (Thi. 44:1, 9)

“Chúng tôi đương ngồi trên mé sông Ba-by-lôn, bèn nhớ lại Si-ôn, và khóc. Chúng tôi treo đàn cầm chúng tôi trên cây dương liễu của sông ấy. Vì ở đó những kẻ bắt chúng tôi làm phu tù, có biểu chúng tôi hát xướng; kẻ cướp giựt chúng tôi có đòi chúng tôi hát mừng, mà rằng: Hãy hát cho chúng ta một bài ca của Si-ôn. Trên đất ngoại bang, chúng tôi làm sao hát được bài ca của Đức Giê-hô-va? Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu ta quên người, nguyện tay hữu ta quên tài năng nó đi! Nếu ta chẳng nhớ đến người, chẳng thích Giê-ru-sa-lem hơn sự vui vẻ nhất của ta, nguyện lưỡi ta dính nơi ổ gà!” (Thi. 137:1-6)

Còn ở tại Giê-ru-sa-lem, một số người Giu-đa may mắn không bị lưu đày những đợt đầu đã cất tiếng bày tỏ tấm lòng như sách Ca thương của Giê-rê-mi.

Khi bị lưu đày, dân Y-sơ-ra-ên đã mất tất cả những gì tạo họ thành một dân. Họ có nguy cơ bị đồng hóa và biến mất như trường hợp nửa thế kỷ trước khi vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc bị lưu đày sang A-si-ri.

Chánh sách của Ba-by-lôn càng hiểm độc hơn, như trường hợp của Đa-ni-ên và các bạn. Người Ba-by-lôn đã cho những người trẻ Y-sơ-ra-ên bị lưu đày lớn lên với môi trường Ba-by-lôn, ăn thức ăn của người Ba-by-lôn, học văn hóa Ba-by-lôn, đổi tên theo người Ba-by-lôn là con của các thần Ba-by-lôn, và cám dỗ họ đứng vững trước thử thách? Chính các thầy tế lễ, là một tập thể có tổ chức vững chắc và có lòng với Chúa sâu sắc, dù đang bị lưu đày, như Ê-xê-chi-ên, và nhất là các thầy tế lễ, như Ê-xơ-ra, cũng đã nâng đỡ đức tin của những người bị lưu đày. Họ đã làm cho Do Thái giáo thích nghi với hoàn cảnh khó khăn mới và cho Do Thái giáo có một tương lai mới.

Các thầy tế lễ nghĩ ra nhiều hình thức sinh hoạt mới có một giá trị mới, họ tổ chức những buổi họp gọi là Nhà Hội để cầu nguyện và suy gẫm Lời Chúa, thay thế cho nơi sinh hoạt thờ phượng Đức Chúa Trời. Nhờ đó người Y-sơ-ra-ên bị lưu đày tiếp tục sống với đức tin của mình và giải đáp những vấn đề mới như thế nào trong thế giới mà họ đang sống. Lời hứa của Giê-hô-va Đức Chúa Trời vẫn còn giá trị mãi.

SÁCH E-XƠ-RA 3

NGƯỜI VIẾT SÁCH E-XƠ-RA

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Lời Chúa là Kinh thánh. Chúng ta đã nhờ ơn Chúa học qua những sách lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên, từ sách Các Quan Xét đến sách Sử ký, là lúc dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày qua Ba-by-lôn. Không phải học chỉ để biết lịch sử của tuyển dân mà Đức Chúa Trời đã chọn, mà chúng ta còn biết được chuỗi sự kiện xảy ra trong suốt chặng đường Đức Chúa Trời thi hành kế hoạch ban sự cứu rỗi cho loài người như lời Chúa đã hứa. Con đường thi hành kế hoạch cứu rỗi nhân loại không phải là con đường êm đềm, nhưng là con đường gay go, do lòng người và do quỷ Sa-tan luôn theo cắn gót chân người như Đức Chúa Trời đã phán trước khi tổ phụ loài người phạm tội (Sáng. 3:15).

Hôm nay, chúng ta bắt đầu học câu chuyện của dân Chúa trong lúc hết kỳ hạn 70 năm lưu đày. Và sách đầu tiên là sách E-XƠ-RA.

Tên sách là tên của tác giả, vậy E-xơ-ra là ai? Có đáng tin không?

Theo tiếng Hi-bá-lai, thì E-xơ-ra có nghĩa là Giúp đỡ. Qua sách, đoạn 7 ghi rõ lý lịch của E-xơ-ra.

7:1-5 – DÒNG DỐI CỦA E-XƠ-RA

5 câu đầu của đoạn 7 ghi lại gia phả của E-xơ-ra, chúng ta ghi nhận những nhân vật đặc biệt trong bảng gia phả này:

A-rôn là thầy tế lễ thượng phẩm được Chúa xức dầu đầu tiên làm chức vụ cao quý này. Lời Chúa trong sách Xuất Ê-díp-tô ký 40:13-15 ghi: “Người hãy mặc áo thánh cho A-rôn, xức dầu và biệt người riêng ra thánh; vậy người sẽ làm chức tế lễ trước mặt ta... Sự xức dầu sẽ phong cho họ chức tế lễ mãi mãi trải qua các đời”.

Ê-lê-a-sa là thầy tế lễ thượng phẩm kế nghiệp cha của ông là A-rôn. Kinh thánh ghi: “Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn trên núi Hô-rơ, tại bờ cõi xứ Ê-đôm, mà rằng: A-rôn sẽ về nơi tổ phụ mình... đoạn hãy lột áo A-rôn mặc cho Ê-lê-a-sa, con trai người” (Dân. 20:23-26).

Phi-nê-a là một người đã góp phần bảo vệ sự thánh khiết của dân Y-sơ-ra-ên. Kinh thánh ghi lại công trạng của Phi-nê-a: “Này, một người trong dân Y-sơ-ra-ên dẫn một người nữ Ma-đi-an đến giữa anh em mình, hiện trước mắt Môi-se và cả hội dân Y-sơ-ra-ên, đương khi hội chúng khóc tại cửa hội mạc. Phi-nê-a, con trai Ê-lê-a-sa, cháu A-rôn, thầy tế lễ, thấy sự này, bèn đứng dậy giữa hội chúng, cầm một cây giáo, đi theo người Y-sơ-ra-ên vào trong trại, đâm ngang dạ dưới của người Y-sơ-ra-ên và người nữ; tai vạ giữa dân Y-sơ-ra-ên bèn ngừng lại. Và, có hai mươi bốn ngàn người chết về tai vạ này” (Dân. 25:6-9).

Xa-đốc là thầy tế lễ được vua Đa-vít chỉ định kết hợp với tiên tri Na-than và Tướng Bê-na-gia xức dầu cho Sa-lô-môn lên ngôi kế vị vua Đa-vít (I Vua 1:26, 32-40).

Và E-xơ-ra đã được sanh ra trong thời lưu đày tại Ba-by-lôn. Theo niên hiệu, các nhà sử học Kinh thánh tin rằng E-xơ-ra dẫn dân Y-sơ-ra-ên từ lưu đày hồi hương vào năm 458 TC., sau cuộc hồi hương lần thứ nhất do Xô-rô-ba-bên lãnh đạo độ 80 năm (năm 538 TC.).

Nói tóm lại, E-xơ-ra là người thuộc dòng thầy tế lễ thượng phẩm, và trong dòng tộc có những nhân vật có công lớn với dân tộc Y-sơ-ra-ên.

II/. 7:6-9 – CON NGƯỜI CỦA E-XƠ-RA

Trong 7:6 ghi về E-xơ-ra như sau: “E-xơ-ra này từ Ba-by-lôn đi lên. Người là văn sĩ thạo luật pháp của Môi-se, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã truyền cho. Vì tay của Đức Giê-hô-va phù trợ người, nên vua ban cho người mọi điều người xin”.

Có 3 điều chúng ta được biết qua câu Kinh thánh này:

Chúng ta biết dân Giu-đa bị đày qua Ba-by-lôn vào năm 586 TC. Đến năm 538, từ thủ đô mùa hè, Hoàng đế Si-ru nước Mê-đi – Ba-tư ký sắc lệnh cho phép dân Giu-đa hồi hương, kết thúc lưu đày. Cuộc hồi hương này do Xô-rô-ba-bên lãnh đạo, tái thiết Đền thờ, nhưng vì những khiêu nại của các vua Sa-ma-ri, nên năm 530 tạm dừng. Đến năm 520 dưới triều vua Đa-ri-út I mới được tiếp tục và hoàn thành năm 515 TC. Và đến năm 458 TC. E-xơ-ra lãnh đạo cuộc hồi hương lần thứ 2.

Với thời gian từ kết thúc lưu đày (538 TC) đến khi E-xơ-ra hồi hương (458 TC), vị chi là 80 năm, do đó, chúng ta có thể tin E-xơ-ra là người đã sinh ra và lớn lên nơi đất Ba-by-lôn, lại căn cứ vào sách Nê-hê-mi đoạn 8 (c.1, 4, 9, 13) và đoạn 12 (c.26 và 36), mãi 13 năm sau khi Nê-hê-mi trở về tái thiết tường thành Giê-ru-sa-lem vào năm 445, thì E-xơ-ra vẫn còn sống, hoạt động cộng tác với Nê-hê-mi, sách Nê-hê-mi 7:6 ghi: “E-xơ-ra này từ Ba-by-lôn đi lên”.

Điều thứ hai, “E-xơ-ra là văn sĩ thạo luật pháp của Môi-se, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã truyền cho”.

Danh từ Văn sĩ, cũng được dịch là thầy dạy luật, nguyên văn có nghĩa là người ghi chép, người sao chép. Theo lịch sử, thì lúc đầu chức vụ văn sĩ này là những người phục vụ vua như Sa-phan dưới triều vua Giô-si-a (II Vua 22:3), có thể giống như tiên tri Na-than, tiên tri Gát trong triều vua Đa-vít hoặc Sa-lô-môn, những người này được xem như Bí thư của vua, hoặc thơ ký riêng của vua, chuyên viết những chiếu chỉ của vua truyền. Họ là những người văn hay chữ đẹp, thông hiểu luật pháp, nhất là luật pháp của Chúa qua Ngũ Kinh Môi-se. Chúng ta cũng gặp Ba-rúc là một thơ ký riêng của tiên tri Giê-rê-mi (Giê. 36:32).

Câu hỏi đặt ra là trong thời gian lưu đày, E-xơ-ra học luật pháp của Đức Chúa Trời từ đâu? Dĩ nhiên, với bản tánh của người Y-sơ-ra-ên đối với lời Chúa dạy trong sách Phục truyền 6:4-9, nền giáo dục của Y-sơ-ra-ên là từ trong gia đình, cha mẹ dạy con cháu, nên chắc chắn E-xơ-ra đã tiếp thu sự dạy dỗ từ cha mẹ của ông, là những thầy tế lễ. Một điều mà chúng ta có thể nghĩ đến là khi bị lưu đày, không thể nào người Y-sơ-ra-ên, nhất là các thầy tế lễ, trong đó có gia đình thầy tế lễ thượng phẩm của E-xơ-ra, chắc chắn họ tìm cách đem theo những sách ghi luật pháp của Chúa, những văn phẩm của các tiên tri đã viết ra.

Điều cảm ơn Chúa là chính sách của Ba-by-lôn khoan hòa hơn của A-si-ri, các dân tộc nô lệ không bị phân tán giữa các dân khác, và Ba-by-lôn cũng tìm kiếm, đào tạo nhân tài cho đất nước, như trường hợp Đa-ni-ên và các bạn của ông (Đa. 1:3-5); trường hợp của Ê-xê-chi-ên hoạt động thong thả hơn; cũng có những lễ hội với sự góp phần của dân Y-sơ-ra-ên nô lệ (Thi. 137).

Tuy nhiên, trên hết là tấm lòng của E-xơ-ra đối với Chúa và đối với dân tộc của ông, như 7:10, “Vì E-xơ-ra định chí tra xét luật pháp của Đức Giê-hô-va, giữ làm theo, và dạy cho dân Y-sơ-ra-ên biết những luật pháp và giới mạng”, nên đã được “tay của Đức Giê-hô-va phù trợ”.

Khi viết những lời này, tôi nhớ đến tấm lòng của các thánh đồ đối với dân tộc mình, như:

Giê-rê-mi ước ao cho dân tộc được cứu, ước ao được khóc và khóc thật nhiều cho dân tộc mình đang bị tàn sát, dù giận dân tộc mình chống đối Chúa đến nỗi chế nhạo ông khi ông rao giảng lời Chúa cho họ (Giê. 20:7-9), Giê-rê-mi cũng chỉ trọ trong quán khách nơi đồng vắng, để rồi lại trở về với quê hương dân tộc, ông không muốn định cư ở nước ngoài, bỏ dân tộc ông mà đi luôn (Giê. 8:18-9:2).

Như Phao-lô bày tỏ nỗi lòng của ông đối với dân tộc của mình: “Tôi nói thật trong Đấng Christ, tôi không nói dối, lương tâm tôi làm chứng cho tôi bởi Đức Thánh Linh: Tôi buồn bực lắm, lòng tôi hằng đau đớn. Bởi tôi ước ao có thể chính mình bị bỏ, lia khỏi Đấng Christ, vì anh em bà con tôi theo phần xác, tức là dân Y-sơ-ra-ên... Hỡi anh em, sự ước ao trong lòng tôi và lời tôi vì dân Y-sơ-ra-ên cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, ấy là cho họ được cứu” (Rô. 9:1-4; 10:1).

Và chính Chúa Jêsus Christ đã để lại cho chúng ta một gương hầu cho chúng ta noi dấu chân Ngài, trong đêm cuối cùng trước khi lên thập tự giá, Chúa Jêsus đã nhìn thành Giê-ru-sa-lem mà khóc thống thiết: “Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem... bao nhiêu lần ta muốn nhóm họp các con người như gà mái túc con mình lại ấp trong cánh, mà các người chẳng khứng” (Math. 23:37).

Với tấm lòng yêu thương dân tộc, muốn dân tộc mình được nghe lời Chúa, Chúa đã giúp E-xơ-ra đạt được ước nguyện, được trở thành một văn sĩ, thông thạo luật pháp của Đức Chúa Trời, ông giữ làm theo trước và sau dạy cho dân tộc của mình.

Nói tóm lại, về tư cách cá nhân, E-xơ-ra là người có trình độ hiểu biết luật pháp của Đức Chúa Trời, dòng dõi thầy tế lễ thượng phẩm, yêu mến Lời Chúa và yêu thương dân tộc, yêu thương quê hương, và khiêm nhường. Về công trạng của E-xơ-ra, ông là người lãnh đạo chuyển hồi hương thứ hai của dân Chúa từ thủ đô Su-sơ, là người dự phần tái thiết đền thờ, tường thành Giê-ru-sa-lem, người tổ chức sưu tập và xét kinh điển các sách phần Cựu Ước để dạy dân Chúa, người sáng lập tổ chức Nhà Hội giúp cho dân Chúa có nơi thờ phượng Chúa khi không có đền thờ.

Nếu chúng ta biết rõ chính tay của E-xơ-ra ghi những lời này, thì phải công nhận E-xơ-ra là người khiêm nhường biết bao! Giống như một học giả là Phao-lô đã nói: “Tôi làm được mọi sự, nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi” (Phi-líp 4:13).

Người đời không có Chúa nói: ‘Điều chúng ta biết như một giọt nước, điều chưa biết cả một đại dương’; người đời không có Chúa cũng dạy: ‘Đừng thấy cái bóng to của mình trên vách mà tưởng mình vĩ đại’.

Điều ngạc nhiên là đặc ân của vua dành cho E-xơ-ra: “vua ban cho người mọi điều người xin” Trong chiếu chỉ của vua A-ta-xét-xe cấp cho E-xơ-ra ghi những khoản như sau:

7:11, vua nhìn nhận E-xơ-ra là thầy tế lễ và văn sĩ, thạo biết trong những điều răn luật lệ của Đức Giê-hô-va đã truyền cho Y-sơ-ra-ên.

7:12, vua chúc bình an cho E-xơ-ra.

7:13, vua cho phép các thầy tế lễ cả và người Lê-vi muốn đến Giê-ru-sa-lem thì được đi chung với E-xơ-ra.

7:14-23, vua cấp tài chánh cho E-xơ-ra toàn quyền sử dụng.

Để kết luận về tác quyền của E-xơ-ra, với tất cả những điều chúng ta đã xét từ dòng dõi, đến tư cách cùng sự hiểu biết Chúa và lời Chúa, được vua nước Phe-rơ-sơ nhìn nhận khả năng cùng niềm tin của E-xơ-ra đối với Đức Chúa Trời, chắc chắn không thể phủ nhận E-xơ-ra là người viết sách E-xơ-ra.

Người Y-sơ-ra-ên và các Cơ-đốc nhân đầu tiên đều tin ông E-xơ-ra là người viết sách E-xơ-ra, vì những lý do:

Trong nguyên văn Hi-bá-lai ban đầu thì sách Sử ký I & II, sách E-xơ-ra và sách Nê-hê-mi, là một sách chung, do một người biên soạn. Về sau các Văn sĩ người Y-sơ-ra-ên chia làm 3 sách. Sách E-xơ-ra và Nê-hê-mi được liệt vào kinh điển trước. Sách Sử ký sau này mới được công nhận vào kinh điển.

Chúng ta không có một lý do nào vững chắc để chống lại ý kiến E-xơ-ra là tác giả.

Không ai có đủ điều kiện viết sách này như E-xơ-ra.

Cảm ơn Chúa đã ban cho chúng ta một người như E-xơ-ra, đầy lòng yêu Chúa, yêu dân tộc, có trình độ, có quyết tâm đối với lời Chúa, viết lại đoạn sử tuyển dân đắm nước mắt, nhưng cũng đầy lòng biết ơn Chúa, Chúa có sửa phạt dân Ngài cách nghiêm trang, nhưng Chúa cũng đã tha thứ và chữa lành cho, nhất là kế hoạch cứu rỗi của Chúa không bị đứt gãy.

SÁCH E-XƠ-RA 4

SI-RU – VỊ HOÀNG ĐẾ NGOẠI BANG CÓ LIÊN QUAN

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là lời của Đức Chúa Trời. Điều cảm ơn Chúa là khi học sách E-xơ-ra, chúng ta biết được Đức Chúa Trời vẫn dùng các dân tộc ngoại bang đem ích lợi cho chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại, điển hình bài học hôm nay, chúng ta học về một vị vua như vua Si-ru, một vị vua ngoại bang người Phe-rơ-sơ, có liên quan chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời, là điều mà nhiều người tin Chúa không hiểu được. Tiên tri Ha-ba-cúc thắc mắc với Chúa khi ông nhìn thấy người Ba-by-lôn tràn chiếm Giê-ru-sa-lem và tàn sát dân thánh, phá thành thánh, đốt đền thánh, Ha-ba-cúc nói: "Mắt của Chúa thánh sạch chẳng nhìn sự dữ, chẳng có thể nhìn được sự trái ngược. Sao Ngài nhìn xem kẻ làm sự dối trá, khi kẻ dữ nuốt người công bình hơn nó, sao Ngài nín lặng đi? (Ha-ba-cúc 1:13).

Một lần, tôi có dịp làm chứng về Chúa cho một người tên Trần Minh Khai, một người được giới học thức ở Chợ Lớn – Sài-gòn xem như học giả của người Hoa, trước năm 1975, ông Khai là Tổng Thư Ký của Tòa báo Viễn Đông Hoa Ngữ. Khi làm chứng về Chúa, ông Khai nói với tôi rằng ông là 'người vô thần', vết xe vô thần hằn sâu trong lòng của ông. Đột nhiên ông hỏi tôi: 'Theo Mục sư thì Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật phải không?' Ông nói ông không tin, thí dụ như Đức Chúa Trời dựng nên con muỗi đâu có ích lợi gì?

Tôi đáp: 'Tôi không biết Đức Chúa Trời dựng nên con muỗi ích lợi gì, tuy nhiên, Kinh thánh cho biết cách đây độ 3.500 năm, khi vua Ai Cập không tin có Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sai Môi-se làm phép lạ đập bụi trên đất, bụi hóa thành muỗi chích vua và toàn dân Ai Cập, khiến vua Ai Cập sợ quá nói với Môi-se: 'trẫm tin có Đức Chúa Trời và xin Môi-se đuổi muỗi đi'. Lần sau tôi gặp ông Khai thì ông nói ông không còn vô thần nữa nhưng đang trên đường tìm hiểu Đức Chúa Trời. Cảm ơn Chúa, sau này ông Khai tin Chúa Jê-sus và trở nên bạn của tôi.

Mới đây tôi đọc một quyển sách nói về môn Côn Trùng Học Pháp y, tác giả đã ghi lại những vụ án giết người trước đó nhiều ngày, đã trương phình, hôi thối, không còn nhận diện được, nhưng cơ quan điều tra đã sử dụng những con côn trùng ăn thịt người thối, tìm ra hung thủ chính xác. Những người phụ trách gọi các loại côn trùng dòi bọ ghê tởm này là những nhân chứng biết nói. Hãy nghe một chuyên gia môn Côn Trùng Pháp Y nhận định về những côn trùng là loài bỏ đi không biết được dựng nên ích lợi gì: 'Con người có thể đáng tin hoặc không đáng tin, nhưng ruồi nhặng thì không thể giả được. Nếu không có ruồi nhặng xác định người bị hại chết vào ngày tháng nào, thì rất khó phát hiện... chần chẫn sẽ gây ra vụ án oan sai.... Con người có lúc giả dối khó tin, nhưng ấu trùng ruồi nhặng làm chứng thì luôn luôn đúng, oan hồn biết ơn con côn trùng bé nhỏ...' (Sách đd, tr. 244).

Lời Chúa phán: "Đức Giê-hô-va đã dựng nên muôn vật để dùng cho Ngài; đến nỗi kẻ ác cũng vậy, để dành cho ngày tai họa" (Châm ngôn 16:4).

Đức Chúa Trời đã trả lời cho tiên tri Ha-ba-cúc rằng Chúa đã dùng quân Ba-by-lôn làm cái roi để sửa phạt dân Giu-đa của Chúa, để rồi sau 70 năm lưu đày, dân Giu-đa nhận biết họ đã không vâng lời Chúa dạy, ngay việc giữ ngày, giữ năm sa-bát để đất nghỉ, họ cũng không làm, chưa kể họ đối với Chúa thì giả dối, lại thờ đủ mọi thứ hình tượng bắt chước các dân tộc chung quanh, kể cả các dân đã bị Chúa diệt.

Dĩ nhiên, Ba-by-lôn được Chúa dùng làm cái roi sửa phạt dân Chúa, nhưng sau đó như tiên tri Đa-ni-ên tuyên án họ: “Hỡi vua Bên-xát-sa, con của người, vua cũng vậy, dầu vua đã biết hết các việc ấy, mà lòng vua cũng không nhún nhường chút nào; nhưng vua đã lên mình nghịch cùng Chúa trên trời, mà khiến đem các khí mạnh của nhà Ngài, và dùng mà uống rượu, cùng với các quan đại thần, các hoàng hậu và các cung phi vua. Vua cũng đã tôn vinh các thần bằng bạc, bằng vàng, bằng đồng, bằng sắt, bằng gỗ và bằng đá, là những thần không thấy không nghe không biết gì; và vua không thờ phượng Đức Chúa Trời là Đấng cầm trong tay Ngài hơi thở và hết thảy các đường lối của vua. Vậy nên từ nơi Ngài đã sai phần bàn tay này đến, và chữ đó đã vạch ra. Những chữ đã vạch ra như sau này: MÊ-NÊ, MÊ-NÊ, TÊ-KEN, U-PHÁC-SIN. Đây là nghĩa những chữ đó: Mê-nê là Đức Chúa Trời đã đếm nước của vua và khiến nó đến cuối cùng. Tê-ken là: Vua đã bị cân trên cái cân, và thấy là kém thiếu. Phê-rết là: Nước của vua bị chia ra, được ban cho người Mê-đi và người Phe-rơ-sơ... Ngay đêm đó, vua người Canh-đê là Bên-xát-xa bị giết. Rồi Đa-ri-út, là người Mê-đi được nước...” (Đa-ni-ên 5:22-31).

Án lệnh này được thi hành ngay trong đêm năm 538 TC. bởi liên minh Mê-đi và Ba-tư (Phe-rơ-sơ), và Đức Chúa Trời đã cho vua Si-ru có mặt trong Chương trình cứu rỗi của Chúa.

VUA SI-RU LÀ AI?

Si-ru là một tiểu vương xứ Ba Tư, một tỉnh của đế quốc dân Mê-đi trải rộng từ phía Đông tới phía Bắc của Ba-by-lôn. Từ năm 550 TC., ông đã nắm quyền tại Mê-đi, ông tiến quân tới tận Tiểu Á và vét hết những kho báu huyền hoặc của vua Crésus rồi quay hướng về Ba-by-lôn.

Nước Mê-đi đã liên minh với nước Ba-by-lôn đánh hạ A-si-ri. Cuộc liên minh này chấm dứt với sự qua đời của Nê-bu-cát-nết-sa (562). Hai hay ba năm sau, người Mê-đi và người Ba-tư liên kết thành một đế quốc dưới sự cai trị của Si-ru (người Ba-tư).

Người Mê-đi và Ba-tư cùng chủng tộc, giống nhau về phong tục và tôn giáo. Năm 559 TC., cuộc nổi loạn trong nước đã chuyển quyền cai trị từ vua Mê-đi sang người Ba-tư là Si-ru nổi danh trong giai đoạn này. Trong vòng 12 năm, vua Si-ru đã tiêu diệt ba đế quốc: Mê-đi, Ly-đi, và Ba-by-lôn, chinh phục cả Á châu. Dân tộc Ba-tư của ông đã cai trị thế giới thời đó trong 200 năm. Si-ru này là người được nói đến trong sách E-xơ-ra.

Theo sách tiên tri Ê-sai 44:28 và 45:1, gọi Si-ru là Người chăn chiên của Chúa, lời Chúa phán: “Đức Giê-hô-va, là Đấng Cứu chuộc người, đã gây nên người từ trong lòng mẹ... phán về Si-ru rằng: Nó là người chăn chiên của ta; nó sẽ làm nên mọi sự đẹp lòng ta... Đức Giê-hô-va phán thế này cùng Si-ru, là người xúc dầu của Ngài, ta đã cầm lấy tay người, đặt hàng phục các nước, và ta sẽ tháo dây lưng các vua; đặt mở các cửa thành trước mặt người, cấm không được đóng lại” (Ê-sai 44:28; 45:1-2).

Đó là lý do một ý kiến dùng lời tiên tri của Ê-sai 44 và 45 để nêu giả thiết ‘Ê-sai thứ hai’ và ‘Ê-sai thứ ba’, vì họ cho rằng người viết những chương sau của sách tiên tri Ê-sai là thuộc thời kỳ hậu lưu đầy nên mới biết rõ tên của vua Si-ru, họ gọi là Đệ nhị Ê-sai, Đệ Tam Ê-sai.

Nếu chỉ vì sách Ê-sai nêu tên Si-ru mà cho rằng người viết sách thuộc thế hệ hậu lưu đầy thì liệu có phủ nhận công việc của Đức Thánh Linh không? Không tin Thánh Linh Đức Chúa Trời là Đấng Biết Hết Mọi Sự sao?

Vả lại, lời Đức Chúa Trời cũng báo trước hạn kỳ lưu đầy là 70 năm, như lời tiên tri của Giê-rê-mi đã báo trước. Lời Chúa phán: “Cả đất này sẽ trở nên hoang vu gở lạ, các nước này sẽ phục sự vua Ba-by-lôn

trong bảy mươi năm. Đức Giê-hô-va phán: Khi bảy mươi năm ấy sẽ mãn, ta sẽ phạt vua Ba-by-lôn và dân người, vì có tội ác chúng nó. Ta sẽ phạt xứ người Canh-đê và biến thành một nơi hoang vu đời đời” (Giê. 25:11-12; 29:10). Và ngay cả tiên tri Đa-ni-ên cũng tin quyết: “Năm đầu Đa-ri-út, con trai A-suê-ru, về dòng người Mê-đi, đã được lập làm vua trị nước người Canh-đê; đương năm đầu về triều người, ta, Đa-ni-ên, bởi các sách biết rằng số năm mà lời Đức Giê-hô-va đã phán cùng Đấng tiên tri Giê-rê-mi, để cho trọn sự hoang vu thành Giê-ru-sa-lem, là bảy mươi năm” (Đa. 8:1-2). Thế thì chúng ta sẽ nói làm sao về con số 70 này?

Kinh thánh cũng cho chúng ta biết trước những điều kỳ diệu tiên báo về vua Si-ru và nước Phe-rơ-sơ. Chúng ta hãy lược qua những điều kỳ diệu này được ghi trong sách Đa-ni-ên:

Đa-ni-ên đoạn 2 ghi lại chiêm bao của vua Nê-bu-cát-nết-sa về pho tượng to lớn có cấu tạo khác thường mà vua thấy vào thời điểm năm 606 TC. Dù vua đã quên hết, nhưng Chúa đã tỏ cho Đa-ni-ên và đồng bạn trong sự hiện thấy ban đêm (2:19). Sau đó, Đa-ni-ên đã tâu với vua: “Đầu pho tượng này bằng vàng ròng; ngực và cánh tay bằng bạc”, và Đa-ni-ên giải thích ý nghĩa pho tượng cho vua Ba-by-lôn: “Hỡi vua... sau vua, sẽ dấy lên một nước khác, kém nước của vua...” (2:26-39).

Chúng ta vô cùng ngạc nhiên vì Đa-ni-ên đang ở trước mặt vua của nước Ba-by-lôn thời cực thịnh, biểu tượng là cái đầu bằng vàng, nhưng Đa-ni-ên đã cho vua Ba-by-lôn biết sau vua, sẽ dấy lên một nước khác, kém nước của vua, biểu tượng là phần ngực và cánh tay bằng bạc. Cánh tay thì chắc chắn là hai cánh tay, ứng nghiệm liên minh Mê-đi và Ba-tư đánh hạ nước Ba-by-lôn; cấu tạo của phần ngực với cánh tay pho tượng là bằng bạc, kim loại Bạc hình bóng về sự chuộc mạng, cứu chuộc (Xuất. 30:13; Lê-vi. 5:15; 27:25; Math 17:27). Và quả thật, đến Đế quốc Mê-đi Ba-tư thì dân Y-sơ-ra-ên đang bị lưu đày được tha về.

Đa-ni-ên đoạn 5, thời điểm Đa-ni-ên giải thích hiện tượng bàn tay viết trên tường trong lúc vua Bên-xát-sa của nước Ba-by-lôn đang đãi tiệc, Kinh thánh ghi: “Vua Bên-xát-sa dọn tiệc lớn đãi một ngàn đại thần mình, và vua uống rượu trước mặt” (5:1). Kinh thánh ghi tiếp rõ ràng: “Chính giờ đó, có những ngón tay của bàn tay người hiện ra, viết trên tường cung vua, đối ngay chỗ để chơn đèn; và vua trông thấy phần bàn tay đó đương viết” (5:5).

Sau khi tiên tri Đa-ni-ên giải thích án lệnh của Đức Chúa Trời tuyên với vua Bên-xát-sa và nước Ba-by-lôn, thì Kinh thánh xác nhận: Ngay đêm đó, vua người Canh-đê là Bên-xát-sa bị giết. Rồi Đa-ri-út là người Mê-đi được nước, bấy giờ tuổi người độ sáu mươi hai” (5:30-31). Bắt đầu cho Đế quốc Mê-đi Ba-tư do vua Si-ru người Ba-tư cai trị kế tiếp như thỏa thuận liên minh Mê-đi Ba-tư.

Cảm ơn Chúa, trong kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời, Kinh thánh cho chúng ta biết: “Lòng của vua ở trong tay Đức Giê-hô-va khác nào dòng nước chảy; Ngài làm nghiêng lệch nó bề nào tùy ý Ngài muốn” (Châm. 21:1). Người tin Chúa Jê-sus là người tin quyết Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời, vì vậy, với sự tin chắc chân lý: cả Kinh thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, Đức Chúa Trời là Đấng biết hết mọi sự, lời chưa ra khỏi miệng tôi Chúa đã biết rồi... Trước khi tạo nên người trong lòng mẹ, ta đã biết người rồi; trước khi người sanh ra, ta đã biết riêng người, lập riêng người làm kẻ tiên tri cho các nước” (Thi. 139:1-4; Giê. 1:4-5).

Chúa đã biết từ thời tiên tri Ê-sai rằng sẽ có một người tên Si-ru giải cứu dân Chúa khỏi 70 năm lưu đày. Đó là Chân lý!

SÁCH E-XƠ-RA 5

NIÊN HIỆU SÁCH E-XƠ-RA

E-xơ-ra 7:10

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Lời Chúa là Kinh thánh. Trong bài thứ 5 sách E-xơ-ra này, chúng ta sẽ khảo học về Lịch sử ba Đế quốc hùng mạnh thời cổ có liên quan đến tuyến dân Y-sơ-ra-ên, để nhìn thấy bàn tay của Đức Chúa Trời đang nắm lịch sử thế giới, dù thế giới này hiện ở trong tay của quỷ Sa-tan và tay sai của hắn, nhưng Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng vẫn tế trị theo định hướng cứu rỗi nhân loại của Ngài.

BỐI CẢNH NIÊN HIỆU SÁCH E-XƠ-RA

Phần lịch sử sau cùng của người Y-sơ-ra-ên trong đời Cựu Ước ghi trong sách Các Vua, Sử ký, E-xơ-ra, Nê-hê-mi, và Ê-xơ-tê, có bối cảnh của ba Đế quốc hùng mạnh thời đó: A-si-ri, Ba-by-lôn, và Mê-đi Ba-tư. Ngay trong một sách nhỏ như E-xơ-ra cũng ghi ít nhất tên của 7 vị vua nước Phe-rơ-sơ hay nước Ba-tư là Iran ngày nay.

Trong phần nghiên cứu sách II Các Vua, chúng ta đã nói đến Đế quốc A-si-ri và Ba-by-lôn.

A-SI-RI:

Lịch sử tối cổ của A-si-ri trải qua 3 thời kỳ:

Độ chùng từ 1.430 đến 1.000 TC.

Độ chùng từ 880 đến 745 TC.

Thời kỳ có liên hệ đến Y-sơ-ra-ên, là lúc A-si-ri đã trở nên bá chủ thế giới thời đó, bắt đầu khoảng 745 TC. Với sự nắm quyền của một tướng hung dữ là Phun (Pul). Vị tướng này cai trị với tên là Tiếc-la Phi-lê-se III (II Vua 15:19-20; 29), sách Sử ký gọi là Tiếc-lát-Phin-nê-se (I Sử. 5:26; II Sử. 28:20-21). Đế quốc A-si-ri đã tiếp tục tồn tại đến khi Ni-ni-ve sụp đổ (612-608 TC) bởi Ba-by-lôn.

Đây là tên các vua A-si-ri có liên hệ với Kinh Thánh:

Tiếc-la Phi-lê-se III (Tiglah Pileser III) là vua A-si-ri vào năm 745-727 TC. (II Vua 15:19, 29; 16:7, 10; II Sử 5:26);

Sanh-ma-na-se (Shalmaneser IV) cai trị vào năm 727-722 TC. (II Vua 17:3; 18:9);

Sa-gôn (Sargon) cai trị vào năm 722-705 TC. (II Vua 18:11; Ê-sai 20:1);

San-chê-ríp (Sennacherib) cai trị vào năm 705-681 TC. (II Vua 18:19; II Sử 32; Ê-sai 36-37);

Ê-sạt-ha-đôn (Esar-haddon) cai trị từ năm 688-668 TC. (II Vua 19:36-37; II Sử 33:11; E-xơ-ra 4:2);

Ô-náp-ba (Assur-bani-pal) cai trị vào năm 668-628 TC. (E-xơ-ra 4:10). Với cái chết của Ô-náp-ba, Đế quốc A-si-ri cũng suy tàn.

BA-BY-LÔN:

Năm 625 TC., Ba-by-lôn độc lập dưới sự cai trị của Nabopolassar (cha của Nê-bu-cát-nết-sa, đồng thời nước Mê-đi cũng thu hồi độc lập. Sau đó người Mê-đi và Ba-by-lôn liên minh hạ được Ni-ni-ve vào năm 608 TC., nước A-si-ri chấm dứt vĩnh viễn.

Khi A-si-ri sụp đổ, nước Ba-by-lôn bắt đầu tiếp nối với vị vua trẻ, tài giỏi, chói sáng là Nê-bu-cát-nết-sa. Nhưng Ba-by-lôn chỉ kéo dài đến năm 538 TC như đã nói trong Giê-rê-mi 29:10. Suốt trong thời gian 70 năm này, dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày tại Ba-by-lôn.

Sau đây là tên các vị vua Ba-by-lôn trong Kinh thánh nhắc đến:

Nê-bu-cát-nết-sa, cai trị từ năm 606-562 TC. (Đa-ni-ên 1: - 3);

Ê-vinh-mê-rô-đác (hay Mill-marduk) cai trị từ năm 562-559 TC. (II Vua 25:27);

Nê-t-gan-Sa-rết-sê (Nergal-Charezer hay Neriglissar) cai trị từ năm 559-555 TC. (Giê-rê-mi 39:3-13);

Nabonidus (hay Nabonahid) đồng trị với Bê-n-xát-sa (Benlohazzar) cai trị từ năm 553-536 TC. (Đa-ni-ên 5).

MÊ-ĐI BA-TƯ

Đây là tên các vua Ba-tư có liên hệ Kinh Thánh:

Si-ru Đại Đế cai trị từ năm 538-529 TC. (E-xơ-ra 1; Êsai 45);

Vua A-suê-ru (Cambyses) cai trị từ năm 529-521 TC. (trong E-xơ-ra);

At-ta-xét-xe (Gauniata hay Pudo Smerdis) cai trị 7 tháng (E-xơ-ra 4:7);

Đa-ri-út I (Hystaspis) cai trị từ năm 521-486 TC. (E-xơ-ra 5 - tái thiết Đền thờ);

A-suê-ru chồng của Ê-xơ-tê (Xerxes I) cai trị từ năm 485 – 464;

At-ta-xét-xe I (Longi Manus) cai trị từ năm 465-424 TC. (E-xơ-ra 7:1; Nêh. 2:1; 5:14);

Đa-ri-út hay Xét-xe II (Nothus) cai trị từ năm 424-404 (Nêhêmi 12:22 (?));

Đa-ri-út III (Codomamus) cai trị từ năm 335 – 330 TC. (Nêhêmi 12:22 (?)).

NHU CẦN CÓ SÁCH E-XƠ-RA

Những người Do thái đã mất tất cả, chỉ còn giữ lại những gì thuộc truyền thống. Do đó họ đọc lại lời truyền khẩu cách say mê.

Các tiên tri như Ê-xê-chi-ên rao giảng trong thời lưu đày trong cộng đồng Y-sơ-ra-ên bị lưu đày, tiên tri Đa-ni-ên và các bạn của Đa-ni-ên rao giảng Giê-hô-va Đức Chúa Trời qua đời sống đức tin trong triều đình Ba-by-lôn. Chắc chắn các thầy tế lễ và những người có tấm lòng yêu mến kính sợ Đức Chúa Trời đã tìm mọi cách thu thập những sưu tập luật pháp của Chúa dạy đã được viết ở Giê-ru-sa-lem trước khi vương quốc sụp đổ, trong đó quan trọng nhất là Bộ Ngũ Kinh của Môi-se, nhằm nâng đỡ đức tin và niềm hi vọng của dân, đưa dân tộc mình về với nguồn gốc. Như thế là tất cả các yếu tố của Bộ Ngũ Kinh đã có đủ, chỉ cần tập hợp lại thành một tác phẩm duy nhất, việc này sẽ được thực hiện khoảng năm 400.

Thảm họa mất nước, thống khổ lưu đày và cả dịp được tiếp xúc với tư tưởng Ba-by-lôn và Ba Tư... Ta cũng dễ hiểu rằng lời cầu nguyện của những người Y-sơ-ra-ên lưu đày sẽ có một giọng mới. Các Thi thiên thời lưu đày như Thi thiên 44; 80 ; 89, 137, được soạn ra như một lời cầu nguyện dâng lên Đức Chúa Trời để bày tỏ lòng trung thành với Chúa.

Còn ở tại Giê-ru-sa-lem, một vài người Do thái may mắn không bị lưu đày đã cất tiếng bày tỏ nỗi niềm trong những khúc Ca thương như của tiên tri Giê-rê-mi.

Cuộc sống bên Ba-by-lôn không như một trại tập trung. Bên Ba-by-lôn, người Do thái vẫn được hưởng một sự tự do tương đối, dĩ nhiên vẫn là những nô lệ; Ê-xê-chi-ên được tự do đi thăm viếng đồng bào đang lo trồng trọt, những thanh niên trẻ được vào trường của Ba-by-lôn để học hỏi hầu có trình độ tham dự vào triều đình của Ba-by-lôn như Đa-ni-ên và các bạn của Đa-ni-ên. Vào cuối thời lưu đày, một trong số họ không muốn hồi hương, mà muốn ở lại, số người này tạo thành một cộng đoàn quan trọng và khá sung túc. Các tư liệu còn lại của "Ngân hàng Murashu" ở Nippour (phía Nam thành Ba-by-lôn) cho biết một thế kỷ sau lưu đày, một số người Do thái đã có được những ngân khoản kếch sù. Có những tài liệu xác nhận rằng nhiều người Do Thái chọn ở lại Ba-by-lôn ngay cả sau khi thời kỳ lưu đày kết thúc. Điều này cho thấy họ quả đã sống trong tình trạng tương đối bình an tại Ba-by-lôn.

Những người Do Thái bị lưu đày được hưởng một số sự tự do, một số người học được kỹ năng trong những ngành nghề khác nhau, nhờ thế giúp ích cho công việc xây lại thành Giê-ru-sa-lem khi họ trở về sau này (Nê-hê-mi 3:8, 31, 32).

Ngày 29-10-539 "chẳng tốn một viên đạn", có lẽ nhờ sự đồng lõa của những người Ba-by-lôn đã quá chán ghét triều đại Ba-by-lôn, nên tướng Si-ru của liên minh Mê-đi Ba-tư chiếm được thành Ba-by-lôn; cũng có ý kiến cho rằng do tướng Si-ru đắp đập phía thượng nguồn sông Ơ-phơ-rát, ngăn nước chảy vào lòng sông nơi có thành Ba-by-lôn bắc ngang qua, tạo lòng sông như một địa đạo ngầm giúp quân Mê-đi Ba-tư do tướng Si-ru chỉ huy theo đó vào chiếm thành Ba-by-lôn.

XÁC ĐỊNH NIÊN HIỆU SÁCH E-XƠ-RA:

Tổng kết tất cả những bằng chứng có được như đã nói, người viết vừa am tường lịch sử trước lưu đày và cũng am tường cuộc hồi hương từ lưu đày, chắc chắn sách E-xơ-ra được viết trễ nhất trong phần Cựu Ước, sau khi E-xơ-ra dẫn người Giu-đa về tới Giê-ru-sa-lem (456 TC.), hoặc có lẽ vài năm sau đó.

Sách ghi lại những sự kiện khôi phục nước Y-sơ-ra-ên, kéo dài độ 100 năm với 2 hai thời kỳ quan trọng:

Thời kỳ 20 năm - E-xơ-ra 1: - 6:, từ năm 537-517 TC.

Từ năm thứ I đời vua Si-ru (1:1) đến năm thứ 6 đời vua Đa-ri-út (6:15);

Thời kỳ dân Y-sơ-ra-ên trở về dưới sự lãnh đạo của Xô-rô-ba-bên (1:8) xây lại Đền thờ;

Tham khảo: Xa-cha-ri, A-ghê, I Sử 1: - 9;; II Sử 36:22-23; Thi thiên 126; 137; Êsai 44:23 đến 45:8.

Thời kỳ 25 năm sau - E-xơ-ra 7: - 10:, từ năm 458-433 TC.

Do Nê-hê-mi làm Tổng đốc, E-xơ-ra làm thầy tế lễ lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên xây lại thành Giê-ru-sa-lem;

Sách Nê-hê-mi viết về giai đoạn này;

Ma-la-chi là Tiên tri trong thời này;

E-xơ-ra chép cả 2 giai đoạn;

Giữa hai giai đoạn là sách Ê-xơ-tê.

Chúng ta có thể ghi chi tiết như sau:

587 TC, dân Giu-đa phía Nam bị đày qua Ba-by-lôn;

537 TC, dân Giu-đa được hồi hương lần thứ I do Xô-rô-ba-bên dẫn dắt;

517 TC, Đền thờ được xây lại;

479 TC, Ê-xơ-tê làm Hoàng hậu nước Phe-rơ-sơ hay nước Ba-tư;

458 TC, E-xơ-ra dẫn dân Giu-đa hồi hương lần thứ II;

445 TC, Nê-hê-mi xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem.

Tham khảo với lịch sử thế giới, những niên hiệu sách E-xơ-ra ghi hoàn toàn phù hợp. Cảm ơn Chúa đã ban Kinh thánh là Lời được Chúa mặc khải cho loài người chúng ta biết được những việc đã có, hiện có và còn đến, ngay cả trong lịch sử các dân tộc thế giới có liên quan với dân Y-sơ-ra-ên, vì đó là kế hoạch Đức Chúa Trời cứu rỗi nhân loại qua Chúa Jê-sus Christ.

Thế thì, chúng ta phải bắt chước E-xơ-ra “định chí tra xét luật pháp của Đức Giê-hô-va, giữ và làm theo, chẳng những thế mà còn “dạy cho dân Y-sơ-ra-ên – cũng như mọi người biết những luật pháp và giới mạng của Chúa. Giống như bác sĩ Luca đã ghi lại những việc ông đã làm đối với Lời Chúa: “Hỡi Thê-ô-phi-lơ quý nhơn, vì có nhiều kẻ dốc lòng chép sử về những sự đã làm nên trong chúng ta, - theo như các người chứng kiến từ lúc ban đầu và trở nên người giảng đạo đã truyền cho chúng ta, - vậy, sau khi đã tra xét kỹ càng từ đầu mọi sự ấy, tôi cũng tưởng nên theo thứ tự viết mà tỏ ra cho ông, để ông biết những điều mình đã học là chắc chắn” (Luca 1:1-4). Xin Chúa cho không ai còn nghi ngờ hoặc chểnh mảng học Kinh thánh.

SÁCH E-XƠ-RA 6

NỘI DUNG SÁCH E-XƠ-RA

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Qua những bài học vừa rồi từ sách E-xơ-ra, chúng ta cảm ơn Chúa cho việc học Kinh thánh không chỉ nói chuyện đạo của một tôn giáo, hoặc chuyện thiêng liêng trên trời, nhưng người học Kinh thánh còn học biết dòng lịch sử của các quốc gia một thời hùng mạnh làm bá chủ thế giới, đặc biệt có liên quan đến tuyển dân Y-sơ-ra-ên của Chúa, cũng chính vì liên quan đến Chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời để đem con người ra khỏi tội lỗi bởi sự đổ huyết đền tội cho loài người của Chúa Jê-sus Christ, ban cho người tin Chúa Jê-sus được sống những ngày trời trên đất, ở đất cũng như ở trời, như

một người đã tin Chúa Jêsus Christ làm Cứu Chúa và làm Chúa đời sống của mình, từ kinh nghiệm cá nhân viết ra bài hát ngợi khen Chúa có lời như sau:

Dù thân trên đất, dồi dập lao đao,

Qua bao dậm dài, trải lấm đồi cao.

Nhà xiêu, vách nát, kèo cột lung lay,

Chúa Jêsus ngự vào, hóa Thiên cung ngay.

Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau học biết nội dung của sách E-xơ-ra trong sự dạy dỗ đó.

ĐOẠN 1: Chiếu lệnh của Si-ru

Không có một người nào đọc 3 sách: E-xơ-ra, Nê-hê-mi và Ê-xơ-tê, mà không thấy điều kỳ diệu của Đức Chúa Trời đã làm cho tuyền dân Y-sơ-ra-ên.

Qua sách E-xơ-ra, Lời Chúa cho biết, Chúa đã cảm động vua Si-ru nước Phe-rơ-sơ hay nước Ba-tư, ban chiếu chỉ cho phép dân Y-sơ-ra-ên hồi hương sau 70 lưu đày qua Ba-by-lôn.

Qua sách Nê-hê-mi, Lời Chúa cho biết, Chúa đã cảm động lòng vua A-ta-xét-xe cho Nê-hê-mi hồi hương xây sửa lại thành Giê-ru-sa-lem.

Qua sách Ê-xơ-tê, Lời Chúa cho biết, Chúa đã cảm động lòng vua A-suê-ru cứu tuyền dân Y-sơ-ra-ên khỏi họa diệt chủng của Tể Tướng Ha-man.

1:1-3 đã bắt đầu sách bằng cách ghi lại chiếu lệnh của Si-ru: “Năm thứ nhứt đời Si-ru, vua nước Phe-rơ-sơ trị vì, Đức Giê-hô-va muốn làm cho ứng nghiệm lời Ngài đã cậy miệng Giê-rê-mi mà phán ra, nên Ngài cảm động lòng Si-ru, vua Phe-rơ-sơ tuyên truyền trong khắp nước mình, và cũng ra sắc chỉ rằng: Si-ru, vua Phe-rơ-sơ, nói như vầy: Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban các nước thế gian cho ta, và chánh Ngài có biểu ta xây cất cho Ngài một đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, thuộc xứ Giu-đa. Trong các người, phàm ai thuộc về dân sự Ngài, khá trở lên Giê-ru-sa-lem trong xứ Giu-đa, dựng cất lại đền thờ Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, vẫn ngự tại Giê-ru-sa-lem. Nguyện Đức Chúa Trời người ấy ở cùng người!”.

Chiếu lệnh của vua Si-ru có những điểm trọng yếu được ghi rõ ràng:

1:1, Chiếu lệnh của vua Phe-rơ-sơ không phải tình cờ, nhưng vua Si-ru nhìn nhận là lời Đức Chúa Trời đã báo trước qua tiên tri Giê-rê-mi về thời hạn dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày 70 năm đã mãn (Giê. 25:11-12; 29:10), nay được ứng nghiệm. 1:1, xác nhận chính Đức Chúa Trời cảm động lòng vua Si-ru, nước Phe-rơ-sơ ra chiếu chỉ, rõ ràng Đức Chúa Trời vẫn cầm quyền tể trị lịch sử loài người.

1:2, vua Si-ru xác nhận Đức Chúa Trời đã ban cho vua cai trị các nước thế gian. 1:2, vua Si-ru xác nhận Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho vua xây lại đền thờ cho Chúa tại Giê-ru-sa-lem, xứ Giu-đê.

1:3, Chiếu lệnh của vua Si-ru ghi rõ ai thuộc về Đức Giê-hô-va thì được về Giê-ru-sa-lem tham gia việc xây đền thờ cho Chúa, và chiếu lệnh đặc biệt kèm theo lời xin Chúa ban phước cho người xây đền thờ cho Chúa.

Điều quan trọng là chính vua Si-ru đã nhìn nhận quyền của Đức Chúa Trời ban nước cho vua. Sử gia Do thái Josephus nói rằng sau khi chinh phục Ba-by-lôn, vua Si-ru đã đọc được những lời trong sách tiên tri

Ê-sai 44:24 - 45:6, đã được viết ra trước đó 200 năm đề cập đến tên của ông. Chính điều này đã tác động đến vua Si-ru.

Điều kỳ diệu là chiếu lệnh này của vua Si-ru cũng được ghi vào phần cuối của sách II Sử ký 36:22-23, nhưng không ghi vào cuối sách II Các Vua. Lý do thật rõ ràng, do hai sách Các Vua I và II, là sách ghi tội lỗi của hai nước Y-sơ-ra-ên cũng như tội lỗi của nước Giu-đa, nên chỉ bị phạt mà không có tha thứ; còn hai sách Sử ký I và II dù ghi tội lỗi nước Giu-đa, nhưng Đức Chúa Trời đã thấy nhiều lần, nhiều lúc một số vua cùng với dân Giu-đa hạ mình ăn năn với Chúa, đặc biệt các vua này thuộc dòng dõi Đa-vít, tội tởm yêu quý của Chúa, nên dù bị phạt, nhưng họ biết ăn năn nên được Chúa tha thứ.

ĐOẠN 2: Trở về Đất Hứa

Vấn đề được đề cập đến là có 2 hay 12 chi phái trở về?

Đoạn 1:3 ghi rõ chiếu chỉ ra lệnh là: Tất cả người Y-sơ-ra-ên. Chúng ta nhớ là đế quốc A-si-ri đã bắt đày 10 chi phái phía Bắc. Kế đó, Ba-by-lôn chiếm nước A-si-ri, rồi đến Si-ru của nước Phe-rơ-sơ. Tất cả dân Y-sơ-ra-ên đều thuộc quyền vua Si-ru.

Đoạn 1:5, có thể hiểu là trưởng lão 2 chi phái Giu-đa và Bên-gia-min lãnh đạo.

Đoạn 2:2 so với Nê-hê-mi 7:7, chúng ta thấy có tên 12 người. Như vậy đây là lãnh đạo 12 chi phái. Nếu không, tại sao lại ghi 12 tên?

2:1, 70, cho thấy không chỉ hồi hương về Giê-ru-sa-lem, nhưng trở về ở cả xứ Giu-đê. Như vậy, tất cả các chi phái cùng về.

6:17, trong lễ khánh thành đền thờ mới, họ dâng 12 con dê đực (8:35 ghi 12 con bò đực, 12 dê đực).

ĐOẠN 3: Xây lại bàn thờ

3:1-2, công việc đầu tiên của những người Y-sơ-ra-ên hồi hương là xây lại bàn thờ, tái lập sự thông công, thờ phượng Chúa. Đồng thời khởi sự xây Đền thờ (3:10-11). Kết quả việc làm này là dân sự được vui mừng.

3:12, có một số người đã sống qua 70 năm lưu đày, ít nhất họ cũng từ 80 đến 90 tuổi trở lên.

ĐOẠN 4: Sự Ngăn Trở

Trong công tác xây cất Đền thờ, đã có những kẻ thù nghịch ngăn trở. Những thù nghịch này là:

4:2b, dân ngoại bang do vua A-si-ri đưa đến vào lúc Sa-ma-ri sụp đổ (II Vua 17:24);

II Các Vua 17:32-33, họ có thờ Đức Chúa Trời, nhưng cũng thờ hình tượng, không làm theo Lời Chúa;

4:4a, họ là dân ở trong xứ - ngay trong xứ Y-sơ-ra-ên (ở giữa Hội Thánh).

Họ dùng 3 cách để ngăn trở công việc Chúa:

4:2, Lừa dối dân Y-sơ-ra-ên bằng lời đề nghị hợp tác;

4:4, Làm cho dân Y-sơ-ra-ên ngã lòng, nhát sợ;

4:5, Hối lộ các quan chức cầm quyền để ngăn trở.

Lý do Xô-rô-ba-bên không cho họ dự phần làm việc thánh (II Các Vua 17:24-41), vì sự hợp tác của họ sẽ đưa tội lỗi vào dân thánh (I Côrintô 5:6b).

Bài học trong Dân. 11:4, dân tạp đã xui giục dân Chúa phạm tội:

Chính dân ngoại làm cho dân Y-sơ-ra-ên mất đức tin, ngã lòng, nhát sợ;

Chính dân ngoại dựa vào quyền lực thế gian để ngăn trở, ý xấu đó lộ rõ qua hai chữ 'hối lộ'.

ĐOẠN 5 và ĐOẠN 6. Nhu Cầu Lời Đức Chúa Trời qua các Tiên tri được đẩy lên

5:1-2, Cảm ơn Chúa, trong lúc công việc Chúa bị ngăn trở, dân sự ngã lòng, thì các Tiên tri A-ghê và Xa-cha-ri được đẩy lên rao giảng Lời Chúa, khích lệ dân sự tiếp tục công việc xây cất Đền thờ.

5:2, Các Tiên tri chẳng những rao giảng Lời Chúa mà còn dự phần giúp đỡ (5:2b). Lệnh xây cất được xét duyệt lại và Chúa đã cho hoàn thành (6:14-15).

ĐOẠN 7: Trở về với E-xơ-ra

Trở về lần này cách lần của Xô-rô-ba-bên ít nhất là 25 năm (458 - 433 TC.);

Trở về theo chiếu lệnh của vua A-ta-xét-xe I.

7:10, E-xơ-ra đã chuẩn bị 3 kế hoạch hồi hương này với tấm lòng của ông:

Tra xét (học) Lời Chúa;

Làm theo Lời Chúa;

Dạy Lời Chúa.

Chính E-xơ-ra học trước, làm theo rồi mới dạy, giống như Chúa Jêsus đã làm rồi mới dạy (Công vụ 1:1).

ĐOẠN 8: Hành Trình Trở Về (Hồi hương)

8:15, E-xơ-ra triệu tập đầy đủ dân Chúa không để thiếu một chi phái nào;

8:21, E-xơ-ra tìm kiếm ý Chúa dẫn dắt. Chúng ta lại học được 3 hành động của E-xơ-ra trong 8:21 này:

Kiêng ăn;

Hạ mình;

Cầu nguyện.

E-xơ-ra đã dọn mình thánh sạch trước, rồi mới xin biết ý của Chúa.

8:24-34, việc quản lý tiền bạc dâng hiến hết sức cẩn thận, không làm thất thoát.

ĐOẠN 9 và 10: Thánh Hóa Dân Sự

9:1-2, Đền thánh xây xong, nhưng dân thánh thì đã bị pha lộn (9:2). Các thầy tế lễ và quan trưởng đã không biệt mình ra thánh (I Côrintô 9:27).

Trước tình trạng dân thánh bị pha lộn đó, E-xơ-ra lại có 3 hành động gương mẫu trong 9:5,

9:4, Ra khỏi nơi khổ nhục (câu 4);

Với một tấm lòng tan vỡ (xé áo);

Quì gối hướng về Chúa.

Lời cầu nguyện xưng tội của E-xơ-ra nói rõ ràng: Tội gì? Ai phạm? Xin tha thứ. Cảm ơn Chúa, dân Chúa đã cảm động, ăn năn (10:1) và dứt khoát biệt mình ra thánh (10:12). Chúa Jêsus phán: “Người chẵn đi trước, chiên theo sau” (Giăng 10:4). Bài học quý báu cho người hầu việc Chúa!

SÁCH E-XƠ-RA 7

XÂY DỰNG LẠI

Kinh thánh: E-xơ-ra 1: - 3: (đọc 1:1-11)

Câu gốc: E-xơ-ra 1:3

Mục đích: Học sách E-xơ-ra trong chương trình học suốt Kinh thánh. Kêu gọi con cái Chúa góp phần xây dựng Hội Thánh của Chúa.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay, nhờ ơn Chúa, chúng ta cùng học một đề tài rất vui qua sách E-xơ-ra, ấy là sau 70 năm lưu đày làm nô lệ, đúng như lời tiên báo, Đức Chúa Trời thành tín, cảm động vua Si-ru của nước Phe-rơ-sơ cho phép dân Y-sơ-ra-ên hồi hương, dưới tấm lòng vì Đức Chúa Trời, vì dân tộc của E-xơ-ra. Mục đích của lần hồi hương này là để xây lại Đền thờ cho Chúa tại Giê-ru-sa-lem.

I/. E-xơ-ra 1:1-4 - ĐIỀU CẦN XÂY DỰNG LẠI

Trong 4 câu đầu của đoạn 1 hay 4 câu đầu của sách E-xơ-ra đã lặp đi lặp lại để nhấn mạnh điều thiết yếu phải xây dựng lại, ấy là:

1:2, “xây cất cho Chúa một đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, trong xứ Giu-đa”;

1:3, khá trở lên Giê-ru-sa-lem, trong xứ Giu-đa, dựng cất lại đền thờ Giê-hô-va;

1:4, đền của Đức Chúa Trời ở tại Giê-ru-sa-lem.

Phải, điều cần xây dựng lại là một đền thờ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem, xây dựng một đền thánh cho Đấng Thánh tại thành thánh.

Tại sao Điều cần xây dựng này cứ được lặp đi lặp lại như vậy?

Anh chị em biết rằng, chiếu chỉ này của vua Si-ru của nước Phe-rơ-sơ được ban ra sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã bị lưu đày 70 năm tại Ba-by-lôn. Nghĩa là 70 năm qua, thành thánh Giê-ru-sa-lem, thành của một dân thánh không chứng minh sự hiện diện của Đấng Thánh ngự ở đó.

70 năm qua, dù mang danh là Thành Thánh, là Hội Thánh, là Dân thánh, nhưng đã bị sỉ nhục, bị chế nhạo, bao nhiêu lần những người chưa tin Chúa hỏi tuyển dân: “Đức Chúa Trời ngựơ đâu?” (Thi thiên 42:3, 10).

Tại sao những người chưa tin Chúa chế nhạo, thắc mắc như vậy?

1:2-3, vì một xứ mang danh là Giu-đa, nghĩa là NGỢI KHEN, mà 70 năm qua chỉ là buồn thảm, than thở, các dân ngoại không hề nghe họ hát ngợi khen, như họ đã nhìn nhận: “Trên đất ngoại bang, chúng tôi làm sao hát được bài ca của Đức Giê-hô-va?” (Thi. 137:3-4).

1:2-4, với 3 câu này, bốn lần nhắc đến Giê-ru-sa-lem. Anh chị em có biết Giê-ru-sa-lem là gì không? GIÊ-RU là nền, cái nền; SA-LEM là bình an, một nơi là nền tảng của sự bình an, nhưng 70 năm qua, dân Chúa chẳng có bình an nào cả.

Thế thì làm sao dân Chúa đem đến cho những người chưa biết Chúa sự ngợi khen, bình an được? Đó là lý do người ta chế nhạo. Một người tin Chúa Jêsus mà không giống Chúa Jêsus Christ, thật là một nực cười.

Vấn đề không phải hình thức hoặc tổ chức bên ngoài hay một danh xưng. Dĩ nhiên Hội Thánh cần những bề ngoài đó, nhưng vấn đề là sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong Hội Thánh, trong đời sống của dân Chúa, trong những hình thức đó.

Sách Công vụ 11:26, ấy là ở thành An-ti-ốt, người ta bắt đầu xưng môn đồ là Cơ-rê-tiên - là Cơ-Đốc nhân, nghĩa là người tin theo Đấng Christ, giống Đấng Christ. Thật là một danh xưng đẹp.

Phao-lô cũng đã gửi thư cho Hội Thánh tại Cô-rin-tô để khuyên những người tin Chúa Jêsus tại đó, vì họ quá chú trọng đến những vấn đề ân tứ, thay vì làm sao để những người chưa tin hoặc kẻ tầm thường vào nghe sấp mình xuống đất thờ lạy Đức Chúa Trời, và nói rằng thật có Đức Chúa Trời ở giữa anh em (I Cô. 14:25).

Công việc của Chúa giao cho Hội Thánh thật nhiều, chúng ta cần xây dựng lại nhiều thứ, nhưng quan trọng nhất là làm sao, xây dựng cách nào, để mọi người nhìn nhận rằng có Đức Chúa Trời ngự giữa chúng ta.

II/. E-xơ-ra 1:5 đến đoạn 2 - NGƯỜI DỰ PHẦN XÂY DỰNG LẠI

Trong câu gốc (1:3) ghi lại chiếu lệnh của vua Si-ru đề cập đến hạng người phải dự phần xây dựng lại một nơi chứng minh có Đức Chúa Trời ngự giữa dân thánh, thành thánh: “Phàm ai thuộc về dân sự Ngài”.

1:5, Trước lời kêu gọi đó,

những trưởng tộc.

những thầy tế lễ,

người Lê-vi, cả thầy.

Cảm ơn Chúa, công việc bắt đầu từ những người lãnh đạo trong dân Chúa, từ những trưởng tộc tức là những người lãnh đạo hành chánh; những thầy tế lễ và những người Lê-vi, tức là những người lãnh đạo tinh thần và thuộc linh.

Cảm ơn Chúa hơn, những người lãnh đạo này dự phần không phải vì bị ép buộc, miễn cưỡng, vì lợi dơ bẩn, nhưng Lời Chúa làm chứng rằng:

“Đức Chúa Trời cảm động họ lòng có ý đi lên xây cất đền thờ của Đức Giê-hô-va”.

Chẳng những họ có lòng có ý, mà còn BÈN CHỐI DẬY nữa. Họ làm liền, dự phần liền, không chần chừ, không tính toán so đo.

Có người nói: Cục hay viên than lớn thì khó cháy, nhưng ở đây chúng ta thấy ngược lại, những cục than lớn đã bằng lòng cháy trước.

2:64-65,

Vì có đó đã có 43.360 người khác nữa đã vui lòng dự phần xây dựng lại nơi Chúa ngự, lại có cả những người dù địa vị thấp hèn là tôi trai tớ gái cũng dự phần chỗi dậy xây dựng lại nơi Chúa ngự; cũng có những người nam nữ ca hát đi theo cùng họ nữa.

Rõ ràng, tất cả những người đó không thấy việc xây dựng lại nơi Chúa ngự là một gánh nặng, mà họ đã ý thức công việc Chúa là một đặc ân Chúa cho họ dự phần.

Êph. 2:22, Phao-lô đã nói lên ý thức đặc ân dự phần công việc Chúa: “Ấy, anh em cũng nhờ Ngài mà được dự phần vào nhà đó, dựng trở nên nhà ở của Đức Chúa Trời trong Thánh Linh”. Phao-lô dùng chữ ĐƯỢC DỰ PHẦN, không phải là BỊ DỰ PHẦN,

ĐƯỢC dự phần, là ơn Chúa cho, đây là một phước hạnh.

BỊ dự phần, là một sự bắt buộc, khi đó nó sẽ trở nên một gánh nặng.

Nói đến sự mau lẹ dự phần lo công việc Chúa của những người lãnh đạo dân Chúa trong thời E-xơ-ra, sự hãnh diện vui sướng được dự phần của Hội Thánh tại Ê-phê-sô trong công việc xây dựng Nhà Chúa để làm nơi ở cho Đức Chúa Trời, lòng tôi thấy nôn nao mong ước một ngày được nhìn thấy công việc Nhà Chúa, Hội Thánh của Chúa có tất cả con cái Chúa mau lẹ dự phần, hãnh diện dự phần giống như vậy.

Khi nào thì xảy ra? Tại sao không phải là hôm nay? Điều kiện dự phần công việc Chúa rất dễ dàng, không đòi học thức, không đòi văn bằng... chỉ đòi: Phàm ai thuộc về Đức Giê-hô-va! Ai biết mình là người thuộc về Chúa, hãy chỗi dậy, đứng lên lo công việc Chúa. Anh chị em đây há không phải là người đã thuộc về Chúa rồi sao?

III/. E-xơ-ra 3:1-9 - TINH THẦN XÂY DỰNG LẠI

Trong phân đoạn ngắn này, Lời Chúa cứ nhắc đi nhắc lại tinh thần lo công việc Chúa của dân Chúa trước trách nhiệm xây dựng lại nơi Chúa ngự:

3:1, dân sự HIỆP LẠI NHƯ MỘT NGƯỜI ở tại Giê-ru-sa-lem;

3:2, Bấy giờ, Giê-sua và các anh em người, ĐỀU chỗi dậy;

3:8, HẾT THẢY ĐỀU khởi làm công việc xây cất;

3:9, bấy giờ, Giê-sua, các con trai người và anh em người ĐỀU CHỎI DẬY ĐỒNG HIỆP NHAU NHƯ MỘT, mà quản đốc...

Đọc qua những câu, những từ ngữ: hiệp lại như một người, đều chỗi dậy, hết thảy đều, đều chỗi dậy đồng hiệp nhau như một, anh chị em có hình dung ra một cảnh trạng như thế nào không? Có hình dung ra những gương mặt rạng rỡ, vui mừng của tất cả những người dự phần công việc Chúa không? Đến nỗi từng gia đình, con cái, anh em cũng vậy.

Dân sự hiệp nhau;

Những người lãnh đạo hiệp nhau;

Gia đình hiệp nhau.

Chúng ta cũng bắt gặp tinh thần lo công việc Chúa giống như vậy trong sách Công vụ các Sứ đồ:

Công vụ 1:14, Hết thảy những người đó bèn lòng đồng một ý;

Công vụ 2:44, Phàm những người tin Chúa đều hiệp lại với nhau;

3:1, Phi-e-rơ với Giăng CÙNG lên đền thờ.

Cảm ơn Chúa, tinh thần của Hội Thánh đầu tiên là hiệp một ý trong sự cầu nguyện; hiệp một ý trong việc sử dụng vật chất, của cải; hiệp một ý trong đền thờ thờ phượng Chúa. Trước tinh thần đồng lòng hiệp ý đó, Chúa đã thành tín với lời hứa của Ngài trong Cựu Ước và Tân Ước

Thi thiên 133:1, 3, trong câu 1 tác giả Thi thiên nói đến tinh thần hiệp một yêu thương nhau của dân Chúa: “Kìa anh em ăn ở hòa thuận nhau, thật tốt đẹp thay!” Đến câu 3, tác giả xác nhận: “Vì tại đó, Đức Giê-hô-va đã ban phước, tức là sự sống cho đến đời đời”. Lời Chúa hứa, dân Chúa yêu thương hiệp một, thì Chúa ban phước đến đời đời.

Ma-thi-ơ 18:19, Chúa Jê-sus hứa: “Quả thật ta nói cùng các ngươi, nếu hai người trong các ngươi thuận nhau ở dưới đất mà cầu xin không cứ việc chi, thì Cha ta ở trên trời sẽ cho họ”. Một điều kiện thật nhỏ: thuận nhau ở dưới đất; để nhận lãnh được một sự ban cho không giới hạn ‘bất cứ việc chi’.

Thật sự tinh thần hiệp một, đồng lòng, ngày nay trở nên hiếm hoi trong Hội Thánh chung cũng như trong Hội Thánh tại địa phương. Tại sao tôi nói như vậy? Vì thực trạng đã cho tất cả chúng ta thấy, nhất là sự thiếu quyền năng trong Hội Thánh, vì nếu chúng ta hiệp một, đồng lòng nhau thì thế giới này, Hội Thánh này đã phục hưng từ lâu rồi?

IV/. E-xơ-ra 3:10-13 – PHƯỚC HẠNH CỦA VIỆC XÂY DỰNG LẠI

Cảm ơn Chúa, phân đoạn Kinh thánh này thật vui, vẽ ra trước mắt chúng ta một cảnh trạng:

3:10a, đầy màu sắc của những chiếc áo lễ;

3:10b-11, đầy âm thanh vui tươi của những tiếng kèn, tiếng chập chỏa, tiếng hát đối đáp ngợi khen cảm tạ Chúa của các Ca đoàn;

3:12, đầy những giọt nước mắt với tiếng khóc ngay cả của những người già cũng khóc vì sung sướng, bởi cuối cùng rồi họ cũng thấy công việc Chúa được những người đi sau chung lo, họ khóc vì cuối cùng rồi mắt họ cũng thấy được lời hứa ban phước của Chúa được bày tỏ;

3:13 còn ghi một điều quan trọng về cảnh trạng phước hạnh này nữa: “Và Tiếng Ấy Vẳng Vẳng Nghe Xa, cứ vang xa, vang xa”.

Một lần nữa, xin cho tôi đưa ra một câu hỏi: Tại sao cảnh trạng phước hạnh này, sự vui mừng này, được đổ xuống tràn đầy như vậy? Câu trả lời thật rõ ràng: Vì dân Chúa ý thức sự thiếu vắng Chúa trong đời sống, trong cơ sở, trong tổ chức của họ. Người của Chúa mà không có Chúa, người ta thấy một bộ máy mà không thấy bộ máy ấy hoạt động. Từ ý thức thiếu vắng Chúa, dân Chúa đã không phân biệt tuổi tác, chức vụ, địa vị, đã không chờ đợi, tất cả đã để Chúa cảm động, không chống cự với Chúa nữa, và họ bèn chỗi dậy. Tất cả họ đã chỗi dậy với tinh thần đồng lòng hiệp một, hiệp một cả Hội Thánh và ngay trong gia đình, hiệp một từ công việc đến của cải vật chất. Nguyện Chúa ban cho mỗi chúng ta nhìn thấy được phước hạnh này tại nơi đây hôm nay!

SÁCH E-XƠ-RA 8

TRỞ NGẠI CÔNG VIỆC CHÚA

Kinh thánh: Sách E-xơ-ra 4: - 6: (Đọc 5:1-2)

Câu gốc: Sách E-xơ-ra 5:2

Mục đích: Học tiếp sách E-xơ-ra. Cho các con cái Chúa biết cách vượt qua những trở ngại mà những kẻ thù nghịch luôn gây cho công việc Chúa.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Lời Đức Chúa Trời là Kinh thánh. Hôm nay chúng ta tiếp tục học sách E-xơ-ra, để biết được làm công việc Chúa là niềm vui, nhưng cũng không phải là công việc dễ dàng lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió, trái lại, là công việc có rất nhiều trở ngại, vì chắc chắn ma quỷ và thế gian không bao giờ muốn người tin Chúa mở mang Vương quốc của Chúa, Hội thánh của Chúa trên đất, ấy là chưa kể xác thịt của người làm việc Chúa bị cám dỗ lên mình kiêu ngạo, hoặc sợ hãi, yếu đuối xuôi theo chiều gió đạo lạc.

Cảm ơn Chúa, qua sách E-xơ-ra, Lời Chúa sẽ giúp chúng ta nhận diện những trở ngại, nhận ra năng lực cần có để vượt trở ngại, và phương pháp giải quyết trở ngại.

I/. E-xơ-ra đoạn 4 – NHẬN DIỆN SỰ TRỞ NGẠI CÔNG VIỆC CHÚA. Đọc 4:23-24.

Chúng ta đã học qua ba đoạn đầu của sách E-xơ-ra thuật lại từ khi Chúa cảm động lòng vua Si-ru ra chiếu chỉ cho phép dân Y-sơ-ra-ên trở về Giê-ru-sa-lem xây dựng lại Đền thờ cho Chúa. Kinh thánh cũng cho chúng ta thấy tinh thần hăng hái, hiệp một của dân Chúa từ những người lãnh đạo cho chí dân thường, tôi tớ, người ca hát.

Sau đó là hình ảnh đẹp đẽ đầy màu sắc của ngày Lễ Khởi công xây dựng lại Đền thờ cho Chúa. Tuy nhiên, người đời có nhiều câu cũng đáng học lắm như:

Ví thử đường đời bằng phẳng cả, anh hùng hào kiệt có mấy ai.

Buồm to thì gió lớn, hoặc: cây cao gió lớn.

Hoặc:

Có gian nan mới luận được anh hùng.

Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

Tất cả đều hàm ý mọi việc đều thường có những gút mắc, những hòn đá ngăn trở trên đường đi, nhất là trong công việc phát triển Nhà Chúa, chắc chắn ma quỷ sẽ không bao giờ để yên cho Hội Thánh phát triển. Ma quỷ sẽ mượn cách này cách khác, kể cả bàn tay của người thế gian, chính những con người xác thịt trong Hội thánh, để ngăn trở việc xây dựng Nhà Chúa.

Điều ngăn trở đó đã thật sự xảy ra cho công việc xây dựng lại công việc Nhà Chúa được ghi lại trong sách E-xơ-ra 4:

Ngay câu 1, Kinh thánh xác nhận: “Các thù nghịch của Giu-đa và Bên-gia-min”. Đây là những thù nghịch không phải bạn, đến cùng Xô-rô-ba-bên và các trưởng tộc.

Về nguồn gốc, 4:2b, họ là những dân ngoại do vua A-si-ri đem đến ở trong xứ Giu-đa, theo chính sách đồng hóa các chủng tộc của A-si-ri.

Về cách thức ngăn trở công việc Nhà Chúa, họ dùng ba cách:

4:1-2, là thù nghịch, nhưng họ lại đến với những lời ngọt ngào dường như muốn hợp tác xây dựng công việc Chúa. Họ đã dùng cách thức của con rắn nơi vườn Ê-đen, đến với Ê-va như một người cộng tác giúp đỡ.

Đây cũng chính là hiểm họa mà Hội Thánh các thời đại đã vấp phải khi muốn tìm sự bình an qua một thỏa hiệp với quyền lực thế gian, với ý tưởng rằng miễn là lo công việc Chúa.

Cảm ơn Chúa, Xô-rô-ba-bên và các trưởng tộc đã thẳng thắn từ chối sự hợp tác của thế gian. Bài học của dân Chúa từ trong Kinh thánh như: Dân số ký 11:4, dân tạp ở chung đã xui giục dân Chúa nổi loạn; I Cô. 5:6b, sự hợp tác đã mở đường cho tội lỗi được đưa vào Hội Thánh, vì đối với người chưa tin thì một điều gì đó không phải là tội lỗi, nhưng đối với tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, đó là tội lỗi. Ví dụ, việc ăn ở với vợ riêng của cha mình, việc thừa kiện ra thế gian xử... đối với người chưa tin tại thành Cô-rin-tô là chuyện bình thường, nhưng đối với Hội Thánh thì rõ ràng đó là tội lỗi.

4:4, Những thù nghịch này xui cho dân Giu-đa ngã lòng, nhát sợ, trong khi đang xây dựng.

Ma-thi-ơ 13:20-22, trong thí dụ về người gieo giống mà Chúa Jê-sus đã thuật, Chúa Jê-sus đã nêu ra hai nguyên nhân làm người tin Chúa Jê-sus nản lòng, nhát sợ:

Math. 13:20-21, sự cực khổ, sự bất bớ, sẽ là nguyên nhân làm người tin Chúa Jê-sus ngã lòng, vấp phạm.

Math. 13:22, nguyên nhân thứ hai khiến nhiều người gọi là tin Chúa nản lòng, sợ hãi, là sự lo lắng về đời này, sự mê đắm về của cải.

Ngày nay tôi thấy ma quỷ vẫn dùng những điều cực khổ, bất bớ, lo lắng về đời này, lo lắng về của cải tấn công người tin Chúa Jê-sus... Và có nhiều người đã ngã lòng, lui đi...

4:5-8, Cách ngăn trở công việc Chúa nữa là kẻ thù của Hội Thánh đã dùng thế lực đời này. Kinh thánh nói: “chúng đem hối lộ, chúng làm một cái trượng cáo dân Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem”. Ý xấu của họ lộ rõ qua hai chữ hối lộ.

Cuối đoạn 4: từ câu 23 đến 24, công việc Chúa đã bị ngăn trở ngưng một thời gian. Đây là một bài học tình thức chúng ta đang khi làm công việc Chúa. Nhiều người nghĩ rằng họ làm công việc Chúa, thì sẽ không bao giờ gặp khó khăn, do đó họ không nghĩ đến những gai góc, những hòn đá, những bãi rác trên đường. Vì không ngờ đến, nên khi ma quỷ tấn công, họ dễ ngã lòng bỏ dở. Điều chúng ta phải cảm tạ Chúa, là trước sự tấn công của kẻ thù, những cám dỗ thỏa hiệp để dễ làm hơn, hoặc trước sức mạnh của thế lực đời này, những người lãnh đạo của dân Chúa như Xô-rô-ba-bên và các trưởng tộc dân Chúa đã vững vàng, không chiều theo sự cám dỗ, không nao núng trước thế lực đời này.

II/. E-xơ-ra 5:1-2. NĂNG LỰC VƯỢT CHƯỠNG NGẠI

Với hai câu Kinh thánh này cũng đã đủ để cho chúng ta nhìn thấy sức mạnh của dân Chúa dùng để đối phó những trở ngại trong công việc Nhà Chúa.

5:1, Năng lực từ Lời của Đức Chúa Trời:

Cảm ơn Chúa trong lúc dân Chúa ngã lòng, nhát sợ; trong lúc thù nghịch tấn công, trong lúc công việc bị trở ngại, các tiên tri của Đức Chúa Trời đã đứng lên nhân danh Chúa mà rao giảng Lời của Đức Chúa Trời khích lệ dân Chúa.

Chúng ta thấy sự xuất hiện của hai tiên tri: A-ghê và Xa-cha-ri. Đây là hai tiên tri của thời hậu lưu đày, các Sứ điệp của họ đã được ghi trong hai sách áp cuối của Cựu Ước mang tên của họ là sách tiên tri A-ghê và sách tiên tri Xa-cha-ri.

Các tiên tri này đã giảng điều gì? Anh chị em hãy thử nghe một trong những bài giảng của A-ghê trong lúc bấy giờ qua sách A-ghê:

A-ghê đoạn 1, đây là bài giảng thứ nhất của Tiên tri A-ghê quở trách dân Chúa.

1:2, dân Chúa cho rằng thì giờ lo xây dựng Nhà Chúa, công việc Chúa chưa đến;

1:4, dân Chúa mãi lo cho nhà mình mà không lo cho Nhà Chúa; nhà riêng thì đẹp, có trần ván, còn Nhà Chúa thì hoang vu;

1:7-8, A-ghê đã kêu gọi một sự ăn năn quay lại lo cho Nhà Chúa.

Cảm ơn Chúa, từ những người lãnh đạo đến cả dân sự đều vâng theo Lời Chúa đứng lên lo xây dựng Nhà Chúa.

Có bao giờ trong những lúc ngã lòng, nhát sợ, anh chị em mở Kinh thánh ra, đọc Lời Chúa để tìm kiếm sức mạnh, tìm kiếm năng lực, sống đắc thắng vượt qua những nghịch cảnh không? Hãy đọc lại câu chuyện Chúa Jêsus Christ bị cám dỗ trong đồng vắng (Ma-thi-ơ 4:1-11), và một lần trong đời sống, anh chị em lấy Lời Chúa trong Kinh thánh mà thử nghiệm trước trở ngại của cuộc đời xem.

5:2, Năng lực từ sự vâng lời Đức Chúa Trời:

Nếu chúng ta đọc câu này và chỉ đọc câu này mà thôi thì không thấy có gì đặc biệt. Nhưng nếu chúng ta đọc câu này rồi đọc 4:23-24 với 5:3, thì chúng ta thấy những người lãnh đạo thuộc thế như Xô-rô-ba-bên, lẫn những người lãnh đạo thuộc linh như Giê-sua, A-ghê, Xa-cha-ri, thật là những người đầy lòng can đảm, đầy đức tin trong sự vâng Lời Đức Chúa Trời.

Họ đã nghe giảng Lời Chúa và họ bèn chối dậy, khởi cất đền Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem. Họ vâng theo Lời Chúa và làm theo tức thì, không bàn với thịt và huyết. Họ sẵn sàng vâng lời và làm theo điều Chúa phán, dù biết rằng điều đó đi ngược lại lệnh của thế gian (Gal. 1:16).

Nói đến điều này, Kinh thánh đã cho chúng ta những gương chứng về kẻ vâng lời Đức Chúa Trời sẽ chẳng bao giờ hổ thẹn:

Đaniên 3:16-17, ba bạn của Đa-ni-ên quyết định từ chối không thờ lạy hình tượng. Quyết định này đồng nghĩa với sự chấp nhận phải chết trong lò lửa hực của vua Nê-bu-cát-nết-sa. Và thật sự họ đã phải trả giá cho sự vâng lời Chúa không thờ lạy hình tượng bằng việc bị ném vào lò lửa hực nóng gấp bảy lần. Kỳ diệu thay, đúng như lời Chúa đã phán: chẳng ai trông cậy Ngài mà lại bị hổ thẹn (Thi. 25:3), ba bạn của Đa-ni-ên đã không hề hổ thẹn về đức tin của họ đối với Lời Chúa.

Đaniên 6:7-10, trước chiếu lệnh của vua Đa-ri-út, do mưu kế của những kẻ thù nghịch, cấm cầu nguyện trong ba mươi ngày, Kinh thánh ghi lại điều Đaniên đã làm: “Tại đó, cứ một ngày ba lần, người quì gối xuống, cầu nguyện, xưng tạ trước mặt Đức Chúa Trời mình, NHƯ VẪN LÀM KHI TRƯỚC”. Và kết quả là gì? Là Đa-ni-ên được cứu khỏi hang sư tử, còn những kẻ ghét ông lại làm mồi cho sư tử.

Công vụ 4:19-20, 29, 30, Hội Thánh đầu tiên khi nghe lệnh cấm giảng Tin Lành, cảm ơn Chúa, tất cả từ sự đờ đến tín đồ đều quyết định “Thà vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời người ta”. Kết quả là gì? Một cơn động đất đã xảy ra, một tinh thần truyền giảng Tin Lành dâng cao, và người tin theo đông lắm, cứ một lòng một ý cùng nhau (4:32).

Lời Chúa được rao giảng, nhưng chúng ta có đức tin để vâng lời và làm theo không? Sức mạnh là ở chỗ làm theo và làm theo tức thì. Cảm ơn Chúa, khi Xô-rô-ba-bên và Giê sua, A-ghê, Xa-cha-ri, vâng theo Lời Chúa dạy làm ngay, thì kết quả là gì? 5:5, “con mắt Đức Chúa Trời của chúng đoái xem các trưởng lão dân Giu-đa, nên họ không ngăn cấm chúng làm công việc”.

III/. E-xơ-ra 6:8-12. GIẢI QUYẾT TRỞ NGẠI CÔNG VIỆC CHÚA

Không có người nào đọc ba sách: E-xơ-ra, Nê-hê-mi và Ê-xơ-tê, mà không thấy bàn tay của Đức Chúa Trời hiện rõ trong điều Chúa làm cho dân Ngài:

Chúa đã cảm động vua Si-ru ra lệnh cho dân Chúa trở về xây lại Đền thờ cho Chúa (E-xơ-ra 1:1);

Chúa đã cảm động vua Đa-ri-út ra lệnh tiếp tục công việc xây cất đền thờ cho Đức Chúa Trời (E-xơ-ra 6:22);

Chúa cảm động lòng vua A-ta-xét-xe cho Nê-hê-mi trở về xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem (Nê. 1:6);

Chúa cảm động lòng vua A-suê-ru cứu dân Giu-đa (Ê-xơ-tê 7:9-10).

Dù có ai đó trong anh chị em không tin Đức Chúa Trời thực hữu, cũng không thể chối bỏ sự hiện diện của Ngài qua những sự kiện đặc biệt này. Một hoàng đế như Đa-ri-út lại bận lòng quan tâm đến việc xây dựng một đền thờ cho Đức Chúa Trời của một dân tộc đang bị vua cai trị, chẳng những vua Si-ru ra lệnh hỗ trợ, vua Đa-ri-út còn ra lệnh xử treo cổ kẻ nào ngăn trở việc xây dựng Nhà Chúa. Chẳng những vậy, vua còn ban lời rửa sả bất kể vua nào, dân tộc nào ngăn trở công việc xây dựng Nhà Chúa.

Cảm ơn Chúa, sự ngăn trở của kẻ thù đã được Đức Chúa Trời biến thành phước hạnh cho dân Chúa:

Thay vì tự túc xây dựng công việc Nhà Chúa, dân Chúa còn được hỗ trợ để hoàn thành (6:8-10);

Công việc xây dựng Nhà Chúa được hoàn thành (6:15);

Dân Chúa có một buổi lễ khánh thành đền thờ đầy vui mừng (6:16).

Thật như Lời Chúa đã phán: “Cơn giận loài người hẳn sẽ ngợi khen Chúa; còn sự giận dư lại, Chúa sẽ ngăn trở” (Thi. 76:10). “Hỡi anh em, hãy coi sự thử thách trăm bề thoát đến cho anh em như là điều vui mừng trọn vẹn” (Gia-cơ 1:2).

Nguyện Chúa ban cho mỗi chúng ta một lần trong đời kinh nghiệm sức mạnh từ Lời Chúa!

SÁCH E-XƠ-RA 9

TRỞ VỀ VỚI E-XƠ-RA

Kinh thánh: E-xơ-ra 7: - 10: (Đọc 7:24-28)

Câu gốc: E-xơ-ra 7:10

Mục đích: Học tiếp sách E-xơ-ra với 4 chương cuối. Học gương của E-xơ-ra đối với Kinh thánh, đối với sự cầu nguyện và đối với nếp sống đạo.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa đã cho chúng ta có cơ hội được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay chúng ta sẽ cùng học tiếp sách E-xơ-ra với 4 chương cuối với gương của Thầy Tế Lễ kiêm Văn sĩ E-xơ-ra trong hành trình từ kinh đô Su-sơ của Đế quốc Phe-rơ-sơ trở về quê hương Xứ Thánh, sau hơn 70 lưu đày, vừa về quê vừa dự phần tái tục xây dựng Nhà Chúa sau 25 năm việc xây dựng bị đình trệ do những thù nghịch ngăn trở, với gương E-xơ-ra đối với Kinh thánh, đối với sự cầu nguyện và đối với nếp sống đạo.

Cảm ơn Chúa, trong lần hồi hương thứ nhất, nhà lãnh đạo Xô-rô-ba-bên dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trở về với chiếu lệnh của vua Si-ru; lần thứ hai này dân Y-sơ-ra-ên trở về với sự lãnh đạo của Thầy Tế Lễ E-xơ-ra với chiếu lệnh của vua A-t-ta-xét-xe.

I/. E-xơ-ra đoạn 7. MỤC ĐÍCH TRỞ VỀ VỚI E-XƠ-RA

Lần trở về này với E-xơ-ra cách lần trở về với Xô-rô-ba-bên ít nhất 25 năm (458-433 TC). Lần trở về này là do chiếu lệnh của vua A-t-ta-xét-xe I (Exơra 7:1), còn lần trở về đầu tiên là do chiếu lệnh của vua Si-ru (1:1-2).

E-xơ-ra là ai?

7:1-6 đã giới thiệu E-xơ-ra rất đầy đủ:

Tên của E-xơ-ra có nghĩa là GIÚP ĐỠ, E-xơ-ra này từ Ba-by-lôn đi lên (7:6), ám chỉ E-xơ-ra là một trong những người đang bị lưu đày qua Ba-by-lôn. Có lẽ ông đã được sinh ra và lớn lên trong bối cảnh lưu đày, ông còn ở lại sau đợt hồi hương thứ nhất.

E-xơ-ra thuộc dòng dõi thầy tế lễ thượng phẩm A-rôn, vì vậy không cần bàn cãi E-xơ-ra là thầy tế lễ, nghĩa là E-xơ-ra thuộc hàng những người được tin cậy, nể trọng trong dân Chúa.

E-xơ-ra là một Văn-sĩ, nghĩa là người thạo luật pháp của Môi-se, hiểu biết Bộ Ngũ kinh của Môi-se, phần Kinh thánh có được thời bấy giờ, nói cách khác, E-xơ-ra hiểu biết Lời Đức Chúa Trời.

7:10, trong phần chuẩn bị dẫn dắt dân Chúa trở về, E-xơ-ra đã chuẩn bị một kế hoạch gồm ba phần, sự chuẩn bị này được Kinh thánh gọi là: E-xơ-ra đã định chí.

Phần thứ nhất của kế hoạch: E-xơ-ra đã định chí TRA XÉT Lời Chúa, hay là tra xét, tuyển lọc sách nào thuộc Lời Chúa cách cẩn thận.

Phần thứ hai của kế hoạch là: E-xơ-ra đã định chí Giữ Lời Chúa để làm theo.

Phần thứ ba của kế hoạch là: E-xơ-ra đã định chỉ Dạy cho dân Chúa biết những luật pháp và giới mạng.

Theo truyền thuyết trong sách Talmud, thì E-xơ-ra với kế hoạch ba bước này, ông đã làm 4 điều:

E-xơ-ra đã lập danh sách kinh điển Cựu Ước và chia làm ba nhóm: Luật pháp, Tiên tri và Văn thơ.

E-xơ-ra đã thay đổi cách viết Kinh thánh theo lối Hi-bá cổ thành cách viết mới theo lối chân phương (chữ vuông).

E-xơ-ra đã hoàn thành bộ Sử ký gồm sách Sử ký - E-xơ-ra - và Nê-hê-mi.

Điều đặc biệt là E-xơ-ra đã lập Nhà hội ở địa phương để dạy Lời Chúa cho dân sự.

Những điều E-xơ-ra làm vẫn còn được thi hành đến ngày nay và vẫn còn hiệu lực đối với người Y-sơ-ra-ên.

Kế hoạch ba bước này, về cá nhân, E-xơ-ra đã học và làm theo Lời Chúa mà Chúa đã truyền dạy cho Giô-suê trong sách Giô-suê 1:8, “Quyển sách luật pháp này CHỚ XA MIỆNG NGƯỜI, hãy SUY GẤM ngày và đêm, hầu cho cẩn thận LÀM THEO”. E-xơ-ra đã học và làm theo.

Kế hoạch ba bước này đối với Lời Chúa cũng là kế hoạch mà chính Chúa Jêsus Christ khi Ngài ở thế gian đã áp dụng. Công vụ 1:1, “mọi điều Đức Chúa Jêsus ĐÃ LÀM VÀ DẠY từ ban đầu”, Chúa Jêsus Christ đã làm trước rồi Ngài mới dạy sau, Ngài dạy điều Ngài đã làm. E-xơ-ra đã HỌC TRƯỚC, LÀM THEO TRƯỚC, rồi mới DẠY cho người khác.

Điều này trái với những người đời thông thường, kể cả những người Pha-ri-si mà Chúa Jêsus đã quở trách họ trong Ma-thi-ơ 23:3-4, người Pha-ri-si chỉ nói, chỉ dạy, mà không làm theo điều họ đã dạy, đến nỗi không muốn đung ngón tay vào.

Rất tiếc, ngày nay chúng ta cũng có những kế hoạch ba bước như vậy, nhưng thi hành ngược lại: Hoặc chúng ta dạy điều mà chúng ta không học, không biết. Tai hại là chúng ta thường tưởng mình biết, mình hiểu, không cần học. Hoặc chúng ta dạy, rồi sau đó mới tìm học. Đó là lý do mà chúng ta thiếu may mắn trong con đường mình và không được phước. Đó là câu trả lời cho chúng ta khi thấy những lâu đài chúng ta xây gặp mưa sa, nước chảy, gió lay xô động, đã sụp đổ, vì nó đã được cất trên cát.

Hãy dạy điều mình đã học - nhất là học từ kinh nghiệm của chính cá nhân mình nơi Lời Chúa.

Hãy dạy điều mình đã làm theo Lời Chúa, tức là đã áp dụng Lời Chúa cho chính mình.

II/. E-xơ-ra đoạn 8. HÀNH TRÌNH TRỞ VỀ VỚI E-XƠ-RA

Đoạn 8 này tường thuật lại hành trình của đoàn người hồi hương cùng đi với E-xơ-ra từ khi khởi hành đến khi về đến Giê-ru-sa-lem với ba phương diện:

8:1-20,

Đây là bảng liệt kê danh sách của những người hồi hương lần thứ hai, đặc biệt là E-xơ-ra đã phát giác sự vắng mặt của người Lê-vi, là những người mà ông rất cần cho việc quản lý Đền thờ vừa được xây lại.

Điều này cho thấy E-xơ-ra quan tâm đến mục đích hồi hương lần này là tái lập sự thờ phượng Chúa cách phải lẽ, dù Đền thờ đã có, nhưng cần phải có sự thờ phượng theo đường lối của Chúa.

8:21-23,

Phân đoạn này E-xơ-ra đã ghi lại tâm trạng của ông trong lúc dẫn dắt dân sự hồi hương. Anh chị em có nhận ra tâm trạng của E-xơ-ra như thế nào trong lúc bấy giờ không?

8:22, E-xơ-ra nói: ta lấy làm thẹn, chẳng dám xin vua một đạo quân và lính kỵ binh vực chúng ta khỏi kẻ thù nghịch. Tại sao E-xơ-ra lại lấy làm thẹn?

8:22b, E-xơ-ra giải thích: vì chúng ta có nói với vua rằng: “Tay của Đức Chúa Trời chúng tôi phù trợ mọi kẻ nào tìm kiếm Ngài”.

Rõ ràng trong lòng E-xơ-ra và những người đi với ông có một sự tranh chiến: một bên là nỗi sợ hãi của bản tánh con người trước những nguy hiểm chực chờ trên đường và trong công việc; một bên là đức tin - dù rất nhỏ, cũng có thể không phải đức tin mà chỉ là một lúc tự ái tôn giáo, đã buột miệng tuyên bố với vua nước Phe-rơ-sơ rằng: Đức Chúa Trời sẽ giữ gìn kẻ thuộc về Chúa, bây giờ không thể rút lại.

Nhiều lúc Chúa cho phép chúng ta bị đẩy vào đường cùng để chúng ta có cơ hội quay về với sự nhờ cậy Chúa. Và E-xơ-ra đã ở trong hoàn cảnh như vậy.

8:23, cảm ơn Chúa là E-xơ-ra đã quay về với Chúa bằng sự cầu nguyện. Chúng ta hãy xem cách E-xơ-ra cầu nguyện ghi trong 8:21

E-xơ-ra kiêng ăn và kêu gọi mọi người cùng kiêng ăn, hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời. Chắc chắn E-xơ-ra và những người cùng đi với ông đã ăn năn tội với Chúa về sự yếu đuối của họ, tức là đã nhìn nhận sự lo lắng trước kẻ thù.

Cầu xin Chúa chỉ đường phải đi, cách phải làm. Chắc chắn họ đã xin Chúa giữ gìn, ban cho họ đức tin để không phải xin vua cho người bảo vệ.

Cảm ơn Chúa, Ngài bèn nhậm lời của chúng ta.

8:24-36. Phương diện thứ ba liên quan tới hành trình trở về là vấn đề quản lý của cải tiền bạc đem về Giê-ru-sa-lem để dâng vào việc Nhà Chúa.

8:24-30, E-xơ-ra đã chia sẻ trách nhiệm với những người có trách nhiệm, giao cho họ quản lý của cải tiền bạc để vận chuyển. 8:33-34, cảm ơn Chúa, tất cả đều trung tín đem về đến Giê-ru-sa-lem đầy đủ. Họ thật sự là những người đầy tớ ngay lành và trung tín.

Có một điều chúng ta phải chú ý là E-xơ-ra và những người theo ông đã cầu nguyện xin Chúa giữ gìn họ, chắc chắn họ cũng có cầu nguyện xin Chúa giữ gìn của cải tiền bạc mà họ có trách nhiệm đem về. Nhưng không vì đã cầu nguyện mà họ lơ là không quan tâm tìm cách bảo quản số của cải đó an toàn nhất. Chúa đã nhậm lời ban cho họ có khôn ngoan để giải quyết.

Tóm lại, E-xơ-ra đã được Kinh thánh ghi lại với tất cả bản chất của một con người trong đời sống cầu nguyện, không thần tượng hóa ông. E-xơ-ra là một người bình thường trong đời sống cầu nguyện, nhưng Chúa vẫn nhậm lời. E-xơ-ra đã cầu nguyện, nhưng ông không làm một người thụ động trong công việc, trái lại đã biết phải làm gì sau khi cầu nguyện.

III/. E-xơ-ra đoạn 9 và đoạn 10. HOÀN TẤT VIỆC TRỞ VỀ VỚI E-XƠ-RA

Đoạn 9 bắt đầu với nhóm từ: “Sau các việc đó”, Sau các việc đó là việc gì?

Sau các việc đó là sau việc xây dựng một Đền thờ cho Chúa tại Giê-ru-sa-lem;

Sau các việc đó, là việc lập lại sự thờ phượng Chúa nơi Đền thờ, hệ thống hóa và qui định các sách thuộc Kinh thánh để có Lời Chúa dạy dân sự.

9:1-2, một vấn đề quan trọng bị che giấu, nay được đem ra cho E-xơ-ra giải quyết. Đó là việc những thầy tế lễ, người Lê-vi, các quan trưởng và quan cai cưới gả với dân ngoại để rồi bắt chước các thói tục gớm ghiếc của các dân ngoại đó.

9:3 bày tỏ tâm trạng của E-xơ-ra.

Tôi cảm thấy dường như E-xơ-ra không còn có thể nói gì nữa, dường như có một sự thất vọng chụp xuống ông. Tôi cảm thấy có một nỗi cô độc xâm chiếm lòng của E-xơ-ra, tất cả những gì ông đã làm cho dân Chúa, tất cả những gì ông kỳ vọng nơi những thầy tế lễ, những người Lê-vi, nơi các quan trưởng, quan cai, giờ này sụp đổ hết.

E-xơ-ra nghe những báo cáo về tình trạng dựng vợ gả chồng với người ngoại bang, bắt chước những điều gớm ghiếc của dân ngoại, ông đã đứng dậy xé áo trong và áo tơ mình, nhổ tóc, và lông râu, rồi ngồi buồn bã.

Anh chị em có khi nào rơi vào hoàn cảnh như E-xơ-ra không? Tâm trạng này thường xảy đến sau một sự thành công nào đó, thành linh chợt lộ ra một việc ngoài dự liệu.

Cảm ơn Chúa, trong những giờ phút đau buồn, E-xơ-ra đã trút đổ nỗi lòng với Chúa.

9:5, E-xơ-ra quì gối xuống với Chúa, ông không đổ lỗi cho dân Chúa, nhưng ông nhìn nhận tội lỗi xảy ra cũng do ông.

10:1, E-xơ-ra không cầu nguyện như một cáo kiện, than thở, nhưng với tấm lòng tan vỡ bằng việc vừa khóc vừa xưng tội.

Những giọt nước mắt từ tấm lòng tan vỡ của một người hầu việc Chúa, yêu thương dân Chúa, đã khiến dân Chúa nhận ra tội lỗi của họ và nhận ra lòng yêu thương của người chăn của họ, họ cũng khóc nức nở, dân Chúa đã lập ước với Chúa (10:1b; Thi. 56:8).

Một hội chúng với tấm lòng tan vỡ, một quyết tâm sống thánh khiết như Lời Chúa dạy bùng lên. Dân sự được thánh hóa. Tất cả bắt đầu từ tấm lòng! Sự phục hưng thật sự chỉ đến từ tấm lòng, tấm lòng quyết sống thánh khiết cho Chúa, yêu thương dân Chúa!

NÊ-HÊ-MI

SÁCH NÊ-HÊ-MI 1

NÊ-HÊ-MI – NGƯỜI YÊU THƯƠNG DÂN TỘC MÌNH

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay, chúng ta học sách Nê-hê-mi, một trong 3 sách thuộc thời kỳ hậu lưu đày: E-xơ-ra, Nê-hê-mi, và Ê-xơ-tê. Chúa đã cho chúng ta được học sách E-xơ-ra, bây giờ, chúng ta được tiếp tục cùng học sách lịch sử thứ hai hậu lưu đày, đó là sách Nê-hê-mi, với chủ đề: Nê-hê-mi – Người yêu thương dân tộc mình.

Các nhà giải nghĩa Kinh Thánh đều công nhận phần lớn sách Nê-hê-mi là do Nê-hê-mi viết từ đoạn 1 đến đoạn 7 và từ đoạn 12:27 đến đoạn 13:31 vì trong các đoạn này, tác giả dùng nhân xưng đại danh từ ngôi thứ nhất: TÔI; còn lại là từ đoạn 8 đến đoạn 12:26 có lẽ là do E-xơ-ra viết.

Nê-hê-mi 12:11, 22, có tên Gia-đua, sử sách chép Gia-đua là thầy tế lễ thượng phẩm vào lúc A-lich-sơn Đại Đế của Hi Lạp đến thăm Giê-ru-sa-lem, trên đường đi đánh nước Ba-tư vào năm 332 TC. Cho nên bảng danh sách trong đoạn 12 được viết vào đời Nê-hê-mi, và về sau được viết thêm vào.

CON NGƯỜI NÊ-HÊ-MI:

Nê-hê-mi - người yêu mến dân tộc mình: (1:1)

Với 2:3, nhóm từ “nơi có mồ mả của tổ phụ tôi”, cho thấy Nê-hê-mi là người Y-sơ-ra-ên, yêu mến quê hương, dù ông không được sanh ra trong nước Y-sơ-ra-ên.

1:1, vừa khi vào sách, Nê-hê-mi đã xác định ông là con của Ha-ca-lia. Các nhà giải nghĩa Kinh Thánh đồng ý Nê-hê-mi thuộc chi phái Giu-đa, tức là thuộc Hoàng tộc. Ý kiến này thích hợp với:

Khi quân Ba-by-lôn bắt lưu đày dân Giu-đa, thì họ thường chọn những thanh niên con cái hoàng tộc, khỏe mạnh, khôn ngoan, để sử dụng trong triều đình Ba-by-lôn, như trường hợp Đa-ni-ên, và ở đây là Nê-hê-mi cũng thuộc hoàng tộc vua Đa-vít.

Tên của Nê-hê-mi có nghĩa là người được Đức Chúa Trời an ủi, có thể do cha mẹ của Nê-hê-mi thuộc hoàng tộc, khi bị lưu đày sang Ba-by-lôn, lòng họ nguyện cầu Đức Chúa Trời an ủi họ nơi đất khách quê người, nên đặt tên con mình là Nê-hê-mi.

Nê-hê-mi lớn lên trong thời lưu đày và được tuyển vào hoàng cung Ba-tư. Chức vụ của Nê-hê-mi là quan tể tướng tại kinh đô Su-sơ, tức người dâng rượu cho vua. Chức vụ này là người được vua tin cậy, phải nếm thử rượu trước khi dâng cho vua uống, để tránh vua bị đầu độc.

Dù làm quan trong triều đình Ba-tư, nhưng lòng của Nê-hê-mi lúc nào cũng quan tâm đến quê hương Y-sơ-ra-ên của ông, bằng cứ:

1:1-2, Nê-hê-mi quan tâm thăm hỏi quê hương, Kinh thánh ghi: “Năm thứ hai mươi, nhằm tháng Kít-lơ, xảy khi tôi đương ở tại kinh đô Su-sơ, có một người trong anh em tôi tên là Ha-na-ni với vài người Giu-đa đến tôi hỏi thăm chúng về dân Giu-đa đã được thoát khỏi, tức những kẻ đã bị bắt làm phu tù còn sót lại, và hỏi luôn về những việc ở Giê-ru-sa-lem”.

1:3-4, Nê-hê-mi nghe tin dân Y-sơ-ra-ên của ông còn sót lại ở Giê-ru-sa-lem bị khổ nạn thì ông buồn rầu, cầu nguyện với Chúa. Kinh thánh ghi: “Các người ấy nói với tôi rằng: Những kẻ bị bắt làm phu tù còn sót ở lại trong tỉnh, bị tai nạn và sỉ nhục lắm; còn vách thành của Giê-ru-sa-lem thì hư nát và các cửa nó đã bị lửa cháy. Khi tôi nghe các lời ấy, bèn ngồi mà khóc, cư tang mấy ngày; tôi cứ ăn và cầu nguyện Đức Chúa của các tầng trời...”.

1:6-9, và Nê-hê-mi dâng những lời cầu nguyện lên Chúa: “Tôi xin mắt Chúa hãy đoái đến và lỗi tai Chúa lắng nghe lời cầu nguyện của kẻ đầy tớ Chúa, mà tôi hiện lúc này hằng ngày và đêm cầu nguyện vì dân Y-sơ-ra-ên, là các tôi tớ Chúa, ở tại trước mặt Chúa và xưng những tội của dân Y-sơ-ra-ên mà chúng tôi đã phạm với Ngài. Và lại tôi và nhà của tổ phụ tôi cũng có phạm tội. Chúng tôi có làm rất ác tộ nghịch cùng Chúa, không vâng giữ điều răn giới mạng và luật lệ của Chúa đã phán dạy Mô-i-se, là kẻ tôi tớ Chúa. Xin Chúa hãy nhớ lại lời Chúa đã phán dạy Mô-i-se, kẻ tôi tớ Chúa rằng: Nếu các người phạm tội, ta sẽ tan rã các người giữa các dân tộc; còn nếu các người trở lại cùng ta, gìn giữ làm theo các điều răn của ta, dầu khi kẻ bị tan lạc của các người ở cuối tận trời, ta cũng sẽ từ đó chiêu tập chúng nó về, và dẫn chúng nó đến nơi ta đã chọn đặt cho danh ta ngự tại đó”. Một lời cầu nguyện cho dân tộc thật cảm động, ghép cả chính mình và gia đình mình vào với dân tộc.

Nói đến đây, tôi chạnh lòng nhớ đến những vần thơ của một người xa xứ, xa quê hương, xin chép lại đây để cảm cái cảnh sầu xa xứ của Nê-hê-mi:

Bỗng thấy đời mình như áng mây,

Vì sao trôi giạt đến nơi này.

Mây ơi, mây có sầu viễn xứ,

Chia sẻ giùm ta chút đắng cay.

Kinh thánh đã ghi lại những đời sống của các thánh đồ với tấm lòng cầu thay cho dân tộc mình, như:

Trước hết, chúng ta phải nhắc đến người cầu thay Áp-ra-ham:

Sách Sáng-thế ký đoạn 18 ghi lại tường tận lời cầu thay của Áp-ra-ham dành cho hai thành phố Sô-đôm và Gô-mô-rơ, dù hai thành phố đó không phải quê hương của Áp-ra-ham, nhưng trong đó gia đình cháu của ông là Lót, người cháu thiếu tôn trọng ông, nhưng lòng Áp-ra-ham vẫn yêu thương mà cầu nguyện thay. Áp-ra-ham thưa với Chúa: “Mặc dầu tôi đây vốn là tro bụi, song tôi cũng dám cả gan thưa lại cùng Chúa. Hoặc trong năm mươi người công bình rui thiếu hết năm; vì cứ năm người thiếu Chúa sẽ diệt hết cả thành chẳng?” (Sáng. 18:27).

Mô-i-se.

Sách Xuất. 32:30-35, Mô-i-se đã cầu thay cho dân tộc mình sau khi họ thờ tượng con bò con vàng, Kinh thánh ghi: “Ngày mai, Mô-i-se nói cùng dân sự rằng: Các người đã phạm một tội rất trọng; song bây giờ ta lên đến Đức Giê-hô-va, có lẽ ta sẽ được chuộc tội các người chẳng. Vậy, Mô-i-se trở lên đến Đức Giê-hô-va mà thưa rằng: Ôi! dân sự này có phạm một tội trọng, làm cho mình các thần bằng vàng; nhưng

bây giờ xin Chúa tha tội cho họ! Bằng không, hãy xóa tên tôi khỏi sách Ngài đã chép đi”. Cảm ơn Chúa, Ngài đã tha thứ cho dân tộc của Môi-se.

Ê-li.

Trên núi Cạt-mên, một mình tiên tri Ê-li chống lại 450 tiên tri Ba-anh chỉ với mục đích duy nhất: “Đức Giê-hô-va ôi! Xin nhậm lời tôi, xin đáp lời tôi, hầu cho dân sự này nhìn biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và Ngài khiến cho lòng họ trở lại” (I Vua 18:37).

Tôi nhớ bài hát thời dạy thiếu nhi nói về Ê-li:

Thiết tha kêu xin thay cho dân tộc mình, tiên tri Ê-li quỳ tại núi kia,

Ác gian quăng xa, Giê-hô-va nhậm lời, từ trời Ngài trút một cơn mưa.

Tiên tri Giê-rê-mi.

Những người học Kinh thánh thường gọi tiên tri Giê-rê-mi là tiên tri của nước mắt. Thật vậy, lúc nào người đọc sách của Giê-rê-mi sẽ thấy sách đầm nước mắt, không phải vì hoàn cảnh Giê-ru-sa-lem bị bao vây sắp sụp đổ, nhưng vì lòng yêu thương dân tộc mình. Hãy nghe Giê-rê-mi khóc: “Ước gì tôi được yên ủi, khỏi sự lo buồn! Lòng tôi mỗi mệt trong tôi! Này có tiếng kêu la của con gái dân ta, kêu từ đất xa lắm, rằng: Đức Giê-hô-va không còn ở trong Si-ôn sao? Vua của thành ấy không còn ở giữa thành sao?... Mùa gặt đã qua, mùa hạ đã hết, mà chúng ta chưa được cứu rỗi! Con gái dân ta bị thương, ta vì đó bị thương; ta đương sầu thảm; bị sự kinh hãi bắt lấy... Ôi! ước gì đầu tôi là suối nước, mắt tôi là nguồn lụy! hầu cho tôi vì những kẻ bị giết của con gái dân ta mà khóc suốt ngày đêm. Ôi! ước gì tôi có một cái quán khách bộ hành trong đồng vắng! để tôi được bỏ dân ta mà đi xa khỏi họ...” (Giê. 8:18 – 9:1-2)

Sách Ca-thương ghi lại tấm lòng của Giê-rê-mi như một bài ai ca cầu nguyện cho dân tộc của ông trong giờ phút sắp bị lưu đày: “Mắt tôi chảy dòng nước, vì gái dân tôi mắc diệt vong. Mắt tôi tuôn nước mắt không thôi cũng không ngớt, cho đến chừng nào Đức Giê-hô-va đoái xem, từ trên trời ngó xuống”.

Tiên tri A-mốt.

Nếu đọc sách A-mốt ngay từ đoạn 1, tiên tri A-mốt đã công kích tội lỗi của các dân, trong đó có dân Y-sơ-ra-ên của ông lớn đến gấp ba gấp bốn lần (2:5-8). Nhưng khi A-mốt thấy Đức Giê-hô-va giáng hình phạt xuống dân tộc của ông, A-mốt đã cầu xin Chúa tha thứ, không phải một lần mà hai lần. Sách A-mốt ghi lại tấm lòng của tiên tri A-mốt: “Này là điều mà Chúa Giê-hô-va khiến ta xem thấy: Này, Ngài làm nên những cào cào trong lúc cỏ bắt đầu mọc lại; ấy là cỏ mọc lại sau các kỳ cắt cỏ của vua. Khi cào cào đã cắn nuốt cỏ trong đất rồi, ta nói rằng: Hỡi Chúa Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài hãy tha thứ! Gia-cốp há có thể đứng được sao? Vì nó là nhỏ. Đức Giê-hô-va bèn ăn năn về việc này. Đức Giê-hô-va phán rằng: Điều đó sẽ không xảy ra đâu”.

“Chúa Giê-hô-va cho ta xem thấy như sau này: Này, Chúa Giê-hô-va khiến lấy lửa mà chống trả. Lửa ấy thiêu nuốt vực lớn, đoạn hầu ăn nuốt đất. Bấy giờ ta nói rằng: Hỡi Chúa Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài hãy thôi đi! Gia-cốp há có thể đứng được sao? Vì nó là nhỏ. Đức Giê-hô-va bèn ăn năn về việc này. Chúa Giê-hô-va phán rằng: Điều đó cũng sẽ không xảy đến”. (7:1-6).

Sứ đồ Phao-lô.

Chúng ta không thể quên tấm lòng của sứ đồ Phao-lô đối với dân Y-sơ-ra-ên của ông, thể hiện trong thư Rô-ma, hai lần Phao-lô nói đến lòng ông ước ao dân tộc ông được cứu rỗi. Phao-lô nói: “Tôi nói thật trong Đấng Christ, tôi không nói dối, lương tâm tôi làm chứng cho tôi bởi Đức Thánh Linh: tôi buồn bực lắm, lòng tôi hằng đau đớn. Bởi tôi ước ao có thể chính mình bị dứt bỏ, lìa khỏi Đấng Christ, vì anh em bà con tôi theo phần xác, tức là dân Y-sơ-ra-ên... ấy là cho họ được cứu” (Rô. 9:1-5; 10:1).

Chúa Jêsus Christ.

Trên hết những gương yêu thương dân tộc mình và muốn họ được cứu rỗi, ấy là chính Chúa Jêsus Christ của chúng ta. Chúa Jêsus Christ đã mượn dân Y-sơ-ra-ên vào thế gian này, dù dân mình từ chối Ngài (Giăng 1:11), nhưng Chúa Jêsus Christ đã đi khắp các thành, các làng, rao báo Tin Lành hầu cho dân tộc mình được cứu, với tấm lòng: “Ngài thấy những đám dân đông, thì động lòng thương xót, vì họ cùng khốn, và tan lạc như chiên không có kẻ chăn” (Math. 9:35-36). Chúa Jêsus cũng dùng thí dụ Người Sa-ma-ri như lành để trách những người không quan tâm cứu dân tộc mình qua hình ảnh Chúa Jêsus phán: “một thầy tế lễ đi xuống đường đó, thấy người ấy, thì đi qua khỏi. Lại có một người Lê-vi cũng đến nơi, lại gần, thấy, rồi đi qua khỏi” (Luca 10:30-32). Chúa Jêsus Christ thấy thì thương, còn những người làm tôn giáo như thầy tế lễ, người Lê-vi thấy thì đi qua khỏi.

Chúa đã có một người như Nê-hê-mi với tấm lòng yêu thương dân tộc mình, và Chúa đã dùng Nê-hê-mi trong công việc lớn và khó. Chúa đã mở một con đường cho Nê-hê-mi, và Nê-hê-mi đã xin phép vua cho mình được trở về quê hương, về với dân tộc mà xây sửa lại (2:5).

SÁCH NÊ-HÊ-MI 2

NÊ-HÊ-MI: MỘT KIẾN TRÚC SƯ

[XÂY LẠI TƯỜNG THÀNH] - 2:9 - 6:19

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay, chúng ta sẽ học thêm một phương diện chuyên môn khác của Nê-hê-mi, ấy là Nê-hê-mi – Một Kiến Trúc Sư, bởi đó Đức Chúa Trời đã dùng Nê-hê-mi đảm nhận công việc xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem đã bị quân Ba-by-lôn đốt phá năm 586 TC. khi Ba-by-lôn đánh hạ nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem.

NHU CẦN XÂY LẠI TƯỜNG THÀNH GIÊ-RU-SA-LEM.

Theo quan niệm chiến lược của thế giới thời cổ đại, để bảo vệ một thành phố, dân trong thành đều xây tường vững chắc bao quanh thành. Sách Dân số ký 13:28, ghi lại chuyện mười hai thám tử của người Y-sơ-ra-ên do Môi-se phái đi, sau khi do thám xứ 40 ngày, họ trở về báo cáo rằng: “dân sự ở trong xứ này vốn mạnh dạn, thành trì thật vững vàng và rất lớn...”.

Chúng ta có thể thấy trường hợp thành Giê-ri-cô tự tin có thể chống lại dân Y-sơ-ra-ên. Thành Giê-ri-cô đã được xây dựng trước khi Giô-suê được sanh ra, là một trong những thành cổ nhất thế giới. Thành xây bằng đá cao độ 10 mét, dày 7 đến 8 mét. Lính đứng trên thành có thể nhìn thấy xa mấy dặm chung quanh thành.

Còn trường hợp thành Giê-ru-sa-lem. Sách II Sa-mu-ên 5:6-9 ghi lại như sau: “Vua Đa-vít và các thủ hạ kéo đến Giê-ru-sa-lem, đánh dân Giê-bu-sít, vốn ở tại xứ này. Chúng nó nói cùng Đa-vít rằng: Người chớ vào đây; những kẻ đuôi và què, đủ mà xô đuổi người đi! – Nghĩa là muốn nói: Đa-vít sẽ không vào đây được. Nhưng Đa-vít hăm lấy đờn Si-ôn: ấy là thành Đa-vít. Những lời của dân bản địa Giê-bu-sít tại Giê-ru-sa-lem cho thấy thành Giê-ru-sa-lem rất kiên cố, khó công dễ thủ.

Nhìn vào hình ảnh của thành Giê-ru-sa-lem được xây dựng trên đỉnh núi khá cao, chung quanh có các núi bao bọc. Sách II Các vua 25:1-2 ghi: “Năm thứ chín đời Sê-đê-kia, ngày mồng một tháng mười, Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, cùng cả đạo quân người, đến hãm đánh Giê-ru-sa-lem. Người hạ trại trước thành, và đắp lũy vây chung quanh thành. Sự vây thành lâu dài cho đến năm thứ mười một đời Sê-đê-kia”. Rõ ràng thành Giê-ru-sa-lem dễ thủ khó công, với sức mạnh của vua Nê-bu-cát-nết-sa chỉ huy đạo quân Ba-by-lôn bách chiến bách thắng thời bấy giờ, bao vây gần ba năm mới hạ được thành.

Sau gần 3 năm bao vây, cuộc tấn công chiếm thành Giê-ru-sa-lem của quân Ba-by-lôn lần này là vào năm 586 TC., được Kinh thánh ghi như sau: “Ngày mồng chín tháng tư, có sự đói kém lớn trong thành, dân sự không có bánh. Bấy giờ, quân Canh-đê làm lủng một lỗ nơi vách tường thành; đoạn hết thảy quân lính người Giu-đa đương ban đêm đều chạy trốn bởi cửa giữa hai vách thành gần vườn vua...” (II Vua 25:4).

Về tình cảnh của dân còn sót lại ngụ trong địa điểm thành Giê-ru-sa-lem sau khi bị đốt phá, chính Nê-hê-mi đã được nghe thuật lại từ chính những người sống tại đó nói: “Lời của Nê-hê-mi, con trai Ha-ca-lia. Năm thứ hai mươi, nhằm tháng Kít-lơ, xảy khi tôi đương ở tại kinh đô Su-sơ, có một người trong anh em tôi tên là Ha-na-ni với vài người Giu-đa đến tôi hỏi thăm chúng về dân Giu-đa đã được thoát khỏi, tức những kẻ đã bị bắt làm phu tù còn sót lại, và hỏi luôn về những việc Giê-ru-sa-lem. Các người ấy nói với

tôi rằng: Những kẻ bị bắt làm phu tù còn sót ở lại trong tỉnh, bị tai nạn và sỉ nhục lắm; còn vách thành của Giê-ru-sa-lem thì hư nát và các cửa nó đã bị lửa cháy” (Nê-hê-mi 1:1-3).

Rõ ràng những người Giu-đa còn sót không bị đem qua Ba-by-lôn, tiếng là được ở lại nhưng thực chất cũng là phu tù, chỉ gồm những người già yếu, nghèo khổ (II Vua 25:12). Những người còn sót lại này không có sự bảo hộ nào, thành Giê-ru-sa-lem đã bị phá, người không phương tiện hoặc sức để bảo vệ, đời sống bị tai nạn và sỉ nhục lắm. Trước tình cảnh đó, người có lòng yêu thương đất nước, yêu thương dân tộc như Nê-hê-mi làm sao im lặng được.

TRỞ LỰC VIỆC XÂY LẠI TƯỜNG THÀNH GIÊ-RU-SA-LEM.

Có ba thứ trở lực khi muốn xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem:

Nê-hê-mi 1:3 cho biết: “Các người ấy nói với tôi rằng: Những kẻ bị bắt làm phu tù còn sót ở lại trong tỉnh, bị tai nạn và sỉ nhục lắm; còn vách thành của Giê-ru-sa-lem thì hư nát và các cửa nó đã bị lửa cháy”. Về nhân lực thì chỉ là con số KHÔNG, có lẽ dưới số KHÔNG nữa; về vật chất thì cũng không còn gì.

Chính những kẻ thù nghịch của người Giu-đa cũng nhìn thấy trở ngại thiếu thốn vật chất cho việc xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem, chúng nói: “Sau khi San-ba-lát hay rằng chúng tôi xây sửa vách thành lại, thì lấy làm giận dữ, và nhạo báng người Giu-đa. Người nói trước mặt anh em người và đạo quân Sa-ma-ri rằng: Những người Giu-đa yếu nhược ấy làm gì? Chớ thì người ta sẽ để cho chúng nó làm lụng sao? Chúng nó há sẽ dâng những của lễ ư? Trong một ngày chúng nó há sẽ làm xong sao? Đá mà đã cháy thiêu rồi, chúng nó há có thể do đồng bụi đất mà lấy nó làm thành đá lại được sao? Tôi-bi-gia, người Am-môn, ở bên cạnh người, nói rằng: Vả lại, cái vách bằng đá mà những kẻ ấy xây cất kia, nếu có một con chồn leo lên đó, tất sẽ đánh nó sập xuống liền” (Nê-hê-mi 4:1-3).

Chính người Giu-đa trở về cũng than với Nê-hê-mi: “Người Giu-đa nói: Còn nhiều đồ hư nát, và sức lực kẻ khiêng gánh đã yếu mọn; chúng ta không thể xây cất vách thành được” (4:10).

Đọc những lời tả tình cảnh hoang tàn của thành Giê-ru-sa-lem, trong khi dân Giu-đa từ lưu đày trở về chỉ với bàn tay không, khác hẳn với đoàn nô lệ Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, không phải là những người tay không mà là đoàn người giàu có (Xuất. 36:3-5).

Dĩ nhiên chúng ta không cần nói đến việc xây Đền thờ, cung điện, thành Giê-ru-sa-lem đời của Sa-lô-môn, vì đó là thời kỳ cực thịnh, kể cả những của cải do vua Đa-vít đã dành dụm (I Sử. 29).

Thật kỳ diệu, dân Chúa đã góp phần với Nê-hê-mi xây dựng lại tường thành Giê-ru-sa-lem từ đồng đổ nát hoang tàn.

Trở lực thứ hai đối với việc tái thiết tường thành Giê-ru-sa-lem: Phải có sự cho phép của vua nước Phe-rơ-sơ, là vua Đế quốc đang cai trị thế giới thời đó.

Việc xây lại tường thành của một quốc gia đã bị tiêu diệt đối với một Đế quốc như Giê-ru-sa-lem, thì đó là một điều cấm kỵ, chắc chắn sẽ bị xem là âm mưu khôi phục quốc gia đã bị chiếm và bị xem là âm mưu nổi loạn. Kinh thánh ghi lại sự trở ngại cho việc xây lại thành Giê-ru-sa-lem, “San-ba-lát, người Hô-rôn, Tô-bi-gia, kẻ tôi tớ Am-môn, và Ghê-sem, người A-rập, được hay việc đó, bèn nhạo báng và khinh bỉ chúng tôi. Chúng nó nói rằng: Các người làm chi đó? Các người có ý phản nghịch vua sao?” (Nê-hê-mi 2:19).

E-xơ-ra đoạn 4 tường thuật lại việc Nê-hê-mi và E-xơ-ra bị tố cáo mưu phản khi xây cất thành Giê-ru-sa-lem: “Nhằm đời A-suê-ru, vừa bắt đầu lên ngôi, thì chúng làm một cái trượng cáo dân Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem. Qua đời Ạt-ta-xét-xe, thì... đồng liêu của chúng, viết biểu tấu lên Ạt-ta-xét-xe, vua Phe-rơ-sơ. Cái biểu ấy viết bằng chữ A-ram và dịch ra tiếng A-ram... Đây là bốn sao lại của bức biểu chúng gửi tấu vua Ạt-ta-xét-xe... Tâu vua hay rõ ràng những người Giu-đa đã từ nơi vua lên đến chúng tôi tại Giê-ru-sa-lem, đương lập lại thành phản nghịch hung ác ấy; chúng nó đã xây lại vách thành và tu bổ các nền cho xong rồi. Vậy, nguyện vua biết rõ ràng ví bằng thành này được cất lại, và vách tường nó được xây lên, tất dân nó sẽ chẳng tiến cống, nộp thuế, hoặc đóng tiền mãi lộ, rồi sau chắc sẽ gây họa cho vua...” (E-xơ-ra 4:6-16).

Cảm ơn Chúa cho Nê-hê-mi được ơn của Chúa trước vua Ạt-ta-xét-xe, khiến vua nhìn thấy vẻ mặt buồn rầu của Nê-hê-mi, nên đã truy xét và nhờ đó vua Ạt-ta-xét-xe đã ban lệnh cho phép Nê-hê-mi trở về Giê-ru-sa-lem xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem (Nê-hê-mi 2:1-8).

Trở lực thứ ba đối với việc xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem: Những kẻ thù nghịch với dân Chúa đang ngụ tại Giê-ru-sa-lem.

Nê-hê-mi 2:10, “Khi San-ba-lát, người Hô-rôn, và Tô-bi-gia, là kẻ tôi tớ Am-môn, hay điều đó [tức hay tin Nê-hê-mi được vua cho phép về xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem], thì lấy làm bất bình vì có người đến đặng tìm kiếm sự hưng thịnh của dân Y-sơ-ra-ên”.

San-ba-lát là tên theo tiếng Ba-by-lôn, có nghĩa ‘Sin, thần mặt trăng ban sự sống’, thủ lãnh những người chống Nê-hê-mi, hẳn là tổng đốc của thành Sa-ma-ri. Tô-bi-gia có nghĩa ‘Chúa là tốt lành, có lẽ là người coi sóc việc thờ phượng Chúa tại Sa-ma-ri, các con của Tô-bi-gia là những kẻ nội ứng cho nhóm chống Nê-hê-mi (Nê-hê-mi 6:16-19). Sau khi dùng lời nói trêu chọc không thành công, San-ba-lát và Tô-bi-gia liên kết với các dân chung quanh dùng sức mạnh tấn công người Giu-đa do Nê-hê-mi cai quản xây dựng thành Giê-ru-sa-lem.

San-ba-lát và Tô-bi-gia làm hình bóng hạng tín đồ xác thịt, mưu lợi riêng, dễ thỏa hiệp với người ngoại A-rập, Am-môn, Ách-đốt ngăn trở công việc xây thành (I Cô. 2:14).

Theo Sử gia Josephus, thì San-ba-lát, Tô-bi-gia là những người Sa-ma-ri lai, được giữ những chức vụ tại địa phương. Họ là người không muốn dân Y-sơ-ra-ên được hưng thịnh, bởi đó Nê-hê-mi đương nhiên trở thành thù địch của họ.

Chúng ta thấy chương trình tái thiết thành Giê-ru-sa-lem đầy những trở ngại, bắt đầu từ số 0.

Trở lực bên ngoài:

Bị khinh dể - 4:1-3

Bị tấn công - 4:7-23

Trước những lời chế nhạo, Nê-hê-mi làm gì?

4:4-6, Nê-hê-mi cầu nguyện với Chúa và yên lặng làm việc, vì 'việc làm là câu trả lời tốt nhất'.

4:9-23, đối phó với tình hình đó, Nê-hê-mi đã cầu nguyện và làm việc với kế hoạch rõ ràng:

4:9a, Nê-hê-mi cầu nguyện.

4:9b, Nê-hê-mi cho canh giữ ngày đêm bằng cách: nhờ dân Giu-đa ở nơi thù nghịch báo tin - một hình thức gián điệp - 4:12

4:13a, Nê-hê-mi lập đồn canh -

4:13b, Nê-hê-mi đôn đốc nhân sự sẵn sàng chống lại kẻ thù.

Đây là cách mà Chúa Jêsus dạy: “Hãy thức canh và cầu nguyện” (Mathiơ 26:41). Có người thức canh nhưng không cầu nguyện; ngược lại có người cầu nguyện nhưng không thức canh. Cả hai đều thất bại vì một bên có ý chí nhưng thiếu sự tin cậy, một bên có lòng tin cậy nhưng không có ý chí.

Chúng ta nhìn thấy một giáo lý Thập Tự Giá, ý chí của con người phải cộng với quyền năng của Đức Chúa Trời. Trong quyển Nếp Sống Bình Thường của Cơ-Đốc Nhân, Mục sư Nghê Thác Thanh ghi lời cầu nguyện của một bà tín đồ: “Chúa ơi, ngoài Chúa con không làm chi được; nhưng Chúa không có con, Ngài cũng không làm chi được”. Kỳ diệu thay đời sống trong Chúa Jêsus Christ!

SÁCH NÊ-HÊ-MI 3

CON NGƯỜI NÊ-HÊ-MI

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Với sách Nê-hê-mi, người học Kinh thánh không chỉ học những giáo lý về Đức Chúa Trời, mà còn học được một Nghệ Thuật Lãnh Đạo.

Qua Ngũ Kinh, Đức Chúa Trời đã dùng Môi-se lãnh đạo ít nhất hơn 2 triệu người Y-sơ-ra-ên là một dân nô-lệ cho người Ai Cập 400 năm, không có luật lệ, vô pháp vô thiên, vừa dẫn đám đông ô hợp về Đất Hứa, còn phải dạy họ thành một dân tộc có quốc gia, có luật lệ, giàu có. Để có nhà lãnh đạo tài giỏi như Môi-se, Đức Chúa Trời đã huấn luyện Môi-se trong 40 năm học vấn cao cấp nơi người Ai Cập thời cực thịnh trong địa vị con trai của công chúa Pha-ra-ôn. Trang bị cho Môi-se một kiến thức cao cấp 40 năm, Đức Chúa Trời đuổi Môi-se vào đồng vắng học im lặng 40 năm, làm một người vô tổ quốc, vô gia đình. Người đời dạy: Tài đừng lộ, khi đừng hung hăng. Môi-se trở về với con số KHÔNG! Kể cả không có Đức Chúa Trời khi đối diện với Chúa Tự Hữu Hằng Hữu trên núi Hô-rếp.

Với học thức, với lòng không còn sôi sục, khi lãnh đạo đoàn dân đã làm cho Môi-se cực kỳ khó khăn, đầu tiên là chiến trận, rồi lương thực, rồi Môi-se học thêm làm lãnh đạo không phải một mình làm tất cả mọi việc, mà lãnh đạo làm mọi việc với sự phân công nhiều người cùng làm. Bài học từ cha vợ già Giê-trô. Thế mà nhà lãnh đạo Môi-se cũng đôi lần phải nổi nóng, và cũng đã thua cuộc không được vào Đất Hứa.

Nói như ca từ của bài hát Chúa không lầm: Chúa biết rằng con không phải thần thánh, và cũng phải nói: con cũng không phải thần thánh.

Bây giờ, chúng ta lại được học bài học lãnh đạo với Nê-hê-mi, một người được huấn luyện theo phong cách để làm quan trong triều đình Phe-rơ-sơ, có lẽ không thua kém cách huấn luyện của Hoàng gia Ba-by-lôn, học tập mọi sự khôn ngoan, biết cách trí, đủ sự thông hiểu khoa học, có thể đứng chầu trong cung vua, và được dạy cho học thức và tiếng của người Canh-đê (Đa-ni-ên 1:4).

2:9, Nê-hê-mi trở về Giê-ru-sa-lem. Ngay bước đầu tiên, Nê-hê-mi đã phải đối diện với những khó khăn trên đường về Giê-ru-sa-lem, Nê-hê-mi biết nên đã xin vua những điều cần thiết để bảo vệ được ghi trong Nê-hê-mi 2:7-8, “Tôi cũng thưa với vua rằng: Nếu điều này được đẹp lòng vua, xin vua hãy trao cho tôi những bức thư truyền các quan tổng trấn bên kia sông cho phép tôi đi ngang qua cho đến khi tôi tới Giu-đa; lại ban chiếu chỉ cho A-sáp, kẻ giữ rừng vua, truyền người cho tôi gỡ làm khuôn cửa của thành điện giáp với đền, và làm vách thành, cùng nhà mà tôi phải vào ở... Và, vua có sai những quan tướng và quân kỵ đi với tôi” (2:8-9).

Hành trình này độ 3 tháng, phải đi qua các tỉnh của nước Ba-tư. Từ ngữ ‘bên kia sông’ là chỉ về sông Ơ-phơ-rát. Nê-hê-mi chẳng những lập kế hoạch phòng thủ rõ ràng, lại cũng đôn đốc nhân sự. Lãnh đạo Cơ-đốc là như vậy: CẦU NGUYỆN - LÀM VIỆC - KIỂM SOÁT.

Trong công việc, người tin Chúa Jê-sus luôn luôn được kêu gọi đặt mình vào sự cầu nguyện. Lời Chúa trong Thi thiên 56:9 dạy: “Ngày nào tôi kêu cầu, các kẻ thù nghịch tôi sẽ thối lại sau; tôi biết điều đó, vì Đức Chúa Trời binh vực tôi”. Chúa Jê-sus kêu gọi: “Hãy thức canh và cầu nguyện, kẻo các ngươi sa vào sự cám dỗ”. Sứ đồ Phi-e-rơ cũng kêu gọi: “Sự cuối cùng của muôn vật đã gần; vậy hãy khôn ngoan tỉnh thức mà cầu nguyện” (I Phi. 4:7). Sứ đồ Phao-lô kêu gọi: “Cầu nguyện không thôi” (I Tê. 5:17).

Tuy nhiên, Chúa không dạy người tin (Chúa Jê-sus) Ngài sống thụ động, cứ ngồi chờ trời cho, lời Chúa dạy: “Hãy siêng năng mà chớ làm biếng...”, lời Chúa cũng dạy: “Khi chúng tôi ở cùng anh em, cũng đã rao bảo cho anh em rằng: nếu ai không khứng làm việc, thì cũng không nên ăn nữa. Và, chúng tôi nghe trong anh em có kẻ ăn ở bậy bạ, chẳng hề làm lụng, trở chằm những sự vô ích thôi. Chúng tôi nhơn danh Đức Chúa Jê-sus Christ, bảo và khuyên những kẻ đó phải yên lặng mà làm việc, hầu cho ăn bánh của mình làm ra” (Rô. 12:11; II Tê. 3:10-12).

Làm việc mà không cầu nguyện thì mức độ thành công 50-50. Kinh thánh có ghi những lần dân Chúa cầu nguyện và dường như không làm việc, chính Đức Chúa Trời đã làm thay cho dân Chúa, tôi dùng chữ dường như, vì thật sự dân Chúa bởi đức tin làm việc nhiều hơn, như khi dân Y-sơ-ra-ên vượt sông Giô-đanh, lời Chúa ghi: “Phàm nơi nào bàn chơn các ngươi đạp đến, thì ta ban cho các ngươi... Khi các người khiêng hòem đến sông Giô-đanh, và chơn của những thầy tế lễ khiêng hòem mới bị ướt nơi mé nước, thì nước ở trên nguồn thường chảy xuống bèn dừng lại... Và, Giô-suê có truyền lệnh cho dân sự rằng: Các ngươi chớ la, chớ có ai nghe tiếng nói mình; chớ có một lời chi ra khỏi miệng các ngươi cho đến ngày nào ta biểu các ngươi rằng: Hãy la lên! Bấy giờ các ngươi sẽ la” (Giô-suê 1:3; 3:15-16; 6:10).

Qua tác phẩm Ngồi – Đi – Đứng, Mục sư Nghệ Thác Thanh giải thích người tin Chúa Jê-sus không làm gì cả để được cứu, Chúa Jê-sus đã làm hết cho họ rồi, họ chỉ lấy đức tin ngồi vào chỗ Chúa Jê-sus dành cho họ. Không làm gì cả nhưng thật sự phải có đức tin lớn lắm mới dám làm cái việc ‘ngồi yên’ trong sự cứu rỗi Chúa Jê-sus đã ban.

Điều người lãnh đạo thiếu sót hoặc do hiểu lầm, ấy là phân công mà không kiểm soát. Nê-hê-mi đã làm gương lãnh đạo Cơ-Đốc thật tuyệt vời: cầu nguyện – làm việc – phân công và kiểm soát.

LÃNH ĐẠO LÀ PHẢI TIÊN LIỆU.

Nê-hê-mi tiên liệu công việc cần phải làm gì, Nê-hê-mi biết công việc của ông là xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem.

LÃNH ĐẠO SẼ GẶP KHÓ KHĂN.

Nê-hê-mi biết việc xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem sẽ gặp nhiều khó khăn: khó khăn từ sự nghi kỵ của vua đang cai trị, khó khăn từ những người đang cai trị địa phương ganh ghét, khó khăn từ những người đồng công có lòng mà không có chí, khó khăn từ sự thiếu thốn phương tiện vật chất cần để xây dựng, phương tiện vật chất cho nhu cầu sinh sống bản thân.

Trước những khó khăn, nhà lãnh đạo Nê-hê-mi làm gì?

Đối với sự nghi ngờ có thể xảy ra từ vua của Đế quốc đang cai trị.

Trong đoạn 2, khi vua A-ta-xét-xe thấy vẻ mặt buồn rầu của Nê-hê-mi khi phục vụ vua, vua đã hỏi lý do, và Nê-hê-mi đã tâm sự với vua: “Bây giờ tôi lấy làm sợ hãi lắm, bèn nói với vua rằng: Nguyện vua vạn tuế! Nê-hê-mi đã nói rõ lý do ông buồn rầu. Ngay khi vua hỏi yêu cầu gì, “Tôi bèn cầu nguyện cùng Đức Chúa của các tầng trời, rồi tâm sự với vua rằng: Nếu vua thấy điều đó là tốt lành, nếu kẻ tôi tớ vua được ơn trước mặt vua, xin vua hãy sai tôi về Giu-đa, đến thành có mồ mả của tổ phụ tôi, để tôi xây cất thành ấy lại” (2:1-5). Chắc chắn Nê-hê-mi có nếp sống đạo được vua tin cậy, cá nhân ông và đời sống cầu nguyện của Nê-hê-mi ngay trong lúc khẩn cấp vua hỏi, đã xóa mối ngờ vực của vua Phe-rơ-sơ đối với một người thuộc nước nô lệ.

Đối với những kẻ thù nghịch:

Hai kẻ thù chính là San-ba-lát và Tô-bi-gia, hai quan chức địa phương tại Sa-ma-ri được Đế quốc Phe-rơ-sơ cho cai quản khu vực Ca-na-an. Hai người này cùng những đồng đảng của họ ganh tị, tìm cách ngăn trở Nê-hê-mi xây lại tường thành. Bước đầu họ muốn dụ phần xây cất, rõ ràng là có âm mưu khuấy rối; bị Nê-hê-mi từ chối, họ lại thưa kiện lên cấp trên với lời vu cáo Nê-hê-mi có lòng mưu phản chống Đế quốc Phe-rơ-sơ. Bước thứ ba, họ mưu hại Nê-hê-mi.

Trong đoạn 6:1-14, lần này những thù nghịch của Nê-hê-mi chuyển chiến lược tấn công vào chính con người của Nê-hê-mi:

6:2, họ dụ Nê-hê-mi đến một địa điểm để mưu hại ông: 6:13, họ muốn làm cho Nê-hê-mi mang tiếng xấu bằng cách dụ Nê-hê-mi vào Đền thờ là chỗ chỉ dành cho thầy tế lễ.

6:14, cảm ơn Chúa, Nê-hê-mi đã cầu nguyện và bước đi đúng đường lối của Đức Chúa Trời với quyết định:

6:3-4, “Khi San-ba-lát và Ghê-sem, sai đến nói với

tôi rằng: Hãy đến, ta sẽ gặp nhau trong một làng nào tại trũng Ô-nô, Nhưng chúng có ý làm hại tôi. Tôi sai sứ giả đến nói cùng chúng rằng: Ta mắc làm công việc lớn, xuống không đặng... chúng sai nói với tôi bốn lượt như vậy, song tôi đáp lại với chúng cũng y nhau”. Không cần bàn luận với kẻ thù.

6:10-12, “Đoạn, tôi đi đến nhà của Sê-ma-gia...

người nói rằng: Chúng ta hãy gặp nhau tại trong nhà của Đức Chúa Trời, chánh giữa đền thờ, vì chúng nó sẽ đến giết ông; ấy lúc ban đêm mà chúng nó toan đến giết ông. Tôi nói: một người như tôi đây sẽ chạy trốn ư? Người nào như tôi đây vào trong đền thờ mà lại được sống sao? Tôi không vào đâu. Tôi nhìn biết chẳng phải Đức Chúa Trời có sai người đến, vì người nói lời tiên tri đó nghịch với tôi. Tô-bi-gia và San-ba-lát đã mướn người vậy”. Nê-hê-mi không vượt qua điều Chúa cấm (I Côrintô 9:27).

Đối với trở lực bên trong:

Nê-hê-mi cũng phải đối phó với tinh thần chán nản công việc của những người đồng công. Đoạn 4:10, “Người Giu-đa nói: Còn nhiều đồ hư nát, và sức lực của kẻ khiêng gánh đã yếu mỗi; chúng ta không thể xây cất vách thành được”.

4:14, Nê-hê-mi động viên toàn thể và chính ông làm việc với lòng tin cậy Đức Chúa Trời, cảm động nhất là: “Nào tôi, nào anh em tôi, nào các người đầy tớ tôi, nào những lính canh theo tôi, chẳng có ai cởi áo mình ra, mỗi người đều đeo binh khí nơi bên hữu mình” (câu 21-23).

Đối với tình trạng nghèo đói và tham nhũng - 5:1-5

Tình trạng nghèo đói lớn của dân sự đòi hỏi Nê-hê-mi phải quan tâm. Đồng thời lại có một số người lợi dụng tiền bạc, tước vị để bóc lột người nghèo. Để giải quyết tình trạng này:

5:10-11, Nê-hê-mi ra lệnh không được lấy lời và trả lại tài sản của người nghèo.

5:14, 16, Nê-hê-mi hạn chế tiêu chuẩn sinh hoạt của cá nhân ông, từ chối những ưu đãi dành cho một quan Tổng trấn.

Nê-hê-mi - Một Quan Tổng Trấn: 7: - 13:

Trong phần thứ hai này, Nê-hê-mi ở địa vị Tổng trấn cai trị tỉnh Giu-đa của nước Ba-tư, chúng ta học được cách cai trị của Nê-hê-mi.

7:1-3, Nê-hê-mi phân chia công việc.

Nê-hê-mi đã áp dụng phương pháp lãnh đạo bằng cách phân quyền và phân công: Nê-hê-mi phân việc giữ cửa, ca hát, việc Đền thờ. Lãnh đạo là người phải biết phân nhiệm nhưng cũng phải biết chọn người đúng việc.

Việc cai trị đặt người đúng việc - câu 1.

Chọn những người cai trị với tiêu chuẩn trung tín, kính sợ Đức Chúa Trời - câu 2.

Mỗi người canh giữ ngay tại nhà mình - câu 3.

Tra xét sổ sách dân cư trú - 7:4-73

Câu 4 xác nhận dân trong thành còn quá ít, nhà chưa xây, Đức Chúa Trời cảm động Nê-hê-mi làm việc kiểm tra sổ dân cư (câu 5).

Có bao nhiêu là công việc mà một người lãnh đạo Cơ-Đốc phải làm. Thi thiên 23 đã bày tỏ công việc đa đoan của người lãnh đạo Cơ-Đốc, từ việc lo cho chiên cỏ xanh, nước trong, ăn uống chẳng thiếu thốn gì;

ở với chiên trong những lúc gian nguy, an ủi cũng như gìn giữ chiên, cho đến khi chiên được về ở trong Nhà Chúa.

Đó là lý do Chúa Jêsus đòi hỏi Phi-e-rơ: “Người yêu ta chăng?” Người lãnh đạo Cơ-Đốc phải có lòng yêu Chúa, và được Đức Chúa Trời kêu gọi vào chức vụ, như Mô-i-se, như Nê-hê-mi.

SÁCH NÊ-HÊ-MI 4

NHÀ LÃNH ĐẠO NÊ-HÊ-MI

PHƯƠNG DIỆN THUỘC LINH.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng nhau học lời Đức Chúa Trời là Kinh thánh. Cảm ơn Chúa cho chúng ta đã học về Nê-hê-mi lãnh đạo công cuộc xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem sau 70 năm bị Đế quốc Ba-by-lôn tàn phá, và dân Y-sơ-ra-ên sau 70 năm lưu đầy trở về.

Người ta nói: Lãnh đạo chỉ bộc lộ trong những giây phút thử thách, chứ không phải trong những phút dễ dàng. Nê-hê-mi là người lãnh đạo bộc lộ trong những giây phút đầy khó khăn.

Nói xây lại tường thành thì dễ nhưng thực tế thì: Nê-hê-mi phải vượt qua bao nhiêu là khó khăn, như: phải có chiếu lệnh cho phép của vua nước Phe-rơ-sơ mà không nghi ngờ âm mưu tạo phản của một nước Giu-đa từng nổi loạn; Nê-hê-mi phải đối đầu với những nguy hiểm trùng trùng trên đường từ kinh đô Su-sơ trở về Giê-ru-sa-lem, vì sẽ đi qua những trộm cướp, rừng rậm, binh tặc; Nê-hê-mi cũng phải đối diện với những quan chức địa phương tại Sa-ma-ri như San-ba-lát và Tô-bi-gia, đầy lòng ganh tị, tìm mọi cách ngăn trở Nê-hê-mi khôi phục tường thành Giê-ru-sa-lem thù nghịch với họ; Nhà lãnh đạo Nê-hê-mi phải đối diện với những con số KHÔNG về vật chất khi muốn xây lại tường thành, ấy là chưa kể công tác dọn dẹp rác rưởi tồn đọng từ cuộc tàn phá 70 năm trước còn để lại. Kinh thánh ghi lại lời những người làm việc xây thành: “Người Giu-đa nói: Còn nhiều đồ hư nát, và sức lực của kẻ khiêng gánh đã yếu mỏi; chúng ta không thể xây cất vách thành được” (4:10).

Tất cả những gì chúng ta đã học, đã nói với nhau về Nê-hê-mi là phương diện thuộc thể, đời thường, hôm nay chúng ta sẽ cùng học đời sống thuộc linh của Nê-hê-mi đối với Chúa.

Người lãnh đạo Cơ-Đốc Nê-hê-mi đưa dân sự trở về với Kinh Thánh - 8: -10:

Câu chuyện đoạn 8 bắt đầu từ câu cuối của đoạn 7, “Khi tháng 7 đến...” Tháng 7 của lịch Y-sơ-ra-ên khoảng tháng 9 dương lịch là tháng thánh, sách Lê-vi đoạn 23 ghi rõ tên của 3 lễ: (Dân 29; Phục 16:16).

23:23-25, “Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng:

Hãy truyền cho dân Y-sơ-ra-ên rằng: Ngày mồng một tháng bảy, sẽ có cho người một ngày nghỉ, một lễ kỷ niệm lấy tiếng kèn thổi mà rao truyền, tức là một sự nhóm hiệp thánh vậy. Chớ làm một công việc xác thịt nào; phải dâng các của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va”.

23:26-32, “Đức Giê-hô-va cũng phán cùng Môi-se

rằng: Ngày mồng mười tháng bảy này là ngày lễ chuộc tội; các người sẽ có sự nhóm hiệp thánh; hãy ép tâm hồn mình và dâng cho Đức Giê-hô-va các của lễ dùng lửa dâng lên...”.

23:33-34, “Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng:

Hãy truyền cho dân Y-sơ-ra-ên rằng: Ngày rằm tháng bảy này là lễ lều tạm, trải qua bảy ngày dựng tôn kính Đức Giê-hô-va”.

23:36b, “Trong bảy ngày phải dâng các của lễ dùng

lửa dâng cho Đức Giê-hô-va; qua ngày thứ tám, các người có một sự nhóm hiệp thánh nữa, cùng dâng của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va. Ấy sẽ là một hội trọng thể; chớ nên làm một công việc xác thịt nào hết”. Với lễ hội này, kết thúc chu kỳ lễ hội một năm của dân Y-sơ-ra-ên theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.

Cuối đoạn 7, “thì dân Y-sơ-ra-ên đều ở trong các thành của mình”, tiếp theo bắt đầu đoạn 8 với từ ngữ Bấy giờ, dân sự đều nhóm hiệp như thể một người, tại phố ở trước cửa NƯỚC. Chúng nói với E-xơ-ra là thầy thông giáo, xin người đem quyển sách luật pháp của Môi-se mà Đức Giê-hô-va đã truyền dạy cho dân Y-sơ-ra-ên. Ngày mồng một tháng bảy, thầy tế lễ E-xơ-ra đem luật pháp đến trước mặt hội chúng, người nam và nữ, cùng những người có thông sáng nghe hiểu được” (8:1-2).

Đoạn 8:9, xác nhận có Nê-hê-mi là quan tổng trấn hiện diện trong giờ phút nghe lời Chúa lúc bấy giờ. Nê-hê-mi được đặt đứng đầu vì là quan tổng trấn, kế đó là E-xơ-ra là thầy tế lễ và thầy thông giáo. Rõ ràng chính Nê-hê-mi là người lãnh đạo dân sự đã tổ chức cho dân Chúa được nghe lời Chúa. Tuy nhiên, nhà lãnh đạo Nê-hê-mi đã làm gương khi biết mình chỉ là cầm quyền dân sự, còn việc đọc và giải thích Lời Chúa là của thầy tế lễ và thông giáo E-xơ-ra. Một bài học khiêm nhường cao quý!

Chúng ta học được 2 điều:

Người lãnh đạo biết hướng dẫn dân sự trở về với Lời Chúa, giảng dạy Kinh Thánh, không giảng các loại triết lý. Nhiều người đã sai lầm khi nghĩ rằng Kinh Thánh không thích hiệp, không hấp dẫn, họ đã dạy triết lý tôn giáo. Có thể những điều đó hấp dẫn nhất thời, nhưng không xây dựng một nền tảng vững chắc cho dân sự.

Về phía dân sự đã cho chúng ta một gương mẫu về cách nghe Lời Chúa:

Mong muốn được nghe Lời Chúa, “Bấy giờ, dân sự đều nhóm hiệp như thể một người, tại phố ở trước cửa NƯỚC. Chúng nói với E-xơ-ra là thầy thông giáo, xin người đem quyển sách luật pháp của Môi-se mà Đức Giê-hô-va đã truyền dạy cho Y-sơ-ra-ên” (8:1).

Nghe và hạ mình ăn năn, “Ngày hai mươi bốn tháng ấy, dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại, cử ăn, mặc bao và phủ bụi đất. Dòng Y-sơ-ra-ên chia rẽ các người ngoại, đứng dậy xưng tội lỗi mình” (9:1).

Ăn năn và hứa nguyện làm theo Lời Chúa, “Dân sự... đều hiệp theo các anh em và các tước vị của mình, mà thề hứa đi theo luật pháp của Đức Chúa Trời đã cậy Môi-se, tôi tớ Ngài, ban cho, và gìn giữ làm theo các điều răn của Đức Giê-hô-va và phép tắc của Ngài” (10:28-29).

Người lãnh đạo Nê-hê-mi ổn định cư trú cho dân sự - 11: - 12:26

Người Việt Nam chúng ta có câu: ‘An cư lạc nghiệp’, ổn định nơi ở rồi mới sống vui được. Thi thiên 23 là tiêu chuẩn cho người lãnh đạo, phải lo cho chiên an cư nơi đồng cỏ xanh tươi, ở nơi mé nước bình tĩnh trước.

Đoạn 11:1-19, cho biết tình trạng Giê-ru-sa-lem lúc đó thiếu người ở. Để giải quyết tình trạng này, Nê-hê-mi cho bắt thăm chọn 1/10 trong toàn dân Giu-đa ở lại Giê-ru-sa-lem, những người khác đều vui mừng chúc phước cho người ở Giê-ru-sa-lem (11:2).

Khánh thành vách thành - 12:27 - 13:3

Đoạn 12:27, “Khi khánh thành các vách thành Giê-ru-sa-lem, thì người ta sai gọi các người Lê-vi ở khắp mọi nơi, đặt đem chúng về Giê-ru-sa-lem, để dự lễ khánh thành cách vui vẻ, có tiếng khen ngợi và ca hát theo chập chò, đờn cầm, và đờn sắt”.

Có 3 ý kiến về Ngày Lễ Khánh Thành vách thành Giê-ru-sa-lem:

Lễ Khánh thành được cử hành tiếp theo ngay sau khi xây xong vách thành như trong 6:15, “Vây, ngày hai mươi lăm tháng Ê-lun, vách thành sửa xong, hết năm mươi hai ngày”.

Lễ Khánh thành cử hành sau những việc xảy ra từ đoạn 7:1 đến 12:27, tức là sau khi kiểm tra dân số (câu 7), lập ước với Chúa (câu 8-10); ổn định dân cư các thành (câu 11).

Lễ Khánh thành được cử hành sau khi xây xong vách thành, Nê-hê-mi trở lại kinh đô Su-sơ của Ba-tư sau 12 năm (2:1; 13:6). Nê-hê-mi trở lên Giê-ru-sa-lem lần thứ II, sửa lại những sai lầm trong dân sự, 13:4, Vả, trước các việc đó, nghĩa là trước Lễ Khánh thành Đền thờ.

Chương trình Lễ Khánh thành gồm:

27-43, ca hát vui vẻ, chia 2 tốp đi vòng quanh.

câu 44-47, trong ngày Lễ Khánh thành đó, họ làm lễ dâng hiến lập lại kho tàng Đền thờ.

13:1-3 Trong ngày đó, họ đọc Kinh Thánh (phần Ngũ Kinh của Môi-se, 13:1-2 so với Phục truyền 23:3-4), và tức thì làm theo Lời Chúa (câu 3). Đặc điểm của dân Giu-đa sau 70 năm lưu đày trở về là mỗi lần nghe Lời Chúa, tức thì họ thực hành.

Câu 43 là lời mô tả Ngày Lễ Khánh Thành, “Trong ngày đó, chúng dâng những của lễ trọng thể và vui vẻ; vì Đức Chúa Trời đã khiến cho chúng vui mừng khắp khởi; các người đờn bà và con trẻ cũng vui mừng nữa; sự vui mừng của thành Giê-ru-sa-lem vang ra rất xa”. Có 4 lần trong câu 43 này dùng chữ Vui Mừng:

Vui Mừng dâng của lễ

Đức Chúa Trời khiến Vui Mừng

Mọi người Vui

Vui vang xa

Người lãnh đạo Nê-hê-mi hoàn thành Kế hoạch - 13:4-31

Đoạn 13:4 bắt đầu với chữ “Vả”, trước các việc đó...”, nghĩa là trước các chương trình lễ khánh thành, lúc Nê-hê-mi vắng mặt vì phải trở lại Su-sơ.

Thời gian Nê-hê-mi vắng mặt có những tệ nạn xảy ra:

Tệ nạn thứ 1: câu 4-5,

“thầy tế lễ Ê-li-a-síp, mà đã được lập coi sóc các phòng của đền Đức Chúa Trời chúng tôi, và là bà con với Tô-bi-gia, có sắm sửa cho người ấy một cái phòng lớn, là nơi trước người ta dùng để những của lễ chay, hương liệu, khí dụng, thuế một phần mười về lúa mì, rượu mới, và dầu, tức những vật theo lệ đã định cho người Lê-vi, kẻ ca hát, và người canh giữ cửa, luôn với của lễ dâng giơ lên của thầy tế lễ. Khi các điều

đó xảy đến thì không có tôi ở tại Giê-ru-sa-lem; vì nhằm năm thứ ba mươi hai đời A-t-ta-xét-xe, vua Ba-by-lôn, và tôi mắc phải trở về cùng vua; cuối một ít lâu, tôi có xin phép vua đặng đi”. Tô-bi-gia là người Am-môn, người ngoại vào ở trong Đền thờ là điều cấm của luật pháp (2:10).

Và Nê-hê-mi đã phải trừ tệ nạn: “Tôi đến Giê-ru-sa-lem, bèn hiểu điều ác mà Ê-li-a-síp vì Tô-bi-gia đã làm ra... Tôi thấy điều đó lấy làm cực tệ, nên quăng ra khỏi phòng ấy các vật dụng của nhà Tô-bi-gia...”.

Tệ nạn thứ 2: câu 10-13, không chu cấp cho người phục vụ đền thờ.

“Tôi cũng hay rằng người ta không có cấp các phần của người Lê-vi cho họ; vì vậy, những kẻ ca hát và người Lê-vi hầu việc, ai nấy đều đã trốn về đồng ruộng mình. Tôi bèn quở trách các quan trưởng mà rằng: Cớ sao đền của Đức Chúa Trời bị bỏ như vậy? Đoạn, tôi hiệp lại chúng mà đặt họ trong chức cũ mình. Bấy giờ, cả Giu-đa đều đem đến trong kho thuế một phần mười...”.

Tệ nạn thứ 3: câu 15-22, mua bán trong ngày Sa-bát.

“Về lúc đó, tôi thấy trong Giu-đa, mấy người ép nho nơi máy ép rượu nhằm ngày sa-bát, đem bó lúa mình vào, chở nó trên lừa, và cũng chở rượu, trái nho, trái vả, và các vật nặng, mà đem về Giê-ru-sa-lem trong ngày sa-bát. Ngày chúng nó bán vật thực ấy, tôi có làm chứng nghịch cùng chúng nó... Bấy giờ tôi quở trách các người tước vị Giu-đa... Ấy vậy, khi các cửa Giê-ru-sa-lem khởi khóa trong bóng tối trước ngày sa-bát, tôi bèn truyền người ta đóng cửa lại và dặn biểu chúng nó chỉ mở nó ra sau ngày sa-bát... từ lúc đó về sau, chúng nó không có đến nhằm ngày sa-bát nữa”.

Câu 23-24, kết hôn với người ngoại bang.

Khi Nê-hê-mi trở lại Giê-ru-sa-lem, ông phải sửa lại những sai lầm đó.

Qua đời sống của Nê-hê-mi, chúng ta thấy Nê-hê-mi là:

Một người cầu nguyện

Một người có đức tin

Một người can đảm

Một người hành động

Cảm tạ Chúa, câu 30-31 kết thúc sách Nê-hê-mi, ông hoàn thành công việc lo cho Nhà Chúa và Nê-hê-mi cầu nguyện: “Đức Chúa Trời tôi ôi, xin hãy nhớ đến tôi mà làm ơn cho tôi!”

SÁCH NÊ-HÊ-MI 5

NÊ-HÊ-MI – NGƯỜI CẦU NGUYỆN.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa đã ban cho chúng ta có cơ hội được cùng nhau học Lời Đức Chúa Trời là Kinh thánh. Qua 4 bài học về Nê-hê-mi, chúng ta được Chúa cho thấy Nê-hê-mi là người có nhiều ưu điểm, nên Đức Chúa Trời đã dùng Nê-hê-mi làm công tác xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem. Hôm nay, trong bài thứ 5 về sách Nê-hê-mi, chúng ta sẽ nhờ ơn Chúa cùng tìm học một đặc điểm cao quý nữa của Nê-hê-mi, ấy là đời sống cầu nguyện của (Nê-hê-mi) ông.

Sách Nê-hê-mi đã ghi lại 7 lần Nê-hê-mi cầu nguyện với Đức Chúa Trời:

LỜI CẦU NGUYỆN THỨ 1 (CỦA NÊ-HÊ-MI) – 1:4, “Khi tôi nghe các lời ấy, bèn ngồi mà khóc, cư tang mấy ngày; tôi cử ăn và cầu nguyện Đức Chúa của các tầng trời...”

Sau khi nhận được tin tức xấu về quê hương và thành Giê-ru-sa-lem, dù Nê-hê-mi chưa từng biết nhưng lòng yêu thương dân tộc, yêu quê hương, yêu thành thánh, tất cả đã làm cho Nê-hê-mi đau xót phải cư tang mấy ngày.

Kinh thánh đã ghi lại các thánh đồ luôn là người yêu quê hương, yêu dân tộc, ngay cả lúc họ cứ phạm tội với Chúa:

Môi-se đã cầu thay cho dân mình khi họ phạm tội thờ hình tượng: “Ngày mai, Môi-se nói cùng dân sự rằng: Các ngươi đã phạm một tội rất trọng; song bây giờ ta lên đến Đức Giê-hô-va, có lẽ ta sẽ được chuộc tội các ngươi chăng. Vậy, Môi-se trở lên đến Đức Giê-hô-va mà thưa rằng: Ôi! dân sự này có phạm một tội trọng, làm cho mình các thần bằng vàng; nhưng bây giờ xin Chúa tha tội cho họ! Bằng không, hãy xóa tên tôi khỏi sách Ngài đã chép đi” (Xuất. 32:30-31).

Ê-li cầu nguyện cho dân tộc mình trên núi Cạt-mên: “Đức Giê-hô-va ôi! Xin nhậm lời tôi, xin đáp lời tôi, hầu cho dân sự này nhìn biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và Ngài khiến cho lòng họ trở lại” (I Vua 18:37).

Người học Kinh thánh sẽ không quên được những giọt nước mắt của tiên tri Giê-rê-mi khóc cho quê hương yêu dấu: “Ôi! ước gì đầu tôi là suối nước, mắt tôi là nguồn lụy! hầu cho tôi vì những kẻ bị giết của con gái dân ta mà khóc suốt ngày đêm” (Giê. 9:1).

Sứ đồ Phao-lô viết về nỗi lòng của ông đối với dân tộc cứng lòng của ông: “Tôi nói thật trong Đấng Christ, tôi không nói dối, lương tâm tôi làm chứng cho tôi bởi Đức Thánh Linh: tôi buồn bực lắm, lòng tôi hằng đau đớn. Bởi tôi ước ao có thể chính mình bị dứt bỏ, lìa khỏi Đấng Christ, vì anh em bà con tôi... Hỡi anh em, sự ước ao trong lòng tôi và lời tôi vì dân Y-sơ-ra-ên cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, ấy là cho họ được cứu” (Rô. 9:1-3; 10:1).

Trên hết là lòng của chính Chúa Jê-sus Christ đối với dân mình, một dân tộc mà Chúa Jê-sus đã mượn dân ấy để vào đời, nhưng họ chối bỏ Ngài, đóng đinh Ngài. Kinh thánh ghi lại lời Chúa Jê-sus than thở về dân mình: “Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, ngươi giết các đấng tiên tri và ném đá những kẻ chịu sai đến cùng ngươi, bao nhiêu lần ta muốn nhóm họp các con ngươi như gà mái túc con mình lại ấp trong cánh, mà các con ngươi chẳng khứng!... Khi Đức Chúa Jê-sus gần đến thành, thấy thì khóc về thành, và phán rằng: Ước gì, ít nữa là ngày nay, mày đã hiểu sự làm cho mày được bình an!” Rồi khi bị treo trên thập tự

giá, Chúa Jêsus vẫn cầu thay cho dân tộc mình: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Math. 23:37; Luca 19:41-42; 23:34).

LỜI CẦU NGUYỆN THỨ 2 (CỦA NÊ-HÊ-MI) – 2:4. “Vua hỏi tôi rằng: ngươi cầu xin cái gì? Tôi bèn cầu nguyện cùng Đức Chúa của các tầng trời”.

Chắc chắn là Nê-hê-mi không bày tỏ một nghi thức cầu nguyện nào như: nhắm mắt, quỳ gối, nói lớn tiếng hoặc nhỏ tiếng với Chúa... Chắc chắn Nê-hê-mi cầu nguyện thầm trong lòng với Chúa trước khi trả lời vua. Và chắc chắn, Đức Chúa Trời đã nghe và đáp lời Nê-hê-mi tức thì, bằng cách là vua đã ra chiếu chỉ cho Nê-hê-mi được phép về lại quê hương cùng dân tộc mình xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem.

Thật thích thú khi học về đời sống cầu nguyện của Nê-hê-mi, và cũng phải nhớ đến lời cầu nguyện của Phi-e-rơ khi bị sụp xuống nước giữa biển, Kinh thánh ghi: “Song khi thấy gió thổi, thì Phi-e-rơ sợ hãi, hòng sụp xuống nước, bèn la lên rằng: Chúa ơi, xin cứu lấy tôi” (Math. 14:30). Chẳng nghi lễ gì, chẳng đúng phép tắc khi cầu nguyện, chỉ là lời cầu từ ý nguyện. Thế mà Chúa đã nghe và nhậm lời. Đức Chúa Trời thật kỳ diệu!

LỜI CẦU NGUYỆN THỨ 3 (CỦA NÊ-HÊ-MI) – 4:4-5, khi nghe lời sỉ nhục, khinh dể của những kẻ thù nghịch, Nê-hê-mi cầu nguyện với Chúa: “Hỡi Đức Chúa Trời của chúng tôi ôi! hãy nghe; vì chúng tôi bị khinh dể; xin hãy đổ lại sự sỉ nhục của chúng nó trên đầu của họ, và hãy phó chúng nó làm mồi trong một xứ bất người ta làm phu tù kia...”.

Lời cầu nguyện này nhắc chúng ta nhớ đến lời cầu nguyện của vua Ê-xê-chia khi bị San-chê-ríp của đạo quân A-si-ri sỉ nhục. Vua Ê-xê-chia đã lên đền thờ trình cho Đức Giê-hô-va nội dung bức thư và Chúa đã trả lời hủy diệt quân A-si-ri (II Sứ 32:9-22).

LỜI CẦU NGUYỆN THỨ 4 (CỦA NÊ-HÊ-MI) – 4:9

Trong 4:6-8, Kinh thánh cho biết chẳng những kẻ thù khinh dể: Vả lại, cái thành bằng đá mà những kẻ ấy xây cất kia, nếu có một con chồn leo lên đó, tất sẽ đánh nó sụp xuống liền” (4:3). Cảm ơn Chúa, Nê-hê-mi đã cầu nguyện trình sự sỉ nhục cho Chúa và cứ tiếp tục xây thành, và toàn vách thành đều dính liền nhau và lên đến phân nửa bề cao; vì dân sự chuyên thành làm công việc”.

Nói như một người kinh nghiệm về sự tấn công của ma quỷ: ‘ma quỷ không có nghỉ hè’, những kẻ thù của Nê-hê-mi và dân Chúa thua keo này, chúng bày keo khác. Lần này chúng thấy “việc tu bổ vách thành Giê-ru-sa-lem tấn tới, và các nơi hư lũng hầu lấp lành, thì chúng nó lấy làm giận dữ, bèn tập lập nhau hết thảy đặng đến hãm đánh Giê-ru-sa-lem và làm cho nó rối loạn”.

Trước nguy biến, Nê-hê-mi và dân Chúa đã làm gì? Cảm ơn Chúa, Kinh thánh ghi: “Nhưng chúng tôi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời chúng tôi, và lập kẻ ngày và đêm canh giữ họ”. Nê-hê-mi và dân Chúa đã cầu nguyện, chắc chắn họ đã nói với Đức Chúa Trời rất nhiều, rất thiết tha, tuy nhiên, điều Nê-hê-mi và dân Chúa còn làm là lập kẻ ngày đêm canh giữ”.

Bài học Nê-hê-mi cầu nguyện và lập kẻ ngày và đêm canh giữ khiến chúng ta nhớ đến Môi-se nói cùng Giê-suê rằng: Hãy chọn lấy tráng sĩ cho chúng ta, ra chiến đấu cùng dân A-ma-léc; ngày mai ta sẽ đứng nơi đầu nổng, cầm gậy của Đức Chúa Trời trong tay. Giê-suê bèn làm y như lời Môi-se nói, để cự chiến dân A-ma-léc; còn Môi-se, A-rôn và Hu-rơ lên trên đầu nổng” Xuất. 17:9-10).

Chúng ta cũng nhớ đến bài học đức tin của Giô-suê tấn công Giê-ri-cô, Giô-suê đầy tin cậy Chúa nhưng Giô-suê cũng sai người đi do thám thành trước. Giô-suê đã áp dụng binh pháp: tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng.

Một minh họa lẽ đạo thập tự giá rõ nét tuyệt vời, Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, nhưng, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời”; Đức Chúa Trời yêu thương ban hết, nhưng con người phải có đức tin hành động nhận lấy.

LỜI CẦU NGUYỆN THỨ 5 (CỦA NÊ-HÊ-MI) – 6:9

Bây giờ, kẻ thù của Nê-hê-mi đã sử dụng chiến thuật Tâm Lý Chiến tấn công Nê-hê-mi và dân Chúa, “vì chúng nó muốn nhát cho chúng tôi hết thảy đều sợ hãi; chúng nói rằng: Tay của chúng nó sẽ mỏi mệt, không làm công việc nữa”. Nê-hê-mi đã làm gì? Cảm ơn Chúa, Nê-hê-mi đã cầu nguyện với Chúa: “Vây, bây giờ, hỡi Chúa, hãy làm cho tay chúng tôi mạnh mẽ”.

LỜI CẦU NGUYỆN THỨ 6 (CỦA NÊ-HÊ-MI) – 13:29

Nguyên nhân có lời cầu nguyện thứ 6 này của Nê-hê-mi bắt đầu từ câu 23, “Cũng trong lúc đó, tôi thấy những người Giu-đa lấy đờn bà Ách-đốt, Am-môn, và Mô-áp, làm vợ; con cái của chúng nó nói phân nửa tiếng Ách-đốt, không biết nói tiếng Giu-đa, nhưng nói tùy theo tiếng của dân này hay là dân kia. Tôi quở trách chúng nó, đánh đập một vài người trong chúng nó, nhổ tóc chúng nó, biểu chúng nó chỉ Đức Chúa Trời thề, mà rằng: Các ngươi sẽ không gả con gái mình cho con trai họ, hay là cưới con gái họ cho con trai mình, hoặc là cưới cho chánh mình các ngươi”.

Và Nê-hê-mi viện dẫn bài học vị vua khôn ngoan nhất là: “Sa-lô-môn, vua Y-sơ-ra-ên, há chẳng có phạm tội trong điều đó sao? Và, trong nhiều dân tộc không có một vua nào giống như người; người được Đức Chúa Trời của mình thương yêu, và Đức Chúa Trời đặt người làm vua trên cả Y-sơ-ra-ên; dẫu vậy, người cũng bị đờn bà ngoại bang xui cho phạm tội! Chúng ta há sẽ nghe theo các ngươi làm những điều ác lớn này, lấy người đờn bà ngoại bang mà vi phạm cùng Đức Chúa Trời chúng ta sao?”

Điều quan trọng là một người cháu của thầy tế lễ thượng phẩm, rể của một kẻ thù Nê-hê-mi làm quan chức địa phương, vì tội này bị Nê-hê-mi đuổi.

Trước mối đe dọa vì muốn thánh hóa dân Chúa, tránh vết xe đổ từ đờn Sa-lô-môn khiến cả Y-sơ-ra-ên bị lưu đày 70 năm, lại phải đối đầu với những quan chức cao cấp địa phương, Nê-hê-mi đã cầu nguyện với Chúa: “Hỡi Đức Chúa Trời tôi ôi! xin nhớ lại chúng nó, vì chúng nó đã làm ô uế chức tế lễ và sự giao ước của chức tế lễ và của người Lê-vi”. Chắc chắn Nê-hê-mi cũng đã nhớ bài học đau đớn khi dân Chúa bị con gái dân Mô-áp dụ dỗ phạm tội ăn của cúng thần tượng và dâm dục với chúng, trong ngày đó có hai mươi bốn ngàn người chết.

LỜI CẦU NGUYỆN THỨ 7 (BẢY CỦA NÊ-HÊ-MI) – 5:19; 13:14, 22, 31.

Có một lúc nào đó, trong khi hết lòng hết sức làm công việc Chúa, chắc chắn ai đó trong chúng ta cảm thấy nỗi cô đơn, dường như không có ai biết đến, lúc ấy, hãy đọc những lời cầu nguyện này của Nê-hê-mi với Chúa.

Đoạn 5:19, Nê-hê-mi cầu nguyện: “Hỡi Đức Chúa Trời tôi ôi! nguyện Chúa nhớ lại tôi về các điều tôi đã làm cho dân sự này, và làm ơn cho tôi”.

Rồi đến cuối cuộc đời tận tụy, vượt qua bao nhiêu gian nguy, cực khổ, mạng sống bị đe dọa, dường như cũng không có ai cảm thông, Nê-hê-mi cầu nguyện với Chúa được ghi trong cuối sách (13:14, 22, 31):

“Đức Chúa Trời tôi ôi! vì cớ điều này, xin nhớ đến tôi, và chớ bỏ xóa các việc tốt lành mà tôi đã làm vì đền của Đức Chúa Trời tôi và về điều phải gìn giữ tại đó”.

“Hỡi Đức Chúa Trời tôi ôi! xin hãy vì tôi nhớ đến điều đó, và xin thương xót tôi tùy sự nhân từ lớn lao của Ngài”.

“Đức Chúa Trời tôi ôi, xin hãy nhớ đến tôi mà làm ơn cho tôi!”

Khi đó, xin Chúa nhắc những ai cảm thấy cô đơn hầu việc Chúa, nhớ có người hỏi Ca sĩ kiêm Nhạc sĩ Ira Sankey: ‘Sankey ơi, cả đời phục vụ Chúa đến già 90 tuổi còn bị mù lòa, ông có hối hận không?’ Sankey đã lần mò đến bên cây đàn phong cầm cũ dạo nhạc và hát lên: Ngàn lần tôi đau trong tâm linh, đuối sức đang khi đi trên nẻo gai, sông quanh co ruộng xa xăm lo gieo trong nước mắt tuôn. Nhưng lời Chúa phán: “Hỡi người trung tín, hãy đến, sẽ thưởng cả công khó”. Chính lúc sương âm u tiêu tan, thì anh em sẽ biết Chúa rõ hết”. Và có người đã hát: ‘Ôi sung sướng thay hồi thấy Chúa tôi, phút đau thương lo buồn qua rồi...’. Thật an ủi thay!

SÁCH NÊ-HÊ-MI 6

Đề mục: CON NGƯỜI NÊ-HÊ-MI

Kinh thánh: Sách Nê-hê-mi 1: đến đoạn 13: (Đọc Nê. 1:1-11)

Câu gốc: Nê. 1:4

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời. Qua sách Nê-hê-mi, chúng ta đã cùng học được nhiều sự dạy dỗ có cần đối với người lãnh đạo Cơ-Đốc. Hôm nay, chúng ta tiếp tục cùng học về chính con người của Nê-hê-mi căn cứ theo sách Nê-hê-mi từ đoạn 1 đến đoạn 13.

I/. NÊ-HÊ-MI - NGƯỜI YÊU MẾN CHÚA: Nê-hê-mi đoạn 1 đến đoạn 2:8

Nhóm từ mà những người tin Chúa Jêsus thường nói và nói với nhau là “Yêu Mến Chúa”. Nhưng làm sao có thể biết một người Yêu Mến Chúa? Qua đời sống của Nê-hê-mi, chúng ta có thể nhận được câu trả lời rất rõ ràng là: ‘Yêu Mến Chúa thể hiện qua Yêu Mến Con Người!’

Đoạn 1:1 cho chúng ta những thông tin về Nê-hê-mi như sau:

Nê-hê-mi là con trai của Ha-ca-lia.

Chúng ta không có tài liệu gì về Ha-ca-lia, nhưng 2:3 nói đến “nơi có mồ mả của tổ phụ tôi”, nhóm từ này được đề cập rất nhiều lần trong các sách lịch sử (II Sử 9:31; 12:16), do đó các nhà giải nghĩa Kinh thánh cho rằng Nê-hê-mi thuộc chi phái Giu-đa, dòng họ Hoàng tộc.

Nê-hê-mi đang ở tại kinh đô Su-sơ của nước Phe-rơ-sơ.

1:11, phần cuối của câu 11, chính Nê-hê-mi cho biết ông đang làm quan TỬ chánh trong triều đình của vua A-ta-xét-xe, nước Phe-rơ-sơ. Theo Lịch sử thì vua A-ta-xét-xe này là con của vua Xét-xe - Kinh thánh gọi là vua A-suê-ru - với Hoàng hậu Ê-xơ-tê, cai trị từ năm 465-424 TC.

Chức Quan TỬ-chánh là một chức vụ cao cấp và quan trọng, được vua tin cậy giao cho trách nhiệm nếm thử rượu trước khi dâng cho vua uống (Sáng. 40: - 41:; II Vua 18:17, Danh từ ‘Ráp-sa-kê’ không phải tên người mà là chức vụ Quan TỬ chánh).

Cảm ơn Chúa, dù là một vị quan lớn trong triều đình của một Đế quốc đang cai trị trên quốc gia của ông, dù ở xa quê hương Y-sơ-ra-ên, nhưng lòng của Nê-hê-mi rất quan tâm đến quê hương, đến những người còn sót lại ở quê hương, đến thành Giê-ru-sa-lem của Chúa.

1:2-3, như cơ hội gặp người từ quê hương xa xôi đến, Nê-hê-mi đã hỏi thăm về những người ở quê nhà; hỏi thăm về thành thánh của Chúa. Và Nê-hê-mi đã nghe tin những người ở quê nhà đang bị tai nạn và sỉ nhục lắm, thành thì bị hư cháy.

1:4, khi nghe tin tình cảnh quê nhà, Nê-hê-mi đã khóc, cư tang, đã kiêng ăn và đã cầu nguyện, không phải cầu nguyện có lệ, không phải cầu nguyện bình thường, nhưng ông đã hằng ngày và đêm cầu nguyện (1:6)

2:5, Nê-hê-mi đã sẵn sàng xin phép vua được trở về quê hương để lo cho những người ở quê hương nghèo khổ của ông.

Qua Kinh thánh, chúng ta thường thấy những giọt nước mắt, những lời cầu nguyện của các thánh đồ giống như của Nê-hê-mi dành cho quê hương, dành cho dân tộc của mình: Môi-se, E-xơ-ra, Giê-rê-mi, A-mốt, Phao-lô, và chính Chúa Jêsus Christ của chúng ta đã khóc và cầu nguyện cho dân tộc mà Ngài đã mượn quốc tịch để được sanh ra, dù họ đã tìm đủ cách để chối bỏ Ngài, đang chuẩn bị giết Ngài (Xuất. 32:30-32; E-xơ-ra 9:5; Giê. 9:1; Đan. 9:18-19; Amốt 7; Rô. 10:1; Luca 19:41-44).

Nói theo ngôn ngữ Kinh thánh thì dân Y-sơ-ra-ên là dân cứng lòng (Hê. 3:7-19), Đức Chúa Trời là Đấng đầy lòng nhین nhục, nhưng Ngài cũng phải đoán phạt họ, và phạt rất nặng. Dù vậy trước những lời cầu nguyện, cầu thay của các thánh đồ xin tha tội của dân tộc mình, Chúa đã sẵn lòng tha thứ - không phải một lần mà nhiều lần tha thứ.

Tôi nghĩ rằng dân tộc Việt Nam của chúng ta, có phải tại Đức Chúa Trời thiếu những người có lòng yêu mến dân tộc này như Nê-hê-mi cầu thay cho họ, dù họ nói mình yêu mến Chúa như Nê-hê-mi.

Ê-sai 59:15-16, “Đức Giê-hô-va thấy không có người, chẳng ai cầu thay, thì lấy làm lạ lùng”. Đây có phải là tiếng than của Chúa đối với những Nê-hê-mi Việt Nam chúng ta ngày nay không?

II/. NÊ-HÊ-MI - NGƯỜI VƯỢT KHÓ: Nê. 2:9 - 6:19.

Đọc qua các đoạn Kinh thánh này, anh chị em sẽ thấy Nê-hê-mi dù đang nắm trong tay chiếu lệnh của vua, dù là một quan lớn trong triều đình, nhưng ông đã phải đối đầu với biết bao khó khăn trong công việc xây dựng lại tường thành Giê-ru-sa-lem. Có hai loại khó khăn mà Nê-hê-mi phải đối đầu:

Khó khăn từ bên ngoài:

2:10, ngay vừa lúc về đến quê hương chưa làm gì cả, thì khó khăn đã đến từ những người như San-ba-lát, Tô-bi-gia. Họ là những người Sa-ma-ri, tức là dân Y-sơ-ra-ên lai, do sự pha trộn chủng tộc theo chánh sách của đế quốc A-si-ri. Họ giữ những chức vụ ở địa phương. Họ là những người không muốn dân Y-sơ-ra-ên được hưng vượng, vì vậy Nê-hê-mi đương nhiên trở thành thù nghịch của họ.

Những kẻ thù nghịch này đã làm gì để gây khó khăn cho Nê-hê-mi?

2:19, họ vu cáo Nê-hê-mi âm mưu phản nghịch.

4:1-3, họ chế nhạo, khinh dể công việc mà Nê-hê-mi làm với những lời gây tác động làm nản lòng những người đồng công với Nê-hê-mi. Rõ ràng đây là một đòn tâm lý, thực tế.

4:7-8, sau khi vu cáo, chế nhạo, khinh dể, không thành công, những kẻ thù của Nê-hê-mi chuyển sang dùng sức mạnh tấn công phá công việc xây vách thành Giê-ru-sa-lem của Nê-hê-mi. Khi kế hoạch của họ không thành, họ lập mưu để làm hại Nê-hê-mi:

6:2, họ dụ Nê-hê-mi đến điểm hẹn để hại Nê-hê-mi

6:13, họ tìm cách làm mất uy tín của Nê-hê-mi

6:14, kể cả việc họ dùng một nữ tiên tri giả khùng bố tinh thần Nê-hê-mi

Cảm ơn Chúa, trong những lúc nguy biến như vậy, đầy khó khăn trước sự tấn công của kẻ thù từ bên ngoài, Nê-hê-mi đã làm gì? Nê-hê-mi thật bình tĩnh và đầy sự tin cậy nơi Chúa.

4:4-5, điều đầu tiên là Nê-hê-mi đã cầu nguyện xin Chúa nghe những lời khinh dể của kẻ thù nghịch. “Hỡi Đức Chúa Trời của chúng tôi! Hãy nghe; vì chúng tôi bị khinh dể... chúng nó có chọc Chúa giận”.

4:6, Nê-hê-mi cứ yên lặng làm việc xây dựng thành thánh. Có những lúc chúng ta phải học bài học im lặng, để Chúa làm như Thi thiên 46:10 đã dạy: “Hãy yên lặng và biết rằng ta là Đức Chúa Trời; Ta sẽ được tôn cao trong các nước, cũng sẽ tôn cao trên đất”.

4:9, Nê-hê-mi cũng vừa cầu nguyện vừa nhờ ơn Chúa lập kế hoạch canh giữ ngày đêm:

4:12, Nê-hê-mi nhờ những người Giu-đa vốn đã ở giữa những thù nghịch làm tình báo

4:13, Nê-hê-mi lập đồn canh.

4:14, Nê-hê-mi đôn đốc nhân sự.

Cảm ơn Chúa, nhờ sự cầu nguyện và ơn Chúa làm việc có kế hoạch hẳn hoi, Nê-hê-mi đã vượt qua khó khăn từ bên ngoài này.

Khó khăn từ bên trong:

Những khó khăn từ bên trong mà Nê-hê-mi gặp phải là gì? Kinh thánh cho biết rằng, người này kẻ khác thay nhau đến để khiêu nài, kêu nài với Nê-hê-mi về tình trạng của họ:

4:10, lòng những người đồng công chán nản: “việc thì nhiều, mà sức thì ít. Không thể làm nổi”.

5:1-5, Nê-hê-mi gặp phải một vấn đề đặc biệt nữa: Tình trạng nghèo đói, đồng thời một số người có tưóc vị lợi dụng tiền bạc và chức vụ để bóc lột người nghèo.

Trước tình hình đó, Nê-hê-mi làm gì?

4:14, ngoài những lời cầu nguyện, Nê-hê-mi đã đôn đốc mọi người bằng cách nhắc nhở mọi người về quyền năng của Chúa: khá nhớ Chúa là một Đấng cực đại và đáng kính; đồng thời Nê-hê-mi cũng động viên họ bằng tình cảm gia đình của họ: hãy chiến đấu cho anh em mình, cho con trai con gái mình, cho vợ và nhà của mình.

Anh chị em hãy thử một ngày nào đó trong lúc nản lòng công việc Chúa, đứng dậy đọc lại những lời động viên này thử xem, sẽ thấy tác dụng mạnh của nó.

4:23, động viên bằng lời nói chưa đủ, chính Nê-hê-mi đã xung phong vào công việc y như mọi người: Nào TÔI, nào..., nào..., nào...

5:10-11, Nê-hê-mi buộc những người tham ô không biết thương người đó trả lại tài sản mà họ đã bóc lột và không được lấy lãi.

5:14-19, Nê-hê-mi sống tiết kiệm, không đòi hỏi để không làm gánh nặng chu cấp cho dân sự. Điều đòi hỏi duy nhất mà Nê-hê-mi làm là ông xin Chúa làm ơn cho ông về những việc ông đã làm cho dân tộc ông.

Nói đến đây, tôi không biết có điều gì len lỏi vào tấm lòng anh chị em không? Có cầu nguyện cho dân tộc mình không? Có lời nào để khích lệ, để kêu gọi những bà con thân tộc, ăn năn về với Chúa không? Có lúc nào sẵn sàng góp phần đem Tin Lành cho dân tộc mình không? Có cương quyết chống lại lối sống ích kỷ, xa hoa, sẵn sàng tiết kiệm một phần để làm phương tiện đem Tin Lành đến cho dân tộc mình không?

III/. NÊ-HÊ-MI - NGƯỜI ĐEM TIN VUI. Nê. 7: đến đoạn 13:

Có một điểm đặc biệt trong các đoạn cuối của sách Nê-hê-mi được nhắc đến nhiều lần là những từ ngữ gợi lên niềm vui, ấy là những từ: ca hát, vui vẻ, vui mừng

Về từ ngữ: CA HÁT, nói đầy đủ là KỂ CA HÁT.

Một điều rất đáng chú ý là Nê-hê-mi luôn ghép những người ca hát vào những đoàn người cùng làm việc với ông:

7:1, “Nê-hê-mi lập những người giữ cửa, KỂ CA HÁT”,

7:44, “Người ca hát”.

7:67, “cũng có hai trăm bốn mươi lăm KỂ CA HÁT”.

7:73, “người Lê-vi, người giữ cửa, KỂ CA HÁT”, và còn rất nhiều lần trong các đoạn sau.

Kinh thánh không nói cho chúng ta biết Nê-hê-mi có thích, hay có phải là một người giỏi về âm nhạc không, nhưng rõ ràng cách dùng từ như vậy, chứng tỏ Nê-hê-mi là người biết hiệu năng của âm nhạc đối với công việc. Nghĩa là Nê-hê-mi biết sử dụng âm nhạc như một cách tạo thêm sức mạnh vui vẻ cho những người làm việc.

Về từ ngữ VUI MỪNG:

Từ ngữ thứ hai được nhắc đến nhiều lần là từ ngữ VUI MỪNG. Ngay trong 12:43, có bốn lần vui mừng: chúng dâng những của lễ trọng thể và VUI VẺ.

vì Đức Chúa Trời khiến cho chúng VUI MỪNG KHẮP KHỞI

các người đờn bà và con trẻ cũng VUI MỪNG nữa.

sự VUI MỪNG của thành Giê-ru-sa-lem vang ra rất xa.

Rõ ràng bí quyết thành công của Nê-hê-mi khi làm việc đã được Nê-hê-mi nêu ra trong 8:10b, “vì sự vui vẻ của Đức Giê-hô-va là sức lực của các ngươi”. Do đó, lúc nào Nê-hê-mi cũng khuyến khích, cũng tìm cách tạo sự vui vẻ cho mọi người đang khi làm việc, một điều quan trọng là Nê-hê-mi đã khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người vui vẻ, vui mừng trong hoàn cảnh đang đối đầu với bao nhiêu đau buồn, khó khăn, đối đầu với bao thù nghịch, và cuối cùng Nê-hê-mi đã làm xong công việc Chúa giao để được vui mừng gặp Chúa.

SÁCH NÊ-HÊ-MI 7

Đề mục: XÂY SỬA LẠI

Kinh Thánh: Nêhêmi 2:17-18

Kính thưa Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng được học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Trong bài thứ 7 sách Nê-hê-mi hôm nay, chúng ta sẽ cùng học về công việc Nê-hê-mi xây lại thành Giê-ru-sa-lem sau 70 năm bị tàn phá bởi quân Ba-by-lôn, một công việc đầy gian nan, khởi sự từ những con số KHÔNG (0).

I/. ĐIỀU CẦN XÂY SỬA LẠI:

Sách Nêhêmi 2:17 ghi, “Tôi bèn nói với chúng rằng: Các ngươi hãy xem tình cảnh khổ nạn của chúng ta đương đây; Giê-ru-sa-lem bị phá hoang, và các cửa nó bị lửa thiêu đốt. Hãy đến, xây cất các vách thành Giê-ru-sa-lem lại, hầu cho chúng ta chẳng còn bị sỉ nhục nữa”.

Điều cần xây sửa lại là thành Giê-ru-sa-lem: 2:17a

Qua Kinh Thánh, sách II Sử ký 36:19, chúng ta biết thành Giê-ru-sa-lem đã bị vua Ba-by-lôn phá hủy năm 586 TC. Kinh thánh ghi: “Chúng đốt đền Đức Chúa Trời, đánh đổ vách thành Giê-ru-sa-lem, lấy lửa đốt các cung điện, và phá hủy các khí dụng tốt đẹp của nó”.

Việc tái thiết Giê-ru-sa-lem sau 70 năm bị tàn phá là một công tác đầy thách thức cho Nê-hê-mi, dù lúc Nê-hê-mi làm việc đó thì chu vi của thành nhỏ hơn ngày nay rất nhiều. Nhưng dù sao, để có những bức tường thành chắc chắn, đủ sức chống lại những cuộc tấn công của kẻ thù, người ta xây vách rất cao và dày, trung bình cao 12 mét và dày từ 2 đến 3 mét! Thật ngạc nhiên khi biết vách thành dày như thế, nhưng khi nhận thấy vách bên ngoài của các nhà hội cổ cũng đã có bề dày 1,5 mét rồi, nên hiểu vách tường thành từ 2 đến 3 mét bề dày là chuyện bình thường, vì bên trên phải đủ rộng để lính canh có thể đi qua đi lại hay chạy tới chạy lui khi chiến đấu, và đôi khi còn phải di chuyển những dụng cụ chiến tranh nặng nề. Người ta cũng dùng những hòn đá to và nặng, từ vài chục đến vài trăm kí-lô để xây thành! Nê-hê-mi và dân sự của ông chỉ mất có 52 ngày mà sửa xong toàn bộ vách thành lên tới phân nửa chiều cao, thật là một công trình và những cố gắng đáng nêu gương phục vụ Chúa cao độ cho chúng ta, nhất là họ vừa xây dựng vừa phải thay phiên nhau lo việc canh giữ!

Bây giờ sau 70 năm, cảnh trạng thành Giê-ru-sa-lem hoang tàn trước mắt Nê-hê-mi, Nê-hê-mi đã làm hai việc:

1:3, Nêhêmi đã bày tỏ lòng yêu thương thành thánh và ông đã cầu nguyện.

2:17, Nêhêmi kêu gọi dân sự của Chúa: “Hãy đến, xây cất lại”. ...

Cảm ơn Chúa, tất cả dân sự đã hưởng ứng, dù họ gặp biết bao trở ngại:

4:1-3, nhất là họ chỉ là những phu tù còn sót lại và là những người nghèo lắm (II Vua 25:12).

4:10, đồ hư nát (rác) thì còn nhiều, mà sức thì yếu.

Nhưng nếu thành Giê-ru-sa-lem không xây được vách thành thì giống như căn nhà không có nóc, không có vách, sự an ninh của dân trong thành sẽ không được bảo toàn. Đứng trước nhu cầu đó, Nê-hê-mi đã kêu gọi dân Chúa nhận diện tình cảnh của chính mình: dân thánh thì khổ nạn, thành thánh Giê-ru-sa-lem thì bị phá hoang, thiêu đốt (2:17a).

Điều cần xây sửa lại thứ hai là Dân sự: 2:17b.

Đồng thời, Nê-hê-mi cũng trình bày cho dân Chúa biết họ đang bị sỉ nhục. Rõ ràng chẳng phải việc xây sửa lại vách thành Giê-ru-sa-lem chỉ là vấn đề 'Một Cái Thành' vật chất, mà còn nhu cầu về đời sống của Một Con Người nữa.

Vách thành quan trọng vô cùng cho sự an ninh, vì người ta chỉ sống bên trong vách thành để được an toàn, nhất là dân thành Giê-ru-sa-lem đã trải qua không biết là bao nhiêu lần bị kẻ thù tấn công. Cách đây 160 năm, dân thành Giê-ru-sa-lem hoàn toàn sống bên trong cổ thành chật chội và không ai dám ra bên ngoài để xây nhà riêng để ở. Những người thử làm điều đó đều bị quân cướp đến tấn công lúc ban đêm, mãi đến năm 1860 thì mới có những chương trình xây chung cư bên ngoài thành với hàng rào kiên cố và có quân đội bảo vệ.

Nê-hê-mi nhìn biết công việc xây sửa lại vách thành Giê-ru-sa-lem của ông không thể ngừng ở bề ngoài, không ngừng ở vách thành thánh, nhưng từ đoạn 7 đến đoạn 13, chúng ta còn thấy Nê-hê-mi xây sửa đời sống của dân Chúa nữa.

8:8, dân Chúa đã được học Lời Chúa.

Đoạn 9, dân Chúa đã có thì giờ để cầu nguyện.

Đoạn 10 đến đoạn 13, dân Chúa được lập giao ước với Chúa. Họ biết sắp đặt lại sự thờ phượng, trừ bỏ tội lỗi, biết dâng hiến cho Chúa, biết không kết sui với người ngoại bang

Lời Chúa muốn dạy chúng ta điều gì? Lời Chúa muốn dạy chúng ta rằng: Hội Thánh có Nhà thờ, có nơi nhóm lại chưa đủ, Chúa muốn những người tin Chúa phải xây sửa đời sống theo Lời Chúa dạy nữa.

II Sứ ký 7:19-22, là lời Chúa cảnh cáo chúng ta, Chúa phán với vua Sa-lô-môn sau khi vua khánh thành Đền thờ đẹp đẽ, nguy nga rằng: nếu vua và dân Chúa không đi theo đường lối của Chúa, nghĩa là không sống đẹp lòng Chúa, thì cái Đền thờ dù có nguy nga đẹp đẽ đến đâu, Chúa cũng từ bỏ.

II/. CƠ HỘI XÂY SỬA LẠI: 2:18a

Phương diện cơ hội từ Đức Chúa Trời: Nê-hê-mi xác nhận: “Tay nhơn từ của Đức Chúa Trời tôi đã giúp đỡ tôi”.

Nê-hê-mi đã thấy được cơ hội xây sửa lại là

Đức Chúa Trời vẫn còn yêu thương dân Chúa, vì Chúa là nhơn từ)

Đức Chúa Trời vẫn còn giúp đỡ dân Chúa.

Đây là bài học cơ hội mà chúng ta phải nắm bắt lấy.

Rôma 8:31, Phaolô xác nhận Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta thì chắc chắn chúng ta sẽ thành công. Người chưa tin Chúa còn biết nói: Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, hướng chi chúng ta là người của Chúa.

Thi thiên 127:1-2 cũng xác nhận phải thấy rõ Đức Chúa Trời có đẹp lòng, có vừa giúp chúng ta không? Thật sự tôi thấy Đức Chúa Trời đang mở một cánh cửa thật lớn cho Hội Thánh Việt Nam từ bên ngoài lẫn bên trong, để Hội Thánh Việt Nam xây sửa lại Nhà Chúa, xây sửa lại đời sống người tin Chúa.

Xin Chúa cho Hội Thánh bắt kịp cơ hội qua lời kêu gọi của Nê-hê-mi.

Phương diện cơ hội từ con người:

Nê-hê-mi cũng xác nhận cơ hội xây sửa lại cũng đã đến từ con người, Nê-hê-mi nói: “và các lời vua đã nói cùng tôi”.

Chúng ta biết rằng để xin được một ân huệ từ một Hoàng đế của một đế quốc hùng mạnh như vua A-ta-xét-xe của đế quốc Ba-tư lúc bấy giờ, là một chuyện không tưởng. Ngay cả Hoàng hậu Ê-xơ-tê muốn gặp vua cũng phải có lệnh mới được gặp. Cảm ơn Chúa cho giữa lúc đầy những khó khăn đó, Nê-hê-mi và dân Chúa lại có được lệnh của vua cho phép tái thiết vách thành Giê-ru-sa-lem.

Hiện nay tình hình Hội Thánh chung tại Việt Nam tương đối dễ dàng, Hội Thánh được hoạt động rộng rãi hơn, tài chánh cũng không bị hạn chế. Đó không phải là cơ hội để chúng ta xây sửa lại công việc Chúa sao?

II Timôthê 4:1-4, Sứ đồ Phaolô kêu gọi chúng ta “Hãy giảng đạo cố khuyển, dù gặp thời hay không gặp thời”, hướng chi chúng ta đang gặp thời, đang có cơ hội. Người đời nói: ‘Cơ hội là người khách khó tánh, đi rồi không trở lại’. Nói như Mạc-đô-chê nói với Hoàng hậu Ê-xơ-tê, “Nào ai biết rằng vì cơ cơ hội hiện lúc này mà người được vị Hoàng hậu sao?” (Ê-xơ-tê 4:14).

Xin Chúa mở mắt chúng ta để nhận ra cơ hội từ Chúa và từ con người, hầu cho kịp thời kịp lúc, kịp giờ Chúa cho.

III/. THÁI ĐỘ XÂY SỬA LẠI. 2:18b

Hiệp một: “Chúng nói: Hè, ta hãy chỗi dậy...”

Tiếng Việt Nam chúng ta rất hay ở cách dùng nhân xưng đại danh từ TA này. Chữ TA có nghĩa là chính mình, một người tự xưng với vị thế cao hơn đối tượng đang nói với. Nhưng chữ TA cũng được dùng chỉ về nhiều người cùng nói với nhau.

Trong trường hợp này, chữ TA là nhiều người, vì chữ TA đang thay cho chủ từ CHÚNG, chúng nói, rất đông người đang cùng nhau nói.

Lại có chữ 'HÈ' là một 'thán từ' giống như chữ 'ô ta', để hô hào chung nhau làm một việc gì, muốn mọi người cùng hiệp một làm.

Công tác Xây Sửa Lại Nhà Chúa, công việc Chúa không phải là việc một vài người làm, và không có công việc gì mà một người làm kết quả tốt. Người Việt Nam chúng ta có kinh nghiệm khi học câu ca dao: ‘Một cây làm chẳng nên non, ba cây dùm lại nên hòn núi cao.

'Hiệp một' là sức mạnh mà Chúa muốn Hội Thánh phải có. Chúa Jêsus phán: "Quả thật, ta lại nói cùng các ngươi, NẾU HAI NGƯỜI TRONG CÁC NGƯỜI THUẬN NHAU Ở DƯỚI ĐẤT mà cầu xin không cứ việc chi, thì Cha ta ở trên trời sẽ cho họ" (Mathiơ 18:19).

Bằng cứ hiệu nghiệm Lời Chúa phán được chứng minh qua lịch sử Hội Thánh Đầu Tiên trong sách Công vụ các Sứ đồ.

Tôi không sợ anh chị em không xây được Nhà Chúa, không sửa được công việc Chúa, nhưng tôi sợ anh chị em không hiệp một, không nói được như dân sự đời Nê-hê-mi: "Hè, TA (chúng ta) hãy chỗi dậy!".

Chỗi dậy:

Từ ngữ 'chỗi dậy' nói lên thái độ 'tức thì', 'mạnh dạn', 'làm ngay'.

Luca 4:39, bà gia Phi-e-rơ sau khi được Chúa Jêsus Christ chữa lành bệnh, tức thì chỗi dậy hay 'chỗi dậy' hầu việc Chúa, phục vụ Chúa.

Luca 15:18, 20, người con trai hoang đàng này sau khi suy nghĩ: "Ta sẽ đứng dậy trở về", và anh ấy "bèn đứng dậy – chỗi dậy".

Dân Chúa thời Nê-hê-mi, mặc dù họ đang nghèo thiếu, mặc dù họ mới vừa hồi hương sau 70 năm lưu đày, họ không phải Việt kiều hồi hương, có biết bao bận rộn, biết bao nhiêu việc cần làm cho chính họ, cho gia đình họ, để ổn định cuộc sống, nhưng khi nghe Nê-hê-mi trình bày nhu cầu xây sửa lại, nghe Nê-hê-mi trình bày thời cơ mà Chúa đang ban cho, dịp tiện cơ hội mà thời đó cho phép, cảm ơn Chúa, dân Chúa đã hiệp nhau lại CHỎI DẬY xây sửa lại Nhà Chúa, công việc Chúa, và họ đã hoàn thành.

Anh chị em đã thấy, đã nghe công việc, tình cảnh Hội Thánh, nhu cầu cứu rỗi của bao nhiêu người chưa được cứu. Tôi xin Chúa cho anh chị em hiệp một nhau chỗi dậy - chỗi dậy ngay, chỗi dậy tức thì để xây sửa lại công việc Chúa. Chúng ta chậm trễ quá lâu rồi!

SÁCH NÊ-HÊ-MI 8

NÊ-HÊ-MI XÂY THÀNH

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Lời Chúa là Kinh thánh. Qua sách Nê-hê-mi, chúng ta biết công tác quan trọng của Nê-hê-mi làm là xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem. Đây là một công việc cần yếu và cũng một công việc đầy khó khăn. Cần yếu vì dân sót sau lưu đày không có tường thành che chở đã bị thù nghịch sỉ nhục lắm. Khó khăn vì Nê-hê-mi phải xây lại tường

thành sau 70 năm bị bỏ hoang phế đầy rác thải; công nhân chỉ là những người nghèo khổ, yếu mọn; những kẻ thù nghịch tìm mọi cách ngăn cản kể cả âm mưu sát hại Nê-hê-mi và tìm cách khuấy rối công việc xây dựng này. Tuy nhiên, Chúa đã cho Nê-hê-mi cùng những dân Chúa đã hoàn thành việc xây thành.

Với bao nhiêu công sức hết lòng vì Chúa vì dân Chúa của Nê-hê-mi thật đáng cho chúng ta cùng học để bắt chước làm việc đời thường lẫn việc Chúa.

I/. NGÀY THÁNG LIÊN QUAN VIỆC XÂY THÀNH.

Chúng ta phải xác định thứ tự hồi hương từ lưu đày gồm ba nhóm như sau:

Hồi hương lần thứ nhất do Xô-rô-ba-bên lãnh đạo vào năm 538 TC. sách E-xơ-ra đoạn 1 và đoạn 2 ghi.

Hồi hương lần thứ hai do Thầy Tế lễ kiêm Văn sĩ E-xơ-ra lãnh đạo vào năm 458 TC. để tái thiết đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, được ghi trong sách E-xơ-ra đoạn 7.

Hồi hương lần thứ ba do Nê-hê-mi lãnh đạo vào năm 445 TC., tức là 90 năm sau lần hồi hương thứ nhất, để xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem, lúc bấy giờ đền thờ đã xây cất xong đồng thời một số dân Y-sơ-ra-ên hồi hương trong hai lần trước đã ổn định chỗ ở.

Trước khi bị lưu đày, nước Y-sơ-ra-ên có ngôn ngữ riêng, có vua riêng, có quân đội riêng, có bản sắc dân tộc riêng. Nhưng hôm nay, sau 70 năm bị lưu đày, Y-sơ-ra-ên không còn gì cả, điều người Y-sơ-ra-ên thiếu nhất là người lãnh đạo, không có người nào chỉ cho họ khởi sự từ đâu và chỉ dẫn họ xây dựng lại thành Giê-ru-sa-lem cho đến khi Nê-hê-mi trở về lãnh đạo công cuộc tái thiết vách thành, dù nhỏ hơn nhưng cao hơn thành đã bị quân Ba-by-lôn phá.

Nê-hê-mi ghi những thời điểm quan trọng trong công tác xây lại thành Giê-ru-sa-lem, công tác do chính Nê-hê-mi đảm nhiệm.

Đoạn 1:1, sách Nê-hê-mi ghi: “Lời của Nê-hê-mi, con trai Ha-ca-lia. Năm thứ hai mươi, nhằm tháng Kít-lơ, xảy khi tôi đương ở tại kinh đô Su-sơ”.

Chúng ta thấy Nê-hê-mi ghi cả hai thứ lịch: Lịch Phe-rơ-sơ ghi theo triều đại vua đang cai trị, đây là cách tính ngày tháng theo Đông phương, lấy niên hiệu triều vua đang trị vì làm chuẩn. Sau đó, Nê-hê-mi cũng ghi niên hiệu theo lịch Y-sơ-ra-ên, là tháng Kít-lơ, tức là vào tháng 9 lịch mặt trăng, tương đương tháng 11 hoặc 12 lịch mặt trời.

Y-sơ-ra-ên là quốc gia thuộc Á châu, nên cũng theo nông nghiệp, vì vậy, cũng sử dụng lịch theo mặt trăng cho thích hiệp với những vụ mùa nông nghiệp, nói theo Việt Nam, là Âm lịch, xê dịch với lịch theo mặt trời độ 2 đến 3 tháng.

Vào thời điểm này, tức là tháng 9 lịch Y-sơ-ra-ên năm nhằm năm thứ hai mươi của triều vua Ạt-ta-xét-xe nước Phe-rơ-sơ, Nê-hê-mi biết được tin tức về cư dân Y-sơ-ra-ên còn sót “bị tai nạn và sỉ nhục lắm; còn vách thành của Giê-ru-sa-lem thì hư nát và các cửa nó đã bị lửa cháy” (1:3).

Đoạn 2:1, sách Nê-hê-mi ghi: “Đương năm thứ hai mươi đời vua Ạt-ta-xét-xe, tháng Ni-san...”. tức vào tháng 1 lịch Y-sơ-ra-ên tức nhằm tháng 3 hoặc tháng 4 dương lịch.

Vào thời điểm này, tức sau khi Nê-hê-mi được tin buồn từ quê hương ít nhất ba tháng, Nê-hê-mi mới có dịp làm chức năng của một quan tể tướng rót và nếm thử rượu cho vua Ạt-ta-xét-xe. Đặc biệt lần này

đứng trước vua Phe-rơ-sơ, Nê-hê-mi có bộ mặt buồn rầu đến ngay cả vua cũng nhận ra nỗi buồn của Nê-hê-mi không phải vì sức khỏe bệnh, nhưng từ trong lòng. Chắc chắn bộ dạng buồn rầu không được phép đến trước mặt vua, Nê-hê-mi cũng biết qui định này, nên Nê-hê-mi nhìn nhận: “Bấy giờ tôi lấy làm sợ hãi lắm” (2:2).

Cảm ơn Chúa đã cảm động lòng vua A-ta-xét-xe quan tâm cái buồn của Nê-hê-mi và đã cho phép Nê-hê-mi được trở về quê hương của ông để xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem.

Đoạn 6:15 ghi, “Vậy, ngày hai mươi lăm tháng Ê-lun, vách thành sửa xong, hết năm mươi hai ngày”.

Với năm mươi hai ngày giữa muôn trùng khó khăn, Đức Chúa Trời đã cho Nê-hê-mi cùng những người đồng công xây xong vách thành Giê-ru-sa-lem như ước nguyện.

Người đời nói: Có gian nguy mới luận được anh hùng; người đời cũng nói: Ví thử đường đời bằng phẳng cả, anh hùng hào kiệt có mấy ai. Nói theo người đời thì Nê-hê-mi thật là một anh hùng của dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Cảm ơn Chúa, việc Nê-hê-mi hoàn thành công cuộc xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem, một công việc mà kẻ thù trước đó đã chế nhạo: Những người Giu-đa yếu nhược ấy làm gì? Chớ thì người ta sẽ để cho chúng nó làm lụng sao? Chúng nó há sẽ dâng những của lễ ư? Trong một ngày chúng nó há sẽ làm xong sao? Đá mà đã cháy thiêu rồi, chúng nó há có thể do đồng bụi đất mà lấy nó làm thành đá lại được sao?... Vả lại, cái vách bằng đá mà những kẻ ấy xây cất kia, nếu có một con chồn leo lên đó, tất sẽ đánh nó sập xuống liền” (4:2-3).

Và Kinh thánh ghi lại kết quả công việc Chúa được hoàn thành do những người chịu cực khổ vì Chúa làm xong thật vậy, công khó của Nê-hê-mi và những người đồng công vì Chúa, vì dân Chúa không vô ích, Kinh thánh ghi: “Khi những kẻ thù nghịch chúng tôi hay được điều đó – tức hay tin công việc hoàn thành, thì các dân tộc chung quanh chúng tôi đều sợ hãi và lấy làm ngã lòng; vì chúng nó nhìn biết rằng công việc này thành được bởi Đức Chúa Trời của chúng tôi” (6:16).

II/. CÔNG TÁC XÂY VÁCH THÀNH CỦA NÊ-HÊ-MI.

Tôi xin phép trích dẫn bài viết của Mục sư Nguyễn Duy Tân, trong TinLanhLibrary.com năm 2017 như sau:

... Chúng ta chú ý thấy ngoài việc xây sửa vách thành, Nê-hê-mi cũng sửa lại các cổng và cửa thành là những địa điểm rất quan trọng trong việc bảo vệ thành phố. Lúc Nê-hê-mi sửa chữa vách tường thành thì thành có 10 cổng vào. Một số cổng vẫn còn cho đến ngày nay (2017). Mỗi cổng đều có tên riêng và có ý nghĩa thật đặc biệt cho đời sống thuộc linh của chúng ta. Vì vậy chúng ta nên cố gắng sửa lại những cổng này khi muốn điều chỉnh lại đời sống đang đổ nát của gia đình hay Hội Thánh chúng ta.

Cổng Chiên cũng được gọi là Cổng Sư Tử - Nêh. 3:1.

Cổng này là cổng đầu tiên mà Nê-hê-mi nói đến. Trách nhiệm xây sửa được giao cho thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp, vì cổng này là nơi người ta mang chiên sinh tế vào để được dâng tại đền thờ. Ngày nay, để vào Cổng Chiên chúng tôi phải đi lên một con đường dốc thật khó khăn. Cổng này hiện nay đưa chúng tôi vào khu vực dành cho người Hồi giáo và dẫn tới khu vực đền thờ và con đường Thống khổ, Via Dolorosa.

Cổng Cá: (Nêh. 3:3)

Cổng này là nơi những người đánh cá mang cá vào thành để bán. Sau này Cổng Cá đã được xây lại và mang tên khác là Cổng Đa-mách (Damascus Gate) là cổng được cho là đẹp nhất nằm về phía Bắc, gần con đường dẫn đến mộ Chúa Jê-sus. Cổng này nhắc chúng ta lời kêu gọi của Chúa Jê-sus: “Hãy theo Ta, Ta sẽ khiến các con nên tay đánh lưới người.” (Mác 1:17)

Cổng Cũ (Nêh. 3:6):

Cổng này không phải là con đường dẫn đến đời sống cũ, không! Cái cũ đây là Tin Lành Cũ, là những Lễ Đạp Cũ mà chúng ta đã học từ xưa, mà chính miệng Chúa Jê-sus và các Sứ đồ giảng dạy (2Tê-sa. 2:15). Chúng ta phải cẩn thận với cái gì mới, “những mặc khải mới” mà Lời Chúa không nói đến, và coi chừng đó là Tin lành mới hay tà giáo (Gal. 1:6-8). Cũng đừng chạy theo bất cứ “phương cách mới” nào mà không được Kinh Thánh hậu thuẫn để phát triển công việc Chúa. Nếu những cái mới đã làm cho vách tường đời sống ta hay Hội thánh ta đổ vỡ, thì khi xây lại vách thành nên nhớ sửa lại cái Cổng Cũ này!

Cổng Rác (Nêh. 3:13,14 và 12:31).

Phía Nam của vách thành Giê-ru-sa-lem có cái Cổng Rác này, ngày nay thì rất đẹp, nhưng ngày xưa chỉ là cái cổng nhỏ, nơi mà người ta mang rác rến, đồ dơ, xác chết thú vật ra ngoài thành, nơi có một đồng rác lớn để đổ hoặc đốt bỏ (Mác 7:20-23).

Cổng Trứng (Nêh. 3:13)

Cổng này đưa người dân đi xuống thung lũng. Nó nhắc chúng ta Thi. 23:4 “Dầu khi tôi đi trong trứng bóng chết...” Con đường theo Chúa của chúng ta thường đưa chúng ta vào những thung lũng của thử thách, gian nguy, Cổng Trứng cũng nhắc nhở chúng ta phải có đời sống hạ mình, khiêm nhường trong tâm trí và trong tấm lòng.

Cổng Suối (Nêh. 3:15 và 12:37).

Cổng này nằm gần Ao Si-lô-ê nơi Chúa chữa lành cho người bại 38 năm. Cổng Suối nhắc chúng ta về Đức Thánh Linh, Ngài là suối nước mang đến sự tẩy sạch và tươi mát cho đời sống chúng ta, là Đấng an ủi và chữa lành, là nguồn năng lực và khôn ngoan, giúp chúng ta có khả năng vâng theo Lời Chúa và nhận được ân tứ để phục vụ Ngài (Giăng 7:30-38).

Cổng Nước (Nêh. 3:26, 27 và 8:1)

Nước luôn luôn là hình ảnh của Lời Chúa là nguồn nước sống cho chúng ta. Điểm đặc biệt là Cổng Nước là cổng duy nhất không cần Nê-hê-mi chỉnh sửa! Cổng Nước là địa điểm duy nhất trong vách thành còn đứng vững!

Cổng Ngựa (Nêh. 3:28).

Cổng này nằm gần chuồng của ngựa chiến. Con ngựa luôn tượng trưng cho chiến tranh nên nhắc nhở chúng ta về cuộc chiến không ngừng chống lại quyền lực của tối tăm (Êph. 6:12, II Ti-mô-thê 2:3).

Cổng Hướng Đông (cũng có tên là Cổng Vàng).

Đây là cái cổng lớn và đẹp, nên cũng có tên là Cổng Đẹp, nhưng không phải Cửa Đẹp nơi Phiê-rơ chữa lành cho người què. Cổng này quay về hướng Đông, là hướng của núi Ô-li-ve và vườn Ghết-sê-ma-nê xinh đẹp. Cổng này nằm ngay con đường dẫn vào đền thờ Sa-lô-môn mà Hê-rốt đại đế đã xây lại trong thời Chúa Jê-sus đang sống. Nhưng sau khi quân Hồi Giáo nhiều lần tái chiếm thành thì lại dùng đá xây

kín nó lại cũng vì ý nghĩ đó. Và lần cuối quân Hồi Giáo đã xây kín lại là cách đây 450 năm vẫn chưa được khai thông.

Cổng Thầy (Cổng Khảo sát).

Cổng này nhắc nhở chúng ta phải thường xuyên ngồi xuống kiểm điểm lại đời sống mình, ngừng lại mọi công việc để đánh giá sự hầu việc Chúa của mình, xem có điều nào sai trật không? Chúng ta đang làm mọi sự vì Chúa hay vì mình? Chúng ta đang tìm kiếm lợi riêng hay lợi ích cho Nhà Chúa? Đang tìm danh vọng hay sự vinh hiển cho Ngài? (I Côr. 3:13).

Cầu xin Chúa giúp chúng ta, dù là tín hữu hay tội tớ Chúa, đều cố gắng xây lại cho chắc chắn vách thành và các cổng thành trong đời sống cá nhân, gia đình, và Hội thánh để có thể bảo vệ cách hữu hiệu gia đình mình và Hội thánh Chúa trước những đòn tấn công ngày càng ác liệt từ ma quỷ trong kỳ cuối cùng. Amen!

SÁCH NÊ-HÊ-MI 9

NÉT LỊCH SỬ TRONG SÁCH NÊ-HÊ-MI

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Qua 8 bài cùng học sách Nê-hê-mi, điều làm tôi cứ suy nghĩ là Nê-hê-mi luôn ghi rõ niên hiệu những sự kiện trọng đại mà Nê-hê-mi đảm nhiệm. Điều đó có gì quan trọng? Rất quan trọng, vì điều đó giúp người tin Chúa Jêsus xác nhận:

KINH THÁNH KHÔNG PHẢI CHỈ LÀ SỰ MẶC KHẢI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ CŨNG KHÔNG PHẢI CHỈ LÀ MỘT SÁCH LỊCH SỬ.

Một số người chủ trương Kinh thánh là sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Nghe qua thì dường như hợp lý, vì chắc chắn nếu Đức Chúa Trời không mặc khải thì Môi-se không thể biết được Công Cuộc Sáng Tạo Vũ Trụ Trời Đất từ Ban Đầu để ghi lại trong sách Sáng thế kỷ. Nếu Đức Chúa Trời không mặc khải thì sứ đồ Giăng không thể nào biết được “những việc hiện có và những việc sau sẽ đến” (Khải 1:19), như đã được Giăng tường thuật trong sách Khải huyền. Nói chung, nếu Đức Chúa Trời không mặc khải thì loài người chúng ta không biết gì về Đức Chúa Trời Tạo hóa và loài người không biết gì về bản tánh cùng công việc của Đức Chúa Trời, nhất là nếu Đức Chúa Trời không mặc khải chính Ngài qua Chúa Jêsus Christ là Con Ngài thì loài người chúng ta không thể nào biết một “Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài”, như Kinh thánh đã khẳng định: “Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời; chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng giải bày Cha cho chúng ta biết”, và sứ đồ Phi-e-rơ khẳng định: “Trước hết phải biết rõ rằng chẳng có lời tiên tri nào trong Kinh thánh lấy ý riêng giải nghĩa được. Vì chẳng hề có lời tiên tri nào là bởi ý một người nào mà ra, nhưng ấy là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời” (Giăng 1:18; II Phi-e-rơ 1:20-21).

Tuy nhiên, Đạo lý của Đức Chúa Trời được mặc khải cho loài người luôn luôn là một Đạo Lý Thập Tự Giá, Đức Chúa Trời muốn con người cộng tác với Ngài, Đức Chúa Trời không đọc chính tả cho con người viết ra, nhưng Đức Chúa Trời dùng con người mà Chúa đã dựng nên cộng tác với Chúa. Đức Chúa Trời đã dùng những người tin cậy Ngài, những người đó biết hạ mình để Chúa dùng sau khi được học biết về Chúa, học biết những điều cần trong phạm vi con người, nghĩa là những người được Đức Chúa Trời dùng là những người học biết, hiểu biết.

Đó là điều Bác sĩ Lu-ca đã xác nhận khi viết cho một chức quyền của Đế quốc La Mã đương thời của ông. Lu-ca viết: “Hỡi Thê-ô-phi-lơ quý nhơn, vì có nhiều kẻ dốc lòng chép sử về những sự đã làm nên trong chúng ta, - theo như các người chứng kiến từ lúc ban đầu và trở nên người giảng đạo đã truyền lại cho chúng ta, - vậy, sau khi đã xét kỹ càng từ đầu mọi sự ấy, tôi cũng tưởng nên theo thứ tự viết mà tỏ ra cho ông, để ông biết những điều mình đã học là chắc chắn” (Lu-ca 1:1-4). Chúng ta hãy thử phân tích những lời Bác-sĩ Lu-ca nói:

Lu-ca cho biết độc giả mà ông gởi là một quý nhơn, nghĩa là một người có quyền thế, và có học thức, là một người quen thuộc với bác sĩ như Lu-ca. Đừng quên địa vị uy tín của một bác sĩ trong xã hội thời Lu-ca cũng như thời nay.

Lu-ca có tra cứu nhiều sách vở tài liệu của những người dốc lòng chép sử về những sự đã làm nên trong chúng ta, như vậy, Lu-ca trích những tài liệu của những tác giả có thật, chứng kiến thật, kinh nghiệm

thật, chính họ cũng là những người rao truyền những sự kiện mà Bác-sĩ Luca và Thê-ô-phi-lơ quý nhơn cũng biết.

Lu-ca xác nhận ông đã tra xét kỹ càng từ đầu mọi sự trước khi viết ra, cho nên những điều Lu-ca viết ra không phải là giáo lý tôn giáo mà là lời chứng rờ chạm được, đáng phải tin.

Vì vậy, từ người đầu tiên viết Kinh thánh là Môi-se, người đọc Kinh thánh thấy rõ là Môi-se đã khởi sự viết về sách Sáng thế ký thuật kể công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời, Môi-se ghi rõ niên hiệu là Ban Đầu hay: Khởi Sơ. Rồi khi vâng lời Đức Chúa Trời giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, Môi-se ghi lại Lời Đức Chúa Trời qui định: “Tại xứ Ê-díp-tô, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn rằng: Tháng này định làm tháng đầu cho các ngươi, tức là tháng giêng trong quanh năm” (Xuất. 12:1-2).

Kể từ ngày đó, tháng đầu tiên ra khỏi Ai Cập được dùng làm cái mốc thời gian:

Sách Xuất Ê-díp-tô ký 40:17 ghi: “Đến ngày mồng một tháng giêng về năm thứ hai, thì đền tạm đã dựng”.

Sách Dân số ký 10:11 ghi: “Xây trong ngày hai mươi tháng hai, năm thứ hai, thì trụ mây cất lên khỏi đền tạm chứng có”.

Sách Phục truyền 1:3 ghi: “Nhằm năm bốn mươi, ngày mồng một tháng mười một, Môi-se nói cùng dân Y-sơ-ra-ên mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã biểu người phải nói cùng họ”.

Sách II Các Vua 17:1 và câu 6 ghi niên biểu vương quốc Y-sơ-ra-ên phía Bắc bị người A-si-ri bắt lưu đày: “Năm thứ mười hai đời A-cha, vua Giu-đa, thì Ô-sê, con trai Ê-la, lên làm vua Y-sơ-ra-ên, tại Sa-ma-ri; người cai trị chín năm... Năm thứ chín đời Ô-sê, vua A-si-ri hãm lấy Sa-ma-ri, đem dân Y-sơ-ra-ên sang qua A-si-ri, lập họ ở tại Cha-la và trên bờ Cha-bo, sông của Gô-xan, cùng trong các thành nước Mê-đi”.

Trở lại sách Lu-ca, vị Sử gia này khi viết sách đã ghi rõ từng niên biểu sự kiện như sau:

1:5, Trong đời Hê-rốt, vua nước Giu-đa.

1:26, Đến tháng thứ sáu... Kìa, Ê-li-sa-bét, bà con ngươi, cũng đã chịu thai một trai trong lúc già nua; người ấy vốn có tiếng là son, mà nay cư mang được sáu tháng.

2:1-2, “Lúc ấy, Sê-sa Au-gút-tơ ra chiếu chỉ phải lập sổ dân trong cả thiên hạ. Việc lập sổ dân này là trước hết, và nhằm khi Qui-ri-ni-u làm quan tổng đốc xứ Sy-ri”.

3:1-2, “Năm thứ mười lăm đời Sê-sa Ti-be-rơ, - khi Bôn-xơ Phi-lát làm quan tổng đốc xứ Giu-đê, Hê-rốt làm vua chư hầu xứ Ga-li-lê, Phi-líp em vua ấy làm vua chư hầu xứ Y-tu-rê và tỉnh Tra-cô-ni, Ly-sa-ni-a làm vua chư hầu xứ A-by-len”.

Nói chung lại, Kinh thánh là sự mặc khải của Đức Chúa Trời qua thiên nhiên, qua con người, qua Chúa Jê-sus Christ, và qua Lịch sử loài người cũng như qua Lịch sử của tuyến dân và Lịch sử Hội thánh của Chúa Jê-sus Christ. Do đó, qui luật giải thích Kinh thánh bao giờ cũng phải từ Lịch sử rồi mới đến tiên tri; Kinh thánh là dòng chảy Lịch sử của dòng dõi người nữ sẽ đến làm Đấng Cứu Thế xuyên qua dòng lịch sử thế giới.

Đó là lý do Phao-lô viết cho Mục sư Ti-mô-thê, Phao-lô khẳng định Kinh thánh là sách “từ khi con còn thơ ấu đã biết Kinh thánh có thể khiến con khôn ngoan – nghĩa là mở mang kiến thức, và còn để được cứu bởi đức tin trong Đức Chúa Jê-sus Christ” (II Tim. 3:15).

Vì vậy, người học Kinh thánh sẽ có được kiến thức về lịch sử thế giới liên quan lịch sử người nữ qua dân Y-sơ-ra-ên, từ trận Đại Hồng Thủy đời Nô-ê, các thành phố quen thuộc với dân gian như thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ, những Đế quốc cổ xưa như Ai Cập, Ba-by-lôn, Mê-đi Ba-tư, Hi Lạp, La Mã, đồng thời cũng biết lịch sử Hội thánh của Chúa Jêsus Christ từ khi được thành lập tại Giê-ru-sa-lem, từ đó, người học Kinh thánh sẽ biết được chương trình của Đức Chúa Trời đối với loài người.

NGUỒN HIỂU BIẾT LỊCH SỬ CỦA NÊ-HÊ-MI.

Vấn đề là Nê-hê-mi có được nguồn lịch sử thế giới từ đâu? Tại sao Nê-hê-mi kèm theo lịch của dân tộc mình, dù ông là quan chức trong triều vua Phe-rơ-sơ?

Nếu tính theo thời gian, quân đội Ba-by-lôn đã tấn công Giê-ru-sa-lem và chiếm lấy Giu-đa từ năm 586 TC., đây là lần tấn công sau cùng, trước đó đã tấn công hai lần lưu đày một số người. Đến năm 538 TC, tướng Si-ru của liên minh Mê-đi Ba-tư đã chiếm thành Ba-by-lôn, kể từ đó Đế quốc Ba-by-lôn không còn nữa, và Si-ru lên làm vua Đế quốc Mê-đi Ba-tư hay còn gọi là nước Phe-rơ-sơ.

Sau hai đợt hồi hương của người Y-sơ-ra-ên từ lưu đày trở về, đợt thứ nhất do Xô-rô-ba-bên lãnh đạo, đợt thứ hai do Thầy tế lễ kiêm Văn sĩ E-xơ-ra lãnh đạo, đến năm 445 TC, thì Nê-hê-mi lãnh đạo cuộc hồi hương lần thứ ba.

Như vậy, chắc chắn Nê-hê-mi là người Y-sơ-ra-ên đã được sinh ra trong thời lưu đày tại kinh đô Su-sơ của Đế quốc Phe-rơ-sơ. Qua sách Đa-ni-ên 1:3-4 cho biết Đế quốc Ba-by-lôn đã tuyển chọn một số trai trẻ người Y-sơ-ra-ên bị lưu đày để đào luyện họ thành những người hữu dụng cho Đế quốc Ba-by-lôn, bằng cách cho học những gì cần thiết. Và trong số các thế hệ tiếp nối của người Y-sơ-ra-ên bị lưu đày được đào tạo này có Nê-hê-mi.

Với chương trình giáo dục cấp độ hoàng gia, từ đế quốc Ba-by-lôn chuyển sang Phe-rơ-sơ, chắc chắn Nê-hê-mi đã được học về lịch sử mất nước của người Y-sơ-ra-ên, cũng như phải học lịch sử của Đế quốc Phe-rơ-sơ, nhờ đó, Nê-hê-mi cũng có thể tham khảo những tài liệu liên quan dân Y-sơ-ra-ên của ông, nhất là tài liệu về gia phả của mười hai chi phái, mà Nê-hê-mi có thể tìm thấy trong thư viện tại kinh đô Su-sơ. Dĩ nhiên, Đức Chúa Trời đã dự bị bên cạnh Nê-hê-mi có học giả E-xơ-ra đồng công trong việc giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên biết luật pháp của Đức Chúa Trời, nhờ đó việc cai trị của tổng trấn Nê-hê-mi đỡ nhọc nhằn, chúng ta khó biết được E-xơ-ra làm cách nào thạo luật pháp của Đức Giê-hô-va, ngoài câu trả lời đó là việc Đức Chúa Trời làm.

Điều tôi vô cùng ngạc nhiên là mỗi khi nói đến niên biểu năm thứ mấy của vua nước Phe-rơ-sơ, Nê-hê-mi luôn kèm theo tháng của lịch Y-sơ-ra-ên, như tháng Kít-lơ (1:1), tháng Ni-san (2:1), tháng Ê-lun (6:15).

Như chúng ta đã nói, Nê-hê-mi là người Y-sơ-ra-ên được sanh ra trong khi cha mẹ bị lưu đày sang Ba-by-lôn. Với thân phận lưu đày thì làm sao có trường nào dạy về văn hóa, tiếng nói Y-sơ-ra-ên; nhất là với chánh sách Ba-by-lôn hóa của người Ba-by-lôn như sách Đa-ni-ên đoạn 1 đã nói đến: người Ba-by-lôn chọn những trai trẻ Y-sơ-ra-ên cho học văn hóa Ba-by-lôn, dạy tiếng Ba-by-lôn, cho ăn thức ăn của Ba-by-lôn, đổi tên theo ngôn ngữ Ba-by-lôn, tất cả đều Ba-by-lôn, để những người thuộc thế hệ F1, F2, của người Y-sơ-ra-ên lưu đày trở thành người Ba-by-lôn.

Cảm ơn Chúa, thế hệ của Nê-hê-mi rõ ràng thuộc thế hệ F3 hoặc F4, sống tại đất Ba-by-lôn, chưa hề biết quê hương Y-sơ-ra-ên của họ, thế mà Nê-hê-mi vẫn còn biết ông có một quê hương dù quê hương đó đã

mất, xa tít hơn hai ngàn cây số. Cảm động thay, Nê-hê-mi vẫn còn biết ngôn ngữ của dân tộc Y-sơ-ra-ên của ông, vẫn còn yêu mến quê hương của ông, Nê-hê-mi còn biết đếm lịch của dân Y-sơ-ra-ên của ông.

Một gương mẫu cho người Việt Nam xa xứ, đáng học lắm thay!

SÁCH NÊ-HÊ-MI 10

HỌC LỜI CHÚA.

Nê-hê-mi 8:3, “Bấy giờ, dân sự đều nhóm hiệp như thể một người tại phố ở trước cửa Nước. Chúng nói với E-xơ-ra là thầy thông giáo, xin người đem quyển sách luật pháp của Môi-se mà Đức Giê-hô-va đã truyền dạy cho Y-sơ-ra-ên”.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học 9 bài về sách Nê-hê-mi. Học sách Nê-hê-mi thì không thể nào quên đoạn thứ 8, vì đoạn sách này nói lên tấm lòng của dân Y-sơ-ra-ên sau 70 năm bị lưu đày, họ trở về với lòng khao khát Lời Chúa biết bao nhiêu. Kinh thánh ghi: “Bấy giờ, dân sự đều nhóm hiệp như thể một người tại phố ở trước cửa Nước. Chúng nói với E-xơ-ra là thầy thông giáo, xin người đem quyển sách luật pháp của Môi-se mà Đức Giê-hô-va đã truyền dạy cho Y-sơ-ra-ên”. Từ sự khao khát Lời Chúa, họ đã bày tỏ gương mẫu cách học Kinh thánh đáng cho chúng ta ngày nay bắt chước làm theo, đồng thời cho thấy sự thỏa lòng sau khi được nghe Lời Chúa.

I/. NGƯỜI HỌC LỜI CHÚA. 8:1-2.

Câu 1 bắt đầu với từ ngữ Bảy giờ. Bảy giờ là lúc nào? Bảy giờ là sau khi những sự kiện trước đó đã xảy ra, nghĩa là sau khi dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày 70 năm tại Ba-by-lôn trở về, họ đã xây cất đền thờ, xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem, ổn định cư trú, “Ấy vậy, những thầy tế lễ, người Lê-vi, kẻ giữ cửa, kẻ ca hát, mấy người trong dân, và người Nê-thi-nim, cùng cả Y-sơ-ra-ên, đều ở trong các thành của mình. Khi tháng bảy đến, thì dân Y-sơ-ra-ên đều ở trong các thành của mình” (7:73).

Với 70 năm lưu đày nơi đất khách quê người, dân Y-sơ-ra-ên bây giờ muốn học Lời Chúa. Nói đến đây, sao tôi thấy tình trạng dân Y-sơ-ra-ên lúc bảy giờ giống những người Việt Nam tin Chúa quá. Trước 1975, trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng việc rao giảng Lời Chúa rất rộng rãi, đến nỗi có Hội bỏ tiền thuê mượn xe Tin Lành lưu động đem 14 triệu sách nhỏ Tin Lành Giăng chạy khắp Miền Nam tặng mọi người; rồi có Hội mượn người đem sách in Lời Chúa tặng từng gia đình. Nhớ lại lúc ấy, lòng người tin Chúa Jê-sus ngội lạnh với Lời Chúa quá.

Sau 1975, lời Chúa lấy làm hiếm hoi, nhưng sự khao khát nghe và học Lời Chúa bùng cháy, dù đời sống khó khăn, nhưng người tin Chúa Jê-sus sẵn sàng tìm đến nơi có người dạy hoặc giảng Lời Chúa. Và sau đó, tình hình rộng rãi như hiện nay khiến lòng người ít còn quan tâm học Lời Chúa.

Tôi hỏi một người dân tộc tin Chúa Jê-sus đang sống ở Mỹ: ‘Tôi nghe nói khi còn ở Việt Nam, anh em người dân tộc phải thức dậy lúc 3 giờ sáng vào rừng để nhóm thờ phượng Chúa. Còn qua Mỹ, Hội thánh nhóm lúc 11 giờ sáng, đi nhóm thì bằng xe hơi, lạnh thì có máy sưởi; nóng thì có máy điều hòa, thế mà anh vẫn đi trễ. Tại sao?’ Người tin Chúa Jê-sus này trả lời: “Ở Mỹ đi làm suốt tuần mệt lắm. Weekend mới có thì giờ đi shopping, được ngủ bù”.

Có lẽ người Việt Nam tin Chúa cần đọc lại Lời Chúa trong sách II Sử. 36:14-21 để tỉnh thức; Hãy đọc Nê-hê-mi đoạn 8 này để thấy bài học của một dân tộc lìa bỏ Lời Chúa, bị phạt 70 năm lưu đày, lúc bảy giờ mới nhận ra Lời Chúa cần yếu biết bao nhiêu.

Điều thứ 2 mà câu 1 đã ghi: “dân sự đều nhóm hiệp như thể một người”. Không phải vài ba người thích học Lời Chúa, mà dân sự nhóm hiệp như thể một người, chúng ta nhận ra nguyên tắc hiệp một có cần cho Hội thánh muốn có quyền năng (Ma-thi-ơ 18:19-20; Công vụ 1:14).

Khi tôi kêu gọi Hội thánh học Lời Chúa, thì nhiều người tin Chúa lâu năm đáp: ‘Tôi học rồi!’. Ôi người đời nói: sự học như thuyền đi nước ngược, không tiến ắt thoái; người đời cũng nói: Điều tôi biết như một giọt nước, điều tôi chưa biết là cả một đại dương, hướng chỉ là Học Lời Chúa.

Sách Giô-suê 1:8, “Quyển sách luật pháp này chớ xa miệng ngươi.

Ê-sai 50:4, “Ngài đánh thức ta mỗi buổi sớm mai, đánh thức tai ta để nghe lời Ngài dạy, như học trò vậy”.

Công vụ 2:46, Hội thánh đầu tiên “Ngày nào cũng vậy, cứ chăm chỉ đến đền thờ”.

Đọc câu 1 này không ai dám bỏ qua thái độ Học Lời Chúa của dân Chúa: Dân Chúa đòi người có trách nhiệm đem Lời Chúa ra đọc cho họ nghe. Họ đòi được nghe Luật pháp của Đức Chúa Trời, không phải nghe lời của E-xơ-ra.

Không còn nói gì được nữa. Phải trở về với Kinh thánh là Lời Chúa thôi, nếu không muốn bị lưu đày.

II/. CÁCH HỌC LỜI CHÚA. 8:3-8

Phân đoạn này ghi rõ hai yếu tố có cần khi học Lời Chúa:

Yếu tố người nghe:

Đoạn 8:3b ghi: “Cả dân sự lắng tai nghe đọc sách luật pháp”. Nhóm từ ‘cả dân sự’, nói lên một hội chúng người nam và nữ đông lắm, không có ghế ngồi, không có máy sưởi hoặc máy điều hòa, không có máy phóng thanh, không có máy chiếu, không có bất cứ phương tiện hỗ trợ nào. Họ chỉ có một điều mà người tin Chúa ngày nay không có: lắng tai nghe!

Yếu tố người đọc hoặc người giảng:

Đoạn 8:8 ghi yếu tố thứ hai: “Họ đọc rõ ràng trong sách luật pháp của Đức Chúa Trời, rồi giải nghĩa nó ra, làm cho người ta hiểu lời họ đọc”. Lời Chúa nêu ra những việc cần để giúp người nghe bằng lòng lắng tai nghe và hiểu được:

“Họ đọc rõ ràng”: người giảng, người đọc, người dạy Lời Chúa phải đọc rõ ràng.

Tôi thường khuyên người hầu việc Chúa phải tập đọc Kinh thánh, đọc lớn thành tiếng để quen với những từ ngữ Kinh thánh, lý do khi đọc trệt là vì thói quen đọc thầm; không ngắt câu đúng chỗ, không ngưng nghỉ trước những dấu chấm, dấu phẩy.

Đọc rõ nhưng không cần sửa giọng, phát âm đúng, đọc lớn tiếng, phải lên xuống giọng để diễn đạt ý câu văn. Điều quan trọng không kém là vị trí người đứng đọc: E-xơ-ra đứng cao hơn dân sự (8:4-5).

Họ đọc “Sách luật pháp của Đức Chúa Trời”, đọc, giảng, dạy Lời Chúa là Kinh thánh.

Tôi đọc quyển Nguồn Cội của tác giả Dan Brow cho thấy ba vị lãnh đạo cao cấp của ba tôn giáo lớn Do thái giáo – Hồi giáo và Cơ-Đốc giáo trên thế giới, cũng là những học giả, đã hoang mang lo sợ khi nghe một khoa học gia, một nhà nghiên cứu, thuyết trình đưa ra một lý giải nguồn gốc loài người. Tôi thắc mắc: tại sao hoang mang trong khi các vị lãnh đạo có Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời, còn nhà nghiên cứu khoa học kia chỉ là con người.

Có bao nhiêu người giảng dạy Kinh thánh nhưng không đọc Kinh thánh vì nghĩ rằng Kinh thánh không hấp dẫn người nghe, họ đã nói rất nhiều về những triết lý, những nghiên cứu của loài người, những tin tức thời sự, thay cho việc đọc Lời Chúa. Đừng biến Kinh thánh là sách cấm nữa!

Giải nghĩa nó ra, làm cho người ta hiểu lời họ đọc.

Hãy nhớ ‘nói ít để người nghe hiểu nhiều; đừng nói nhiều mà người nghe không hiểu gì cả’. Một Chấp sự nói: ‘Sáng nay, Thầy Truyền đạo giảng cao quá, chúng tôi không hiểu được’, thế thì Hội thánh không cần Thầy Truyền đạo giảng. Tôi nói với một mục sư rằng: ‘Giảng không phải chỉ là giải thích cho người nghe hiểu, mà giải cho người nghe hiểu để họ làm theo’.

Sách Giô-suê 1:8, Chúa phán: “Quyển sách luật pháp này chớ xa miệng ngươi, hãy suy gẫm ngày và đêm, hầu cho cẩn thận làm theo mọi điều đã chép ở trong – phải đưa tới hành động làm theo Lời Chúa.

Sách Ma-thi-ơ 7:24, Chúa Jêsus phán: “Kẻ nào nghe và làm theo lời ta phán đây, thì giống như một người khôn ngoan...”.

Sách Khải huyền 1:3, kết thúc Kinh thánh với lời phán: “Phước cho kẻ đọc cùng những kẻ nghe lời tiên tri này, và giữ theo điều đã viết ra đây. Vì thì giờ đã gần rồi”.

Vấn đề không phải học Kinh thánh cho giỏi, giảng cho hay, mà là để làm theo. Hãy Học Lời Chúa để làm theo; hãy giảng dạy Lời Chúa cho người nghe hiểu để làm theo.

III/. CÔNG HIỆU VIỆC HỌC LỜI CHÚA. 8:9-18

Đọc phân đoạn này, tôi nhớ có người chỉ trích Mục sư Charles Spurgoen giảng làm cho người nghe cười là không nghiêm túc. Sau một chút suy nghĩ, Mục sư Spurgeon nói: ‘Cũng đúng, nhưng tôi nghĩ giảng cho người nghe cười nhẹ tội hơn giảng cho người nghe ngủ’.

Cũng có một mục sư hỏi tôi: ‘Thưa Mục sư, có người nói thấy mặt tôi [vị mục sư đó] là thấy cây búa. Thật sự khi sửa soạn bài giảng, tôi có chọn những chữ nhẹ nhàng, nhưng không biết tại sao, khi đứng lên thì là nói nặng nề như thế. Vậy là tại sao?’ Tôi đáp: ‘Có thể tại Mục sư quá nặng lòng với tình trạng Hội thánh, nên bị ám ảnh sử dụng ngôn từ nặng; hoặc do thói quen do sử dụng ngôn từ như vậy hoài. Dù vậy, vì Mục sư là quản nhiệm một Hội thánh, nên tôi đề nghị không nên giảng chuyên đề, mà nên nuôi hội chúng nhiều loại thức ăn để đủ dinh dưỡng, hôm nay giảng về cầu nguyện, tuần khác giảng truyền giáo, tuần khác giảng dâng hiến... Tôi là người giảng lưu động, nên giảng chuyên đề không sao’.

Thông lệ thì sau bài giảng, người ta thường chờ đợi những giọt nước mắt như dân Y-sơ-ra-ên sau khi nghe Lời Chúa, nhưng Nê-hê-mi đã nói với dân Chúa: “Nê-hê-mi, quan tổng trấn, E-xơ-ra, thầy tế lễ và thầy thông giáo, cùng người Lê-vi mà dạy dỗ dân sự, bèn nói với cả Y-sơ-ra-ên rằng: Ngày nay là thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi; chớ để tang, cũng đừng khóc lóc. Vì cả dân sự khóc khi nghe đọc các lời luật pháp. Nê-hê-mi nói với chúng rằng: Hãy đi ăn vật gì béo, uống đồ gì ngọt, và hãy gửi phần cho những người không có sắm sửa gì hết; vì ngày nay là thánh, biệt riêng ra cho Chúa của chúng ta. Chớ buồn thảm, vì sự vui vẻ của Đức Giê-hô-va là sức lực của các ngươi... Cả dân sự bèn đi dâng ăn uống, gửi cho những phần, cùng vui vẻ lắm; vì chúng có hiểu các lời người ta đã truyền dạy cho mình... bèn có sự rất vui mừng” (8:9-10, 12, 17).

Được Học Lời Chúa, hiểu được Lời Chúa khiến dân Chúa vui mừng. Một bài học cho người tin Chúa Jêsus ngày nay. Hãy đem sự vui vẻ vào hội chúng của Đức Chúa Trời. Vui từ gương mặt, giọng nói, tinh thần, hãy tạo không khí buổi Học Lời Chúa vui tươi qua những phần thưởng, bằng những câu hỏi trao đổi ngắn...

Hãy nhớ lời Nê-hê-mi nói với hội chúng: “Chớ buồn thảm, vì sự vui vẻ của Đức Giê-hô-va là sức lực của các ngươi” (Nê-hê-mi 8:10b). Hãy nhớ lời Chúa trong sách Châm ngôn 17:22, Lòng vui mừng vốn một phương thuốc hay; còn trí nao sờn làm xương cốt khô héo”.

Ê-XO-TÊ

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 1

NGƯỜI PHỤ NỮ LỪNG DANH.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Từ hôm nay, chúng ta sẽ cùng học một sách lịch sử mới rất thu hút người đọc, đó là sách Ê-xơ-tê. Nhưng trước khi nói đến Hoàng hậu Ê-xơ-tê, chúng ta cần nói đến một người phụ nữ lừng danh thánh sử khác là Bát-sê-ba.

I/. GIA THỂ BÁT-SÊ-BA.

Bát-sê-ba, tên của nàng có nghĩa là người con gái của lời thề. Không biết khi sanh nàng, cha mẹ nàng đã thề nguyện điều chi, hoặc gởi gắm ước vọng vào đứa con gái mà họ tin rằng sắc đẹp của nàng sẽ đưa nàng lên một nấc thang Mẫu Nghi Thiên Hạ, trong cái thời mà con trai quan trọng hơn con gái (Giê-rê-mi 20:14-15).

Bát-sê-ba thuộc con nhà quyền thế, cha nàng là Ê-li-am (II Samuên 11:3) tự là A-mi-ên (I Sứ 3:5), là một trong ba mươi bảy dũng sĩ của Đa-vít. Ông nội của Bát-sê-ba là A-hi-tô-phe (II Sam. 23:34), một mưu sĩ giỏi cũng là bạn thân của Đa-vít, rất được nể trọng vì sự khôn ngoan mưu trí của ông, và chính ông cũng được lòng dân (II Sam. 15:12, 31; 16:23). Chồng của Bát-sê-ba là U-ri, cũng là một trong các dũng sĩ của Đa-vít và được tin cậy, đã đem lại những chiến thắng cho Đa-vít (II Sam. 23:39).

Trong phương diện di truyền, người ta công nhận sự liên hệ giống nhau về hình vóc, tánh tình, giữa ông nội với cháu. Xét như thế, Bát-sê-ba chắc chịu ảnh hưởng và được giáo dục theo khuynh hướng có chủ tâm của ông nội A-hi-tô-phe: con trai của ông không được làm vua, thì cháu của ông làm Hoàng hậu, cháu cố của ông làm vua.

II/. SẮC ĐẸP BÁT-SÊ-BA.

Khi Bát-sê-ba bước vào cuộc diện, nàng đã đi vào với một thân thể nguyên vẹn không che đậy. Sách II Sam. 11:2 ghi: "Một buổi chiều kia, Đa-vít chỗi dậy khỏi giường mình, đi dạo chơi trên nóc đền vua, bèn thấy một người nữ đương tắm, người nữ ấy rất là lịch sự".

Ngoài những từ rất lịch sự, chúng ta không biết thêm một điểm nào về sắc đẹp của Bát-sê-ba. Nhưng cũng từ hôm ấy, một con người tài hoa như Đa-vít đã vương phải tơ tình với người nữ đó. Qua điều ấy, chắc chắn nàng phải có một sắc đẹp đặc biệt, khiến anh hùng phải lụy.

Để nhận diện một người đẹp như Bát-sê-ba, Kinh thánh đã sử dụng một lối văn khoa trương. Chúng ta có thể thấy phương pháp đó qua một người tài hoa như Đa-vít, vừa mang hình ảnh lý tưởng của nam giới - mặt người hồng hồng, con mắt xinh lịch, lại là một chiến sĩ dũng mãnh bách chiến bách thắng, cũng là một ca nhạc sĩ tài hoa. Bên cạnh Đa-vít, có những người đẹp của Y-sơ-ra-ên đều sẵn sàng hát múa, vỗ

trống, gõ nhịp, đón chào người anh hùng Đa-vít từ chiến trường thắng lực sĩ khổng lồ Gô-li-át trở về (I Sam. 18:6). Dù vậy, dường như Đa-vít đã không chút vương bận hay rung động, nếu có chăng chỉ là cuộc vui mà thôi.

I Sam. 18:17 cho nàng đại công chúa Mê-ráp của Sau-lơ xuất hiện. Mê-ráp là công chúa đầu lòng của một vị vua đẹp trai, được giới thiệu cho Đa-vít. Theo truyền thống ước lệ thì công chúa bao giờ cũng đẹp, mà con của vị vua đẹp trai, chắc chắn công chúa Mê-ráp phải đẹp. Nhưng Đa-vít đã khéo léo từ chối (18:18).

Đến công chúa Mi-canh, nàng công chúa út với câu nói dân gian Việt Nam: ‘giàu út ăn, nghèo út chịu’, con út bao giờ cũng dễ thương, được cưng chiều, nhất là con gái út của vua Sau-lơ. Với tánh tình như thế bộc lộ vóc dáng của Mi-canh chịu nhiều di truyền cha là vua Sau-lơ, mang một nét quyến rũ mà trong một thoáng Đa-vít vẫn còn nhớ đến.

Rồi I Sam. 25, với A-bi-ga-in. Bậc thang tài sắc của những người đẹp quanh Đa-vít càng lúc càng tăng cao với A-bi-ga-in. Nàng đã xuất hiện với lời giới thiệu: vợ thì thông minh tốt đẹp, còn chồng thì cứng cỏi, hung ác (I Sam. 25:3). A-bi-ga-in vừa đảm đang biết quản trị tài sản gia đình, vừa được lòng gia nhân, vừa có mưu lược ngăn chặn cơn giận của Đa-vít, đoán biết đường đi nước bước của Đa-vít. Tài đối đáp của A-bi-ga-in đã vuốt ve cơn giận của Đa-vít và cũng đã làm xao động trái tim của người hùng. Tài như thế, cảnh như thế, sắc của nàng ắt phải trên bất cứ một người đẹp nào mà người hùng Đa-vít đã gặp (II Sam. 11:2-5). Đến A-bi-ga-in thì người đẹp đã đạt đến một cái gì gần như hoàn hảo ‘tài sắc vẹn toàn’, công-dung-ngôn-hạnh.

Với một bối cảnh được dàn dựng như thế, Kinh thánh cho người đẹp Bát-sê-ba xuất hiện!

Ngay khi vừa xuất hiện, Bát-sê-ba đã trình diện với những đường nét hiện ra trong ánh sáng mờ mờ của buổi hoàng hôn đã làm cho trái tim vua Đa-vít quên hẳn những bóng hình của Mi-canh, của A-bi-ga-in, tất cả ra khỏi trái tim Đa-vít. Nếu nói xa hơn, ngay cả Chúa vinh hiển mà ngày nào khi đối mặt với sư tử, gấu, hay lực sĩ Gô-li-át, Đa-vít cũng không quên, thế mà kể từ cái đêm hôm ấy, Đa-vít cũng đã quên Đức Chúa Trời của mình.

Đến I Vua 1:1-4. Cuối những trang sử cuộc đời Đa-vít, một người đẹp nữa đã được đưa vào để tranh giành với Bát-sê-ba. Người đẹp A-bi-sác xuất hiện như một lời kết cho câu chuyện tình này. A-bi-sác với những điểm lý tưởng: một cô gái còn trẻ, đồng trinh, người đẹp đất Su-nem biết chăm sóc cho Đa-vít (II Vua 4:25, đất Su-nem của chi phái Y-sa-ca nổi tiếng cung ứng những người phụ nữ đẹp biết chăm sóc như những nữ điều dưỡng viên). Người nữ trẻ A-bi-sác, vừa đẹp vừa tế nhị, đối diện với một Bát-sê-ba bây giờ không còn tươi trẻ như ngày nào. Thế mà hình bóng Bát-sê-ba vẫn còn ngự trị trong trái tim vị vua đa tình, tiếng nói của Bát-sê-ba vẫn còn uy lực để giành lấy chiếc ngai vàng cho con mình là Sa-lô-môn. Bát-sê-ba, người tình muôn thuở đã gắn liền với vua Đa-vít.

III/. TÌNH SỬ BÁT-SÊ-BA

“Người con gái của lời thề” nằm nào trong gia đình, đã có cơ hội bước vào Hoàng cung của Đa-vít để tạo nên một thiên tình sử.

Bát-sê-ba với lời thề của ông nội A-hi-tô-phe và được ông nội đào luyện. Nàng đã có một người chồng là dũng sĩ U-ri, có sức mạnh, nhưng tấm lòng quá chân thật, quá yêu nước, say mê chinh chiến hơn là say mê người vợ đẹp (II Sam. 11:8-13). Không biết U-ri và Bát-sê-ba cưới nhau được bao lâu, điều suy đoán

là tình yêu của họ dường như không nồng thắm lắm. Chỉ một hay vài đêm bên cạnh Đa-vít, nàng Bát-sê-ba tức thì thụ thai, trong khi thời gian bên cạnh U-ri, nàng Bát-sê-ba vẫn còn trống rỗng.

Im lặng chấp nhận hay vui mừng bước vào cung cấm?, Bát-sê-ba phải trả lời một trong hai lý do: Sẵn sàng khuất phục uy quyền của một vị vua, để đạt được lời nguyện của ông nội.

Nếu bảo nàng khuất phục, thì chắc chắn nàng đã vùng dậy sau khi bị ép buộc, khi đó nàng sẽ khóc thật nhiều. Nhưng dường như Bát-sê-ba bình tĩnh lạ. Nàng trở về nhà để làm sạch thân thể, nhất là còn đủ bình tĩnh đến báo tin cho vua Đa-vít biết: “Tôi đã có thai!”.

Vua Đa-vít có hứa gì với người đẹp Bát-sê-ba trong lúc gặp nàng không? Câu trả lời chỉ có người đẹp Bát-sê-ba nắm giữ để trước lúc vua Đa-vít băng hà, Bát-sê-ba đã tung ra đòi hỏi thực hiện lời hứa đó trong di chiếu của vua Đa-vít.

IV/. THÁI HẬU BÁT-SÊ-BA

Sách I Vua 1:5-14, ghi hoạt động của các phe nhóm tranh giành ngai vàng đã diễn ra ráo riết, cả hai đều có những điều kiện tranh ngôi báu và đều biết ý nhau.

PHE A-ĐÔ-NI-GIA: Hoàng tử A-đô-ni-gia với vóc dáng dễ mến, vị trí kế thừa ngai vị hợp lý theo thứ tự hoàng tử, lại có Tướng Giô-áp là Tổng tham mưu trưởng, và thầy tế lễ A-bia-tha ủng hộ, quân đội đứng về phía Hoàng tử đẹp trai A-đô-ni-gia.

PHE BÁT-SÊ-BA (hay phe Sa-lô-môn): Có Tiên tri Na-than đại diện cho hàng quan Văn và thầy tế lễ Xa-đốc, dũng sĩ Bê-na-gia ủng hộ.

So sánh lực lượng, cán cân nghiêng hẳn về phía Hoàng tử A-đô-ni-gia, nên các Hoàng tử khác đã mau lẹ chạy theo ủng hộ A-đô-ni-gia. Tiên tri Na-than và Bát-sê-ba đã nhận ra thế yếu của mình, hi vọng chỉ còn trông vào vai trò của Bát-sê-ba với tất cả nghệ thuật của nàng một thuở nào vang bóng.

Người đẹp Bát-sê-ba đã ra tay lần này thật nguy hiểm, khi không có trong tay sức mạnh của quân đội, bà đã vượt qua tất cả lính canh, ngay cả vượt qua người đẹp A-bi-sác còn trấn giữ bên cạnh vua Đa-vít. Bát-sê-ba thật can đảm, một thứ can đảm gần như liều mạng, lần thứ hai trong đời bà quên cái chết. Cái hay của Bát-sê-ba là biết lúc nào cần liều mạng sống và bà đã thành công. Di chiếu đã được viết, vua đã quyết định, trước lời hứa xưa bên người đẹp, trước tiếng nói và nước mắt từng làm vua Đa-vít rung động. Đa-vít đã chiến thắng trên mọi phương diện, chỉ trừ trước người đẹp Bát-sê-ba. Đòn tâm lý của phe Tiên tri Na-than đã đánh trúng, không cần đổ một giọt máu, Sa-lô-môn đã lên ngôi giữa sự bàng hoàng của phe A-đô-ni-gia (I Vua 1:49).

Một lần nữa, Bát-sê-ba đã thắng, Sa-lô-môn đưa con của bà, đưa con của lời thề nguyện ngày nào của dòng họ A-hi-tô-phe đã chính thức lên ngôi báu. Kể từ giờ phút này thần dân Y-sơ-ra-ên phải thêm một tiếng tung hô dành cho Bát-sê-ba: Thái hậu Bát-sê-ba thiên tuế.

Tất cả địch thủ đã bị loại. Thái hậu đã đủ tư cách kiêu hãnh trước tài sắc của mình. Tuy nhiên cuộc đời không dễ như Thái hậu Bát-sê-ba nghĩ. Từ địa vị một công nương được lên ngôi Quý phi, rồi bây giờ là Thái hậu, có lẽ bà đã nghĩ đến việc nắm trong tay uy quyền tột đỉnh. Thái hậu đã đến yêu cầu hay muốn ‘ra lệnh’ cho vua Sa-lô-môn ban A-bi-sác cho A-đô-ni-gia. Đối với bà, A-bi-sác là một người đáng ghét, vì tranh sắc đẹp của bà, đã làm cho bà phải lo lắng khi người con gái trẻ hiện diện bên cạnh vua Đa-vít ngày

nào. Đưa ra yêu cầu này, Thái hậu Bát-sê-ba muốn vừa là thi ân vừa muốn chứng tỏ uy quyền của bà đối với Tân vương Sa-lô-môn, cũng vừa muốn diệt trừ một kẻ thù đáng ghét chập chờn trước mắt.

Bất ngờ, thật bất ngờ, vua Sa-lô-môn đã từ chối yêu cầu. Chắc chắn Thái hậu Bát-sê-ba đã biến sắc vì lần đầu tiên trong cuộc đời, lời yêu cầu của bà bị từ chối, ngay cả vua Đa-vít cũng không thể từ chối. Vua Sa-lô-môn từ chối yêu cầu của bà vì muốn chứng tỏ vua Sa-lô-môn là con của vua Đa-vít bởi vợ của U-ri, không phải là vợ của vua Đa-vít (Math. 1:5). Người ta không còn thấy bóng dáng của bà trong chính trường và lịch sử Y-sơ-ra-ên. Một ngàn năm sau người ta vẫn gọi bà là vợ của U-ri, người ta không muốn nhận bà là vợ của vua Đa-vít, kể cả con trai của bà.

Tôi mượn lời của Sa-lô-môn trong Nhã ca 8:6-7 viết lời kết cho câu chuyện tình này, “Vì ái tình mạnh như sự chết, Lòng ghen hung dữ như Âm phủ. Sự nóng nó là sự nóng của lửa, Thật một ngọn lửa của Đức Giê-hô-va. Nước nhiều không tưới tắt được ái tình, Các sông không nhận chìm nó được; Nếu người nào đem hết tài sản nhà mình, đặng mua ái tình, Ất người ta sẽ khinh dễ nó đến điều”.

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 2

NGƯỜI PHỤ NỮ LỪNG DANH.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời. Trong bài trước, bài Ê-xơ-tê 1, chúng ta đã nói đến người phụ nữ lừng danh thành sử là Bát-sê-ba. Người phụ nữ này làm rung chuyển nước Y-sơ-ra-ên của vua Đa-vít, tôi đã viết một tiểu thuyết dành riêng cho Bát-sê-ba với tựa đề: Tình Sử Bát-sê-ba. Nếu cần một sự so sánh với những phụ nữ lừng danh thế giới như: Lữ hậu của Nhà Hán, Võ Tắc Thiên của Nhà Đường, Từ Hi của Nhà Thanh, bên Trung quốc; hoặc Nữ hoàng Catherine của Nga, thì Bát-sê-ba hơn hẳn, vì bà hoàn toàn không hề độc ác.

Hôm nay, chúng ta sẽ cùng học về người phụ nữ thứ hai lừng danh trong thánh sử, là Hoàng hậu Ê-xơ-tê. Kinh thánh không nói gì về sắc đẹp của Ê-xơ-tê, chỉ biết là vua A-suê-ru vừa nhìn thấy Ê-xơ-tê thì đẹp ý vua, ngay cả quan thái giám chưởng quản các cung phi là Hê-gai cũng đẹp lòng đối với Ê-xơ-tê.

I/. LÝ LỊCH CỦA Ê-XƠ-TÊ.

Sách Ê-xơ-tê đã dùng đoạn 1 để viết về bối cảnh đưa đến sự xuất hiện của Ê-xơ-tê, mãi đến đoạn 2:7, chúng ta thấy đến bấy giờ tác giả sách mới cho Ê-xơ-tê xuất hiện: “Người – tức là Mạc-đô-chê, bảo dưỡng Ha-đa-sa (tức là Ê-xơ-tê) con gái của cậu mình, vì nàng không có cha mẹ. Người thiếu nữ ấy là tốt tươi hình dạng, đẹp đẽ dung nhan. Vậy, khi cha mẹ nàng đã qua đời rồi, Mạc-đô-chê nhận nàng làm con gái mình”.

Từ lời Kinh thánh giới thiệu, chúng ta có thể biết một số điều về nàng Ê-xơ-tê:

Ê-xơ-tê là một thiếu nữ mồ côi cha mẹ, được người anh cô cậu của nàng là Mạc-đô-chê bảo dưỡng. Qua 2:5-6 cho biết Ê-xơ-tê là người Giu-đa, con cháu của những người Giu-đa tại Giê-ru-sa-lem bị bắt lưu đày từ thời Giê-cô-nia, vua Giu-đa, tức là Giê-hô-gia-kin, còn sách Tin Lành Ma-thi-ơ gọi là Giê-chô-nia (I Vua 24:8-17; II Sử. 36:9-10; Giê-rê-mi 22:24-28; 24:1; 27:20; 28:4; 29:2; 37:1; Math. 1:11-12). Trong cuộc lưu đày lần thứ hai này, Kinh thánh ghi: “Vậy, người đem Giê-hô-gia-kin đến Ba-by-lôn; lại bắt đem đến Ba-by-lôn, thái hậu, hoàng hậu, các hoạn quan, những người sang trọng của xứ, luôn với những người chiến sĩ, số là bảy ngàn người, các thợ mộc và thợ rèn, số là một ngàn người, cả thầy đều là người mạnh dạn có tài chiến trận” (II Vua 24:15-16). Xét như thế, nàng Ê-xơ-tê có liên quan đến dòng dõi hoàng gia, hoặc những người tài giỏi của Giu-đa bị lưu đày.

Ê-xơ-tê có tên theo tiếng Hi-bá-lai là HA-ĐA-SA, nghĩa là CÂY MÍA, ám chỉ là ngọt ngào. Cho đến thời cổ đại này thế giới chưa phát minh ra đường để ăn, người ta dùng mật ong thay thế chất ngọt, một nhu cầu trong thức ăn của con người, mà mật ong là loại xa xỉ phẩm đặc tiền. Thư tịch lịch sử đã nhắc đến MÍA từ năm 510 TC. Thời đó Đế quốc Ba Tư dưới triều vua Đa-ri-út I bành trướng biên cương. Khi chinh phạt Ấn Độ (Ê-xơ-tê 1:1), sử gia Ba Tư ghi rằng MÍA là "loại cây sồi cung cấp mật ong mà không cần có ong". Có lẽ để đánh dấu sự kiện tìm ra Cây Mía, nên cha mẹ Ê-xơ-tê đã đặt tên cho con gái mình là Cây Mía.

Ê-xơ-tê cũng có tên theo tiếng Ba-tư là Ê-xơ-tê, nghĩa là NGÔI SAO, có lẽ để nói lên vẻ đẹp rực rỡ của nàng, giống như ngày nay người đời gọi người thiếu nữ đẹp, nét na, là “ngôi sao sáng”, một minh tinh.

Ê-xơ-tê là con gái của A-bi-sai, nàng mồ côi cha mẹ được người anh cô cậu Mạc-đô-chê đem về nuôi (2:15).

Nhắc lại lịch sử Y-sơ-ra-ên thời nước Phe-rơ-sơ cai trị.

Sau khi chiếm được Ba-by-lôn, Si-ru tiếp tục mở mang bờ cõi về hướng Đông. Ông băng hà năm 530 TC. Darius I nối ngôi và ngự trị một thời gian dài (522-486 TC.). Ông lo tổ chức lại đế quốc rộng lớn này: Sau khi Xét-xe I bị quân Hy Lạp đánh bại tại Salamie (480), A-t-ta-xét-xe I (464-424 TC.) lên ngôi. Nê-hê-mi đang làm viên chức trong triều đình được phái đi Giê-ru-sa-lem; trước đây dân Y-sơ-ra-ên thuộc tỉnh Sa-ma-ri, nhưng từ nay họ thành một tỉnh độc lập.

Vua Si-ru chấm dứt 70 năm Y-sơ-ra-ên bị lưu đày tại Ba-by-lôn. Ước tính có chừng 50 nghìn người Do thái trở về quê hương mình thành 2 đợt chính:

Năm 538 TC., đoàn hồi hương đầu tiên dưới sự dẫn dắt của Xô-rô-ba-bên, gồm nhiều thầy tế lễ, một ít người Lê-vi và nhiều "quà tặng" là các nô lệ phục vụ Đền thờ (Ê-xơ-ra 2:43, 55), những người không có địa vị tôn giáo và đã làm ăn khá ở Ba-by-lôn thì chọn ở lại.

Việc tái định cư ở Giu-đa gặp khó khăn, đất đai đã bị người Sa-ma-ri chiếm, cho nên họ không cảm tình với những sở hữu chủ cũ là dân Y-sơ-ra-ên ngày nay trở về đòi lại. Mặt khác, người Sa-ma-ri muốn góp phần tái thiết Đền thờ nhưng bị dân Y-sơ-ra-ên từ chối vì cho rằng người Sa-ma-ri đã bị lai. Hơn nữa dân Sa-ma-ri còn chống việc xây lại tường thành Giê-ru-sa-lem. Cộng vào đấy lại thêm nạn hạn hán và thiếu tiền. Tất cả những khó khăn trên buộc phải ngưng xây cất Đền thờ.

Năm 529 TC. dưới triều Đa-ri-út, một đoàn thứ hai rời Ba-by-lôn dưới sự dẫn dắt của E-xơ-ra có sự hỗ trợ của các tiên tri A-ghê và Xa-cha-ri, cuối cùng Đền thờ đã tái thiết xong năm 515 TC. sau 5 năm nỗ lực. Sau này đền thờ này được vua Hê-rốt nói rộng và trang hoàng từ năm 19 TC. (Giăng 2:20), nhưng đền thờ này lại bị quân La Mã phá huỷ vào năm 70 SC.

Sách Ê-xơ-tê cho thấy có nhiều người Y-sơ-ra-ên vẫn ở lại Ba-by-lôn, làm thành một cộng đồng sinh động. Tiếng Aram được chọn làm ngôn ngữ chung, là thứ ngôn ngữ gần với tiếng Hi-bá-lai, được sử dụng trong khắp đế quốc Ba Tư trong công việc thương mại và ngoại giao. Ở Giu-đê, tiếng Aram dần dần thay thế tiếng Hi-bá-lai là thứ tiếng chỉ còn dùng trong thờ phượng. Thời Chúa Jê-sus trên đất, dân chúng nói tiếng Aram.

Tuy nhiên, dường như cũng còn ý tưởng kỳ thị chủng tộc trong nước Phe-rơ-sơ, bằng cứ là Mạc-đô-chê đã can ngăn Ê-xơ-tê không được tỏ ra gốc dân của nàng (Ê-xơ-tê 2:10), và sự thù ghét của Thủ Tướng Ha-man đối với dân Y-sơ-ra-ên đã chứng minh sự kỳ thị đó (Ê-xơ-tê 3:6). Giữa bối cảnh như vậy, Ê-xơ-tê đã xuất hiện.

II/. HÀNH TRÌNH LÊN NGÔI HOÀNG HẬU.

Đoạn 2:9, Lời Chúa cho biết đã có một cuộc tuyển phi thay thế hoàng hậu Vả-thi vừa bị truất phế, và Ê-xơ-tê nằm trong số các thiếu nữ được hoặc bị tuyển phi. Sự kiện đặc biệt là vừa gặp quan thái giám chưởng quản cuộc tuyển phi là Hê-gai, Ê-xơ-tê lập tức được Hê-gai vừa lòng và sẵn sàng giúp đỡ. Thông thường trong những cuộc tuyển phi thời phong kiến, các hoạn quan như Hê-gai có quyền hành rất lớn, và luôn đòi hỏi những người muốn được tuyển hay không muốn được tuyển nộp những món quà hối lộ rất lớn. Nếu không được lo lót, các thiếu nữ được tuyển vào cung suốt đời cũng không được gặp vua. Cảm ơn Chúa, chúng ta chẳng nghe Ê-xơ-tê hối lộ, mà ngược lại nàng được quan Thái giám Chưởng quản

đặc biệt chăm lo. Rõ ràng có bàn tay của Đức Chúa Trời đặt vào, và nàng Ê-xơ-tê phải là nàng thiếu nữ dung hạnh dịu dàng.

Qua việc Ê-xơ-tê được tuyển chọn vào cung mà không cần hối lộ, lại còn được quan Thái giám chưởng quản đẹp lòng giúp đỡ, bảo vệ, dành cho nhiều ưu đãi, nói như nhà giải nghĩa Kinh thánh Matthew Henry đã nói: ‘Dù chúng ta không thấy Danh Đức Chúa Trời trong sách Ê-xơ-tê, nhưng chúng ta vẫn thấy được bàn tay của Đức Chúa Trời hành động’. Thật vậy, chúng ta nhìn thấy bàn tay của Đức Chúa Trời dẫn Ê-xơ-tê từng bước trong hành trình lên ngôi hoàng hậu:

Đoạn 2:8-9, vừa khi bước vào cung vua, Kinh thánh ghi: “Xảy ra khi mạng lệnh của vua và chiếu chỉ người đã được rõ biết, khi có nhiều con gái trẻ đã nhóm hiệp tại kinh đô Su-sơ, giao phó cho Hê-gai chưởng quản, thì Ê-xơ-tê cũng được đem đến cung vua, giao phó cho Hê-gai, quan thái giám các cung phi. Con gái trẻ đó đẹp lòng Hê-gai và được ơn trước mặt người; người lật đặt ban cho nàng những hương phẩm cần dùng sự tẩy uế, và những vật nhứt dụng của nàng, cùng cấp cho nàng bảy con gái tơ chọn lấy trong cung vua; đoạn Hê-gai dờ nàng với các con gái tơ vào trong một cái phòng tốt nhứt của cung phi tần”. Một lần nữa, chúng ta làm sao chối bỏ bàn tay của Đức Chúa Trời hành động, dù sách không nói đến Danh Chúa?

Đoạn 2:15, cho biết Ê-xơ-tê rất khiêm nhu, không chú trọng chưng diện bên ngoài: “Khi phiên Ê-xơ-tê... đi vào cung vua, thì nàng chẳng cầu chi hết, ngoại trừ điều Hê-gai, hoạn quan vua, thái giám các phi tần, đã định cho. Ê-xơ-tê được ơn trước mặt mọi người thấy nàng. .. Vua thương mến Ê-xơ-tê nhiều hơn các cung nữ khác, và nàng được ơn tại trước mặt vua hơn những nữ đồng trinh; vua đội mão triều thiên trên đầu nàng, và lập nàng làm hoàng hậu thế cho Vả-thi. Và một lần nữa chúng ta nghe được một câu khen ngợi của những người chung quanh: Ê-xơ-tê được ơn trước mặt mọi người thấy nàng, không phải chỉ một mình quan chưởng quản khen, mà mọi người khen, vua A-suê-ru cũng khen. Thật bàn tay của Đức Chúa Trời đã dẫn dắt nàng thiếu nữ “tài đức ai sẽ tìm được? Giá trị nàng trởi hơn châu ngọc... Duyên là giả dối, sắc lại hư không; nhưng người nữ nào kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ được khen ngợi” (Châm ngôn 31:10, 30).

Ê-xơ-tê cầu nguyện, nàng biết kêu gọi những người thuộc Đức Chúa Trời cầu nguyện. Đoạn 4:15-16 ghi: “Bà Ê-xơ-tê bèn biểu đáp lại cùng Mạc-đô-chê rằng: Hãy đi nhóm hiệp các người Giu-đa ở tại Su-sơ, rồi hãy vì tôi kiêng cử ăn trong ba ngày và đêm, chớ ăn hay uống gì hết; tôi và các nàng hầu cũng sẽ kiêng cử ăn nữa; như vậy, tôi sẽ vào cùng vua, là việc trái luật pháp; nếu tôi phải chết thì tôi chết”. Ê-xơ-tê thật là một người nữ can đảm, khi tuyên bố: Nếu tôi phải chết thì tôi chết! Ê-xơ-tê thật là người nữ có đức tin!

Đoạn 7:3-4, Ê-xơ-tê là một người yêu thương dân tộc của nàng, nàng đã vì dân tộc mình mà cầu thay xin vua giải cứu dân tộc mình.

Với tất cả những đặc tánh khiêm nhu, cầu thay cho dân tộc, các nhà giải nghĩa Kinh thánh đã đồng ý cho rằng Ê-xơ-tê là hình bóng về Chúa Jêsus Christ là Đấng cầu thay cho người tin Chúa Jêsus Christ bên cạnh Đức Chúa Cha,

Rôma 8:34, phán: “Ai sẽ lên án họ ư? Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng đã chết (Ê-xơ-tê liêu chết) và cũng đã sống lại nữa, Ngài đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, cầu nguyện thế cho chúng ta”.

I Giăng 2:1b, Lời Chúa phán: “chúng ta có Đấng cầu thay ở nơi Đức Chúa Cha, là Đức Chúa Jêsus Christ, tức là Đấng Công bình”.

Tóm lại, Ê-xơ-tê có những đặc điểm như sau:

2:7, xinh đẹp.

2:15, khiêm nhu.

4:16; 7:6, can đảm vì tin cậy Đức Chúa Trời.

7:3-4, yêu thương dân tộc mình.

Ê-xơ-tê xứng đáng được Đức Chúa Trời cho được tuyển chọn làm Hoàng hậu để cứu dân Chúa; và Hoàng hậu Ê-xơ-tê làm hình bóng về Chúa Jêsus Christ là Đấng bình vực, cầu thay cho người tin Chúa (Rôma 8:31-39). Cảm ơn Chúa, Chúa đã có một người nữ dù sống xa quê hương, ở giữa một Đế quốc thờ hình tượng, nhưng lòng vẫn tin kính Đức Chúa Trời và vẫn yêu thương dân tộc mình. Thật cao quý thay!

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 3

SO SÁNH Ê-XƠ-TÊ VỚI RU-TƠ.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng so sánh hai người phụ nữ được Kinh thánh dùng tên đặt cho hai sách trong Kinh thánh, ấy là nàng thôn nữ Ru-tơ và Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một sự so sánh hai người nữ vĩ đại và đạo đức ở hai vị trí khác nhau.

SO SÁNH THỨ I:

Ru-tơ là một người nữ ngoại bang thuộc dân Mô-áp được đem về sống giữa người Y-sơ-ra-ên. Kinh thánh cho chúng ta biết về dân Mô-áp như sau:

Sách Sáng thế ký 19:30-38 ghi lại nguồn gốc dân Mô-áp là dòng dõi của Lót say rượu phạm tội loạn luân với con gái lớn của ông sanh ra dân Mô-áp, con gái nhỏ thì sanh ra dân Am-môn.

Sách Dân số ký từ đoạn 22 đến đoạn 25 tường thuật dân Mô-áp tìm cách ngăn cản hành trình về Đất Hứa của dân Y-sơ-ra-ên, chỉ một đoạn đường ngắn nữa là dân Chúa về tới Đất Chúa đã hứa. Vua Ba-lác của Mô-áp đã lập mưu mời tiên tri Ba-la-am rủa sả dân Chúa, nhưng Đức Chúa Trời đã biến rủa sả thành chúc phước. Không rủa sả được, Ba-la-am vì tham tiền thưởng của vua Mô-áp đã bày mưu gian ác làm hại dân thánh. Kinh thánh ghi: “Dân Y-sơ-ra-ên ở tại Si-tim, khởi thông dâm cùng những con gái Mô-áp. Con gái mời dân sự ăn sinh tế cúng các thần mình; dân sự ăn và quì lạy trước thần chúng nó. Y-sơ-ra-ên cúng thờ thần Ba-anh Phê-ô; cơn giận của Đức Giê-hô-va bèn nổi lên cùng Y-sơ-ra-ên... Và, có hai mươi bốn ngàn người chết về tai vạ này” (Dân. 25:1-9).

Sách Phục truyền 23:3-6 trước khi dân Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa, Môi-se đã truyền lệnh về việc đối với dân Mô-áp: “Dân Am-môn và dân Mô-áp sẽ không được vào hội Đức Giê-hô-va, dầu đến đời thứ mười cũng chẳng hề bao giờ vào được; bởi vì khi các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, chúng nó không đem bánh và nước ra rước các người trên đường, và bởi vì chúng nó có mưu Ba-la-am, con trai Bê-ô, ở Phê-thô-rơ tại Mê-sô-bô-ta-mi, đi đến rủa sả người, Nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời không chịu Ba-la-am, bèn đổi sự

rửa sả ra sự chúc phước cho người, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người thương mến người. Trọn đời người chớ hề cầu sự bình an, hoặc sự ích lợi cho chúng nó”.

Trong khi đó, Ê-xơ-tê là một người nữ thuộc dòng dõi quý tộc Y-sơ-ra-ên bị lưu đày sống giữa người ngoại bang Ba-by-lôn, rồi Phe-rơ-sơ. Lịch sử thế giới cổ xác nhận dân Giu-đa có ba lần bị quân đội Ba-by-lôn bắt lưu đày:

Lần lưu đày thứ nhất vào năm 605 TC., lần này có Đa-ni-ên, được ghi trong sách II Vua 24:1-4; II Sử 36:5-8.

Lần lưu đày thứ hai xảy ra vào năm 597 TC., lần này có Ê-xê-chi-ên, được ghi trong sách II Vua 24:8-17; II Sử 36:9-10.

Lần lưu đày thứ ba xảy ra vào năm 586 TC., đây là lần lưu đày cuối cùng, được ghi trong sách II Vua 25:1-26; II Sử 36:11-21.

Nếu tính từ khi bị lưu đày lần thứ hai vào năm 597 TC. đến khi Ê-xơ-tê được tuyển vào cung vua A-suê-ru là năm 479 TC., hơn 100 năm, đã qua hai đợt hồi hương, nhưng Mạc-đô-chê vẫn còn ở lại kinh đô Su-sơ nuôi dưỡng Ê-xơ-tê. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị công cuộc giải cứu dân Chúa trước hàng trăm năm!

Như vậy, một người nữ tên Ru-tơ từ địa vị bị rửa sả, lại mất chồng, mất tất cả, chỉ còn bà mẹ chồng và Đức Chúa Trời của mẹ là Đức Chúa Trời của con, rời bỏ vị trí mất tất cả đến nơi xứ của Đức Chúa Trời là Bết-lê-hem, cuộc đời thay đổi trở nên quý hơn bảy con trai và lên địa vị tổ mẫu của một vị vua nổi danh, hơn thế nữa lại được dự phần dòng dõi Đấng Cứu Thế. Chúa Jê-sus phán: “Quả thật, ta nói cùng các người, chẳng một người nào vì ta và Tin Lành từ bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái, đất ruộng, mà chẳng lãnh được đương bây giờ, trong đời này, trăm lần hơn về những nhà cửa, anh em, chị em, mẹ con, đất ruộng, với sự bắt bớ, và sự sống đời đời trong đời sau” (Mác 10:29-30). Ru-tơ là hình ảnh của người con trai hoang đàng mà Chúa Jê-sus Christ đã thuật kể trong Luca 15, nó xuống tới cùng cực xã hội, vậy nó mới tỉnh ngộ mà về cùng cha mình, lòng chỉ mong được làm đầy tớ trong nhà cha để có bánh ăn, không ngờ được tái lập địa vị làm con, hưởng hạnh phúc trong nhà cha.

Còn Ê-xơ-tê từ địa vị con gái kẻ lưu đày, với tánh tình dịu dàng, Chúa phán: “Một người nữ tài đức ai sẽ tìm được, giá trị nàng trỗi hơn châu ngọc... Duyên là giả dối, sắc lại hư không; nhưng người nữ nào kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ được khen ngợi” (Châm. 31:10, 30-31). Người chưa tin Chúa phải thốt lên: ‘Không phải người đẹp là người hạnh phúc; nhưng người hạnh phúc là người đẹp’, Kinh thánh không cần tả vẻ Ê-xơ-tê đẹp, nhưng ai đọc câu chuyện Ê-xơ-tê hi sinh cứu dân mình khỏi họa diệt chủng, đều cảm nhận nàng Ê-xơ-tê Đẹp Lắm!

SO SÁNH THỨ II.

Ru-tơ đã từ bỏ một xứ Mô-áp bị Đức Chúa Trời rửa sả, để theo bà mẹ chồng Na-ô-mi đến làng Bết-lê-hem xa lạ. Tôi thấy bóng dáng của một Áp-ra-ham ngày xưa trong sách Sáng thế ký đoạn 12, Áp-ra-ham vâng lời Đức Chúa Trời gọi từ bỏ quê hương U-rơ hình tượng, bằng cố U-rơ là tên của thần lửa, ra đi mà không biết mình đi đâu, chỉ biết Đức Chúa Trời gọi còn mình thì vâng lời. Một tương lai không biết, chỉ biết Đức Chúa Trời mà thôi.

Ru-tơ cũng vậy, nàng từ bỏ quê hương hình tượng Mô-áp, đi theo một bà mẹ chồng “mẹ há còn những con trai trong lòng có thể làm chồng chúng con sao?... mẹ già quá... Lại dầu bây giờ mẹ nói: Ta có lòng trông mong, từ chiều nay ta sẽ có chồng, dẫu ta sinh đẻ con trai đi nữa, chúng con há lại muốn đợi đến

chúng nó khôn lớn, và không lấy chồng khác hay sao? Không, hỡi chúng con, nỗi sầu thảm của mẹ cay đắng muôn phần hơn của chúng con, vì tay của Đức Giê-hô-va giơ ra hại mẹ” (Ru-tơ 1:11-13). Ru-tơ đi theo một bà mẹ chồng như vậy, ra đi đến nơi chưa từng biết và không ai quen, Ru-tơ chỉ biết bà mẹ chồng Na-ô-mi ngọt ngào, tin kính Đức Chúa Trời, Ru-tơ quyết định: “Xin chớ nài tôi phân rẽ mẹ; vì mẹ đi đâu, tôi sẽ đi đó; mẹ ở nơi nào, tôi sẽ ở nơi đó. Dân sự của mẹ, tức là dân sự của tôi; Đức Chúa Trời của mẹ, tức là Đức Chúa Trời của tôi; mẹ thác nơi nào, tôi muốn thác và được chôn nơi đó” (Ru-tơ 1:16-17).

Điều an ủi là Ru-tơ đến làng Bết-lê-hem là nhà lương thực, xứ của Đức Chúa Trời hứa. Và Đức Chúa Trời đã thưởng cho Ru-tơ có một người chồng là người Y-sơ-ra-ên tên Bô-ô, là một điền chủ, và ba thế hệ sau dòng dõi của Ru-tơ sanh ra thuộc Hoàng tộc vua Đa-vít.

Tôi nghĩ rằng chúng ta cần hát: Tương lai tôi, còn có bao nhiêu điều, tôi không hề lắng lo làm sao. Tôi chỉ biết Đấng nắm tương lai mình, và tôi biết Ngài đang dắt tôi.

Nói đến đây không thể nào không nói đến Bô-ô. Sự xuất hiện của Bô-ô đúng như ý nghĩa tên của ông là Sức Mạnh, trong sự tuyệt vọng của mẹ con Ru-tơ, thì Đức Chúa Trời đã sai Bô-ô là sức mạnh cho hai góa phụ này nương tựa. Đúng ý nghĩa như người Việt Nam trong việc cô gái có chồng, không phải gái có chồng như cổ đeo gông, gia đình nhà gái thường đòi sính lễ phải có cây dù tượng trưng cho sự nương tựa, che chở nắng mưa. Bô-ô làm một người chồng bảo đảm cho Ru-tơ từ luật pháp Chúa dạy chuộc sản nghiệp, cưới Ru-tơ để lưu danh người chồng cũ đã chết của Ru-tơ, đến đời sống hạnh phúc đủ đầy chẳng thiếu thốn gì.

Còn Ê-xơ-tê là một cô gái người Y-sơ-ra-ên mồ côi, con của A-bi-hai (2:15), và A-bi-hai là cậu của Mạc-đô-chê, gia đình này bị phu tù từ khi vua Nê-bu-cát-nết-sa đánh Giê-ru-sa-lem lần thứ hai đời vua Giê-hô-gia-kin. Câu 5-6 cũng có nghĩa là khi gia đình A-bi-hai bị lưu đày thì có Mạc-đô-chê cùng đi, bây giờ vợ chồng A-bi-hai đã chết, dù đã qua hai đợt hồi hương nhưng Mạc-đô-chê vẫn ở lại tại Ba-tư. Ê-xơ-tê được Mạc-đô-chê là anh cô cậu nuôi dưỡng (2:7).

Lý do Mạc-đô-chê ở lại kinh đô Su-sơ có thể Mạc-đô-chê với khả năng gia đình có chuyên môn đã có một gia sản hoặc vị trí tốt trong kinh đô của Đế quốc Phe-rơ-sơ.

Xét về tánh tình Ê-xơ-tê, với ý nghĩa tên Ê-xơ-tê vừa là Ha-đa-sa nghĩa là cây mía, cũng có tên là Ngôi sao, phải chăng hàm ý tánh tình nàng ngọt ngào, và cũng là cô gái đẹp như một ngôi sao (?). Thêm nữa, qua diễn biến câu chuyện được ghi trong sách Ê-xơ-tê, có thể ghi nhận vài đặc điểm sau:

2:7, “Người thiếu nữ ấy là tốt tươi hình dạng, đẹp đẽ dung nhan”. Có lẽ Ê-xơ-tê được sanh ra lúc cha mẹ bị lưu đày, tuổi rất trẻ, mà thường tuổi được tuyển phi là thiếu nữ còn rất trẻ.

2:9, “con gái trẻ đó đẹp lòng Hê-gai – quan chưởng quản thái giám, và được ơn trước mặt người; người lật đật ban cho nàng những hương phẩm cần dùng sự tẩy uế, và những vật nhứt dụng của nàng, cùng cấp cho nàng bảy con gái tơ chọn lấy trong cung vua; đoạn Hê-gai dờn nàng với các con gái tơ vào trong một cái phòng tốt nhứt của phi tần”.

Dĩ nhiên, Ê-xơ-tê ở trong hoàn cảnh không phải dễ dàng trước con mắt ganh tị của bao nhiêu người, nhất là vấn đề kỳ thị chủng tộc giữa dân cai trị với dân bị trị. Đó cũng là lý do Mạc-đô-chê dặn Ê-xơ-tê không được tỏ ra cho ai biết dân mình và quê hương, bản thân Mạc-đô-chê cũng đầy lo lắng, “mỗi ngày Mạc-đô-chê đi dạo chơi trước sân của cung các phi tần, để cho biết Ê-xơ-tê có bằng yên chăng, và nàng sẽ ra thế nào” (2:10-11).

Độc đến đây, người phụ nữ tin Chúa Jêsus ngày nay hãy chú ý đến gương Ê-xơ-tê với lời sứ đồ Phi-e-rơ dạy về trang điểm. Lời Chúa dạy: “Chớ tìm kiếm sự trang sức bề ngoài, như gióc tóc, đeo đồ vàng, mặc áo quần lòe loẹt; nhưng hãy tìm kiếm sự trang sức bề trong giấu ở trong lòng, tức là sự tinh sạch chẳng hư nát, ấy là giá quý trước mặt Đức Chúa Trời” (I Phi. 3:3-4). Ê-xơ-tê vẫn quan tâm trang điểm với những phần được ban cho mình, nhưng nàng không tìm kiếm. Cảm ơn Chúa, tôi tin rằng Quan Chưởng quản Thái giám đã nhận ra người thiếu nữ dịu dàng, không lòe loẹt, kiêu sa, nên đã ưu đãi Ê-xơ-tê.

Cuối cùng, chúng ta có Ru-tơ là một phụ nữ trẻ yêu thương mẹ chồng, hi sinh cho gia đình chồng; còn Ê-xơ-tê là một phụ nữ trẻ yêu thương dân tộc, hi sinh cho dân tộc mình.

Một lần nữa, chúng ta lại thấy Đức Chúa Trời của chúng ta không phân biệt nam hay nữ trong công việc của Ngài, như Phao-lô đã nhấn mạnh: “Trong một nhà lớn, không những có bình vàng bình bạc mà thô, cũng có cái bằng gỗ bằng đất nữa, thứ thì dùng việc sang, thứ thì dùng việc hèn. Vậy ai giữ mình cho khỏi những điều ô uế đó, thì sẽ như cái bình quý trọng, làm của thánh, có ích cho chủ mình và sẵn sàng cho mọi việc lành” (II Tim. 2:20-21).

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 4

TÁC GIẢ SÁCH Ê-XƠ-TÊ

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta có cơ hội được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã bước vào sách Ê-xơ-tê ba bài nói về những người phụ nữ trong Kinh thánh với những kỳ tích mà họ đã làm trong dòng lịch sử của nước Y-sơ-ra-ên, dĩ nhiên những người phụ nữ này có liên quan đến chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho loài người.

Sở dĩ tôi phải dài dòng khảo học về những người phụ nữ này, vì sau năm 1975, có một vị mục sư Việt Nam được đi họp một Hội nghị tại Ấn Độ về làm chứng lại rằng: 'Trong Hội nghị, người ta phê phán Đức Chúa Trời thiên vị trọng nam khinh nữ, tại sao Kinh thánh ghi Đức Chúa Trời dựng người nam trước mà không dựng người nữ trước? Tại sao Kinh thánh ghi thuật Đức Chúa Trời dùng người nam nhiều hơn người nữ?' Tôi hỏi vị mục sư đó: 'Thế thì mục sư trả lời thế nào?' Vị mục sư đó nói là chỉ nghe mà không có ý kiến.

Ôi, thật là lãng phí chức vụ Chúa cho và thiếu hiểu biết khoa học đơn giản! Những người đó không biết rằng nếu Đức Chúa Trời dựng nên người nữ trước thì thế giới sẽ toàn là người nữ mà sẽ không có người nam, bởi người nữ chỉ mang nhiễm sắc thể XX, trong khi người nam mang hai loại nhiễm sắc thể XY.

Còn Kinh thánh ghi Đức Chúa Trời dùng nhiều người nam hơn người nữ. Hãy đọc đời sống của Bát-sê-ba, của Ru-tơ, của Ê-xơ-tê, để thấy chừng ấy người nữ đã làm rung chuyển vương quốc của vua Đa-vít, ánh sáng bùng lên trong thời kỳ 400 tối tăm Các Quan Xét, và nếu không có người con gái Ê-xơ-tê thì dân Giu-đa phải làm sao trước lệnh diệt chủng của Thủ Tướng Ha-man. Ấy là chưa kể bà An-ne đem lại phục hưng đời Các Quan Xét; chưa kể cô Ma-ri đã làm phương tiện Đấng Cứu Thế vào đời. Lời nói hay nhất về vai trò của người nữ trong Kinh thánh đã được nhà lãnh đạo là Giô-suê mà ai cũng biết: "Ta và nhà ta sẽ phục sự Đức Giê-hô-va" (Giô-suê 24:15), rõ ràng đến cuối đời, Giô-suê nhìn nhận chức vụ lãnh đạo của ông thành công là có sự đóng góp của nhà tôi, người vợ im lặng phía sau Giô-suê.

Tôi lại thấy một điều vô cùng ngạc nhiên, không có câu Kinh thánh nào nói người nam quý hơn châu ngọc, được Đức Giê-hô-va tôn trọng, trong khi một người nữ tài đức lại được Chúa cho quý hơn châu ngọc, được Đức Giê-hô-va tôn trọng, đến nỗi người đương thời Ru-tơ so sánh nàng quý hơn bảy con trai (Ru-tơ 4:15).

Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng học những vấn đề quan trọng cơ bản khi học một sách trong Kinh thánh như sách Ê-xơ-tê.

I/. Thứ nhất: TÁC GIẢ SÁCH Ê-XƠ-TÊ:

Khi học một sách trong Kinh thánh, người học cần biết về tác giả hoặc người viết sách đó là ai, có đáng tin hay không. Lý do vì một trong năm tiêu chuẩn xác định một sách có thần quyền để được liệt vào kinh điển là Người Viết Có Đáng Tin Hay Không? Rõ ràng có nhiều người viết về lịch sử Y-sơ-ra-ên, hoặc viết về những giáo lý của Hội thánh, có thể được nhìn nhận có giá trị lịch sử hoặc giá trị đạo đức, như sách Mác-ca-bê, sách Khôn ngoan, hoặc có giá trị về lịch sử Hội thánh, như sách Khải huyền của Phi-e-rơ, của Ba-na-ba... nhưng Hội thánh chung không nhận có thần quyền, nghĩa là không được liệt vào kinh điển.

Và để đánh giá một sách có thần quyền hay không, các Công Đồng của Hội thánh chung đã đưa ra 5 tiêu chuẩn:

Chúa có phán không?

Người viết có đáng tin không?

Sự kiện có chính xác và ứng nghiệm không?

Hội thánh chung có công nhận không?

Những lời trong sách có tác động trên người đọc không?

Trường hợp khảo học sách Ê-xơ-tê, đa số người học Kinh thánh đều nhìn nhận không biết chính xác người viết sách Ê-xơ-tê là ai. Nhưng căn cứ vào các bằng cứ sau đây:

Trong nguyên văn Hi-bá-lai, có xen vào vài tiếng Ba-tư, tỏ ra tác giả là người Y-sơ-ra-ên nhưng có tiếp xúc với người Ba-tư.

Câu chuyện trong sách tỏ ra tác giả biết rất rõ mọi việc xảy ra và tên các nhân vật trong sách.

Do đó, có ý kiến cho rằng tác giả sách là Mạc-đô-chê, một trong các nhân vật chính trong sách, vì chỉ có Mạc-đô-chê là người duy nhất đáp ứng hai tiêu chuẩn trên: vừa biết ngôn ngữ Ba-tư hay tiếng của người Phe-rơ-sơ, vì Mạc-đô-chê ở tại kinh đô Su-sơ quá lâu; và chỉ có Mạc-đô-chê là người duy nhất biết tường tận câu chuyện dân Giu-đa được cứu khỏi lệnh diệt chủng của Thủ Tướng Ha-man.

Thế nhưng, Mạc-đô-chê có khả năng về trình độ viết không? Mạc-đô-chê có đời sống đáng được Thánh Linh Đức Chúa Trời sử dụng viết sách không?

Qua sách Ê-xơ-tê, người đọc có thể rút ra những điểm nổi bật của Mạc-đô-chê:

Tên của Mạc-đô-chê theo tiếng Ba-tư có nghĩa là “Người bé nhỏ”.

2:5-6, nhắc đến Giê-cô-nia tức là Giê-hô-gia-kin, Kinh thánh ghi: “Đức Giê-hô-va phán: Thật như ta hằng sống, dầu Giê-cô-nia, con trai Giê-hô-gia-kin, vua Giu-đa...” (Giê-rê-mi 22:24-28; 24:1; 27:20; 28:4; 29:2; 37:1). Nếu tính theo đoạn 2:5-6, thì Mạc-đô-chê đã được trên 100 tuổi (579-479 TC). Các Rabi Do-thái giáo đều cho rằng Mạc-đô-chê sống khoảng 400 tuổi. Hoặc câu này có nghĩa là cha hoặc ông của Mạc-đô-chê là người bị đày đồng thời với Giê-cô-nia. Có người cho rằng Mạc-đô-chê trong Ê-xơ-ra 2:2; Neh 7:7, với Mạc-đô-chê này là một.

Mạc-đô-chê đã bảo dưỡng Ê-xơ-tê, là một người em gái mồ côi con của người cậu. Mạc-đô-chê có lòng yêu thương kẻ mồ côi là điều đẹp ý Chúa, “người bảo dưỡng Ha-đa-sa (tức là Ê-xơ-tê) con gái của cậu mình, vì nàng không có cha mẹ... Mạc-đô-chê nhận nàng làm con gái mình”, như Lời Chúa phán: “Đức Giê-hô-va bảo hộ khách lạ, nâng đỡ kẻ mồ côi và người góa bụa... Sự tin đạo thanh sạch không vết, trước mặt Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, là thăm viếng kẻ mồ côi, người góa bụa trong cơn khốn khó của họ, và giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian” (Thi thiên 146:9; Gia-cơ 1:27).

3:2b, Mạc-đô-chê không chịu cúi mình thờ lạy Ha-man, vì theo phong tục Ai Cập, Ba-by-lôn, Ba-tư, xem các vua như một vị thần, trong khi Điều răn của Đức Chúa Trời đã phán: “Trước mặt ta người chớ có các thần khác” (Xuất. 20:3), và người Y-sơ-ra-ên biết rõ họ bị Đức Chúa Trời phạt lưu đày 70 năm tại Ba-by-lôn vì tội thờ lạy hình tượng và không vâng giữ luật pháp của Chúa. Trong những ngày bách hại Hội

Thánh của Đế quốc La Mã, những người tin Chúa Jêsus cũng đã chịu hình phạt vì không chịu thờ lạy hoặc xông hương cho tượng Hoàng đế La Mã.

4:13-14 là câu nói nổi tiếng của Mạc-đô-chê. Kinh thánh ghi: “Mạc-đô-chê biểu đáp lại cùng bà Ê-xơ-tê rằng: Chớ thăm tưởng rằng ở trong cung vua, người sẽ được thoát khỏi phải hơn mọi người Giu-đa khác; vì nếu người làm thình trong lúc này đây, dân Giu-đa hẳn sẽ được tiếp trợ và giải cứu bởi cách khác, còn người và nhà cha người đều sẽ bị hư mất; song nào ai biết rằng chẳng phải vì cơ cơ hội hiện lúc này mà người được vị hoàng hậu sao? Mạc-đô-chê không cầu an cho cá nhân ông, Mạc-đô-chê biết chương trình của Đức Chúa Trời cho đời sống mình: địa vị Đức Chúa Trời cho mình có được là để phục vụ Chúa.

10:3 là tổng kết toàn bộ đời sống của Mạc-đô-chê:

Đẹp lòng anh em (Luca 2:52; Công vụ 24:16; I Cô-rinh-tô 10:33).

Tìm việc tốt lành cho dân tộc mình (Giăng 1:11; Rôma 9:3-4).

Nói sự hòa bình cho cả dòng dõi mình (Ê-phê-sô 4:29; Cô-lô-se 4:6).

Đức Chúa Trời ban thưởng cho Mạc-đô-chê (Luca 19:17). Ngày nay người Y-sơ-ra-ên cũng vẫn còn kính trọng Mạc-đô-chê.

II/. NIÊN HIỆU SÁCH Ê-XƠ-TÊ:

Tiêu chuẩn thứ hai để một sách như sách Ê-xơ-tê được liệt vào kinh điển là những sự kiện nêu ra trong sách có chính xác không? nghĩa là so với lịch sử thế gian có chính xác không? Mặc dù Kinh thánh không phải chỉ là một sách lịch sử, nhưng Đức Chúa Trời đã cho ghi lại những việc xảy ra trong Kinh thánh cũng nằm trong dòng chảy của lịch sử.

Tiêu chuẩn thứ hai này cũng được xem xét các sự kiện nói đến trong sách có ứng nghiệm không.

Với tiêu chuẩn qui điển nghiêm ngặt như vậy, các nhà giải nghĩa Kinh Thánh đồng ý sách Ê-xơ-tê được viết trong khoảng giữa sách E-xơ-ra đoạn 6 và đoạn 7, nghĩa là giữa khoảng thời gian xây cất Đền thờ đời Xô-rô-ba-bên với lần hồi hương của E-xơ-ra, tức là độ 40 năm sau khi Đền thờ được xây xong, và 30 năm trước khi tái thiết vách thành Giê-ru-sa-lem đời Nê-hê-mi..

Tổng kết thời gian như sau:

NĂM TC.	SỰ KIỆN
536	Dân Y-sơ-ra-ên hồi hương dưới sự lãnh đạo của Xô-rô-ba-bên
536 - 516	Đền thờ được xây lại
478	Ê-xơ-tê được làm Hoàng hậu
473	Ê-xơ-tê cứu dân Y-sơ-ra-ên
457	E-xơ-ra dẫn dân Y-sơ-ra-ên hồi hương
444	Nê-hê-mi xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem.

Tóm lại, sách Ê-xơ-tê có ba phương diện đáng tin dù trong sách không nói đến danh Đức Chúa Trời:

Về phương diện lịch sử:

Sách Ê-xơ-tê ghi lại biến cố quan trọng trong lịch sử dân Y-sơ-ra-ên: Dân Y-sơ-ra-ên được cứu khỏi một lệnh diệt chủng!

Qua lần hồi hương với Xô-rô-ba-bên và E-xơ-ra (E-xơ-ra 2:64-67; Nê-hê-mi 7:66-69) chưa đến 50,000 người. Sách Ê-xơ-tê chứng tỏ có nhiều người Y-sơ-ra-ên đã sinh cơ lập nghiệp tại Ba-by-lôn và một số khu vực khác rải rác trong khắp Đế quốc Ba-by-lôn bao la, nên họ không muốn trở về chính quốc Y-sơ-ra-ên của mình.

Các nhà giải nghĩa Kinh Thánh cho rằng nhờ ảnh hưởng của Ê-xơ-tê với 15 năm trên ngôi Hoàng hậu, nên Nê-hê-mi đã có cơ hội tái thiết thành Giê-ru-sa-lem (Nêh. 2:1-8) vào đời vua Ật-ta-xét-xe, là con riêng của vua A-suê-ru.

Về phương diện Do-thái giáo:

Hằng năm người Y-sơ-ra-ên vẫn giữ Lễ Phu-rim (Ê-xơ-tê 9:26-28), nhằm ngày 14-15 tháng A-đa tức tháng 12 theo lịch của người Y-sơ-ra-ên, nhằm tháng 3 dương lịch, lúc sao - ngôi sao Ê-xơ-tê, bắt đầu mọc, thì người Y-sơ-ra-ên thắp nến, họp lại trong Nhà Hội, cầu nguyện, tạ ơn Chúa, đọc sách Ê-xơ-tê. Khi đọc đến tên Ha-man thì cả hội chúng Y-sơ-ra-ên la lên: 'Nguyện tên hắn phải bị xóa đi'. Trong khi đó trẻ con chơi trò ném đá vào một bảng có viết tên Ha-man.

Cho đến ngày nay, người Y-sơ-ra-ên vẫn giữ Lễ Phu-rim, trong Lễ đó họ đọc sách Ê-xơ-tê.

Về phương diện kinh điển:

Sách Ê-xơ-tê được người Y-sơ-ra-ên và Hội Thánh đầu tiên liệt vào một bộ với các sách Ru-tơ, Truyền đạo, Nhã ca, và Giê-rê-mi.

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 5

BỐ CỤC SÁCH Ê-XƠ-TÊ

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng được học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay chúng ta cùng nhau học qua Bố Cục của sách Ê-xơ-tê, tức là học lược qua toàn bộ sách để nắm được nội dung sách.

Một số người thích nhìn sách Ê-xơ-tê như một vở kịch, mà nhân vật chính là Ê-xơ-tê. Câu gốc được chọn cho sách Ê-xơ-tê là 4:14, “Vi nếu người làm thình trong lúc này đây, dân Giu-đa hẳn sẽ được tiếp trợ và giải cứu bởi cách khác, còn người và nhà cha người đều sẽ bị hư mất; song nào ai biết rằng chẳng phải vì có cơ hội hiện lúc này mà người được vị hoàng hậu sao?”. Và đề mục được chọn cho sách Ê-xơ-tê là: SỰ BẢO HỘ.

Đáng lẽ gọi đề mục cho đầy đủ là: Sự Bảo Hộ của Đức Chúa Trời, nhưng điều kỳ diệu là toàn bộ sách Ê-xơ-tê không nói đến Danh Đức Chúa Trời hoặc Danh Giê-hô-va.

Đặc điểm của sách Ê-xơ-tê cũng như của sách Nhã ca trong Kinh thánh là cả hai sách đều không chép Danh của Chúa. Có các ý kiến giải thích như sau:

1. Trong lúc dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày, dường như dân Y-sơ-ra-ên nghĩ Đức Chúa Trời không còn ở với họ nữa như tâm trạng tác giả Thi thiên thứ 42 câu 3 và câu 10, “Đương khi người ta hằng hỏi tôi: Đức Chúa Trời người đâu? Thì nước mắt làm đờ ăn tôi ngày và đêm... Trong khi những cừu địch tôi hằng ngày hỏi rằng: Đức Chúa Trời người đâu? Thì chúng nó sỉ nhục tôi khác nào làm gãy các xương cốt tôi”, nên Chúa cho phép sách Ê-xơ-tê được viết ra để chứng minh Chúa vẫn âm thầm ở giữa dân Chúa (Theo Tiến sĩ Fausset).
2. Mathew Henry nói: Có thể chúng ta không thấy Danh Đức Chúa Trời trong sách, nhưng chúng ta vẫn thấy ngón tay của Ngài trên dân Chúa.
3. Ý kiến thứ ba: Vì sách này được viết ra trong thời kỳ nước Ba-tư cai trị, nội dung sách nói đến sự đắc thắng của người Y-sơ-ra-ên, nên có thể qua sự kiểm duyệt của người Ba-tư, người Ba-tư loại bỏ Danh Giê-hô-va. Tuy nhiên, họ đã không thể loại bỏ được công việc của Chúa.
4. Theo J. Sidlow Baxter: Danh Giê-hô-va đã được viết kín giấu 4 lần theo thể thơ chữ đầu (acrostic) và 1 lần cùng với Danh “Ta là Đấng Tự Hữu” [Ehlyed]. Những Danh xưng này viết theo những phụ âm JeHoVah [JHWH].
5. Dù không viết rõ Danh Chúa nhưng 4:14 tỏ ra lòng tin cậy nơi sự chọn lựa của Chúa đối với dân Y-sơ-ra-ên, Ngài không bao giờ bỏ họ.
6. Đoạn 4:16 và 9:31 đề cập đến sự kiêng ăn cầu nguyện là nói đến lời dạy của Đức Chúa Trời.

Tóm lại, đọc qua sách Ê-xơ-tê, không người nào có thể chối bỏ bàn tay của Đức Chúa Trời luôn bảo hộ dân Chúa, như Chúa đã hứa: “Ngài bao phủ người, săn sóc người, gìn giữ người như con người của mắt mình... Bây giờ, hỡi Gia-cốp! Đức Giê-hô-va là Đấng đã dựng nên người, hỡi Y-sơ-ra-ên! Ngài là Đấng đã tạo thành người, phán như vậy: Đừng sợ, vì ta đã chuộc người. Ta đã lấy tên người gọi người; người thuộc về ta. Khi người vượt qua các dòng nước, ta sẽ ở cùng; khi người lội qua sông, sẽ chẳng bị che lấp.

Khi người bước qua lửa, sẽ chẳng bị cháy, ngọn lửa chẳng đốt người. Vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Cứu Chúa người... Vì ta đã coi người là quý báu, đáng chuộng, và ta đã yêu người..." (Ê-sai 43:1-4).

Chúng ta hãy nhìn xem Sự Bảo Hộ Vô Hình của Đức Chúa Trời trên Dân Chúa qua sách Ê-xơ-tê:

A. Đoạn 1 và đoạn 2 - DỰ BỊ BẢO HỘ.

(1) Ê-xơ-tê được ngồi Hoàng hậu – đoạn 1 đến 2:20.

Sách Ê-xơ-tê bắt đầu với một Đại Tiệc, để rồi từ Đại Tiệc này phát sinh nhu cầu một hoàng hậu cho vua A-suê-ru thay cho Hoàng hậu Vả-thi đương triều bị phế truất. Trong nhu cầu cấp thiết đó, nàng Ê-xơ-tê xuất hiện trong cuộc tuyển phi và từng bước từng bước được những người chung quanh thương mến, như:

2:7, Ê-xơ-tê được Mạc-đô-chê thương mến nhận làm con gái, Vậy, khi cha mẹ nàng đã qua đời rồi, Mạc-đô-chê nhận nàng làm con gái mình".

2:9, "con gái trẻ đó đẹp lòng Hê-gai – quan Chưởng quản thái giám, và được ơn trước mặt người..."

2:15b, "Ê-xơ-tê được ơn trước mặt mọi người thấy nàng".

2:17, "Vua thương mến Ê-xơ-tê nhiều hơn các cung nữ khác, và nàng được ơn tại trước mặt vua hơn những nữ đồng trinh; vua đội mão triều thiên trên đầu nàng, và lập nàng làm hoàng hậu thế cho Vả-thi".

(2) Mạc-đô-chê lập công - 2:21-23

Ba câu Kinh thánh này cho thấy Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho Mạc-đô-chê tiếp cận hoàng cung Phe-rơ-sơ.

2:19, Kinh thánh ghi: "Khi các nữ đồng trinh hiệp lại lần thứ nhì, thì Mạc-đô-chê ngồi ở nơi cửa vua..."

2:21-23, "Trong các ngày đó, Mạc-đô-chê đương ngồi nơi cửa vua, có hai hoạn quan của vua, trong bọn kẻ giữ cửa, là Bích-than và Thê-rết, nổi giận toan mưu tra tay vào vua A-suê-ru. Sự việc ấy thấu đến Mạc-đô-chê biết, người học lại cho hoàng hậu Ê-xơ-tê, bà Ê-xơ-tê nhơn tên Mạc-đô-chê tâu lại cho vua. Người ta bèn tra hạch việc đó, thấy quả thật như vậy, rồi cả hai đều bị treo nơi cây mộc hình; đoạn họ chép điều đó trong sách sử ký tại trước mặt vua".

Đức Chúa Trời từng bước dự bị cho Mạc-đô-chê đến gần vua bằng cách:

2:19, lần thứ nhì các nữ đồng trinh, nghĩa là các thiếu nữ đã chính thức được tuyển vào cung, trong đó có Ê-xơ-tê là con gái nuôi, Mạc-đô-chê đã được ngồi ở cửa vua.

2:22, tên của Mạc-đô-chê được hoàng hậu Ê-xơ-tê nói đến trước mặt vua.

2:23, công trạng của Mạc-đô-chê được ghi vào sách sử ký tại trước mặt vua, nhưng chưa được đọc. Điều này nhắc đến Giô-sép trong sách Sáng thế ký lập công với quan tể tướng của vua Ai Cập, nhưng Đức Chúa Trời chưa cho phép tên của Giô-sép được nói đến trước vua Ai Cập. Đồng hồ của Đức Chúa Trời dường như chạy chậm hơn đồng hồ của chúng ta đang nôn nóng, nhưng Đức Chúa Trời luôn đúng giờ (Galatai. 4:4).

B. Đoạn 3 - NHU CẦN BẢO HỘ.

(1) Vì lòng kiêu ngạo của Ha-man - 3:1-6

Trong phân đoạn này, Kinh thánh ghi lại một người kiêu kỳ tên Ha-man, được vua thăng chức Thủ Tướng của nước Phe-rơ-sơ. Với chức cao dưới một người trên mọi người, Ha-man lên mình kiêu ngạo như một vị thần, và câu chuyện xung đột bắt đầu xảy ra, “Hết thảy thần bộc ở tại nơi cửa vua đều cúi xuống lạy Ha-man; vì về phần người, vua đã truyền bảo như vậy. Nhưng Mạc-đô-chê không cúi xuống, cũng không lạy người. Các thần bộc ở nơi cửa vua bèn nói với Mạc-đô-chê rằng: Cớ sao ông phạm mạng vua? Xảy vì chúng nói với người ngày này qua ngày kia, mà người chẳng khứng nghe đến, thì chúng cáo cho Ha-man hay, đặng thử xem sự tình của Mạc-đô-chê có thặng chẳng, vì người đã tỏ cho chúng rằng mình là người Giu-đa. Khi Ha-man thấy Mạc-đô-chê không cúi xuống và không lạy mình bèn nổi giận dữ. Người ta đã học cho Ha-man biết Mạc-đô-chê là người Giu-đa, nên người cho sự tra tay trên một mình Mạc-đô-chê là một sự nhỏ mọn, người bèn tìm mưu giết hết thảy dân Giu-đa, là tông tộc của Mạc-đô-chê, ở trong toàn nước A-suê-ru”

(2) Vì lệnh diệt chủng tuyển dân - 3:7-15.

Kinh thánh ghi rõ: “Tháng giêng là tháng Ni-san, năm thứ mười hai đời vua A-suê-ru [tức là chín năm sau sự kiện xảy ra trong đoạn 1 - [1:3], một năm sau khi Ê-xơ-tê được tuyển chọn - [2:16], tức là khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 lịch Y-sơ-ra-ên], Ha-man chọn ngày tháng tốt nhất theo mình để tâu xin với vua ký lệnh tiêu diệt dân Giu-đa khắp xứ. Ha-man còn mưu mẹo để vua để ký lệnh diệt chủng bằng cách tâu với vua: “Có một dân tộc tàn mản, rải rác ra giữa các dân tộc trong những tỉnh của nước vua: luật pháp của chúng nó khác hơn luật pháp của các dân khác; lại chúng nó cũng không tuân theo luật pháp của vua; dung chúng nó chẳng tiện cho vua. Nếu điều đó vừa ý vua, khá giáng chiếu chỉ truyền tuyệt diệt chúng nó đi; rồi tôi sẽ cần mười ngàn ta-lâng bạc phó vào tay vua. Vua bèn cởi chiếc nhẫn khỏi tay mình, trao cho Ha-man” (3:8-10). Mưu mô của Ha-man là hứa cung cấp cho vua A-suê-ru mười ngàn ta-lâng bạc trong lúc vua đang cần tiền sau khi bại trận trước quân Hi Lạp.

C. BẢNG CHỨNG SỰ BẢO HỘ - 4: -10:

(1) Tiêu diệt kẻ thù – đoạn 4 đến đoạn 9:

Theo chiếu lệnh của Ha-man soạn được vua ký thì ngày 13 tháng mười hai tức tháng A-đa thì người Giu-đa khắp cả nước sẽ bị giết. Kinh thánh ghi: “Rồi họ gửi các thơ bởi lính trạm cho các tỉnh của vua, đặng dạy biểu rằng nhằm ngày mười ba tháng mười hai, tức là tháng A-đa, phải trừ diệt, giết chết và làm cho hư mất hết thảy người Giu-đa trong một ngày đó, vô luận người già kẻ trẻ, con nhỏ hay đờn bà, và cướp giật tài sản của chúng nó” (3:13).

Trước chiếu lệnh diệt chủng, Mạc-đô-chê đã kêu gọi và được Hoàng hậu Ê-xơ-tê hiệp lòng kiêng ăn cầu nguyện ba ngày, và Đức Chúa Trời đã can thiệp cứu dân Giu-đa, họ được phép chống lại kẻ muốn giết mình, và họ đã thắng. Ha-man đã bị treo cổ.

Đức Chúa Trời đã đưa người của Chúa vào trước vua bằng cách:

Khiến vua không ngủ được muốn nghe đọc sách lịch sử, nhưn đó Mạc-đô-chê xuất hiện trước vua và được tôn trọng.

Hoàng hậu Ê-xơ-tê diện kiến vua mà không được triệu kiến, nhưng vua đã che chở và nhận lời đến dự tiệc với Ê-xơ-tê. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cơ hội cho Ê-xơ-tê cứu dân Giu-đa của bà, và khiến vua ra lệnh xử tử Ha-man.

Tiếp đó là Mạc-đô-chê được vua ban chức cao bên cạnh vua. Từ đây, dân Giu-đa có thêm một lễ hội vui mừng là Lễ Phu-rim, lấy từ từ ngữ cổ Phu-rơ, nghĩa là bỏ thăm chọn ngày vui (3:7).

(2) Tôn trọng người tin cậy - 10:

Đoạn 10 chỉ có 3 câu nhưng là một kết luận mô tả phước hạnh của một người kính sợ Đức Chúa Trời không chịu quỳ lạy con người, biết yêu thương người thân, yêu thương dân tộc. Kinh thánh đã ghi lại những phước mà Mạc-đô-chê được Đức Chúa Trời thưởng: "... cả sự cao trọng của Mạc-đô-chê, vua thăng chức người lên làm sao, thấy đều có chép vào sách sử ký các vua nước Mê-đi và Phe-rơ-sơ. Vì Mạc-đô-chê, người Giu-đa, làm tể tướng của vua A-suê-ru; trong vòng dân Giu-đa, người được tôn trọng, đẹp lòng các anh em mình, tìm việc tốt lành cho dân tộc mình, tìm việc hòa bình cho cả dòng dõi mình".

Thật không có phần thưởng nào cao quý hơn mà một người kính sợ Chúa, yêu thương anh em cùng yêu thương dân tộc, được Đức Chúa Trời ban cho. Chúa Jê-sus Christ phán: "... Nếu ai hầu việc ta, thì Cha ta ắt tôn quý người..." (Giăng 12:26).

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 6

BỐ CỤC THEO BA ĐẠI TIỆC

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng nhau được học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Bài trước chúng ta đã cùng học sách Ê-xơ-tê bằng cách đổi theo Bố cục toàn sách, từ đoạn 1 đến đoạn 10. Hôm nay, nhờ ơn Chúa, chúng ta cùng học xuyên suốt sách Ê-xơ-tê với Bố cục theo BA Đại Tiệc diễn ra trong sách, chắc chắn rất thú vị và nhiều bài học quý báu.

Đoạn 1 và 2 - ĐẠI TIỆC CỦA VUA A-SUÊ-RU.

Sách Ê-xơ-tê bắt đầu với một Đại Tiệc của vua A-suê-ru nước Phe-rơ-sơ. Ngay câu đầu tiên đã giới thiệu bối cảnh của Đại Tiệc này:

1:1, Kinh thánh ghi: “Xây trong đời vua A-suê-ru, - tức A-suê-ru kia, mà cai trị trên một trăm hai mươi bảy tỉnh, từ Ấn Độ cho đến Ê-thi-ô-bi”.

Lúc đầu những người học Kinh Thánh không biết vua A-suê-ru này là ai, sau nhờ một sinh viên tại Đức (Đại học Gurttingen, tên là Goerge Friedrich Grotefend) nhẫn nại tìm cách giải thích những thủ bản tìm thấy ở thành phố Ba-tư cổ (là Persepolis), tên con trai của Đa-ri-út được giải ra là Khshayarsha, dịch sang Hi-văn là Xerxes, dịch từng chữ sang tiếng Hi-bá-lai là Akhashverash, dịch là Ahasuerus. Như vậy tên Ahasuerus là đọc theo âm tiếng Ba-tư, cai trị đế quốc Ba-tư từ 485 - 465 TC.

Ahasuerus này đã ra lệnh xây một chiếc cầu ngang eo biển Hellespont để vua kéo quân từ Tây Á sang Bán Đảo Hi Lạp tấn công quân Hi-lạp đang nổi lên đe dọa nước Phe-rơ-sơ. Nhưng chiếc cầu bị gió bão phá hủy. Vua Ahasuerus tức giận mù quáng ra lệnh đánh 300 roi trừng phạt biển, đồng thời cho làm một cặp xiềng sắt ném xuống biển để xiềng biển lại, sau đó cho chặt đầu tất cả những người xây cầu. Đây là cuộc viễn chinh đánh người Hi Lạp nổi tiếng của vua Ahasuerus bị thất bại.

Đại Tiệc trong Ê-xơ-tê 1: là dịp vua lập kế hoạch đi đánh Hi Lạp vào năm thứ 3 trị vì của vua. Kế hoạch này chuẩn bị 4 năm. Vua đã dẫn 5 triệu quân viễn chinh (giữa đoạn 1 và đoạn 2). Vua A-suê-ru bị thảm bại tại Thermopylae và Salamis.

Nước Phe-rơ-sơ theo cách gọi của Kinh thánh cũng có tên là Mê-đi Ba-tư (Đa-ni-ên 5:51), lúc bấy giờ đang cai trị một lãnh thổ rộng lớn gồm 127 tỉnh từ Ấn Độ đến Ê-thi-ô-bi, tức là từ Á châu bên này rặng Hi-mã-lạp-sơn, nơi A-lich-sơn Đại đế ngược nhìn ngọn núi cao nhất thế giới nghĩ rằng thế giới đến đó là kết thúc, kéo ngược về phía Tây đến Phi châu. Kinh đô nước Phe-rơ-sơ là Su-sơ, tức là vị trí khu vực thành Ba-by-lôn của Đế quốc trước đó.

Sở dĩ phải gọi đây là ‘Đại Tiệc’ vì số lượng khách dự quá đông, Kinh thánh kể ra khách dự: “nhằm năm thứ ba đời trị vì mình, người bày ra một bữa tiệc yến cho hết thầy quan trưởng và thần bộc mình. Đạo binh nước Phe-rơ-sơ và Mê-đi, các bậc sang trọng cùng các quan cai của hàng tỉnh đều ở trước mặt người. Trong nhiều ngày, tức trong một trăm tám mươi ngày, người bày tỏ sự giàu có sang trọng của nước và sự oai nghi rực rỡ của người. Khi các ngày đó đã qua rồi, vua bày đãi hết thầy dân sự đương có ở tại kinh đô Su-sơ, hoặc lớn hay nhỏ, một cuộc tiệc yến bảy ngày, tại nơi hành lang của thượng uyển”.

Trong Đại Tiệc khoe khoang này, chẳng những khoe sự giàu sang, vua A-suê-ru còn muốn khoe sắc đẹp của hoàng hậu Vả-thi của mình. Kinh thánh ghi lại Đại Tiệc khoe khoang này với hậu quả đáng buồn,

“Qua ngày thứ bảy, vua uống rượu hứng lòng rồi, bèn truyền cho... bảy hoạn quan hầu chực vua A-suê-ru, dẫn hoàng hậu Vả-thi đến trước mặt vua, đội mào triều hoàng hậu, đặt tỏ ra phết lịch sự của bà cho dân sự và cho các quan trưởng xem thấy; vì tướng mạo bà rất tốt đẹp. Nhưng hoàng hậu Vả-thi không khứng đến theo mạng của vua truyền bởi các hoạn quan. Vua bèn nổi giận dữ, phát nóng nả trong lòng... Vả-thi chẳng những làm mất lòng vua mà thôi, nhưng lại hết thảy những quan trưởng, và dân sự ở trong các tỉnh của vua A-suê-ru... Vả-thi sẽ chẳng còn vào đến trước mặt vua A-suê-ru nữa; vua khá ban vị hoàng hậu của Vả-thi cho một người khác tốt hơn nàng” (1:10-22).

Sự ăn chơi khoe khoang khiến gia đình mất hạnh phúc. Đức Chúa Trời không cấm sự ăn uống vui vẻ, nhưng ăn chơi khoe khoang con người thì Đại Tiệc này là bài học cho chúng ta.

Đoạn 4 đến đoạn 7 – ĐẠI TIỆC CỦA Ê-XƠ-TÊ.

Bốn năm sau (2:16 so với 1:3), A-suê-ru chọn Ê-xơ-tê làm Hoàng hậu, có lẽ để tìm sự an ủi sau khi bại trận trước đạo quân liên minh Hi Lạp. Và lần này, hoàng hậu Ê-xơ-tê dọn tiệc đãi vua A-suê-ru và Tế tướng Ha-man.

Tại sao chỉ mời vua và Tế tướng Ha-man? Vì dưới vua là Ha-man, Kinh thánh ghi: “Sau các việc ấy, vua A-suê-ru thăng chức cho Ha-man, con trai của Ham-mê-đa-tha, người A-gát, và làm nổi danh người, đặt ngôi người trên các quan trưởng ở cung vua” (3:1). Đó là về mặt danh vọng, nhưng còn về mặt thiêng liêng thì Đại Tiệc của Ê-xơ-tê được tổ chức sau những sự việc quan trọng đã xảy ra:

Tế tướng Ha-man vì ghét Mạc-đô-chê không chịu quỳ lạy, nên lập mưu lừa gạt vua ký tên đóng dấu vào chiếu lệnh diệt dân Giu-đa khắp đế quốc (đoạn 3).

Đứng trước âm mưu diệt chủng của Ha-man, Hoàng hậu Ê-xơ-tê được Mạc-đô-chê báo tin, Ê-xơ-tê liền kêu gọi toàn dân Giu-đa một sự kiêng ăn cầu nguyện ba ngày và đêm trước khi Hoàng hậu Ê-xơ-tê vào chầu vua tìm cách giải cứu dân tộc mình. Trong tình thế dầu sôi lửa bỏng này, Mạc-đô-chê nói với Hoàng hậu Ê-xơ-tê một câu nổi tiếng: “Chớ thăm tưởng rằng ở trong cung vua, người sẽ được thoát khỏi phải hơn mọi người Giu-đa khác; vì nếu người làm thình trong lúc này đây, dân Giu-đa hẳn sẽ được tiếp trợ và giải cứu bởi cách khác, còn người và nhà cha người đều sẽ bị hư mất; song nào ai biết rằng chẳng phải vì cơ hội hiện lúc này mà người được vị hoàng hậu sao? (4:13-14). Phần Hoàng hậu Ê-xơ-tê cũng đã nói một câu chứng tỏ bà không phải hạng nữ lưu nhút nhát, Ê-xơ-tê nói: “Hãy đi nhóm hiệp các người Giu-đa ở tại Su-sơ, rồi hãy vì tôi kiêng cử ăn trong ba ngày và đêm, chớ ăn hay uống gì hết; tôi và nàng hầu tôi cũng sẽ kiêng cử ăn nữa; như vậy, tôi sẽ vào cùng vua, là việc trái luật pháp; nếu tôi phải chết thì tôi chết” (3:15-16). Ê-xơ-tê chẳng kém cạnh tí nào, vừa can đảm với lòng yêu thương dân tộc mình sẵn sàng liều chết. Rõ ràng Đại Tiệc của Hoàng hậu Ê-xơ-tê không phải để khoe khoang, nhưng là cứu dân tộc mình.

Đại Tiệc của Hoàng hậu Ê-xơ-tê diễn ra hai giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, Ê-xơ-tê chỉ tập trung đãi tiệc vua và Ha-man. Giai đoạn này để mời vua và Ha-man dự Đại Tiệc lần thứ hai vào ngày hôm sau (5:1-8).

Khoảng thời gian sau Đại Tiệc lần thứ nhất với Đại Tiệc lần thứ hai của Hoàng hậu Ê-xơ-tê chỉ là một ngày. Trong vòng một ngày này có những biến chuyển quan trọng xảy ra:

Ha-man sau khi dự Đại Tiệc lần thứ nhất của Hoàng hậu Ê-xơ-tê thì vui vẻ và hớn hởi, khoe khoang với mọi người vinh dự của mình, và được vợ cùng bạn hữu bày cách cho Ha-man treo cổ Mạc-đô-chê bằng cây mộc hình cao năm mươi thước (5:10-14).

Tuy nhiên trong đêm đó vua A-suê-ru không ngủ được, muốn nghe đọc sử ký của quốc gia, không ngờ vua biết được công trạng của Mạc-đô-chê khám phá âm mưu ám sát vua của hai hoạn quan trước đây mà chưa được thưởng. Thế là tình thế đảo ngược, Ha-man trở thành người dắt ngựa cho Mạc-đô-chê (6:1-11).

Người không tin Chúa cũng biết: Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, còn Lời Chúa phán: “Việc toan liệu của lòng thuộc về loài người; còn sự đáp lời của lưỡi do Đức Giê-hô-va mà đến” (Châm. 16:1).

Đại Tiệc lần thứ hai của Hoàng hậu Ê-xơ-tê đãi vua và Ha-man đạt được mục đích để Ê-xơ-tê tố cáo trực tiếp với vua về mưu diệt người Giu-đa của Ha-man. Lời cầu xin của Ê-xơ-tê thật cảm động: “Hoàng hậu Ê-xơ-tê thưa lại rằng: Ôi vua! Nếu tôi được ơn trước mặt vua, và nếu vua vừa ý, xin vua hãy nhậm lời cầu khẩn tôi mà ban mạng sống cho tôi, và theo sự nài xin tôi mà ban cho tôi dân tộc tôi. Vì tôi và dân tộc tôi đã bị bán để hủy diệt, giết chết, và làm cho hư mất đi” (7:3-4).

Đến đây mới thấy được lòng can đảm của Ê-xơ-tê yêu thương dân tộc mình, “Vua A-suê-ru nói với hoàng hậu Ê-xơ-tê rằng: Kẻ dám toan lòng làm như vậy là ai, và nó ở đâu? Bà Ê-xơ-tê thưa: Kẻ cừu thù, ấy là Ha-man độc ác kia” (7:5-6).

Cảm ơn Chúa, bà Ê-xơ-tê đã cứu được dân tộc của mình. Ha-man đã bị vua treo trên chính cây mộc hình của hắn đã dựng. Đúng là gậy ông đập lưng ông, Lời Chúa phán: “Đức Chúa Trời không chịu khinh dể đâu; vì ai gieo giống chi lại gặt giống ấy” (Ga-la-ti 6:7).

Đoạn 8 đến đoạn 10 – ĐẠI TIỆC CỦA DÂN Y-SƠ-RA-ÊN.

Kể từ đây, người Y-sơ-ra-ên có một Lễ gọi là Lễ Phu-rim, hay gọi cách khác là Đại Tiệc Đắc Thắng của dân Y-sơ-ra-ên.

Bắt đầu đoạn 8, tình thế được Đức Chúa Trời làm cho hoàn toàn đảo ngược, đúng như lời Chúa phán: “Lòng của vua ở trong tay Đức Giê-hô-va khác nào dòng nước chảy; Ngài làm nghiêng lệch nó bề nào tùy ý Ngài muốn” (Châm. 21:1). Kinh thánh ghi lại tình thế sau sự tố giác của Hoàng hậu Ê-xơ-tê:

7:10, “Người ta treo Ha-man nơi mộc hình mà hắn đã dựng lên cho Mạc-đô-chê. Rồi cơn giận vua bèn nguôi”.

8:1, “Ngày đó, vua A-suê-ru ban cho hoàng hậu Ê-xơ-tê cái nhà của Ha-man, kẻ ức hiếp dân Giu-đa. Còn Mạc-đô-chê đi vào trước mặt vua; vì bà Ê-xơ-tê đã bày tỏ người là thân thuộc mình. Vua cởi chiếc nhẫn mà người đã lấy nơi Ha-man và ban cho Mạc-đô-chê. Bà Ê-xơ-tê đặt Mạc-đô-chê trên nhà Ha-man”.

9:1-2, “Tháng mười hai là tháng A-đa, ngày mười ba, khi hầu gần ngày giờ phải thi hành mạng lệnh và chiếu chỉ của vua, tức nhằm ngày ấy mà kẻ cừu địch dân Giu-đa ham hố lẩn lút họ (nhưng việc đã đổi trái đi, chánh các người Giu-đa đó là lẩn lút những kẻ ghét mình; thì dân Giu-đa hiệp lại tại các thành, trong khắp các tỉnh của vua A-suê-ru, đặng tra tay vào những kẻ thù làm hại mình; chẳng có ai chống trả nổi chúng, bởi vì các dân tộc bắt sợ hãi dân Giu-đa lắm”.

9:16-19, 26-29, “Những dân Giu-đa khác ở trong các tỉnh của vua, bèn hiệp lại binh vực cho sanh mạng mình, hãm đánh kẻ thù nghịch mình, giết bảy mươi lăm ngàn người ghen ghét mình, nhưng họ không tra

tay vào hóa tài. Việc ấy xảy ra nhằm ngày mười ba của tháng A-đa; còn ngày mười bốn tháng ấy, chúng an nghỉ, lập thành một ngày yến tiệc vui vẻ... Bởi có đó, người ta cứ theo chữ Phu-rơ, mà gọi các ngày đó là Phu-rim... lại người ta phải nhớ hai ngày ấy, và mỗi gia tộc trong mỗi tỉnh mỗi thành phải giữ nó trải qua các đời; chẳng được bỏ bê ngày Phu-rim này khỏi giữa dân Giu-đa, và kỷ niệm nó chớ hề mất khỏi dòng dõi họ”.

Đại Tiệc là ngày vui, nhưng nếu chỉ để khoe khoang thì đem đến đau buồn cho gia đình cũng như cho cá nhân; ngược lại, Đại Tiệc vì yêu thương dân tộc thì là niềm vui trong Chúa, vui mừng trọn vẹn, niềm vui trải qua các đời. Lời Chúa phán: “Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn” (Phi-líp 4:4).

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 7

CÁC NHÂN VẬT TRONG SÁCH Ê-XƠ-TÊ

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Hôm nay, chúng ta tiếp tục học sách Ê-xơ-tê, bài thứ 7 với chủ đề là CÁC NHÂN VẬT TRONG SÁCH Ê-XƠ-TÊ. Xin Chúa cho qua các nhân vật này, chúng ta tìm được những bài học quý báu cho đời sống cá nhân chúng ta cũng như tìm thấy trách nhiệm mà Đức Chúa Trời muốn chúng ta có đối với cộng đồng dân Chúa và dân tộc chúng ta.

I/. VUA A-SUÊ-RU: Ê-xơ-tê 1:1-4

Sách Ê-xơ-tê bắt đầu với việc giới thiệu tên vua A-suê-ru, thuộc nước Phe-rơ-sơ, vị vua cai trị một Đế quốc rộng lớn từ Ấn Độ đến Ê-thi-ô-bi, chia thành 127 tỉnh. Nhìn vào bản đồ thế giới, chúng ta thấy Đế quốc của A-suê-ru vua nước Phe-rơ-sơ chiếm từ vùng Nam Á đến Phi châu. Tính theo ngày nay, đây là vùng đất giàu dầu mỏ và hương liệu nhất thế giới.

Theo truyền thuyết, khi vua A-lịch-sơn dẫn quân Hi Lạp tiến về phía Đông, sau 10 năm chinh chiến, đạo quân Hi Lạp tiến đến sát rặng núi Hi-mã-lạp-sơn. Nhìn ngọn núi cao nhất thế giới, A-lịch-sơn Đại Đế nghĩ rằng đã đến tận cùng thế giới, vua không vượt qua, trong khi đó lòng quân Hi Lạp sau 10 năm kéo dài cũng nản và nhớ nhà, nên đòi A-lịch-sơn quay về. Vì vậy, chúng ta cũng có thể hiểu là quan niệm thời đó cho rằng Ấn Độ là xa nhất, giống như người Việt Nam chúng ta ở Nam Bộ có nhóm từ đi Huế hàm ý là xa lắm.

Còn phía Tây Nam, vì có hai con sông lớn nhất thế giới là sông Tiger và Ơ-phơ-rát ngăn trở, kèm theo Địa Trung Hải là vùng biển gây khó khăn khi muốn tiến về phía Tây, lại còn Ai Cập đang là Đế quốc hùng mạnh đương thời. Do đó, Ê-thi-ô-bi thời bấy giờ là chỉ về Ai Cập, chiếm được Ê-thi-ô-bi là chiếm được Phi châu.

Nói chung, sách Ê-xơ-tê bắt đầu cho biết câu chuyện Kinh thánh nói đến sẽ diễn ra trong Đế quốc hùng mạnh, bá chủ thời bấy giờ.

Tuy nhiên, lúc đầu người ta không biết A-suê-ru là ai, về sau nhờ một Sinh viên tên Georg Friedrich Grotefend thuộc Đại học Göttingen giải thích những thủ bản được tìm thấy ở thành Ba-tư Cổ là Persepolis, thì biết đó là con trai của vua Darius, được giải ra là Khshayarsha, dịch sang Hi-văn là Xerxes, dịch từng chữ sang tiếng Hi-bá-lai là Akhashoerash, dịch ra Anh ngữ là Ahasuerus, và Việt ngữ phiên âm là A-suê-ru.

Như vậy tên A-suê-ru là đọc âm tiếng Ba-tư. Vua này cai trị Đế quốc Ba-tư từ 485-465 TC.

Chính A-suê-ru này đã ra lệnh xây dựng chiếc cầu bắc ngang eo biển Hellespont để tiến quân đánh quân Hi Lạp. Tuy nhiên, chiếc cầu này đã bị sập ngay khi xây xong bởi một cơn bão. Vua A-suê-ru tức giận ra lệnh đánh xuống biển 300 roi để trừng phạt biển, rồi làm một cặp xiềng sắt ném xuống biển để xiềng biển lại tại Hellespont, sau đó chặt đầu tất cả những người xây cầu.

Ê-xơ-tê 1:3, bữa tiệc này là cơ hội để vua ăn mừng kế hoạch đánh quân Hi Lạp, sau bốn năm chuẩn bị, vua tổ chức Đại Tiệc khao quân trước khi lên đường tây chinh. Thời gian giữa đoạn 1 và đoạn 2 sách Ê-xơ-tê là thời gian vua A-suê-ru dẫn 5 triệu quân đi đánh quân Hi Lạp mới nổi lên ở phía Tây.

A-suê-ru đã bị quân Hi Lạp đánh bại tại Thermopylac và Salamin, phải rút về. Trận chiến này làm thay đổi cục diện thế giới thời đó, vì thắng được trận này, quân Hi Lạp trở nên hùng mạnh và lần lần tiến về phía Đông tấn công và triệt hạ Đế quốc Phe-rơ-sơ

2:16, bốn năm sau A-suê-ru lập Ê-xơ-tê lên làm Hoàng hậu. Có lẽ là để tìm sự an ủi sau khi bại trận.

Dĩ nhiên vua A-suê-ru là người Ba-tư, một người thuộc dân ngoại, nhưng Đức Chúa Trời đã dùng A-suê-ru theo ý Ngài muốn. Kinh thánh sách Châm ngôn nói rằng: “Đức Giê-hô-va đã dựng nên muôn vật để dùng cho Ngài; đến đỗi kẻ ác cũng vậy, để dành cho ngày tai họa” (Châm 16:4).

Trong quyền năng và khôn ngoan đời đời của Chúa, ngay cả kẻ ác Chúa cũng dùng. Đây là điều tiên tri Ha-ba-cúc thắc mắc với Chúa khi ông thấy quân Ba-by-lôn tràn vào xâm chiếm đất thánh, làm hại dân thánh, tàn phá thành thánh, ông nói: “Mắt của Chúa thánh sạch, chẳng nhìn xem sự dữ, nhưng sao Chúa để kẻ dữ nuốt người công bình hơn nó” (Hab. 1:13). Và Chúa đã trả lời: quân Ba-by-lôn là cái roi Chúa dùng để sửa phạt dân Chúa (Ha. 2:13-14). Nhưng trong sách Ê-xơ-tê, Chúa dùng vua A-suê-ru để cứu dân Chúa, phạt tên Tể Tướng Ha-man độc ác mưu diệt dân Chúa.

Đối với thế gian, thì vua có quyền rất cao, quyết định theo ý mình, nhưng đối với Chúa, vua chỉ là công cụ trong tay Chúa. Lời Chúa phán: “Lòng của vua ở trong tay Đức Giê-hô-va khác nào dòng nước chảy; Ngài làm nghiêng lệch nó bề nào tùy ý Ngài muốn” (Châm. 21:1).

Sách Ê-xơ-tê cho thấy Đức Chúa Trời dùng vua A-suê-ru chọn Ê-xơ-tê làm Hoàng hậu mà không cần biết lý lịch của nàng, Đức Chúa Trời chuẩn bị cho kế hoạch giải cứu dân Chúa.

II/. HOÀNG HẬU Ê-XƠ-TÊ:

Phải đợi đến đoạn 2:7, người viết sách mới cho Ê-xơ-tê xuất hiện với những đặc điểm về nàng Ê-xơ-tê:

2:7, Ê-xơ-tê là một thiếu nữ mồ côi cha mẹ, được người anh cô cậu của nàng là Mạc đô-chê bảo dưỡng. Nàng có tên theo tiếng Hi-bá-lai là Ha-đa-sa, nghĩa là cây mía, ám chỉ là ngọt ngào; nàng cũng có tên theo tiếng Ba-tư là Ê-xơ-tê, nghĩa là ngôi sao. Ê-xơ-tê được Kinh thánh làm chứng rằng nàng là một thiếu nữ xinh đẹp, kết hợp hai cái tên của thiếu nữ này chỉ ra nàng vừa đẹp chói sáng vừa dịu dàng.

2:9, đặc biệt là vừa gặp quan Chưởng quản thái giám tên Hê-gai, Ê-xơ-tê lập tức được Hê-gai vừa lòng và sẵn sàng giúp đỡ. Thông thường trong những cuộc tuyển phi thời phong kiến, các hoạn quan như Hê-gai có quyền hành rất lớn, và luôn đòi hỏi những người muốn được tuyển hay không muốn được tuyển những món quà hối lộ rất lớn. Nếu không được lo lót, các thiếu nữ được tuyển vào cung suốt đời cũng không được gặp vua. Cảm ơn Chúa, chúng ta chẳng nghe Ê-xơ-tê hối lộ, mà ngược lại nàng được quan Chưởng quản Thái giám đặc biệt chăm lo. Rõ ràng có bàn tay của Đức Chúa Trời đặt vào.

2:15, Ê-xơ-tê rất khiêm nhu, không chú trọng chưng diện bên ngoài. Và một lần nữa chúng ta nghe được một câu khen ngợi của những người chung quanh: Ê-xơ-tê được ơn trước mặt mọi người gặp nàng.

4:16, Ê-xơ-tê có một đời sống đức tin vững vàng, trong gian nguy nàng đã biết dành thì giờ kiêng ăn cầu nguyện, nàng biết kêu gọi những người thuộc Đức Chúa Trời cầu nguyện. Một lần nữa, chúng ta làm sao chối bỏ bàn tay của Đức Chúa Trời hành động, dù sách không nói đến Danh Chúa?

4:16 phần cuối câu, Ê-xơ-tê thật là một người can đảm, khi tuyên bố: Nếu tôi phải chết thì tôi chết.

7:3-4, Ê-xơ-tê là một người yêu thương dân tộc của nàng, nàng đã vì dân tộc mình mà cầu thay xin vua giải cứu dân tộc mình.

Với tất cả những đặc tánh khiêm nhu, yêu thương dân mình, các nhà giải nghĩa Kinh thánh đã đồng ý cho rằng Ê-xơ-tê là hình bóng về Chúa Jêsus Christ là Đấng cầu thay cho người tin Chúa Jêsus bên cạnh Đức Chúa Cha, như:

Rôma 8:34, "Ai sẽ lên án họ ư? Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng đã chết (Ê-xơ-tê liều chết) và cũng đã sống lại nữa, Ngài đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, cầu nguyện thế cho chúng ta".

I Giăng 2:1b, "chúng ta có Đấng cầu thay ở nơi Đức Chúa Cha, là Đức Chúa Jêsus Christ, tức là Đấng Công bình".

III/. TẾ TƯỚNG (HAY THỦ TƯỚNG) HA-MAN:

Bắt đầu đoạn 3, xuất hiện một người khác thường, đó là HA-MAN, được gọi là:

3:10b, "kẻ cừu địch dân Giu-đa"

8:1, kẻ ức hiếp dân Giu-đa.

9:10, kẻ hãm hiếp dân Giu-đa.

9:24, kẻ hãm hiếp hết thảy dân Giu-đa.

Câu chuyện của Ha-man bắt đầu năm thứ mười hai đời vua A-suê-ru, tức là năm năm sau khi Ê-xơ-tê làm Hoàng hậu. Vấn đề nổi bật là âm mưu của Ha-man muốn tiêu diệt dân Do Thái (3:9)

Về phương diện con người, thì đây là âm mưu diệt chủng của Ha-man, như đã xảy ra thời Môi-se ở Ai Cập (Xuất 1:15, 22); như âm mưu của Adolf Hitler vào thế chiến thứ hai, với những lò thiêu sống đã giết 6 triệu người Do Thái.

Nhưng về phương diện thuộc linh, rõ ràng ma quỷ đã dùng Pha-ra-ôn của Ai Cập, dùng Ha-man đời Ê-xơ-tê, cũng như đã dùng Hê-rốt trong Ma-thi-ơ 2:16; để tìm cách phá bỏ chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại qua tuyển dân Y-sơ-ra-ên theo Chúa hứa trong sách Sáng thế ký 3:15, bằng cách

tiêu diệt tuyến dân Y-sơ-ra-ên là dân tộc mà Đấng Cứu Thế sẽ đến qua họ. Đây là điều mà sách Khải huyền 12:1-4, 13-18 đã mô tả.

Có người đã tính theo số tên HAMAN theo tiếng Hi-bá-lai cộng lại là 666 như số của con thú trong Khải huyền 13:18.

Cảm ơn Chúa, 7:9-10, cuối cùng Ha-man đã bị xử tử bằng cách bị treo trên chính mộc hình mà hắn đã dựng chuẩn bị treo Mạc-đô-chê. Đó cũng là hình ảnh của Satan và những kẻ theo nó trong ngày phán xử cuối cùng của Chúa (Khải huyền 20:10).

IV/. MẠC-ĐÔ-CHÊ:

2:5-7 Kinh thánh giới thiệu Mạc-đô-chê: Mạc-đô-chê là người Giu-đa, thuộc chi phái Bên-gia-min. Mạc-đô-chê vốn đã bị lưu đày từ Y-sơ-ra-ên qua kinh đô Ba-by-lôn, dù hiện tại theo chiếu lệnh của Si-ru nước Phe-rơ-sơ đã hủy án lưu đày, ông ở kinh đô Su-sơ từ thời cha hoặc ông của Mạc-đô-chê bị bắt làm phu tù chung với vua Giê-cô-nia, tức là vua Giê-hô-gia-kin (Giê. 22:24-28; 24:1). Mạc-đô-chê đã đứng ra bảo dưỡng cho người em gái cô cậu của ông là Ê-xơ-tê.

3:2, câu chuyện được khởi động bằng việc Mạc-đô-chê không chịu quỳ lạy Ha-man, theo như lệnh của vua. Hành động không chịu quỳ lạy cúi mình trước Ha-man chứng tỏ Mạc-đô-chê biết Lời Chúa, biết Luật pháp của Chúa trong Xuất. 20:5 (xem thêm Đa-ni-ên 3:16-18).

4:13-14 là câu nói nổi tiếng của Mạc-đô-chê: “Song nào ai biết rằng chẳng phải vì cơ hội hiện lúc này mà ngươi được vị hoàng hậu sao?”

Mạc-đô-chê biết chương trình của Đức Chúa Trời đối với đời sống mình là để phục vụ Chúa, không phải để thụ hưởng. Địa vị, chức vụ mà chúng ta hiện có được là để làm gì? Há không phải Chúa cho chúng ta có được là để góp phần vào công việc cứu đồng bào và gây dựng Hội Thánh sao?

Tôi thường nói với các con cái Chúa trong các Hội Thánh không có người chặn rằng: Đó là cơ hội Chúa cho họ được vị hoàng hậu. Nhưng phải nhớ là chỉ làm Hoàng hậu thôi, đừng leo lên làm vua.

Bốn nhân vật chính trong sách đủ để chúng ta nhận diện được một gương nào cho mình để sống theo đúng mục đích của Đức Chúa Trời dành cho mình (II Tim. 3:16-17).

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 8

NHỮNG LỄ HỘI TRONG KINH THÁNH

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Nhờ học sách Ê-xơ-tê, chúng ta được biết dân Y-sơ-ra-ên đời Ê-xơ-tê có một Lễ hội tên là Lễ Phu-rim, tôi nghĩ chúng ta cần học qua Những Lễ Hội trong Kinh thánh. Về phương diện con người thì những Lễ Hội được qui định trong Kinh thánh liên quan đến dân Y-sơ-ra-ên của Chúa; nhưng về phương diện thuộc linh, những Lễ Hội này có liên quan đến đời sống thuộc linh người tin Chúa Jê-sus, cũng như là hình bóng tương lai của người tin Chúa Jê-sus. Lời Chúa phán: Những sự ấy có nghĩa hình bóng, và họ đã lưu truyền để khuyên bảo chúng ta là kẻ ở gần cuối cùng các đời” (I Cô-rinh-tô 10:11).

TẦM QUAN TRỌNG CỦA NHỮNG LỄ HỘI:

Những Lễ Hội của Đức Chúa Trời qui định được Kinh thánh ghi rõ trong Cựu Ước, nhất là sách Lê-vi ký, một sách thường ít người đọc đến vì dường như chỉ nói đến những Lễ nghi, những của lễ. Tôi xin Chúa cho Quý vị cùng tôi học bài thứ 9 của sách Ê-xơ-tê sẽ thay đổi quan niệm từ lơ là sang yêu thích sách Lê-vi ký như yêu thích toàn bộ Kinh thánh.

Đoạn 23 của Sách Lê-vi ký cho chúng ta câu chuyện về “Bảy Lễ Hội Quan Trọng” của Chúa. “Bảy Lễ Hội” do Đức Chúa Trời qui định và ra lệnh ghi chép rõ ràng để dân Chúa tuân giữ rất quan trọng vì những Lễ Hội là những lời tiên tri báo trước những sự kiện tương lai liên quan dân Chúa, liên quan đến Hội thánh, và cũng liên quan tình hình thế giới đến ngày Chúa Jê-sus Christ tái lâm. Một phần của những Lễ Hội đó đã được ứng nghiệm, và một phần đang được ứng nghiệm, cũng như sẽ còn được ứng nghiệm.

Những Lễ Hội đó là “cái bóng của những việc hầu đến”, qua đó Chúa Jê-sus Christ là “thân” hoặc thực thể (Côl. 2:16-17). Những Lễ Hội đó là “Những Cuộc Hội Họp Thánh” của dân Chúa, được chính Chúa lập nên.

Khi dân Chúa chỉ còn giữ Lễ bằng hình thức và thờ ơ, pha trộn tội lỗi trong Lễ hội của Chúa, dù họ tổ chức linh đình, Chúa phán,

“Muôn vàn của lễ các ngươi nào có can hệ gì đến ta? Ta đã chán chê của lễ thiêu bằng chiên đực và mỡ của bò con mập. Ta chẳng đẹp lòng về huyết của bò đực, chiên con và dê đực đâu... Thật, lòng ta ghét những ngày trắng mới và kỳ lễ các ngươi, là nặng nề cho ta, ta lấy làm mệt mà gánh lấy”. Và Chúa đòi: “Hãy rửa đi, hãy làm cho sạch! Hãy tránh những việc ác khỏi trước mắt. Đừng làm dữ nữa. Hãy học làm lành, tìm kiếm sự công bình; hãy đỡ đần kẻ bị hà hiếp, làm công bình cho kẻ mồ côi, bình vực lễ của người góa bụa” (Ê-sai 1:14).

“Này trong ngày các ngươi kiêng ăn, cũng cứ tìm sự đẹp ý mình, và làm khổ cho kẻ làm thuê. Thật, các ngươi kiêng ăn để tìm sự cãi cọ tranh cạnh, đến nỗi nắm tay đánh nhau cộc cằn” (58:3-4).

“Những Lễ Hội của Chúa” là con số bảy. Nếu chúng ta bao gồm Ngày Sa-bát thì là tám, nhưng Ngày Sa-bát đứng riêng.

Ngày Sa-bát được tuân giữ hằng tuần, những Lễ Hội khác thì tuân giữ “hằng năm”.

Ngày Sa-bát được tuân giữ tại “nhà”, những Lễ Hội khác tuân giữ tại “Giê-ru-sa-lem”.

“Bảy Lễ Hội” có thể được chia thành hai phần “bốn” và “ba”.

Phần đầu bao gồm “Lễ Vượt Qua, Lễ Hội “Bánh Không Men”, Lễ Hội “Trái Đầu Mùa” và Lễ “Ngũ Tuần”. Bốn Lễ Hội đầu là hình bóng những lễ thật liên quan với Thời Kỳ Tin Lành hiện tại và những người được tham dự là những người “thuộc về trời” của Chúa, là Hội thánh

Rồi có quãng thời gian nghỉ bốn tháng, theo sau đó là Lễ “Thối Kèn”, “Ngày Đại Lễ Chuộc Tội”, và “Lễ Lều Tạm”. Ba Lễ Hội sau làm hình bóng những phước lành dành sẵn cho dân Chúa trên “đất”, chủ yếu là người Do-thái.

“Ba Đại Lễ” là “Lễ Vượt Qua”, “Lễ Ngũ Tuần”, và “Lễ Lều Tạm”. Những Lễ Hội kéo dài từ ngày 14 của Tháng Thứ Nhất hoặc Tháng Giêng đến ngày 22 của Tháng Thứ Bảy.

LỄ VƯỢT QUA.

Lễ Vượt Qua có nguồn gốc là kỷ niệm sự kiện Đức Chúa Trời cứu chuộc dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập sau 400 năm làm nô lệ. Đối với người Y-sơ-ra-ên thì Lễ này là “sự bắt đầu các tháng”, và sanh nhật của một Quốc Gia Y-sơ-ra-ên (Xuất. 12:2).

Lễ bao gồm việc chọn một chiên con đực một tuổi không có tí vết. Chiên con dành cho gia đình, và giết vào ngày 14 của tháng Giêng vào lúc chiều tối, dùng chùm kinh giới nhúng huyết chiên con đã giết bôi trên hai cột cửa và trên mành cửa nhà của họ, để kỷ niệm trong tai vạ thứ mười, khi thiên sứ hủy diệt của Chúa đi ngang qua Ai Cập đêm đó thấy huyết trên hai cột cửa và mành cửa, thì Chúa tha không giết con đầu lòng trong nhà có bôi huyết. Thịt của con chiên con được nướng và ăn với bánh không men và rau đắng, không được để lại đến sáng mai, cũng không được làm gãy một cái xương nào của con chiên. Những người ăn Lễ phải mang giày vào chân, cầm gậy nơi tay, sẵn sàng rời khỏi Ai Cập.

Khi học đến Lễ Vượt Qua này, tôi không hiểu ai đã bày cho người Trung quốc việc dán những tờ giấy đỏ trên mành cửa và hai bên cột cửa trước nhà mỗi Năm Mới Âm lịch, rõ ràng đó là sự bắt chước bôi huyết màu đỏ trong Lễ Vượt Qua, nếu lý giải thì người dán giấy đỏ cho rằng để trừ tà vào đêm Giao Thừa, giống như dân Y-sơ-ra-ên bôi huyết để thiên sứ hủy diệt vượt qua.

Lễ Vượt Qua sẽ là một “Kỷ Niệm” đối với người Y-sơ-ra-ên, Chúa ra lệnh: “Các ngươi hãy ghi ngày đó làm kỷ niệm; trải các đời hãy giữ làm một lễ cho Đức Giê-hô-va, tức là một lễ lập ra đời đời” (Xuất. 12:14).

Chiên Con Lễ Vượt Qua làm “hình bóng” về Chúa Jêsus, là “Chiên Con của Đức Chúa Trời, Đấng cất tội lỗi thế gian đi” (Giăng 1:29). Sự đổ huyết của Chúa Jêsus trên đời Gô-gô-tha, và ứng dụng vào đời sống chúng ta bằng đức tin, có cùng công dụng cứu rỗi giống như việc áp dụng huyết của Chiên Con Lễ Vượt Qua bôi trên mành cửa và hai bên cột cửa những ngôi nhà tại Ai Cập đem lại sự an toàn cho những người ở trong nhà có huyết đó.

Đêm Lễ Vượt Qua đó “bắt đầu của các tháng” đối với người Y-sơ-ra-ên, cũng vậy lúc một linh hồn tiếp nhận Chúa Jêsus Christ làm Cứu Chúa của họ, lúc đó họ “được sanh lại”, và họ bắt đầu một đời sống mới, vì Chúa Jêsus Christ là con sinh của Lễ Vượt Qua của chúng ta được dâng lên thay chúng ta rồi (I Côr. 5:7).

Lần đầu tiên dân Y-sơ-ra-ên giữ Lễ Vượt Qua, Lễ đó thừa nhận những tai vạ kinh khiếp về Sự Phán Xét của Đức Chúa Trời trên xứ Ai Cập, hình bóng về thế gian. Về sau, sự tuân giữ hằng năm là một Kỷ Niệm vui vẻ về dân Y-sơ-ra-ên được giải cứu ra khỏi nhà nô lệ Ai Cập. Trong thời gian bị lưu đày, họ vẫn giữ Lễ

Vượt Qua không có “chiên con” bị giết, và không có “huyết” được sử dụng, nhưng khi họ trở lại xứ của họ, họ lại giữ Lễ Vượt Qua.

Hội thánh của Chúa Jêsus Christ không giữ Lễ Vượt Qua theo hình thức như người Y-sơ-ra-ên, nhưng Hội thánh của Chúa Jêsus Christ giữ Lễ Vượt qua hình bóng được dạy dỗ trong Lễ Tiệc Thánh mà Chúa Jêsus Christ đã lập ra thay thế.

LỄ BÁNH KHÔNG MEN.

Lễ Bánh Không Men được cử hành vào ngay sau ngày Lễ Vượt Qua, và kéo dài bảy ngày (Lê-vi ký. 23:6-8). Chiên con bị giết vào ngày thứ 14 lúc mặt trời lặn, kết thúc một ngày. Lễ Bánh Không Men lập tức bắt đầu sau khi mặt trời lặn, đó là bắt đầu ngày thứ 15. Như vậy, không có khoảng thời gian giữa hai Lễ.

Lễ Vượt Qua hình bóng về sự chết của Chúa Jêsus, cũng vậy Lễ Bánh Không Men làm hình bóng về “Sự Bước Đi [cách Ăn Ở]” của Người Tin Chúa Jêsus, và không có khoảng thời gian tu thân tích đức với một người được cứu tức thì bước vào đời sống thánh và bước đi giữa đời thường.

“Bảy ngày” chỉ về toàn bộ tiến trình của đời sống Người Tin Chúa Jêsus sau khi qui đạo. “Men” theo Kinh thánh dạy làm hình bóng về cái ác, tội lỗi, cũng vậy, Lễ Bánh Không Men này sẽ giữ với bánh “không có men”, Chúa ra lệnh: “Phải ăn bánh không men trong bảy ngày; khắp cả địa hạt người sẽ không thấy bánh có men, hoặc men tại nơi người nữa” (Xuất. 13:7).

Phao-lô nói về “ác tâm” và “sự ác”, tội lỗi là men. “Hãy làm cho mình sạch men cũ đi, hầu cho anh em trở nên bột nhồi mới không men, như anh em là bánh không men vậy. Vì Đấng Christ là con sinh lễ Vượt Qua của chúng ta, đã bị giết rồi. Vậy thì, chúng ta hãy giữ lễ, chớ dùng men cũ, chớ dùng men gian ác, độc dữ, nhưng dùng bánh không men của sự thật thà và của lễ thật” (I Cô-rinh-tô 5:7-8).

Vậy nên Lễ Bánh Không Men là chúng ta đã được cứu bởi sự đổ huyết của Chúa Jêsus Christ hình bóng qua Lễ Vượt Qua của chúng ta, là Lễ Tiệc Thánh, chúng ta sẽ “bước đi” hay ăn ở trong đời sống mới, làm sạch men của thế gian và không “làm công việc hèn hạ”, hoặc làm để mong được cứu (Rô-ma 12:2).

LỄ TRÁI ĐẦU MÙA.

Lễ Vượt Qua xảy ra ngày 14 của tháng Giêng, Lễ Bánh Không Men vào ngày kế tiếp sau Lễ Vượt qua chính là Lễ Tiệc Thánh, là Ngày Sa-bát, và ngày tiếp theo là “ngày mai sau ngày Sa-bát”, là Lễ Trái Đầu Mùa sẽ được cử hành.

Tuy nhiên Lễ này không thể cử hành cho đến sau khi Dân Y-sơ-ra-ên đã vào xứ Ca-na-an, vì vậy, Lễ Trái Đầu Mùa không được giữ suốt 40 Năm Lang Thang Trong Đồng Vắng, ấy là sự dạy dỗ những người chưa tin Chúa Jêsus là những người còn lang thang trong đồng vắng đời này, đi để chết, sẽ không được dự phần trong Lễ Trái Đầu Mùa, cho đến khi họ được bước vào Đất Hứa.

Việc dâng hiến trong Lễ Trái Đầu Mùa là một bó lúa gặt từ những cánh đồng đã chín được đem đến cho thầy tế lễ đưa qua đưa lại làm hiệu trước khi Đức Chúa Trời chấp nhận, và sẽ theo sau bằng một Cửa Lễ Thiêu, Cửa Lễ Chay và Cửa Lễ Quán, nhưng không phải Cửa Lễ Chuộc Tội. Cửa Lễ Thiêu sẽ là một chiên con đực không tì vết của năm thứ nhất, của lễ có mùi thơm dâng lên cho Đức Chúa Trời.

Lễ Trái Đầu Mùa là kiểu mẫu và hình bóng về Sự Sống Lại của Chúa Jêsus Christ. Chúa Jêsus Christ đã sống lại vào “buổi sáng sau ngày Sa-bát”, và sự sống lại của Ngài được Phao-lô gọi là “Trái Đầu Mùa” của sự sống lại từ trong kẻ chết, “Nhưng bây giờ, Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, Ngài là trái đầu mùa của

những kẻ ngủ” (I Cô-rinh-tô 15:20). Lời Chúa xác nhận: “nhưng mỗi người theo thứ tự riêng của mình, Đấng Christ là trái đầu mùa; rồi tới ngày Đấng Christ đến, những kẻ thuộc về Ngài sẽ sống lại” (I Cô-r. 15:23).

Sẽ không có Lễ Trái Đầu Mùa trong Thiên-hi niên, Lễ Trái Đầu Mùa đã được ứng nghiệm trong Chúa Jê-sus Christ.

Ba Lễ trong lời Đức Chúa Trời ra lệnh, gồm:

Lễ Vượt Qua hình bóng về Chúa Jê-sus chịu chết để huyết cứu người,

Lễ Bánh Không Men hình bóng Đức Chúa Trời muốn người đã nhận Lễ Vượt Qua phải trở nên Bánh Không Men như chính Chúa Jê-sus Christ giữa đời này.

và cảm tạ Chúa, người tin Chúa Jê-sus sẽ kế thừa phước hạnh Trái Đầu Mùa nghĩa là được sống lại như chính Chúa Jê-sus Christ trong ngày Đấng Christ tái lâm.

Xin Chúa cho người tin Chúa Jê-sus hiểu được những lễ thật cao quý này từ Kinh thánh.

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 9

NHỮNG LỄ HỘI TRONG KINH THÁNH (Phần 2)

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta cùng được học Kinh thánh là lời của Đức Chúa Trời. Trong bài thứ 8 sách Ê-xơ-tê chúng ta đã cùng học 3 Lễ trong Kinh thánh được Đức Chúa Trời qui định: Lễ Vượt Qua, Lễ Bánh Không Men, và Lễ Trái Đầu Mùa. Hôm nay, chúng ta tiếp tục học Những Lễ Hội Trong Kinh thánh còn lại, những Lễ hội này có liên quan đến dân Y-sơ-ra-ên thuộc thể, cũng liên quan đến Hội thánh của Chúa Jê-sus Christ là tuyển dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh.

LỄ NGŨ TUẦN.

Năm Mười ngày sau Lễ Trái Đầu Mùa, Lễ Ngũ Tuần được cử hành. Khoảng trống giữa hai Lễ, bao gồm Bảy Ngày Sa-bát, được gọi là “Lễ Các Tuần Lễ”.

Lễ bắt đầu với sự dâng hiến Trái Đầu Mùa của Mùa Gặt Lúa Mạch, và kết thúc với việc gặt hái Mùa Gặt Lúa Mì. Ngày Thứ Nhất là Lễ Trái Đầu Mùa, Ngày cuối cùng là Lễ Ngũ Tuần. Chỉ ngày đầu và ngày cuối được cử hành Lễ Hội.

Vào Lễ Ngũ Tuần, một Việc Dâng Hiến Bữa Ăn Mới sẽ được dâng lên trước mặt Chúa. Việc đó được gọi là “mới” vì phải là hạt từ mùa gặt “mới”.

Vào ngày Lễ Trái Đầu Mùa “Những Gié Lúa” sẽ được dâng lên và đưa qua đưa lại, nhưng lúc Lễ Ngũ Tuần, hạt sẽ được nghiền thành bột, từ bột đó làm thành hai ổ bánh được nướng với men. “Hai ổ bánh” tiêu biểu hai hạng người sẽ lập thành Hội thánh, người Do-thái và Dân Ngoại, là những người tin chưa hoàn hảo, mặc dù đã được cứu, sự không hoàn hảo đó được tiêu biểu qua việc có men.

Một “Của Lễ Thiêu” với bảy chiên con không tì vết giáp năm, một con bò tơ, và hai con dê đực, sẽ được dâng lên với “Hai Ổ Bánh Đưa Qua Đưa Lại”, cùng với “Của Lễ Chay” và “Của Lễ Quán” có mùi thơm dâng

lên Đức Giê-hô-va. Những của lễ này được tiếp theo bởi một “Của Lễ Chuộc Tội” bằng một con dê đực nhỏ và hai con chiên con giấp năm cho một “Của Lễ Thủ Ân [Của Lễ Bình An]”. “Hai Ổ Bánh Đưa Qua Đưa Lại” trước mặt Chúa. Hãy chú ý bây giờ chỉ là “những ổ bánh”, không phải những gié lúa. “Những Ổ Bánh” tiêu biểu tính đồng nhất của Hội thánh.

Lễ Ngũ Tuần đã ứng nghiệm vào Ngày Lễ Ngũ Tuần sáng lập Hội thánh, khi tất cả các môn đồ của Chúa Jê-sus chịu báp-têm bằng Đức Thánh Linh như một thân thể (I Côr. 12:13).

Giữa Lễ Ngũ Tuần và Lễ Thối Kèn có một khoảng nghỉ bốn tháng suốt Mùa Gặt và Mùa Hái Nho. “Khoảng Nghỉ” dài này hình bóng cho “Thời Kỳ Hiện Tại” qua đó dân Do-thái hiệp cùng những người được chọn trong Hội thánh, và suốt kỳ dân Y-sơ-ra-ên tan lạc giữa các nước. Khi Thời Kỳ Hiện Tại tiến hành tiến trình của nó, và “Sự Đầy Trọn của Dân Ngoại” hội hiệp lại (Rô. 11:25) cùng với “một phần còn sót lại theo sự lựa chọn của sự hợp lại từ bốn góc đất để giữ Lễ Thối Kèn tại Giê-ru-sa-lem (Math. 24:31).

LỄ THỐI KÈN.

Lễ Thối Kèn được cử hành vào ngày thứ nhất của tháng thứ Bảy, báo hiệu loạt thứ nhì của “bộ lễ hội”. Lễ rơi vào ngày Sa-bát, thời điểm là ngày Trăng Mới, và báo hiệu Năm Mới theo Do-thái giáo. Tiếp theo sau là “Ngày Đại Lễ Chuộc Tội” vào ngày thứ 10 của tháng, và kế tiếp là “Lễ Lều Tạm” bắt đầu vào ngày thứ 15 của tháng, một ngày Sa-bát, và kết thúc vào ngày 22 của tháng, cũng là một ngày Sabát. Lễ báo hiệu bằng tiếng kèn thổi.

Suốt thời gian Lang Thang Đồng Vắng, hai loa bằng bạc, làm từ tiền chuộc tội của dân sự, được thổi để “kêu gọi Hội Chúng họp lại”, và dùng cho “việc dòi Trại” (Dân. 10:1-10).

Sự kiện Lễ Thối Kèn đến ngay lúc kết thúc “Khoảng Nghỉ” giữa hai loạt “bộ lễ hội” là có ý nghĩa. Như chúng ta đã thấy “Khoảng Nghỉ” tiêu biểu “Thời Kỳ Ân Sủng”, và chúng ta biết rằng hai điều sẽ xảy ra lúc kết thúc Thời Kỳ này. Thứ nhất Hội thánh sẽ được cất lên, và thời kỳ thứ hai là dân Y-sơ-ra-ên sẽ họp lại trong xứ của họ. Khi Hội thánh được cất lên – “Vi sẽ có tiếng kêu lớn và tiếng của thiên sứ lớn cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống” (I Tê-s. 4:16), và “Chúng ta không ngủ hết, nhưng chúng ta, tức những người còn sống, tất cả đều sẽ được biến hóa, trong giây phút, trong nháy mắt, lúc Tiếng Kèn Chót vì Kèn sẽ thổi, và kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sẽ biến hóa” (I Côr. 15:51-52).

“Tiếng Kèn Chót” này không phải là kèn cuối trong “Bảy Kèn” đã thổi trong Sách Khải huyền, vì những kèn này không được thổi cho đến “Giữa Tuần Lễ”, trong khi Hội thánh đã được cất lên “trước khi” bắt đầu “Tuần Lễ Đại Nạn”. Chúng ta sẽ hiểu “tiếng kèn chót” là Hai Kèn Cuối được dùng bởi dân Y-sơ-ra-ên, thứ nhất, kèn được thổi để “kêu gọi Hội Chúng họp lại”, sẽ gọi những người chết trong Đấng Christ ra khỏi những ngôi mộ của họ, và thứ hai hoặc kèn “cuối cùng” được thổi dùng cho “việc dòi Trại”, sẽ là dấu hiệu đi lên của những người được sống lại và các thánh được biến hóa gặp Chúa nơi không trung.

Sau đó chúng ta đọc trong Math. 24:31 rằng khi Con Người đến trong đám mây trên trời với đại quyền đại vinh, lúc Ngài Mặc Khải Chính Ngài, sẽ sai các thiên sứ của Ngài dùng tiếng Kèn rất lớn mà nhóm lại những kẻ đã “được lựa chọn” của Ngài – không phải là Hội thánh nhưng là dân Y-sơ-ra-ên ở khắp bốn phương, từ cuối phương trời này cho đến tận phương kia”. Từ lời này, chúng ta thấy rằng “Lễ Thối Kèn” có một mối liên hệ hình bóng đối với “việc cất lên” của Hội thánh, và dân Y-sơ-ra-ên họp lại lúc Chúa Jê-sus Christ tái lâm. Điều này đưa đến một số người tin rằng khi Chúa Jê-sus bị đóng đinh vào lúc Lễ Vượt Qua, và Đức Thánh Linh đã được ban xuống vào lúc Lễ Ngũ Tuần, nên khi Chúa Jê-sus Christ tái lâm, “Sự

Cất Lên” sẽ xảy ra lúc Lễ Lều Tạm, và “Sự Mặc Khải” bảy năm đại nạn sau đó vào lúc Lễ Thối Kèn này. Chỉ thời gian bày tỏ quan điểm này đúng hay sai.

NGÀY LỄ CHUỘC TỘI

“Ngày Lễ Chuộc Tội” là việc tẩy sạch Y-sơ-ra-ên khỏi tội lỗi hằng năm. Về câu chuyện đầy đủ của ngày Lễ này và những công việc của ngày Lễ hãy đọc Lê-vi ký. 16:1-34.

Ý nghĩa hình bóng của Ngày Lễ Chuộc Tội được ứng nghiệm trong Chúa Jê-sus Christ là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta, thay vì dâng một “Của Lễ Chuộc Tội” cho chính Ngài, Ngài đã dâng chính Ngài làm một “Của Lễ Chuộc Tội” cho chúng ta (Hêb. 9:11-14).

Sự kiện “Ngày Lễ Chuộc Tội” được đặt giữa “Lễ Thối Kèn” như chúng ta đã thấy sẽ được ứng nghiệm hình bóng lúc Chúa Jê-sus Christ tái lâm, và “Lễ Lều Tạm” làm hình bóng về “Sự Nghỉ Ngơi Ngàn Năm” của dân Y-sơ-ra-ên, hàm ý rằng có ý nghĩa hình bóng giữa hai sự kiện này.

Vì vậy “Ngày Lễ Chuộc Tội” phải chỉ về thời điểm khi một tuổi mở ra cho Nhà Đa-vít và dân cư Giê-ru-sa-lem, vì tội lỗi và sự ô uế” (Xach. 13:1). Do đó, “Ngày Lễ Chuộc Tội” sẽ là một “Ngày Lễ Chuộc Tội Quốc Gia” đối với dân Y-sơ-ra-ên sau khi họ được gom nhóm lại về xứ lúc họ chưa qui đạo, và họ sẽ ăn năn quay lại với Đức Chúa Trời (Xach. 12:9-14).

LỄ LỀU TẠM

Lễ Lều Tạm là Lễ cuối trong Bộ Bảy Lễ. Lễ Lều Tạm là một lễ hội “Mùa Gặt Gia Đình” được cử hành lúc kết thúc mùa gặt, kéo dài bảy ngày (Phục. 16:13).

Suốt Lễ Lều Tạm người ta sẽ ở trong những lều làm bằng những nhánh cây kè và cây liễu từ tuổi, nhắc họ về những cây kè tại Ê-lim trong những năm lang thang giữa đồng vắng, và cây liễu của những năm lưu đày tại Ba-by-lôn (Thi. 137:1-9).

Phần Hình Bóng của Lễ Lều Tạm này chưa xuất hiện dù Phi-e-rơ đã dự đoán nó trên Núi Hóa Hình, Phi-e-rơ nói – “Lạy Chúa, chúng ta ở lại đây thì tốt lắm; vì bằng đẹp ý Chúa, thì tôi sẽ đóng ba trại tại đây, một cái cho Chúa, một cái cho Môi-se và một cái cho Ê-li” (Math. 17:4). Điều Phi-e-rơ mong muốn, là làm một nơi ở trên đất cho những người trên trời với những người trên đất, không khả thi, nhưng sẽ xảy đến trong Thiên-hi niên, khi Trời và Đất sẽ liên kết gần hơn.

Lễ Lều Tạm chỉ về “Sự Yên Nghỉ trong Thiên-hi niên” của người Y-sơ-ra-ên. “Ngày Thứ Bảy” hoặc “Ngày Sa-bát” trong tuần là một ngày yên nghỉ. Cũng vậy “Tháng Thứ Bảy” đối với sáu tháng khác trong “Chu Kỳ Bảy Tháng”, làm hình bóng thời kỳ nghỉ ngơi – “Nghỉ Sa-bát” của “Thời đại Thiên-hi niên” hoặc 1.000 năm bình an, trong mối liên quan với sáu ngàn năm lịch sử làm việc của thế giới. Giống như Tiệc Thánh của Chúa đối với chúng ta, đó là một “Lễ” nhắc lại “Thập Tự Giá”, đồng thời hướng đến “Sự Tái Lâm”, cũng vậy “Lễ Lều Tạm” sẽ là một “Lễ cho người Y-sơ-ra-ên, nhắc lại Ai Cập và hướng tới Sự Yên Nghỉ Thiên-hi niên”.

Trong khi Lễ Lều Tạm bắt đầu bằng một ngày Sa-bát và tiếp tục bảy ngày, nó sẽ được tiếp theo bởi một ngày Sa-bát (Lêv. 23:39). Ngày Sa-bát này vào “Ngày Thứ Tám” hay Lễ Hân Hỉ chỉ về Trời Mới và Đất Mới tiếp theo Thiên-hi niên, và chỉ về “Thời Kỳ Thứ Tám” (Lê-vi ký 25:11-13), Thời Kỳ về “Sự Đầy Trọn Các Kỳ” như cho thấy trong Sơ đồ “Sự Phân Chia Đúng Lời của Lễ Thật” của Mục sư Mc Claren.

LỄ PHU-RIM.

Lễ Phu-rim được dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu cử hành trong thời gian hậu lưu đày, lúc một phần lớn dân Giu-đa đã được hồi hương theo chiếu chỉ của vua Si-ru, với những đợt hồi hương do Xô-rô-ba-bên, do E-xơ-ra, do Nê-hê-mi, lãnh đạo để tái thiết đền thờ, tái xây dựng tường thành Giê-ru-sa-lem.

Trong lúc đó còn một số người Giu-đa vẫn ở tan lạc trong khắp đế quốc Phe-rơ-sơ, nhất là tại kinh đô Su-sơ. Lý do những người Giu-đa này không trở về quê Y-sơ-ra-ên của họ có thể vì sau 70 lưu đày, họ là những người được sanh ra ngoài quê hương Y-sơ-ra-ên nên ít lưu luyến quê hương, dù vẫn còn nhớ; hoặc họ đã sinh cơ lập nghiệp ở hải ngoại, như Mạc-đô-chê, như Ê-xơ-tê đã làm hoàng hậu của Đế quốc hùng mạnh này.

Âm mưu diệt chủng của Tể Tướng Ha-man đối với dân Giu-đa vào ngày mười ba, tháng mười hai, năm thứ mười hai đời vua A-suê-ru. Cảm ơn Đức Chúa Trời, Chúa đã chuyển sự buồn rầu của dân Chúa ra vui mừng, “Vì trong ngày và tháng ấy dân Giu-đa đã thoát khỏi kẻ thù nghịch mình và được bình an, sự đau đớn đổi ra mừng rỡ, và ngày buồn thảm hóa ra ngày lễ; lại bảo họ lập thành ngày tiệc yến và vui mừng, gửi cho lẫn nhau những lễ vật, và bố thí cho người nghèo khổ” (9:22).

Từ ngày đó, dân Y-sơ-ra-ên chính thức có thêm một ngày Lễ hội hằng năm vào ngày mười ba và mười bốn, tháng mười hai, đặt tên là Lễ Phu-rim. Kinh thánh giải thích: “Bởi có đó, người ta cứ theo chữ Phu-rơ, mà gọi các ngày đó là Phu-rim” (3:7; 9:26).

Nói chung lại, so sánh Đại Tiệc của những người chưa tin Chúa, dù linh đình như Đại Tiệc của vua A-suê-ru, kết quả chỉ là đau buồn, gia đình mất hạnh phúc, ấy là chưa kể vua A-suê-ru bại trận trước quân Hi Lạp. Còn những Lễ Hội Chúa qui định đều để nhắc dân Chúa nhớ đến Chúa, không khoe khoang cá nhân, và đem lại yêu thương với nhau.

Lời Chúa dạy: “Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự chi khác, hãy vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời mà làm. Đừng làm gương xấu cho người Giu-đa, người Gờ-réc, hay là Hội thánh của Đức Chúa Trời” (I Cô-rinh-tô 10:31-32).

SÁCH Ê-XƠ-TÊ 10

SỰ BẢO HỘ

Sách Ê-xơ-tê 1: - 10: (Đọc 4:12-17)

Câu gốc: Ê-xơ-tê 4:14

Mục đích: Học sách Ê-xơ-tê để thấy sự bảo hộ của Đức Chúa Trời trên con cái của Chúa.

Kính chào Quý vị, tôi là Mục sư SƠN. Cảm ơn Chúa cho chúng ta được cùng học Kinh thánh là Lời của Đức Chúa Trời. Học sách Ê-xơ-tê, dân Chúa mới vừa trải qua 70 năm lưu đày, thì bây giờ lại phải đối diện với họa diệt chủng từ âm mưu của Ha-man. Nhưng qua sách Ê-xơ-tê là lời chứng mạnh mẽ sự bảo hộ của Đức Chúa Trời trên dân Chúa. Do đó, chúng ta không thể bỏ qua bài học Đức Chúa Trời BẢO HỘ dân Chúa trước khi kết thúc loạt bài về sách Ê-xơ-tê với Lời Chúa ghi: “Vì nếu người làm thình trong lúc này đây, dân Giu-đa hẳn sẽ được tiếp trợ và giải cứu bởi cách khác, còn người và nhà cha người đều sẽ bị hư mất; song nào ai biết rằng chẳng phải vì cơ cơ hội hiện lúc này mà người được vị hoàng hậu sao?” (4:4)

I/. DỰ BỊ SỰ BẢO HỘ: Ê-xơ-tê 1: - 2:

Đức Chúa Trời của chúng ta là Đức Chúa Trời của thứ tự (I Cô. 14:33), bao giờ Chúa cũng có sự chuẩn bị kế hoạch đầy đủ, thí dụ như kế hoạch cứu rỗi nhân loại đã được công bố ngay từ buổi sáng thế, ngay trước khi tổ phụ loài người phạm tội (Sáng. 3:15; Khải. 12:12).

Đặc biệt là qua sách Ê-xơ-tê đoạn 1 và đoạn 2, chúng ta thấy rõ Đức Chúa Trời đã chuẩn bị trước khi nhu cầu bảo hộ xảy ra.

Đức Chúa Trời dự bị Ê-xơ-tê được vị Hoàng hậu: Ê-xơ-tê đoạn 1: đến 2:20

Qua đoạn 2:7, Kinh thánh cho chúng ta biết về lý lịch của nàng thiếu nữ Ê-xơ-tê:

Ê-xơ-tê là một trong số những người Giu-đa đang bị lưu đày tại kinh đô Su-sơ. Một nô lệ lưu đày thì đâu có giá trị gì mà dám mơ ước một địa vị nào đó, huống chi là địa vị một Hoàng hậu, mà lại là Hoàng hậu của một Đế quốc Phe-rơ-sơ hùng mạnh đương thời.

Ê-xơ-tê là một người con gái mồ côi cha mẹ, ở với người anh cô cậu, như vậy Ê-xơ-tê thiếu tình thương gia đình và thiếu cả những hậu thuẫn có cần.

Ê-xơ-tê là một thiếu nữ xinh đẹp. Chúng ta có thể nói nàng là thiếu nữ đẹp người đẹp nết, lúc nào cũng được ơn trước mặt mọi người, ngay cả trước mặt quan Chưởng quản thái giám Hê-gai (2:9, 15b)

Thế nhưng Đức Chúa Trời đã chuẩn bị đưa Ê-xơ-tê lên địa vị Hoàng hậu để qua nàng Đức Chúa Trời có thể bảo hộ dân Chúa trong tương lai. Chúa chuẩn bị như thế nào:

1:10-12, Đức Chúa Trời chuẩn bị một vua A-suê-ru muốn khoe sắc đẹp của hoàng hậu, khiến hoàng hậu Vả-thi dám chống lại lệnh của vua, để rồi phải bị phế truất khỏi ngôi Hoàng hậu, tạo một chiếc ngai hoàng hậu trống vắng.

Giữa đoạn 1 và đoạn 2, Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một chiến bại cho vua A-suê-ru - một sự bại trận rất lớn với 5 triệu quân Phe-rơ-sơ bị tiêu diệt trước quân Hi Lạp mới nổi lên.

2:1-4, trong nỗi buồn về việc Hoàng hậu Vả thi kháng chỉ bị truất ngôi, thêm nỗi buồn thua trận, Đức Chúa Trời đã chuẩn bị nhu cần một Hoàng hậu mới cho vua. Đó là thời điểm để Ê-xơ-tê xuất hiện.

2:5 Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một người tên Mạc-đô-chê đầy khôn ngoan nhưng cũng đầy đức tin tin cậy sự bảo hộ của Chúa để giúp Ê-xơ-tê lên ngôi Hoàng hậu (4:14).

Và Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một người con gái ngọt ngào như ‘mía’ theo ý nghĩa tên Ha-đa-sa, mà cũng sáng đẹp như một vì sao theo ý nghĩa tên Ê-xơ-tê, đầy đức tin, dũng cảm (4:15-17), biết yêu thương dân tộc (7:3-4) nhận lấy ngôi hoàng hậu nước Phe-rơ-sơ.

2. Đức Chúa Trời chuẩn bị cho Mạc-đô-chê lập công: 2:21-23.

Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho Mạc-đô-chê tiếp cận vua A-suê-ru với sự tin cậy, bằng cách khiến cho Mạc-đô-chê biết được âm mưu ám sát vua của hai hoạn quan.

Điều kỳ diệu nữa là Đức Chúa Trời không cho Mạc-đô-chê lãnh thưởng ngay lúc bấy giờ, mà Chúa cho vua A-suê-ru quên, để rồi đến 6:1-3, một thời điểm trước giờ Ha-man toan giết Mạc-đô-chê thì Đức Chúa Trời đã nhắc lại công trạng này và trong giờ phút cực kỳ nguy hiểm đó, thế cờ đã đảo ngược: người bị hại được tôn vinh; còn kẻ toan hại người thì bị sỉ nhục (6:11-12).

Đức Chúa Trời đã chuẩn bị hai cậu cháu: một nữ và một người nam. Như Chúa Jêsus Christ đã phán trong Ma-thi-ơ 18:19, “Nếu hai người trong các ngươi thuận nhau ở dưới đất mà cầu xin không cứ việc chi, thì Cha ta ở trên trời sẽ cho họ”. Thật vậy, hai người này đã đồng lòng hiệp ý cầu nguyện, đã đồng lòng hiệp ý yêu thương dân tộc mình mà cầu thay, Đức Chúa Trời đã đẹp lòng bảo hộ dân Chúa khỏi tai họa.

II/. NHU CẦN ĐƯỢC BẢO HỘ: 3:

Vì mưu ác của Ha-man: 3:1-6

Sáu câu đầu của đoạn 3 này giới thiệu cho chúng ta một Ha-man như sau:

3:1, Ha-man được vua A-suê-ru tin cậy, và bằng cơ của sự tin cậy đó Ha-man vừa được thăng chức, làm nổi danh của Ha-man, bổ nhiệm Ha-man làm Tế Tướng.

3:2, Ha-man được mọi người quý lạy như một vị thần, giống như vua của Đế quốc.

Tuy nhiên, Mạc-đô-chê là người Giu-đa đã vâng lời Chúa không quý lạy trước người nào hoặc thần nào ngoài Chúa (Xuất. 20:3), do đó, Mạc-đô-chê không quý lạy trước Ha-man như những nô bộc của Ha-man. Hành động của Mạc-đô-chê đã gây tức giận cho Ha-man và Ha-man cho rằng tra tay trên một mình Mạc-đô-chê là một sự nhỏ mọn, hấn bèn tìm mưu giết hết thầy dân Giu-đa, là tông tộc của Mạc-đô-chê, ở trong toàn nước A-suê-ru (3:6).

Tên của Ha-man có nhiều điều khiến chúng ta phải chú ý:

Nếu chiết tự theo tiếng Hi-bá-lai tính thành số (người Do Thái lấy chữ thay số) cộng lại thì HAMAN có tổng số là 666, chính là con số của con thú trong Khải huyền 13:18

Tên Ha-man luôn luôn được đi kèm với nhóm từ được coi như là biệt danh trong sách Ê-xơ-tê dành cho hắn:

3:10, kẻ cừu địch của dân Giu-đa;

8:1, kẻ ức hiếp dân Giu-đa

9:10, kẻ hãm hiếp dân Giu-đa

9:24, kẻ hãm hiếp hết thầy dân Giu-đa.

Rõ ràng tên Ha-man chỉ về kẻ thù nghịch với dân Chúa.

Tên Ha-man làm chúng ta nhớ quỉ Sa-tan được các nhà thần học gọi là con khỉ của Đức Chúa Trời, nó luôn luôn tìm cách bắt chước công việc của Đức Chúa Trời hầu phá rối chương trình của Đức Chúa Trời yêu thương dành cho nhân loại.

Xét như thế rõ ràng quỉ Sa-tan đã mượn tay ác độc của Ha-man, không phải chỉ mưu hại cá nhân Mạc-đô-chê, mà chủ ý của nó là muốn tiêu diệt tuyến dân, tông tộc của Mạc-đô-chê trong toàn nước Phe-rơ-sơ, phá hoại kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời.

Cảm ơn Chúa, Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng Biết Hết Mọi Sự, Chúa đã dự bị một sự bảo hộ dân Ngài thoát khỏi mưu ác của Ha-man rồi.

Vì bảo hộ tuyến dân: 3:7-15

Đọc qua phân đoạn Kinh thánh này chúng ta thấy Ha-man thật đã chuẩn bị kế hoạch tiêu diệt dân Chúa cách hoàn hảo.

3:8-9, Ha-man dụ vua A-suê-ru bằng cách vu cáo dân Chúa: chúng nó cũng không tuân theo luật pháp của vua, và hứa tặng quốc khố cho vua.

3:12, nội dung chiếu chỉ do Ha-man truyền lệnh, nhưng sắc chỉ là uy quyền của vua với dấu ấn là nhẫn của vua để không thay đổi được. Chiếu lệnh lập tức phổ biến toàn Đế quốc theo các thổ âm định một ngày tiêu diệt dân Chúa.

Đọc lại lịch sử thế giới, không có dân tộc nào như dân Do Thái, đã trải qua nhiều lần bị các âm mưu diệt chủng của các thù nghịch, như:

Quỉ Sa-tan xúi giục vua Ai Cập ra lệnh giết hết thầy con trai người Y-sơ-ra-ên.

Bây giờ, Sa-tan xúi giục Ha-man mưu diệt chủng Y-sơ-ra-ên.

Chúng ta còn phải kể đến vua Hê-rốt mưu giết Hai Nhi Jêsus.

Về phương diện thuộc linh, thì những cuộc diệt chủng này còn mang một âm mưu sâu xa hơn của quỉ Sa-tan: Ấy là tiêu diệt tuyến dân để Đức Chúa Trời không thể đưa Chúa Jêsus Christ vào thế gian cứu nhân loại qua dân Y-sơ-ra-ên như Chúa đã công bố (Sáng. 3:15), nói mạnh hơn là nó mưu phá hủy Chương trình Cứu Rỗi của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại.

Cảm ơn Chúa, mỗi lần có âm mưu diệt chủng là mỗi lần chúng ta thấy bàn tay của Đức Chúa Trời can thiệp bảo hộ dân Chúa, làm bại mưu kẻ ác.

Và một lần nữa sách Ê-xơ-tê đã ghi lại sự bảo hộ của Đức Chúa Trời đối với dân Chúa, trước khi Ha-man đưa ra mưu kế của hắn trong đoạn 3, thì Đức Chúa Trời đã chuẩn bị chương trình bảo hộ dân Chúa trong đoạn 1 và 2 rồi.

III/. KẾT QUẢ CỦA SỰ BẢO HỘ: Ê-xơ-tê 4: - 10:

Những đoạn cuối của sách Ê-xơ-tê là những bằng chứng xác nhận sự bảo hộ của Đức Chúa Trời vượt quá sự suy tưởng của loài người chúng ta:

Kết quả thứ nhất: kẻ thù bị tiêu diệt: 4: - 7:

Rõ ràng sức mạnh của kẻ thù Ha-man đã bị rung chuyển khi Hoàng hậu Ê-xơ-tê công bố kế hoạch tìm kiếm sự bảo hộ của Chúa: “Hãy vì tôi kiêng cử ăn trong ba ngày và đêm, chớ ăn hay uống chi hết; tôi và các nàng hầu tôi cũng sẽ kiêng cử ăn nữa; như vậy, tôi sẽ vào cùng vua, là việc trái luật pháp; nếu tôi phải chết thì tôi chết” (4:16).

Hoàng hậu Ê-xơ-tê đã chọn giải pháp làm yếu thuộc thể để tăng sức mạnh thuộc linh. Cảm ơn Chúa, Đức Chúa Trời cũng đã tạo cơ hội cho vua A-suê-ru nhớ lại công trạng cứu vua của Mạc-đô-chê. Chúa đã ban cho Hoàng hậu Ê-xơ-tê khôn ngoan tố cáo âm mưu của Ha-man với vua. Kết quả là Ha-man đã bị xử tử trên chính mộc hình mà hắn đã sửa soạn để giết Mạc-đô-chê.

Kết quả thứ hai: Dân Chúa được cứu: 8: - 9:

Hai đoạn này mô tả cảnh dân Chúa được cứu khỏi quyền lực của Ha-man. Sự bảo hộ của Chúa chẳng những cứu dân Chúa mà còn ban cho họ niềm vui đến nỗi lập thành ngày Lễ Phu-rim lưu truyền các đời (9:26-28).

Kết quả thứ ba: Cá nhân Mạc-đô-chê, một người tin cậy Đức Chúa Trời và yêu thương dân tộc mình được tôn trọng.

Đoạn 10 chỉ có 3 câu, và 3 câu này dành hết vinh quang cho Mạc-đô-chê:

10:2, công sự về quyền thế, năng lực và sự cao trọng của Mạc-đô-chê được ghi lại, vua thăng chức cho Mạc-đô-chê làm tể tướng.

10:3, Mạc-đô-chê được tôn trọng, được anh em yêu mến, được dân tộc khen ngợi, dòng dõi được quý mến.

Cảm ơn Chúa, Lời Chúa đã đề cập đến kết quả sự bảo hộ của Chúa, dù chỉ 3 câu, nhưng tỏ ra biết bao vinh hiển cho đời sống của một người hết lòng vì danh Chúa và vì dân Chúa. Chúa đã không quên cả một dân tộc lớn lao, và Chúa cũng đã nhớ đến một con người có tên là nhỏ bé nhưng yêu mến Ngài để thưởng cho họ.